

S. MAUGHAM



ua



NHA XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

NHỮNG TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

S. Maugham



MƯA

Người dịch
NGUYỄN VIỆT LONG

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Giên

Tôi nhớ rất rõ cái dịp đầu tiên tôi gặp Giên Phaulơ. Sở dĩ như thế chỉ vì những chi tiết của cái cảm tưởng thoáng qua của tôi về bà rõ rệt đến mức tôi hoàn toàn tin tưởng ở trí nhớ của mình, cho nên khi ngẫm lại tôi phải thú nhận là thật khó mà tin rằng nó lại không chơi khăm tôi một vố tài tình nào đó. Dạo ấy tôi mới từ Trung Quốc về lại Luân Đôn và đến nhấp trà ở nhà bà Tauơ. Bà Tauơ đã bị hút vào cái đam mê bài trí đang phát triển và với cái cung cách thăng tay của phái nữ, bà đã hy sinh bộ ghế bà đã ngự tọa hàng bao năm, hy sinh những bàn, những tủ, những đồ trang biện mà cặp mắt bà vẫn dừng lại một cách tĩnh tại trên chúng kể từ thuở bà bước chân đi lấy chồng, hy sinh những bức tranh quen thuộc với bà gần cả một đời và phó mặc cho bàn tay của một chuyên gia bài trí. Chẳng còn lại một tí gì thuở trước trong gian phòng khách mà bà có biết bao kỷ niệm, căn phòng gắn với bao nhiêu tình cảm. Hôm ấy bà mời tôi đến để chiêm ngưỡng cái cảnh hào hoa đúng mốt mà giờ đây bà đang tăm minded

trong đó. Những gì có thể bắt chước được theo lối tranh cổ thì đã được bắt chước, còn những gì không bắt chước được thì được tô vẽ lên. Chẳng có gì là tương xứng với nhau, nhưng được cái mọi thứ đều hòa hợp.

- Ông còn nhớ những đồ đặc quẻ kệch trong phòng khách này trước kia không? - Bà Tauơ hỏi.

Rèm che lộng lẫy mà nhã, ghế đi vãng phủ lớp vải thêu kim tuyến Ý, cái ghế mà tôi đang ngồi cũng có kiểu thêu *petit point*⁽¹⁾. Căn phòng đẹp, phong phú mà không lòe loẹt, độc đáo mà không mâu mè, ấy vậy mà tôi vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì. Trong lúc ngoài miệng thì khen còn trong thâm tâm tôi tự hỏi tại sao tôi lại ưa cái thứ vải hoa khá cũ sờn phủ trên bộ đồ đặc mèng mèng ưa những bức tranh thuốc nước thời Victoria⁽²⁾ mà tôi đã quen mắt từ lâu lắm rồi, và cái đồ sứ Đrexđen ngộ ngộ vẫn từng trang điểm cho cái bộ lò sưởi hơn nhiều. Tôi không rõ cái gì là cái tôi thấy thiếu trong tất cả những gian buồng này, nơi mà những đồ trang hoàng được trưng bày qua một kỹ nghệ ăn tiền như vậy. Có phải là cái hồn không? Thế nhưng bà Tauơ nhìn quanh rất mẫn nguyện.

- Ông có thích chùm đèn bằng thạch cao Alébat kia không? - Bà nói. - Nó tỏa ánh sáng dịu dàng ghê!

- Tôi vốn ưa cái sáng trong rõ mặt hơn, - tôi mỉm cười đáp.

⁽¹⁾ Petit point (tiếng Pháp): mũi nhỏ.

⁽²⁾ Victoria: Nữ hoàng Anh (1819 - 1901) trị vì từ 1837 đến 1901.

- Thế thì khó gắn cái ưa áy với thứ ánh sáng trong không rõ mặt cho lăm như thế này, - bà Tauơ cười.

Tôi không có khái niệm về tuổi tác của bà. Khi tôi còn bé thì bà đã là một phụ nữ có chồng hơn tuổi tôi khá nhiều, nhưng bây giờ thì bà đối xử với tôi như đối với người cùng lứa. Bà vẫn thường bảo rằng bà chẳng phải giấu giếm gì cái tuổi tứ tuần của bà, rồi bà mỉm cười mà thêm rằng đàn bà ai cũng nói giảm đi đến năm tuổi. Bà chẳng bao giờ tìm cách lảng tránh việc bà nhuộm tóc (nó màu nâu khá hay, có điểm xuyệt ít sắc đẻ) bà bảo bà làm thế là vì khi đang bắt đầu hoa râm tóc trông gớm lăm, hễ khi nào tóc bà ngả bạc hẵn bà sẽ thôi nhuộm.

- Lúc ấy người ta sẽ bảo tôi có khuôn mặt trông trẻ lăm ấy chứ!

Tuy nhiên bây giờ nó được nhuộm khá cẩn thận, còn đôi mắt bà tinh anh thế kia cũng nhờ không ít ở mỹ trang. Bà thuộc loại đàn bà đẹp, ăn mặc diêm dúa, và trong ánh đèn thạch cao Alébat mờ mờ kia trông bà không già hơn cái tuổi bốn mươi mà bà tự nhận lấy một ngày.

- Chỉ có ở bên cái bàn trang điểm tôi mới phải hứng chịu ánh sáng trần trụi của ngọn đèn điện ba mươi hai nến⁽¹⁾ - Bà cười cay đắng mà chua thêm: - Đấy, tôi cần nó để nói cho tôi biết cái sự thật ghê gớm để rồi tôi có thể áp dụng những bước cần thiết sửa sang lại hình dáng.

⁽¹⁾ Nến: đơn vị đo cường độ ánh sáng.

Chúng tôi vui vẻ nói chuyện tào lao về bạn bè chung, và bà Tauor đưa tôi vào cuộc với những chuyện xáo động nóng hỏi kỳ này. Sau khi đã lận đận đây đó, thật là khoan khoái khi tĩnh tọa trên ghế êm ám, lửa cháy sáng rực trong lò sưởi, bộ đồ pha trà tuyệt mỹ đặt trên cái bàn cũng tuyệt mỹ và chuyện trò với người đàn bà hóm hỉnh, hấp dẫn này. Bà ta đối đãi với tôi như với một đứa con hoang toàng đã phải nuốt cả vỏ trấu nay đã trở về⁽¹⁾ và tỏ ra rất bao dung với tôi. Bà vẫn hãnh diện về những bữa tiệc vui vẻ của mình, bà lo cho khách khứa ngồi đúng ngôi thứ cũng không kém phần bận rộn so với việc cung cấp các món cao lương mỹ vị cho họ, và chẳng có mấy ai lại không xem đó như là cái cách đối đãi tương xứng với họ. Lần này bà đã hẹn dịp và hỏi xem tôi thích gặp gỡ với ai.

- À mà có một điều tôi phải nói để ông rõ. Nếu Giên Phaulor còn ở đây thì tôi sẽ phải hoãn lại.

- Giên Phaulor là ai thế? - Tôi hỏi.

Bà Tauor nở nụ cười buồn bã.

- Giên Phaulor là cái nợ cho tôi.

- Ô!

- Ông có nhớ cái tấm ảnh tôi vẫn để trên chiếc pianô hồi trước khi sửa sang lại căn buồng không?

⁽¹⁾ Mượn tích trong Kinh thánh (Luke 15.11-32) nói về một đứa con hoang toàng sau khi phung phí tài sản và chịu nhiều đau khổ, lận đận, kể cả việc phải ăn trấu, đã hồi hận quay trở về căn nhà của cha mẹ.

Giê

Tâm ảnh người đàn bà mặc bộ váy áo chật cẳng, ống tay cũng chật cẳng, cổ đeo hình trái tim vàng mà tóc xõa từ trên cái trán rộng xuống, tai chĩa ra, lại có cặp kính trên mũi ấy. Đấy chính là Giên Phaulơ.

- Trong phòng này, hồi chưa sửa, có nhiều ảnh lăm, - tôi nói một cách mơ hồ.

- Cứ nghĩ đến mà rùng mình. Tôi đã xếp chúng thành một bó to tướng gác lên mái rồi.

- Được, thế Giên Phaulơ là ai thế? - Tôi vừa cười vừa hỏi.

- Cô ấy là em chồng tôi. Cô ấy lấy một chủ xưởng ở miền Bắc. Cô ấy góa chồng đã lâu và sống rất sung túc.

- Thế thì sao bà ấy lại là cái nợ cho bà?

- Cô ấy bệ vệ, cô ấy ăn mặc lèch tha lèch thêch, lại quê mùa nữa. Cô ấy trông già hơn tôi đến hai mươi tuổi mà lại cứ bô bô với bất kỳ ai cô ấy gặp là chúng tôi cùng học với nhau. Cô ấy thiết tha với thân thích ruột rà lăm, mà vì tôi là chỗ ruột thịt nhất còn sống nên cô ấy rất quý tôi. Mỗi khi về Luân Đôn thì không bao giờ cô ấy nghĩ đến chuyện ở nơi nào khác ngoài ở đây - Cô ấy cho rằng nếu làm thế thì sẽ xúc phạm đến tình cảm của tôi - và cô ấy thường ở chơi chỗ tôi độ ba bốn tuần. Chúng tôi ngồi đây này, cô ấy thì đan và đọc sách. Đôi khi cô ấy cố nèo tôi đi ăn ở khách sạn Claritgio cho bằng được. Trông cô ấy cứ như bà ở ấy, mà những người tôi không muốn để họ trông thấy thì lại ngồi ngay gần bên cạnh. Về nhà cô ấy nói là cô ấy thích tặng tôi món quà nhỏ. Cô ấy

tự tay làm cho tôi những ấm giò mà tôi buộc lòng phải dùng khi cô ấy còn ở đây và những cái khăn lót cùng vật trang trí đặt giữa bàn ở phòng ăn.

Bà Tauơ ngừng lại để thở.

- Tôi cứ nghĩ một người phụ nữ lịch duyệt như bà chắc sẽ tìm được cách xử sự trong trường hợp như thế.

- Ấy ông chưa hiểu đấy, tôi không có được một cơ hội nào cả. Cô ấy quá đỗi là tốt. Cô ấy có một tấm lòng vàng. Cô ấy làm tôi ngán chết đi được, nhưng tôi không được hé ra tí gì khiến cô ấy sinh nghi.

- Khi nào bà ấy lại đến?

- Ngày mai.

Nhưng câu trả lời chỉ vừa mới ra khỏi miệng bà Tauơ thì tiếng chuông đã vang lên. Có tiếng chân thình thịch trong phòng, và trong khoảnh khắc người quản gia đã mở cửa cho một bà luống tuổi bước vào.

- Bà Phaulo, - anh quản gia loan báo.

- Giên! - Bà Tauơ kêu lên và đứng phắt dậy - Nào có ai ngờ cô lại tới hôm nay!

- Anh quản gia của chị vừa mới nói cho em biết. Em đã nói rõ trong thư là hôm nay mà!

Bà Tauơ lấy lại trí khôn.

- Ô! Mà chẳng hề gì. Tôi lúc nào cũng sung sướng được cô tới chơi. May quá, tối nay tôi không phải bận gì cả.

- Chị đừng để vì em mà phải phiền hà. Em chỉ cần một quả trứng luộc để ăn tối là xong thôi mà.

Một cái nhẫn mặt nhè nhẹ trong giây lát đã làm méo xệch những đường nét đẹp đẽ của bà Tauơ. Một quả trứng luộc!

- Ồ, tôi nghĩ là ta có thể làm được món gì hơn thế chứ?

Tôi thầm bật cười khi nhớ ra là hai bà băng tuổi nhau. Bà Phaulơ trông mèng ra cũng năm mươi lăm. Bà có thân hình khá to, bà đội cái mũ rơm đen vành rộng, có cái quai màu đen treo vắt phía trên vai, cái áo khoác là sự kết hợp kỳ cục giữa vẻ nghiêm túc và sự nhắng nhít, áo váy đen và dài, dày bình bịch như thế bà mặc mấy lớp áo lót bên trong và đeo ủng chắc mập. Chắc chắn là bà bị cận thị, bởi vì bà nhìn qua cái kính gọng vàng to khổ.

- Cô làm một chén trà nhé? - Bà Tauơ mời.

- Nếu không phiền chị nhiêu lăm. Để em cởi cái áo khoác ra đã.

Bà lột tất tay ra trước tiên, rồi mới cởi áo khoác. Quanh cổ bà là một dây chuyền vàng nặng, dưới lủng lẳng một hình trái tim vàng to bản trong đó có tấm hình mà tôi cầm chắc là ảnh của người chồng đã quá cố của bà. Sau đó bà bỏ mũ ra và đặt nó gọn gàng vào góc ghế đi văng cùng với tất tay và áo khoác. Bà Tauơ bặm môi. Dĩ nhiên chõ quần áo kia không được hòa hợp lắm với cái vẻ đẹp chân phương mà lông lẫy của phòng khách đã được trang hoàng lại của bà Tauơ. Tôi băn khoăn không biết bà Phaulơ kiém đâu ra trên đời này bộ trang phục lạ thường kia. Thật phải kinh ngạc khi thấy cánh thư may bảy

giờ vẫn còn tạo ra những thứ mà người ta không mặc đến đã một phần tư thế kỷ nay. Mái tóc hoa râm của bà Phaulo được chải bằng, để hở ra cả bộ trán và đôi tai của bà với một đường ngôi ở chính giữa. Chắc chắn là nó chưa bao giờ biết đến cái kẹp tóc của ông Macxen⁽¹⁾. Lúc này mắt bà đang hướng xuống cái bàn pha trà với cái ấm bằng bạc thời Gioocgio⁽²⁾ và những cái tách sứ Utxtor⁽³⁾.

- Thế chị làm gì với cái ấm giờ em cho chị cái dạo đến đây lần cuối ấy, chị Mariôn? - Bà hỏi - Chị không dùng nó à?

- Có đây, tôi dùng nó hàng ngày, cô Giên ạ. - Bà Tauor đáp liền lầu. - Rủi quá hôm nọ tôi làm cháy mất.

- Cái cuối cùng em cho chị lại cháy nốt rồi à?

- Tôi e là cô lại nghĩ chúng tôi chẳng cần thận gì cả.

- Cũng chả thành vấn đề - bà Phaulo mỉm cười - Em săn lòng làm cho chị cái khác thôi mà. Ngày mai em sẽ đi cửa hàng Tự do⁽⁴⁾ mua lụa.

Bà Tauor giữ bộ mặt can đảm.

- Tôi chẳng xứng đáng đâu, cô biết đấy. Bà vợ cha sở chõ cô có cần một chiếc không?

⁽¹⁾ Macxen Gratô (1852 - 1936): thợ làm dầu nổi tiếng người Pháp.

⁽²⁾ Thời Gioocgio: thời đại trị vì của bốn ông vua Anh: Gioocgio I (1714-1727), Gioocgio II (1727-1760), Gioocgio III (1760-1820) và Gioocgio IV (1820-1830).

⁽³⁾ Utxtor (Woorcestér): một thành phố nhỏ miền trung du phía Tây nước Anh, nổi tiếng về đồ sứ.

⁽⁴⁾ Cửa hàng Tự do chuyên bán đồ lụa phương Đông, ở phố Nhiếp chính, phía đông công viên Haiđơ.

Giên

- Ô, em mới làm cho bà ấy một chiếc rồi, - bà Phaulơ hồn hởi đáp.

Tôi nhận thấy khi cười, bà phô hàm răng trắng, nhỏ và đều. Chúng quả thực là đẹp. Nụ cười của bà cũng rất ngọt ngào. Nhưng tôi cảm thấy đã đến lúc phải rút lui để cho hai bà hàn huyên với nhau, thế là tôi cáo từ.

Sáng sớm hôm sau bà Tauơ gọi điện cho tôi, và qua giọng nói của bà, tôi thấy ngay là bà đang phấn chấn.

- Tôi có một tin cực kỳ lý thú cho ông đây, - bà nói. - Giên sắp sửa đi lấy chồng!

- Vô lý!

- Vì hôn phu của cô ấy sẽ tới ăn tối ở đây để ra mắt tôi, nên tôi muốn ông cũng đến.

- Ấy chết, thế tôi lại đâm quấy quá các vị.

- Không đâu. Chính cô Giên cũng bảo tôi mời ông. Ông đến nhé!

Bà ta cười khúc khích.

- Anh ta là ai?

- Tôi không rõ. Cô ấy nói anh ta là một nhà kiến trúc. Ông có tướng tượng được là Giên lấy loại người như thế không?

Tôi chẳng bận việc gì cả và có thể phó cho bà Tauơ dãi tôi một bữa ngon lành.

Khi tôi đến thì bà Tauơ rất lộng lẫy trong chiếc áo dài hơi trẻ quá so với tuổi bà, đang ngồi một mình.

- Giên đang trang điểm một tí tẹo nữa là xong.

Tôi đang mong ông đến mà xem cô ấy. Cô ấy cứ xốn xang cả lên. Cô ấy bảo anh kia say cô lấm. Anh ta tên là Ginbót và khi kể về anh ta thì giọng Giên cứ run run buôn cười lấm. Thật tôi chỉ muốn phá lên cười.

- Không hiểu anh ta nom thế nào nhỉ?

- Chao, tôi chắc là hình dung ra thôi. Rất to, nặng bình bịch này, đầu hói và có dây xích vàng to tổ bố quanh cái bụng vĩ đại này. Mặt thì đỏ, to, mập, mày râu nhẵn nhụi này, giọng nói thì oang oang này.

Bà Phaulơ đi vào. Bà mặc cái áo dài lụa màu đen cứng đơ với cái váy rộng, đuôi dài lê thê. Ở chõ cổ nó xé thành cái hình chữ V bén lẽn, còn ống tay thì xuôi xuống đến khuỷu. Bà đeo cái dây kim cương bọc bạc. Tay bà đi đôi găng đen, dài, cầm cái quạt bằng lông đà điểu màu đen. Bà đã thành công (như khá ít người làm được như vậy) trong việc làm cho bà có sao thì trông ra vậy. Bạn không bao giờ có thể nghĩ bà là cái gì khác trên đời này ngoài một bà quả phụ đáng kính của một chủ xưởng dư dật xứ nông thôn miền Bắc.

- Cô có cái cổ đẹp quá, cô Giên ạ, - bà Tauơ cười xởi lởi.

Cái cổ quả thật nom trẻ đến kinh ngạc khi bạn so nó với khuôn mặt phôi pha sương gió của bà. Nó mịn, không đường nếp mà da thì trắng. Tôi lại còn nhận thấy lúc đó là đầu bà được đặt rất khớp trên đôi vai.

- Chị Mariôn đã nói cho ông biết tin vui của tôi chưa? - Bà vừa nói vừa quay sang tôi với nụ cười thực duyên dáng như thể chúng tôi là bạn tri kỷ của nhau.

- Tôi xin chúc mừng bà, - tôi nói.
- Hãy đợi đến lúc ông trông thấy người yêu của tôi đã.
- Nghe cô nói về người yêu của mình, tôi thấy sướng cái tai quá, - bà Tauor mỉm cười.

Cặp mắt bà Phaulo ánh lên rõ ràng sau cái mục kính trái khoáy của bà.

- Đừng tưởng anh ấy già quá. Chị chả không muốn cho em vớ phải một đức ông chồng già lụ khụ gần kề miệng lỗ là cái gì, phải không chị?

Đó là lời báo trước duy nhất mà chúng tôi nhận được. Chẳng còn thì giờ nào mà bàn luận nữa, bởi vì người quản gia đã mở toang cửa ra và dõng dạc cất giọng.

- Ông Ginbot Napiê.

Rồi một thanh niên trong bộ áo vét buổi tối rất khéo cắt tiến vào! Anh ta mảnh người, không cao lăm, tóc màu sáng có một chút lượn sóng tự nhiên, râu ria cạo nhẵn và có đôi mắt màu xanh. Anh ta không điển trai lấm nhưng có khuôn mặt dễ chịu, đáng yêu. Độ mươi năm nữa chắc da anh ta sẽ nhẵn và tái đi, nhưng bây giờ còn đang thì trai trẻ, anh ta tươi tắn, vừa mượt mà vừa xuân sắc. Bởi anh ta chắc chắn không thể quá cái tuổi hăm tư. Ý nghĩ đầu tiên trong tôi là đây hẳn là con trai vị hôn phu của Giên Phaulo (tôi không biết anh ta đã góa vợ) đến để báo rằng cha anh ta không tới dự bữa được vì một cơn thống phong bất thần. Nhưng mắt anh ta hướng

ngay vào bà Phaulø, mắt sáng lên và anh ta tiến lại phía bà hai tay dang rộng. Bà Phaulø cũng dang vòng tay ra với anh ta, một nụ cười e ấp hiện trên môi và bà quay sang bà chị dâu.

- Đây là người yêu của em, chị Mariôn à, - bà nói.

Anh ta đưa tay ra.

- Em hy vọng chị sẽ hài lòng với em, thưa chị Tauø - anh ta nói. - Giên có bảo với em rằng chị là người thân thích duy nhất còn lại.

Nom mặt bà Tauø thật là kỳ diệu. Phải nói tôi phục lăn sao mà một nền nếp giáo dục tốt và thói quen xã giao có thể giao tranh một cách dũng cảm như thế với bản năng tự nhiên của một người đàn bà. Sự sững sờ và tiếp theo là sự thảng thốt trong giây lát mà bà không thể giấu được đã nhanh chóng biến đi, mặt bà biến thành một biểu hiện niềm nở ân cần. Nhưng rõ ràng là bà bị cấm khẩu. Thật không có gì khó hiểu nếu Ginbot có cảm thấy ít nhiều hoang mang, còn tôi thì quá mải giữ cho mình khỏi bật cười nên không góp được lời nào. Chỉ mỗi mình bà Phaulø là hoàn toàn giữ vẻ thản nhiên.

- Em biết chị sẽ hài lòng với anh ấy, chị Mariôn à. Không có ai biết thường thức món ăn ngon hơn anh ấy. - Bà quay sang người yêu. - Các bữa ăn của chị Mariôn có tiếng lắm.

- Tôi biết, - anh ta tươi cười.

Bà Tauø đáp dăm lời liền thoảng rồi chúng tôi xuống dưới nhà. Tôi thật khó quên tần hài kịch vô song của

bữa ăn hôm ấy. Bà Tauơ băn khoăn không biết cắp tình nhân đang muốn đùa dai với bà hay là Giên cố ý giấu tuổi vị hôn phu của mình để hòng làm bà đâm ngô nghê. Nhưng Giên không biết trêu ai bao giờ và không thể bày trò chơi khăm được. Bà Tauơ bị kinh ngạc, phát bức và bối rối. Nhưng bà đã lấy lại được tự chủ và không gì làm bà quên được rằng bà là chủ nhân tuyệt hảo có bốn phận chủ trì bữa liên hoan. Bà chuyện trò sôi nổi, nhưng tôi tự hỏi không biết Ginbot Napiê có trông thấy ánh mắt khó dỗi dăm và hân hận dắng sau cái mặt nạ thân thiện mà bà hướng vào anh ta hay không. Bà đang xét nét anh. Bà đang tìm cách lặn vào trong tận đáy lòng anh. Tôi nhận thấy bà đang bị phản khích vì dưới lớp phản hồng, má bà rực lên màu đỏ tức tối.

- *Mặt chị hồng hào quá, chị Mariôn à,* - Giên nói, mắt âu yếm nhìn bà chị; qua cắp kính tròn to.

- *Tôi trang điểm vội quá. Chắc tôi thoa quá nhiều phấn hồng.*

- Ô, phản hồng đấy à? Em cứ tưởng là màu tự nhiên. Chị không nói thì em không tài nào nhận ra. - Bà tặng Ginbot nụ cười mỉm rụt rè. - Mình có biết không, tôi và chị Mariôn cùng học phổ thông với nhau đấy. Chắc trông hai chị em bây giờ mình chẳng đời nào nghĩ thế, mình nhỉ? Tất nhiên vì tôi đã sống một cuộc đời êm lặng quá.

Tôi không biết bà nói thế là ngụ ý gì, thật gần như không thể tin nổi là bà nói điều ấy ra với một sự chân

chất hoàn toàn, nhưng dù sao chẳng nữa những lời ấy chọc đúng bà Tauơ, làm cơn thịnh nộ vỡ ra và bà Tauơ trút nốt sự hờn hĩnh đi. Bà cười rạng rỡ.

- Nhìn chị em mình, chẳng ai nghĩ đến cái tuổi năm mươi, cô Giên nhỉ, - bà nói.

Nếu cái nhận xét ấy nhầm quát vào bà quả phụ kia thì nó đã tai công.

- Gìn bớt bảo là vì anh ấy, em không được nói quá bốn mươi chín tuổi, - bà đáp dịu dàng.

Tay bà Tauơ khẽ run lên, nhưng bà đã tìm được lời trả miếng.

- Thế ra cô chú lệch tuổi nhau cũng kha khá đây nhỉ, - bà mỉm cười.

- Hai mươi bảy tuổi, - Giên nói. - Chị có nghĩ là quá nhiều không? Gìn bớt nói là em rất trẻ so với tuổi. Em đã bảo với chị là em đời nào chịu lấy một ông chồng gần kề miệng lồ mà.

Tôi phát phì cười, Gìn bớt cũng cười. Cái cười của anh ta cởi mở và trẻ con. Cứ như thể cái gì mà Giên nói ra cũng làm anh ta buồn cười. Bà Tauơ gần như hết chịu nổi, và tôi lo là nếu không làm nhẹ bớt thì chỉ tich tắc nữa bà sẽ quên phắt ngay mình thuộc giới phụ nữ thương lưu. Tôi dồn hết sức ra cứu vãn tình thế.

- Chắc ông bà bạn sắm sửa đồ cưới lăm nhỉ? - Tôi góp vào.

- Không. Tôi thì muốn may sắm ở ngay cái hiệu may ở Livorun chõ tôi vẫn sống kể từ khi lấy chồng

lần đầu đến giờ. Nhưng Ginbot không cho. Anh ấy tài ba lắm, tất nhiên là anh ấy có cái gu tuyệt diệu.

Bà nhìn anh với cái cười nụ đầm thắm, e ấp, như một thiếu nữ mười bảy. Mặt bà Tauơ trắng bệch dưới lớp son phấn.

- Chúng tôi sửa soạn cho tuần trăng mật ở Italia. Ginbot chưa có dịp nghiên cứu kiến trúc thời Phục Hưng, cho nên xem xét tận mắt là điều quan trọng đối với một nhà kiến trúc. Chúng tôi sẽ dừng chân ở Pari và sẽ may sắm tại đây.

- Ông bà đi có lâu không?

- Ginbot đã thỏa thuận với cơ quan là nghỉ sáu tháng. Anh ấy thích lắm, phải không nào? Trước kia anh ấy chưa bao giờ nghỉ lấy hơn nửa tháng.

- Sao lại chưa? - Bà Tauơ hỏi bằng cái giọng băng giá mà không nỗ lực nào của ý chí kìm nổi.

- Anh ấy chưa bao giờ có điều kiện, thật tội!

- À! - Bà Tauơ dồn âm lượng vào thốt ra.

Cà phê được dọn ra và hai bà đi lên gác. Tôi và Ginbot bắt chuyện với nhau một cách dông dài hệt như những người chẳng biết nói gì với nhau vẫn thường chuyện trò, nhưng mới được hai phút thì người quản gia đã đưa lại cho tôi một mảnh giấy của bà Tauơ. Lời lẽ như thế này:

"Ông lên gác mau và rồi về ngay càng sớm càng tốt. Rủ anh ta theo. Nếu tôi không làm cho ra nhẽ với Giên ngay bây giờ thì tôi phát điên lên mất".

Tôi chọn một lời nói dối dễ chấp nhận.

- Bà Tauơ đau đầu muốn đi nằm. Nếu ông không phản đối thì tốt hơn hết là ta nên cáo từ.

- Hắn thế, - anh ta đáp.

Chúng tôi lên gác và năm phút sau đã ở ngoài cửa.

Tôi gọi một chiếc tăcxì và mời anh ta lên.

- Ấy không, xin cảm ơn ông, - anh ta đáp, - tôi đi bộ ra góc kia nhảy xe buýt thôi mà.

*

Bà Tauơ mở màn cho cuộc xung đột khi chỉ vừa nghe thấy tiếng cửa trước đóng lại sau lưng chúng tôi.

- Cô điên đấy à, cô Giên? - Bà gào lên.

- Không điên hơn đa số những người không quen sống trong nhà thương tâm thần, em tin vậy. - Giên trả lời mềm mỏng.

- Tôi có thể hỏi cô là tại sao cô lại định đi lấy cái anh chàng thanh niên ấy được không? - Bà Tauơ hỏi với vẻ lịch duyệt dẽ sợ.

- Một phần vì anh ấy không muốn nghe câu trả lời *không!* Anh ấy dám hỏi em đã năm lần. Em đến phát ớn lên về việc từ chối.

- Thế cô nghĩ tại sao anh ta lại sốt sắng muốn lấy cô làm vậy?

- Em làm anh ấy buồn cười.

Bà Tauơ thở ra sự chán chường.

- Anh ta là đồ ba que xổ lá. Tôi chỉ trông mặt là coi như bắt được hình dong rồi.

- Chị có thể lầm, và lại nói thế chăng lịch sự gì cho lầm.

- Anh ta không một xu dính túi, còn cô thì giàu. Cô không thể ngu ngốc đần độn đến mức không nhận ra anh ta lấy cô là vì tiền của cô.

Giên vẫn bình tĩnh như không. Bà điềm nhiên quan sát sự kích động của bà chị dâu.

- Em không nghĩ thế, chị ạ - bà đáp, - em nghĩ là anh ấy rất thích em.

- Cô đã nhiều tuổi rồi, cô Giên!

- Cũng đúng bằng tuổi chị, chị Mariôn ạ, - bà mỉm cười.

- Tôi không bao giờ lại thả mình như thế. Tôi rất trẻ so với tuổi. Không ai nghĩ là tôi ngoài bốn mươi. Ấy thế mà tôi còn không mơ lấy một anh chàng trẻ hơn mình hai mươi tuổi nữa là.

- Hai mươi bảy tuổi, - Giên sửa lại.

- Có phải cô định bảo với tôi là cô dám cả tin rằng một thằng trai tơ để ý đến một người đàn bà đáng tuổi mẹ mình là chuyện có thể xảy ra không?

- Em sống rất nhiều năm ở nông thôn. Em dám khẳng định là còn rất nhiều cái về bản chất con người mà em chưa biết. Người ta bảo có một ông tên là Phrót⁽¹⁾ người Áo, em tin rằng...

Nhưng bà Tauor đã cắt ngang không một chút lịch sự nào cả.

⁽¹⁾ Xichmun Phrót (1856 - 1939): nhà tâm lý học và thần kinh học người Áo, đã lập ra phân tâm học rất thịnh hành ở phương Tây.

- Đừng dở dần, cô Giên, chẳng còn ra thể thống gì nữa. Thật là vô duyên. Tôi cứ nghĩ cô là người biết phải trái. Thật có đời thuở nào tôi lại có thể nghĩ là cô đi mê một thằng trẻ ranh đến thế.

- Nhưng em không mê anh ta. Em đã nói với Ginbot điều đó. Tất nhiên, em rất thích anh ấy, nếu không em đã không nghĩ đến chuyện cưới xin. Em nghĩ cứ nói thẳng những tình cảm của mình đối với anh ấy thì chỉ có tốt thôi.

Bà Tauơ đứng dậy rầm rật lên đầu và hơi thở đè nặng lên bà. Bà không có cái quạt nào cả, bà bên vó lấy tờ báo buổi tối quạt phành phạch.

- Nếu cô không mê anh ta thì tại sao cô lại muốn lấy anh ta?

- Em góa chồng đã lâu và em đã sống một cuộc đời rất tẻ lặng. Có lẽ em muốn thay đổi.

- Nếu cô muốn lấy chồng chí để mà có chồng thì tại sao cô lại không lấy người cỡ tuổi cô?

- Chẳng có người đàn ông nào cỡ tuổi em hỏi dạm em đến năm lần. Quả thật không có người đàn ông nào cỡ tuổi em hỏi em hết cả.

Giên cười khúc khích khi trả lời. Điều ấy đẩy bà Tauơ lên đến tột cùng của cơn khùng.

- Đừng cười, cô Giên. Tôi không chịu được. Chắc đầu óc cô không còn biết suy xét gì nữa. Khiếp thật.

Toàn bộ sự việc vượt quá sức chịu đựng của bà Tauơ và bà òa lên khóc. Bà biết ở tuổi bà khóc là tai

hai lăm, mắt bà sê sưng húp lên cả một ngày đêm nom gớm chết được. Nhưng nào có dừng được. Bà khóc. Còn Giên vẫn bình lặng như không. Bà nhìn bà chị Mariôn qua cắp kính to và theo phản xạ, tay bà ve vuốt vạt áo dài băng lụa đen.

- Cô rồi sẽ khổ sở vô chừng cho mà xem - Bà Tauơ sút sút tay chấm lên mặt cẩn thận để lớp tó màu đen trên lông mày khỏi bị nhòe.

- Em không nghĩ thế đâu, chị ạ - Giên trả lời bằng cái giọng băng phẳng, ôn hòa của mình, dường như có tiếng cười nụ đằng sau lời nói. - Chúng em đã bàn đi tính lại rất kỹ rồi. Em luôn nghĩ em là người rất dã tính, ai sống với em cũng được. Em nghĩ mình sẽ làm cho Ginbót rất hạnh phúc và thoái mái. Anh ấy chưa có ai để săn sóc đến nơi đến chốn. Chúng em chỉ lấy nhau sau khi suy ngẫm đã chín. Với lại chúng em đã quyết định là nếu một người muốn được tự do thì người kia không được干涉 đường.

Bà Tauơ lúc này đã đủ tỉnh táo trở lại để đưa ra một nhận định sắc sảo.

- Thế anh ta xui cô trích cho anh ta một khoản tiền bao nhiêu?

- Em muốn đưa cho anh ấy một ngàn mỗi năm, nhưng anh ấy không chịu. Anh ấy rất bức khi em đề xuất điều đó. Anh ấy bảo có thể tự kiếm đủ sống.

- Anh ta ma lanh hơn tôi tưởng, - bà Tauơ nói ác.

Giên ngừng lại một chút rồi nhìn chị dâu băng cắp mắt tử tế nhưng kiên quyết.

- Chị thân yêu ạ, đây chị xem, với chị lại là chuyện khác, - bà nói, - chị có phải ở góa quá lâu thế này đâu?

Bà Tauơ nhìn Giên. Bà hơi đỏ mặt. Bà còn cảm thấy ít nhiều khó xử nữa là khác. Lê dĩ nhiên Giên quá chất phác, đâu biết nói cạnh. Bà Tauơ dồn sức lấy lại vẻ đe dọa.

- Tôi thấy khó chịu trong người quá. Có lẽ phải đi nǎm thôi, - bà nói, - sáng mai ta lại tiếp tục câu chuyện.

- Em sợ thế thì không được tiện dịp cho lăm, chị Mariôn thân mến ạ. Em và Ginbot định sáng mai đi đăng ký...

Bà Tauơ vung hai tay lên tỏ cử chỉ chán nản, nhưng bà cũng không tìm ra được lời nào để nói thêm.

❖

Lẽ thành hôn diễn ra ở phòng đăng ký kết hôn. Bà Tauơ và tôi là những người chứng kiến. Ginbot trong bộ com-plê xanh lơ thanh nhã nom trẻ quá đỗi, anh lộ rõ sự hồi hộp. Đây là giây phút thử thách đỗi với bất cứ người đàn ông nào. Chỉ có Giên là vẫn giữ vẻ điềm tĩnh đáng phục của bà. Chắc bà đã quen với việc lấy chồng như các bà các cô thời thượng đài các. Chỉ mỗi một thoáng phớt hồng trên má bà ta là gợi lên dưới sự bình lặng kia có chút xíu xao xuyến. Đây là giây phút rộn ràng đỗi với bất cứ phụ nữ nào. Bà

vận chiếc áo dài tha thướt băng nhung màu xám bạc, mà qua đường may cắt, tôi đã nhận ra bàn tay của anh thợ may Livopun (trông rõ ra một quả phụ đúng mực nét na), người đã lo y phục cho bà bao năm nay. Nhưng bà đã không cưỡng lại được cái cảm dỗ phù phiếm của dịp này và chịu đội cái mũ lông chim đà điểu màu xanh. Lại thêm cái mục kính gọng vàng nên trông ngộ lạ thường. Khi thủ tục đã xong, người nhân viên giá thú, (theo tôi, có phần nào ngỡ ngàng vì sự chênh lệch tuổi tác của cặp vợ chồng) đã bắt tay cô dâu, chuyển lời chúc mừng đúng phép xã giao và chú rể, hơi đỏ mặt, đã hôn cô. Bà Tauơ, chịu nhún tuy vẫn không chịu khuất, cũng hôn cô. Rồi cô dâu nhìn tôi chờ đợi. Cố nhiên là tôi cũng sẽ phải hôn cô mới phải lẽ. Tôi hôn. Phải thú nhận là tôi có hơi ngượng ngập khi chúng tôi ra khỏi phòng đăng ký ngang qua lũ người vô công rồi nghề đang tráo đứng đợi để xem các cặp cô dâu chú rể, cho đến khi bước lên xe của bà Tauơ tôi mới thấy nhẹ người. Chúng tôi cho xe đến ga Victoria, vì đôi vợ chồng hạnh phúc kia phải đi Pari trên chuyến tàu hai giờ và Giên cứ nhất quyết bữa tiệc cưới phải được ăn ở tiệm ăn của nhà ga. Bà nói không ra sân ga sớm thì cứ bồn chồn làm sao ấy. Bà Tauơ có mặt chỉ vì cái ý thức sâu nặng về bốn phận của gia quyến, đã chẳng làm được mấy tí cho bữa ăn vui vẻ, bà không ăn gì cả (tôi chẳng dám trách bà khoản ấy, vì đồ ăn thức uống dở quá, với lại tôi cũng ghét uống sâm banh vào bữa trưa) và nói

chuyện một cách gượng gạo. Còn Giên thì rất tận lực với cái thực đơn.

- Tôi nghĩ phải làm một bữa thịnh soạn trước khi bắt đầu một chuyến đi - Bà nói.

Chúng tôi đưa tiễn họ, rồi tôi lái xe đưa bà Tauo về nhà.

- Ông tính thọ được bao lâu nào? - Bà nói. - Sáu tháng?

- Thì ta cứ mong cho sự việc tốt đẹp nhất, - tôi mỉm cười.

- Ông đừng có ngớ ngắn. Làm sao mà tốt đẹp được? Thế ông không nghĩ là gã lấy cô Giên chỉ vì tiền chứ chẳng vì cái gì khác à? Tất nhiên nó không thể kéo dài được. Cái hy vọng duy nhất của tôi là cô ấy sẽ không phải nếm trải nhiều đau khổ mà cô ấy đáng phải gánh chịu.

Tôi cười. Những lời nói nhân đức trên được thoát ra bằng giọng ít làm tôi bán tín bán nghi về cái ngụ ý của bà Tauo.

- Phải, nếu nó không kéo dài, bà sẽ khoan khoái mà nói rằng: "Tôi đã bảo cô mà". - Tôi nói.

- Tôi thè là không bao giờ làm thế.

- Thế thì bà sẽ mãn nguyện tự chúc mừng mình là đã tự chủ để không thoát ra câu "Tôi đã bảo cô mà".

- Cô ấy đã già thì chớ, lại lôi thôi lêch thêch và đần nữa.

- Bà tin chắc là bà ấy đần à? - Tôi nói. - Đúng là

bà ấy nói không nhiều lăm nhưng mỗi khi nói điều gì
thì rất đúng chỗ.

- Tôi cả đời chưa bao giờ nghe thấy cô ấy đùa
một câu nào.



Tôi lại sang Viễn Đông một lần khác nữa khi
Ginbort và Giên kết thúc kỳ trăng mật trở về, và lần
này tôi ở lại đây mất gần hai năm. Bà Tauor rất lười
thư từ nên dù tôi đã gửi cho bà một bức ảnh nhân
một dịp lễ tôi vẫn chẳng nhận được tin tức của bà.
Nhưng tôi gặp bà ngay trong tuần lễ đầu sau khi về
lại Luân Đôn, tôi đi ăn tiệc và bỗng nhận ra mình
ngồi cạnh bà. Đây là một hội tiệc khá đông, tôi có
cảm tưởng cứ như hầm tư chú chim đen ních thành
một lò trong cái bánh⁽¹⁾ và vì đến hơi muộn, tôi bị
ngỡ ngàng trước cái đám người mà tôi vào thành ra
không nhận ra ai. Nhưng rồi khi mọi người đã ngồi
xuống, nhìn quanh cái bàn dài tôi đã nhận ra có khá

⁽¹⁾ Mượn lời một điệu ru:

*Hát bài hát ba xu
Mạch đen dây túi nào
Hầm tư chú chim đen
Nướng trong bánh một lò
Khi mở cái bánh ra
Lũ chim cất tiếng ca
Phải món ngon đó mà
Dâng lên biếu vua cha?...*

nhiều người quen kẻ thuộc mà công chúng vẫn biết tiếng qua các tấm ảnh của họ trên họa báo. Bà chủ tiệc vốn mộ những người được gọi là các danh nhân, cho nên đây là một cuộc quần anh tụ hội nổi bật một cách khác thường. Khi bà Tauor và tôi đã trao đi đổi lại dăm câu thông thường mà người ta vẫn nói với nhau khi không gặp mặt đã một vài năm, tôi mới hỏi thăm Giên.

- Cô ấy rất khỏe, - bà Tauor nói với ít nhiều vẻ khô khan.

- Thế chuyện hôn nhân ra sao rồi?

Bà Tauor ngừng lại giây lát, xúc một quả hạnh đào ở cái đĩa trước mặt bà.

- Xem ra có chiêu rất mỹ mãn.

- Nghĩa là bà đoán lầm?

- Tôi đã nói là nó không thọ lâu và tôi vẫn nói là nó sẽ không thọ lâu. Vì nó trái với bản chất con người.

- Bà ấy hạnh phúc chứ?

- Cả hai vợ chồng đều hạnh phúc.

- Tôi đoán có lẽ bà không hay gặp họ thường xuyên cho lắm.

- Hồi đầu tôi gặp họ luôn. Còn bây giờ - bà Tauor hơi bận mội lại - Giên đang nổi đình nổi đám lắm.

- Bà *ngu ý* gì vậy? - Tôi cười.

- Tôi xin nói ông rõ là cô ấy cũng có mặt ở đây hôm nay.

- Ở đây?

Tôi sững sốt. Tôi nhìn quanh khắp bàn một lần nữa. Bà chủ tiệc của chúng tôi là người tinh tế và ý nhị, nên tôi không thể hình dung ra nổi là bà sẽ thích mời một người kiểu như cái bà đã xế tuổi và ăn mặc luộm thuộm, vợ một anh kiến trúc vô danh nợ tới dự tiệc. Bà Tauno thấy sự lúng túng của tôi và đùa sảo để hiểu tôi đang nghĩ gì trong đầu. Bà cười yếu ớt.

- Ông nhìn phía bên trái chủ nhân ấy.

Tôi nhìn. Khá là kỳ lạ, người đàn bà ngồi đó qua diện mạo kỳ khôi đã lôi cuốn sự chú ý của tôi ngay từ lúc tôi mở cửa bước vào phòng khách đông nghịt. Có lẽ tôi đã nhận thấy cái ánh mắt quen quen của bà, nhưng tôi chẳng tài nào tin được là đã gặp bà đâu đó trước kia. Bà không còn trẻ, vì tóc đã ngả màu muối tiêu, nó được cắt rất ngắn và kết chùm dày loăn xoăn bó lấy cái đầu cân đối. Bà không cố tình làm trẻ, điều này dễ nhận thấy ở chỗ bà không dùng son phấn gì cả. Mặt bà không phải đẹp đẽ gì cho lắm, lại đỏ hồng và trai sương gió, nhưng vì nó không cầu viện đến sự điểm trang nào nên có một vẻ tự nhiên rất dễ ưa. Nó tương phản lạ lùng với sự nôn nà của đôi vai. Đôi vai quả thực là đẹp. Một phụ nữ ở tuổi ba mươi cũng phải hanches khi có chúng. Áo dài của bà rất khác thường. Tôi chưa thấy cái nào táo tợn hơn. Nó được xẻ rất thấp, với cái váy ngắn dạo ấy đang mốt, màu đen xen vàng, nó gợi ấn tượng về trang phục mặc trong hội hóa trang và hợp với bà đến nỗi giá như ở người khác thì trông thật gớm ghiếc, nhưng ở bà nó

toát ra cái vẻ hồn nhiên bản hữu của tâm tính. Và để cho trọng vẹn cái cảm tưởng lập dị mà không màu mè và kỳ quặc mà không vây vo, bà còn đeo dính vào một dải băng đen to, một mắt kính độc nhất.

- Thế mà bà không cho tôi hay rằng đây là bà em chồng của bà, - tôi ngớ người ra.

- Đây là Giên Napiê - bà Tauơ lạnh lùng nói.

Đúng lúc ấy bà Napiê lên tiếng. Chủ nhân quay lại phía bà với nụ cười ướm sǎn. Một người đàn ông tóc bạc, đầu hói, có khuôn mặt sắc nét và thông minh, ngồi phía bên trái bà cũng háo hức rướn người về phía trước, còn một đôi ngồi đối diện cũng ngừng nhởn nhơ với nhau để chăm chú lắng nghe. Bà nói cái điều cần nói. Thế là tất cả mọi người đột nhiên ngả người ra ghế phá lênh cười rũ rượi. Phía bên kia bàn một ông hướng lại phía bà Tauơ, tôi nhận ra một chính khách nổi tiếng.

- Bà em chồng của bà lại làm một câu đùa nữa đây, thưa bà Tauơ, - ông ta nói.

Bà Tauơ mỉm cười.

- Cô ấy nhộn lấm phải không?

- Xin phép bà, tôi làm một chầu sâm banh dài rồi bà làm phúc kể cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện nhé, - tôi nói.

Và đây là câu chuyện tôi thu thập được. Đầu tuần trăng mật Ginbort đưa Giên đến đủ các hiệu may ở Pari. Anh không phản đối việc bà chọn một số "áo dài hợp với lòng bà", nhưng anh thuyết phục bà may

một hai "bộ cánh" theo kiểu anh tự vẽ. Đường như anh cũng có sở trường về khoản này. Anh thuê một cô đầy tớ người Pháp duyên dáng. Giên trước kia chưa bao giờ được biết cảnh ấy. Bà chăm chút cho mình và mỗi khi bà muốn "làm ngay tức khắc", bà đã học được thói quen bấm chuông gọi người hầu. Trang phục Ginbot chế ra rất khác với những thứ bà vẫn vận trước kia, nhưng anh cần thận không tiến quá xa vội, và thế là để làm vừa lòng anh, tuy không khỏi có thắc mắc, bà tự nhủ phải mặc một bộ đồ chồng thích hơn là mình thích. Dĩ nhiên không thể kèm những bộ áo dài ấy với bộ đồ lót dày bình bịch quen dùng trước kia, vậy là bà bỏ chúng đi tuy có mất những giây lát băn khoăn.

- Giờ thì, ông thử nghī mà xem, - bà Tauơ nói, vẻ rất giống như tiếng phì phì dè bỉu, - cô ấy chẳng mặc gì hết ngoài bộ đồ lụa chặt khít mỏng tang. Không rõ tại sao cô ấy không chết cong ở cái tuổi ngần ấy.

Ginbot và cô đầy tớ người Pháp dạy bà cách ăn mặc và thật không ngờ, bà rất chóng lanh hội. Cô đầy tớ cứ xuýt xoa tấm tắc hoài về cánh tay và đùi vai của bà chủ. Không phô bày vẻ đẹp ấy ra thì thật hoài của.

- Gượm chút nào, Anphōngxin - Ginbot bảo - Lô quần áo sau tôi sẽ vẽ kiểu làm sao tận dụng được cái ấy.

Mục kính nom cũng dở quá. Không ai deo kính gọng vàng trông thực đẹp được. Ginbot đã cho thử gọng bằng mai rùa. Anh lắc đầu.

- Một cô gái deo thì đẹp, - anh nói, - mình đã quá cái tuổi để deo nó rồi, Giên a.

Bất thân anh này ý hay.

- Ối chà chà, thôi được rồi. Mình sẽ mang một
mắt kính.

- Ô, Ginbot, tôi không mang được đâu.

Bà nhìn anh và cơn hưng khởi của anh, cơn hưng
khởi của một nghệ sĩ, làm bà mỉm cười. Anh yêu chiều
bà quá, khiến bà muốn làm những gì vừa ý anh.

- Tôi sẽ cố, - bà nói.

Họ đến cửa hàng kính chọn đúng cỡ, rồi khi bà
đặt mắt kính một cách vui nhộn lên mắt thì Ginbot
vỗ tay. Ngay lúc ấy, trước mặt người bán hàng đang
ngây ra, anh hôn lên cả hai má bà.

- Mình nom tuyệt lầm, - anh thốt lên.

Rồi họ sang Italia và dùng những tháng ngày hạnh
phúc để nghiên cứu kiến trúc Phục hưng và Baroque.
Giên không những quen dần với diện mạo mới của
mình mà còn đâm thích. Hồi đầu bà còn hơi rụt rè khi
đi vào phòng ăn của một khách sạn và dân tình quay
lại tròn mắt nhìn bà - trước kia chẳng ai nướn lấy một
cái lông mi lên nhìn bà - nhưng nay bà đã nhận ra sự
xáo động ấy không phải thuộc chiều hướng xấu. Các bà
đã tiến lại phía Giên và hỏi xem bà may quần áo ở đâu.

- Bà thích nó à? - Bà đáp e ấp. - Chồng tôi vẽ kiểu
cho tôi đây.

- Nếu bà không phản đối tôi xin được sao lại kiểu.

Tuy đã sống một cuộc đời bình lặng nhiều năm,
nhưng bà cũng không hề thiếu cái bản năng bình
thường của phái nữ chút nào. Bà đã sẵn câu đáp.

- Xin lỗi bà, chồng tôi rất khó tính, ông ấy không muốn cho ai sao lại quần áo tôi đâu. Ông nhà tôi muốn tôi độc nhất vô nhị mà...

Bà cứ tưởng mọi người sẽ cười khi bà nói ra điều ấy nhưng không, họ chỉ đáp:

- Ô, dĩ nhiên tôi hiểu. Bà quả là độc nhất vô nhị.

Rồi bà thấy người ta bàn về cách ăn mặc của bà, và có ít nhiều lý do đủ làm bà phẫn khởi. Bởi trong đời bà một khi bà không mặc cái mà mọi người vẫn mặc; bà suy ngẫm, thì không hiểu tại sao mọi người lại cứ thích mặc những thứ của bà...

- Gì bớt này - bà nói, sắc sảo không ngờ, - lần sau mình vẽ kiểu quần áo cho tôi thì mình làm sao cho người ta *không thể* sao chép được ấy.

- Cái cách duy nhất là vẽ những kiểu mà chỉ mình mình mặc được thôi.

- Thế mình có làm được không?

- Được nếu mình chịu nghe theo tôi.

- Cái gì thế?

- Cắt mớ tóc của mình đi.

Tôi nghĩ đây là lần đầu tiên Giên chững lại. Tóc bà vừa dài vừa dày, hồi còn con gái bà vẫn hanh diện về nó lắm, cắt đi là một sự xáo trộn quá triệt để. Có khác nào qua sông đốt thuyền. Trong trường hợp của bà đây không phải cái bước đầu tiên, mà chính là bước quan trọng cuối cùng, nhưng bà đã chấp nhận.

- Tôi biết thế nào chị Mariôn cũng chê tôi ngốc

hết chõ nói, và tôi chẳng bao giờ có thể quay về lại Livorpun nữa, - bà nói.

Khi ghé qua Pari, trên đường về, Ginbơt dẫn bà đến hiệu uốn tóc nổi tiếng nhất thế giới. Bà thấy trong mình rất khó ở, tim bà đập dữ quá. Bà bước ra khỏi hiệu với một mái đầu vui nhộn, bảnh chọe, toen hoển với những món tóc hoa râm xoăn tít. Pigmalion đã hoàn thành kiệt tác kỳ diệu của mình: Galatéa đã ra đời⁽¹⁾.

- Vâng - tôi nói - nhưng chừng ấy cũng chưa đủ để lý giải tại sao Giên lại có mặt ở đây hôm nay giữa đám các bà công tước, các bộ trưởng trong nội các và những người đại loại như vậy, và tại sao bà ấy lại ngồi giữa ông chủ tiệc và một ông Đô đốc hạm đội?

- Giên có khiếu khôi hài, - bà Tauơ nói - Ông không thấy mọi người đều cười mõi khi cô ấy nói à?

Giờ thì chẳng hồ nghi gì nữa về sự cay đắng trong lòng bà Tauơ.

- Khi cô Giên viết thư bảo tôi về đây sau kỳ trăng mật, tôi nghĩ chắc phải mời cả hai lại ăn cơm. Tôi không thú cái ý định ấy lắm, nhưng thấy cần phải làm. Tôi biết bữa tiệc thế nào cũng tệ nhạt và tôi không muốn hy sinh bất cứ người khách nào đáng giá. Một khác tôi không muốn Giên tưởng là tôi chẳng có bạn bè nào ra mă. Ông biết đấy, tôi có không quá tám người, nhưng nhân dịp này, tôi nghĩ giá có tới mười

⁽¹⁾ Theo thần thoại Hy Lạp, Pigmalion là vua Síp đã làm bức tượng trinh nữ Galatéa bằng ngà voi, Pigmalion đã phải lòng bức tượng và xin cho nữ thần tình yêu và sắc đẹp Aphrôdit (thần vẻ nữ) thổi hồn sống vào.

Giên

hai người thì càng tốt. Tôi bận quá không gặp lại Giên được cho mãi đến cái buổi tối tiệc tùng ấy. Cô ấy bắt chúng tôi đợi mất một ít - đây là bởi sự thông minh của Gimbet - rồi rốt cuộc cô ấy bước vào. Tôi ngây người ra như trời trồng. Cô ấy làm tất cả các bà trở nên quê mùa cục mịch. Tôi cũng cảm thấy mình như con mẹ quê kệch son phấn lòe loẹt.

Bà Tauơ nhấp một ít sâm banh.

- Ước gì tôi tả được cái bộ cánh ấy cho ông nghe. Giá bất kỳ người nào khác thì không tài nào trông nổi, nhưng ở cô ấy thì nó hoàn mỹ quá. Lại còn cái mắt kính! Tôi biết cô ấy đã ba mươi lăm nay mà chưa bao giờ trông thấy cô ấy không đeo kính cả.

- Nhưng bà đã biết là Giên có một thân hình đẹp.

- Nào tôi có biết. Tôi vẫn chỉ thấy cô ấy trong cái bộ quần áo mà ông trông thấy trong lần gặp đầu tiên ấy. Ông có nghĩ ra rằng cô ấy có thân hình đẹp không? Cô ấy hình như không biết đến sự trầm trồ mà cứ xem đấy như chuyện tất nhiên. Nghĩ đến buổi tiệc tôi thở phào nhẹ nhõm. Cho dù cô ấy có hơi vụng ăn vụng nói một chút nhưng với cái diện mạo thế kia, nó cũng chẳng thành vấn đề lắm. Giên ngồi ở đầu bàn đằng kia, và tôi nghe thấy tiếng cười nói khá nhiều, tôi khoan khoái nghĩ rằng những người kia có tài pha trò, nhưng sau bữa ăn tôi mới đớ ra khi có không dưới ba ông khách tiến đến và bảo tôi rằng bà em tôi nhộn lấm và hỏi tôi không rõ Giên có cho phép họ tới thăm chơi nhà cô ấy hay không. Thật chịu không hiểu là lúc ấy

tôi đứng bằng chân hay bằng đầu nữa. Hăm bốn tiếng sau bà chủ tiệc của chúng ta hôm nay đây đã gọi điện cho tôi, và nói bà ấy có nghe là Giên đã về Luân Đôn, và là người rất nhộn, bà dặn tôi mời cô ấy đến dự bữa với bà. Bà ta có một linh tính chính xác: chỉ trong một tháng ai ai cũng nhắc đến Giên. Tôi hôm nay ngồi đây không phải vì quen bà chủ đã hai mươi năm nay và đã mời bà ấy đến ăn quang trăng lần, mà bởi vì là chị dâu của Giên.

Tội nghiệp bà Tauơ. Địa vị ấy thật trớ trêu và dẫu rằng tôi không khỏi lấy làm buồn cười, nhưng vì tình thế nay đã đảo ngược đổi với bà, nên tôi cảm thấy bà đáng được sự thông cảm của tôi.

- Người ta bao giờ chẳng mềm lòng trước những người làm họ bật cười - tôi nói cốt để an ủi bà.

- Cô ấy không bao giờ làm tôi bật cười cả.

Lại một lần nữa từ phía đầu bàn vang tới trận cười ran, khiến tôi đoán rằng chắc Giên lại nói một điều gì đó hóm hỉnh.

- Bà nói rằng bà là người duy nhất không thấy buồn cười vì Giên sao? - Tôi vừa mỉm cười vừa hỏi.

- Ông có ngạc nhiên về chuyện cô ấy tài khôi hài không?

- Phải nói là tôi không ngạc nhiên.

- Cô ấy vẫn nói những điều cô ấy đã nói ba mươi lăm năm qua. Tôi cười khi tôi thấy mọi người khác cùng cười, vì tôi không muốn bị cho là đần, nhưng tôi chẳng thấy buồn cười gì cả.

- Giống như nữ hoàng Victoria⁽¹⁾ - tôi nói.

Đó là một câu nói giỡn ngốc nghênh và bà Tauơ có hoàn toàn quyền đe dọa lại tôi. Tôi đổi chiến thuật.

- Ginbot ở đây không nhỉ? - Tôi hỏi, mắt lướt dọc bàn.

- Ginbot cũng được mời vì Giên không thể đi đâu thiếu anh ta được, nhưng hôm nay anh ta dự bữa ở Viện Kiến trúc hay là cái chỗ nào đó có cái tên gọi đại loại như thế.

- Tôi mong được nối lại sự quen biết với bà ấy.

- Ông cứ đến nói chuyện với cô ấy sau bữa ăn. Cô ấy sẽ mời ông các ngày thứ ba của cô ấy.

- Các ngày thứ ba của bà ấy?

- Tôi thứ ba nào cô ấy cũng ở nhà. Ở đó ông sẽ gặp tất cả những người mà ông đã nghe tên. Đây là những bữa liên hoan tuyệt nhất Luân Đôn. Trong một năm cô ấy đã làm được cái điều mà suốt hai mươi năm nay tôi không làm nổi.

- Cái chuyện bà vừa kể quả thực là thần diệu. Nó được thực hiện như thế nào vậy?

Bà Tauơ nhún cắp vai mỹ miều nhưng quá mập của mình.

- Tôi sẽ lấy làm sung sướng nếu được ông kể giúp cho nghe, - bà đáp.

Sau bữa ăn, tôi đã cố lần tới chiếc ghế xô-pha mà

⁽¹⁾ Ngụ ý đến câu nói nổi tiếng của Nữ hoàng Victoria (1819 - 1901) "Chúng tôi không thấy buồn cười gì cả". Nữ hoàng không lấy chồng.

bà Giên đang ngồi, nhưng đã bị chấn lại và phải mất một lát, bà chủ mới tiến lại tôi và nói:

- Tôi phải giới thiệu với ông ngôi sao của buổi hôm nay. Ông có biết bà Giên Napiê không? Bà ấy rất nhộn. Bà ấy còn thú vị hơn những hài kịch của ông nhiều.

Tôi được dẫn đến chỗ chiếc ghế xô-pha ấy. Viên đô đốc lúc nãy ngồi cạnh bà trong bữa ăn vẫn còn nán lại đây. Ông không nhúc nhích gì cả, còn Giên bắt tay tôi và giới thiệu vị đô đốc với tôi.

- Ông có biết Ngài Rêginon Phrôbisô không?

Chúng tôi bắt đầu nói chuyện phiếm. Vẫn là Giên mà tôi biết trước kia, hoàn toàn chân tình, giản dị và tự nhiên, nhưng cái diện mạo lạ thường của bà chắc đã đem lại ý vị đặc biệt cho những điều bà nói ra. Bất thần tôi cũng thấy mình rũ ra cười. Bà đã có một câu nhận xét khôn ngoan và đúng chỗ, tuy không dí dỏm chút nào, nhưng phong cách nói lần cái nhìn đờ dại qua mắt kính của bà đã khiến câu nói trở nên buồn cười không cưỡng nổi. Tôi cảm thấy lâng lâng sôi nổi. Khi tôi ra về, bà còn nói:

- Nếu ông không có việc gì lý thú hơn để làm thì tối thứ ba mời ông đến chơi với chúng tôi. Ông Ginbót nhà tôi sẽ rất vui mừng được gặp ông.

- Khi ông ấy đã ở Luân Đôn được một tháng, ông ấy sẽ biết là *không thể* có việc gì lý thú hơn được nữa, - vị đô đốc nói.

Thế là vào tối thứ ba, quãng khá muộn, tôi đến chỗ Giên. Phải thú nhận là tôi hơi ngạc nhiên khi

nhin khách khứa ở đó. Đây là một cuộc tụ họp đáng chú ý của các nhà văn, họa sĩ và các chính trị gia, các diễn viên, các bà lớn và các hoa khôi có tiếng. Bà Tauor nói đúng, đó là một cuộc vui lớn, tôi chưa hề thấy cái nào tương tự ở Luân Đôn kể từ khi Lâu đài Xtapphof được bán⁽¹⁾. Không có sự vê vời gì đặc biệt. Các món ăn tương xứng mà không xa xỉ. Giên tỏ ra khoan khoái qua cái cách trầm tĩnh của bà, tôi không thấy bà phải vất vả với khách; mà hình như họ vẫn cứ thích ở đây, nên cuộc liên hoan vui vẻ, dễ chịu kéo dài mãi đến hai giờ sáng. Sau đấy tôi gặp bà nhiều lần. Tôi không chỉ hay đến nhà bà, không những thế, ít khi đi dự tiệc ở đâu mà lại không gặp bà. Tôi là một tay hài hước nghiệp dư, nên tôi đã cất công tìm xem cái tài năng đặc biệt của bà nằm ở đâu. Không thể lặp lại bất cứ điều gì bà đã nói để gây cười cho được, cũng giống như một số loại rượu vang không thể chuyên chở đi xa mà không mất vị ngon. Bà không có tài trào phúng. Bà chưa hề có câu ứng đối xuất sắc bao giờ. Chẳng có sự lú lỉnh trong nhận xét cũng như không có sự thâm thúy trong lời đáp của bà. Có những người cho rằng việc dùng từ không chính còn hơn sự khúc chiết, là cốt lõi của trí óc sắc sảo, nhưng bà không dùng một lời nào khả dĩ có thể làm đố mặt một đôi má thời Victoria⁽¹⁾. Tôi nghĩ tính

⁽¹⁾ Lâu đài Xtapphof: Một dinh thự ở công viên Xanh Giêm, khu Oetxto Endo của Luân Đôn, cho đến đầu thế kỷ XX vẫn còn là nơi ở của Công tước miền Nam.

⁽¹⁾ Ám chỉ kỷ cương, lễ giáo khắc khe thời đại nữ hoàng Victoria.

hở hước của bà ở ngoài ý thức bà, và tôi chắc chắn là nó không được sắp đặt trước trong đâu. Nó lượn như con bướm từ đóa hoa này sang đóa hoa khác, chỉ tuân theo tính đồng đánh riêng của nó và vào cách bà nhìn. Sự tài tình của nó có được là nhờ ở cái hình thức diêm dúa và phóng túng mà Ginbort đã tạo cho bà, nhưng dung mạo bà chỉ là một yếu tố trong đó. Dĩ nhiên bây giờ bà đang thời thượng nên người ta cười mõi khi bà vừa mở mồm. Họ không còn thắc mắc chuyện Ginbort đã lấy người vợ hơn tuổi quá nhiều đến thế. Họ thấy rằng Giên là người đàn bà mà tuổi tác không thành vấn đề. Họ cho rằng Ginbort là một anh chàng may mắn ghê gớm. Vì đó đố trích dẫn Sêchxpia ra với tôi: "Tuổi tác không làm tàn héo được nàng, lè thói không cướp được tính da dạng khôn cùng của nàng". Ginbort sưng sướng với thành công của bà. Khi đã quen biết anh kỹ hơn tôi cũng đám mén anh. Điều hoàn toàn chắc chắn là anh chẳng là đồ xỏ lá cũng không phải kẻ đào mỏ. Anh không chỉ vô cùng hâm mộ về Giên mà còn thực sự hết lòng vì bà. Lòng tốt của anh đối với bà thật cảm động. Anh là một thanh niên rất hào hiệp và tính nết dịu dàng.

- Nay, giờ thì ông nghĩ sao về Giên? - Có lần anh hỏi tôi với vẻ đặc thăng như trẻ nhỏ.

- Tôi không rõ trong hai người ai tuyệt vời hơn, - tôi nói, - ông hay là bà nhà?

- Ô, tôi chả là cái gì cả.

- Vô lý, ông cho tôi là thằng ngốc không hiểu được việc ông, chỉ mình ông, đã tạo ra Giên như ngày nay hay sao?

- Cái công lao duy nhất của tôi là đã thấy được cái điều kia khi nó còn chưa sờ sờ trước những con mắt trần thịt, - anh trả lời.

- Tôi có thể hiểu việc ông nhận thấy cái dung mạo đáng chú ý còn tiềm ẩn trong bà, nhưng làm thế nào mà ông biến bà thành một người đàn bà hóm hỉnh được.

- Tôi thì lúc nào cũng thấy những điều Giên nói hết sức tức cười. Bà ấy lúc nào chả hóm hỉnh.

- Ông là người duy nhất nghĩ như thế đấy.

Bà Tauor, không phải là không có tính cao thượng, đã thừa nhận là bà đã đoán nhầm về Ginbort. Bà ngày càng quyến luyến với anh. Nhưng ngoài mặt thì thế, trong ý nghĩ bà vẫn khăng khăng là cuộc hôn nhân không thể thọ lâu được. Tôi đành phải cưới giêubà.

- Sao vậy được nhỉ, tôi chưa hề thấy một cặp vợ chồng nào chung thủy với nhau như thế, - tôi nói.

- Ginbort giờ mới hăm bảy. Vậy là đúng lúc cho một cô gái khéo khỉnh cắp bồ. Ông có nhận thấy cái cô cháu nhỏ xinh xắn của ngài Reginon buồi tối hôm nọ ở nhà Giên không? Giên nhìn cả hai người khá là chăm chú, nên tôi cứ thắc mắc trong lòng mãi.

- Tôi không tin là Giên lại sợ một cô gái địch thủ nào dưới gầm trời này.

- Ông cứ đợi đấy rồi xem, - bà Tauor nói.
- Bà đã định hạn sáu tháng rồi cơ mà.
- Được, giờ thì tôi định hạn ba năm.

*

Khi có người nào rất bảo thủ với một ý kiến nào đó thì lẽ tự nhiên là người ta muốn cho anh ta sai. Bà Tauor quả thực cứ cố sống cố chết tin như vậy. Nhưng sự đắc chí không phải thuộc về phần tôi, vì cuối cùng cái điều mà bà luôn luôn đoán trước một cách chắc chắn về cái chuyện không xứng đôi vừa lứa kia quả nhiên đã xảy ra. Ấy thế nhưng số mệnh hiếm khi cho chúng ta cái điều mong muốn bằng cái cách chúng ta mong muốn, nên mặc dầu bà Tauor có thể khoan khoái rằng mình đã nói đúng, rốt cuộc tôi vẫn nghĩ là bà đã làm thì đúng hơn. Vì sự việc không xảy ra hoàn toàn theo cái cách dự đoán của bà.

Một hôm tôi nhận được tin khẩn của bà và tôi nhanh nhau lại chỗ bà ngay. Khi tôi hiện ra, bà Tauor đang ngồi bật đứng dậy và tiến lại tôi với sự rón rén lè làng của một con báo đang săn mồi. Tôi thấy bà đang phấn khích.

- Giên và Gibort đã bỏ nhau rồi, - bà nói.
 - Thật thế à? Ô, hóa ra bà nói đúng.
- Bà Tauor nhìn tôi bằng vẻ mặt tôi không sao hiểu.
- Tôi nghiệp Giên, - tôi lầm bẩm.

Giên

- Tôi nghiệp Giên! - Bà nhắc lại với cái giọng nhạo báng đến nỗi tôi lặng cảm như hến.

Bà có vẻ khó khăn trong việc kể cho tôi nghe chính xác chuyện gì đã xảy ra.

Ginbót vừa ở đây ra về được một lát thì bà đã chồm đến máy điện thoại triệu tôi đến ngay. Lúc Ginbót tới đây, mặt anh tái nhợt và đờ dần nên bà Tauơ biết ngay là có chuyện chẳng lành xảy ra. Bà hiểu ngay điều anh định nói trước khi anh nói ra.

- Chị Mariôn, Giên bỏ em rồi.

Bà cười nhẹ với anh và nắm lấy tay anh.

- Tôi biết chú đã cư xử như bậc quân tử. Thật khủng khiếp cho Giên vì người ta sẽ nghĩ rằng chú đã bỏ cô ấy.

- Em đến với chị vì em biết em có thể trông cậy vào cảm tình của chị.

- Ô, nào tôi có trách chú đâu, Ginbót, - bà Tauơ nói rất tử tế, - chuyện ấy thế nào cũng xảy ra mà.

Ginbót thở dài.

- Em cũng cảm thấy thế. Em không dám hy vọng sẽ giữ Giên mãi được. Giên tuyệt diệu quá, mà em thì hoàn toàn tầm thường.

Bà Tauơ vỗ nhẹ vào tay anh. Anh đã cư xử thực là cao đẹp.

- Thế chuyện gì sẽ xảy ra bây giờ?

- Chị ạ, cô ấy sắp ly dị em!

- Giên vẫn luôn nói rằng cô ấy sẽ không cản trở chú, nếu chú muốn lấy một cô gái khác.

- Chị không rõ à, em còn muốn lấy ai nữa sau khi đã làm chồng của Giên? - Anh trả lời.

Bà Tauơ đăm chiêu.

- Chú định nói là *chú đã bỏ* Giên chứ gì?

- Em? Đời nào em lại làm thế.

- Thế thì tại sao cô ấy lại ly dị chú?

- Hết tòa án chấp thuận ly hôn là Giên sẽ lấy người Reginon Phrôbisơ.

Bà Tauơ rú lên. Rồi bà thấy chóng mặt đến nỗi phải vò lấy ống ngực.

- Sau tất cả những cái chú đã cất công làm cho cô ấy.

- Em chẳng làm được gì cho Giên cả.

- Ý chú muốn nói là chú chịu để cho mình bị lợi dụng như vậy à?

- Chúng em đã thỏa thuận từ trước là nếu một người muốn tự do thì người kia không được干涉!

- Chuyện thỏa thuận ấy là bởi phía chú. Vì chú trẻ hơn cô ấy những hăm bảy tuổi.

- Điều ấy chỉ càng có lợi cho Giên mà thôi, - anh cay đắng trả lời.

Bà Tauơ phê phán, tranh cãi và biện luận, nhưng Gibbott cứ một mực cho rằng không quy tắc nào áp dụng cho Giên được, anh phải làm đúng điều Giên muốn. Ở nhà bà Tauơ ra về, anh mệt lử. Cho tôi biết tường tận về cuộc gặp mặt ấy, bà thấy nhẹ lòng đi nhiều. Bà thích thú được thấy tôi cũng ngạc nhiên như bà, còn như tôi, không phân nộ với Giên như bà đã

Giên

phẫn nộ thì bà quy đó là do sự thiếu đạo đức đến mức tội ác vốn là bản hữu của giới đàn ông. Bà vẫn còn ở trạng thái phán khích tột độ khi cửa mở và người quản gia đưa chính Giên vào. Giên mặc bộ đồ đen trắng rõ ràng rất hợp với tư thế hơi lập lờ của bà, nhưng trong chiếc áo dài độc đáo và lạ thường, trong cái mũ nồi bật đến nỗi tôi chỉ biết há hốc miệng ra trước bà, bà vẫn mềm mỏng và bình tĩnh như không. Bà tiến lại hôn bà Tauơ, nhưng bà Tauơ lại lùi với vẻ tự trọng lạnh lùng.

- Ginbót vừa ở đây về, - bà Tauơ nói.

- Vâng, em biết chứ, - Giên mỉm cười, - em đã bảo Ginbót lại chơi chô chị. Em đi Pari tối nay và mong chị đổi xử hết mực với anh ấy trong khi em đi vắng. Em chỉ sợ mỗi tội là anh ấy rất cô đơn. Nhờ cậy chị để mắt đến Ginbót thì em được yên lòng hơn.

Bà Tauơ đan tay vào nhau.

- Ginbót vừa mới nói chuyện với tôi mà tôi không tài nào tin được. Chú ấy bảo là cô định ly dị chú ấy để lấy Rêginon Phrôbisơ.

- Thế chị không nhớ là hồi trước khi em lấy Ginbót, chị đã khuyên em lấy một người cùng cỡ tuổi à? Vì đó đố năm nay năm mươi ba.

- Nhưng cô mang ơn Ginbót, Giên ạ. - Bà Tauơ phẫn nộ nói. - Cô không thể tồn tại được như thế này nếu không có chú ấy. Nếu không có chú ấy vẽ kiểu quần áo cho, thì cô là cái thá gì?

- Ô, anh ấy đã hứa là vẫn sẽ vẽ kiểu quần áo cho em, - Giên dịu dàng đáp.

- Không người đàn bà nào có thể ước được một anh chồng tốt hơn. Chú ấy lúc nào cũng tử tế với cô.

- Ô, em biết anh ấy tốt lắm chứ.

- Sao cô lại có thể nhẫn tâm làm vậy?

- Nhưng em có yêu Ginbort bao giờ đâu, - Giên nói - Em vẫn bảo anh ấy như vậy. Em bắt đầu cảm thấy cần một người bạn đời cõi tuổi em. Theo em nghĩ có lẽ em đã chung sống với Ginbort quá lâu rồi. Những người còn trẻ chẳng có chuyện gì để nói cả, - bà ngừng lại một ít và tặng cả hai chúng tôi một nụ cười duyên dáng. - Tất nhiên em không bỏ rơi Ginbort. Em đã thỏa thuận với Reginon. Ông đô đốc có cô cháu rất hợp với anh ấy. Hết chúng em cưới nhau xong là em sẽ bảo họ cùng ghé chơi Manta⁽¹⁾ với chúng em. Chả là ông đô đốc làm tư lệnh ở Địa Trung Hải mà, cho nên em sẽ chẳng ngạc nhiên tí nào nếu hai người yêu thương nhau.

Bà Tauor thở phì phì.

- Thế cô có thỏa thuận với ông đô đốc là nếu một người muốn tự do thì không ai được干涉 ai nữa chứ?

- Em đã đề ra như thế, - Giên khoan thai trả lời. Nhưng ông đô đốc bảo là nhìn cái gì là biết cái ấy tốt xấu liền, nên ông ấy không muốn lấy ai khác nữa,

⁽¹⁾ Hòn đảo ở Địa Trung Hải, trước là thuộc địa Anh, độc lập năm 1964 và nằm trong khối Liên hiệp Anh.

còn nếu có ai muốn lấy em thì ông ấy đã có sẵn tám khẩu đại bác ba trăm ly trên chiếc kỳ hạm của mình và sẽ bàn chuyện ở tầm gân.

Bà đưa mắt nhìn chúng tôi qua cái mắt kính khiến cho ngay cả nỗi sợ bà Tauơ nỗi cơn tam bành lên cũng không làm tôi kìm cơn cười được.

- Em nghĩ ông Đô đốc là người tình cảm lắm.

Quả nhiên bà Tauơ cau mày giận dữ nhìn tôi.

- Tôi không bao giờ thấy cô buồn cười cả, cô Giên à - bà nói. - Không hiểu tại sao thiên hạ lại cứ cười những điều cô nói.

- Em cũng không bao giờ thấy mình buồn cười, chị Mariôn à.

Giên mím cười, phô hàm răng trắng đều.

- Em vui sướng đi khỏi Luân Đôn trước khi có quá nhiều người đi đến ý kiến như chị em mình.

- Mong bà nói cho tôi biết bí quyết thành công đáng ngạc nhiên của bà, - tôi nói.

Bà quay sang tôi với cái nhìn dịu dàng, chân tình mà tôi đã biết rất rõ.

- Ông biết đấy, khi tôi lấy Ginbot, về ngụ tại Luân Đôn và thấy người ta cứ cười những gì tôi hỏi thì tôi ngạc nhiên hơn ai hết. Tôi vẫn nói những điều ấy đã hai mươi năm nay mà chẳng ai thấy buồn cười gì cả. Tôi nghĩ hay là tại quần áo tôi mặc, tại cái đầu bồng hay mắt kính của tôi. Rồi tôi phát hiện ra là tại tôi nói sự thật. Sự thật nó khác thường đến nỗi người ta nghĩ

là hóm hỉnh. Thế nào rồi cũng có ngày có người phát hiện ra bí quyết ấy, và khi người ta quen nói sự thật rồi thì chẳng còn gì đáng cười trong đây nữa.

- Thế tại sao tôi lại là người duy nhất không thấy buồn cười? - Bà Tau hỏi.

Giên do dự một chút như thể bà đang tìm kiếm một cách trung thực lời giải thích thỏa đáng.

- Chắc là chị không biết nhận ra sự thật khi chị nhìn thấy nó, chị Mariôn thân mến ạ, - bà trả lời một cách hiền hậu.

Dĩ nhiên sự thật nó đã ban cho bà lời nói tối hậu. Tôi cảm thấy bao giờ Giên cũng có lời nói tối hậu. Bà quả là rất nhộn.

Chàng Đỏ

V iên thuyền trưởng thọc tay vào một bên túi quần với vẻ khó khăn, vì nó không nằm ở bên sườn mà lại ở đằng trước, đã thế gã lại to béo; gã rút ra chiếc đồng hồ to bằng bạc. Gã nhìn đồng hồ rồi lại nhìn lên mặt trời đang xế. Anh chàng người Kanaka ở mạn lái đưa mắt nhìn viên thuyền trưởng, nhưng không nói gì. Mắt viên thuyền trưởng dừng lại ở hòn đảo mà họ đang tiến lai gần. Một vệt bọt trắng ghi dấu đá ngầm. Đã biết rằng chỗ này có một khe nước đủ rộng cho con tàu đi qua, khi họ tới gần hơn, gã tính sẽ trông thấy. Họ còn có gần một tiếng nữa trước khi mặt trời lặn. Trong vịnh nước sâu, họ sẽ có thể thả neo thoải mái. Hương trưởng làng mà gã nhìn thấy giữa đám cây dừa kia là bạn của viên thuyền phó, lên bờ một đêm cũng dễ chịu. Viên thuyền phó tiến về phía trước và đúng lúc ấy viên thuyền trưởng quay về phía anh ta.

- Ta sẽ làm một chai rượu và rủ đám cô gái lên nhảy, - gã nói.
- Tôi chẳng thấy khe nước đâu, - viên thuyền phó đáp.

Anh ta người Kanaka, đẹp trai, da ngăm đen, nom phàn nào vừa tựa như một Hoàng đế La Mã hậu sinh, đang đà chắc mập; nhưng khuôn mặt mịn màng và nhẵn nhụi.

- Tôi cầm chắc là nó ở ngay đây thôi, - viên thuyền trưởng vừa nói vừa nhìn qua cặp kính. - Tôi không hiểu tại sao ta lại không nom thấy. Thử cho một đứa trèo lên cột buồm ngó xem sao.

Thuyền phó gọi một thủy thủ đến và ra lệnh. Viên thuyền trưởng dội theo anh chàng thủy thủ người Kanaka leo lên và chờ anh ta báo. Nhưng anh ta nói vọng xuống là anh ta không trông thấy gì ngoài cái vệt bọt kia. Viên thuyền trưởng nói tiếng Xamoa như một thổ dân, gã chửi tục một cách thoả mái.

- Cho nó ở trên ấy nữa hay không? - Viên thuyền phó hỏi.

- Ở trên ấy làm mẹ gì nữa? - Viên thuyền trưởng đáp. - Cái đồ ngốc chết tiệt ấy làm sao mà thấy được cái gì. Đánh cuộc với ông là thể nào tôi cũng tìm thấy khe nước nếu tôi lên trên ấy.

Gã tức giận nhìn cái cột buồm thanh mảnh. Thật rất hợp với một đứa thổ dân vốn vẫn quen trèo dừa suốt đời. Còn gã thì béo và nặng nề.

- Xuống đi, - gã kêu to. - Mày chẳng tích sự gì hơn đồ chó chết. Ta đành phải đi dọc dây đá ngầm đến bao giờ tìm được khe nước mới thôi.

Đó là một chiếc tàu buồm bảy mươi tấn có động cơ chạy bằng paraphin. Khi không có gió ngược, nó

chạy quăng bốn năm dặm một giờ. Chiếc tàu đã cũ được sơn trắng từ dạo lâu lắm rồi, nay nó vừa bẩn, vừa dơ, lốm đốm những vết. Nó sặc mùi parafin và mùi dừa khô là thứ hàng chở thường xuyên. Họ chỉ còn cách dãy đá ngầm một trăm bộ và viên thuyền trưởng bảo người lái chạy men theo đá ngầm cho đến khi tới khe nước. Nhưng khi đã đi được một vài dặm, anh ta mới nhận ra là mất dấu. Anh ta trở buồm và từ từ cho lui lại. Bọt trắng của đá ngầm tiếp nối không hề bị đứt đoạn, và lúc này mặt trời đang lặn. Chủ sự ngu ngốc của kíp thủy thủ một câu, viên thuyền trưởng đành chịu đợi cho đến sáng hôm sau.

- Xoay buồm lại, - gã nói. - Làm sao bỏ neo ở đây được.

Họ lại quay ra khơi chút ít, và giờ trời đã tối hẳn. Họ bỏ neo. Khi buồm đã cuộn, con tàu bắt đầu lắc lư mạnh. Ở Apia người ta nói rằng một ngày kia thế nào nó cũng lắc lư đến lật thì thôi; còn người chủ, một người Mỹ gốc Đức cai quản một trong những cửa hiệu lớn nhất thì bảo rằng có các bao nhiêu tiền, anh ta cũng không chui vào cái tàu này. Anh bếp, một người Trung Quốc mặc cái quần trắng, rất bẩn và tã, và cái áo chẽn trắng, chạy ra nói là bữa ăn đã sẵn sàng; và khi viên thuyền trưởng bước vào ca bin, gã đã thấy người thợ máy ngồi ở bàn. Anh thợ máy người dài, gầy với cái cổ ngỗng. Anh ta mặc bộ quần áo làm việc màu xanh lơ và cái áo len cộc tay để lộ ra cái cẳng tay khẳng khiu xăm từ khuỷu đến cổ tay.

- Bố sư khỉ, phải ngủ đêm ngoài biển mất thôi, - viên thuyền trưởng nói.

Người thợ máy không trả lời, và họ ăn trong sự im lặng. Cabin được soi sáng bởi một ngọn đèn dầu tù mù. Khi họ ăn hết món mơ hộp cuối mỗi bữa ăn, thì anh bếp bưng một tách trà vào. Viên thuyền trưởng đốt điếu xì gà và bước lên boong trên. Hòn đảo bây giờ chỉ là một khối đen sầm trong đêm. Nhưng vì sao rất sáng. Âm thanh duy nhất là tiếng sóng cồn vỗ không dứt. Viên thuyền trưởng thả người xuống một chiếc ghế và uể oải hút thuốc. Rồi có ba bốn thủy thủ tiến đến và ngồi xuống. Một người có cây đàn băng-giô và một người khác có một chiếc côngxéctina⁽¹⁾. Họ dạo nhạc, và một người cất tiếng hát. Bài hát thoảng vang lên một cách lả lùng trong âm hưởng của những nhạc cụ kia. Rồi một cặp bắt đầu nhảy theo tiếng hát. Một điệu nhảy dã man, nguyên thủy và hoang sơ, dồn dập, với những động tác mau lẹ của tay chân và sự uốn éo của thân hình: một điệu nhảy nhục cảm, thậm chí còn xác thịt, xác thịt mà thiếu dục vọng. Nó rất thú vật, rạch ròi, kỳ quặc mà không thần bí, tóm lại là tự nhiên gần như có thể gọi là trẻ con. Cuối cùng họ thấm mệt. Họ nằm ngả trên boong và ngủ, mọi vật đều yên lặng. Viên thuyền trưởng nặng nề nhắc thân mình khỏi ghế ngồi và lồm cồm bò qua một ban đồng hành. Gã đi vào

⁽¹⁾ Côngxéctina: một loại nhạc cụ nhỏ kiểu acocđêông, có nút ấn và dài xếp nếp.

Chàng Đô

cabin và cởi quần áo ra, lên giường nằm. Gã thở hổn hển trong cái nóng của đêm.

Sáng hôm sau, khi hừng đông bò lên trên mặt biển êm lặng, khe nước giữa đá ngầm lẩn khỏi mắt họ đêm trước giờ đã hiện ra chênh chêch một chút về phía đông của nơi họ đậu. Chiếc tàu buồm tiến vào vịnh. Không có lấy một gợn sóng trên mặt nước. Sâu dưới những tảng đá san hô người ta thấy cá con đủ các màu bơi lượn. Khi đã thả neo đậu vào đây, viên thuyền trưởng ăn bữa sáng và đi lên boong. Mặt trời tỏa chiêu trên bầu trời không mây, nhưng vào buổi sáng sớm thế này, không khí mát mẻ và dễ chịu. Hôm đó là ngày chủ nhật nên có một cảm giác tĩnh tại, yên ắng, như thể thiên nhiên đã đi nghỉ, điều ấy tạo cho gã một vẻ khoan khoái đặc biệt. Gã ngồi nhìn bờ cây um tùm, cảm thấy biếng nhác và thư thái trong lòng. Ngay sau đó một nụ cười chậm rãi làm động đôi môi gã, gã ném mẩu xì gà xuống nước.

- Ta phải lên bờ mới được, - gã lên tiếng. - Cho thuyền ra nào!

Gã vụng về trèo xuống thang và chiếc thuyền chèo vào một ngách vịnh con con. Những cây dừa tiến sát xuống tận mép nước, không thành hàng, mà dàn ra với một nghi thức định sẵn. Nom chúng giống một điệu vũ ba-lê của các bà cô không chồng, tuổi đã luống nhưng vẫn lái lời, làm điệu làm bộ với vẻ duyên dáng mèm của một thời đã trôi qua. Gã khệnh khạng đi qua đám dừa, dọc theo con đường

trông rõ nét uốn lượn quanh co, chẳng mấy chốc nó dẫn gã tới một con lạch rộng. Một cái cầu bắc qua, làm bằng những thân cây dừa có khoảng một tá thân cây thành hàng một, đặt nối đầu với nhau và ở những chỗ nối được đẽo bằng một chạc cây cẩm xuống lòng lạch. Bạn phải bước trên một bề mặt tròn, nhẵn, lại hẹp và trơn, mà không có tay vịn. Để qua cái cầu như thế đòi hỏi phải có một đôi chân chắc chắn và một con tim vững vàng. Viên thuyền trưởng ngập ngừng. Nhưng gã trông thấy bên bờ bên kia, nép dưới bóng cây là một ngôi nhà của người da trăng; gã quả quyết, và khá là rón rén, gã bắt đầu bước đi. Gã quan sát đôi chân cẩn thận, và mỗi khi gặp một chỗ nối thân cây mấp mô, gã hơi loạng choạng. Với tiếng thở phào nhẹ nhõm, gã đã đi tới cái cây cuối cùng và sau rốt đặt được chân lên nền đất cứng của bờ bên kia. Gã để tâm chăm chú vào việc qua cầu khó khăn này, nên không nhận thấy có người quan sát gã, và thật là ngạc nhiên khi gã nghe tiếng người nói với mình.

- Qua những cái cầu như thế này khi chưa quen cũng tồn chút ít thần kinh đây chứ.

Gã ngẩng lên nhìn và thấy một người đàn ông đang đứng trước mặt. Ất hẳn ông ta từ cái nhà mà gã trông thấy đi ra.

- Tôi thấy ông ngập ngừng, - người đàn ông tiếp tục nói với nụ cười trên môi, - và tôi chỉ rình được thấy ông ngã.

Chàng Đỏ

- Có mà đến mục thất nhà ông, - viên thuyền trưởng nói, lúc này đã lấy được vẻ tự tin.

- Chính tôi trước kia cũng đã từng ngã. Tôi nhớ là có một buổi tối đi săn về, tôi đã ngã, đánh rơi cả súng. Giờ thì tôi cho một cậu bé mang súng cho tôi.

Người đàn ông không còn trẻ nữa, có một bộ râu nhỏ giờ đã điểm bạc, và một khuôn mặt thuôn gầy. Ông ta mặc áo lót không tay và cái quần vải bông. Ông ta chẳng đi giày, tất gì cả. Ông ta nói tiếng Anh bằng một giọng hơi lơ lớ.

- Ông là Ninxơn? - Viên thuyền trưởng hỏi.

- Tôi đây.

- Tôi có nghe nói về ông. Tôi đoán là ông sống quanh quanh đây.

Vì viên thuyền trưởng theo chủ nhân đi vào căn nhà một tầng và nặng nề ngồi xuống cái ghế mà người kia chỉ cho. Trong lúc Ninxxon đi ra ngoài kiểm rượu uytki và cốc, gã nhìn quanh gian nhà một lượt. Nó làm gã đầy sững sốt. Chưa bao giờ gã thấy lăm lăm sách đến vậy. Các giá đặt từ sàn lên trần ở cả bốn phía tường mà cái nào cũng chứa chất cẩn. Một cây đàn pianô lớn bày bừa các bản nhạc, và một cái bàn rộng trên đó sách vở tạp chí để bừa bộn. Gian buồng làm gã thấy bối rối. Gã nhớ rằng Ninxxon là một tay kỳ quặc. Không ai biết về ông ta nhiều lăm, tuy ông ta đã ở đảo lâu, nhưng những ai biết ông ta đều đồng ý rằng ông ta kỳ quặc. Ông ta người Thụy Điển.

- Ông có một tủ sách to quá nhỉ, - gã nói, khi Ninxon quay vào.

- Chúng cũng chẳng hại gì, - Nixon đáp với một nụ cười.

- Ông đã đọc tất cả số sách ấy rồi sao? - Viên thuyền trưởng hỏi.

- Cũng gần tất cả.

- Tôi cũng có đọc chút ít. Tôi vẫn đặt mua báo "Bưu điện tối thứ bảy".

Nixon rót cho khách một cốc rượu uytki khá mạnh và đưa cho gã một điếu xì-gà. Viên thuyền trưởng hởi dạ thông báo đôi điều tin tức:

- Tôi đến hôm qua, mà không tài nào tìm ra khe nước, nên phải bỏ neo phía ngoài. Tôi chưa chạy đường này bao giờ, nhưng mấy cha bên tôi chở mấy thứ qua đây. Ông có biết Grây không?

- Vâng, anh ta có cái cửa hàng cách đây một đoạn đường.

- Phải, ở đấy có rất nhiều đồ hộp anh ta muốn được chở đến, với lại anh ta cần cả ít cùi dừa khô nữa. Họ cho là tôi cứ nên qua đây, nằm ườn ở Apia thì cũng thế. Tôi vẫn chạy đường Apia và Pago-Pago đây chứ, nhưng vừa mới phát dịch đậu mùa ở đây, nên chẳng có cỏ khô gì để làm cả.

Gã uống một hớp rượu uytki và châm điếu xì gà. Gã vốn lầm lì, nhưng có cái gì đó trong con người Nixon khiến gã bị kích động làm gã cất tiếng. Người

đàn ông Thụy Điển ngăm gã băng cắp mắt to, đen, trong đó hơi thể hiện vẻ giễu cợt thích thú.

- Ông có cái chõ xinh đáo để.
- Tôi cũng phải bỏ ra nhiều công sức đấy,
- Với chõ cây này ông cũng khám khá đấy nhỉ. Trông hay thật. Cùi dừa khô bây giờ đang được giá đấy. Tôi cũng đã có thời có ít đồn điền ở Upôlu⁽¹⁾, nhưng tôi đã phải bán đi rồi.

Gã nhìn quanh gian nhà một lần nữa, tất cả những quyển sách kia gợi cho gã một cảm giác khó hiểu và thù địch nào đó.

- Chắc ở đây ông thấy hơi buồn nhỉ? - Gã nói.
- Tôi đã quen rồi. Tôi ở đây đã hai mươi lăm năm.

Lúc này viên thuyền trưởng chẳng còn nghĩ ra chuyện gì để nói nữa, nên gã im lặng hút thuốc. Nin-xon hiển nhiên không tỏ ý muốn phá vỡ sự yên lặng. Ông nhìn khách bằng con mắt nghĩ ngợi. Gã có vóc người cao hơn sáu bộ, và rất mập. Mặt gã đỏ và đầy vết bẩn, với một mạng mao mạch màu tía trên má, những đường nét bị chìm vào trong sự phì nộn. Mắt gã vẫn tia máu. Cổ bị vùi trong những ngắn mõ. Nếu không có một món tóc quăn và dài, gần như trắng ở phía gáy, thì đầu gã hoàn toàn hói; và cái bề mặt trán thênh thang, bóng láng kia đáng lẽ phải tạo cái dáng uyên bác giả tạo, thì nó lại tạo cho gã một vẻ

⁽¹⁾ Upôlu: Một trong chín hòn đảo ở Tây Xamoa, có trung tâm hành chính là Apia.

đàn độn đặc biệt. Gã mặc sơ mi xanh lơ bằng vải phlanen, phanh cổ và phô bày bộ ngực béo phì một mảng lông do đó. Chiếc quần xanh rất cũ bằng vải xéc. Gã ngồi trên ghế trong một tư thế vụng về, nặng nề, cái bụng vĩ đại chìa ra phía trước và đôi bắp chân mập không bắt chéo. Mọi đặc tính đàn hồi đã thoát ra khỏi chân tay gã. Ninxon trầm ngâm tự hỏi không hiểu thời trẻ gã thuộc loại người nào. Hình như không thể hình dung ra nổi cái tấm thân đồ sộ kia đã từng là một cậu bé chạy tung tăng. Viên thuyền trưởng đã uống hết cốc uytki và Nixon đầy cái chai về phía gã.

- Xin mời ông.

Viên thuyền trưởng rướn người về phía trước và lấy tay tóm lấy chai rượu.

- Thế sao ông lại tới cái xứ này? - Gã hỏi.

- Ô tôi đến các đảo nơi đây là vì chuyện sức khỏe. Phổi tôi hôi đó rất tôi, và người ta bảo tôi sẽ không sống nổi một năm nữa. Ông thấy đây, người ta đã nhầm.

- Tôi muốn hỏi làm sao ông lại an cư ở chính nơi đây?

- Tôi là một người đa cảm.

- Chà!

Ninxon biết viên thuyền trưởng chẳng hiểu gì điều ông nói, và ông nhìn gã với một ánh mỉa mai trong đôi mắt đen của ông. Có lẽ chính vì viên thuyền trưởng là một kẻ quá thô phàm và đàn độn nên ông thấy hăng muốn nói nữa.

- Ông phải lo giữ thăng bằng thái quá lúc qua cầu nên không nhận ra rằng chỗ này nói chung là khá đẹp đấy.

- Ông có căn nhà nhỏ đáng yêu thật.

- À, đây không phải nơi tôi đến ở lúc đầu. Nơi đây có một túp lều của thổ dân, mái tổ ong và kèo cột, núp bóng một cây to hoa đỏ, còn những bụi cây ba đậu, lá vàng, lá đỏ ánh lên làm thành một hàng rào xung quanh. Rồi chung quanh lại toàn những cây dừa, lạ lùng như đàn bà, và cũng kiêu kỳ như thế. Chúng đứng bên mép nước và cả ngày soi bóng mình xuống đó. Hồi ấy tôi còn thanh niên. Trời, cái thuở một phần tư thế kỷ về trước - tôi đã muốn hướng trọng vẹn vẻ đáng yêu của thế gian trong khoảng thời gian ngắn ngủi còn lại trước khi bước vào cõi hư vô. Tôi nghĩ đấy là chỗ đẹp nhất mà tôi từng gặp. Lúc đầu trông thấy, tôi đã sững sờ, e rằng mình sắp phát khóc lên. Bấy giờ chưa quá hăm lăm, và cho dù tôi đã lấy hết can đảm nhìn thẳng vào số mệnh, tôi vẫn không muốn chết. Thế rồi hình như chính cái vẻ đẹp nơi này đã làm tôi dễ dàng chấp nhận số mệnh của mình hơn. Tôi cảm thấy là khi tôi đến đây, tất cả quang đời quá khứ đã rơi tuột đi mất. Xtockhom với Trường đại học tổng hợp của nó, rồi thì Bon; tất cả cứ như cuộc đời của một người nào khác, như thể lúc này rốt cuộc tôi đã đạt đến cái hiện thực mà các vị tiến sĩ triết học - tôi cũng là một tiến sĩ triết, - đã từng tranh cãi khá nhiều. "Một năm" - tôi thốt lên với chính

mình, - "Ta có một năm. Ta sẽ dùng nó ở nơi đây và rồi ta sẽ bằng lòng nhắm mắt xuôi tay". Chúng ta đều ngốc nghếch, đa cảm và hay quá xúc động ở cái tuổi hăm lăm, nhưng giả chúng ta không như vậy thì có lẽ chúng ta sẽ kém sáng suốt hơn ở cái tuổi năm mươi. Nào uống đi, ông bạn. Để những chuyện dấm dở xen vào. Ông vầy bàn tay về phía cái chai, và viên thuyền trưởng uống cạn nốt phần rượu trong cốc.

- Ông chẳng uống tí nào cả, - gã nói, tay với chai uytki.

- Tôi không nghiện, người đàn ông Thụy Điển mỉm cười - Tôi tự đầu độc mình bằng những cách tôi tưởng là còn tinh tế hơn. Nhưng có lẽ nó chỉ là chuyện huyền hoặc. Dẫu sao, tác động có kéo dài hơn và kết quả cũng độc hại hơn.

- Người ta bảo bên Mỹ bây giờ có nhiều cocaine lắm. - Viên thuyền trưởng nói.

Ninxon cười thành tiếng.

- Nhưng tôi có hay gặp người da trắng đâu nhỉ, - ông nói tiếp, mà chỉ một lần thì tôi nghĩ mấy giọt uytki cũng chẳng gây hại gì cho tôi.

Ông bèn rót cho mình một ít, cho thêm chút xô-đa rồi làm một hớp.

- Thế rồi chẳng bao lâu tôi mới vỡ lẽ ra tại sao cái nơi này lại có một vẻ đáng yêu thần tiên làm vậy. Ở đây tình yêu đã lưu lại trong khoảnh khắc như con chim di cư tình cờ gặp một con tàu giữa đại dương,

và trong chốc lát nó cùp đôi cánh rã rời lại. Cái đam mê đẹp đẽ hiện rành rành ra và hương vị của một môi tinh đầm thăm còn phảng phát quanh đây giống như hương sơn trà tháng năm trên đồng cỏ quê tôi. Tôi thấy hình như những nơi mà người ta đã từng yêu thương hay đau khổ đều để lại ít hương vị man mác nào đó không bao giờ tan đi hoàn toàn. Như thế chúng đã giành được một ý nghĩa tinh thần mà nó tác động một cách bí ẩn lên những kẻ đã trải qua. Ước gì tôi có thể làm sáng tỏ ý mình được nhỉ. - Ông hơi mỉm cười - Đầu tôi không dám nghĩ nếu tôi có nói được hết ý mình thì chắc gì ông đã hiểu.

Ông ngừng lời.

- Tôi nghĩ chỗ này đẹp, bởi vì ở đây tôi đã được yêu một cách đẹp đẽ. - Nói rồi ông nhún vai. - Nhưng có lẽ chỉ là tại cái cảm quan mỹ học của tôi được sự kết hợp may mắn của tình yêu tươi trẻ và một khung cảnh thích hợp ban thưởng cho.

Ngay một kẻ không đến nỗi ủ lỳ như gã thuyền trưởng chắc cũng được tha thứ, nếu như anh ta có hoang mang trước những lời nói của Ninxon. Vì hình như ông có hơi cười nhẹ những điều mình nói. Dường như lời ông nói xuất phát từ cái cảm xúc mà lý trí ông thấy nực cười. Ông tự nhận mình là một người đa cảm, mà khi tính đa cảm gắn với sự hoài nghi thì chỉ để ra lǎm chuyện oái oăm.

Ông yên lặng một lát và nhìn viên thuyền trưởng bằng cặp mắt trong đó toát ra sự ngỡ ngàng đột ngột.

- Ông này, tôi không thể không nghĩ là đã trông thấy ông ở đâu đó trước kia, - ông nói.

- Tôi không thể nói là tôi có nhớ gặp ông hồi nào, - viên thuyền trưởng đáp lại.

- Tôi có cảm giác ngộ ngộ là hình như khuôn mặt ông rất quen đối với tôi. Nó làm tôi băn khoăn mất một lúc. Nhưng tôi không tài nào lục được trong trí nhớ ra là gặp ở chỗ nào hay là vào lúc nào.

Vì viên thuyền trưởng nhún đôi vai nặng nề.

- Đã ba mươi năm rồi kể từ khi tôi lần đầu tiên bước lên những hòn đảo này. Người ta không tài nào ghi nhớ hết những người đã gặp gỡ trong giây lát thế này.

Người đàn ông Thuỵ Điển lắc đầu.

- Ông có biết đôi khi người ta có cảm tưởng là một nơi anh ta chưa hề đến lần nào trước kia lại quen thuộc đến lạ lùng không? Cũng như tôi có cảm tưởng nhìn thấy ông đây, - ông nở một nụ cười kỳ dị. - Có lẽ tôi biết ông từ vài kiếp trước. Có lẽ, có lẽ ông là chủ một chiếc thuyền galé⁽¹⁾ thời La Mã cổ đại, còn tôi là cái anh nô lệ chèo thuyền. Ông ở đây đã ba mươi năm?

- Lác đác suốt ba mươi năm.

- Thế ông có biết một người đàn ông tên là Chàng Đỏ không?

⁽¹⁾ Thuyền galé: một loại thuyền buồm dài, tháp có dây mái chèo thường do nô lệ chèo thời cổ.

Chàng Đỏ

- Chàng ĐỎ?

- Đấy chỉ là cái tên mà tôi biết về anh ta. Bản thân tôi chưa được biết anh ta. Tôi chưa được thấy anh ta tận mắt, ấy thế nhưng hình như tôi thấy anh ta còn rõ hơn thấy nhiều người khác, chẳng hạn rõ hơn anh em tôi, những người tôi đã cùng sống hàng ngày trong bao nhiêu năm. Anh ta sống trong tâm tưởng tôi rõ nét như một Paolô Malatexta⁽¹⁾ hay một Rômêô⁽²⁾. Mà không rõ đã có khi nào ông đọc Đăngtor hay Sêchxpia chưa nhỉ?

- Tôi không thể bảo là tôi đã đọc rồi, - viên thuyền trưởng nói.

Ninxon, miệng ngậm điếu xì gà, ngả người ra ghế và lơ đãng nhìn cuộn khói thuốc đang bơi trong không gian tĩnh lặng. Một nụ cười giãn trên môi, nhưng cặp mắt ông vẫn nghiêm nghị. Rồi ông nhìn sang viên thuyền trưởng. Trong sự phì nộn thô thiển của gã có vẻ gì đó tòm tòm khác thường. Gã có cái vẻ thừa mứa mãn nguyện trong chính lớp mỡ béo. Thật là một sự lăng mạ. Nó đầy thần kinh Nixon đến giới hạn chịu đựng. Nhưng sự tương phản giữa kẻ ngồi trước ông và kẻ nằm trong trí óc ông thật thú vị.

⁽¹⁾ Paolô Malatexta: nhân vật *Hài kịch thánh thần* của Dantê, nhà thơ Italia (1265 - 1321). Là con một gia đình quý tộc, Paolô say đắm vợ của người anh Giovannis của mình là Phranxexca và cả hai đã bị Giovannis giết chết.

⁽²⁾ Rômêô: nhân vật trong bi kịch Rômêô và Juylét của Sêchxpia, thi hào Anh (1564 - 1616). Hai người yêu nhau tha thiết và thà cùng chết với nhau hơn là sống lẻ loi và được coi là một cặp tình nhân lý tưởng.

- Có vẻ như Chàng Đỏ là một anh chàng duyên dáng nhất mà người ta gặp được. Tôi đã chuyện trò với một số người biết anh ta hồi đó, những người da trắng ấy mà, và họ đều đồng ý là nếu anh trông thấy anh ta lần đầu tiên thì vẻ đẹp của anh ta hẳn sẽ làm anh sững sờ. Người ta gọi anh ta là Chàng Đỏ là do bộ tóc rực lửa của anh ta. Bộ tóc ấy lượn sóng tự nhiên và được để dài. Nó chắc phải có cái sắc màu tuyệt diệu mà các nhà tiên Raphaen⁽¹⁾ vẫn nháo nhào tìm kiếm. Tôi nghĩ anh ta không ngạo mạn vì bộ tóc ấy, anh ta quá chân thật, nào biết đến sự ngạo mạn, nhưng nếu có đi nữa, thì cũng không ai trách anh ta được. Anh ta cao sáu bộ, một hai insô⁽²⁾ gì đó. Trong gian nhà thô dân trước ở chỗ này có vết đánh dấu chiều cao anh ta bằng dao ở cái cột chống mái chính giữa ấy - anh ta được tạo nặn như một thánh thần Hy Lạp vai rộng và sườn mảnh; anh ta giống như thần Apôlô với cái vẻ tròn trịa mềm mại mà Praxiten⁽³⁾ đã đắp nên, với cái vẻ yêu kiều hồn nhiên của thanh nữ áp bên trong một cái gì xáo động huyền bí. Da anh trắng phau, mịn màng như xa-tanh, như da dẻ phụ nữ vậy.

⁽¹⁾ Các nhà tiên Raphaen: hội viên của hội *Tình anh em tiên Raphaen* (Proraphaelite Brotherhood) thành lập năm 1848 ở Anh, có tôn chỉ là khuyến khích tính trung thành với tự nhiên, tính tinh xảo trọn vẹn (như trong tác phẩm của các họa sĩ thời kỳ tiền Raphaen) trong hội họa và thơ ca, phê bình.

⁽²⁾ Một bộ (font) · 12 insô = 30,48cm.

⁽³⁾ Praxiten, nhà điêu khắc Hy Lạp (thế kỷ 4 trước C.N.); tác giả bức tượng "Apôlô", mà bản sao hiện ở bảo tàng Luvrô, Pari.

- Tôi cũng có làn da trắng hồi còn bé, - viên thuyền trưởng nói, cắp mắt vẫn tia máu ánh lèn.

Nhưng Ninxon không chú ý gì đến gã. Ông đang đà kẽ chuyện nên sự cắt ngang làm ông sốt ruột.

- Mặt anh ta cũng đẹp như thân hình anh ta. Anh ta có cặp mắt to màu xanh, rất thăm, đến nỗi có người bảo là màu đen, và không giống với đa số những người tóc đỏ, anh ta có hàng lông mày sẫm, lông mi cũng sẫm và dài. Đường nét anh ta đều đắn đến hoàn hảo, và miệng thì như một vết thương đỏ chói. Anh ta mới hai mươi tuổi. - Nói đến đây người đàn ông Thuỵ Điển dừng lại với một cảm giác lâm ly nào đó. Ông uống một口一口 úytki.

- Anh ta thật là có một không hai. Chưa bao giờ có ai đẹp hơn được. Chẳng khác nào một bông hoa tuyệt vời nở trên cái cây hoang dại. Anh ta là sự ngẫu hợp tài tình của tự nhiên.

Một hôm anh ta đã cập vào chính cái vịnh mà ông chắc đã vào sáng nay. Anh ta là thủy thủ Mỹ, đào ngũ khỏi một chiếc tàu chiến ở Apia. Anh ta đã thuyết phục được một số thổ dân dễ tính cho đi nhờ trên một chiếc ca-nô vẫn hay chạy từ Apia đến Xaphôtô và được đưa lên bờ bằng xuồng độc mộc. Tôi không rõ tại sao anh ta lại đào ngũ. Có thể cuộc sống trên chiếc tàu chiến với những kỷ cương của nó khiến anh ta chán ngán, có thể anh ta có chuyện gì không hay, cũng có thể vùng biển Nam này và những hòn đảo thơ mộng kia đã thấm đậm vào tâm

can anh ta. Lắm khi cái cảnh vật ấy nó chộp lấy con người ta một cách lạ lùng, và anh bỗng thấy mình như con ruồi mắc trong cái mạng nhện. Chắc là trong gân cốt anh ta có một sự mềm yếu nào đó và những ngọn đồi xanh mát này, với không khí mềm dịu, và biển xanh này đã rút mất ở anh ta cái sức mạnh phượng bắc như Dêlilarút của anh chàng người Nazarit⁽¹⁾. Dù thế này hay thế khác, anh ta muốn trốn đi và đã nghĩ rằng sẽ an toàn ở cái xó hẻo lánh này cho đến khi tàu của anh ta rời Xamoa.

Ở bên vịnh có một túp lều thổ dân và giữa lúc anh ta đang đứng đó, bắn khoăn không biết đi đâu, thì một cô gái trẻ bước ra mời anh vào. Anh ta cũng lầm là biết được đôi ba từ thổ dân, còn cô cũng biết ít tiếng Anh lầm. Nhưng anh ta hiểu khá rõ nụ cười của cô gái có ý nghĩa gì, cùng những cử chỉ dễ thương của cô. Thế là anh ta bước theo cô. Anh ta ngồi xuống chiếu và cô đưa cho anh những lát dừa. Tôi chỉ có thể nói về Chàng Đỏ qua lời đồn, nhưng tôi đã gặp cô gái ấy ba năm sau khi anh ta lần đầu gặp cô. Cô có dáng dấp yêu kiều nồng nàn của một đóa hoa dâm bụt và

⁽¹⁾ Theo truyền thuyết của Kinh thánh, Xamxơn người Nazarít có sức khoẻ phi thường, là người anh hùng của dân tộc Ixraen, đã yêu Dêlila, kẻ bị người Philixtin, kẻ thù không đội trời chung của người Ixraen, mua chuộc. Dêlila đã phát hiện ra sức mạnh của Xamxơn là ở mái tóc của anh, chưa được cắt từ hồi sinh ra. Sau khi ru Xamxơn ngủ trên đùi mình Dêlila đã cho người cắt bảy món tóc của anh, làm anh mất hết sức mạnh và bị người Philixtin bắt làm tù binh.

một sắc màu phong phú. Cô khá cao, thon thả, với những nét tinh tế của nòi giống cô, và đôi mắt to như cái bể nước êm lặng dưới hàng cọ; tóc cô đen và quấn xõa xuống lưng, cô lại mang một vòng hoa thơm ngát. Tay cô thật đáng yêu. Nó nhỏ nhắn, cân đối lạ thường, làm rung động những sợi tơ lòng của anh. Những ngày ấy cô dễ cười lắm. Nụ cười của cô quyến rũ đến mức làm đầu gối anh run lên. Da cô giống như một cánh đồng mùa hạ. Trời ơi, làm sao tôi có thể mô tả cô ấy được nhỉ? Cô ấy đẹp đến phi thực.

Và đôi trai gái trẻ ấy, nàng mươi sáu và chàng hai mươi, đã say đắm nhau từ cái nhìn ban đầu. Đây là tình yêu thực sự, không phải loại tình yêu xuất phát từ cảm tình, từ lợi ích chung, hay từ sự nhất quán về trí thức, mà là tình yêu thuần túy và giản dị. Đó chính là cái tình yêu mà Adám đã cảm Éva⁽¹⁾ khi chàng thức dậy và thấy nàng trong vườn đang mở to cặp mắt long lanh như sương nhìn mình. Đó chính là cái tình yêu đã khiến loài muông thú tìm nhau và các thánh thần đến với nhau. Đó chính là tình yêu đã làm thế giới này thành huyền diệu. Đó chính là tình yêu cho cuộc đời này cái ý nghĩa sinh thành. Ông chưa được nghe một vị công tước người Pháp thông thái nói, là với hai kẻ yêu nhau, thì luôn có một kẻ yêu và một kẻ để cho mình được yêu; đây là cái sự thực cay

⁽¹⁾ Adám và Éva, theo truyền thuyết Kinh thánh, là thủy tổ của loài người, do Chúa Trời tạo ra. Để tạo người bạn đời cho Adám, Chúa Trời đã nặn ra Éva từ xương sườn của Adám.

đăng mà đa số chúng ta dành bó tay chịu, nhưng cũng có khi có hai kẻ cùng yêu và cùng để cho mình được yêu. Khi ấy người ta có thể tưởng tượng là mặt trời sẽ đứng lặng như nó đã đứng khi Giêsu cầu nguyện Chúa Trời của người Ixraen⁽¹⁾.

Ngay cả bây giờ, sau ngàn ấy năm, khi tôi nghĩ đến cặp uyên ương ấy, trẻ là thế, đẹp là thế, giản dị là thế và nghĩ đến tình yêu của họ, thì tôi lại thấy nhói lòng. Nó làm tim tôi thốn thức như bị vò xé, khi đêm đêm tôi ngắm mặt trăng tròn tỏa sáng con vịnh từ bầu trời không mây. Lúc nào chả có cái đau khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp hoàn thiện!

Họ còn là con trẻ. Nàng xinh đẹp, dịu dàng, tốt bụng. Tôi không biết gì về người con trai, nhưng tôi cứ muốn nghĩ là trong mọi hoàn cảnh, anh ta vẫn tài hoa và cởi mở. Tôi cứ muốn nghĩ là tâm hồn anh ta cũng đẹp như thân thể anh ta. Nhưng tôi cho là anh ta cũng không có nhiều tâm hồn hơn những giống sinh vật ở núi rừng, những giống biết làm ống tiêu từ lau sậy và tắm trong dòng suối của sơn lâm khi thời gian này hãy còn trẻ trung, và anh có thể nắm bắt lấy cái hình ảnh những vị thần sơn lâm⁽²⁾ nhỏ bé phi

⁽¹⁾ Nhắc đến tình tiết trong Kinh thánh, khi Giêsu (người kế tục Môđơ) dẫn dân tộc Ixraen đến Canaan, Đất Hứa của họ và Giêsu đã lệnh cho mặt trời đứng lặng trên Gibeon (thành phố họ phải bảo vệ) và "mặt trời đã đứng lặng cho tới khi dân tộc ấy đã trả thù được kẻ thù của họ".

⁽²⁾ Theo thần thoại Hy Lạp và La Mã, thần sơn lâm có hình người nhưng lại có chân dê, có sừng và tai nhọn.

Chàng Đỏ

nước đại qua khoảng rừng trống trên lưng một con nhân mã có râu. Tâm hồn là cái thứ sở hữu rắc rối, khi con người phát huy nó, thì anh ta mất đi vườn Địa Đàng⁽¹⁾.

Khi Chàng Đỏ đến đảo thì cũng vừa lúc có một nạn dịch tràn qua, thứ dịch do người da trắng đem tới vùng biển Nam và một phần ba cư dân trên đảo đã chết. Hình như cô gái đã mất hết người thân thuộc và sống trong nhà một người anh họ xa. Nhân khẩu gồm hai bà già, lưng còng và mặt mũi nhăn nheo, hai người đàn bà trẻ hơn, một người đàn ông và một cậu bé. Anh ta nán lại đây ít ngày. Nhưng có thể anh ta cảm thấy ở gần bờ biển quá, nhỡ đâu lại đụng phải những người da trắng và họ sẽ phát hiện ra chỗ trốn tránh của anh, cũng có thể là cắp uyên ương không muốn chịu để sự tụ họp của những người kia tước đi của họ những giây phút khoan khoái bên nhau. Một sáng kia họ dọn đi, cái cắp uyên ương ấy, với một ít đồ đạc của cô gái. Họ đi dọc con đường đầy cỏ dưới rặng dừa, cho đến khi tới con lạch mà ông đã trông thấy. Họ phải qua cái cầu mà ông đã đi qua, cô gái cười sung sướng thích thú vì thấy chàng trai sơ hãi. Cô nắm tay anh ta cho tới hết cái cây đầu tiên thì anh ta mất hết can đảm và phải quay lại. Anh ta đã phải cởi hết quần áo ra rồi mới dám liều đi nữa và cô đội giùm quần áo

⁽¹⁾ Theo Kinh thánh, sau khi Adam và Èva đã nếm trái cấm của cây biết điều thiện và điều ác, thì họ bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng. (Thiên đường trần gian).

cho anh. Họ ngủ trong cái lều bỏ không ở đó. Cô có quyền chiếm nó hay không (sở hữu đất đai là chuyện phức tạp trên đảo) hay là người chủ đã chết trong nạn dịch, tôi không rõ, nhưng chả thấy ai lục vẩn họ, thế là họ thành chủ túp lều. Đồ đạc của họ gồm hai cái chiếu cỏ để ngủ, một mẩu gương soi và một hai cái bát gì đó. Trên mảnh đất dẽ chịu này thì thế cũng đủ để bắt đầu một tổ ấm.

Người ta bảo rằng những người hạnh phúc không có thiên sứ, và chắc chắn một tình yêu hạnh phúc cũng không có nốt. Cả ngày họ chẳng làm gì mà dường như những ngày ấy vẫn ngắn quá. Cô gái có một cái tên địa phương, nhưng Chàng Đỏ gọi cô là Xaly. Anh ta học rất nhanh thứ ngôn ngữ dễ dàng ấy, và thường nằm trên chiếu hàng giờ nghe cô nói líu ríu vui vẻ. Anh ta là một chàng trai ít nói, có thể do trí óc anh ta đang ở trạng thái ngây ngô. Anh ta hút liên tục thứ thuốc lá cô gái làm cho từ giống thuốc lá địa phương và lá cây dứa dại, và ngắm nhìn cô đan chiếu cỏ bằng những ngón tay khéo léo. Thường thì dân địa phương hay ghé chơi và kể những chuyện dài về những ngày xa xưa khi hòn đảo bị khuấy động bởi những cuộc chiến tranh bộ tộc. Đôi lúc anh ta đi câu trên mỏm đá và mang về nhà một giỏ đầy cá. Thỉnh thoảng ban đêm anh ta xách đèn đi bắt tôm hùm. Quanh lều có những cây chuối lá và Xaly vẫn nướng chúng cho bữa ăn thanh đạm của họ. Cô biết cách làm những món ngon linh tinh từ quả dừa, và

cây mít bên bờ lạch cũng đã ra quả cho họ. Vào những ngày lễ họ thịt một con lợn con và nấu nướng trên những hòn đá kê làm bếp nóng rực. Họ tắm cùng nhau dưới con lạch, và tối tối họ ra vịnh và chèo rong ruổi trên chiếc xuồng độc mộc. Biển xanh thăm thẳm, lúc vàng dương xuồng thì có màu rượu đỏ như biển Hy Lạp của Hôme⁽¹⁾; nhưng ở vịnh sắc màu đa dạng vô cùng, vừa xanh biếc, vừa tím thạch anh, vừa màu ngọc lục bảo; và mặt trời đang lặn biến nó trong khoảnh khắc thành màu vàng trong trẻo. Rồi còn có cả màu san hô, nâu, trắng, hồng, đỏ, tía; và nó tạo nên những hình dáng tuyệt trần. Nó giống như một khoảnh vườn màu nhiệm và những chú cá tung tăng kia giống như những con bướm. Nó siêu thực đến lạ lùng. Giữa đám san hô có những khoảng nước có đáy cát trắng và nước trong veo, tắm rất tốt. Thế rồi, mát mẻ và sung sướng, họ thơ thẩn ra về trong ráng hoàng hôn hắt xuồng con đường cỏ mềm mại dẫn đến lạch, bước đi tay nắm tay, lúc này những chú chim sáo đậu đầy rặng dừa kêu âm ī. Rồi đêm đến, với bầu trời bao la lấp lánh ánh vàng có vẻ như còn trải ra dài rộng hơn những khung trời ở châu Âu, và những lớp không khí mềm mại thoái êm ái qua căn lều nhỏ; đêm dài lại hóa ra quá ngắn. Nàng mười sáu và chàng vừa đôi mươi. Vùng đồng đã bò quanh những cột gỗ của túp lều và ngắm nhìn

⁽¹⁾ Hôme, nhà thơ Hy Lạp (khoảng thế kỷ 8 trước Công nguyên), tương truyền là tác giả của trường ca Iliát và Ôđixê.

đôi trẻ đáng yêu ấy đang ngủ trong vòng tay nhau. Mặt trời nấp sau những tàu lá tả tơi của đám chuối lá để khỏi quấy động họ, và rồi, với sự nô giỡn ranh ma, chiếu một tia vàng, như móng vuốt vươn dài của chú mèo Ba Tư, lén mặt họ. Họ mở cặp mắt ngái ngủ ra và mỉm cười chào đón một ngày mới. Tuần này sang tháng khác, một năm đã trôi qua. Có lẽ họ yêu nhau một cách - tôi do dự không dám nói là một cách si mê, bởi si mê luôn chứa một dáng dấp u sầu, một chút cay đắng hay đớn đau, mà là một cách toàn tâm toàn ý, một cách đơn giản và tự nhiên, cũng như cái hôm đầu tiên gặp gỡ, họ đã nhận ra là có một thiên thần ẩn trong mình.

Nếu anh có hỏi thì tôi chắc chắn rằng họ đã nghĩ rằng không đời nào tình yêu của họ lại có thể ngừng. Chúng ta chả biết rằng cái yếu tố cốt tử của tình yêu là niềm tin vào sự vĩnh cửu của chính nó đó sao? Ấy thế nhưng có lẽ trong lòng chàng Đỏ đã có một mầm mống rất nhỏ, anh ta cũng không hay mà cô gái cũng không ngờ, và nó sẽ lớn lên thành sự tẻ chán theo thời gian. Bởi một hôm, một thỏ dân phia ngoài vịnh nói với họ rằng xuôi bờ xuống chút ít có một chiếc tàu đánh cá voi của nước Anh đang bό neo.

- Chà, - anh ta nói. - Giá ta đem đổi ít hồ đào và chuối lá lấy một hai pao⁽¹⁾ thuốc lá thì hay nhỉ.

Những điều thuốc bằng lá dứa dại mà Xaly làm

⁽¹⁾ 1 pao (pound) = 453,59 gram.

cho anh ta băng đôi tay cầm cù của mình, tuy mạnh và hút ngon, nhưng vẫn không làm anh ta thỏa mãn; và anh ta bỗng ao ước thứ thuốc lá chính cống, nặng, thô và hăng. Anh ta đã lâu không hút tẩu. Miệng anh úa nước bọt khi nghĩ đến nó. Người ta cho là những linh cảm không lành hẳn sẽ khiến Xaly tìm cách ngăn anh ta lại, nhưng tình yêu đã bao trùm lấy cô trọn vẹn, đên nỗi trong đầu cô không bao giờ nảy ra ý nghĩ là có một sức mạnh nào đó trên thế gian có thể bứt anh khỏi cô. Họ cùng nhau lên đồi lượm một giỏ to toàn những quả cam dại, xanh, nhưng ngọt và nhiều nước; họ lấy chuối lá ở quanh căn lều, và dừa từ trên cây nhà họ, cả mít và xoài; rồi họ đem chúng ra vịnh. Họ chất lên một chiếc thuyền lênh chênh, rồi Chàng Đỏ và cậu bé thỏ dân, người đã báo tin về chiếc tàu cho họ biết, chèo ra phía ngoài dải đá ngầm.

Đấy là lần cuối cùng cô trông thấy anh ta.

Ngày hôm sau cậu bé quay về một mình. Cậu ta đầm đìa nước mắt. Câu chuyện cậu kể như thế này: Họ chèo khá lâu trước khi tới được chiếc tàu. Chàng Đỏ cất tiếng réo gọi, một người da trắng nhìn xuống và bảo họ lên tàu. Họ lấy số hoa quả mang theo và Chàng Đỏ chất chúng lên boong. Người da trắng và anh ta nói chuyện với nhau, hình như có đi đến một thỏa thuận nào đấy.

Một người trong bọn chạy xuống lấy thuốc lá đem đến. Chàng Đỏ lấy ngay một ít và châm tẩu. Cậu bé diễn lại cử chỉ hân hoan của Chàng Đỏ khi nhả

một chùm khói lớn từ miệng. Rồi bọn họ nói cái gì đó với anh ta, thế là anh ta đi vào cabin. Qua cánh cửa mở cậu bé tò mò quan sát thấy một cái chai và cốc tách được đem ra. Chàng Đỏ uống và hút. Hình như họ hỏi anh ta cái gì đó, vì anh ta có lắc đầu và cười. Người đàn ông, cái người đầu tiên đã nói chuyện với họ, cũng cười theo và rót đầy cốc của Chàng Đỏ lần nữa. Họ tiếp tục chuyện trò và uống rượu, chẳng mấy chốc, mệt vì quan sát cái cảnh chẳng có nghĩa lý gì cho lắm, cậu bé nằm cuộn trên boong mà ngủ. Cậu bị đánh thức dậy bằng một cú đá, và nhảy dựng lên, cậu thấy con tàu đang từ từ rời vịnh. Cậu bắt gặp cái cảnh Chàng Đỏ ngồi bên bàn, đầu rụt gục trên cánh tay, đã thiếp đi. Cậu tiến lại định đánh thức anh ta, thì một bàn tay thô ráp tóm lấy tay cậu, và một người đàn ông quắc mắt nói những lời cậu không hiểu, tay chỉ về phía mạn tàu. Cậu gọi to Chàng ĐỎ, nhưng lập tức bị tóm lấy và bị quăng khỏi tàu. Bất lực, cậu đành bơi tới chiếc thuyền đang trôi dạt đi một quãng và đẩy nó lên chõ đá ngầm. Cậu leo lên đấy, rồi khóc suốt dọc đường chèo thuyền vào bờ.

Điều xảy ra đã quá rõ ràng. Con tàu đánh cá ấy, do có sự đào ngũ hoặc đau yếu, đang thiếu người, nên khi Chàng ĐỎ lên đó, viên thuyền trưởng đã gả anh ta nhập vào đoàn. Sau khi bị từ chối hắn đã chuốc rượu cho Chàng ĐỎ say và bắt cốc đi.

Xaly như người mất hồn vì đau buồn. Nàng khóc lóc vật vã mất ba ngày. Dân địa phương cố hết cách

giải khuây cho nàng, nhưng nàng không khuây khỏa được. Nàng không ăn. Rồi khi đã kiệt sức, nàng rơi vào trạng thái đờ đẫn lầm lì. Nàng quanh quẩn suốt ngày ngoài bờ vịnh, mắt dõi ra biển, trong cái hy vọng vô ích là Chàng Đỏ, bằng cách này cách khác sẽ thoát được. Nàng ngồi trên cát trắng, hết giờ này sang giờ khác, lệ tuôn dài trên má và đêm đến ủ rũ lê bước qua con lạch về túp lều nhỏ, nơi nàng đã được hưởng hạnh phúc. Những người bà con đã từng sống với nàng hồi trước khi Chàng ĐỎ đến đảo muốn nàng quay về với họ, nhưng nàng không về; nàng định ninh rằng Chàng ĐỎ sẽ quay lại, nàng muốn chàng sẽ tìm ra nàng ở cái nơi chàng đã bỏ nàng ra đi. Bốn tháng sau nàng sinh ra một đứa con đã chết từ trong bụng và bà già giúp nàng qua cơn trở dạ đã ở lại luôn với nàng trong lều. Đời nàng đã bị tước hết mọi niềm vui. Nếu như nỗi đau của nàng có nhẹ đi theo thời gian thì nó đã được thế bởi một nỗi u buồn sâu lắng. Ông không thể tưởng tượng được rằng trong số những người dân nơi đây tình cảm mạnh mẽ nhưng rất chóng qua, lại tìm được một người đàn bà mang trong lòng một tình cảm nồng đậm đến vậy. Nàng không bao giờ phai nhạt niềm tin sâu sắc rằng sớm muộn thế nào Chàng ĐỎ cũng trở lại. Nàng mong ngóng chàng, mỗi lần có ai qua cái cầu nhỏ bé thanh mảnh bằng thân dừa kia, nàng lại nhìn ra. Ất hẳn cuối cùng người đó sẽ phải là chàng.

Ninxon ngừng kể và thở dài nhè nhẹ.

- Rồi kết cục cô ta ra sao? - Viên thuyền trưởng hỏi.
Ninxon mỉm cười cay đắng.

- Ô ba năm sau nàng kết duyên với một người da trắng khác.

Viên thuyền trưởng cất tiếng cười trì độn, trơ tráo.

- Bạn đàn bà ấy thường bao giờ chả thế, - gã nói.

Người đàn ông Thụy Điển chĩa cái nhìn căm giận vào gã. Ông không rõ tại sao cái gã đàn ông phì nộn, ngu muội này lại gây cho ông một sự ghê tởm mạnh đến thế. Nhưng ý nghĩ ông vẫn còn đang chu du và ông ngẫm thấy trí óc ông vẫn còn chất đầy những ký niệm của dì vắng. Ông đang quay về với cái thời hai mươi lăm năm về trước. Đó là khi lần đầu ông đặt chân lên đảo, trong tâm trạng chán ngán Apia, với những đồ uống nặng, cảnh cờ bạc và thú nhục dục trắng trợn của nó; và là một người bệnh, đành cam chịu lờ đường công danh đã từng nung nấu tâm can ông với những tham vọng áp út. Ông dứt tình bỏ lại đằng sau mọi hy vọng làm tên tuổi mình trở nên nổi tiếng và lui về tự bằng lòng với những tháng năm ít ỏi nghèo nàn của một đời sống điều độ, cái điều duy nhất ông có thể trông chờ. Ông lên đảo với một thương gia người lai có một cửa hàng cách đó một vài dặm dọc bờ biển bên rìa một làng thổ dân. Một hôm, khi đi lang thang theo con đường đầy cỏ của khu rừng dừa, ông đã bắt gặp túp lều của Xaly. Vẻ đẹp của chốn này làm ông mê ly đến gần như đau đớn, rồi ông trông thấy Xaly. Nàng là người yêu kiều

Chàng Đồ

nhất mà ông từng trông thấy, cái nét u buồn trong cặp mắt đen huyền diệu kia của nàng tác động vào ông một cách lạ lùng. Người Kanaka là một bộ tộc đẹp đẽ, trong họ không hiếm mỹ nhân, nhưng đó là vẻ đẹp của loài muông thú. Nó rõ ràng tuếch. Còn đôi mắt bí thảm ấy lại đen và bí ẩn, và người ta cảm thấy trong đó cái uẩn khúc cay đắng của một tâm hồn vất vưởng. Người thương gia đã kể ông nghe đầu đuôi câu chuyện làm ông xúc động.

- Anh có nghĩ là anh chàng kia sẽ quay lại không?
Ninxon hỏi người thương gia.

- Không đâu. Vì phải một vài năm sau con tàu mới hết hợp đồng, lúc ấy thì hắn anh ta sẽ quên tiệt cô kia. Tôi cuộc là anh ta phải nỗi khùng lên khi tỉnh dậy thấy mình bị bắt cóc, nhưng tôi không bắn khoan chuyện anh ta có muốn đánh nhau với ai không. Anh ta chỉ còn cách nhẹ răng ra cười, rồi chịu vậy. Tôi đố chỉ một tháng là anh ta sẽ nghĩ việc anh ta đã đi khỏi đảo là tốt.

Nhưng Nixon không thể bỏ qua câu chuyện ấy. Có lẽ vì ông đau ốm và yếu đuối, cái sức khỏe phi thường của Chàng Đồ kích thích trí tưởng tượng của ông. Vốn là một người xấu xí, diện mạo tầm thường, ông đánh giá rất cao vẻ duyên dáng của người khác. Ông chưa từng bao giờ yêu say đắm và chắc cũng chưa bao giờ được yêu say đắm. Sự quyến luyến lẫn nhau của đôi trẻ kia cho ông một cảm giác khoan khoái đặc biệt. Ông lại đi đến túp lều nhỏ bằng đường qua con lạch. Ông có tài về ngôn ngữ và có một trí óc

năng nổ đã quen làm việc, và ông đã bỏ nhiều thì giờ nghiên cứu ngôn ngữ địa phương. Thói quen cũ còn mạnh trong ông, và ông đã thu thập tài liệu cho một tờ báo bằng thổ ngữ Xamoia. Bà già ở cùng với Xaly đã mời ông vào chơi. Bà đãi ông uống *Kava* và thuốc lá. Bà vui sướng có người để chuyện trò, và khi bà nói thì ông nhìn Xaly. Nàng gợi cho ông nhớ tới bức tượng Pxykê⁽¹⁾ ở bảo tàng Naplo. Đường nét của nàng cũng trinh bạch như thế, và tuy đã từng sinh nở một lần, nàng vẫn còn cái vẻ trinh nguyên.

Phải mãi đến hai ba lần gặp nhau, nàng mới mở miệng nói với ông. Cũng chỉ là để hỏi xem ông có thấy ở Apia một người tên là Chàng Đỏ hay không. Hai năm đã trôi qua kể từ khi chàng biệt tích, nhưng rõ ràng là nàng vẫn nghĩ đến chàng không nguôi.

Cũng chẳng phải lâu la gì Ninxon mới phát hiện ra là ông yêu nàng. Giờ thì chỉ có nỗ lực ý chí mới ngăn ông không tới con lạch hàng ngày, khi mà ông không ở bên Xaly thì ý nghĩ ông vẫn vương vấn ở nơi ấy. Lúc đầu xem mình như một người đang chết dần, ông chỉ dám mong được nhìn nàng, thỉnh thoảng được nghe nàng nói và tình yêu ấy của ông tạo cho ông một niềm hạnh phúc tuyệt vời. Ông hoan hỷ

⁽¹⁾ Pxykê (Psyche) trong thần thoại Hy Lạp và La Mã, tượng trưng cho tâm hồn, là một trinh nữ trải qua nhiều gian truân do sự ghen tuông của thần Vệ nữ, đã được đoàn tụ với thần Ái tình (Erox trong thần thoại Hy Lạp; Cupidong trong thần thoại La Mã) và được thần Giupite làm cho trở thành bất tử.

trong sự tinh khiết của nó. Ông không ao ước gì hơn ở nàng ngoài cái cơ hội thêu dệt quanh hình hài trác tuyệt của nàng một mạng tơ tưởng tượng đẹp đẽ. Nhưng rồi không khí thoảng mát, nhiệt độ vừa phải, sự nghỉ ngơi, ăn uống thanh bạch bắt đầu có tác dụng không ngờ lên sức khỏe của ông. Ban đêm nhiệt độ người ông không vọt lên mức báo động nữa, ông ít ho hơn và bắt đầu lên cân; sáu tháng qua đi mà ông không bị xuất huyết lần nào; rồi đột nhiên ông nhìn thấy khả năng có thể sống của mình. Ông đã nghiên cứu bệnh tình của mình một cách kỹ lưỡng, và hy vọng lóe lên trong ông là nếu chăm lo giữ gìn tốt, ông có thể chặn được tiến trình của bệnh tật. Nó làm ông phấn chấn về tương lai một lần nữa. Ông vạch ra kế hoạch. Hiển nhiên không thể nói đến một cuộc sống tích cực hoạt động, nhưng ông có thể sống ở trên đảo, và cái thu nhập ít ỏi của ông, giá ở nơi khác thì không đủ, cũng đủ dư dật để nuôi ông ở đây. Ông có thể trồng dừa; đó cũng là một công việc; ông sẽ bán dừa để lấy tiền mua sách và một cây đàn pianô; nhưng trí óc nhanh nhạy của ông đã thấy rằng bên trong tất cả những cái đó là một điều mong ước ngự trị trong ông mà chẳng qua ông cứ cố tự giấu mình.

Ông muốn có Xaly. Ông không những chỉ yêu vẻ đẹp của nàng, mà yêu cả tâm hồn u uẩn dang sau cặp mắt đau khổ của nàng đã được ông suy tôn lên ấy. Ông sẽ làm nàng say cái say mê đắm đuối của ông. Rốt cuộc ông sẽ làm nàng quên đi dĩ vãng. Đắm mình

trong hoan lạc, ông mơ tưởng sẽ đem tới cho nàng bao nhiêu là hạnh phúc mà ông tưởng chừng không còn thấy lại nữa, mà nay đã đạt được một cách nhiệm màu làm vậy.

Ông ngỏ lời cùng chung sống với nàng. Nàng từ chối. Ông đã lường trước được điều đó nên không ngã lòng, vì ông tin chắc sớm muộn thế nào rồi nàng cũng sẽ nhượng bộ. Tình yêu của ông là bất khả kháng. Ông nói với bà cụ già ước mong của mình, và phần nào ngạc nhiên khi bà và những người láng giềng, đã nhận ra điều đó từ lâu và đang thúc giục Xaly nhận lời. Sau hết mỗi người dân địa phương đều sung sướng muốn dành nhà cho một người da trắng, mà Ninxon theo tiêu chuẩn trên đảo thì lại là một người giàu có. Người thương gia đã cùng ông cập bến đến chỗ Xaly bảo rằng nàng đừng có mà ngốc; một cơ hội như thế sẽ không bao giờ trở lại nữa, mà đã lâu đến thế rồi thì nàng đừng có mong hòng gì chuyện Chàng Đỏ sẽ trở về. Sự phản kháng của cô gái càng làm ước mong của ông thêm mạnh mẽ, và cái đã từng là một tình yêu rất tinh khiết trước kia nay đã thành một đam mê ghê gớm. Ông đã quyết là không gì có thể cản được ông nữa. Ông không để cho Xaly yên. Cuối cùng rã rời trước sự bần bì của ông và trước những lời thuyết phục của mọi người xung quanh, nàng đã đồng ý. Nhưng ngày hôm sau, đang phân chán, ông đến nhà nàng thì thấy nàng đã đốt túp lều nơi nàng và Chàng Đỏ từng chung sống từ đêm trước mất rồi. Bà cụ già chạy lại

phía ông đầy bức tức chửi rủa Xaly, nhưng ông đã vãy nàng lại bên: cái đó chả thành vấn đề; họ sẽ xây một căn nhà một tầng trên cái nền lều cũ. Một căn nhà kiểu Âu châu quả thực sẽ tiện lợi hơn, nếu ông muốn khuân cây đàn piano và sổ sách vở nhiều vô kể đến. Và thế là một căn nhà gỗ nhỏ đã được dựng lên, nơi ấy ông đã sống qua bao năm mài tối giờ, và Xaly thành vợ ông. Nhưng sau ít tuần ngày ngất đầu tiên mà ông mãn nguyện với những gì nàng ban cho, ông đã ít biêt đến hạnh phúc. Nàng đã nhượng bộ ông qua sự chán ngán, nhưng nàng chỉ nhượng bộ cái mà nàng không cần cất giữ. Còn cái tâm hồn mà ông chỉ thoáng thấy lờ mờ đã lần khói ông. Ông biêt là nàng chẳng đoái hoài gì đến ông. Nàng vẫn còn yêu Chàng Đỏ, và lúc nào nàng cũng đợi anh quay trở lại. Ninhxon thở dài mà nhận ra rằng, bất kể tình yêu của ông, sự âu yếm của ông, lòng thương cảm của ông, sự bao dung của ông, chỉ cần có một dấu hiệu về Chàng Đỏ nàng sẵn sàng bỏ ông mà không một chút do dự. Nàng chẳng khi nào thèm để ý đến nỗi đau khổ của ông. Nỗi thống khổ xâm chiếm lấy ông và ông đột phá liên tiếp vào cái tôi bất khả xâm phạm của nàng đang ngầm ngầm chống lại ông. Tình yêu của ông trở nên cay đắng. Ông đã cố công đem sự nhân hậu ra để nấu chảy trái tim nàng, nhưng nó vẫn trơ ra như cũ; ông có giả tăng thờ ơ, thì nàng cũng không nhận thấy điều đó. Đôi lúc mất bình tĩnh, ông xử tệ với nàng, lúc ấy nàng chỉ âm thầm khóc. Có lúc ông đã nghĩ rằng nàng chẳng là cái thá gì khác ngoài sự gian trá,

cái tâm hồn kia chǎng qua chỉ là một sáng chế của chính ông và ông không làm cách nào lọt được vào nơi thánh đường của trái tim nàng, chính vì ở đó chǎng có cái thánh đường nào cả. Ái tình của ông đã thành ra một nhà tù mà ông mong trốn ra, nhưng ông thiếu sức mạnh để mở cửa - cả thảy chỉ cần có thế - để bước ra ngoài với không gian bao la. Thật là một trò tra tấn và rứt cục, ông đâm tê dại và vô vọng. Cuối cùng cái ngọn lửa kia đã lui và khi ông thấy cắp mắt nàng trong chốc lát đầm đằm hướng về cây cầu mỏng manh kia, thì chǎng còn cơn giận dữ nào trào lên trong ông nữa, mà chỉ còn có sự sốt ruột. Đã nhiều năm nay họ chung sống với nhau, ràng buộc bởi thói quen và tiện nghi, nên bây giờ ông nhìn lại đam mê ngày xưa với một nụ cười. Nàng đã thành một người đàn bà già nua, đàn bà trên đảo già nhanh lão, và nếu như ông chǎng còn yêu bà ta nữa thì ông còn có sự chịu đựng. Bà ta bỏ mặc ông. Ông băng lòng với cây đàn piano và chõ sách của mình.

Ý nghī trong ông đưa ông tới mong muốn thoát lỗ ra lời:

- Khi tôi nhìn lại và suy ngẫm về cái tình yêu nồng nàn ngắn ngủi của Chàng Đỏ và Xaly, tôi nghĩ có lẽ họ phải cảm ơn số phận nghiệt ngã đã chia lìa họ khi tình yêu hình như còn đang trên đỉnh cao. Họ đau khổ, nhưng đau khổ trong cái đẹp. Họ đã được thoát khỏi một bi kịch thực sự của tình yêu.

- Tôi không dám chắc là năm được ý ông. - Viên thuyền trưởng nói.

Chàng Đỏ

- Bi kịch của tình yêu không phải là cái chết hay sự chia ly. Ông thử nghĩ xem nó kéo dài được bao lâu, cho đến khi một bên không còn lưu tâm tới nữa? Ôi, thật là chua xót khủng khiếp khi nhìn vào một người đàn bà mà anh đã từng thương yêu bằng cả trái tim và tâm hồn đến nỗi không thể chịu để vắng bóng nàng được và anh giờ đây nhận thức ra rằng nếu anh có không bao giờ thấy lại nàng nữa thì cũng chẳng sao hết. Bi kịch của tình yêu là sự lanh đạm.

Nhưng trong lúc ông đang nói thì một sự việc rất khác thường diễn ra. Tuy đang trò chuyện với viên thuyền trưởng, nhưng ông không nói với gã, ông chỉ diễn giải những ý nghĩ thành lời cho chính ông mà thôi, nên tuy mắt ông đặt vào gã đàn ông trước mắt mà nào ông có nhìn thấy gã. Và bây giờ một hình ảnh đã này ra theo ý nghĩ, không phải hình ảnh gã đàn ông ông nhìn thấy, mà là hình ảnh một người khác. Như thể ông đang nhìn vào cái gương biến dạng làm cho người ta thành lùn tịt hay dài lêu lêu, nhưng ở đây thì cái điều ngược lại đã xảy ra, trong người đàn ông luống tuổi dần độn, xấu xí kia ông đã nắm bắt được cái bóng dáng một anh trai to. Ông lướt cái nhìn dò xét kỹ lưỡng lên gã. Tại sao cuộc đi dạo vô tình đã run rủi hấn đến chính nơi này? Tim ông run lên bất thần làm ông hơi khó thở. Một sự hồ nghi vô lý bao trùm lấy ông. Không thể nào có chuyện ấy được, nhưng nhỡ đâu sự đời lại như vậy.

- Tên ông là gì? - Ông hỏi cộc lốc.

Mặt viên thuyền trưởng nhăn nhúm lại, và gã cất tiếng cười gian manh. Trông gã thâm hiểm và thô tục ghê gớm.

- Đã từ cái thời khỉ gió xa xôi ấy tôi đã nghe gọi thế, mà rồi tôi quên tiệt đi mất. Vậy ra ba mươi năm nay trên đảo người ta vẫn gọi tôi là Chàng Đỏ?

Thân hình to lớn của gã rung rung khi gã cười gần gần như không thành tiếng. Thật là bỉ ổi. Ninxon rùng mình. Chàng Đỏ lấy làm rất ngộ và từ đôi mắt vẫn tia máu của gã, nước mắt chảy xuống má.

Ninxon đứng dậy, bởi đúng lúc ấy một người đàn bà bước vào. Bà ta là người địa phương, hơi có cái tướng mạo oai vệ, chắc mập mà không béo bệu, đen, thô dân ở đây càng nhiều tuổi càng đen, và tóc đã bạc nhiều. Bà ta mặc cái áo váy màu đen⁽¹⁾, mỏng, để lộ bộ ngực đồ sộ của mình. Cái giây phút ấy đã tới.

Bà ta hỏi Nixon một câu về chuyện nội trợ và ông trả lời. Ông tự hỏi không biết đối với bà ta, giọng ông có mắt tự nhiên như ông cảm thấy không. Bà ta đưa ánh mắt thờ ơ sang người đàn ông ngồi trên ghế rồi đi ra. Cái giây phút ấy đã đến rồi đã qua đi.

Trong khoảnh khắc Nixon không nói được. Ông bàng hoàng lạ lùng. Rồi ông nói:

- Tôi sẽ rất sung sướng nếu ông ở lại đây xơi cơm với tôi. Có gì ăn nấy.

- Có lẽ tôi xin kiếu, - Chàng Đỏ nói. - Tôi còn

⁽¹⁾ Nguyên văn: Mother Hubbard.

Chàng Đỏ

phải đi tìm tay Grây đã. Tôi giao hàng cho hắn rồi còn chuồn chứt. Tôi muốn ngày mai quay lại Apia.

- Tôi sẽ bảo một cậu bé đi theo chỉ đường cho ông.
- Thế thì hay quá!

Chàng ĐỎ nhắc mình khỏi ghế, trong khi Ninxon gọi một cậu bé đang làm ngoài đồn điền. Ông bảo cậu bé nơi cần dẫn viên thuyền trưởng đi, thế là cậu bước dọc cây cầu. Chàng ĐỎ sửa soạn theo sau.

- Đừng có ngã đấy - Ninxon nói.
- Còn lâu mới ngã được!

Ninxon nhìn theo gã qua cầu và cho đến khi gã đã mất hút sau hàng dừa, ông vẫn còn nhìn. Rồi ông nặng nề thả người xuống ghế. Phải chăng đấy là kẻ đã cản hạnh phúc của ông? Phải chăng đấy chính là kẻ Xaly đã yêu bấy nhiêu năm trời và đã chờ đợi dǎng dǎng đến thế? Thật là lố bịch! Cơn phẫn nộ bất thắn trào lên trong ông làm ông chực vùng dậy theo bản năng mà đậm phá hết xung quanh. Ông đã bị lừa bịp. Rốt cuộc bọn họ đã trông thấy nhau mà không biết điều ấy. Ông cất tiếng cười buôn bã, rồi tiếng cười của ông tăng dần đến khi nó trở nên điên loạn. Thượng đế đã chơi xỏ ông một cách tàn ác. Giờ thì ông đã già mất rồi.

Cuối cùng Xaly đi vào bảo ông là bữa ăn đã sẵn sàng. Ông ngồi xuống cạnh bà ta và cố gắng ăn. Ông tự hỏi không biết bà ta sẽ nói gì, nếu ông bảo bà ta rằng cái người đàn ông ngồi ghế lúc nãy chính là người yêu mà bà còn lưu lại hình ảnh của cái thời

xuân sắc đam mê, phóng túng của mình. Những năm trước đây, khi ông căm giận bà vì đã làm ông đau khổ, ông sẽ rất thích thú nói điều ấy với bà. Ông muốn xúc phạm đến bà như bà đã xúc phạm đến ông, vì uất hận của ông chỉ là ở ái tình. Nhưng giờ đây ông chẳng quan tâm đến nữa. Ông nhún vai đứng dậy.

- Nhà ông ấy cần gì thế? - Bà ta bỗng hỏi.

Ông không đáp ngay. Bà ta đã già quá rồi, đã hóa ra một bà già thô dân số sè. Ông tự hỏi không hiểu tại sao ông từng có thời yêu bà ta điên cuồng làm vậy. Ông đã đem đặt dưới chân bà ta toàn bộ kho báu của tâm hồn ông, mà bà ta có đoái hoài gì đến kho báu ấy đâu. Phí uổng, phí uổng quá! Giờ đây khi nhìn bà, ông chỉ còn thấy khinh bỉ. Thế là cuối cùng lòng kiên nhẫn của ông đã cạn. Ông trả lời vào câu hỏi của bà:

- Ông ta là thuyền trưởng một chiếc tàu buồm. Ông ta từ Apia đến.

- Thế ạ?

- Ông ấy đem tin nhà đến cho tôi. Ông anh tôi ốm nặng và tôi phải về nước.

- Ông đi có lâu không?

Ông nhún vai không đáp.

Chuyến du lịch mùa đông

Thuyền trưởng Ecdman biết rất ít về bà Râyđ cho mãi tới khi chiếc tàu Fridrich Vêbe đến Haiti. Bà lên tàu ở Plymut, nhưng lúc đó ông nhận thêm một nhóm hành khách, người Pháp có, người Bỉ có, người Haiti có, trong số đó nhiều người ông đã biết mặt vì đã từng đi tàu. Bà được xếp ngồi ăn ở bàn kỹ sư trưởng.

Chiếc Fridrich Vêbe là tàu chở hàng thường xuyên chạy từ Hambuốc đến Cactagien ở bờ biển Côlômbia và trên đường đi có ghé qua một số đảo ở vùng Canbê. Nó chở phốt phát và xi măng từ Đức đi và lấy về cà phê và gỗ; nhưng chủ nó, anh em nhà Vêbe luôn sẵn sàng rẽ khỏi hành trình bình thường nếu có thể được một chuyến chở đáng giá.

Fridrich Vêbe được chuẩn bị để chất gia súc, lừa ngựa, khoai tây hoặc bất cứ cái gì khác nếu đó là dịp kiếm tiền chính đáng. Nó chở cả hành khách. Có sáu buồng ở boong trên và sáu buồng ở phía dưới. Trang bị tiện nghi không phải đã sang lăm, nhưng ăn uống rất khá, không cầu kỳ nhưng đồ đạc và giá vé lại rẻ.

Một chuyến cả đi cả về hết chín tuần lẽ, mà bà Râyđ
tốn không quá bốn mươi lăm đồng xteclinh. Bà háo
hức không những được xem nhiều địa điểm lý thú,
với bề dày lịch sử, mà còn thâu nhận được vô vàn
thông tin làm phong phú cho trí óc.

Người nhân viên đại lý của tàu đã báo trước cho
bà rằng khi nào tàu tới Cảng Hoàng tử ở Haiti thì bà
sẽ phải san sẻ phòng ở với một phụ nữ nữa. Bà Râyđ
không phản đối việc đó, bà cũng thích có bầu có bạn.
Khi cô phục vụ báo cho bà biết người bầu bạn của bà
là bà Bôlin thì bà nghĩ ngay đến một dịp rất thuận
tiện để luyện tiếng Pháp. Bà chỉ hơi không ưng ý một
tí khi thấy bà Bôlin da đen như than. Bà tự nhủ rằng
con người ta phải chấp nhận cái thô kệch với cái mịn
màng và thế gian này chính là được tạo nên từ mọi
loại người.

Bà Râyđ chưa chồng, là người đi biển giỏi (hắn là
phải như thế rồi) vì ông nội bà đã từng làm sĩ quan
hải quân. Sau mấy ngày lao đao, thời tiết đã trở lại
tốt lành, và chỉ một loáng bà đã biết hết tất cả những
hành khách cùng đi.

Bà dễ chan hòa lắm. Đó là một trong những lý do
tại sao bà thành công trong nghề kinh doanh. Bà mở
quán trà ở một nơi danh lam thắng cảnh miền tây
nước Anh; với bất cứ người khách nào vào quán, bà
đều luôn sẵn có một nụ cười hoặc một lời nói hởi lòng
hở dạ. Mùa đông bà đóng cửa quán và bốn năm nay
đều đi du lịch. Bà bảo là gấp được chiếc tàu với những

Chuyến du lịch mùa đông

con người thú vị lúc nào cũng học hỏi được điều gì đó. Có điều là hành khách của chiếc tàu này không hoàn toàn thuộc tầng lớp quý phái như những người bà đã gặp năm trước trong chuyến du lịch Địa Trung Hải, nhưng bà Râyđ không phải là kẻ hơm mình.

Tuy cung cách ăn uống của vài người trong số họ còn có phần làm bà sảng sốt, nhưng một khi đã quyết tâm nhìn phía mặt sáng của sự vật, bà ra sức tận dụng cái hay, cái đẹp của họ.

Bà rất ham đọc sách và vui mừng khi thấy trong thư viện trên tàu có nhiều sách của Philip Openaim, Etga Oalax và Agatha Crixti; nhưng vì có quá nhiều người để chuyện trò, nên bà chảng có thì giờ đọc sách và dành để đó cho đến khi tàu hết khách ở Haiti. Bà ngẫm: "Suy cho cùng, tìm hiểu tính cách con người còn quan trọng hơn cả văn học".

Bà Râyđ vốn có tiếng là người nói chuyện tài và bà khoan khoái với chính mình vì trong suốt nhiều ngày trên biển, chưa lần nào bà để cho câu chuyện tại bàn lắng xuống. Bà biết cách khơi gợi mọi người, và mỗi khi chủ đề câu chuyện dường như có chiều cạn kiệt thì bà đã sẵn có một nhận xét làm chủ đề ấy sống lại hoặc một chủ đề khác đã ngấp nghé nơi đầu lưỡi bà để lại làm câu chuyện rộ lên.

Bạn của bà, bà Praix, cũng chưa chồng, con gái cha xứ đã quá cố của địa phận Camđen, người đã đi tiên bà ở cảng Plymut, vì bà này sống ở đấy, vẫn thường nói với bà:

- Vênêxia này, chị có trí óc như nam giới. Chưa bao giờ chị lúng túng về chuyện gì cả.

- Ấy, tôi cứ nghĩ khi ta quan tâm đến mọi người thì mọi người cũng quan tâm đến ta. - Bà Râyđ trả lời nhũn nhặn. - Thực tiễn làm nên sự hoàn hảo. Tôi có khả năng vô tận thế này là vì cần cù, chịu khó, điều mà Đichkenx gọi là tài năng.

Tên thật của bà Râyđ không phải là Vênêxia, tên bà là Alixø, nhưng vì không thích cái tên bà đã có nên ngay từ hồi còn con gái, bà đã lấy cái tên trữ tình này mà bà cảm thấy hợp với cá tính mình nhiều hơn.

Bà Râyđ có rất nhiều cuộc chuyện trò thú vị với những hành khách cùng đi, nên bà cảm thấy nuối tiếc thực sự khi rốt cuộc tàu đã ghé vào Cảng Hoàng tử và người hành khách cuối cùng đã rời tàu. Chiếc Fridrich Vêbe dừng lại ở đây hai ngày, trong thời gian đó bà tham quan thành phố và vùng lân cận. Khi tàu nhỏ neo thì bà là hành khách duy nhất còn lại trên tàu. Con tàu đi men theo bờ biển của hòn đảo, ghé vào các cảng để dỡ hàng xuống hoặc chất hàng lên.

- Tôi hi vọng là bà không cảm thấy hoang mang khi còn lại một mình với nhiều đàn ông như thế, bà Râyđ ạ, - viên thuyền trưởng thân tình nói với bà khi họ ngồi vào bàn ăn trưa.

Bà được xếp ngồi ở phía bên tay phải thuyền trưởng. Cùng bàn còn có viên thuyền phó, kỹ sư trưởng và ông bác sĩ.

- Ông thuyền trưởng ạ, tôi là người phụ nữ lịch

duyệt trải đời rồi. Tôi luôn luôn cho rằng nếu một lệnh bà đúng là lệnh bà thì những dâng nam nhi cũng sẽ tỏ ra đúng bậc nam nhi.

- Thưa bà, chúng tôi chỉ là những thủy thủ lõ măng, bà đừng trông chờ gì nhiều.

- Những tấm lòng tốt còn hơn cả vương miện, những đức tin giản dị còn hơn cả dòng máu Noocman, ông thuyền trưởng ạ, - bà Râyđ đáp lại.

Viên thuyền trưởng thấp, to ngang, có cái đầu cao nhẵn và khuôn mặt đǒ lự, cũng cao nhẵn. Ông ta mặc chiếc áo lùng thùng màu trắng, nhưng chỉ trừ lúc đi ăn, còn thì cởi cúc cổ để hở bộ ngực lông lá. Ông ta thuộc loại vui tính, ăn nói lúc nào cũng như bò rống.

Bà Râyđ thầm nghĩ ông ta hết sức lập dị, nhưng vốn bản tính tinh tế, bà sẵn sàng bỏ qua chuyện đó. Bà chủ động nắm lấy câu chuyện. Bà đã biết được nhiều về Haiti trong chuyến lên bờ hơn hai ngày, nhưng biết rằng đám thủy thủ thích nói hơn là thích nghe, nên bà đặt cho họ một số câu hỏi mà bà đã biết tổng câu trả lời; kể cũng lạ là họ lại không biết.

Rốt cuộc, bà thấy mình phải có nghĩa vụ giảng giải cho họ ít nhiều. Thế là trước khi bữa ăn trưa, mà họ gọi theo cái cách lụt lùng của họ là *Mittag Essen*, kết thúc, bà đã phổ biến cho họ vô số thông tin thú vị về lịch sử và tình hình kinh tế của nước cộng hòa này, những vấn đề mà nó gấp phải và triển vọng của nó trong tương lai. Bà nói khá chậm rãi, bằng giọng điệu trau chuốt. Vốn ngôn từ của bà cũng dồi dào.

Khi màn đêm buông xuống, họ đậu vào một bến cảng nhỏ để chất lên ba trăm túi cà phê, và người nhân viên đại lý lên tàu. Viên thuyền trưởng mời anh ta ở lại ăn tối và đặt món cốc-tay. Khi cốc-tay được chiêu đãi viên bụng ra thì bà Râyđ lướt nhanh vào phòng khách. Cử động của bà khoan thai, duyên dáng và tự tin. Bà chẳng luôn luôn phán rằng muốn biết ngay một người đàn bà có phải là một lệnh bà quý phái hay không thì chỉ cần nhìn cung cách đi đứng mà lại.

Thuyền trưởng giới thiệu nhân viên đại lý với bà, và mời bà ngồi xuống.

- Đàn ông các ông đang uống món gì thế? - Bà hỏi.
- Cốc-tay đấy mà. Bà làm một cốc nhé, bà Râyđ?
- Nếu được thì hay quá!

Bà uống hết khiến viên thuyền trưởng có phần băn khoăn hỏi xem bà có uống nữa không.

- Nữa ấy à? Được thôi, cho nó thân mật.

Anh nhân viên đại lý, trắng hơn một số người, nhưng vẫn còn đen hơn nhiều người, là con của một sứ thần Haiti cũ tận bên triều đình Đức, và đã sống nhiều năm ở Berlin nên nói tốt tiếng Đức. Chính vì lẽ này mà anh có việc làm với hảng tàu của Đức.

Nhân cơ ấy, trong bữa ăn bà Râyđ đã kể cho mọi người về chuyến đi trên sông Ranh hồi nào của mình. Sau đó bà, anh nhân viên đại lý, thuyền trưởng, bác sĩ và thuyền phó cùng ngồi quanh bàn uống bia. Bà Râyđ coi nhiệm vụ của mình là gợi chuyện anh nhân

Chuyến du lịch mùa đông

viên. Việc họ chất cà phê lên tàu, gợi cho bà rằng anh ta hẳn sẽ hứng thú tìm hiểu cách thức người ta trồng chè ở Xâyylan ra sao; được lăm, bà đã đi du lịch Xâyylan rồi. Còn việc bố anh ta đã làm nghề ngoại giao thế nào cũng làm anh ta quan tâm đến hoàng tộc nước Anh. Thật là một buổi tối rất dễ chịu đối với bà.

Cuối cùng, khi bà đã đi nghỉ - bà không bao giờ nói nồng cai kiểu quê mùa là lên giường đi ngủ - thì bà bụng bảo dạ:

- Đi một ngày dài, học một sàng khôn, thật chẳng ngoa tí nào.

Thế mới biết hòa nhập với đám đàn ông nọ như bà đã làm không phải là việc vừa. Về nhà kể cho mọi người nghe chuyện ấy để xem họ sẽ cười như thế nào! Họ sẽ nói rằng chuyện như thế chỉ xảy ra với Vénêxia mà thôi.

Bà mỉm cười khi nghe thấy viên thuyền trưởng đang hát trên boong với cái giọng oang oang như lệnh vở. Người dân Đức thích âm nhạc ghê lầm. Ông ta có cái dáng đi đi lại lại khệnh khạng trên đôi cẳng chân ngắn đến là buôn cười, miệng hát giai điệu của Vagne, còn lời do ông ta tự sáng tác ra. Bài ông ta đang hát là *Tannhauser⁽¹⁾* (Dưới ánh sao đêm mới thấy tình tứ), nhưng vì không biết tiếng Đức, nên bà chỉ có thể phỏng đoán những lời nhảm nhí mà ông ta

⁽¹⁾ Bản opéra của Vagne sáng tác năm 1844 dựa trên truyền thuyết về một hiệp sĩ Đức thế kỷ 13 đi tìm sự giải tội sau cuộc truy hoan.

nhét vào. Nó như thế này: "Ôi, người đàn bà ấy té làm sao, thế nào ta cũng giết mụ ta, nếu cứ còn tiếp diễn mãi như trên". Rồi ông chuyển sang giọng điệu thương vỗ của Zichfrit⁽¹⁾. "Mụ ta té ghê, mụ ta té ghê, mụ ta té ghê, là lá la. Ta sẽ quẳng mụ ta xuống biển, là lá la".

Bà Râyđ có như thế thật. Bà té dễ sợ, bà té lẹ lùng, bà té quá mức. Giọng bà đơn điệu, nhảm tai khi nói chuyện, ngắt lời bà chẳng được tích sự gì vì chỉ tố làm cho bà nhắc lại từ đầu. Lòng khao khát thông tin của bà không biết đến trạng thái no chán. Không một câu nói tình cờ nào bay qua bàn mà không làm bà hỏi vô số câu hỏi về nó. Bà là người đại mơ mộng và bà tả lại các giấc mơ của mình tràng giang đại hải đến không chịu nổi. Không có vấn đề gì bà không chém mấy lời nhạt nhẽo vào. Dịp nào bà cũng phát biểu những chân lý ai cũng biết. Bà lải nhải những chuyện sáo mòn như cái búa gõ mãi định vào tường. Bà say sưa với những điều hiển nhiên như anh hè xiếc nhảy qua cái vòng.

Sự im lặng xung quanh không làm bà thối chí. Những con người tội nghiệp kia đang xa nhà, lại cứ phải nghe những lời liến thoảng dông dài, thêm vào đó lẽ Nôen đang tới gần, nếu họ cảm thấy ủ dột cũng không có gì là lạ. Thấy thế bà lại càng ra sức làm cho

⁽¹⁾ Siegfried: anh hùng truyền thuyết Đức đã đoạt bảo bối của giống người lùn Nibêlung, giết con rồng, cứu người đẹp, tựa như Thạch Sanh của ta.

Chuyến du lịch mùa đông

họ tươi tinh lênh, hứng thú lênh. Bà quyết gieo sự vui vẻ vào cuộc đời tối tăm của họ. Chính cái điều khổ khổ là ở cái ý định tốt đẹp của bà Râyđ.

Bà không chỉ có những giây phút vui vẻ thoải mái, bà còn cố gắng bao cho những người khác những giây phút vui vẻ thoải mái. Bà chắc chắn rằng người ta cũng thích bà như bà thích người ta. Bà cảm thấy mình đang góp phần làm cho cuộc tụ tập thành công mỹ mãn và bà sung sướng một cách ngày càng bà đã thành công. Bà kể cho họ nghe mọi chuyện về bà Praixơ bạn bà, kể rằng bà ấy vẫn hay nói với bà: Vênêxia, hễ có cậu là không ai cảm thấy buồn chán cả. Bốn phận của thuyền trưởng là phải lịch sự với hành khách, cho nên dù có rất muốn bảo bà thu bớt cái lưỡi ẩm ương lại, ông cũng không thể nói ra. Ngay cả nếu ông được tự do nói điều ông nghĩ, ông cũng không nỡ lòng nào để bà mếch lòng. Thành thử không gì ngăn được dòng thác âm thanh liên thoảng của bà. Nó cũng bất khả kháng như sức mạnh của tự nhiên.

Có lần khi đã hết nước đối phó, họ bèn nói tiếng Đức, nhưng bị bà chặn lại ngay:

- Ấy chết, ai lại nói những điều tôi không hiểu như thế bao giờ. Các ông phải tận dụng dịp may là có tôi đây bên cạnh để luyện tiếng Anh chứ.

- Chúng tôi đang nói những vấn đề kỹ thuật, chỉ sợ làm bà phát ớn, bà Râyđ à, - thuyền trưởng nói.

- Tôi không bao giờ ớn cả. Nếu các ông không

cho tôi là ngạo mạn khi nói điều này, thì đúng là tôi không thấy chán đâu. Chả là tôi thích biết mọi thứ mà. Cái gì cũng làm tôi quan tâm hứng thú. Các ông biết đấy, thông tin nào chả có lúc có ích.

Ông bác sĩ lạnh lùng cười.

- Ông thuyền trưởng nói thế là vì ông ấy lúng túng không dám trả lời thảng thôii. Thực ra ông ấy đang kể một câu chuyện không hợp với đôi tai một quý khách đi tàu chưa chồng.

- Tuy là chưa chồng, nhưng tôi là người từng trải lắm. Tôi không tưởng lầm thủy thủ là những ông bụt đâu. Ông thuyền trưởng này, ông chả phải sợ những điều ông nói khi có tôi, tôi không bị bắt ngờ đâu. Tôi cũng thích nghe câu chuyện ông kể.

Ông bác sĩ tuổi đã sáu mươi, có mái tóc hoa râm mỏng, bộ ria lốm đốm bạc và đôi mắt xanh nhỏ và sáng. Ông vẫn là một người lắng lắng ít nói, trầm tính, nên cho dù bà Râyđ đã cố hết sức gợi chuyện nhưng không thể moi được lời nào ở ông. Nhưng bà đâu phải loại phụ nữ dễ chịu bó tay. Một buổi sáng, khi tàu đã ra khơi, bà thấy ông ngồi trên boong với quyển sách trên tay, thế là bà đem chiếc ghế của mình đặt sát ghế ông và ngồi xuống bên cạnh ông.

- Ông thích đọc sách à, hở bác sĩ - bà nói, giọng tươi roi rói.

- Vâng!

- Tôi cũng thế. Tôi đoán ông cũng ưa âm nhạc như mọi người Đức.

Chuyện du lịch mùa đông

- Tôi thích âm nhạc.
- Tôi cũng thế. Giây phút tôi trông thấy ông, tôi đã biết là nom ông thông minh lắm.

Ông bác sĩ liếc nhanh sang bà và mím môi lại tiếp tục đọc. Bà Rayed chảng nhút chí tí nào.

- Tất nhiên, con người ta có thể đọc sách mọi lúc. Tôi thì thích một cuộc nói chuyện hay hơn là một cuốn sách hay. Ông có thích thế không?

- Không.

- Chà, hay nhỉ. Ông có thể thổi lô với tôi tại sao được không?

- Tôi không thể gọi ra được nguyên nhân cho bà.

- Thế thì lạ lắm đây chứ, phải không? Tôi xưa nay vẫn luôn nghĩ bản chất con người ta là cái điệu lả. Tôi thích tìm hiểu con người ghê lầm cơ, ông ạ. Tôi vốn vẫn thích các bác sĩ, đây là những người biết rất nhiều về bản chất con người, thế nhưng tôi cũng có thể nói với ông vài điều đến ông cũng phải ngạc nhiên. Khi đã mở quán trà như tôi đây thì học hỏi được nhiều điều về con người lắm, vì lúc nào cũng mở mắt quan sát người ta.

Ông bác sĩ đứng dậy.

- Bà Rayed này, xin bà thứ lỗi cho tôi. Tôi phải đi thăm bệnh nhân đây.

"Dù sao thì mình cũng đã phá bỏ những dè dặt ngăn cách ban đầu", bà nghĩ khi ông đã trở bước. "Có lẽ tại ông ấy nhút nhát mà thôi".

Rồi một hai hôm sau ông bác sĩ cảm thấy không được khỏe. Ông vốn có bệnh trong người, thỉnh thoảng lại phát chứng, nhưng ông đã quen và chẳng thích bày tỏ với ai. Mỗi khi con bệnh tái phát, ông chỉ muốn ở yên một mình. Phòng ông nhỏ và bí hơi, nên ông ra nằm trên chiếc ghế dài trên boong và nhắm mắt lại.

Bà Râyđ đang tiến tiến lui lui tập thể dục nửa giờ, đây là thói quen buổi sáng và buổi tối của bà. Ông bác sĩ cho rằng nếu ông đã giả vờ ngủ thì bà Râyđ sẽ chẳng quấy rầy. Nhưng khi bà Râyđ đã đi qua đi lại chỗ ông nằm khoảng dăm lần rồi thì bà dừng lại trước ông và đứng lặng im. Tuy nhắm mắt, nhưng ông cũng biết là bà đang nhìn ông.

- Ông bác sĩ, tôi có thể giúp gì được ông không? - Bà hỏi.

Ông giật mình.

- Ôi, có chuyện gì thế?

Ông liếc nhìn bà thì thấy đôi mắt bà đầy nỗi lo âu. Bà nói:

- Nom ông ốm quá!
- Tôi đang đau lấm!
- Tôi biết. Trông khí sắc ông là biết, không thể giúp cách gì được ư?

- Không, rồi nó sẽ khỏi ngay bây giờ thôi.

Bà do dự một tí rồi đi. Sau đó bà quay lại ngay.

- Không có đệm điếc gì thì ông đến khổ. Tôi

Chuyện du lịch mùa đông

mang cái gối tôi vẫn đem theo đi du lịch lại cho ông đây. Để tôi kê dưới đầu cho ông nhé.

Lúc ấy ông bác sĩ cảm thấy quá ốm, không phản đối được. Bà dịu dàng nâng đầu ông lên và đặt chiếc gối mềm phía dưới. Quả thực, ông có thấy dễ chịu hơn. Bà đặt tay lên trán ông, bàn tay lạnh và mềm mại. Bà nói:

- Rõ tội nghiệp thân ông. Tôi vẫn biết dân bác sĩ là thế nào rồi. Họ chẳng bao giờ nghĩ ra là phải chăm sóc bản thân đến nơi đến chốn.

Bà đi khỏi, để rồi một hai phút sau quay lại với chiếc ghế và cái túi. Trong thấy thế, ông bác sĩ vẫn mình đau đớn.

- Giờ tôi không để ông nói chuyện đâu, tôi chỉ ngồi đan bên cạnh ông mà thôi. Khi con người ta ốm mà có người ở bên cạnh thì dễ chịu lắm.

Bà ngồi xuống và lấy trong túi ra cái khăn len đan mài vẫn chưa xong của bà và miệt mài với đường kim mũi len. Bà chẳng nói một lời. Kể cũng lạ, ông bác sĩ thấy có bà bên cạnh cũng là một nỗi khuây khỏa. Chưa có ai trên tàu để ý biết ông ốm. Ông cảm thấy cô đơn, thành thử thiện tâm của con người chán ngắt này đối với ông lại đậm thành ra ơn nghĩa. Cảnh tượng bà im lìm ngồi làm việc làm ông thấy đỡ đau, rồi dần dần ông thiếp đi. Khi tỉnh dậy, ông thấy bà vẫn đang làm việc. Bà cười nụ với ông, nhưng không nói. Cơn đau đã biến mất và ông cảm thấy khỏe khoắn lên nhiều.

Mãi đến tận chiều tối ông mới đi vào phòng khách trên tàu. Ông thấy viên thuyền trưởng và Hanx Krauxs, thuyền phó, đang ngồi uống bia với nhau.

- Ngồi xuống đây, bác sĩ, - thuyền trưởng nói. - Chúng tôi đang họp hội đồng chiến tranh. Ông biết đấy, ngày kia đã tới *Sylvester Abend* rồi.

- Thì hắn rồi.

Sylvester Abend, Đêm giao thừa, là một dịp rất nhiều ý nghĩa đối với người Đức và họ thấy đều mong đợi giờ phút ấy. Họ đã mang theo suốt chặng đường từ Đức đi cây thông Nôen.

- Bữa ăn hôm nay bà Râyđ lại lăm mồm quá mọi khi. Hanx và tôi đã quyết định là phải có cách gì đó phó lại.

- Sáng nay bà ấy ngồi im lặng bên tôi hai tiếng đồng hồ. Tôi cho là bà ấy nói bù lại cho chõ thời gian đã mất.

- Xa quê hương đã đủ khổ, gia đình cũng xa nốt, vậy thì điều duy nhất ta có thể làm là cải thiện hết mức tinh cảnh đắng chán này. Chúng tôi muốn tổ chức *Sylvester Abend* cho ra trò, nhưng nếu không có cách gì với bà Râyđ thì chịu không thể tổ chức được.

- Chúng ta không thể có tôi vui nếu bà ta lại mò đến với chúng ta, - thuyền phó Hanx nói. - Bà ta sẽ phá hỏng cho mà xem, điều ấy thì chắc như đinh đóng cột.

- Các ông tính làm sao thoát khỏi bà ta, nếu không quẳng bà ta xuống biển? - Ông bác sĩ mỉm cười. -

Chuyến du lịch mùa đông

Tâm tính bà ta cũng không đến nỗi, chỉ phải cái bà ta đang muốn có một tình nhân.

- Ở tuổi ngàn ấy? - Hanx Krauxơ thốt lên.

- Đặc biệt là ở tuổi ấy. Cái tính lầm mờm quá thể, cái tính háo chuyện, hỏi han vô cùng tận ấy, lối ăn nói nhạt nhẽo, cách đi đứng của bà ta, tất cả là dấu hiệu của sự trinh tân tột bậc. Một anh tình nhân sẽ làm cho bà ta yên ả. Mở dây thần kinh căng ráng của bà ta sẽ chùng xuống. Ít nhất cũng được một tiếng đồng hồ. Sự thỏa mãn sâu sắc mà cơ thể bà ta đang đòi hỏi sẽ giải tỏa ra các trung tâm ngôn ngữ đang lâm bệnh trầm trọng, thế là chúng ta sẽ được yên.

Xưa nay thật khó mà biết bao nhiêu phần nghiêm túc trong lời nói của ông bác sĩ và khi nào thì ông đùa. Tuy nhiên cặp mắt xanh của thuyền trưởng đã ánh lên một cách tinh quái.

- Được lầm, bác sĩ. Tôi rất tin vào khả năng chẩn đoán của bác sĩ. Cách điều trị mà bác sĩ nêu ra rõ ràng là đáng thử. Bác sĩ lại là người chưa vợ, cho nên nếu bác sĩ đích thân đứng ra thực hiện thì đúng lầm.

- Xin lỗi ông thuyền trưởng, trách nhiệm chuyên môn của tôi là kê đơn chữa trị cho những bệnh nhân tôi phụ trách ở trên chiếc tàu này chứ không phải đích thân bón thuốc cho họ. Với lại, tôi đã sáu mươi tuổi rồi.

- Tôi thì đã có vợ với con cái lớn cả, - thuyền trưởng nói. - Tôi vừa già, vừa béo, vừa bị hen suyễn, cho nên không thể gánh vác một nhiệm vụ như thế

được. Tạo hóa đã an bài cho tôi vai trò làm chồng, làm cha rồi, chứ không làm nhân tình nhân ngai được.

- Trong lĩnh vực này thì tuổi trẻ là quan trọng, hình thức đẹp trai là có lợi thế, - ông bác sĩ nghiêm nghị nói.

Viên thuyền trưởng bất chợt đấm tay xuống bàn rõ to.

- A, bác sĩ muốn nói đến Hanx. Bác sĩ thế mà đúng. Hanx phải làm việc này.

Thuyền phó Hanx đứng bật dậy:

- Tôi ấy à? Không đời nào!

- Hanx, cậu vừa cao, vừa dẽ ưa, vừa trẻ trung, vừa dũng cảm, lại khỏe như béo ấy! Chúng ta còn hăm ba ngày nữa lệnh đèn trên biển rồi mới tới được Hǎmbuốc. Cậu không thể phụ lòng tin của thằng già này trong những trường hợp khẩn cấp và làm người bạn tốt của cậu là ông bác sĩ phải thất vọng!

- Không đâu, ông thuyền trưởng, thế là đòi hỏi quá sức tôi đấy. Tôi mới lấy vợ chưa được một năm, tôi yêu vợ tôi. Tôi nóng ruột nồng gan đợi ngày về lại Hǎmbuốc. Vợ tôi thương yêu tôi như tôi thương yêu cô ấy. Tôi không thể phản bội cô ấy, nhất là lại với bà Râyđ.

- Bà Râyđ đâu có đến nỗi xấu, - ông bác sĩ lên tiếng.

- Một số người còn bảo bà ấy xinh xẻo nữa là khác, thuyền trưởng nói.

Quả thực nếu bạn soi từng nét của bà Râyđ thì bà

Chuyến du lịch mùa đông

không phải loại phụ nữ nhan sắc tầm thường. Mặt bà tuy có hơi dài, hơi đần, nhưng đôi mắt nâu của bà khá to và lông mi rất dày, mái tóc nâu của bà cắt ngắn và lượn sóng khá duyên xuống cổ. Da bà không xấu. Bà chẳng béo quá, cũng không gầy quá. Bà không già như con người ngày nay, nếu bà có bảo bạn bà mới tứ tuần thì bạn hoàn toàn tin được. Nhược điểm duy nhất là bà hơi nhêch nhác và ngốc nghếch.

- Chả lẽ hăm ba ngày giờ tôi phải chịu đựng tính béo lèo của người đần bà dở dở ương ương ấy? Chả lẽ hăm ba ngày giờ tôi phải trả lời những câu hỏi ngắn và lảng nghe những nhận xét ngu đần của bà ấy? Chả lẽ tôi già bằng này tuổi đầu lại để tối vui giao thừa của tôi bị đi đổi vì nhập hội với cái bà gái tân khó chịu ấy? Mà tất cả chỉ tại vì không tìm ra ai để tỏ ra ga lăng một tí, tốt bụng một tí, le lói tình thương người đần bà cô đơn ấy một tí. Tôi sẽ đánh đắm tàu.

- Còn có anh nhân viên điện dài, - Hanx nói.

Viên thuyền trưởng thét to:

- Hanx, cầu cho hàng vạn gái tân ở Côlônhơ đứng dậy chúc phúc cho cậu. Hầu đâu, bảo với thằng nhân viên điện dài là ta gọi nó lên.

Anh nhân viên điện dài bước vào phòng khách và dập gót giày rất chỉnh tề. Ba người đần ông im lặng nhìn anh ta. Anh bồn chồn lo lắng không hiểu mình đã phạm điều gì để đến nỗi bị gọi vào xát xà phòng thế này. Anh cao trên tầm trung bình, vai

vuông, hông hẹp, thẳng và gầy, làn da mượt mà rám nắng cứ như thể lưỡi dao cao chưa bao giờ động đến. Anh có đôi mắt to màu xanh lá lùng và một mái tóc vàng loăn xoăn. Anh ta là cái mẫu hoàn hảo của thanh niên dòng dõi Toitovich⁽¹⁾. Anh khỏe mạnh, cường tráng, sống động, đến nỗi ngay khi đứng cách bạn một khoảng, bạn vẫn cảm thấy hào quang sức sống của anh.

- Dòng Ariëng, tuyệt lăm, - thuyền trưởng nói. - Không còn nghi ngờ vào đâu được. Bao nhiêu tuổi rồi, chú mày?

- Dạ, thừa hai mươi mốt ạ.
- Có vợ chưa?
- Dạ thừa, chưa ạ.
- Đã đính hôn với ai chưa?

Anh nhân viên điện đài khúc khích cười. Trong tiếng cười có nét trẻ con đáng yêu.

- Dạ thừa, chưa ạ.
- Chú mày có biết ta có một hành khách nữ trên tàu không?
- Dạ thừa, có ạ!
- Chú mày có biết bà ấy không?
- Cháu mới chào hỏi bà ấy sáng nay lúc gấp bà ấy ở trên boong.

Viên thuyền trưởng lấy lại phong thái chính quy

⁽¹⁾ Người Đức cổ.

Chuyện du lịch mùa đông

nhất. Mắt ông, bình thường vẫn lấp lánh ánh cười, lúc này nghiêm lại. Giọng nói ngọt ngào, ấm áp của ông đã có những nốt gầm gừ lan vào.

- Tuy đây là tàu hàng và chúng ta chở những loại hàng có giá trị, chúng ta cũng lấy hành khách lên nếu có, và đây là một hướng công việc của chúng ta mà hàng rất khuyến khích. Chỉ thị của tôi là làm mọi cái để tăng cường hạnh phúc và sự dễ chịu của hành khách. Bà Râyđ cần có một tinh nhân. Ông bác sĩ và tôi đã đi đến kết luận là anh rất thích hợp với vai trò thỏa mãn những đòi hỏi của bà Râyđ.

- Dạ, cháu ấy ạ?

Mặt anh nhân viên điện đài đỏ tía lên. Anh cười khinh khích, nhưng trán tĩnh lại ngay khi thấy những khuôn mặt lạnh như tiền của ba người đàn ông trước mặt.

- Nhưng bà ấy phải đáng tuổi mẹ cháu.

- Ở tuổi anh thì điều ấy không quan trọng. Bà ấy là phụ nữ con nhà danh giá, đánh bạn với tất cả những gia đình dòng dõi của nước Anh. Nếu là người Đức thì ít nhất bà ấy cũng phải là nữ bá tước. Cái việc anh được chọn lựa cho trọng trách ấy là niềm vinh dự mà lẽ ra anh phải đánh giá cho đầy đủ. Hơn nữa, cái vốn tiếng Anh của anh xem ra đã chững lại, đây là dịp hiếm có để trau dồi.

- Tất nhiên, chuyện ấy cũng là cái phải nghĩ đến, - anh điện báo viên đáp. - Cháu cũng muốn luyện nó đầy.

- Chả mấy khi trong đời sự khoan khoái lại đi

kèm với nỗ lực nâng cao trí tuệ. Anh đáng phải mừng cho cái số may mắn của anh.

- Dạ thưa, cháu xin hỏi một câu có được không ạ: tại sao bà Râyđ lại muốn có tình nhân?

- Nghe đâu phong tục từ xưa của Anh là vào quang này trong năm, những phụ nữ chưa chồng thuộc hàng quý phái phải ngả mình vào trong vòng ôm áp của tình nhân. Hằng ta phải lo làm sao để bà Râyđ được đói đai hệt như trên một chiếc tàu Anh. Nhất định là nếu bà ấy mẫn nguyện, lại săn những dây mơ rě mà với giới quý tộc, bà ấy sẽ thuyết phục nhiều bạn bè đi tàu của hằng ta.

- Dạ thưa, thế thì cháu chịu thôi ạ.

- Đây không phải là tôi yêu cầu anh, đây là mệnh lệnh. Anh sẽ có mặt trong phòng bà Râyđ vào mươi một giờ tối nay.

- Đến đấy rồi cháu phải làm gì ạ?

- Làm gì? Làm gì à? - Viên thuyền trưởng gầm lên. - Hành động theo cách tự nhiên.

Phẩy tay một cái, ông ta ra hiệu cho anh thanh niên lui ra. Anh dập gót giày chào cắp trên rồi đi ra.

- Nào giờ ta làm cốc bia nữa nhé, - thuyền trưởng nói.

Bữa tối hôm ấy bà Râyđ hào hứng lắm. Bà nói năng đến ghê. Bà tỏ ra vừa hóm hỉnh, vừa tao nhã. Chẳng có chân lý hiển nhiên nào mà bà bỏ sót không thốt ra. Chẳng có chuyện cũ rích nào mà bà không bới lên. Bà tới tấp đưa ra những câu hỏi lố bịch với

Chuyện du lịch mùa đông

họ. Mặt viên thuyền trưởng cứ mỗi lúc một đỏ lên, ông cố nén sự bức tức ông cảm thấy không thể lichen mãi với bà được, nếu cách chữa của ông bác sĩ không kiến hiệu, một ngày kia ông sẽ quên phắt tất cả và trút ra cho bà, không phải một phần, mà toàn bộ những gì chất chứa trong đầu. Ông nghĩ: "Có khi mình sẽ mất việc, nhưng có mất việc cũng phải làm".

Hôm sau khi mọi người đã tề tựu đầy đủ ở bàn ăn thì bà Râyđ mới bước vào bàn ăn.

- Tôi mai đã là tôi giao thừa rồi, - bà hờn hở nói.

Xưa nay bà vẫn nói những chuyện như vậy. Bà tiếp tục: - Nào, sáng nay các ông tụ tập có chuyện gì thế?

Bởi lẽ ngày nào họ cũng làm đúng như ngày nào, và bà cũng thừa biết việc đó là việc gì rồi, nên câu hỏi trả nên khó chịu. Mặt viên thuyền trưởng nặng như chì. Ông vắn tắt nói với bác sĩ những điều mình nghĩ.

- Ấy đừng có nói tiếng Đức, - bà Râyđ tai quái lên tiếng. - Các ông cũng biết tôi không cho phép thế đâu. Kìa, ông thuyền trưởng, có phải ông vừa đưa cái nhìn xung xỉa sang ông bác sĩ không? Böyle giờ đang kỳ Nôen kia mà, bằng an và thiện chí cho tất cả mọi người. Tôi cứ đứng ngồi không yên về tối ngày mai, không biết trên cây Nôen có nến không nhỉ?

- Có chứ!

- Thế thì nhất rồi! Xưa nay tôi vẫn nghĩ cây Nôen mà thiếu nến thì không phải là cây Nôen nữa. Chà, các ông biết không, đêm hôm qua tôi có một chuyện buồn cười lắm. Tôi chẳng hiểu gì sất cả.

Giây lát im lặng sững sờ. Mọi người chăm chú nhìn bà Râyđ. Mọi con mắt dán vào đôi môi bà.

- Vâng, - bà tiếp tục cái giọng đơn điệu, khá kiêu cách của mình. - Đêm qua tôi vừa mới vào giường thì có tiếng gõ cửa. Tôi hỏi: "Ai thế nhỉ?". Có tiếng đáp: "Nhân viên điện đài đây". Tôi hỏi: "Có chuyện gì thế?", anh ta nói: "Tôi muốn nói chuyện với bà".

Mọi người chăm chú nghe.

- Tôi mới bảo: "Được, để tôi mặc quần áo đã rồi tôi sẽ mở cửa". Thế là tôi mặc quần áo rồi ra mở cửa. Anh nhân viên điện đài nói: "Xin lỗi bà, bà có muốn đánh một bức điện không?". Giời ạ, tôi nghĩ sao kỳ thế nhỉ, anh ta đến đây vào giờ này để hỏi xem tôi có muốn đánh điện không. Tôi cười trước mặt anh ấy, thật khôi hài quá, nếu ông hiểu ý tôi nói, nhưng tôi không muốn làm phật lòng anh ấy, cho nên tôi nói "Cám ơn anh rất nhiều, nhưng chắc là tôi không muốn đánh điện đâu". Anh ta cứ đứng như thế rất luống cuống, nom tức cười quá. Tôi liền bảo: "Dù sao tôi cũng xin cảm ơn anh đã hỏi han tôi". Sau đó, tôi chào anh ta, chúc anh ta những giấc mơ đẹp, rồi đóng cửa lại.

- Cái đồ ngu thượng hạng ấy, - viên thuyền trưởng nói.

- Cậu ta còn trẻ, bà Râyđ ạ, - ông bác sĩ chen vào.

- Cậu ta có thừa lòng sốt sắng. Theo tôi thì cậu ta nghĩ là bà ắt muốn đánh điện chúc mừng bạn bè nhân dịp năm mới. Cậu ta muốn ưu tiên cho bà.

- Ôi dào, tôi cũng có để bụng gì đâu. Tôi thích những chuyện ngồ ngộ như thế này mỗi khi đi du lịch. Tha hồ có cái mà cười.

Khi bữa ăn kết thúc và bà Râyđ chỉ vừa đi khỏi là thuyền trưởng cho gọi anh nhân viên điện đài đến.

- Mày là thằng ngốc. Trời đất xui khiến thế nào mà đêm hôm qua mày lại hỏi bà Râyđ có muốn đánh điện không?

- Dạ thưa, bác bảo cháu cứ hành động theo cách tự nhiên. Cháu là nhân viên điện đài. Cháu tưởng hỏi xem bà ấy có muốn đánh điện không là chuyện tự nhiên. Cháu chẳng biết nói gì khác cả.

- Trời ơi là trời, - thuyền trưởng quát lên. - Khi Zichfrit trông thấy Brunhint đang nằm trên tảng đá và kêu lên: *Das ist kein Mann!*⁽¹⁾ (viên thuyền trưởng cất giọng ngân nga câu trên, rồi thấy khoái chí với giọng điệu của mình, ông ta liền lặp đi lặp lại câu ấy hai ba lần trước khi nói tiếp), thử hỏi lúc Brunhint tỉnh dậy, Zichfrit có làm cái việc là hỏi nàng xem nàng có muốn đánh điện báo tin cho bố biết nàng đã ngồi dậy tỉnh táo sau một giấc ngủ dài hay không?

- Cháu kính mong bác để ý đến chi tiết Brunhint là cô của Zichfrit. Đàng này bà Râyđ là người hoàn toàn lạ với cháu.

- Anh ta không nghĩ đến chuyện Brunhint là cô mình. Anh ta chỉ biết rằng đây là một phụ nữ đẹp,

⁽¹⁾ Đây không phải là đàn ông (tiếng Đức).

liễu yếu đào tơ, thuộc một gia đình trâm anh thế phiệt. Anh ta đã hành động như bất kỳ một trong nam tử nào hành động. Mày còn trẻ, đẹp trai, lại thuộc dòng giống Ariăng từ đầu đến chân, thể diện của nước Đức đang nằm trong tay mày.

- Thưa rõ rồi ạ. Cháu sẽ làm hết sức mình.
- Đêm ấy lại có tiếng gõ cửa buồng bà Râyđ.
- Ai thế?
- Nhân viên điện đài, bà Râyđ ơi, tôi có bức điện cho bà đây.
- Cho tôi?

Bà ngạc nhiên, nhưng chợt nghĩ ngay rằng một hành khách bầu bạn xuống tàu ở Haiti đã gửi điện chúc mừng năm mới cho bà. Bà nghĩ: "Con người ta tử tế làm sao".

- Tôi lên giường rồi. Cứ gài ngoài cửa cũng được.
 - Điện cần phải trả lời. Chuẩn bị độ chục chữ.
- Thế thì không phải là điện mừng năm mới. Tim bà thót lại. Vậy chỉ có một điều đã xảy ra: cửa hàng của bà bị cháy ra tro mắt rồi. Bà nhảy phắt khỏi giường.

- Cứ díu qua chân cửa, tôi sẽ viết điện trả lời rồi díu lại cho anh.

Chiếc phong bì được nhét qua khe cửa. Nó xuất hiện trên tấm thảm trải sàn như một diềm gỗ. Bà Râyđ quơ lên và xé phong bì ra. Những dòng chữ đang bơi trước mắt bà vì trong giây lát bà chưa tìm ngay được mục kính. Rồi bà đọc thấy lời lẽ như sau:

Chuyện du lịch mùa đông

"Chúc mừng năm mới. Chápm. Bằng an và thiện chí cho tất cả mọi người. Chápm. Bà rất đẹp. Chápm. Tôi yêu bà. Chápm. Tôi phải thô lộ với bà. Chápm. Ký tên: điện báo viên".

Bà Râyđ đọc kỹ bức điện hai lần. Rồi bà từ từ nhấc kính ra cất vào dưới tấm khăn quàng. Bà mở cửa.

- Mời anh vào, - bà nói.

Hôm sau là ngày giáp tết. Các viên chức trên tàu tỏ ra vui vẻ và hơi tình cảm một chút khi họ ngồi vào bàn ăn trưa. Những người hầu bàn đã trang hoàng phòng khách bằng những dây leo nhiệt đới làm giả cây nhựa ruồi và tầm gửi, còn cây thông Nôen đã lung lung trên bàn với những ngọn nến chỉ còn chờ đốt lên vào bữa tối. Mai khi các viên chức của tàu đã ngồi vào bàn rồi mới thấy bà Râyđ đến. Khi mọi người chào bà, bà chỉ cúi đầu chào mà không nói. Mọi người tò mò nhìn bà. Bà ăn rất ngon lành, nhưng không thoát ra lời nào. Sự im lặng của bà thật lạ lung. Cuối cùng không chịu được nữa, viên thuyền trưởng lên tiếng:

- Bà Râyđ này, hôm nay bà lặng lẽ quá.

- Tôi đang ngẫm nghĩ.

- Bà có thể nói cho chúng tôi biết những ý nghĩ của mình được không? - Ông bác sĩ ra và sott sắng hỏi.

Bà lạnh lung nhìn ông, có thể nói đó là cái nhìn kiêu kỳ nữa là khác.

- Tôi lại muốn giữ cho riêng mình cơ, ông bác sĩ à. Tôi ăn thêm ít thịt băm nữa, hôm nay ngon miệng quá.

Bữa ăn kết thúc trong sự im lặng thiêng liêng. Viên thuyền trưởng thở dài nhẹ nhõm. Thế mới đúng: giờ ăn thì phải ăn chử khôn phải cứ huyên thuyên. Khi đã ăn xong, thuyền trưởng tiến lại và siết tay ông bác sĩ:

- Đã có biến chuyển rồi đó, ông bác sĩ.
- Có rồi. Bà ta đã thay đổi.
- Nhưng có được lâu không?
- Thì ta chỉ còn cách hi vọng chiều hướng tốt đẹp nhất.

Bà Râyđ mặc bộ áo dài lê buổi tối, bộ áo màu đen khá nền nã, với bông hoa hồng giả trên ngực và một chuỗi ngọc giả quanh cổ. Ánh sáng dùn dịu, những ngọn nến trên cây thông Nôen được thắp lên. Cảnh tượng hơi giống như trong nhà thờ.

Đám viên chức, thủy thủ ăn uống trong phòng khách tối hôm ấy nom rất bảnh bao trong những bộ đồng phục trắng. Sâm banh đem ra phục vụ là được hăng đài thợ. Sau bữa tối, mọi người ăn bánh kẹo. Họ giật giấy bọc loại kẹo "pháo" nổ đậm đốn. Họ hát hòa theo cái máy hát, *Deutschland, Deutschland über Alles⁽¹⁾*, *Người cỗ Haidenbéc* và *Thuở xưa tươi đẹp*. Họ đậm dật hò la các giai điệu, giọng viên thuyền trưởng vút cao hơn mọi giọng khác. Bà Râyđ cũng gop chất giọng công-tơ-ran-tô dễ chịu vào cuộc vui. Ông bác sĩ nhận thấy chốc chốc bà lại đưa mắt nhìn

⁽¹⁾ Nước Đức, nước Đức trên hết (tiếng Đức).

Chuyện du lịch mùa đông

sang anh nhân viên điện đài. Trong ánh mắt đó, ông đọc được một biểu hiện ngơ ngác bối rối.

- Anh ta nom cũng xinh trai đấy chứ nhỉ? - Ông bác sĩ lên tiếng.

Bà Râyđ quay tròn và lạnh lùng nhìn sang ông bác sĩ.

- Ai cơ?

- Anh điện báo viên. Tôi cứ nghĩ bà đang nhìn anh ấy.

- Anh ta là người nào?

- Người tính nét như đàn bà ấy, - ông bác sĩ lẩm bẩm, rồi vừa mỉm cười vừa đáp: - Anh ta ngồi cạnh kỹ sư trưởng ấy.

- Ô, thế thì tôi nhận ra anh ta rồi. Tôi có bao giờ để ý đến chuyện một anh đàn ông nom mặt mũi ra thế nào đâu. Tôi quan tâm đến trí tuệ của anh đàn ông hơn mặt mũi nhiều.

- À - ông bác sĩ thốt ra.

Bữa ấy mọi người, kể cả bà Râyđ đều có hơi say một chút. Nhưng bà Râyđ vẫn tỏ ra đường hoàng lăm, bà chào tạm biệt mọi người với phong thái lịch duyệt nhất.

- Một tối vui ra trò. Tôi sẽ không bao giờ quên được đêm giao thừa trên một chiếc tàu Đức. Thú vị thật. Phải nói là nhớ cả đời.

Bà chững chạc bước ra cửa, dáng điệu có phần đắc thắng, chẳng gì bà cũng đã chén tạc chén thù với mọi người thâu đêm.

Ngày hôm sau, ai nấy đều có vẻ bái hoài. Khi thuyền trưởng, thuyền phó, ông bác sĩ và người kỹ sư trưởng đi ăn thì đã thấy bà Râyđ ngồi sẵn ở bàn rồi. Trước mỗi chỗ ngồi đều có một gói nhỏ buộc dây hồng. Trên mỗi gói có viết: "Chúc mừng năm mới". Mọi người đồn cắp mắt dò hỏi lên bà Râyđ.

- Các ông ai nấy đều tốt với tôi quá. Tôi tính tặng các ông mỗi người một món quà. Ở Cảng Hoàng tử cũng chẳng có gì nhiều để chọn, thôi thì các ông vui lòng nhận món quà mọn này.

Viên thuyền trưởng được đôi tẩu thuốc làm bằng rễ thạch nam, ông bác sĩ được mấy chiếc mùi soa, viên thuyền phó được hộp xì gà, còn kỹ sư trưởng được hai chiếc ca-vát. Dùng bữa xong, bà Râyđ lui về phòng nghỉ ngơi. Đám viên chức còn lại bứt rút nhìn nhau.

Viên thuyền phó mân mê nghịch hộp xì gà vừa được tặng, cuối cùng ông ta mới nói:

- Tôi cũng tự thấy hơi ngượng.

Viên thuyền trưởng đang đăm chiêu, rõ ràng ông ta cũng cảm thấy hơi khó xử. Ông ta nói:

- Tôi vẫn áy náy là lẽ ra ta không nên bày trò đùa quỉ quái như thế đối với bà Râyđ. Bà ấy có một tấm lòng đáng quý. Bà ấy đã có tuổi rồi, lại không giàu có gì cho cam, vẫn phải làm lụng để nuôi thân. Chỗ quà này ngốn của bà ấy đến hàng trăm mác ấy chứ chả chơi. Giá chúng ta để cho bà ấy yên thân thì phải hơn.

Ông bác sĩ nhún vai:

Chuyện du lịch mùa đông

- Ông muốn bà ta không mở mồm thì tôi đã làm cho bà ta không mở mồm.

- Sau những chuyện đã nói đã làm, thì cứ nghe bà ta tán chuyện thêm ba tuần nữa cũng chẳng sao, - thuyền phó nói.

- Tôi thấy không được thanh thản về chuyện bà ta, thuyền trưởng nói thêm. - Tôi cảm thấy có cái gì đó đáng ngại trong cung cách im lặng của bà ta.

Bà Râyđ gần như chẳng nói lời nào suốt bữa ăn. Đường như bà cũng chẳng buồn để ý đến những điều những người xung quanh nói.

- Ông bác sĩ này, ông tính hay là nên đến hỏi thăm xem bà ấy có khỏe không? - Thuyền trưởng đề nghị.

- Bà ta vẫn khỏe, có sao đâu. Bà ta ăn như rồng cuốn ấy. Nếu ông muốn hỏi thêm thì tốt hơn cả là hỏi anh điện báo viên.

- Bác sĩ này, có thể ông không biết, chứ tôi vẫn là người tề nhị lăm lăm.

- Còn tôi lại là người luôn luôn chân thành.

Những ngày còn lại của chuyến đi, đám đàn ông nọ chiêu chuộng bà Râyđ đến khiếp. Họ chăm nom bà như chăm nom kẻ vừa hồi lại sau trận ốm thập tử nhứt sinh. Tuy sự ngon miệng của bà là tốt đỉnh, họ vẫn cứ để bà ăn thêm. Ông bác sĩ gọi rượu vang và cứ một hai bắt bà cùng thưởng thức. Họ chơi đố-mi-nô với bà. Họ chơi cờ với bà. Họ chơi bài với bà. Họ lôi cuốn bà vào cuộc chuyện trò.

Nhưng hiêm một nỗi là tuy bà lịch sự đáp lại thịnh tình của họ, bà vẫn kín như bưng. Dường như bà nhìn họ với vẻ gì giống như là sự khinh khỉnh, khiến ai nấy ắt phải nghĩ rằng bà coi những người đàn ông nọ và các nỗ lực lấy lòng của họ rất là buồn cười. Bà rất ít lên tiếng, trừ phi được người ta nói với mình. Bà đọc truyện trinh thám và tối tối ngồi trên boong, bà nhìn các vì sao. Bà đang sống một cuộc đời của riêng bà.

Cuối cùng chuyến đi đã đến giai đoạn chót. Họ tiến vào eo Măngsơ vào một ngày tiết trời vẫn còn u ám và đã nhìn thấy đất liền. Bà Râyđ thu xếp va li. Đến hai giờ trưa thì tàu đã đậu ở cảng Plymut. Thuyền trưởng, thuyền phó, ông bác sĩ ra迎接 bà.

Viên thuyền trưởng nói, vẫn cái tính vui vui ấy:

- Bà đi nhé, bà Râyđ. Thiếu bà là chúng tôi kém vui hẳn đi, nhưng chắc bà thì mừng vì đã về đến nhà.

- Các ông tốt với tôi quá, ai nấy đều chu đáo với tôi quá. Không rõ tôi đã làm gì mà xứng đáng được nhận tấm lòng tốt ấy. Những ngày sống với các ông là những ngày rất hạnh phúc của tôi. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được các ông. Bà nói có vẻ nghèn nghẹn cảm động, bà cố cười, nhưng đôi môi cứ run run và hai hàng lệ tuôn xuống má. Mặt viên thuyền trưởng đỏ dặng. Ông lúng túng mỉm cười:

- Cho phép tôi hôn bà nhé, bà Râyđ.

Bà cao hơn ông nửa cái đầu. Bà cúi xuống và ông trổng nụ hôn bụ bãm lên một bên má ướt lè của bà

Chuyến du lịch mùa đông

rồi một nụ bụ bãm nữa lên má bên kia. Bà quay về phía viên thuyền phó và ông bác sĩ. Cả hai người đều hôn bà.

- Tôi rõ thật đồ ngốc, - bà nói. - Mọi người tốt bụng quá!

Bà lau khô nước mắt và đi xuống tàu với dáng điệu thong thả, duyên dáng hơi ngồ ngộ. Mắt viễn thuyền trưởng rân rấn lệ.

Khi đã xuống tới bến, bà Râyđ ngược lên và vẫy tay với người nào đó trên tàu.

- Bà ấy vẫy ai thế nhỉ? - Thuyền trưởng hỏi.

- Vẫy anh điện báo viên.

Bà bạn Praixơ đã đón đợi bà trên bến. Khi đã qua cửa kiểm soát Hải quan, không còn phải bận bịu với đóng hành lý nặng của bà Râyđ nữa, cả hai bà cùng về nhà bà Praixơ làm tuần trà sớm. Tận năm giờ tàu hỏa chạy về quê bà Râyđ mới khởi hành. Bà Praixơ có nhiều chuyện muốn nói với bà Râyđ lắm.

- Kể ra thế này thì khí không phải khi chị vừa mới chân ướt chân ráo về đến nhà. Nhưng tôi cứ khát khao muốn nghe hết mọi chuyện về chuyến đi của chị.

- Tôi chỉ sợ chẳng có gì nhiều để kể cả.

- Đời nào tôi tin. Một chuyến đi thành công đấy chứ?

- Thành công cực kỳ. Tuyệt vời lắm nhé!

- Ở với rặt người Đức như thế, chị không có điều gì phàn nàn à?

- Tất nhiên họ không như người Anh chúng mình.

Nhưng rồi cũng quen với cung cách của họ. Thỉnh thoảng họ làm những điều mà người Anh chúng ta không làm. Nhưng tôi luôn nghĩ đã nhập gia thì phải tùy tục thôi.

- Chị định nói những điều gì thế?

Bà Râyđ thủng thẳng nhìn bà bạn. Khuôn mặt dài, ngốc nghếch của bà toát ra vẻ lạnh lùng, khiến bà Praixơ không tài nào nhận thấy trong đôi mắt một ánh tinh quái đến lạ lùng:

- Cũng chẳng có gì ghê gớm sát. Chỉ là những điều buồn cười, bất ngờ, cũng khá là tình tứ. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn, thật chẳng ngoa tí nào.

Kẻ hưởng lạc

*P*hần nhiều con người ta, có thể nói là đại đa số cam sống một cuộc sống mà hoàn cảnh đã áp đặt lên họ, và tuy có vài người than vãn khi nhìn lại mình như nhìn cái cọc tròn cắm vào cái lỗ vuông, và nghĩ rằng giá thế cuộc khác đi, thì họ đã có thể làm nên những trò trống hay ho hơn nhiều, còn cái đa phần kia thì chấp nhận số mệnh của mình, nếu không phải với sự an phận, thì cũng với sự cam chịu trong mọi trường hợp. Họ cũng như những chiếc xe điện cứ chạy mãi trên mỗi một con đường ray ấy. Chúng chạy đi rồi lại chạy lại, chạy lại rồi lại chạy đi, cứ quanh quanh quẩn quẩn như thế, cho tới khi nào chúng không còn chạy nổi nữa và bị bán làm sắt vụn. Có mấy khi bạn gặp được một người dám cả gan nǎm lấy tiến trình cả cuộc đời vào tay mình. Khi bạn gặp được người như thế, thì cũng đáng xem xét ngầm nghĩa anh ta lắm.

Đó là lý do tại sao tôi tò mò muốn gặp Thômát Uynxơn. Hành động của ông thật lý thú và can đảm.

Dĩ nhiên cái kết cục còn chưa đến, và chừng nào thí nghiệm chưa chấm dứt thì chưa thể gọi nó là thành công được. Nhưng qua những gì tôi đã nghe được thì chắc ông ta phải là loại người lạ kỳ, và tôi rất muốn biết ông. Nghe nói ông là người kín đáo, nhưng tôi quan niệm là với lòng kiên trì và sự lịch duyệt, tôi có thể thuyết phục ông tâm sự với tôi. Tôi muốn nghe các sự việc từ chính miệng ông kể. Thiên hạ hay phóng đại, họ thích thi vị hóa, và tôi đã chuẩn bị sẵn để đón nghe một câu chuyện khác thường lầm như người ta đã làm tôi tin.

Cái ấn tượng này càng được khẳng định khi tôi đã làm quen được với ông. Hôm ấy ở quảng trường chính của Capri⁽¹⁾, nơi tôi đang nghỉ tháng tám ở villa của một người bạn, mặt trời đã sắp lặn, đa số dân chúng, cả dân địa phương và ngoại quốc, đang tụ tập để tán chuyện phiếm cùng bè bạn của mình trong cái lạnh man mác của buổi chiều tà. Thêm nhà trông ra vịnh Náplơ, và khi mặt trời đang từ từ ngup xuống biển, đảo Ichia nổi lên trên mảng nền có ráng màu rực rỡ. Đó là một trong những nơi nêu thơ nhất thế giới. Tôi đang đứng với người bạn ngắm cảnh ấy, thì bỗng bạn tôi nói:

- Nhìn kia, Uynxơn đây.

⁽¹⁾ Nguyên văn: *the Piazza* (tiếng Italia nghĩa là quảng trường), ám chỉ quảng trường trung tâm (Piazza Umberto Primo) của thành phố nhỏ Capri trên đảo Capri, trong vịnh Náplơ miền trung Italia.

Kết hường lợt

- Đâu?

- Cái người đang ngồi trên lan can, quay lưng lại chõ ta ấy. Ông ta mặc cái áo sơ mi xanh.

Tôi thấy một cái lưng bình thường và một cái đầu nhỏ tóc hoa râm ngắn và khá mồng.

- Giả ông ta quay lại đây nha, - tôi nói.

- Ông ta quay lại ngay bây giờ ấy mà.

- Mời ông ấy đến và đi uống chút đinh với ta ở khách sạn Moocganô nhé.

- Được rồi.

Cái chõc lát tràn ngập vẻ đẹp kia đã trôi qua và mặt trời, như cái chõp đầu quả cam, đã lặn dần xuống dưới mặt biển đỏ màu rượu. Chúng tôi quay lại, dựa lưng vào lan can nhìn dân tình lượn qua lượn lại. Họ nói chuyện thao thao bất tuyệt, tạo nên một vẻ nhộn nhịp huyên náo. Rồi chuông nhà thờ, hơi bị rạn, bắt đầu điểm những nốt âm vang thanh mảnh. Quảng trường chính của Capri, với cái tháp đồng hồ trên con đường bộ từ bến tàu lên, với nhà thờ vươn lên trên dãy bậc thang, là một địa điểm lý tưởng cho một vở ôpéra của Đônizetti⁽¹⁾, và bạn cảm thấy cái đám đông nhộn nhạo kia bất cứ lúc nào cũng có thể bùng ra thành một dàn đồng ca ầm ĩ. Thật là mê li và phi thực.

Tôi chăm chú với cảnh vật đến nỗi không nhận

⁽¹⁾ Đônizetti Gaëtanô (1797 - 1848), nhạc sĩ Italia, tác giả của 64 vở ôpéra.

thấy Uynxơn đã nhảy xuống lan can từ bao giờ và đi lại phía chúng tôi. Khi ông đi ngang qua, anh bạn tôi bắt chuyện.

- Chào ông Uynxơn, mấy ngày nay không thấy ông tắm ở đây.

- Tôi tắm ở phía bên kia cho nó đổi cảnh.

Rồi bạn tôi giới thiệu tôi. Uynxơn bắt tay tôi một cách lịch sự, nhưng với vẻ lãnh đạm; có khá nhiều người lạ đến Capri trong mấy tuần qua, và tôi chắc rằng ông vẫn gặp gỡ người đến và người đi luô. Sau đó bạn tôi mời ông cùng đi uống với chúng tôi.

- Tôi cũng vừa định về đi ăn đây, - ông nói.

- Ăn sau được không? - Tôi hỏi.

- Chắc được, - ông mỉm cười. - Tuy hàm răng ông không được đẹp lắm, nụ cười của ông rất cuốn hút. Nó nhã nhặn và thân ái. Ông mặc áo sơ mi bằng vải bông xanh lơ, quần màu xám, nhau nát nhiều và cũng chẳng sạch sẽ gì, may bằng vải bạt mỏng, chân đi một đôi giày vải rất cũ. Cách ăn mặc sinh động, rất hợp với cảnh sắc và thời tiết nơi đây, nhưng không ăn nhập với khuôn mặt tí nào cả. Mặt ông dài, có vết nhăn, sạm ánh nắng, môi mỏng, còn cặp mắt màu nâu khá gần nhau, những đường nét cô đọng, gọn gàng. Mớ tóc hoa râm được chải cẩn thận. Đây không phải là một khuôn mặt chất phác, hồn thời trẻ Uynxơn nom cũng dễ ưa, - mà là một khuôn mặt đạo mạo. Cái áo sơ mi hở cổ và cái quần vải bạt ông đang mặc, trông không giống của ông, mà cứ như là, sau

khi bị đắm tàu còn độc một bộ py-gia-ma, ông được người ta thương tình chu cấp cho bộ trang phục kỳ dị kia. Tuy quần áo xuềnh xoàng như vậy, ông vẫn nom giống như người quản lý một chi nhánh của một hảng bảo hiểm, có đủ điều kiện mặc áo vét đen, quần bằng vải len lốm đốm đen trắng, cổ cồn trắng và một cái ca-vát ngoại hạng. Tôi mường tượng khá rõ cái cảnh mình đến chỗ ông đòi tiền bảo hiểm sau khi đánh mất cái đồng hồ, và bị chưng hửng khi trả lời các câu hỏi ông đặt ra mà có ấn tượng rõ ràng như là ông coi, mặc dù hết sức lịch sự, những người cứ hoạnh học chuyện ấy hoặc là đồ ngốc, hoặc là đồ đếu.

Rời chỗ ấy, chúng tôi đi dọc Quảng trường xuống phố cho đến khách sạn Moocganô. Chúng tôi ngồi trong vườn. Xung quanh người ta chuyện trò râm ran bằng tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Italia và tiếng Anh. Chúng tôi gọi đồ uống. Đônna⁽¹⁾ Luxia, vợ chủ quán, đi lại núng nính và bằng cái giọng trầm ngọt ngào của mình cùng giết thời gian trong ngày với chúng tôi. Tuy giờ đã trung niên và bệ vệ, bà vẫn còn có những nét tuyệt trần thuở ba chục năm trước đã đầy các nghệ sĩ đến chỗ vẽ quá nhiều các bức chân dung kém cỏi về bà. Mắt bà to và ướt như mắt của Hêra⁽²⁾, nụ cười của bà khả ái và yêu kiều. Ba chúng tôi tán

⁽¹⁾ Đônna: bà (tiếng Italia).

⁽²⁾ Hêra: vợ thần Zôt là nữ chúa của các thần trong thần thoại Hy Lạp, có đôi mắt rất to.

dóc một lúc, vì bao giờ chả có chuyện tai tiếng này khác ở Capri để làm đề cho câu chuyện, nhưng chẳng có chuyện gì đặc biệt quan tâm hứng thú cả, và được một tí thì Uynxon đứng dậy cáo từ chúng tôi. Chỉ lát sau chúng tôi đã đi bách bộ về nhà bạn tôi ăn tối. Trên đường về, anh bạn hỏi xem tôi nghĩ gì về Uynxon.

- Chẳng có gì sất, - tôi nói, - tôi không tin một tí nào chuyện cậu kể là có thật.

- Sao lại không tin?

- Ông ta không phải loại người làm được những chuyện đại loại như thế.

- Làm sao biết được rằng ai là người có khả năng làm được?

- Tôi cho ông ta là một người làm ăn hoàn toàn bình thường, giờ về nghỉ hưu với một số thu nhập kha khá từ những khoản bảo hiểm lớn. Tôi nghĩ chuyện anh kể chẳng qua chỉ là trò đồn đại tầm phào ở Capri.

- Anh nghĩ vậy thì thôi tùy anh, - bạn tôi nói.

Chúng tôi có thói quen tắm ở bãi biển được gọi là Nhà tắm Tibéri⁽¹⁾. Chúng tôi phóng xuôi con đường đến một chỗ rồi đi qua những vườn chanh và vườn nho, rộn tiếng ve sầu và hầm hập mùi nắng mặt trời,

⁽¹⁾ Nhà tắm Tibéri: một mảng tường ở bãi biển phía bắc của Capri, tương truyền là nhà tắm của Hoàng đế Lamā Tibéri (42 trước Công nguyên - 37 sau Công nguyên) trị vì từ năm 14 đến năm 37.

Ké hường lục

đến khi lên tới đỉnh mỏm đá mà phía dưới là con đường dốc ngoằn ngoèo dẫn xuống biển. Một hai ngày sau, đúng trước lúc chúng tôi đi xuống thì anh bạn tôi nói:

- Nay, ông Uynxơn lại ở kia kìa.

Chúng tôi giãm lạo xao trên bãi biển, cái nhược điểm duy nhất của bãi tắm này là nó toàn bằng đá cuội mà không có cát, và khi chúng tôi tiến lại thì Uynx ơn trông thấy và vẫy chúng tôi. Ông đứng dậy, cái tầu ngâm trong miệng, chỉ mặc độc mỗi chiếc quần đùi. Cả người ông màu nâu sạm, thanh mảnh nhưng không còm cõi và nếu so với những nếp nhăn trên mặt và mói tóc hoa râm, thì hãy còn trai tráng. Nóng lên vì cuốc bộ, chúng tôi lẹ làng cởi quần áo ngoài ra và nhảy tùm ngay xuống nước.

Cách bờ sáu bộ, độ sâu đã tới ba mươi bộ, nhưng nước trong đến nỗi bạn có thể trông thấy cả đáy. Nước ấm như tiếp thêm sinh lực. Khi tôi lên bờ đã thấy Uynx ơn nằm sấp trên cái khăn tắm đọc sách. Tôi châm điều thuốc rồi ngồi xuống cạnh ông.

- Tắm thỏa thuê rồi chứ? - Ông hỏi.

Ông đặt cái tầu đánh dấu trang sách, gấp nó lại và đặt lên chỗ đá cuội bên cạnh. Rõ ràng ông đang muốn bắt chuyện.

- Thú ghê, - tôi nói. - Đây là cái nơi tắm hay nhất thế giới.

- Người ta cứ tưởng đây là Nhà tắm của Tibéri. -

Ông vẩy tay về phía cái khôi đá xây chảng ra hình thù gì nửa dưới nước, nửa trên cạn. - Toàn chuyện nhảm nhí. Chẳng qua đây chỉ là một trong những biệt thự của ông ta mà thôi, anh biết chứ.

Tôi biết. Nhưng cứ để cho thiên hạ nói với bạn những điều họ muốn nói thì cũng có sao. Người ta càng có thiện ý với anh nếu anh chăm chú nghe họ truyền đạt thông tin. Uynxơn bật cười khùng khục.

- Cái thằng cha Tibéri cũng kỳ. Mỗi tội là bảy giờ những truyện người ta kể về hắn chảng có lấy một lời nào đúng cả.

Ông ta bắt đầu kể cho tôi nghe mọi chuyện về Tibéri. Tôi đã đọc Suytôniút⁽¹⁾ và cũng đã đọc các sách sử viết về đế quốc Tiền La Mã, nên chảng có gì mới đối với tôi trong những chuyện ông nói. Nhưng tôi nghiệm thấy ông không phải là loại độc giả tầm phỉ. Tôi nêu nhận xét ấy ra.

- Ô, khi an lạc ở đây, tôi thấy thích một cách tự nhiên lắm, mà tôi có vô số thì giờ để đọc. Khi anh sống ở một cái nơi như thế này, với tất cả những biến cương thì hình như lịch sử quá khứ vẫn sống động lắm. Anh cứ ngõ như chính mình đang sống trong những thời đại lịch sử ấy.

Tôi muốn nói thêm ở đây rằng lúc này là năm 1913. Thế giới đang êm đềm, dễ chịu và không có ai

⁽¹⁾ Suytôniút (khoảng 70 - 122 sau Công nguyên sù gia La Mã) tác giả của tác phẩm nổi tiếng "Cuộc đời các Xêda", viết về mười hai Hoàng đế La Mã.

Kết hướng lạc

có thể tưởng tượng nổi có cái gì nghiêm trọng có thể xảy ra và phá vỡ cảnh sống thanh bình ấy.

- Ông ở đây đã được bao lâu rồi? - Tôi hỏi.

- Mười lăm năm. - Ông đưa mắt nhìn mặt biển xanh êm lặng, và một nụ cười êm ái đến lạ lùng đậu trên cặp môi mỏng. - Tôi cảm thấy say mê nơi này ngay từ cái nhìn đầu tiên. Tôi đoán chắc anh đã nghe huyền thoại về một người Đức đến đây trên chiếc thuyền từ Napoli chỉ để ăn trưa và ngắm Động Xanh một cái mà đã ở lại đây bốn mươi năm. Mà tôi không thể nói là đã làm đúng như thế đâu nhé, nhưng rõ cuộc cũng đi đến cái kết cục ấy. Chỉ có điều trong trường hợp của tôi sẽ không có tới bốn mươi năm. Chỉ có hai mươi lăm năm, thế cũng còn hơn cái cảnh bị cắn cứa con mắt.

Tôi đợi ông nói tiếp. Bởi những gì ông vừa nói ít nhiều cũng có vẻ như những dấu hiệu nào đó của câu chuyện khác thường mà tôi đã được nghe. Nhưng đúng lúc ấy anh bạn tôi đã lên, người ướt sũng và rất hăng diện vì đã bơi được một dặm, thế là câu chuyện đã chuyển sang hướng khác.

Sau đó, tôi có gặp Uynxơn vài lần, cả trên Quảng trường lăn ngoài bãi biển. Ông rất thân ái và nhã nhặn. Ông lúc nào cũng thích nói chuyện và tôi vỡ lẽ là ông không chỉ biết rõ từng tấc đất trên đảo mà còn biết cả vùng đất liền gần đấy. Ông đã đọc rất nhiều và đủ các loại chủ đề, nhưng chuyên sâu của ông là về lịch sử La Mã và ông rất thông thạo về vấn đề này.

Ông có vẻ như không nhiều tướng tượng lăm và có một trí tuệ không quá cái mức trung bình. Ông cười khá nhiều, nhưng rất từ tốn, và cái cảm quan hài hước của ông dễ bị cù bởi những câu đùa đơn giản. Một con người bình thường. Tôi không quên cái nhận xét kỳ quặc của ông trong lần chuyện phiếm ngắn ngủi đầu tiên giữa tôi với ông, nhưng ông chẳng bao giờ đả động đến vấn đề ấy nữa. Một hôm, sau khi từ bãi biển trở về, khi xuống xe tắc xi ở Quảng trường, ông và anh bạn dặn người lái xe sẵn sàng đón chúng tôi đi Ancapri vào lúc năm giờ. Chúng tôi định leo lên núi Môngtê Xôlarô, ăn ở cái quán chúng tôi thích ăn, rồi sẽ xuống núi lúc trăng lên. Đó là vào kỳ trăng tròn, cảnh đêm sẽ rất diêm lệ. Uynxơn đứng ngay đấy lúc chúng tôi dặn dò người lái xe, vì chúng tôi đã rủ ông đi cùng xe để tránh cho ông một cuộc đi bộ bụi bặm nóng bức, và vì lịch sự hơn là vì một lý do nào khác, tôi đã mời ông nhập hội với chúng tôi.

- Đây là do tôi đe xướng, - tôi nói.

- Hay quá, thế nào tôi cũng đến, - ông trả lời.

Nhưng đến lúc sửa soạn lên đường thì anh bạn tôi cảm thấy không được khỏe, anh cho là có lẽ vì đã đầm nước lâu quá, nên chắc không chịu được một chuyến đi dạo dài và mệt mỏi. Thế là mình tôi đi với Uynxơn. Chúng tôi leo núi, chiêm ngưỡng quang cảnh bao la và quay về quán trợ khi màn đêm buông xuống, vừa nóng, vừa đói, và khát. Chúng tôi đã đặt bữa ăn từ trước. Thức ăn ngon, vì Antôniô là một đầu

bếp giỏi, rượu vang thì làm từ chính nho vườn nhà anh ta. Nó nhẹ đến nỗi cảm thấy như uống nước nên chúng tôi đánh hết ngay một chai với món mì ống. Khi đã cạn đến chai thứ hai, thì chúng tôi thấy đời tươi phơi phới. Chúng tôi ra ngồi trong khu vườn nhỏ dưới một cây nho lớn trĩu quả. Không gian mềm mại lạ thường. Đêm khuya êm đềm và chỉ có một mình chúng tôi. Cô hầu bưng ra phomát bel paese⁽¹⁾ và một đĩa vả. Tôi gọi cà phê và xtôrêga, một loại rượu mùi ngon nhất ở Italia. Uynxơn không hút xì gà, mà châm tẩu.

- Còn khói thì giờ trước khi lên đường, - ông nói. - Phải một giờ nữa trăng mới khuất, sau đó đi.

- Trăng hay không trăng, - tôi phấn chấn nói, - thì ta cũng còn khói thì giờ. Thật là một trong những lạc thú của Capri, chẳng tội gì phải vội vàng.

- Thú rảnh rồi, - ông nói, - giá người đời biết được! Nó là thứ quý giá nhất mà con người có được, cho nên thật rõ ngốc nếu không biết dùng nó vào việc gì. Làm việc ư? Người ta làm việc chỉ để mà làm việc. Họ chẳng có đầu óc nhận thức rằng cái mục tiêu duy nhất của làm việc là để đón nhận sự rảnh rỗi.

Rượu vẫn tác động lên một số người làm họ sa vào những suy ngẫm mông lung. Những nhận xét trên kia đúng, nhưng chẳng ai có thể bảo rằng đây là

⁽¹⁾ Một loại phô mát kem mềm, lớp ngoài cứng làm ở Italia. Nhãn hiệu Bel paese có nghĩa là "Đất nước hoa lệ".

những nhận xét độc đáo. Tôi không nói gì, chỉ xoe diêm châm điếu xì gà.

- Lần đầu tôi đến Capri cũng trăng tròn, - ông tiếp tục với vẻ suy tư. - Chắc phải là vắng trăng y như hôm nay.

- Cũng vẫn y như thế, đây ông xem, - tôi mỉm cười.

Ông toét miệng cười. Cái ánh sáng duy nhất trong vườn phát ra từ ngọn đèn dầu treo trên đầu chúng tôi. Đồ ăn thì ít ỏi, nhưng lúc này đúng là lúc để tâm sự.

- Tôi muốn nói ý khác cơ. Tôi muốn nói, chắc phải là hôm qua rồi. Mười lăm năm rồi đấy, vậy mà khi nhìn lại cứ ngỡ như mới một tháng. Hồi trước tôi chưa bao giờ đến Italia cả. Tôi đến để nghỉ hè. Tôi đi tàu từ Mácxây đến Naplơ, tôi được đi xem một vòng, Pompêi này, Pextum này, và một hai chỗ nữa như thế; rồi tôi đến ở đây một tuần. Tôi thích cảnh vật ở đây ngay tức thì, tôi muốn nói là ngay từ ngoài biển nhìn vào ấy, vì tôi quan sát nó lần lại mỗi lúc một gần, sau đó chúng tôi từ tàu chạy hơi nước chuyển sang tàu con vào cập bến, có cả một đám đông huyên náo ai cũng xăng xáy muốn xách hành lý cho anh, rồi những anh chào hàng của khách sạn, rồi những mái nhà lụp xụp ở bãi bến Marma, rồi đợi cuốc bộ lên khách sạn, rồi bữa ăn ngoài sân hiên - chà, nó làm tôi mê ngay. Thật thế đấy. Tôi không rõ là mình đứng bằng đầu hay bằng chân nữa. Trước kia tôi chưa uống rượu vang Capri bao giờ, nhưng có nghe nói:

chắc hôm ấy tôi khá chuênh choáng. Tôi ngồi trên sân hiên mãi, khi mọi người đã về đi ngủ hết, tôi ngắm vầng trăng trên biển, có cả núi Vêduyvơ với cái chùm khói đỏ to tướng bốc lên. Tất nhiên giờ thì tôi biết cái thứ rượu tôi uống chỉ như mực thôi, rượu Capri Cápriếc quái gì nhưng lúc ấy tôi thấy đã quá. Không phải rượu nó làm tôi say mà tại hình thù hòn đảo và đám người huyền náo kia, tại mặt trăng và biển cả, tại cây trúc đào trong vườn khách sạn. Trước kia có bao giờ tôi trông thấy trúc đào đâu.

Mạch nói đã dài làm ông khát nước. Ông cầm cốc lên nhưng cốc đã cạn. Tôi hỏi xem ông có muốn làm một chầu xtorêga nữa không.

- Cái thứ này ngang ngang thế nào ấy. Ta làm một chai rượu vang đi. Cái ấy mới lành, nó là nước quả tinh khiết từ nho mà ra, nó không gây tai họa gì hết.

Tôi gọi thêm rượu vang. Khi rượu được bưng ra, tôi rót đầy hai cốc, ông làm một hơi dài và sau hơi thở khoan khoái, lại tiếp tục câu chuyện.

- Hôm sau tôi tìm đường ra chô tắm mà ta vẫn ra đây. Cũng không tồi, tôi nghĩ bụng. Rồi tôi đã phát phơ quanh đảo. Vừa gặp may, lúc ấy đang có hội hè ở Punta di Timbériô⁽¹⁾, thế là tôi xông thẳng vào giữa đám. Có tượng ảnh của Đức Mẹ Đồng trinh, còn những cổ đạo, thầy tăng đang dung đầy các lư

⁽¹⁾ Punta di Timbériô: mỏm đất đông bắc Capri. Timbériô là cách phát âm địa phương của Tibéri.

hương, rồi một đám đầy những người cười nói, vui nhộn, phấn chấn, nhiều người quần áo chỉnh tề. Tôi chạy tới chỗ một người Anh đang đứng đây hỏi xem hội hè gì thế. À, đây là lễ Thăng thiên của Đức Mẹ Đồng trinh - ông ấy bảo tôi - ít ra thì đây là điều nhà thờ Thiên chúa nói như vậy, chứ đây chẳng qua là cái trò đồng bóng của họ. Nó là ngày hội của nữ thần Venuyt⁽¹⁾ đấy. Ngoại đạo mà. Nữ thần Aphrôdit bước lên từ biển cả hoặc na ná như vậy. Nghe ông ấy nói, tôi buồn cười quá. Lúc quay về đường đi có vẻ dài lăm, chắc ông hiểu ý tôi nói. Sau đấy tôi đi suốt đêm để xem hòn Phragliôni dưới ánh trăng. Nếu số trời muốn tôi cứ tiếp tục làm cái anh quản lý ngân hàng thì lẽ ra phải đừng để tôi đi chơi chuyến ấy.

- Ông đã làm quản lý ngân hàng à? - Tôi hỏi.

Tôi đã đoán sai về ông, nhưng không sai nhiều lăm.

- Phải, tôi đã làm quản lý cho chi nhánh phố Crophot⁽²⁾ của ngân hàng "Yoóc và Xiti". Tôi sống ở ngay trên đường đi Hendon, tiện lắm. Tôi đi từ nhà đến đấy mất có ba mươi bảy phút.

Ông phì phut hút cái tẩu rồi lại châm lại.

- Đây là đêm cuối cùng của tôi đấy. Tôi phải về

⁽¹⁾ Venuyt: nữ thần mùa xuân, và sắc đẹp trong thần thoại La Mã sau được đồng nhất với Aphrôdit, nữ thần tình yêu và sắc đẹp trong thần thoại Hy Lạp, còn gọi là thần Vệ nữ. (Aphrôdit nghĩa là sinh ra từ bọt biển, tượng truyền là nữ thần Aphrôdit từ biển hiện lên).

⁽²⁾ Phố Crophot ở khu Oexto End (West End) tây Luân Đôn.

Kết hường lae

lại ngân hàng vào sáng thứ hai. Khi nhìn hai cái mỏm đá lớn sừng sững nhô lên khỏi mặt nước, có vầng trăng ở trên, và bao nhiêu ánh đèn dân chài trên các thuyền đánh cá của họ, cảnh vật thanh bình, đẹp đẽ thế kia, tôi mới tự hỏi mình là, ừ nhỉ, có sao mình lại cứ phải quay về mới được chứ? Tôi có ai phải nhờ cậy vào mình đâu. Vợ tôi đã chết vì bệnh viêm cuống phổi bốn năm về trước rồi, con tôi sống với bà ngoại. Bà ấy già nua lảm cẩm, trông nom con bé nhà tôi chẳng ra sao cả, đến nỗi nó bị nhiễm độc máu, người ta cưa ống chân nó đi mà cũng không cứu được, thế rồi nó chết, tội nghiệp con bé.

- Khủng khiếp quá, - tôi xen vào.

- Phải, tôi đờ đẫn cả người, tuy cũng không nhiều đến mức giá như con tôi nó sống với tôi mà phải chết, nhưng tôi dám nói thế là phúc. Một cô gái có mỗi một chân thì cuộc đời cũng chẳng tốt đẹp gì nhiều. Tôi thương nhớ vợ tôi. Chúng tôi đã sống rất ăn ý với nhau. Dẫu rằng tôi cũng không rõ có còn như thế được đến giờ hay không. Bà ấy thuộc loại đàn bà lúc nào cũng áy náy về những điều người khác nghĩ. Bà ấy không thích đi du lịch. Ý tưởng nghỉ ngơi của bà ấy chỉ gói gọn ở mấy chữ Ixbon⁽¹⁾. Ông biết không, tôi chưa bao giờ vượt eo La Măngsø⁽²⁾ cho đến tận lúc bà ấy chết.

⁽¹⁾ Ixbon (Eastbourne): khu nghỉ mát ở bờ biển miền nam nước Anh.

⁽²⁾ Eo La Măngsø nằm giữa nước Anh và nước Pháp, là đường biển nối nước Anh với đại lục châu Âu.

- Chắc ông còn những người thân thích khác nữa chứ?
- Chẳng còn ai cả. Tôi là con một. Cha tôi có một ông em, nhưng chú ấy đã sang Oxtorâylia trước khi tôi ra đời. Tôi cho là không có ai trên đời này cô đơn hơn tôi. Chẳng có lý do nào bắt tôi không được làm cái điều tôi mong muốn. Hồi ấy tôi ba mươi tư tuổi.

- Ông đã nói với tôi là ở đảo này đã mươi lăm năm. Vị chi năm nay ông bốn mươi chín. Đúng cái tuổi tôi đoán về ông.

- Tôi đi làm từ năm mươi bảy. Tất cả những gì đang đợi ở phía trước là cứ làm mỗi cái việc nhảm chán ấy, ngày nối ngày cho đến khi về hưu. Tôi bèn tự hỏi, thế có đáng công không? Bỏ tất cả những thứ ấy đi mà dành phần cuộc đời còn lại cho nơi đây thì đã chết ai? Đây quả là một nơi đẹp đẽ nhất mà tôi được thấy. Nhưng tôi đã được giáo dục về tính làm ăn, bản tính tôi cẩn thận. Tôi bảo: Không, không được sa đà như thế, mình đã nói ngày mai về là về, và coi chuyện ấy thế là chấm dứt. Biết đâu khi về lại Luân-đôn, tôi lại nghĩ hoàn toàn khác đi? Ngốc ơi là ngốc. Tôi mất thêm cả một năm là vì vậy.

- Thế sau ông vẫn không thay đổi quyết định à?

- Không. Suốt quãng thời gian tôi đi làm, tôi cứ vương vấn về bãi tắm nơi đây, về những vườn nho, những cuộc đi dạo trên đồi, về vắng trăng và biển cả, về cái Quảng trường buổi tối lúc mọi người dạo chơi chuyện phiếm chút ít sau một ngày làm việc. Chỉ có mỗi một điều làm tôi lo nghĩ: tôi chưa dám chắc là

Kết hướng lạc

mình đúng khi không làm việc như mọi người. Rồi tôi đọc một cuốn sách sử của một tác giả tên là Marion Cophort⁽¹⁾, trong có câu chuyện về Xybarít và Crôtôna⁽²⁾. Đây là hai thành phố, ở Xybarít người ta chỉ an lạc với cuộc đời, vui chơi qua ngày tháng, còn ở Crôtôna người ta chăm chỉ cần cù hết chô nói. Rồi một ngày kia người Crôtôna tràn đến quét Xybarít đi, ít lâu sau lại có một bọn từ nơi khác nữa tràn đến và quét Crôtôna đi. Xybarít chẳng còn lại gì, ngoài một mảnh đá, và những gì còn lại của Crôtôna cũng chỉ là một cái cột. Điều ấy đã phân định vấn đề cho tôi.

- Thế à?

- Rồi thì kết cục cũng như nhau cả thôi, phải không?
Giờ anh nhìn lại xem ai dại hơn ai?

Tôi không đáp và ông lại tiếp tục.

- Tiên nong là mối lưu tâm chính của tôi. Ngân hàng không trả lương hưu cho ai chưa phục vụ đủ ba mươi năm, nhưng nếu anh về hưu sớm hơn thì sẽ được một món trợ cấp. Với trợ cấp ấy và số tiền bán nhà, cộng với ít tiền tôi tiết kiệm được vẫn không đủ cho tôi mua một khoản trợ cấp bảo hiểm hàng năm cho quãng đời còn lại. Thật là ngổ một khi đã hi sinh mọi thứ để giành lấy một cuộc sống an lạc mà lại

⁽¹⁾ Marion Cophort (1854 - 1909), nhà văn Mỹ sinh ra và chết tại Italia, nổi tiếng về loạt tiểu thuyết mô tả đời sống của một gia đình quý tộc La Mã.

⁽²⁾ Xybarít và Crôtôna đều nằm ở miền nam Italia. Xybarít bị phá hủy năm 510, trước CN. Crôtôna cũng rơi vào tay người Xixilia vào năm 299 trước CN.

không đủ thu nhập để làm cho nó trở nên an lạc. Tôi muốn có một cơ ngơi nhỏ của riêng mình, một người đầy tớ coi sóc, muốn có tiền mua thuốc lá, thức ăn ngon, thỉnh thoảng mua sách đọc và rồi dăm ba thứ phòng xa. Tôi biết khá rõ là mình cần bao nhiêu. Rút lại tôi chỉ còn đủ tiền mua khoản trợ cấp bảo hiểm cho hai mươi lăm năm.

- Lúc ấy ông ba mươi lăm nhỉ?

- Vâng, nó sẽ bảo đảm cho tôi đến năm sáu mươi tuổi. Sau rốt chẳng ai dám chắc là mình sống lâu hơn thế, nhiều người chết ở quãng ngoài năm mươi, còn lúc bước vào tuổi sáu mươi thì đã qua những giây phút lý thú nhất của cuộc đời rồi.

- Mặt khác cũng không ai dám chắc mình chết năm sáu mươi tuổi cả, - tôi nói.

- Chà, tôi không rõ. Nó phụ thuộc vào mình chứ, phải không?

- Ở địa vị ông, tôi sẽ ở lại ngân hàng cho đến khi được cấp lương hưu.

- Thế thì lúc ấy tôi đã bốn mươi bảy rồi. Tôi sẽ đậm quá già để có thể tận hưởng cuộc sống ở đây. Tôi sẽ già hơn bây giờ và cũng tận hưởng nó như tôi vẫn tận hưởng thôi, nhưng tôi sẽ đậm ra quá già không ném được cái khoan khoái đặc biệt của tuổi trẻ. Chắc anh biết là có thể hưởng những giây phút thích thú ở tuổi năm mươi cũng như ở tuổi ba mươi, nhưng đấy không phải cùng những giây phút như nhau. Tôi muốn sống một cuộc sống hoàn hảo khi có

Kết hường lae

sinh lực và tinh thần để tận dụng nó. Hai mươi lăm năm có vẻ cũng dài đối với tôi, mà hai mươi lăm năm hạnh phúc có vẻ đáng để đổi lấy những cái khá trọng yếu. Tôi đã quyết định đợi một năm và đã đợi đúng một năm. Rồi tôi xin thôi việc và chẳng bao lâu sau khi họ trả trợ cấp cho tôi, tôi đã mua khoản trợ cấp bảo hiểm hàng năm và đến đây ở.

- Trợ cấp bảo hiểm cho hai mươi lăm năm?
- Phải.
- Thế ông không bao giờ hối tiếc?
- Không bao giờ. Tôi đã bỏ tiền ra xứng đáng. Mà tôi còn mười năm nữa. Anh không nghĩ là sau hai mươi lăm năm hạnh phúc hoàn hảo, người ta sẽ mâu thuẫn xuôi tay coi đó là trộn vẹn rồi hay sao?
- Có thể vậy.

Ông không nói nhiều về việc khi ấy ông sẽ làm gì, nhưng ý định của ông đã rõ. Nó gần tựa như câu chuyện anh bạn tôi đã kể cho tôi, nhưng khi tôi nghe nó từ chính miệng Uynxon thì lại là chuyện khác. Tôi nhìn trộm ông. Chẳng có gì bất bình thường ở ông cả.

Không một ai, khi nhìn khuôn mặt cô đọng, gọn gàng kia, có thể nghĩ là ông có khả năng hành động một cách khác thường. Tôi không trách ông. Đây là chuyện đời riêng của ông mà ông đã sắp xếp theo cách lạ lùng làm vậy, và tôi thấy ông làm cái điều mà ông thích thì được lăm chữ. Ấy thế mà tôi vẫn không kìm được sự rung mình chút ít đang chạy dọc sống lưng.

- Anh lạnh à? - Ông mỉm cười. - Có lẽ ta bắt đầu đi dạo đi. Trăng sẽ lên bây giờ đấy.

Trước khi chia tay, Uynxơn mời tôi đến thăm ngôi nhà ông vào một buổi nào đó; và chỉ hai ba hôm sau, khi đã tìm được nơi ông ở, tôi lại chơi chở ông. Đó là một ngôi nhà kiểu nông dân cách khá xa thành phố, trong một vườn nho, nhìn ra biển. Bên cửa có một cây trúc đào lớn đang rộ hoa. Chỉ có hai phòng nhỏ, một cái bếp xinh xinh và một mái che để chứa củi. Phòng ngủ kê dọn bày biện như phòng đơn của thầy tu, nhưng phòng khách, thơm mùi thuốc lá, khá đủ tiện nghi, có hai cái ghế dựa to ông đã mang từ Anh sang, cái bàn rộng có mặt nắp trượt, chiếc đàn pianô nhỏ và những cái giá đầy sách. Trên tường treo những tranh khắc có khung, tác phẩm của G.F.Oatxo⁽¹⁾ và Huân tước Laiton⁽²⁾. Uynxơn bảo tôi là ngôi nhà này của ông chủ vườn nho sống trong một căn nhà khác phía trên đồi, vợ ông ta hàng ngày đến đây dọn phòng và nấu ăn. Ông đã tìm ra chỗ này trong lần đến Capri đầu tiên, và khi quay lại đã thuê nó và sẽ ở đây mãi mãi kể từ lúc đó. Thấy chiếc đàn pianô và quyển nhạc mở ra trên đó, tôi hỏi ông có chơi nhạc không.

- Tôi không giỏi, nhưng lúc nào cũng thích âm nhạc nên rất khoái đánh bập bèng cho vui.

⁽¹⁾ Gioócgis Frêdêric Oatxo (1817 - 1904) họa sĩ và nhà điêu khắc người Anh.

⁽²⁾ Barôn Prêdêric Laiton (1830 - 1896) họa sĩ Anh vẽ các đề tài cổ điển và tôn giáo.

Ké hường lạc

Ông ngồi xuống và chơi một bản Xônát của Bêthôven. Ông chơi không giỏi. Tôi nhìn quyển nhạc của ông: Suman và Sube, Bêthôven, Bach và Sôpanh. Trên bàn chõ ông vẫn thường ăn có một bộ bài bóng lâng. Tôi hỏi ông có chơi bài pa-xiên không.

- Khá nhiều.

Từ những gì mắt thấy về ông và từ những gì tai nghe qua những người khác, tôi đã vẽ ra cái mà tôi nghĩ chắc sẽ là bức tranh khá chính xác về cuộc đời ông suốt mười lăm năm qua. Tất nhiên đó là một cuộc sống rất vô hại. Ông đi tắm, ông đi dạo khá nhiều, và hình như ông không bao giờ mất cảm quan về vẻ đẹp của hòn đảo mà ông đã biết khá tường tận, ông chơi pia-nô và chơi bài pa-xiên; ông đọc sách. Khi được mời đi dự cỗ thì ông đi, và tuy ông khá chậm chạp, nhưng lại dễ tính. Ông không phật ý khi bị quên lâng. Ông thích mọi người, nhưng có một vẻ cách biệt ngăn ngừa sự thân mật. Ông sống tần tiện, nhưng khá đầy đủ. Ông không bao giờ nợ ai một xu. Tôi hình dung ông không phải là loại người mà tình dục quấy nhiễu nhiều, nếu như trong những năm tháng còn trẻ trung hơn, thảng hoặc ông vẫn tơ tình qua thời với một du khách đến đảo, trí óc bị ngắt ngãy vì không khí ở đây; thì bây giờ nếu cái mối xúc cảm ấy có còn, tôi tin chắc là nó chịu sự điều khiển của ông. Tôi cho là ông đã nhất quyết rằng không gì có thể len lỏi quấy phá sự độc lập tinh thần của ông. Đam mê duy nhất của ông là vẻ đẹp thiên nhiên, và

ông tìm kiếm hạnh phúc trong những cái đơn giản và tự nhiên mà cuộc sống vẫn dành cho mỗi người. Bạn có thể gọi đó là một sự tồn tại quá ích kỷ. Quả có thể thật. Ông chẳng được ích lợi gì cho ai, mà mặt khác cũng chẳng làm hại ai điều gì. Đối tượng duy nhất của ông là hạnh phúc của riêng ông, và xem ra có vẻ như ông đã đạt được nó. Rất ít người biết nên tìm hạnh phúc ở đâu; tìm ra nó lại còn ít hơn nữa. Tôi không rõ ông là một anh ngốc hay một người sáng suốt. Tất nhiên ông phải là người biết rõ trí óc mình. Cái điều kỳ lạ về ông đối với tôi là ông là một người vô cùng bình thường. Tôi chẳng còn phải nghĩ đi nghĩ lại gì về ông ngoài những điều đã biết, rằng một ngày nào đó, mười năm nữa, nếu không có cơn ốm tinh cờ nào làm đứt đoạn cuộc đời ông, thì ông sẽ phải chủ động từ giã cái thế giới mà ông yêu nhường ấy. Tôi băn khoăn không biết có phải chính cái ý nghĩ ấy, không lúc nào rời khỏi óc ông, đã tạo cho ông cái vẻ hăm hở hiếu có khi ông tận hưởng từng giây phút trong ngày hay không.

Tôi sẽ không công bằng với ông, nếu bỏ qua cái nhận xét là ông không hề có thói quen nói về mình. Tôi nghĩ anh bạn tôi là người duy nhất ông đã thổ lộ với. Tôi tin là ông nói chuyện ấy với tôi chỉ vì ông ngờ rằng tôi đã biết, và cái buổi tối ông kể với tôi thì ông đã uống khá nhiều rượu.

Cuộc du ngoạn của tôi đã đến hồi kết thúc và tôi rời đảo. Năm sau, chiến tranh nổ ra. Một số sự việc

Kết hường lạc

đã xảy ra với tôi, cho nên dòng đời tôi đã bị thay đổi nhiều, và mãi mười ba năm sau tôi mới trở lại Capri. Bạn tôi đã về lại đây được ít lâu, nhưng anh không còn sung túc như xưa, đã phải dọn đến một căn nhà không còn chỗ cho tôi ở nữa, nên tôi phải ra khách sạn. Anh đến gặp tôi trên thuyền và chúng tôi cùng ăn với nhau. Trong bữa ăn tôi hỏi xem nhà anh cụ thể ở chỗ nào.

- Anh biết nó rồi, - anh trả lời - Chính là cái chỗ Uynxơn ở đây. Tôi đã xây một phòng ở đây và tạo dựng nó rất tuyệt.

Với nhiều điều choán trong óc, tôi đã không mấy may nghĩ đến Uynxơn bao năm nay rồi, nhưng bây giờ, hơi bàng hoàng, tôi lại nhớ ra ông. Cái mươi năm ở phía trước đời ông hồi tôi làm quen với ông đã trôi qua từ lâu.

- Ông ấy có tự tử như ông ấy đã nói không?

- Đây là một câu chuyện khá ác nghiệt.

Kế hoạch của Uynxơn đúng cả. Chỉ có mỗi một vết rạn trong đó mà tôi cho là ông không trông thấy trước được. Không bao giờ có ý nghĩ len vào đầu ông là sau hai mươi năm hạnh phúc hoàn toàn, ở nơi tù túng, phảng lặng này, nơi không có gì trên đời quấy đảo sự bình yên của ông, bản lĩnh của ông sẽ dần dần mất đi sức mạnh. Ý chí cần phải có trở ngại để thực thi quyền lực của nó; khi nó không hề bị ngăn trở, khi không cần có một nỗ lực nào để đạt đến mong muốn của mình, bởi vì mong muốn đã được đặt vào

những chỗ có thể nhận được ngay chỉ cần với tay ra, thì ý chí trở nên bất lực. Nếu anh lúc nào cũng đi trên đường băng thì những cơ bắp cần để anh leo núi sẽ teo đi. Những lời nhận xét này có nhảm, nhưng vẫn đúng. Khi trợ cấp bảo hiểm của Uynxơn đã hết, ông không còn đủ cương quyết để tự tử, cái giá mà ông đã đồng ý chịu trả cho cả một thời kỳ êm đềm hạnh phúc dài lâu. Tôi không nghĩ, dù sau tất cả những điều thu thập được, cả qua lời bạn tôi kể lẩn những người khác về sau này, là ông thiếu can đảm. Chẳng qua là ông không quyết định nổi. Ông cứ lần lữa ngày này qua ngày khác.

Ông sống trên đảo đã lâu và ấn định chi tiêu ti mỉ từng li từng tí nên ông dễ dàng vay mượn; trước kia chưa bao giờ vay tiền, nên có nhiều người sẵn lòng cho ông vay những món tiền nhỏ, mỗi khi ông ngo lời. Ông đã trả tiền nhà đều đặn suốt những năm qua nên chủ nhà, có bà vợ Axunta vừa làm người phục vụ cho ông, cũng đồng ý cho ông thư thả trong vài tháng. Mọi người đều tin lời ông nói là có người thân đã chết và nay ông bị lấn bấn tạm thời vì còn chưa hoàn tất một số thủ tục để nhận phần tiền của mình. Ông trì hoãn theo kiểu đó được đâu chừng một năm. Rồi ông không tài nào mượn được tiền của những nhà buôn địa phương nữa, và chẳng ai còn dám cho ông vay đồng nào. Chủ nhà đã đánh tiếng với ông là nếu không trả hết số tiền khất lại trước một thời hạn nào đó, thì ông nên đi khỏi căn nhà.

Kết hướng lae

Một hôm ông vào phòng ngủ xinh xắn của mình, đóng cửa ra vào và cửa sổ lại, buông rèm và đốt lò than lên. Sáng hôm sau, khi Axunta đến lo bữa sáng cho ông thì thấy ông lịm đi nhưng vẫn còn sống. Căn phòng có gió lùa, tuy ông đã đóng cửa không cho không khí trong lành lọt vào nhưng ông đã đóng không kỹ. Dường như vào cái giây phút cuối cùng ấy, cho dù tình thế của ông đáng tuyệt vọng đi nữa, ông cũng trải qua một sự bứt rút không cương quyết nào đó trong việc thực hiện ý định. Uynxơn được đưa đến bệnh viện và dù ốm nặng mất một thời gian, cuối cùng ông đã bình phục. Nhưng hoặc do kết quả của sự nhiễm độc than củi hoặc bị sốc mà ông không còn có một trí năng hoàn hảo nữa. Ông không bị điên, hay chí ít thì cũng chưa điên đến nỗi phải vào nhà thương chỉ tâm thần, nhưng rõ ràng là ông không còn có một trí óc minh mẫn nữa.

- Tôi đến thăm ông ấy, - bạn tôi kể. - Tôi cố gắng cho ông nói chuyện, nhưng ông ấy cứ nhìn tôi kỳ cục lắm, như thể không hoàn toàn định thần được xem ông ấy đã gặp tôi ở đâu trước kia. Ông ấy cứ nằm trên giường thật kinh dị, râu bạc mọc được một tuần trên cằm; nhưng ngoài cái nhìn kỳ cục trong mắt ra thì ông có vẻ như hoàn toàn bình thường.

- Thế cái nhìn kỳ cục ra sao?

- Tôi không biết tả thế nào cho đích xác. Cái nhìn ngây ngây. Kể so sánh ra thì thật phi lý, nhưng cứ giả định như anh ném một hòn đá lên không trung rồi nó không rơi xuống mà cứ ở yên ở trên đó...

- Chắc phải khá thảng thốt? - Tôi mỉm cười.
- Phải đấy, cái nhìn từa tựa như thế.

Thật là khó, không biết giải quyết ra sao. Ông không có tiền, cũng chẳng còn phương tiện, của cải gì. Đồ đạc đã bán hết rồi nhưng được quá ít, trả không hết nợ. Ông là người Anh, các nhà chức trách Italia không muốn dính vào ông. Lãnh sự Anh ở Naplơ không có quỹ để chi cho trường hợp này. Ông có thể bị trả về Anh, nhưng hình như không ai biết phải giải quyết thế nào khi ông còn ở đây. Axunta, bà hầu phòng, nói rằng ông từng là một người chủ tốt và một người thuê nhà tốt. Hồi còn tiền ông có bao giờ không trả sòng phẳng đâu; ông có thể ngủ ở cái lều cùi trong căn nhà vợ chồng bà đang ở và họ có thể san sẻ bữa ăn cho ông. Người ta đề nghị như thế với ông. Thật khó mà biết được ông có hiểu hay không. Khi Axunta đến bệnh viện để đưa ông về, ông đi với bà chẳng nói chẳng rằng. Hình như ông không còn ý chí nào nữa. Bà ấy cứ nuôi ông ta như thế đã được hai năm nay.

- Chẳng tiện nghi gì cho lăm, đây anh xem, - bạn tôi nói. - Họ làm tạm cho ông một cái giường ọp ẹp và cho ông hai cái chăn, nhưng không có cửa sổ gì cả nên mùa đông thì lạnh như băng, mùa hè thì cứ như cái lò. Thức ăn cũng khá thô. Anh biết nông dân họ ăn thế nào rồi đấy: chủ nhật toàn ăn mì ống, năm thì mười họa mới có thịt.

- Suốt thời gian ấy ông ta làm gì?

Kết hướng lạc

- Ông ta cứ lang thang khắp các ngọn đồi. Tôi đã cố tìm cách gặp ông ta hai ba lần, nhưng chẳng ăn thua gì, cứ thấy người là ông ấy chạy như thỏ. Axunta vẫn thỉnh thoảng đến chở tôi nói chuyện phiếm, tôi cho bà ấy ít tiền để mua thuốc lá cho ông ta, nhưng có trời mà biết được ông ta có nhận được hay không.

- Họ đối xử với ông ta phải đạo chứ? - Tôi hỏi.

- Tôi chắc Axunta khá tốt bụng. Bà ấy đối đãi với ông như với một đứa trẻ. Tôi e ông chồng bà ta không được tử tế lắm với Uynxon. Ông ta cứ hầm hè với cái chuyện nuôi nấng Uynxon. Tôi không cho là ông ấy tàn ác hay là cái gì đại loại như thế, nhưng tôi nghĩ ông ấy hơi nghiệt ngã với Uynxon. Ông ta bắt Uynxon đi lấy nước, lau rửa chuồng bò hay những việc na ná như thế.

- Nghe ra cũng khá tàn tệ đây nhỉ? - Tôi nói.

- Minh làm mình chịu chứ sao. Xét cho cùng ông ta chỉ phải gánh chịu những gì ông ta đáng phải chịu.

- Tôi nghĩ nói chung tất cả chúng ta ai mà chẳng phải chịu những gì đáng phải chịu, - tôi nói, - nhưng điều ấy không có nghĩa là nó không rùng rợn.

Hai ba hôm sau tôi và anh bạn cùng đi dạo. Chúng tôi đi thơ thẩn dọc theo con đường hẹp qua một rừng ô-liu.

- Uynxon kia kia, - đột nhiên anh bạn tôi lên tiếng. - Đừng nhìn, anh sẽ làm ông ấy hoảng đấy. Cứ đi thẳng.

Tôi đi mà mắt căm cúi vào con đường, nhưng bên góc mắt, tôi vẫn thấy một người nấp sau một cái cây ôliu. Người ấy không động đậy khi chúng tôi tiến lại gần, nhưng tôi cảm thấy ông ta đang theo dõi chúng tôi. Khi chúng tôi vừa đi ngang qua, tôi nghe thấy tiếng chân chạy lướt vút đi. Uynxơn như con thú bị săn đuổi, phóng mình chạy trốn. Đây là lần cuối cùng tôi trông thấy ông.

Ông ta chết năm ngoái. Ông sống vất vưởng như thế sáu năm. Một buổi sáng người ta tìm thấy ông trên sườn núi, nằm hết sức thanh thản, như chết lịm đi trong giấc ngủ. Từ nơi ông nằm, ông có thể nhìn thấy hai khối đá to được gọi là hòn Phaglioni sừng sững vươn lên trên mặt biển. Trăng rất tròn, và át hẳn ông ta đã đi ngắm hòn Phaglioni dưới ánh trăng. Có lẽ ông đã chết bởi cảnh đẹp ấy.

Một người có lương tâm

Lôrăng đờ Marôni⁽¹⁾ là một chốn nhỏ bé xinh xắn. Nó có một *Hôtel de ville*⁽²⁾ và một *Palais de Justice*⁽³⁾ mà nhiều thị xã ở nước Pháp vẫn lấy làm tự hào. Phố xá rộng rãi, cây cối duyên dáng viền lấy chúng tạo nên một bóng râm dense chịu. Nhà cửa trông cứ như vừa mới được phết một lớp sơn, sổ lớn nép mình trong những khu vườn nhỏ đầy cây cọ, cây hoa lửa; cây chuối hoa khoe màu rực rỡ, cây ba đậu muôn màu muôn vẻ, cây hoa giấy, màu đỏ màu tía, bung lênh phóng túng, cây dâm bụt nèn nã chìa những bông hoa mỹ lệ với một vẻ lơ đãnh thật đến là đáng yêu. Xanh Lôrăng đờ Marôni là trung tâm giam giữ tội phạm hình sự của nước Pháp ở Guyan và cách cái bến tàu nơi bạn đặt chân lên một trăm *yat* là cái cổng lớn của trại tù. Những căn nhà nhỏ bé xinh xắn nằm trong những khu vườn

⁽¹⁾ Xanh Lôrăng đờ Marôni là một thị xã ở tây bắc xứ Guyan thuộc Pháp (Nam Mỹ).

⁽²⁾ *Hôtel de Ville* (tiếng Pháp): Tòa thị chính.

⁽³⁾ *Palais de Justice* (tiếng Pháp): Tòa pháp viện, tòa án.

nhiệt đới kia là dinh thự của số viên chức coi tù và nếu phố xá có gọn gàng sạch sẽ thì là vì chẳng thiếu gì phạm nhân để săn sóc nó.

Một hôm khi đi chơi với một người quen, tình cờ tôi bắt gặp một người đàn ông còn trẻ đeo chiếc mũ rơm tròn và mặc bộ đồ sọc hồng sọc trắng của tù nhân, đang đứng ven đường với cái cuốc chim trong tay. Anh ta không làm gì cả.

- Sao anh lại đứng tếu thế này? - Anh bạn của tôi hỏi.

Người đàn ông làm một cử chỉ nhún vai khinh bỉ:

- Nhìn cái đám lá cây lá cỏ kia kia, - anh ta đáp. - Tôi phải ở đây hai mươi năm để cào nó đấy.

Xanh Lôrăng đờ Marôni tồn tại với một cụm những trại tù mà nó là trung tâm. Nghề nghiệp doanh thương nơi đây thích ứng theo những trại tù kia; những cửa hiệu xứ này do người Hoa điều hành, là để thỏa mãn nhu cầu của các viên cai tù, các bác sĩ và vô số những viên chức khác mà đời sống gắn với những khu trại tù này. Phố xá lặng lẽ và vắng vẻ. Bạn có thể trông thấy một phạm nhân với cái túi thư bên tay, anh ta làm việc ở tòa hành chính, hay một phạm nhân khác với cái giỏ, anh ta là người đầy tớ trong nhà ai đó. Đôi lúc bạn bắt gặp một toán người do một cai tù phụ trách, thường thì bạn thấy họ đi vào hoặc đi ra cái nhà tù không có người gác. Cổng nhà tù mở suốt cả ngày và tù nhân có thể tự do lượn ra lượn vào. Nếu bạn trông thấy một gã đàn ông không mặc bộ quần áo tù thì chính anh ta đã được trả lại tự do,

Một người có lương tâm

một kẻ bị án đày một số năm ở thuộc địa và vì không thể kiếm được việc làm, đang sống bên mép vực của sự chết đói, ngày ngày nốc cho đến chết một thứ rượu rum mạnh rẻ tiền gọi là tafia.

Ở Xanh Lôrăng đờ Marôni có một khách sạn và tôi vẫn dùng bữa ở đấy. Chẳng bao lâu tôi đã quen mặt những khách lui tới thường xuyên. Họ vào, mỗi người ngồi ở một cái bàn con của mình, lặng lẽ ăn rồi lại đi ra. Khách sạn do một người phụ nữ da màu trông coi và một người đàn ông sống với bà ta, trước là phạm nhân, giờ là người hầu bàn độc nhất. Ông thống đốc xứ này, ngủ ở Cayen, đã dành một căn nhà riêng một tầng cho tôi toàn quyền sử dụng nên tôi ngủ ở đấy. Một ông già Arập coi sóc căn nhà, ông là tín đồ Hồi giáo ngoan đạo, chốc chốc trong ngày tôi lại nghe thấy ông ta tụng niệm. Để thu gọn giường chiếu, giữ ngăn nắp căn buồng và chạy việc điều dóm cho tôi, ông trưởng trại tù đã cắt cử thêm một phạm nhân nữa. Cả hai đều mang án chung thân vì tội giết người, ông trưởng trại bảo tôi là có thể tin tưởng hoàn toàn ở bọn họ, bọn họ trong trắng lương thiện như ánh sáng ban ngày và tôi có thể để đồ đạc thoải mái mà không phải lo lắng gì cả. Ấy thế nhưng chả nói giàu gì bạn đọc là buổi tối khi đi ngủ, tôi vẫn phòng xa khóa trái cửa ra vào và chốt cửa chớp lại. Dĩ nhiên điều đó thật dở dusk, nhưng tôi ngủ có ngon hơn.

Tôi đến đây với nhiều thư giới thiệu nên cả ông thống đốc khu định cư và ông trưởng trại ở Xanh

Lôrăng đã làm hết sức mình cho chuyến đi của tôi trở nên dễ chịu và bổ ích. Tôi sẽ không thuật lại ở đây mọi điều đã nghe và trông thấy. Tôi không phải là phóng viên. Công kích hay bảo vệ cho cái hệ thống mà người Pháp đã nghĩ là áp dụng thích hợp đối với bọn tội phạm không phải là việc của tôi. Vả lại, hệ thống này hiện nay đang bị lén án, chẳng bao lâu nữa tù nhân sẽ không còn bị đưa sang Guyan thuộc Pháp nữa, không còn phải hứng lấy những bệnh tật đặc trưng của khí hậu xứ này và nai lưng làm lao công nơi rừng thiêng nước độc; mà nhiều kẻ bị dày ải đến không còn phải chịu đựng những sự khinh rẻ không tả xiết, bị mất hy vọng, bị hủy hoại và chết đi nữa. Tôi chỉ có thể nói một điều là tôi không thấy có sự hành hạ thể xác. Mặt khác, tôi cũng không thấy có cái ý định nào biến kẻ tội phạm thành ra một công dân có ích sau khi mãn án. Tôi không thấy người ta làm việc gì để cải thiện mặt tinh thần cho người tù cả. Tôi không nghe thấy nói có lớp học nào để có thể nâng cao học vấn hay những trò chơi có tổ chức nào để giải khuây trí óc anh ta. Tôi không thấy một thư viện nào để người tù có thể kiếm sách đọc khi công việc hàng ngày của anh ta đã xong. Tôi đã nhìn thấy cái tình cảnh mà chỉ có những bản tính mạnh mẽ nhất mới mong có cơ vượt qua được. Tôi thấy một sự khắc nghiệt hẩn sê dồn tất cả, trừ một số ít người, đến sự lanh đạm và tuyệt vọng.

Tất cả những điều đó không dính dáng gì đến

tôi. Thật là vô tích sự khi cứ tự hành hạ mình bởi những nỗi khổ không thể làm nhẹ bớt được. Mục đích của tôi ở đây là kể một câu chuyện. Như tôi đã nhận thức rõ, người ta không bao giờ biết hết mọi thứ cần biết về bản chất của con người. Người ta chỉ dám chắc một điều là nó, cái bản chất của con người ấy, sẽ không bao giờ thôi dành cho người khác một sự bất ngờ. Khi tôi đã trải qua cái án tượng hoang mang, sảng sốt và kinh sợ mà chuyền đi thăm trại tù đầu tiên đã gợi lên, tôi mới nhớ ra là có một số vấn đề mà tôi cũng quan tâm muốn tìm hiểu. Tôi xin thông báo cho bạn đọc rõ là ba phần tư số phạm nhân ở Xanh Lôrăng đờ Marôni can tội giết người. Đây không phải là tin tức chính thức nên có thể là tôi nói quá, mỗi một người tù đều có một cuốn sổ nhỏ trong đó có ghi lần lượt tội trạng, bản án, hình phạt và mọi điều khác mà nhà chức trách cho là cần phải ghi lại, và chính từ việc kiểm tra một số đáng kể những cuốn sổ như vậy mà tôi quy thành sự đánh giá. Đại thể nó làm tôi bàng hoàng khi mường tượng ra cái cảnh ở nước Anh, một số lớn hơn nhiều, rất nhiều người mà tôi gặp đang làm việc ở cửa hàng, thư thán ngoài hiên các phòng tập thể hay lượn lờ ngoài phố rất có thể một ngày kia bị khép vào tội tử hình. Tôi thấy họ không ưa kể một tí gì về tội ác đã khiến họ bị kết án, và để theo đuổi mục đích của mình, tôi dành gần trọn một ngày để tìm hiểu những án mạng về tình ái. Tôi muốn biết đích xác cái gì là động cơ khiến một người đàn ông giết vợ hay người yêu của mình. Tôi

có quan niệm là ghen tuông và sự tổn thương danh dự chưa chắc đã nói nên đầy đủ sự việc. Tôi đã nhận được vài câu trả lời ngô ngô và trong đó có một câu mà đối với tôi không kém phần khôi hài. Câu ấy của một người đàn ông làm việc trong một xưởng mộc, kẻ đã cắt cổ vợ mình, khi tôi hỏi tại sao anh ta lại hành động như thế, anh ta nhún vai trả lời: *Manque d'entente*⁽¹⁾. Qua cái chất giọng thản nhiên của anh ta có thể dịch đúng nhất là: Chúng tôi không được thuận vợ thuận chồng cho lắm. Tôi không thể không nhận định là nếu đàn ông nói chung cứ cái đà xem đầy như là một lý do chính đáng để hạ sát vợ mình, thì tỷ lệ tử vong ở phái nữ sẽ ở mức báo động. Nhưng sau khi đặt khá nhiều câu hỏi cho khá nhiều người, tôi đi đến kết luận là ẩn dưới đáy của hầu hết các vụ án mạng ấy là động cơ kinh tế: người ta giết vợ hay giết tình nhân không chỉ vì ghen tuông, vì họ không chung thủy với mình, mà còn vì lẽ này hay lẽ khác nó động chạm đến túi tiền của họ. Sự không chung tình của người đàn bà đôi lúc chính là cái dịp thất thiệt về tài chính và xét cho cùng, đã đẩy người đàn ông đi đến cái hành động tuyệt vọng kia; hoặc là, chính anh ta đang cần tiền để chi cho những đam mê tình ái khác, anh ta đã gây án mạng bởi nẠN NHÂN của anh ta là trở ngại cho độc quyền nắm giữ tiền bạc. Tôi không quy hết là một người đàn ông không bao giờ giết người đàn bà của mình vì tình cảm của anh

⁽¹⁾ *Manque d'entente* (tiếng Pháp): thiếu hòa thuận, không hiểu nhau.

Một người có lương tâm

ta bị hắt hủi hay danh dự của anh ta bị hoen ố, tôi chỉ đưa ra sự nhận xét của mình về những trường hợp riêng biệt như là một tia sáng là lụt rơi vào bản chất con người. Tôi không dám mạo muội từ đó suy diễn ra thành một quy tắc chung.

Tôi dành một ngày nữa để tìm hiểu vấn đề lương tâm. Các nhà luân lý vẫn tìm cách thuyết phục chúng ta rằng đó là một trong những yếu tố hùng mạnh nhất trong tính cách con người. Ngày nay, khi mà lý trí và lòng trắc ẩn cùng nhau xem hỏa ngục là một chuyện hoang đường đáng ghét, nhiều con người đúng mức đã tìm thấy ở lương tâm cái vật ngăn chủ yếu giữ cho giống người đi theo con đường của lẽ phải. Xêchxpia đã bảo chúng ta rằng lương tâm biến tất cả chúng ta thành những kẻ nhát gan⁽¹⁾. Các nhà viết tiểu thuyết và viết kịch đã mô tả cho chúng ta hay những nỗi day dứt dằn vặt dồn lên kẻ ác, họ đã vẽ nên sinh động cái cơn đau đớn của lương tâm bị hành hạ và cái cảnh những đêm mất ngủ liên tiếp; họ đã chỉ ra là nó đầu độc mọi sự khoan khoái cho đến khi cuộc sống trở nên không chịu nổi và sự phát hiện và trừng phạt đến như một lối giải thoát đáng hoan nghênh. Tôi vẫn thường tự hỏi tất cả những điều ấy đúng đến mức độ nào. Các nhà luân lý có cái dụng ý theo đuổi riêng, họ phải lôi đạo đức theo. Họ nghĩ là nếu họ cứ nói mãi một điều thì người ta sẽ tin. Họ muốn tuyên bố điều này điều

⁽¹⁾ Vậy là lương tâm biến tất cả chúng ta thành kẻ nhát - lời của Hämlet trong vở kịch cùng tên của Sêchxpia (hồi 3 - Cảnh I).

nó là như vậy, khi họ mong nó sẽ phải như vậy. Họ nói với chúng ta rằng sự báo đáp của tội lỗi là cái chết⁽¹⁾. Chúng ta biết rất rõ là không phải bao giờ cũng như vậy. Còn về phần các tác giả văn xuôi, các kịch tác gia và tiểu thuyết gia, một khi họ đã vớ được một đề tài dẽ tác động, họ liền sử dụng nó mà không bận tâm lầm đến việc nó có phù hợp với những sự việc ở ngoài đời hay không. Những lời tuyên bố này nọ về bản chất con người trở thành của chung, có thể cho là như vậy, và được chấp nhận như là một điều hiển nhiên. Cũng giống y hệt các họa sĩ hàng ngàn năm vẫn vẽ bóng tối màu đen và mãi cho đến tận khi các họa sĩ trường phái ấn tượng nhìn bóng tối với con mắt không thiên kiến và vẽ ra cái họ đã trông thấy, thế là chúng ta phát hiện ra bóng tối cũng có màu. Đôi lúc tôi có cảm tưởng có lẽ lương tâm là biểu hiện của sự phát triển đạo đức đến mức cao, cho nên ảnh hưởng của nó chỉ mạnh ở những người mà đức hạnh của họ sáng láng đến nỗi họ không gợn lên được ý nghĩ gây ra bất cứ hành động nào để phải rủa trách bản thân. Điều thường được chấp nhận coi giết người là một tội ác tày trời và bản thân kẻ giết người, hơn bất kỳ bọn tội phạm nào khác, theo giả định, phải dằn vặt sám hối. Nạn nhân của hắn, người ta vẫn hay làm chúng ta tin như vậy, thường ám ảnh giấc ngủ của hắn bằng

⁽¹⁾ Dựa theo lời trong Kinh thánh: Sự báo đáp của tội lỗi là cái chết; nhưng Thương đế đã ban cho cuộc sống vĩnh hằng thông qua Giêxú Ki-tô, Đức Chúa của chúng ta (Thư của thánh tông đồ Pôn gửi người La Ma, 6,23).

Một người có lương tâm

những con ác mộng khủng khiếp, và cứ mỗi lần hấn nhớ lại cái hành động rùng rợn của mình thì lại một lần nữa nó hành hạ những giây phút tinh giác của hấn. Tôi không thể bỏ lỡ cơ hội tìm hiểu tính đúng đắn của điều này. Tôi không khăng khăng quả quyết điều gì nếu tôi đã bắt gặp sự kín đáo hay nỗi đau buồn, nhưng trong tất cả số người mà tôi đã nói chuyện, tôi chẳng tìm thấy cái gì giống như thế. Một vài người còn nói rằng trong cùng hoàn cảnh như vậy, họ cũng vẫn sẽ hành động như họ đã hành động trước đó. Là những người theo thuyết quyết định⁽¹⁾ mà không tự biết, họ dường như xem hành động của mình được định đoạt bởi cái số phận mà họ không điều khiển được. Một số lại có vẻ như nghĩ rằng tội ác của họ là do một người nào đó mà họ không có liên quan gì đến đã gây ra.

- Khi còn trẻ, người ta ngu ngốc lắm, - họ nói với một cử chỉ bàng quan hay một nụ cười trừ.

Số khác thì nói với tôi rằng giá họ biết rõ các hình phạt mà họ phải chịu, thì họ sẽ chùn tay lại. Tôi không tìm thấy ở ai một tí gì là hối tiếc cái con người mà họ đã cắt nghiên cuộc đời. Theo tôi, hình như họ không có tình cảm gì đối với cái sinh mạng họ đã giết hơn một con lợn bị người ta cắt họng một cách thành

⁽¹⁾ Thuyết quyết định (determinism) coi mọi hành động đều là hệ quả của những yếu tố quyết định, khiến con người không còn lối thoát nào khác khi hành động. Hiểu theo nghĩa này nó rất gần với thuyết định mệnh (fatalism).

thạo. Chẳng những còn cách xa cái cảm giác thương hại nạn nhân của mình, họ còn thiên về cảm giác căm giận nhiều hơn, bởi lẽ họ đã được ném cảnh tù đầy trên mảnh đất xa xôi này. Chỉ có ở một người là tôi nhận ra được cái có thể đáng gọi là lương tâm, và câu chuyên của anh ta đáng chú ý đến mức tôi nghĩ thuật lại nó cũng bõ. Bởi lẽ đây chính là trường hợp, cứ như ý tôi biếu, sự hối hận là động cơ của tội tác. Tôi đã để ý đến cái số tù của người đó được in trên ngực áo py-gia-ma màu hồng xen trắng, nhưng tôi đã quên mất. Tôi không biết tên anh ta. Anh ta không nói với tôi và tôi cũng không thích hỏi. Tôi sẽ gọi anh ta là Giăng Sacvanh.

Tôi gặp anh ta trong một chuyến đi thăm trại đầu tiên cùng với viên trưởng trại. Chúng tôi đi ngang qua cái sân bao quanh là những ô phòng, không phải phòng xà lim, mà là những phòng đơn dành cho những người tù hạnh kiểm tốt. Xin ở những phòng này là những người cảm thấy sự hỗn tạp của phòng ngủ tập thể là đáng ghê tởm. Đa số các phòng ấy đều vắng không, vì chủ của chúng đang bận bịu với những công chuyện này khác.

Sacvanh làm việc trong phòng, ngồi viết bên một cái bàn nhỏ, cửa ra vào mở. Viên trưởng trại cất tiếng gọi và anh ta đi ra. Tôi nhìn vào phòng. Nó gồm có một cái vông treo một nơi với cái màn tránh muỗi, bên cạnh là cái bàn nhỏ trên đó có những đồ linh tinh, một cái chổi xoa xà phòng cạo râu và một lưỡi dao cạo, một bàn chải tóc và hai ba quyển sách đã

Một người có lương tâm

sờn cũ. Trên tường là những bức ảnh của những người có bộ mặt đáng kính và tranh ảnh cắt từ họa báo ra. Anh ta ngồi viết trên giường và cái bàn viết của anh ta phủ đầy giấy má. Chúng trông giống như những hóa đơn thanh toán. Anh ta đẹp trai, cao, người thẳng và gầy, có đôi mắt đen lóe sáng và những đường nét gãy góc mạnh mẽ. Cái đầu tiên mà tôi để ý về anh là anh ta có một cái đầu đẹp với bộ tóc dài màu nâu sẫm, lượn sóng tự nhiên. Cái đó ngay lập tức khiến anh ta trông khác với những người tù còn lại tóc hói cua, nhưng hói dở đến rõ từng bậc thang, nó tạo cho họ một vẻ hung hãn. Viên trưởng trại nói chuyện công việc với anh ta, rồi khi chia tay, còn nói thêm một lời thân mật:

- Tôi trông tóc anh mọc tốt thật.

Giăng Sacvanh đỏ mặt và mỉm cười. Nữ cười anh ta trẻ con và có duyên.

- Cũng phải mất một thời gian mới được thế này đây ạ!

Viên trưởng trại cho anh ta lui và chúng tôi đi tiếp.

- Anh ta là một anh chàng khá đứng đắn, - ông ta nói. - Anh ta ở phòng kế toán, và được phép để tóc, anh ta dễ chịu lắm.

- Anh ta ở đây vì tội gì thế? - Tôi hỏi.

- Anh ta giết vợ. Nhưng chỉ bị sáu năm tù thôi. Anh ta là một nhân viên tốt và sáng dạ. Anh ta sẽ còn khâm khá. Anh ta xuất thân từ một gia đình rất tử tế và có một học lực tuyệt vời.

Tôi không nghĩ gì về Giăng Sacvanh nữa, nhưng tình cờ ngày hôm sau tôi lại gặp anh ta ngoài đường. Anh ta tiến lại phía tôi. Anh ta mang một túi thư từ bên cánh tay, và nếu không có lớp sọc màu hồng và trắng của cái áo tù và cái mũ rơm tròn tối tàn che mắt đầu tóc đẹp đẽ kia, thì bạn cứ ngỡ anh ta là một luật gia trẻ trên đường đến tòa án. Anh ta bước những bước dài khoan thai và có một phong thái ung dung, gần như có thể nói là hào hoa. Anh ta nhận ra tôi và ngả mũ chào. Tôi dừng lại và để cho có chuyện, tôi hỏi anh ta đi đâu. Anh ta bảo là đang mang ít giấy tờ từ công sở của ông thống đốc đến ngân hàng. Một sự cởi mở dễ chịu thoát ra trên khuôn mặt anh ta và đôi mắt, đôi mắt anh ta quả là đẹp, sáng lên đầy thiện ý. Tôi đoán rằng chính cái sinh khí sôi nổi của tuổi trẻ đã làm cho cuộc sống, bất chấp địa vị và hoàn cảnh của anh ta còn hơn ở mức chịu được, thậm chí còn dễ chịu nữa là khác. Bạn hẳn phải bảo rằng đây là một thanh niên không mang một lo âu nào trên đời.

- Tôi nghe nói ngày mai ông sẽ đi Xanh Giăng, - anh ta nói.

- Vâng. Dáng chừng tôi phải lên đường từ rạng sáng.

Xanh Giăng là một trại cách Xanh Lôrăng mười bảy kilomet, ở đây chứa những can phạm thông thường bị kết án lao dịch sau những hạn tù lặp đi lặp lại. Họ là bọn trộm vặt, bọn lường gạt, bọn giả mạo giấy tờ, bọn xỏ lá và đại loại như thế. Tù nhân Xanh

Một người có lương tâm

Lôrăng, bị kết án vì những tội trạng nghiêm trọng hơn, thường nhìn bọn áy với sự khinh bỉ.

- Chắc ở đây ông sẽ kiểm được chuyện hay, - Giăng Sacvanh nói với nụ cười cởi mở và có duyên của anh ta - Nhưng ông nhớ giữ cái ví cho chắc, nếu có dịp thì chắc bọn họ không tha cuỗm cái áo sơmi khỏi lưng ông đây đấy. Bọn họ là một lũ bẩn thỉu đê tiện.

Chiều hôm ấy, chờ cho đến lúc cái nóng của buổi trưa dịu bớt, tôi ngồi ở hiên ngoài phòng ngủ và đọc sách. Tôi đã kéo cửa chớp và thế là cũng mát mẻ, chịu được. Ông già Arập nhà tôi chân đất bước lên thang, và bằng cái tiếng Pháp tập tọng, bảo tôi là có một người ở chỗ ông trưởng trại muốn gặp tôi.

- Mời người áy vào, - tôi nói.

Trong giây lát người kia bước tới, hóa ra là Giăng Sacvanh. Anh ta bảo tôi là ông trưởng trại cử anh ta mang cho tôi giấy báo về cuộc tham quan ngày mai của tôi ở Xanh Giăng. Khi anh ta đã đưa xong xuôi, tôi mời anh ta ngồi chơi và hút điếu thuốc với tôi. Anh ta nhìn cái đồng hồ rẻ tiền đeo ở tay.

- Tôi cũng có ít phút rỗi rãi. Tôi rất lấy làm hân hạnh. - Anh ta ngồi xuống và đốt điếu thuốc tôi mời. Anh ta đưa cặp mắt dịu dàng có cái nhìn tươi cười sang tôi. - Ông biết không, đây là lần đầu tiên tôi được mời ngồi kể từ khi mang án. - Anh ta hít một hơi thuốc dài - Thuốc Ai Cập. Tôi chưa được hút thuốc Ai Cập đã ba năm nay.

Các phạm nhân vẫn quấn lấy thuốc từ một loại thuốc lá sợi thô, nặng bán trong những bao vuông màu xanh. Vì không ai được trả công những việc họ làm cho người khác mà chỉ có thể cho họ thuốc lá, nên tôi đã mua khá nhiều bao thuốc loại này.

- Anh thấy có ngon không?

- Dần dần mọi thứ đều quen đi, nói thật với ông, khẩu vị của tôi nó đãm tro ra, đến nỗi tôi đãm thích cái món chúng tôi kiếm được ở đây.

- Tôi sẽ cho anh hai bao.

Tôi đi vào phòng trong lấy thuốc lá. Khi tôi quay ra thì thấy anh ta đang nhòm vào mấy quyển sách trên bàn.

- Anh cũng thú đọc sách à? - Tôi hỏi.

- Rất thú. Theo tôi thiếu sách vở là cái khổ lớn nhất tôi phải chịu bây giờ. Cái sốt ỏi mà tôi có được tôi cứ phải đọc đi đọc lại mãi. Đối với một người yêu sách như tôi thì hình như không nỗi mất mát nào vô vọng hơn cái nỗi không có sách đọc.

- Tôi cũng có vài quyển sách Pháp trong túi xách. Để tôi chọn và nếu anh thích, tôi sẽ đưa cho anh khi nào anh lại đến đây chơi.

Lời nói của tôi chỉ có tính cách xã giao, tôi muốn có một dịp chuyện trò nữa với anh ta.

- Tôi phải trình ông trưởng trại cái đâ. Ông ấy chỉ cho tôi giữ những quyển sách chắc chắn không làm phương hại đến đạo đức của tôi. Nhưng ông ấy là

Một người có lương tâm

người tốt bụng, tôi nghĩ ông ấy cũng chẳng gây khó dễ gì đâu.

Một thoáng ranh mãnh toát ra trong nụ cười của anh ta khi nói câu này, và tôi ngờ rằng anh ta đã đi guốc trong bụng ông sếp trại có thiện ý và đã biết khá rõ làm cách nào để được lòng ông ta. Nhưng nếu có lên án anh ta đã khéo ăn khéo nói, thậm chí còn khôn ranh để làm cho cảnh ngộ anh ta dễ chịu chừng nào hay chừng ấy, thì hơi quá.

- Ông trưởng trại có nhận xét tốt về anh.

- Ông ấy là một người tuyệt diệu. Tôi rất biết ơn ông ấy. Ông đã giúp tôi nhiều lắm. Nghề của tôi là kế toán và ông ấy đã xếp tôi vào phòng kế toán. Tôi yêu những con số, nó cho tôi cái cảm giác khoan khoái vô kể khi tiếp xúc với chúng, đối với tôi chúng là những sinh vật sống, giờ tôi có thể điều khiển chúng cả ngày và tôi lại cảm thấy mình đúng là mình trẻ lại.

- Anh vui khi có được căn phòng của riêng mình phải không?

- Cái ấy quan trọng ghê lắm. Chung một bầy với năm mươi người, bọn cặn bã trên đồi và không bao giờ được ở riêng một mình, dù một phút, thì thật kinh khủng. Không còn gì tệ hơn thế. Hồi ở nhà, Lorraine là nơi tôi sống, tôi có một căn hộ, tuy giản dị nhưng là của riêng tôi. Chúng tôi có một cô hầu phòng ngày thường vào dọn dẹp. Chúng tôi sống rất đúng mực. Cho nên tôi khổ gấp mười lần cái bọn kia,

hầu hết bọn chúng là những kẻ chǎng bao giờ biết cái gì khác ngoài sự dơ dáy, bẩn thỉu và bừa bộn.

Tôi đã hỏi anh ta về căn phòng với hy vọng dẫn anh ta đến chỗ nói chuyện về cảnh sống ở trong những phòng ngủ tập thể mênh mông trong đó số người kia bị nhốt từ năm giờ chiều đến năm giờ sáng hôm sau. Trong suốt mười hai tiếng đồng hồ ấy bọn họ toàn quyền làm chủ. Người ta bảo tôi là một cai ngục phải liều mạng lăm moi dám đi vào. Sau tám giờ tối không còn đèn nữa nhưng từ những hộp cá, một ít dầu và một mảnh giẻ, họ tạo nên những cây đèn, qua ánh sáng ấy họ trông đủ rõ để chơi bài. Họ say sưa đánh bạc, không phải vì vui mà vì tiền, số tiền họ vẫn giấu kín trên người. Bọn họ là lũ người tàn ác vô lương, và lẽ thường là những vụ xô xát dữ dội vẫn hay xảy ra. Chúng được dàn xếp bằng dao. Thường vào buổi sáng, khi mở phòng ra thì thấy có một kẻ đã chết, nhưng mọi sự đe dọa hay lời hứa thường cho ai đó vạch mặt kẻ sát nhân đều vô hiệu. Những chuyện khác mà Giăng Sacvanh kể tôi không thể miêu tả ra đây. Anh ta có kẻ với tôi nghe chuyện một thanh niên từ Pháp sang đây cùng một chuyến tàu với anh ta và là người mà anh ta kết bạn. Anh kia trông khôi ngô. Một hôm anh ta đến gặp trưởng trại và hỏi xem có được ở một ô phòng riêng không. Viên trưởng trại hỏi tại sao anh ta muốn vậy. Anh ta giải thích. Viên trưởng trại liếc qua danh sách và bảo rằng tạm thời lúc ấy mọi chỗ đều có người cả rồi,

nhưng hễ có chỗ trống nào thì anh ta sẽ được ngay. Sáng hôm sau, khi phòng ngủ tập thể mở ra đã thấy anh ta chết trên vũng rác, bụng bị rách toác lén đến chỗ xương ngực.

- Bọn chúng là loài dã thú, và nếu kẻ nào lúc mới tới chưa phải là một con thú thì chỉ có phép màu mới cứu nổi anh ta khỏi thành dã thú như lũ còn lại.

Giăng Sacvanh nhìn đồng hồ và đứng dậy. Anh ta bước đi và rồi với nụ cười duyên dáng, anh ta quay mặt lại với tôi.

- Giờ tôi phải đi. Nếu ông trưởng trại cho phép, tôi sẽ đến và lấy chỗ sách mà ông đã có nhã ý tặng tôi.

Ở Guyan, bạn không bắt tay một phạm nhân, và một người khôn khéo khi cáo từ bạn, sẽ đặt mình ở một tư thế để không còn nảy ra cái vấn đề bạn phải chìa tay cho anh ta hoặc giả phải khuất từ nếu như anh ta quên biến đi trong giây lát, quen tay chìa ra. Có trời biết, đối với tôi chuyện bắt tay Giăng Sacvanh cũng chẳng nghĩa lý gì, tôi thấy thương tâm khi trông thấy cái cảnh anh ta giữ ý để miễn cho tôi sự lúng túng.

Tôi còn gặp anh ta hai lần nữa trong thời gian ở Xanh Lôrăng. Anh ta đã kể cho tôi câu chuyện của mình, nhưng tôi sẽ kể ra đây bằng lời của tôi hơn là của anh ta, vì tôi phải thu nhập lại từ những điều anh ta nói khi này khác, và những gì anh ta còn chưa lại thì tôi phải viện đến trí tưởng tượng của chính mình. Tôi không tin là nó làm tôi lạc hướng. Cũng

giống như việc anh ta cho tôi biết ba chữ của một số từ gồm năm chữ cái mà tôi phải đoán đúng đa số các từ ấy.

Giăng Sacvanh sinh ra và lớn lên ở hải cảng lớn Lơ Havro. Cha anh có một chức vị tốt ở Sở Hải quan. Sau khi học xong, anh đã đi nghĩa vụ quân sự và sau đó đi kiếm việc làm. Cũng giống như một số khá đông thanh niên Pháp, anh sẵn sàng hy sinh cái cơ hội làm giàu mạo hiểm để chọn lấy một chỗ yên thân, được quý trọng. Tài thiên phú về các con số của anh, khiến anh dễ kiếm được một chân trong phòng kế toán của một hằng xuất khẩu lớn. Tương lai anh thế là được bảo đảm. Anh có thể trông mong kiếm được một thu nhập đủ để sống trong cái tiện nghi khiêm nhường của đẳng cấp mình. Anh cần cù và có đức hạnh. Giống như hầu hết các thanh niên Pháp cùng thế hệ, anh rất tráng kiện. Mùa hè anh đi bơi và chơi tennit, còn mùa đông anh đi xe đạp. Mỗi tuần hai tối, để giữ thân thể cường tráng, anh luyện đôi giờ đồng hồ ở một phòng tập thể dục thể thao. Suốt quãng đời niên thiếu và thanh niên, anh có một tình bạn tri kỷ với một cậu bé mà để tiện cho câu chuyện, chúng ta sẽ gọi là Hangi Rénac. Cha cậu bé này cũng là viên chức Sở Hải quan. Giăng và Riri cùng đi học với nhau, cùng đi chơi với nhau, cùng học thi với nhau, cùng nghỉ hè nghỉ lễ với nhau, vì hai gia đình quen thân nhau. Họ cùng có những chuyện yêu đương thuở ban đầu với nhau, cùng là bạn chơi của nhau

Một người có lương tâm

trong những cuộc thi tennít ở địa phương, và họ cùng gia nhập quân đội với nhau. Họ không bao giờ cãi nhau. Họ chỉ sung sướng nhất những lúc cùng một hội bạn bè với nhau. Họ không rời nhau nửa bước. Khi đã đến lúc bắt đầu đi làm, họ quyết định sẽ cùng vào một hang, nhưng điều ấy thật không dễ dàng gì; Giăng đã cố công kiểm việc cho Riri ở hang xuất khẩu nhưng không thành, và mãi một năm sau Riri mới có việc làm. Nhưng đúng lúc ấy việc buôn bán ở La Havro cũng như mọi nơi khác đều không chạy, và chỉ ít tháng sau Riri lại đâm ra thất nghiệp lần nữa.

Riri là một chàng trai vui tính và anh biết tận hưởng thì giờ rảnh rỗi. Anh đi nhảy, đi tắm và chơi tennit. Cũng vì vậy mà anh quen một cô gái mới dọn đến ở Lơ Havro. Cha cô là đại úy trong quân đội thuộc địa và sau khi ông chết, mẹ cô mới quay về Lơ Havro là nơi quê hương bản quán của cô. Mari Luidor khi ấy mới mười tám. Cô đã gần như sống trọn quãng đời ở miền Bắc Việt Nam. Nó ban cho cô một sức hấp dẫn lạ kỳ đối với các chàng trai cả đời chưa ra khỏi nước Pháp, và trước tiên là Riri, rồi sau đến Giăng, cùng say mê cô. Có lẽ điều ấy là không tránh khỏi và chắc chắn đó là điều không may. Cô là con nhà giáo, lại là con một và mẹ cô ngoài số lương hưu còn có ít tiền sầm ký. Hiển nhiên là theo đuổi cô thì chỉ có thể nhắm lấy cô làm vợ. Có điều là Riri lúc ấy phụ thuộc hoàn toàn vào người cha, nên anh không thể ngỏ lời mà được bà Morixor, mẹ của Mari

Luidor ưng thuận; nhưng vì có cả ngày thoải mái nên anh có dịp gặp Mari Luidor nhiều hơn Giăng. Bà Morixor cũng gần như người tàn tật, nên Mari Luidor được tự do hơn hầu hết các cô gái Pháp cùng lứa tuổi và cùng địa vị. Cô biết là cả Riri lẫn Giăng đều yêu cô, cô thích cả hai và thấy khoan khoái bởi sự chú ý của họ, nhưng cô không tỏ một dấu hiệu nào là cô yêu ai cả. Không thể khẳng định là cô quý mến người nào hơn. Cô cũng nhận thức rõ là Riri không ở cái thế có thể cưới cô được.

- Cô ấy trông thế nào? - Tôi hỏi Giăng Sacvanh.

- Cô ta nhỏ nhắn, thân hình xinh xắn, có cặp mắt to màu nâu, nước da trắng xanh và mái tóc mềm mại sẫm màu, trông cứ như một chú chuột con. Cô ta không đẹp nhưng rất duyên, theo cái kiểu thùy mị hay hay; có cái gì đó rất quyến rũ trong con người cô. Cô ta dễ mến mà lại giàn dị, không màu mè khách sáo. Ông không thể không có cảm giác là cô ấy đáng tin cậy và sẽ nên một người vợ tốt.

Giăng và Riri không giấu giếm nhau điều gì, nên Giăng không giữ bí mật chuyện anh yêu Mari Luidor, nhưng Riri quen cô trước tiên và điều họ hiểu với nhau là Giăng không nên cản đường bạn. Rốt cuộc cô ấy cũng đã chọn một người. Một hôm Riri chờ Giăng từ công sở ra về và kể với bạn là Mari Luidor đã đồng ý lấy anh. Họ đã thỏa thuận là hễ anh có việc làm thì cha anh sẽ đến gặp mẹ nàng để chính thức ngỏ lời. Giăng choáng váng cả người. Thật không dễ gì có

Một người có lương tâm

được một thiện cảm thiết tha để lắng nghe những kế hoạch mà Riri hồi hộp và say mê vẽ cho tương lai. Nhưng anh quá yêu quý Riri, không đời nào anh lại ghen tức với Riri được, anh biết Riri đáng yêu biết bao và anh cũng không thể trách Mari Luidor. Anh cố hết sức chấp nhận một cách xứng đáng sự hy sinh mà anh đặt lên bệ thờ của tình bạn.

- Tại sao cô ấy lại chọn anh ta chứ không phải là anh? - Tôi hỏi.

- Cậu ấy toát lên một sức sống tràn đầy. Cậu ấy là chàng trai vui vẻ nhất, tếu nhát mà ông có thể gặp được. Tính lạc quan của cậu ấy rất dễ lây. Nhập cuộc với cậu ấy, ông sẽ không thấy chán bao giờ.

- Anh ấy có bản lĩnh? - Tôi mỉm cười.

- Và có sức lôi cuốn không thể tả được.

- Anh ấy có đẹp trai không?

- Không đẹp lắm. Cậu ấy thấp hơn tôi, mảnh khảnh, gầy guộc nhưng có một bộ mặt khôi hài đến hay. - Giăng Sacvanh mỉm cười khoan khoái. - Tôi nghĩ mình không hề ba hoa mà nói rằng tôi đẹp trai hơn Riri.

Nhưng Riri không kiềm được việc làm. Cha anh nuôi anh trong cảnh ăn không ngồi rồi đã phát chán, đã viết cho bất kỳ người nào ông nhớ ra, cho người thân trong gia đình và cho bạn bè ở nhiều nơi khắp nước Pháp, hỏi họ xem có thể tìm được việc gì dù là nhỏ mọn cho Riri không, cuối cùng ông nhận được thư của một người anh em họ ở Liêng làm nghề dệt,

nói rằng hăng ông ấy đang cần một thanh niên đi sang Phnôm Pênh, ở Campuchia, nơi họ có chi nhánh, để mua lúa địa phương cho hăng. Nếu Riri muốn nhận việc thì ông ta có thể xin cho.

Mặc dầu cũng giống như tất cả các bậc cha mẹ người Pháp khác, cha của Riri chẳng muốn cho anh phải bôn ba tí nào, nhưng cũng chẳng còn cách nào khác, thế là mọi chuyện đã được quyết định; tuy đồng lương ít ỏi, anh cũng phải đi. Anh không lấy đó làm ưu phiền. Campuchia cũng không xa Bắc kỳ bao nhiêu, chắc Mari Luidor quen thuộc lối sống ở đó. Cô vẫn thường hay kể về nó, khiến anh đi tới kết luận là cô hẳn sẽ vui sướng trở lại xứ Đông Pháp. Thật nản cho anh là cô lại bảo rằng không cái gì có thể kéo cô trở lại nơi ấy được nữa. Thứ nhất là cô không thể bỏ mặc mẹ cô sức khỏe đang suy sút rõ rệt, và sau nữa, một khi đã an cư ở nước Pháp, cô quyết không bao giờ rời nó nữa. Cô có lòng mến Riri nhưng cương quyết một mực. Vốn chẳng còn biết trông chờ vào cái gì khác trong tương lai, cha anh sẽ không đời nào xuôi tai với lời từ chối của anh, vậy là hết cách, anh phải ra đi. Giăng không muốn mất bạn, nhưng kể từ giây phút Riri nói cho anh hay cái tin chẳng lành ấy, anh cảm nhận với niềm hân hoan trong lòng là số phận đã tiếp tay cho anh. Với Riri ở ngoài tầm ngáng trở anh ít nhất là năm năm, với lại nếu anh ta còn chưa rõ cái khả năng có thể ăn đời ở kiếp ở xứ Đông Pháp kia, Giăng cầm chắc là rồi sau một thời gian,

Một người có lương tâm

Mari Luidor sẽ lấy anh. Hoàn cảnh của anh, địa vị ổn định, danh giá của anh ở Lơ Havror, nơi mà nàng được gần bà mẹ, sẽ làm nàng thấy rất phù hợp; và khi nàng không còn ở dưới cái mảnh lực quyền rũ của Riri nữa thì chẳng có lý do gì mối cảm mến của nàng đối với anh lại không chuyển thành tình yêu. Cuộc đời đã đổi chiều về phía anh. Sau những tháng ngày khổ não, anh lại thấy hạnh phúc trở lại, và mặc dù giữ kín trong lòng, anh cũng bắt đầu vỡ ra những kế hoạch lớn cho tương lai. Chẳng còn đòi hỏi nào nữa bắt anh phải nén lại không yêu Mari Luidor.

Bỗng hy vọng của anh bị vỡ tan tành. Một hảng tàu biển ở Lơ Havror có một chỗ trống, người ta ưng ý cho Riri thế chân vào đó. Một người bạn cùng sở làm đã bảo anh rằng điều ấy là chắc chắn. Điều ấy sẽ định đoạt mọi chuyện. Đó là một hảng lâu đài và bảo thủ, một điều ai cũng rõ là một khi anh đã vào hảng rồi thì anh có thể sẽ ở đó cả đời; Giăng Sacvanh thấy tuyệt vọng, và cái tệ hại nhất là anh phải giữ nỗi đau đớn kia trong lòng. Một hôm giám đốc hảng anh cho gọi anh lên.

Khi kể đến đây Giăng ngừng lại. Một cái nhìn bắn khoan len vào mắt anh ta.

- Tôi sắp nói với ông cái điều mà tôi chưa từng nói với ai trước đây. Tôi là người trung thực, có nguyên tắc, tôi sắp kể cho ông nghe cái hành động đê hèn duy nhất của tôi phạm phải trong đời.

Tôi phải lưu ý bạn đọc ở đây là Giăng Sacvanh

đang mặc cái áo tù sọc hồng sọc trắng, con số đóng trên ngực và anh ta đang mang án tù về tội giết vợ.

- Tôi không thể hình dung là ông giám đốc muốn gì ở tôi. Ông đang ngồi ở bàn khi tôi bước vào văn phòng ông, và ông ấy đưa cái nhìn dò xét lên tôi.

- Tôi muốn hỏi anh một câu hỏi quan trọng, - ông ấy nói. - Tôi muốn anh coi đó như một câu hỏi riêng. Tất nhiên tôi sẽ coi câu trả lời của anh cũng đúng như vậy.

Tôi chờ đợi. Ông ấy tiếp:

- Anh đã làm với chúng tôi được một thời gian đáng kể rồi. Tôi hết sức hài lòng với anh, không có lý do gì khiến anh không đạt đến một địa vị tốt đẹp trong hãng. Tôi đặt lòng tin hoàn toàn vào anh!

- Xin cảm ơn ông, - tôi nói. - Tôi sẽ luôn cố gắng cho xứng đáng với nhận xét tốt của ông.

- Vấn đề hôm nay là thế này. Ông Unten đang đề nghị cho tuyển Hǎngri Rēnac. Ông ấy rất chú tâm đến cá tính của các nhân viên dưới quyền và trong trường hợp này lại càng nhất thiết không được lầm. Phản nhiệm vụ của Hǎngri Rēnac là trả tiền cho các êkip trên các con tàu của hãng và hàng trăm nghìn phorăng sẽ phải qua tay anh ta. Tôi biết Hǎngri Rēnac là bạn thân của anh và hai gia đình luôn quen thuộc với nhau. Tôi muốn anh lấy danh dự mà nói cho tôi biết ông Unten có được mān nguyện khi tuyển anh thanh niên này hay không.

Tôi thấy ngay ý nghĩa của vấn đề. Nếu Riri có việc

Một người có lương tâm

làm, anh ấy sẽ ở lại và lấy Mari Luidor, nếu không, anh ấy sẽ phải đi Campuchia và tôi sẽ lấy nàng. Tôi thế với ông là không phải tôi trả lời, mà có kẻ nào đó đi giày của tôi và nói giọng tôi, chứ tôi chẳng liên quan gì đến những lời phát ra từ miệng tôi.

- *Monsieur le directeur*⁽¹⁾ - tôi nói. - Hằngri và tôi là bạn của nhau suốt đời. Chúng tôi chưa bao giờ rời nhau lấy một tuần. Chúng tôi đi học cùng nhau, chúng tôi chia sẻ với nhau tiền túi và cả các cô bồ khi chúng tôi đã đủ lớn để có, chúng tôi cùng đi làm nghĩa vụ quân sự với nhau.

- Tôi biết. Anh biết rõ anh ta hơn ai khác trên đời này. Chính vì thế tôi mới hỏi anh.

- Thế thì không công bình, *Monsiellr le direcleur*. Ông xui tôi phản lại bạn mình. Tôi không thể, tôi sẽ không trả lời câu hỏi của ông.

Ông giám đốc nở nụ cười sắc sảo với tôi. Ông ta cứ nghĩ mình thông minh hơn thực tế.

- Câu trả lời của anh càng làm tăng uy tín cho anh, nhưng nó đã nói cho tôi biết tất cả những gì tôi muốn biết. - Rồi ông ta mỉm cười đôn hậu. Lúc ấy chắc mặt tôi nhợt đi, có thể nói tôi còn hơi run run nữa. - Hãy bình tĩnh lại, cậu bé thân mến của tôi, cậu đang phiền muộn, tôi hiểu mà. Đôi khi trong đời con người ta phải đối mặt với một tình thế mà lòng trung thực ở về một bên và sự chung thủy ở về bên kia. Dĩ nhiên

⁽¹⁾ Monsieur le directeur (tiếng Pháp): thưa ông giám đốc.

không được do dự, tuy sự lựa chọn ở đây thật chua xót. Tôi sẽ không quên thái độ của anh trong trường hợp này, và thay mặt ông Unten tôi xin cảm ơn anh!

Tôi cáo lui. Sáng hôm sau Riri nhận được một lá thư báo rằng người ta không cần đến sự phục vụ của anh nữa, và một tháng sau anh đã lên tàu thủy sang miền Viễn Đông xa xôi.

Sáu tháng sau Giăng Sacvanh và Mari Luidơ làm lễ cưới. Đám cưới được tổ chức gấp vì bệnh tình của bà Mørixơ ngày một trầm trọng. Biết rằng không còn sống được bao lâu nữa, bà nóng lòng muốn thấy con gái mình được yên bề trước khi bà chết. Giăng viết thư cho Riri kể lại sự tình, và Riri trong thư đáp lại đã nồng nhiệt chúc mừng bạn. Anh thuyết phục bạn là không có gì khiến Giăng phải hối tiếc cho phần anh, khi đã rời nước Pháp anh nhận thức được rằng anh không bao giờ lấy được Mari Luidơ nữa, và anh sung sướng vì Giăng nay sắp sửa cưới nàng. Anh đang tìm sự khuây khỏa ở Phnômpênh. Lá thư của anh rất vui nhộn. Ngay từ đầu Giăng đã tự nhủ lòng rằng Riri với tâm tính hoạt bát dễ thay đổi của mình, rồi sẽ sớm quên Mari Luidơ, và lá thư của anh ta có vẻ như toát lên điều đó thật. Anh đã không gây cho bạn một mối hại vô phương cứu vãn nào. Đó là một sự biện hộ. Còn nếu anh mà mất Mari Luidơ, anh sẽ chết, với anh đó là vấn đề sống còn.

Năm đầu, Giăng và Mari Luidơ cực kỳ hạnh phúc. Bà Mørixơ mất, Mari Luidơ được thừa hưởng hai

trăm nghìn phorăng, nhưng gặp hồi suy thoái và đồng tiền không ổn định nên họ đã quyết chưa có con vội cho tới khi nào tình hình kinh tế bớt khó khăn hơn. Mari Luidor đảm đang và cẩn cơ. Nàng là một người vợ đáng yêu, dễ thương và vừa ý. Nàng trầm tính. Cái đó trước khi anh lấy nàng thì dường như là một nét khá hấp dẫn, nhưng với ngày tháng dần trôi thì anh chợt nảy ra ý nghĩ là tính trầm lặng của nàng xuất phát từ chõ ít nhiều thiếu một tình cảm nồng nàn. Nó chẳng hề che phủ một chiêu sâu tâm hồn nào. Trước kia anh vẫn luôn nghĩ nàng giống như một chú chuột con, có cái vẻ gì đó từa tựa như chuột trong cái tính ngầm ngầm kín đáo của nàng, nàng quá quan trọng hóa những chuyện tầm thường và có thể bận tâm vô hạn đến những thứ chẳng lấy gì làm to tát. Nàng có phạm vi quá nhỏ bé của những vấn đề quan tâm tới, và chúng đã choán hết cái đầu nhỏ nhắn mượt mà của nàng, đến nỗi không còn chõ cho những cái khác. Thỉnh thoảng nàng cầm đến quyển tiểu thuyết, nhưng hiếm khi để tâm đọc hết. Giăng buộc lòng phải thừa nhận với chính mình là nàng khá đần độn. Một ý nghĩ day dứt đến trong đầu anh là đáng lẽ anh chẳng phải bõ công làm cái trò bẩn thỉu đến vậy vì cô ta. Anh đã mất Riri. Anh cố tự nhủ mình là cái gì đã làm có nghĩa là đã làm, và quả thực chắc gì anh đã là kẻ tác động đến chuyện kia, nhưng sự giày vò lương tâm không để cho lòng anh yên tĩnh. Anh ước giá bây giờ ông giám đốc hãng anh có hỏi thì anh sẽ trả lời khác hẳn.

Rồi một điều khủng khiếp đã xảy ra. Riri nhiễm bệnh sốt rét thương hàn và chết. Nó gây một cơn choáng váng ghê gớm đối với Giăng. Nó cũng gây choáng váng cho Mari Luidor, nàng đến thăm cha mẹ Riri và chia buồn rất phải đạo, nhưng chẳng vì thế mà nàng ăn kém ngon hơn hay ngủ kém say hơn. Giăng càng thấy điên tiết vì sự điềm tĩnh của nàng.

- Tôi nghiệp quá, anh ấy lúc nào cũng vui là thế, - nàng nói, - anh ấy chắc phải sợ cái chết lắm. Nhưng anh ấy sang đây làm gì? Em đã bảo anh ấy là khỉ hậu xấu lắm, nó đã giết bố em và em nhận thức được điều mình nói.

Giăng có cảm giác anh đã giết Riri. Giá anh đã kể cho ông giám đốc mọi điều tốt mà anh biết về Riri, biết như chưa một người nào trên đời này biết đến thế, anh ấy hẳn sẽ có một chỗ làm và giờ đây hắn còn sống và hạnh phúc.

- Minh sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân được, - anh nghĩ. - Minh sẽ không bao giờ hạnh phúc lại được nữa. Ô sao ta lại ngu ngốc làm vậy, lại đều cảng làm vậy?

Anh khóc thương Riri. Mari Luidor tìm cách khuyên giải anh. Nàng thật nhở nh้าน, tốt bụng và nàng yêu anh.

- Anh đừng nặng nề trong lòng quá làm gì. Xét cho cùng, anh không gặp anh ấy đã năm năm, có khi anh sẽ thấy anh ấy thay đổi nhiều đến mức giữa anh và anh ấy chẳng còn gì chung nữa. Anh ấy sẽ như

Một người có lương tâm

một người lạ với anh. Em đã thấy chuyện ấy xảy ra nhiều rồi. Anh hẳn sẽ rất sung sướng được gặp lại anh ấy, thế rồi sau nửa giờ anh sẽ khám phá ra là các anh chàng có chuyện gì để nói với nhau nữa.

- Em nói nghe cũng phải, - anh thở dài.

- Anh ấy đầu óc cũng lông bông lăm, chắc cũng chẳng vươn lên cao được. Anh ấy đời nào có được bản lĩnh cương quyết và trí tuệ sáng suốt, vững chắc như anh.

Anh biết cô đang nghĩ gì. Tình cảnh cô bây giờ sẽ ra sao nếu cô theo Riri sang Đông Dương và ở tuổi xuân hăm mốt, trở thành một quả phụ chẳng có gì khác trong tay ngoài hai trăm nghìn phở rảng để sinh nhai? Thật là một lối thoát may mắn, và cô ta tự chúc mừng mình đã có một trí óc tinh táo. Giăng là người chồng mà cô có thể tự hào. Anh làm được kha khá tiền. Còn Giăng thì đang bị sự hối hận giày vò. Những gì anh đã chịu đựng trước kia thật không nghĩa lý gì so với những gì anh phải chịu đựng bây giờ. Nỗi đau đớn gây ra cho anh mỗi khi hối tiếc lại hành vi phản trắc của mình còn lớn hơn sự đau đớn thể xác đang cào phá tim phổi anh. Nó thường tấn công anh bất thình lình giữa lúc đang làm việc, và nó xoắn vặn mỗi tơ rối trong lòng anh làm anh đau nhói. Cơn quắn quại lên tới mức anh muốn trút ra cho nhẹ bớt, và chỉ bởi một nỗ lực cao độ của ý chí mà anh kim được không thu nhận hết đầu đuôi cho Mari Luidor biết. Anh biết cô ta sẽ phản ứng như thế

nào, cô ta sẽ không bị chán động, cô ta hẳn sẽ nghĩ rằng đây là một cái mèo thông minh và còn hăng diện trong lòng là chính vì cô mà anh đã phạm một hành động đáng khinh. Cô ta không thể giúp gì cho anh được. Anh bắt đầu thấy chán ghét cô. Bởi lẽ chính vì cô mà anh đã làm điều hổ thẹn kia, và cô ta là cái thứ gì? Một người đàn bà nhỏ bé, tầm thường, dung tục, tính toán khá thạo.

- Minh mới ngu ngốc làm sao! - Anh nhắc lại trong lòng.

Anh không còn thấy cô ta duyên dáng chút nào nữa. Giờ anh đã biết cô ta cực kỳ ngu дần. Nhưng lẽ dĩ nhiên cô ta đâu có lỗi trong chuyện ấy, cô ta không có lỗi bởi vì anh đã không thật bụng với bạn mình, và anh bắt mình phải ngọt ngào và dịu dàng với cô như trước kia. Anh làm bất cứ điều gì cô muốn. Cô ta chỉ bày tỏ với anh sự ước ao những cái anh có đủ khả năng thực hiện được. Anh cố thương hại cô, cố tỏ ra biết chịu đựng, anh tự nhủ là xét theo quan điểm nhỏ mọn của cô ta, thì đây là một người vợ tốt, cẩn cơ, tần tiện và trong tính cách, trang phục và diện mạo cũng làm danh giá cho một ông chồng trẻ đang được trọng vọng. Mọi cái đều đúng cả, nhưng cũng chính do cô ta mà Riri đã chết và anh ghê tởm cô. Cô làm anh ngấy chán đến phát quắn lên. Tuy anh không nói ra điều gì, tuy anh vẫn cư xử tốt, vẫn chiều vợ, nhưng nhiều lúc anh nghĩ có thể giết cô. Khi anh đã làm cái việc ấy rồi, thì dầu sao cũng không hẳn là có

chú ý trước. Dạo ấy Riri chết đã được mười tháng, cha mẹ của Riri, ông bà Rénac, đã tổ chức một tối liên hoan mừng con gái họ đính hôn. Giăng ít gặp hai ông bà từ sau ngày Riri chết, và anh không muốn tới dự. Nhưng Mari Luidơ bảo phải đến, anh là bạn thân của Riri và thật vô cùng khiêm nhã nếu Giăng không đến dự ngày lễ quan trọng của gia đình họ. Cô có một ý thức tinh tế về phép xã giao.

- Với lại đây cũng là dịp làm anh nguôi lòng. Anh ủ ê đã quá lâu, một chút vui nhộn sẽ lợi cho anh lắm. Ở đấy còn có sâm-banh nữa, phải thế không nào? Bà Rénac không thích xài tiền đâu, nhưng vào những dịp thế này, thế nào bà ấy chả phải bóp bụng mà chi tiền.

Mari Luidơ ranh mãnh cười khúc khích khi nghĩ đến việc bà Rénac phải xót điếng khi cởi hầu bao.

Bữa liên hoan diễn ra rất vui vẻ, Giăng đau xót khi thấy căn buồng cũ của Riri được dùng làm nơi để áo choàng áo khoác của đàn ông đàn bà. Sâm-banh tràn trề. Giăng uống khá nhiều để làm chìm đi nỗi hối hận cay đắng đang hành hạ anh. Anh muốn tai ủ đi để khỏi nghe thấy tiếng cười của Riri và mắt nhắm lại để khỏi trông thấy cái nhìn vui nhộn trên gương mặt sáng ngời của bạn. Mai đến ba giờ đêm họ mới về tới nhà. Hôm sau là chủ nhật, nên Giăng không phải đi làm. Họ ngủ muộn. Phần còn lại tôi có thể kể bằng chính lời của Giăng Sacvanh.

"Tôi thấy đau đầu khi tỉnh dậy. Mari Luidơ không

còn trên giường nữa. Cô ta đang ngồi chải tóc ở bàn trang điểm. Tôi rất ham thể dục và tôi vẫn có thói quen tập thể dục buổi sáng. Sáng hôm ấy tôi không cảm thấy thích thú tập cho lắm, nhưng sau chầu sâm-banh kia, tôi nghĩ nên tập thì hơn. Thế là tôi dậy và vội lấy bộ chùy tập. Phòng ngủ của chúng tôi khá lớn và có đủ khoảng rộng cho tôi vung cặp chùy ở giữa cái giường và bàn trang điểm chỗ Mari Luidor đang ngồi. Tôi làm những bài tập thường lệ. Mari Luidor đã sửa sang được một lúc trước khi tóc cô ta được cắt kiểu khác, rất ngắn và tôi cảm thấy mái tóc cô ta gợm guốc quá. Nhìn từ sau lưng trông cô ta giống một thằng con trai và cái đám tóc lởm chởm trên cổ cô ta làm tôi thấy lờm lợm. Cô ta bỏ bàn chải xuống và bắt đầu thoa phấn lên mặt. Cô ta phát ra tiếng cười nhỏ nghe tơm tớm.

- Em cười cái gì thế? - Tôi hỏi.

- Bà Rénac ấy mà. Vẫn một bộ áo dài bà ấy mặc hồi cưới chúng mình, bà ấy đem nhuộm đi và sửa sang lại, nhưng qua thế nào được mắt em. Có thay đổi thế nào em cũng vẫn nhận ra.

Thật là một nhận xét ngu xuẩn, cơn giận trong tôi bùng lên. Cơn thịnh nộ ấy bao trùm lấy tôi, thế là lấy hết sức mạnh tôi giương chùy giáng lên đầu cô ta. Tôi đã nện vỡ sọ cô ta, đích thị như thế và hai hôm sau cô ta chết ở bệnh viện mà không tỉnh lại lúc nào".

Giăng ngồi im giây lát. Tôi đưa anh ta một điếu thuốc lá và châm điếu khác cho tôi.

Một người có lương tâm

- Tôi mừng vì cô ta đã chết. Chúng tôi không bao giờ còn phải sống chung với nhau nữa, mà cũng vô cùng khó giải thích hành động của tôi.

- Vô cùng khó.

- Tôi bị bắt và bị đưa ra tòa về tội giết người. Tất nhiên tôi đã thề đó chỉ là sự không may, tôi nói cây chùy đã trượt khỏi tay tôi, nhưng những bằng chứng y khoa đều ngược với lời tôi. Bên khởi tố chứng minh rằng một vết thương như thế chỉ có thể gây bởi một đòn giáng mạnh mẽ và cố ý. May cho tôi là họ không tìm ra nguyên cớ. Ông ủy viên công tố cố lý giải là tôi ghen vì có một người đàn ông nào đó để ý đến cô ta trong bữa liên hoan, và chúng tôi đã cãi nhau về chuyện đó, nhưng người đàn ông mà ông công tố nhắc đến đã thề là không hề có một cử chỉ nào làm tôi sinh nghi và những người khác có mặt ở bữa tiệc chứng nhận là chúng tôi ra về vẫn là bạn quý của nhau. Người ta tìm thấy trên bàn trang điểm một tờ biên lai của hiệu may chưa trả tiền, và viên công tố giả định rằng chúng tôi đã cãi nhau về chuyện đó, nhưng tôi có đủ khả năng chứng minh rằng Mari Luidor lấy tiền riêng của cô ta để trả cho số quần áo may sắm của mình, cho nên cái biên lai kia không thể là nguyên nhân xô xát. Những nhân chứng bước ra nói rằng xưa nay tôi luôn đối xử tốt với Mari Luidor. Chúng tôi được mọi người xem như là một cặp vợ chồng hòa thuận. Tâm tình tôi rất tốt và ông chủ của

tôi nói những lời đẹp đẽ nhất về tôi. Tôi chưa bao giờ có nguy cơ bị mất tự chủ bản thân, nên có một lúc tôi đã tưởng là tôi có khả năng được tha bổng. Cuối cùng tôi bị kết án sáu năm tù. Tôi không hối việc tôi đã làm, bởi lẽ kể từ cái ngày hôm ấy, suốt cả thời gian bị giam đợi ngày xét xử và cho đến lúc tôi ở đây, tôi thôi bận tâm về Riri. Nếu tôi tin vào ma quỷ thì tôi cầm bằng là cái chết của Mari Luidor sẽ làm hồn ma Riri thôi lang thang để quay về mộ. Dù thế nào chăng nữa, lương tâm tôi thanh thản, và sau mọi nỗi cơ cực đã phải chịu, tôi có thể cam đoan với ông là mọi điều mà tôi đã trải qua kể từ hồi ấy là đáng lầm, giờ tôi cảm thấy mình có thể lại dám nhìn thẳng vào mặt mọi người".

Tôi biết chuyện này có vẻ như chuyện không tưởng, với thiên hướng là một nhà hiện thực trong các truyện viết ra, tôi luôn tìm nét thực. Tôi kiêng sự kỳ quặc cũng thận trọng như tôi tránh sự cầu kỳ rởm. Nếu như đây là một câu chuyện mà tôi khéo bịa ra thì nhất định tôi đã làm nó giống sự thật hơn. Quả thật, giả tôi không nghe nó bằng chính đôi tai của mình thì tôi cũng không dám chắc là tôi sẽ tin nó. Tôi không rõ Giangi Sacvanh có nói thật với tôi hay không, thế nhưng những lời nói kết thúc cuộc đến thăm tôi lần cuối của anh ta có một sức thuyết phục. Tôi đã hỏi về những dự định tương lai của anh ta.

Một người có lương tâm

- Tôi có bạn bè săn lòng giúp tôi ở bên Pháp, - anh ta đáp. - Khá nhiều người lúc ấy nghĩ rằng tôi là nạn nhân oan uổng do một sai lầm nghiêm trọng của công lý. Ông giám đốc hãng tôi tin chắc là tôi bị xử oan, và tôi có thể được giảm hạn tù. Cho dù không được đi nữa, tôi nghĩ tôi có thể trông chờ ngày về lại nước Pháp sau sáu năm. Ông thấy đấy, tôi cũng rất có ích ở đây. Công việc kế toán rất bí bết khi tôi nhận lãnh giờ thì tôi đã sắp xếp quy củ đâu vào đấy cả. Cũng có những chỗ rò rỉ nhưng tôi tin rằng nếu người ta cho tôi ra tay thì tôi sẽ dẹp ngay được chúng. Ông trưởng trại quý tôi và tôi cầm chắc là ông ấy sẽ hết lòng giúp tôi. Có tệ lầm chǎng nữa thì tôi cũng không quá cái tuổi ba mươi là mấy khi trở về.

- Nhưng anh không thấy khó khăn trong chuyện kiếm việc à?

- Một anh kế toán thông minh như tôi, lại là một người trung thực và siêng năng thì bao giờ cũng tìm được việc. Tất nhiên tôi không thể sống ở Lơ Havro được nữa, nhưng ông giám đốc hãng tôi có các mối kinh doanh ở Lilø, Liông và Macxây. Ông ấy hứa sẽ giúp tôi. Không, tôi hướng về những năm tới với khá nhiều tin tưởng. Tôi sẽ an cư ở một nơi nào đó và hễ khi nào đã ổn định đàng hoàng, tôi sẽ lấy vợ. Sau những gì tôi đã phải trải qua thì tôi muốn có một tổ ấm.

Chúng tôi ngồi ở một góc hiên bao quanh căn

nhà tôi ở nhằm hứng bất kỳ ngọn gió nào, còn về hướng bắc tôi đã để nguyên không kéo cửa chớp. Một dải bầu trời hiện ra với một cây dừa duy nhất ở một bên, những tàu lá xanh thô ráp của nó nổi trên nền xanh lơ, trông như một tấm quảng cáo cho một cuộc du ngoạn nhiệt đới. Mắt Giăng Sacvanh dò kiếm khoảng không xa xa như thể đang nhìn vào tương lai.

- Nhưng lần sau lấy vợ, - anh ta trầm ngâm nói, - tôi sẽ không lấy vì tình mà tôi sẽ lấy vì tiền.

Bất khuất

Hắn quay vào trong bếp. Ông già vẫn nằm trên sàn, chõ hắn đã xô ngã, mặt ông có vết máu. Ông đang rên rỉ. Bà già đứng tựa lưng vào tường, đôi mắt kinh hãi nhìn chằm chằm vào Vili, bạn hắn, và khi hắn bước vào thì bà há miệng hãi hùng rồi bật khóc nức nở. Vili đang ngồi bên bàn, súng lục cầm tay, trước mặt là cốc rượu đã vơi một nửa. Hanx tiến lại bàn, rót đầy cho mình cốc rượu rồi uống cạn một hơi.

- Trông mày như vừa mới loạn đả xong, - Vili vừa toe miệng cười vừa nói.

Mặt Hanx lấm máu, lại nom rõ cả vết hắn của năm đầu móng tay sắc nhọn. Hắn cẩn thận đưa tay sờ lên má.

- Thiếu chút nữa thì nó cào rách mắt tao ra, đồ chó cái. Đến phải bôi iốt lên thôi. Nhưng bây giờ thì nó hết ngo ngoe rồi. Mày vào đi.

- Cũng chẳng biết nữa. Đến lượt tao à? Nhưng mà muộn rồi.

- Đừng ngó ngắn. Mày có phải là đàn ông không nào? Muộn thì có làm sao? Ta bị lạc đường mà lại.

Bên ngoài vẫn còn sáng trời và vầng dương phía tây chiếu thẳng vào cửa sổ bếp của nông trại. Vili lưỡng lự một giây. Gã nhỏ người, tóc đen và mặt hép, thời bình vốn làm nghề may quần áo. Gã không muốn Hanx cho mình là đồ nhát như cáy. Gã đứng dậy đi về phía cánh cửa mà Hanx vừa ra. Khi bà già hiểu ra gã đang định làm gì, bà rú lên rồi vùng chạy về phía trước. Bà kêu toáng lên:

- "Non, non"!⁽¹⁾

Chỉ một bước nhảy, Hanx đã đứng trước mặt bà.

Hắn tóm lấy vai bà già và díu mạnh về phía sau. Bà già loạng choạng rồi ngã. Hắn cầm khẩu súng lục của Vili lên.

- Cả hai nằm yên! - Hắn nói bằng tiếng Pháp, giọng ken két của kiểu âm yết hầu tiếng Đức. Hắn gật đầu về phía cửa ra hiệu cho Vili. - Đi đi. Để tao canh lũ già này cho.

Vili đi khỏi, nhưng chỉ một tí đã thấy quay lại.

- Cô ấy bất tỉnh nhân sự rồi.

- Ủ, thế thì sao?

- Tao không thể. Không ra sao cả.

- Mày là thằng đàn độn. "Ein Weibchen"⁽²⁾. Một con đàn bà kia mà.

⁽¹⁾ Không được, không được (tiếng Pháp).

⁽²⁾ Một con đàn bà (tiếng Đức).

Vili đỏ mặt.

- Hay là ta đi thôi.

Hanx nhún vai một cách khinh bỉ.

- Thế thì để tao làm hết chai rượu này rồi hăng đi.

Hắn cảm thấy thư giãn, lai rai nán lại cho thoái mái một chút. Hắn đã bận bịu từ sáng, sau những bảy nhiêu tiếng đồng hồ ngồi trên xe máy cẳng chân đã ê ẩm. May là không còn phải đi xa, chỉ đến Xoatxông, độ mươi mười lăm ki-lô-mét nữa thôi. Biết đau, hắn sẽ còn gấp may và có cái giường nào đó để ngả lưng. Lẽ ra mọi chuyện đã không xảy ra, nếu cô gái không có thái độ ngu ngốc như thế. Bọn hắn bị lạc đường, đã hỏi một nông dân đang làm việc ngoài đồng, nhưng người này cố ý chỉ sai đường, thế là bọn chúng đâm vào một con đường nhánh. Khi tới nông trại này bọn chúng lại dừng lại hỏi đường. Chúng hỏi rất lịch sự, vì đã có lệnh đối xử với dân chúng Pháp tử tế nếu họ cũng tỏ ra phải đạo với mình. Chính cô gái này đã ra mở cửa và nói rằng cô không biết đường đi Xoatxông, thế là bọn chúng xộc vào. Sau đó bà già này, người mà Hanx đoán là mẹ cô gái đã nói đường đi cho bọn chúng. Cả ba người, ông già nông dân, vợ và con gái ông, vừa mới ăn xong, trên bàn còn lại chai rượu. Nó làm Hanx bất chợt cảm thấy khát cháy họng. Cái nóng ngày hôm ấy thật ghê, mà từ trưa đến giờ hắn chưa có tí nước nào vào bụng. Hắn hỏi họ chai rượu và Vili nói thêm là sẽ trả tiền sòng phẳng cho họ. Cái thằng Vili cũng khá, chỉ phải

cái tội hơi nhūn. Suy cho cùng, người Đức là kẻ chiến thắng cơ mà. Quân đội Pháp đang ở đâu? Đang chạy dài. Còn người Anh thì bỏ lại mọi thứ, cuống cuồng như thỏ để chuồn về hòn đảo của mình rồi. Những kẻ đi chinh phục muốn lấy cái gì thì lấy, có phải không nào? Nhưng thằng Vili đã từng làm việc ở một hiệu may Pari trong hai năm. Quả là hắn nói tiếng Pháp có giỏi thật, thế hắn mới làm việc ở Pari, nhưng mà cũng có cái dở. Dân Pháp là hạng dân suy đồi. Một người Đức mà sống trong môi trường ấy thì chẳng khá khẩm gì.

Bà vợ chủ nhà đặt hai chai rượu lên bàn và Vili lấy hai mươi pho-răng trong túi ra trả. Mụ ta chẳng thèm nói câu cảm ơn. Tiếng Pháp của Hanx tuy không tốt bằng Vili, nhưng Hanx cũng diễn giải ý mình được, và hắn vẫn cùng Vili nói tiếng Pháp suốt. Vili sửa lỗi cho hắn. Chính về mặt này Vili có ích lợi đối với hắn như thế nên hắn mới đánh bạn, và hắn biết là Vili phục mình. Vili phục Hanx vì Hanx cao, cân đối, vai rộng, vì mó tóc quăn của Hanx màu sáng đến thế, còn đôi mắt thì xanh đến thế. Hắn không bao giờ bỏ lỡ cơ hội luyện tiếng Pháp, lúc này hắn cũng cố nói chuyện, nhưng ba người Pháp kia lại chẳng buồn đáp lại hắn cho phải nhẽ. Hắn đã nói với họ rằng bản thân hắn cũng là con nhà nông, khi nào chiến tranh kết thúc hắn sẽ lại quay về nông trại của mình. Hắn đã được đến trường ở Munich vì mẹ hắn muốn hắn bước vào nghề kinh doanh, nhưng lòng dạ

Bát khuất

hắn không hướng vào đây, cho nên sau khi trúng tuyển hắn lại vào trường nông nghiệp.

- Các ông đến đây để hỏi đường và bày giờ đã biết rồi, - cô gái lên tiếng. - Các ông uống hết rượu rồi đi đi.

Lúc trước hắn chẳng để ý ngắm nghĩa đến cô gái. Cô không xinh, nhưng có đôi mắt đen khá đẹp và sống mũi thẳng. Mặt cô cũng khá xanh xao. Cô ăn mặc dung dị, nhưng có vẻ gì đó không hoàn toàn giống con nhà nông. Có một sắc thái đặc biệt nào đó ở cô. Ngay từ dạo nở ra chiến tranh Hanx đã được nghe cánh lính tráng nói chuyện nhiều về các cô gái Pháp. Họ có nét gì đó mà các gái Đức không có. Thằng Vili thì bảo với hắn đó là "chic"⁽¹⁾, nhưng khi hắn hỏi Vili thế nghĩa là thế nào, thì Vili nói rằng phải trông thấy mới hiểu được. Dĩ nhiên Hanx cũng có nghe những người khác nói là bọn con gái Pháp hám lợi và đanh đá cá cầy lắm. Thôi được, một tuần nữa hắn cũng sẽ ở Pari và sẽ tự tìm hiểu lấy. Nghe nói Bộ chỉ huy tối cao đã có sắc lệnh về các nhà chứa cho binh sĩ.

- Uống nốt rượu rồi ta đi, - Vili nói.

Nhưng Hanx cảm thấy khoan khoái chẳng muốn hấp tấp làm gì.

- Nom cô không giống con nhà nông dân gì cả, - Hắn bảo cô gái.

- Thế thì sao?

⁽¹⁾ Chic (gốc tiếng Pháp): sự tao nhã quý phái.

- Nó làm giáo viên, - mẹ cô gái đáp.
- Vậy là có văn hóa đấy chứ.

Cô gái nhún vai, nhưng Hanx lại tiếp tục bô bô, bằng thứ tiếng Pháp kém cỏi của mình, giọng phẫn chấn:

- Cô phải hiểu đây là cái điều tốt lành nhất đối với dân chúng Pháp. Chúng tôi không tuyên chiến trước. Chính các người đã tuyên chiến. Còn bây giờ chúng tôi đang cát công cải tạo nước Pháp cho nên hồn. Chúng tôi sẽ đưa trật tự vào. Chúng tôi sẽ dạy các người cách làm việc. Các người sẽ học được thói quen vâng lời và kỷ luật.

Cô gái nắm chặt bàn tay lại và nhìn hắn, đôi mắt đen láy của cô ánh lên sự căm thù. Nhưng cô không nói ra lời.

- Mày say rồi, Hanx, - Vili cất tiếng.
- Tao đang tỉnh như sáo đây. Tao chỉ cốt nói cho họ sự thật để họ vỡ lẽ ra mà thôi.
- Đúng là say rồi, - cô gái kêu lên, vì không thể kiềm chế được nữa. - Ông say rồi. Giờ thì đi đi. Đi đi.
- À, ra cô hiểu cả tiếng Đức? Tốt lắm, tôi sẽ đi. Nhưng cô phải tặng tôi một cái hôn trước đã.

Cô gái lùi lại để tránh Hanx, nhưng hắn đã túm lấy cổ tay cô.

- Bố ơi! - Cô kêu. - Bố ơi!

Người nông dân lao bổ đến tên Đức. Hanx thả tay cô gái ra và lấy hết sức mạnh đấm vào mặt ông

Bát khuất

già. Ông ngã vật xuống đất. Rồi, trước khi cô gái kịp lẩn đi Hanx đã ôm quàng lấy cô gái. Cô gái giang tay tát thẳng cánh lên má hắn... Hắn cười gằn dữ tợn.

- Đây là cái lối mà đập lại một người lính Đức muốn hôn mà phải không? Mày sẽ phải trả nợ về hành động ấy.

Với sức vóc lực lưỡng hắn bẻ ngoặt hai tay cô gái lôi đi, nhưng bà mẹ cô gái đã nhào tới tóm được quần áo hắn lôi lại. Một tay giữ cô gái bên người, hắn lấy lòng bàn tay kia đẩy mạnh bà già một cái khiến bà lảo đảo ngã dúi vào tường.

- Hanx, Hanx, - Vili kêu toáng lên.

- Câm miệng lại, đồ chét giẫm.

Hắn bịt mồm cô gái không cho cô la hét và kéo cô ra khỏi gian bếp. Thế là mọi chuyện đã xảy ra, nhưng phải thừa nhận rằng cô ta đã chuốc vụ vào thân. Lê ra cô đừng có tát hắn mới phải. Giá cô tặng hắn cái hôn mà hắn yêu cầu thì hắn đã đi rồi. Hắn đưa mắt nhìn ông già nồng dân vẫn còn nằm ở chỗ đã ngã xuống và hắn không nhịn được cười khi bắt gặp khuôn mặt kỳ cục của ông. Mắt hắn cũng có ánh cười khi trông thấy bà già đang dùm ẹp người vào tường. Hay mỵ sợ bị đến lượt mỵ? Không có đâu. Hắn nhớ đến câu ngạn ngữ Pháp.

- "Cest le premier par qui conte"⁽¹⁾. Chẳng việc gì phải khóc lóc cả, bà già à. Sớm hay muộn thì rồi cũng

⁽¹⁾ Chỉ mỗi bước đầu tiên là khó thôi (tiếng Pháp).

đến thế thôi. - Hắn đút tay vào túi quần lấy ví ra. - Nay đây, một trăm phở-răng cho "mademoiselle"⁽¹⁾ mua chiếc áo dài mới. Cái áo cũ cũng chẳng còn được mấy női nữa. - Hắn đặt tiền lên bàn rồi đội mũ sắt lên đầu. - Ta đi thôi.

Bọn chúng đóng sầm cửa lại sau lưng rồi leo lên xe máy. Bà già đi lên phòng trên. Cô con gái bà đang nằm trên đì-văng. Cô vẫn nằm nguyên như thế kể từ lúc Hanx bỏ đi, và cô khóc ròng.

Ba tháng sau Hanx lại có mặt ở Xoatxông. Hắn đã tới Pari cùng với đạo quân chinh phục và đã cưỡi mô-tô qua Khải hoàn môn. Cùng với quân đội Đức, hắn đã tiến vào thoát đầu là Tua, sau đó là Boocđô. Hắn thấy rất ít sự chống cự. Những người lính Pháp duy nhất hắn nhìn thấy lại là tù binh. Cuộc hành quân quả là một chuyến dạo mát thảnh thoảng đến mức chính hắn cũng không ngờ. Sau khi định chiến hắn đã sống một tháng ở Pari. Hắn gửi bưu ảnh về cho gia đình ở Bavaria và mua quà khắp lượt cho mọi người. Vili được ở lại Pari vì gã thuộc thành phố như lòng bàn tay, còn Hanx và đơn vị của hắn được phái đến Xoatxông để tăng cường cho lực lượng ở đó. Xoatxông là một thị trấn đáng yêu và hắn thấy trú quân ở đó cũng dễ chịu. Ăn thì tha hồ còn rượu sâm-banh thì chưa đến một mác tiền Đức một chai. Khi được lệnh chuyển đến Xoatxông, hắn đã nảy ra ý nghĩ là ghé vào thăm lại cô nàng dạo trước kẽ cũng

⁽¹⁾ Cô ấy (tiếng Pháp, dùng để xưng hô với phụ nữ chưa chồng).

Bát khuất

hay. Hắn sắm một đôi tất lụa làm quà cho cô gái để xí xóa chuyện cũ. Hắn đã thông thuộc thổ địa nơi ấy nên tìm lại nồng trại ấy chắc chắn khó khăn gì. Thế là một buổi chiều, khi chặng còn việc gì để làm, hắn nhét đôi tất lụa vào túi và lên xe máy đi. Hôm ấy là một ngày thu đẹp trời, không một gợn mây, miền quê hắn phóng qua trập trùng, nêu thơ. Lâu nay trời vẫn hanh và sáng nên dù đã sang tháng chín, ngay cả đám bạch dương rì rào không ngọt cũng chẵng tỏ một dấu hiệu nào là mùa hạ đã đến đoạn chót. Một lần hắn rẽ sai đường nên hóa lâu hơn một chút, nhưng kể cả như vậy chỉ trong vòng không đầy nửa giờ hắn tìm được chốn cũ. Một con chó lai cát tiếng sủa khi hắn bước đến cửa. Hắn không gõ, mà vặn nắm đấm cửa và bước vào trong. Cô gái đang ngồi ở bàn gọt khoai tây. Cô bật phắt dậy khi nom thấy người đàn ông mặc quân phục.

- Ông muốn gì? - Rồi cô nhận ra hắn. Cô lùi lại tường, tay nắm chặt con dao. - Thị ra là mày. "Cochon"⁽¹⁾.

- Ấy, việc gì mà phải cuống lên thế. Tôi không định làm hại cô đâu. Nhìn đây này. Tôi đem bít tất lụa đến tặng cô đây.

- Giữ lấy nó mà xéo đi.

- Đừng có dại dột thế. Bỏ con dao đi. Cô cứ tò ra cứng đầu thì chỉ có hại cho cô mà thôi. Cô không phải sợ gì tôi cả

⁽¹⁾ Đồ con lợn (tiếng Pháp).

- Tao không sợ mày.

Cô thả con dao xuống đất. Hanx bỏ mũ sắt ra và ngồi xuống. Hắn vươn chân lôi con dao về phía mình.

- Để tôi gọt khoai tây hộ cô nhé.

Cô gái không đáp. Hanx cúi xuống nhặt dao rồi lấy một củ khoai tây trong bát loa ra gọt tiếp. Mặt cô gái đanh lại, đôi mắt căm thù, cô đứng dựa vào tường theo dõi hắn. Hắn mỉm cười hiền lành:

- Sao nom cô mặt mày cứ xung xả lên thế? Cô cũng biết đấy, tôi có làm hại gì nhiều đến cô đâu. Lúc đó tôi đang ở trong trạng thái phấn khích, tất cả chúng tôi đều thế, người ta cứ đồn quân đội Pháp bách chiến bách thắng, lại có chiến luỹ Maginô... - Ở đoạn cuối câu hắn cười khùng khục. - Lại thêm rượu bốc lên đầu nữa. Cô thế là còn may đấy. Phụ nữ vẫn bảo tôi không phải loại xấu trai.

Cô gái nhìn suốt lượt tay lính một cách khinh bỉ.

- Đi ra khỏi đây!

- Cái đó là quyền tôi chọn.

- Nếu anh không đi bố tôi sẽ tới tận Xoatxông kêu với ông tướng chỉ huy.

- Ông ấy bận tâm quái gì. Lệnh trên là phải đánh bạn với dân chúng. Tên cô là gì nhỉ?

- Không phải việc của anh.

Má cô rực hồng, đôi mắt giận dữ sáng quắc. Nom cô còn xinh hơn so với với hình ảnh hắn nhở. Lần ấy kể cũng không tôi. Cô ta có cái vẻ tao nhã của dân

thành thị hơn là giống nông dân. Mà phải, hắn nhớ mẹ cô có nói cô là giáo viên. Cô ta càng tiểu thư như thế quần mới càng thích. Hắn cảm thấy mình mạnh mẽ và tráng kiện. Hắn đưa tay vuốt mái tóc quấn màu sáng và khinh khích cười khi nghĩ đến chuyện nhiều cô gái phải nhảy dựng lên vì sung sướng trước cơ hội mà cô nàng này vớ được. Mặt hắn sạm nắng vì mùa hè vừa qua cho nên đôi mắt càng nổi bật màu xanh lơ.

- Bố mẹ cô đâu?
- Làm việc ở ngoài đồng.
- Tôi đang đói. Cho tôi một miếng bánh mì, phó mát và một cốc rượu. Tôi sẽ trả tiền.

Cô gái bật tiếng cười đanh.

- Đã ba tháng nay nhà tôi không có phó mát. Bánh mì không đủ để no bụng. Năm trước người Pháp lấy ngựa của chúng tôi đi, còn bây giờ thì bọn Bôso⁽¹⁾ lấy bò, lấy lợn, lấy gà, sạch mọi thứ.

- Nhưng mà người ta đã trả tiền cho nhà cô.
- Chúng tôi có ăn được mớ giấy lộn ấy đâu?

Cô gái òa khóc.

- Không, đâu có đói, - cô gái cay đắng trả lời. - Chúng tôi ăn như vua như chúa ấy chứ: nào khoai tây, nào bánh mì, nào củ cải, nào rau diếp. Ngày mai bố tôi đi Xoatxông xem có mua được ít thịt ngựa không.

- Này cô. Tôi không phải đố tôi đâu. Tôi sẽ đem phó mát lại cho nhà cô, có khi còn có cả giảm-bông nữa.

⁽¹⁾ Boche: tiếng khinh bỉ gọi người Đức.

- Tôi không cần của bố thí của anh. Tôi thà chết đói chứ không thèm động vào chỗ thực phẩm mà lũ lợn các anh ăn cắp của chúng tôi.

- Để rồi xem, - Hanx thản nhiên trả lời.

Hắn đội mũ lên, đứng dậy, vừa nói "Au revoir, made moielle"⁽¹⁾ vừa đi ra.

Sau đó hắn không có dịp cưỡi xe rong ruổi miền quê nơi ấy nữa và phải đợi được cử đi theo nhiệm vụ mới lại ghé vào nông trại lần nữa. Dịp đó cách mười ngày sau. Hắn lại nhớ nháo xông vào như trước và lần này gặp hai vợ chồng ông già nông dân ở dưới bếp. Đã sang trưa, bà già đang đảo cái gì đó trong chiếc niêu đặt trên bếp. Ông già đang tĩnh tọa bên bàn. Họ đưa mắt nhìn hắn khi hắn bước vào, nhưng không lấy gì làm ngạc nhiên. Hắn cô con gái đã kể với họ về lần đến kỳ trước của hắn. Họ im lặng. Bà già vẫn tiếp tục nấu nướng, còn ông già, vẻ mặt lâm li, cứ nhìn chăm chăm vào tấm khăn trải bàn. Nhưng bấy nhiêu chưa đủ để làm cụt hứng tâm trạng phẫn chấn của Hanx.

- Bonjour, la compagnie⁽²⁾, - hắn vui vẻ lên tiếng. - Tôi đem quà đến cho cả nhà đây.

Hắn cởi cái bọc mang theo và lấy ra một khoanh phó mát to, một miếng thịt lớn và hai hộp cá xac-din.

Bà già quay người lại. Hanx mỉm cười khi bắt gặp

⁽¹⁾ Chào cô (tiếng Pháp).

⁽²⁾ Xin chào cả hội (tiếng Pháp).

Bát khuất

ánh mắt thèm thuồng của bà. Ông già cau có nhìn chõ thức ăn. Hanx toét miệng cười rạng rỡ với ông.

- Tôi lấy làm tiếc là lần đầu đến đây chúng ta đã hiểu lầm nhau. Đáng lẽ ông bà không nên can thiệp vào.

Đúng lúc cô gái bước vào.

- Anh đang làm gì ở đây thế này? - Cô đanh giọng hét lên. Sau đó mắt cô hướng xuống những thứ hăn đã mang đến. Cô quơ cả nắm ném vào Hanx. - Đem đi chõ khác. Đem đi!

Nhưng mẹ cô đã đứng phắt dây.

- Annet, con điên rồi!

- Con không đời nào nhận của bố thí của hăn.

- Đây chính là thực phẩm của chúng ta mà bọn họ đã cướp đi. Nhìn hộp cá xác-đin mà xem. Đây là cá xác-đin của Boócđô chúng ta.

Bà nhặt các thứ lên. Hanx nhìn cô gái với cái cười giêu cợt trong cặp mắt sáng xanh.

- Tên cô là Annet phải không? Tên cũng hay dây chứ. Sao cô lại không bằng lòng với bố mẹ về một tí thực phẩm? Cô đã bảo là ba tháng trời không có phó mát cơ mà. Tôi không kiểm được giảm-bông, tôi có hết sức mới được chõ này đây.

Bà già nồng dân vớ lấy tảng thịt rồi áp nó vào lòng. Có cảm tưởng như bà săn sàng hôn cả miếng thịt. Nước mắt tuôn trào trên má Annet.

- Xấu hổ ơi là xấu hổ! - Cô rền rĩ.

- Thôi đi nào, có gì là xấu hổ ở miếng phó mát và khoanh thịt.

Hanx ngồi xuống châm thuốc hút. Rồi hắn đưa bao thuốc sang cho ông già. Ông già nồng dân lưỡng lự giây lát nhưng sự cám dỗ quá mạnh: ông nhót lấy một điều rồi trả lại bao thuốc, Hanx nói:

- Cứ giữ lấy. Tôi còn vô khôi.

Hắn rít thuốc và nhả khói ra hai lỗ mũi.

- Tại sao ta không đổi xử tốt với nhau được nhỉ? Cái gì đã làm rồi thì không thể cải lại được. Chiến tranh là chiến tranh, ông bà cũng hiểu ý tôi chứ. Tôi biết Annet là cô gái có văn hóa, tôi muốn cô ấy nghĩ tốt về tôi. Chắc chúng tôi còn ở Xoatxông một thời gian nữa, tôi có thể thỉnh thoảng mang dăm thứ đồ ăn đến đỡ cho ông bà. Ông bà có biết không, chứ chúng tôi đã làm mọi thứ để kết tình giao hảo với dân chúng thị trấn, nhưng bọn họ không đáp lại. Thậm chí bọn họ còn không buôn nhìn chúng tôi khi đi ngang qua mặt nhau ngoài phố. Xét cho cùng, cái chuyện xảy ra lần tôi đến đây với thằng Vili ấy mà, chỉ là sự không may ngẫu nhiên thôi. Tôi vẫn quý trọng Annet như thể cô ấy là chị em trong nhà.

- Anh còn đến đây làm gì? Tại sao anh không để cho chúng tôi yên thân?

Annet hỏi.

Quả thực hắn không biết. Hắn không muốn thú nhận là hắn muốn một chút tình người. Sự im lặng thù địch vây lấy tất cả bọn hắn ở Xoatxông tác động

Bát khuất

đến thần kinh hắn khiến có lúc hắn muốn xông vào quật ngã một người Pháp nào đó nhìn hắn như thể hắn là đống đất, có lúc hắn lại nghẹn ngào muốn khóc. Hắn thèm có một nơi đón tiếp thân thiện để hắn đến. Hắn thực bụng khi nói rằng không thèm muốn gì Annnet. Cô không phải là kiểu đàn bà hắn vẫn mơ tưởng. Hắn thích đàn bà phải cao, ngực nghiêc đầy đủ, mắt xanh và mái tóc màu sáng như hắn; hắn thích loại khỏe mạnh, xốc vác. Cái dáng tao nhã không phải là thứ hắn chuộng, cái mũi mảnh mai đẹp đẽ và cặp mắt đen kia, khuôn mặt dài xanh xao kia như có cái gì đó lạ lẫm, khiến hắn e dè. Nếu hắn không chóng mặt vì những thắng lợi vĩ đại của quân đội Đức, nếu hắn không mệt mỏi đồng thời lại hoan hỉ đến thế, nếu hắn không nốc hết ngần ấy rượu vào cái dạ dày rỗng, thì lần ấy hắn đã không mảy may nghĩ đến chuyện chung đụng gì với cô gái.

Suốt nửa tháng không có khi nào hắn lĩnh đến đó được. Hôm đó hắn đã để thực phẩm lại và hắn chắc chắn rằng hai ông bà già kia thể nào cũng đã xơi nghiến chõ thực phẩm đó rồi. Hắn thắc mắc không hiểu Annét có ăn không, nếu cô ta có cùng ăn chung với bố mẹ khi hắn đã ra ngoài cửa thì hắn cũng chẳng cho là lạ. Cái giống dân Pháp vẫn vậy, cái gì cho không đến tận mõm rồi thì không thể nào cưỡng được. Bọn họ yếu đuối, suy sụp lắm. Cô ta căm hắn lắm, vâng, thưa với thương đế, cô ta căm hắn phải biết, nhưng thịt lợn vẫn là thịt lợn và phó mát vẫn là

phó mát. Hắn nghĩ nhiều đến cô. Sự kinh tởm nhường ấy của cô đối với hắn lại như trêu ngươi hắn. Xưa nay hắn vốn được đàn bà thích. Rồi đây có ngày cô ta đâm phải lòng hắn thì mới ngộ. Hắn đã là người đầu tiên của cô. Hắn đã từng nghe đám sinh viên ở Munich, lúc bù khú bên cốc bia, có nói rằng đàn bà yêu cái người tình đầu tiên đã, rồi sau mới đến tình yêu. Một khi hắn đã bỏ tâm trí ra tán một cô gái thì chưa bao giờ hắn thất bại. Hanx cười một mình, một tia ranh mãnh xuất hiện trong mắt hắn.

Cuối cùng hắn lại có cơ hội đến nông trại. Hắn mang nào phó mát và bơ, đường, nào hộp thịt xúc xích và một ít cà phê, rồi phóng xe máy đi. Nhưng lần này hắn không gặp Annet. Cô đang làm công việc đồng áng với bố. Chỉ có mình bà già ở trong sân. Mắt bà sáng lên khi nhìn thấy cái gói hắn mang đến. Bà đưa hắn vào trong bếp. Tay bà hơi run run lúc tháo dây và khi được trông thấy những gì hắn đem tới thì mắt bà ràn rụa lệ. Bà nói:

- Anh tốt quá!
- Xin phép, tôi ngồi nhé? - Hắn lịch sự hỏi.
- Cứ tự nhiên. - Bà nhìn ra ngoài cửa sổ, khiến Hanx đoán là bà muốn nhòm xem Annet đã về chưa.
- Để tôi rót cho anh một cốc rượu nhá?
- Thế thì hay quá.

Hắn đủ sắc sảo để thấy rằng thói quen tham lam đối với chỗ thực phẩm đã làm bà ta, nếu không thiện với hắn, thì ít nhất cũng sẵn sàng hợp tác với

Bát khuất

hắn. Cái nhìn qua cửa sổ của bà tỏ ra họ gần như những kẻ a tòng với nhau. Hắn hỏi:

- Bà có thích thịt lợn không?

- Có mà đi ăn cỗ.

- Lần sau đến tôi sẽ cố gắng mang cho bà một ít. Thế Annet có thích không?

- Nó chẳng động vào một thứ gì sau khi anh ra về. Nó bảo thà chết đói còn hơn.

- Thật ngốc!

- Tôi mới bảo nó thế này. Tôi bảo, thức ăn đã lù lù ở đây rồi thì không ăn cũng chẳng giải quyết được gì hơn.

Họ chuyện phiếm hoàn toàn bình thường trong khi Hanx nhấm nháp chõ rượu. Hắn được biết bà già tên là bà Pénê. Hắn hỏi bà là trong gia đình còn con cái nào khác không. Bà thở dài. Kể ra thì họ còn một thằng con trai nữa, nhưng nó đã bị động viên hồi đầu chiến tranh và đã chết. Không phải chết trận, mà là bị sưng phổi và chết ở quân y viện Nângxi.

- Kể cũng tội, - Hanx nói.

- Có khi thế lại còn hơn. Nó giống con Annet về nhiều bê lám. Chắc nó chẳng thể nào chịu nổi cái nhục thất bại đâu. - Bà lại thở dài. - Ôi, anh bạn tội nghiệp của tôi ơi, chúng tôi đã bị phản bội rồi.

- Tại sao các người lại đi bệnh viện Ba Lan? Bạn ấy là cái thò gì đối với các người?

- Anh nói phải. Giá chúng tôi cứ để Hitler của anh chiếm Ba Lan thì chắc chúng tôi đã được yên thân rồi.

Lúc đứng dậy ra về Hanx hẹn sẽ còn đến nữa.

- Tôi sẽ không quên món thịt lợn đâu.

Sau đó Hanx có nhiều thuận lợi: hắn được giao một công việc đòi hỏi một tuần hai lần phải đi đến một thị trấn ở gần đó nên hắn có thể đến nông trại thường xuyên hơn. Hắn lưu ý không bao giờ đến mà không mang cái gì. Nhưng hắn không làm thế nào lấy lòng được Annet. Để chiếm cảm tình của cô, hắn đã sử dụng mọi mưu chước mà hắn biết có thể làm xiêu phụ nữ, nhưng lại chỉ tổ chọc tức cô thêm. Với làn môi mỏng cương quyết, cô nhìn hắn như nhìn một kẻ bẩn thỉu. Đã nhiều lần cô làm hắn tức tối đến mức hắn chỉ chực muốn tóm lấy hai vai cô mà đập mà lắc cho chết mới thôi. Một lần hắn bắt gặp một mình cô, và khi cô đứng dậy toan bỏ đi thì hắn chặn cô lại.

- Đứng lại đã. Tôi muốn nói chuyện với cô.

- Cứ nói đi. Tôi là phận đàn bà không có khả năng tự vệ.

- Điều tôi muốn nói là thế này: theo như tôi được thông báo thì tôi có thể còn ở đây lâu. Đối với người Pháp các người thì mọi sự không dễ dàng hơn đâu, mà càng khó khăn hơn. Tôi có thể giúp ích cho cô. Tại sao cô không tỏ ra biết điều như bố mẹ cô?

Quả thực ông già Périé cũng đã thay đổi thái độ. Chưa thể nói là ông niềm nở, mà vẫn lạnh lùng và cộc cằn, nhưng có lịch sự hơn. Thậm chí ông còn bảo Hanx mang thuốc lá đến cho mình, và khi hắn không nhận tiền thì ông đã cảm ơn. Ông thích nghe tin tức

về Xoatxông và vô lấp tờ báo Hanx đem đến. Hanx là con nhà nông nên có thể nói chuyện về công việc nhà nông một cách hiểu biết. Nông trại ở đây cũng gọi là tốt, không to quá cũng không bé quá, nước đủ, vì có con suối khá rộng chảy qua, vườn tược rộng, có cả đất cày lắn bãi cỏ chăn nuôi, Hanx thông cảm lắng nghe ông già than vãn là không có nhân công, không có phân bón, đần súc vật của ông lại bị lấy đi, vậy là cơ nghiệp tiêu tan.

- Anh hỏi tôi tại sao tôi không tỏ ra biết điều như bố mẹ tôi ư? Nhìn đây này! - Annet cất tiếng.

Cô kéo khít quần áo vào người và chìa cho hắn nhìn. Hắn không tin vào mắt mình nữa. Điều hắn nhận thấy gây chấn động chưa từng có trong lòng hắn. Máu dồn lên mặt hắn.

- Cô có mang!

Annet khuyễn người xuống ghế, đầu gục vào hai bàn tay và cô bắt đầu khóc. Dường như tim cô sắp vỡ ra.

- Nhục nhã thân tôi. Nhục nhã!

Hắn bước vùt tới chỗ cô và ôm quàng lấy cô.

- Em yêu quý! - Hắn thốt lên.

Nhưng cô đã vùng đứng dậy đẩy hắn ra.

- Đừng có động vào tôi. Đi đi. Đi đi. Anh làm hại tôi như thế chưa đủ hay sao?

Cô chạy vùt ra khỏi phòng. Hắn đứng ngây ra một mình trong mấy phút. Hắn bàng hoàng. Ý nghĩ

hắn quay cuồng khi hắn lái xe chậm chạp trở về Xoatxông. Lúc lên giường đi nằm hắn trăn trọc mắt mấy tiếng đồng hồ. Hắn không nghĩ được về cái gì khác ngoài hình ảnh Annét với cái bụng phồng lên. Nom cô vô cùng tội nghiệp lúc ngồi ở bàn khóc lóc thảm thương. Cái thai trong bụng cô chính là con của hắn. Hắn đã hơi thiu thiu, thì bất thần lại choàng tỉnh, vì một ý nghĩ đột ngột đến với hắn, đến chát chúa bất thình linh như một tràng đạn: hắn đã phải lòng Annet. Ý nghĩ ấy bất ngờ quá, sững sốt quá khiến hắn chưa thể chấp nhận ngay. Tất nhiên hắn đã nghĩ nhiều đến cô, nhưng nghĩ theo cách khác. Hắn đã nghĩ hắn là một điều thú vị lớn nếu hắn làm cô đậm yêu hắn, hắn là một chiến công nếu dần dần với thời gian, cô sẽ dâng cho hắn cái mà hắn đã từng chiếm đoạt bằng vũ lực, nhưng chưa hề bao giờ hắn lại nảy ra ý nghĩ rằng cô là cái gì đó đặc biệt với hắn hơn những người đàn bà khác. Cô không phải kiểu người của hắn. Cô cũng không xinh lắm. Chẳng có gì đặc biệt cả. Tại sao bỗng nhiên hắn lại có ý nghĩ lạ lùng như thế về cô? Đây càng không phải là một tình cảm dễ chịu, mà là một nỗi đau. Nhưng hắn biết đúng là thế: đó là tình yêu, nó khiến hắn cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ hết trong đời. Hắn muốn ôm chầm lấy cô, hắn muốn cưng nựng cô, hắn muốn hôn lên đôi mắt rắn lẹ của cô. Không phải hắn thèm khát cô, như đàn ông thèm khát đàn bà, mà hắn muốn vỗ vè an ủi cô, hắn muốn cô mỉm cười với hắn - lạ thật, hắn chưa bao giờ được trông thấy cô cười, - hắn

muốn trông thấy đôi mắt cô - đôi mắt mới đẹp đẽ,
mới tuyệt vời làm sao - mềm mại đầy ánh dịu dàng.

Suốt ba ngày hắn không có cách nào bứt khỏi được Xoatxông, và ba ngày ba đêm hắn nghĩ đến Annet và đứa con cô mang trong bụng. Rồi hắn cũng đến được nồng trại. Hắn muốn gặp một mình bà Périé, và thật là may cho hắn, hắn đã gặp bà già ấy trên đường cách nhà một đoạn. Bà đi lượm những cành củi nhỏ trong rừng, đang về nhà với một bó to sau lưng. Hắn dừng mô-tô lại. Hắn biết sự thân tình của bà đối với hắn chỉ là ở chỗ thực phẩm hắn mang đến, nhưng hắn bất cần. Bà cứ giữ thái độ lịch sự như thế chừng nào còn moi được gì đó ở hắn, thế cũng được rồi. Hắn bảo với bà là hắn muốn nói chuyện với bà, xin bà bỏ bó củi xuống. Bà làm theo lời hắn. Đó là một ngày trời mây mù xám xịt, nhưng không lạnh. Hanx nói:

- Tôi biết chuyện Annet rồi.

Bà già rùng mình.

- Làm sao mà anh biết? Annet không hề muốn để anh biết.

- Cô ấy đã nói với tôi.

- Phải, tối hôm ấy anh đã giở cái trò hay hớm quá đây nhỉ.

- Nào ai ngờ... Sao bà không bảo cho tôi biết sớm hơn?

Bà già bắt đầu kể lể, không day nghiến, không két tội hắn, như thể đây chỉ là một sự rủi ro của tự nhiên, giống như việc một con bò chết trong khi sinh

bê hay đợt sương giá dữ dội vào mùa xuân đã làm thui chột hàng cây ăn quả làm mất mùa thu hoạch, một sự rủi ro mà loài người phải chấp nhận với sự cam chịu nhu mỳ. Sau cái đêm khủng khiếp ấy Annet đã bị sốt cao, nầm liệt giường mất mấy ngày. Hai ông bà đã lo cô bị mất trí. Cô cứ gào khóc hàng mấy giờ liền. Không tìm đâu ra bác sĩ. Ông bác sĩ ở làng đã bị gọi nhập ngũ. Ngay đến ở Xoatxông cũng chỉ còn hai bác sĩ, đều già cả rồi, và làm sao họ đến nhà được cho dù có cử người đi gọi? Họ không được phép rời khỏi thị trấn. Kể cả khi cơn sốt đã lui, Annet vẫn hãy còn quá ốm không ra khỏi giường được. Khi đã dậy được, cô vẫn yếu, xanh xao, nhìn mà thương. Cú sốc thật là khủng khiếp. Một tháng, rồi hai tháng qua đi, thiêu hản sự khó ở thường kỳ của phụ nữ mà cô cũng không để ý. Thường cô thấy tháng vẫn không đều. Bà Périê là người đầu tiên nghi hoặc có sự không hay. Bà hỏi Annet. Cả hai đều kinh hãi, nhưng chưa thấy chắc chắn và họ không nói gì cho ông Périê biết. Đến tháng thứ ba thì không còn nghi ngờ gì nữa. Annet đã có mang.

Gia đình họ có chiếc xe Xitôrôen cũ mà hồi trước chiến tranh bà Périê vẫn chở sản phẩm của nông trại mỗi tuần hai buổi sáng lên chợ ở Xoatxông, nhưng từ khi bọn Đức chiếm đóng thì họ chẳng có gì đem bán để đến mức phải mang xe đi. Xe gần như không kiếm ra nổi. Nhưng lần này họ đã kiểm một ít và lái lên thị trấn. Chỉ thấy toàn xe quân sự của Đức và lính Đức lượn lờ đi lại. Có biển chữ Đức ở ngoài phố, còn

trên các tòa nhà công cộng là những bản tuyên cáo bằng tiếng Pháp có chữ ký của viên chỉ huy Đức. Nhiều cửa hiệu đóng cửa. Họ đến nhà ông bác sĩ già mà họ quen biết và ông đã xác nhận mối nghi ngờ của họ. Nhưng ông là một tín đồ Thiên chúa giáo ngoan đạo nên không giúp họ hơn được. Trông thấy họ khóc, ông bác sĩ chỉ còn cách nhún vai.

- Cô không phải là người duy nhất, - ông nói. - "Il faut souffris"⁽¹⁾.

Họ biết cả ông bác sĩ thứ hai và tìm đến ông này. Họ bấm chuông nhưng mãi không có ai đáp lại. Cuối cùng mới có một phụ nữ mặc đồ đen, mặt buồn rười rượi ra mở cửa, nhưng khi họ hỏi gấp bác sĩ thì bà ta òa khóc. Ông đã bị bọn Đức bắt vì ông là hội viên Hội Tam điểm, và bị giữ làm con tin. Một vụ nổ bom đã xảy ra ở một quán cà phê hay có sิ quan Đức ra vào khiến hai tên bị chết và một số bị thương. Nếu thủ phạm không bị nộp mạng trước một thời hạn nào đó thì ông bác sĩ sẽ bị bắt. Người phụ nữ có vẻ phúc hậu nên bà Périé liền kể nỗi bất hạnh của gia đình bà.

- Quân súc vật, - người phụ nữ nói. Bà nhìn sang Annet với vẻ thương cảm. - Tôi nghiệp cháu tôi.

Người phụ nữ cho họ địa chỉ một bà đỡ ở thị trấn và dẫn họ nói là đến theo sự giới thiệu của bà. Bà đỡ cho họ ít thuốc thang. Chỗ thuốc ấy làm Annet khổn khổ đến nỗi cô đã tưởng là chết, mà cũng chẳng mang lại hiệu quả gì. Annet vẫn mang thai.

⁽¹⁾ Dành phải chịu đựng thôi (tiếng Pháp).

Đó là câu chuyện mà bà Périê đã kể cho Hanx nghe. Hắn im lặng một lúc. Rồi hắn nói:

- Ngày mai là chủ nhật. Tôi không bận gì cả. Tôi sẽ đến để bàn soạn thêm. Tôi sẽ đem đồ ngon đến.

- Chúng tôi không có kim khâu vá. Anh đem một ít đến nhé?

- Tôi sẽ cố.

Bà già lại chất bó củi lên lồng và lầm lũi đi xuôi con đường. Hanx thì quay trở lại Xoatxông. Hắn không dám đi mồ tô, nên hôm sau hắn thuê một chiếc xe đạp. Hắn buộc bọc thực phẩm trên giá đèo hàng. Bọc ấy to hơn mọi khi vì hắn cho thêm một chai sâm banh vào trong. Hắn tới nồng trại lúc trời đã tối để chắc chắn là cả gia đình sẽ đủ mặt ở nhà sau buổi làm việc. Gian bếp ấm cúng, dễ chịu khi hắn bước vào. Bà Périê đang nấu nướng còn ông chồng thì đang đọc tờ "Paris - Soir" (Pari buổi chiều). Annét đang mạng bít-tết.

- Nay đây, tôi mang ít kim khâu cho bà đây, - hắn vừa nói vừa cười bảo. - Còn đây là ít vải cho cô, Annét này.

- Tôi không cần.

- Lê nào? - Hắn cười hềnh hêch. - Cô phải lo sửa soạn quần áo cho đứa trẻ chứ.

- Đúng đấy, Annét, - bà mẹ cô lên tiếng. - Nhà ta chẳng có gì cả.

Annét vẫn không ngẩng đầu lên. Cặp mắt thèm muốn của bà Périê lướt trên bọc đồ:

- Một chai sâm banh!

Hanx cười hì hì.

- Tôi đã bảo quà ra quà mà. Tôi có ý định như thế này. - Hắn lưỡng lự giây lát, rồi kéo ghế ra ngồi đối diện với Annet. - Tôi không biết phải bắt đầu như thế nào bây giờ. Tôi ân hận về cái đêm hôm đó lầm, Annet ạ. Đây là lỗi của tôi, cũng là tại hoàn cảnh nứa. Em có tha thứ cho tôi không?

Annet ném cái nhìn căm thù sang hắn.

- Không bao giờ. Tại sao anh không để cho tôi yên? Anh phá hoại đời tôi như thế chưa đủ hay sao?

- Tôi đang định nói chuyện ấy đây. Có lẽ không phải là phá hoại đâu. Khi tôi biết em sắp có con thì tôi cảm thấy mình bị một tác động lạ lùng. Mọi chuyện bây giờ đều trở nên khác đi. Điều ấy làm tôi hãnh diện lắm.

- Hãnh diện? - Cô ném lời cay nghiệt vào mặt hắn.

- Tôi muốn em sinh con, Annet ạ. Tôi mừng vì em đã không phá thai được.

- Sao anh lại nói trơ tráo đến thế nhỉ?

- Nghe tôi nói đã này! Từ khi biết chuyện tôi không còn nghĩ đến cái gì khác nữa. Cuộc chiến tranh sẽ kết thúc trong sáu tháng. Chúng tôi sẽ bắt nước Anh phải quỳ gối vào mùa xuân tới. Bọn họ hết đường cưa. Khi ấy tôi sẽ được giải ngũ và sẽ lấy em làm vợ.

- Anh lấy tôi? Vì sao?

Làn da rám nắng của hắn đỏ tía lên. Hắn không thể đơn thuần thốt ra câu ấy bằng tiếng Pháp, hắn dùng tiếng Đức mẹ đẻ. Hắn biết Annet sẽ hiểu.

- Ich liebe dich⁽¹⁾.

- Nó nói cái gì thế? - Bà Périê hỏi.

- Nó bảo nó yêu con.

Annet ngả đầu ra phía sau và bật ra tiếng cười lanh lỏi. Cô cười mỗi lúc một to, không cách gì ngừng được, đồng thời lệ tuôn ra từ đôi mắt. Bà Périê tát mạnh vào hai má cô. Bà nói với Hanx:

- Anh đừng để ý gì đến nó. Nó lại lên cơn thần kinh đây. Chắc anh cũng hiểu tình cảnh của nó.

Annet há miệng ra. Cô đã lấy lại được tự chủ. Hanx nói:

- Anh mang chai sâm banh tới để ăn mừng lễ đính hôn của hai ta.

- Quả là cái điều cay đắng hơn hết: chúng ta bị một bọn ngốc đánh bại, một bọn ngốc như vậy.

Hanx tiếp tục nói bằng tiếng Đức:

- Anh không hiểu rằng anh đã yêu em cho mãi đến cái hôm biết tin em sắp có con. Nó đến với anh như tiếng sét, nhưng anh nghĩ anh đã yêu em suốt từ trước đến giờ.

- Nó nói cái gì thế? - bà Périê lại hỏi.

- Chẳng có gì quan trọng cả.

⁽¹⁾ Anh yêu em (tiếng Đức).

Hắn chuyển sang tiếng Pháp. Hắn muốn bố mẹ Annet hiểu điều hắn cần nói.

- Giờ anh sẽ lấy em, chỉ có điều người ta không cho phép thôi. Đừng cho là anh chẳng là gì sất cả. Bố anh cũng có của ăn của để, gia đình anh cũng có máu mặt. Anh là con cả nên em sẽ chẳng thiếu thốn thứ gì đâu.

- Anh có theo đạo Thiên chúa không? - Bà Périê hỏi.
- Có, cháu theo đạo Thiên chúa.
- Thế thì cũng được.

- Quê cháu đẹp lăm, đất đai lại tốt. Trong khoảng từ Munich đến Inxbruc không có đồng đất nào tốt hơn, nhà cháu có hǎn khoảnh riêng đây. Ông nội cháu tậu hồi sau cuộc chiến tranh năm bảy mươi⁽¹⁾. Gia đình cháu có dài, có ô tô, lại có cả điện thoại.

Annet quay sang bố cô.

- Anh chàng này chả thiếu sự tế nhị nào trên đời, - cô mỉa mai thốt lên và nhìn Hanx trừng trừng. - Thật là một viễn cảnh mê ly đối với con, một con bé người nước ngoài gốc gác từ một đất nước bị chinh phục, lại có đứa con ngoài giá thú. Hóa ra con cũng được bảo đảm đầy đủ hạnh phúc đấy chứ, có phải không bối? Cơ hội đến là hiếm có?

Ông già Périê, một người vốn ít lời, lúc này mới mở miệng. Ông bảo Hanx:

- Ấy không. Phải thừa nhận là anh có một cử chỉ

⁽¹⁾ Tức năm 1870, năm xảy ra một cuộc chiến tranh Pháp - Phổ.

cao thượng. Tôi đã trải qua chiến tranh rồi, tôi biết, con người ta có thể làm đủ mọi chuyện mà thời bình không bao giờ làm. Bản chất con người là vậy. Nhưng có điều con trai chúng tôi đã chết rồi, chúng tôi chỉ còn mỗi mình Annet chúng tôi không thể để nó đi đâu được.

- Cháu đã nghĩ là gia đình ta có thể có ý ấy, nên cháu đã có sẵn câu trả lời rồi. Cháu sẽ ở lại đây.

Annet liếc nhanh sang Hanx.

- Anh nói thế nghĩa là ra làm sao? - Bà Périê hỏi.

- Cháu còn có một thằng em nữa. Nó có thể ở nhà giúp đỡ bố cháu. Cháu thấy thích đất nước này. Có đầu óc và xông xáo một tí là có thể biến nông trại nhà ta thành chỗ làm ăn tốt. Khi nào chiến tranh kết thúc sẽ có nhiều người Đức lập nghiệp ở đây. Ai cũng biết là ở Pháp không đủ người để canh tác đất đai. Hôm nọ ở Xoatxông người đã giảng cho chúng cháu nghe. Ông ấy bảo rằng một phần ba nông trại ở đây bị bỏ không vì không có người làm.

Ông Périê và vợ đưa mắt nhìn nhau. Annet hiểu rằng bố mẹ cô đã xiêu lòng. Đây đúng là điều họ vẫn mong ước kể từ khi anh con trai chết đi: một chàng rể khỏe mạnh, tráng kiện đứng ra gánh vác nông trại khi họ tuổi già sức yếu, chẳng làm được gì hơn việc đi dạo vơ vẩn.

- Nếu thế thì lại đi một nhẽ, - bà Périê nói. - Ý ấy cũng đáng để xem xét lắm.

- Im cả đi, - Annet kêu lên sô sàng. Cô rướn người về phía trước và chiết cặp mắt rực lửa vào tên Đức.

- Tôi đã đính hôn với một giáo viên trường nam trung học ở thị trấn chỗ tôi dạy học rồi, sau chiến tranh chúng tôi sẽ lấy nhau. Anh ấy không to khỏe như anh, hoặc điển trai như anh. Tuy nhỏ bé và gầy mảnh, nhưng cái đẹp của anh ấy là cái đẹp trí tuệ tỏa sáng trên gương mặt, sức mạnh duy nhất của anh ấy là sự rộng lớn của tâm hồn. Anh ấy không như đồ mọi rợ, anh ấy là người có văn hóa; anh ấy có một ngàn năm văn hiến dang sau. Tôi yêu anh ấy. Tôi yêu anh ấy với tất cả trái tim và tâm hồn.

Mặt Hanx xiu xuống. Hắn chưa bao giờ lại nghĩ rằng Annet có thể dành tấm lòng cho một ai khác.

- Anh ta bây giờ ở đâu?

- Thế anh tưởng anh ấy ở đâu? Ở Đức. Bị giam cầm và đang chết đói. Trong khi các người rút ruột rút gan mảnh đất của chúng tôi. Không biết bao nhiêu lần tôi đã phải nói cho anh hay tôi căm thù anh? Anh xin tôi tha thứ cho anh, không bao giờ. Anh muốn thuộc lõi. Thật là đồ ngốc. - Cô ngả đầu ra phía sau, vẻ đau khổ đến cùng cực hiện ra trên mặt. - Đời tan nát rồi. Ôi, anh ấy sẽ tha thứ cho tôi. Anh ấy dịu hiền lắm. Tôi chỉ bị day dứt vì ý nghĩ rằng một ngày kia có thể anh ấy sẽ nghi ngờ tôi, cho rằng có lẽ không phải tôi bị cưỡng ép - mà có lẽ tôi đã hiến thân vì bơ sưa và bít tất. Đầu phải chỉ mình tôi như thế. Cuộc sống của hai chúng tôi sẽ ra sao khi có thêm đứa con của anh, một đứa trẻ lai Đức? To khỏe như anh, tóc màu sáng như anh, mắt xanh như anh. Trời ơi là trời, tại sao tôi lại đến nồng nỗi như thế này?

Cô đứng dậy, bước nhanh ra khỏi bếp. Phút chốc chỉ còn lại ba người trong sự im lặng. Hanx buôn bã nhìn chai sâm banh. Hắn thở dài rồi đứng dậy. Khi hắn đi ra cửa, bà Périê đi theo.

- Anh nói chắc chắn là anh sẽ lấy nó chứ? Bà khẽ giọng hỏi hắn.

- Vâng. Chắc chắn từng lời. Cháu yêu cô ấy.

- Rồi anh không đem nó đi chứ? Anh sẽ ở lại đây làm lụng ở nông trại?

- Cháu xin hứa thế.

- Ông lão nhà tôi chắc chẳng sống mãi được. Ở nhà thì anh phải chia cơ nghiệp với thằng em nhà anh. Ở đây thì chẳng phải chia sẻ với ai cả.

- Quả có như thế.

- Chúng tôi chưa bao giờ ưng cho con Annet lấy cái thằng giáo viên ấy, nhưng dạo đó con trai chúng tôi còn sống, nó bảo: nếu con bé muốn lấy thằng ấy thì sao lại không cho nó tự do được lấy? Con Annet tha thiết với cái thằng ấy lắm. Nhưng bây giờ thì con trai chúng tôi đã chết mất rồi, tội nghiệp, thành ra phải khác đi. Cho dù nó vẫn muốn lấy thằng ấy, thì làm sao nó xốc vác nông trại này một mình được?

- Bán đi thì thật mang tiếng. Cháu biết mảnh đất cha ông để lại, đâu có dung dụng được.

Họ đã ra đến đường cái. Bà Périê nắm lấy tay Hanx và khẽ bóp.

- Mai lại đến nữa nhé.

Hanx biết bà đã đứng về phía hǎn. Nghĩ thế hǎn thấy khoan khoái trong lòng trên đường về Xoatxōng.

Kể cung bức mình, Annet lại đã yêu người khác. May là thằng ấy đang bị giam giữ; chắc đứa trẻ sẽ ra đời được một thời gian lâu trước khi gã ta được thả về. Điều ấy có thể thay đổi được cô ta: không bao giờ có thể nói trước về đàn bà được. Thì đấy, ở làng hǎn chả có một người đàn bà yêu chồng đến nỗi người ta đem ra để trêu chọc là gì, thế mà sau khi đẻ xong bà ta không chịu được khi nhìn thấy mặt chồng. Vậy thì tại sao điều ngược lại lại không thể xảy ra? Bây giờ lúc hǎn đã ngỏ lời với cô, cô phải thấy là hǎn cũng thuộc hạng tử tế. Trời ạ, lúc cô ta ngả đầu ra sau mới xúc động chứ, lại còn khoán ăn nói mới khiếp! Ngôn ngữ đâu ra đây! Một diễn viên trên sân khấu cũng không thể nhập vai tài hơn, mà biết nói lăm. Chà, cô ta thông minh thật. Ngay cả khi cô ác miệng với hǎn, nghe vẫn thấy thích. Hǎn cũng đâu phải là hạng kém giáo dục, thế nhưng vẫn chưa thâm vào đâu so với cô. Có văn hóa, đấy là đặc điểm của cô ấy.

- Minh thật là đồ con lừa, - hǎn vừa đạp xe vừa nói thành tiếng. Cô ấy bảo hǎn to khỏe và điển trai. Nếu không có tình ý gì thì sao cô ấy lại nói những lời ấy? Cô ấy còn nhắc đến cả việc đứa trẻ có bộ tóc màu sáng và đôi mắt xanh như hǎn. Nếu màu tóc và màu mắt của hǎn không gây được ấn tượng cho cô ta thì xin cứ chặt đầu hǎn đi! Hǎn cười khinh khích. Phải có thời gian. Cốt ở sự kiên trì, phần còn lại ông trời sẽ làm nốt.

Các tuần lê trôi đi. Viên chỉ huy ở Xoatxông vốn dẽ tính, hay đã có tuổi: biết rằng quân lính còn phải chờ đợi nhiều bất ngờ vào mùa xuân, lão cũng không khắt khe câu thúc quân lính thái quá. Báo chí Đức nói rằng nước Anh đã bị lụn bại vì không quân đế chế Đức và dân chúng ở đó đang kinh hoàng. Các tàu ngầm Đức đánh chìm tàu Anh như rạ, nên nước Anh đang đói to. Thế nào cũng có chuyến biển dứt khoát. Trước mùa hạ tới chiến cuộc sẽ chậm dứt và người Đức sẽ làm bá chủ thế giới. Hanx viết thư về nhà bảo bố mẹ rằng hắn sắp lấy một cô gái Pháp cùng với nông trại tuyệt vời của cô. Hắn bàn với thằng em cho hắn vay tiền và trừ vào phần tài sản gia đình được chia sau này của hắn để hắn tậu thêm đất ở Pháp, nhân lúc có chiến tranh và với giá hối đoái hiện nay, đất đai đang được bán với giá rẻ như bèo. Hắn đi xem xét nông trại cùng với ông Périé. Ông già lặng lẽ nghe hắn trình bày những dự định: nông trại sẽ được trang bị lại, là người Đức hắn sẽ được nhiều ưu đãi; máy kéo cũ, hắn sẽ kiếm một cái mới từ Đức sang; bộ cày máy cũng thế. Muốn làm ra tiền thì phải sử dụng máy móc hiện đại. Bà Périé sau có nói lại với Hanx rằng chồng bà bảo hắn cũng có đầu óc và có vẻ biết nhiều. Giờ bà tỏ ra rất thân thiện với hắn và nhất quyết nèo hắn cùng ăn cơm trưa với họ vào các chủ nhật. Bà đã chuyển tên hắn sang kiểu Pháp và gọi hắn là Giăng. Hắn luôn săn sàng đỡ dần một tay. Mỗi ngày Annet lại ít lao động dần đi, cho nên có một người đàn ông không nề hà làm lụng thì thật là có ích lợi.

Annet vẫn có thái độ thù địch ở mức gay gắt. Cô không bao giờ nói chuyện với hắn, trừ việc trả lời những câu hỏi trực tiếp của hắn và hắn có cơ hội là lại lui về phòng riêng mình. Những khi lạnh quá không ở mãi trong phòng được thì cô ngồi cạnh bếp lò, khâu vá và đọc sách, chẳng thèm để ý đến hắn, cứ coi như không có hắn ở đó. Cô đã khỏe hắn. Má cô đã khởi sắc hồng và trong con mắt của Hanx thì cô rất đẹp. Vai trò làm mẹ ngày một gần đã tạo cho cô một phẩm cách đĩnh đạc lạ lùng khiến Hanx tràn ngập niềm hân hoan mỗi khi hắn trố mắt nhìn cô.

Một hôm trên đường đến nông trại Hanx trông thấy bà Périê đứng bên đường vẫy tay ra hiệu cho hắn dừng lại. Hắn phanh xe ngay lại.

- Tôi chờ ở đây một tiếng đồng hồ rồi. Tôi cứ tưởng anh chẳng bao giờ đến nữa. Hôm nay anh đừng đến vội. Pie chết rồi.

- Pie là ai?

- Pie Gavanh. Cái thằng giáo viên mà con Annet toan lấy áy.

Tim Hanx đập rộn ràng. May mắn làm sao! Giờ thì thời cơ của hắn đã đến rồi.

- Cô ấy có đau buồn không?

- Nó không khóc. Khi tôi toan bắt chuyện với nó thì nó xô tôi dúi dụi. Nếu nó mà trông thấy anh hôm nay thì nó dám cho anh một nhát dao lăm.

- Pie chết thì có phải lỗi tại cháu đâu. Sao bác biết tin?

- Một người tù bạn nó trốn qua ngả Thụy Sĩ và

viết thư cho con Annet. Chúng tôi mới nhận được thư sáng nay. Trong trại tập trung có một cuộc nổi loạn vì người tù không được đủ ăn, cho nên những kẻ đầu têu bị đem đi bắn. Pie cũng nằm trong số ấy.

Hanx im lặng. Theo hắn thế là đáng đời lắm. Cái bọn ấy cứ tưởng trại tù dễ thường là khách sạn hắn?

- Cứ để cho nó có thời gian nguôi đi đã, - Bà Périê nói - Khi nào nó bình tĩnh lại rồi tôi sẽ nói chuyện với nó. Tôi sẽ viết thư báo cho anh khi nào có thể đến được.

- Hay lắm. Bác cũng ủng hộ cháu, hả?

- Anh cứ cầm chắc là như vậy. Hai vợ chồng tôi đều đồng ý với nhau cả rồi. Chúng tôi đã bàn tính lại rồi đi đến kết luận - là chẳng có cách gì khác, phải chấp nhận hoàn cảnh thôi. Ông nhà tôi cũng không phải loại ngốc, ông ấy bảo rằng cái cách tốt nhất đối với nước Pháp bây giờ là hợp tác với Đức. Mà ngẫm cho trọn thì không phải là tôi không thấy mến anh. Tôi còn cho là anh làm chồng với con Annet hơn thằng giáo viên kia. Lại còn thêm cả con cái vào nữa.

- Cháu muốn nó là con trai.

- Rồi nó sẽ là con trai. Tôi vẫn biết chắc. Tôi đã đi xem bói rồi. Rút bài nữa. Lần nào cũng ra là con trai.

- Suýt nữa cháu quên mất, có mấy tờ báo cho các bác đây. - Hanx vừa nói vừa quay xe, chuẩn bị leo lên.

Hắn trao cho bà Périê ba số "Paris - Soir". Tôi nào ông già Périê cũng đọc. Ông đọc thấy người ta viết rằng người Pháp phải thực tế và chấp nhận trật tự

mới mà Hitler sắp tạo dựng ở châu Âu. Ông đọc thấy các tàu ngầm Đức án ngữ hết các ngả đường biển. Ông đọc thấy Bộ Tổng tham mưu Đức đang vạch từng chi tiết cho chiến dịch bắt nước Anh phải quỳ gối, còn nước Mỹ thì vừa trở tay không kịp, vừa mềm yếu và vừa bị chia rẽ không thể giúp gì được nước Anh. Ông đọc thấy nước Pháp phải vớ lấy cơ hội trời cho và bằng sự hợp tác trung thành với Đế chế Đức mà giành lại vị trí danh dự của mình trong một châu Âu mới. Không phải người Đức viết tất cả những điều ấy, mà là người Pháp. Ông gật đầu đồng tình khi thấy viết rằng bọn nhà giàu quyền thế và lũ Do Thái phải bị tiêu diệt và người nghèo ở nước Pháp cuối cùng sẽ đứng lên làm chủ vận mệnh của mình. Họ viết đúng lắm, những thằng cha thông minh ấy bảo rằng nước Pháp về cốt lõi là một nước nông nghiệp và xương sống của nó là những người nông dân cần cù. Nghĩ được thế là giỏi.

Một buổi tối, khi họ đã ăn tối xong, hôm ấy là mươi ngày kể từ khi có tin Pie Gavanh đã chết, bà Périé, đã thỏa thuận trước với chồng, mới bảo Annet rằng:

- Mẹ đã viết thư cho Hanx mấy hôm trước hẹn nó ngày mai đến đây.

- Cám ơn mẹ đã báo trước. Con sẽ ở trong buồng riêng.

- Ngày con gái của mẹ, hết cái thời ngốc nghênh rồi đấy. Con phải thực tế mới được. Pie chết rồi. Hanx yêu con và muốn lấy con. Nom nó cũng đẹp

trai. Bất kỳ đứa con gái nào có nó làm chồng cũng có thể lấy làm tự hào. Làm sao nhà ta có thể khôi phục được nồng trại nếu không có nó giúp một tay? Nó đang chuẩn bị mua một cái máy kéo và bộ cày bằng tiền riêng của nó đấy. Chuyện gì đã qua thì hãy để cho nó qua đi, day dứt mãi làm gì.

- Mẹ nói chỉ phí công thoi, mẹ ạ. Trước kia con tự làm ăn sinh sống được thì từ nay về sau con vẫn làm ăn sinh sống được. Con căm thù hắn. Con căm thù vẻ ngạo mạn và trâng tráo của hắn. Giết nó con cũng dám nhưng chỉ mỗi việc nó chết thì cũng chưa làm con thỏa mãn. Con phải hành hạ nó bằng được, như nó đã hành hạ con. Con nghĩ con sẽ mãn nguyện nhắm mắt xuôi tay nếu tìm ra được cách gì làm cho nó đau đớn như nó đã làm con đau đớn.

- Con ăn nói lung tung lăm, tội nghiệp con của mẹ.

- Con gái của bố này. Mẹ con nói đúng đấy. - Ông Périê xen vào. - Chúng ta thua trận rồi nên phải chấp nhận hậu quả. Chúng ta sẽ phải tìm cách tốt nhất để chan hòa với những kẻ đã chinh phục. Chúng ta khôn ngoan hơn chúng nó nên nếu ta khéo ứng phó với chúng thì thế nào cũng vượt lên trên. Nước Pháp đã mục nát rồi. Chính bọn Do Thái và bọn nhà giàu quyền thế đã đẩy đất nước vào chỗ suy vong. Con cứ đọc báo thì khắc rõ!

- Bố tưởng con tin vào một lời nào trên báo đấy à? Bố thử nghĩ xem tại sao nó mang tờ báo ấy lại cho bố? Tại vì tờ báo ấy đã bán mình cho bọn Đức rồi. Lũ

Bát khuất

viết bài trên ấy rật phường phản bội, một lũ phản bội. Lạy trời con được sống đến ngày trông thấy người ta xé xác lũ chúng nó ra. Bọn bán nước bán rẻ lương tâm cho quân Đức. Lũ lợn!

Bà Périê bắt đầu mất điêm tĩnh.

- Làm gì mà mày cứ đáo để thù hận mãi thằng ấy? Nó có dùng vũ lực đoạt mày thật đấy, nhưng lúc ấy nó say rượu. Chuyện có phải lần đầu tiên ở đời xảy ra với đàn bà đâu, mà cũng chẳng phải là lần cuối cùng. Nó đánh cả bố mày, máu chảy be bét, nhưng bố mày có để bụng hiềm thù mãi đâu?

- Cái vụ ấy thật khó chịu, nhưng tao đã quên nó đi rồi, ông Périê bổ sung.

Annet phá lên cười ác nghiệt.

- Bố phải làm linh mục mới đúng. Bố tha thứ những sự xúc phạm với tinh thần đúng là của Chúa Ki-tô chay đạo.

- Thế thì có gì là sai nào? - Bà Périê giận dữ hỏi. - Thằng ấy nó đã làm mọi cách để sửa lỗi. May tháng vừa rồi bố mày đào đâu ra thuốc lá nếu không có nó? Nhà ta không bị đói là nhờ có nó.

- Nếu bố mẹ có chút lòng tự trọng nào, nếu bố mẹ có chút tư cách nào, thì bố mẹ đã quẳng những của bố thí ấy vào mặt hắn.

- Mày cũng được lợi trong chuyện ấy cơ mà, có phải không?

- Không bao giờ, không bao giờ.

- Như thế là nói dối, mà cũng thừa hiểu. Ừ thì mà từ chối, không chịu ăn phó mát, bơ và cá xác định nó đem tới. Nhưng mà ăn món xúp, mà ăn, không có chỗ dầu nó đem cho tao thì đời nào được trọn được béo như thế?

Annet thở dài. Cô lấy tay áp lên mắt.

- Con biết. Con đã cố nhịn, nhưng không chịu được, con đói quá. Vâng, con biết trong nồi xúp có thịt hắc cho mà con vẫn ăn xúp. Con biết món xa-lát trộn dầu của hắc. Con chỉ muốn khước từ, nhưng thèm khát quá! Không phải con ăn những thứ ấy đâu, đó là con thú phàm ăn nằm ở trong lòng con ăn đấy.

- Đằng nào thì mà cũng đã ăn.

- Ăn mà thấy xấu hổ, mà thấy tuyệt vọng. Đầu tiên chúng nó đánh gục chúng ta bằng xe tăng và máy bay, còn bây giờ chúng ta cam chịu cho chúng nó đánh gục tinh thần chúng ta bằng cách bỏ đói chúng ta.

- Con ạ, mà có làm như trong kịch thế cũng chẳng đi đến đâu. Mày có văn hóa là thế mà thực ra lại không biết suy xét. Hãy quên chuyện cũ đi, hãy cho đứa con của mày nó có cha, chưa kể đến việc có thêm một chân làm chân ăn đáng giá bằng hai người đi thuê. Biết suy xét là ở chỗ ấy.

Annet mệt nhọc nhún vai. Cả ba người lặng thinh.

Hôm sau Hanx đến. Annét vẫn mặt lung mày vực với hắc, chẳng nói cũng chẳng nhúc nhích. Hanx mỉm cười. Hắc nói:

- Cám ơn em không bỏ chạy khỏi anh.

- Bố mẹ tôi có mời anh đến nhưng lại đi xuống làng rồi. Thế cũng chả sao vì tôi muốn nói chuyện cho rõ nhẽ với anh. Ngồi xuống đi.

Hanx bỏ mũ cởi áo khoác ngoài ra và kéo một chiếc ghế lại bàn để ngồi.

- Bố mẹ tôi muốn tôi lấy anh. Anh khéo lăm, nào quà cáp, nào hứa hẹn, anh đã chinh phục được bố mẹ tôi. Bố mẹ tôi tin cả vào mấy tờ báo anh đem đến. Tôi muốn nói cho anh rõ là không bao giờ tôi lấy anh. Thật trước kia chưa bao giờ tôi ngờ rằng tôi lại có thể căm thù một con người đến mức như tôi căm thù anh.

- Để anh nói bằng tiếng Đức. Em đủ sức hiểu những gì anh sắp nói.

- Sao lại không đủ sức! Tôi đã từng dạy tiếng Đức. Hai năm trời tôi làm gia sư cho hai cô bé ở Xtugat.

Hắn bật ra tiếng Đức, còn cô gái vẫn tiếp tục nói tiếng Pháp.

- Anh không chỉ yêu em, anh thán phục em. Anh phục sự sắc sảo và duyên dáng ở em. Trong em có cái gì đó mà anh không thể hiểu nổi. Anh tôn trọng em. Ôi, giờ anh đã thấy là em không muốn lấy anh, ngay dù việc ấy không khó khăn gì. Nhưng Pie đã chết rồi.

- Không được nói đến anh ấy, - cô dữ tợn quát lên. - Không thì sẽ không còn ra gì nữa cả.

- Anh chỉ muốn nói với em là anh thông cảm với em về việc anh ấy chết.

- Không phải chết bình thường, mà bị bọn cai ngục Đức xử bắn một cách dã man.

- Có lẽ rồi mai đây em sẽ bớt đau khổ đi về chuyện anh ấy. Em biết đấy, khi người mà ta yêu chết đi, ta tưởng như không bao giờ qua được đau thương, nhưng rồi cũng nguôi đi dần dần. Thế thì nghĩ đến việc trả người cha cho đứa bé có phải tốt hơn không?

- Cho dù không có những chuyện khác đi nữa anh cứ tưởng tôi có thể quên được việc anh là người Đức, còn tôi là người Pháp à? Nếu anh không ngu ngốc như bọn Đức ngu ngốc thì anh đã nhận thấy rằng đứa trẻ mài mài là vết nhơ đối với tôi chừng nào tôi còn sống. Anh tưởng tôi không có bạn có bè à? Làm sao tôi dám nhìn thẳng vào mặt họ khi tôi đã có con với một tên lính Đức? Tôi chỉ cầu xin anh một điều: hãy để tôi yên thân với mối hổ nhục của tôi. Đi đi, đi đi, lạy Chúa, đi đi đừng bao giờ quay lại nữa.

- Nhưng đứa bé cũng là con của tôi. Tôi muốn có nó.

- Anh muốn? - Cô gái sững sốt thốt lên. - Đứa con hoang kết quả giây lát của cơn say rượu của anh có nghĩa lý gì đối với anh?

- Em không hiểu đấy thôi. Anh tự hào lắm, sung sướng lắm. Chính khi anh biết em sắp có con là anh hiểu ra anh đã yêu em. Thoạt đầu anh không thể tin được, điều ấy đến bất ngờ quá. Em có hiểu ý anh nói

không? Đứa trẻ sắp ra đời ấy đối với anh là mọi thứ trên đời. Ôi, anh không biết làm thế nào diễn tả được, nó làm xúc động lòng anh đến anh cũng không hiểu nổi mình nữa.

Annet nhìn hờn chầm chầm, một ánh lóe lả lùng xuất hiện trong mắt cô. Có thể gọi đây là ánh mắt đặc thăng. Cô bật tiếng cười ngắn.

- Tôi không biết cảm giác nào trong tôi mạnh hơn: sự căm thù thú tính của người Đức các anh hay là sự khinh bỉ tính đa cảm của các anh.

Dường như hờn không nghe thấy lời cô nói.

- Lúc nào anh cũng chỉ nghĩ đến thăng con.

- Anh nhất quyết rằng nó là con trai à?

- Anh biết thế nào cũng là con trai. Anh muốn ôm ấp nó và muốn dạy nó đi. Khi nó đã lớn hơn anh sẽ dạy nó tất cả những điều anh biết. Anh sẽ dạy nó đi xe, sẽ dạy nó bắn súng. Con suối nhà em có cá không? Anh sẽ dạy nó câu cá. Anh sẽ làm một người cha hân diện nhất trên đời.

Cô nhìn hờn bằng đôi mắt sắc lạnh. Mặt cô nghiêm nghị, bất động. Một ý định, một ý định gớm ghê đã hình thành trong đầu cô. Hanx mỉm nụ cười dễ mến với cô.

- Có lẽ sau khi em đã hiểu ra anh yêu quý thăng con đến mức nào thì em sẽ đâm yêu cả anh. Anh sẽ làm người chồng tốt cho em, người đẹp của anh à.

Cô gái không nói gì. Cô vẫn chỉ nhìn hờn chầm chầm, quàng quạng.

- Em không thể có một lời nhã nhặn nào với anh sao? Hắn hỏi.

Mặt cô gái đỏ tía lên, cô đan chặt hai tay vào với nhau.

- Những người khác có thể khinh bỉ tôi. Nhưng tôi, tôi sẽ không bao giờ làm điều gì để có thể tự khinh bỉ chính mình. Anh là kẻ thù của tôi, anh sẽ mãi mãi là kẻ thù của tôi. Tôi chỉ sống cốt để nhìn thấy ngày nước Pháp được giải thoát. Nó sẽ tới, có khi không phải sang năm hay năm sau nữa, có khi phải hơn ba chục năm, nhưng nhất định sẽ tới. Những người khác làm gì mặc họ, chứ tôi không bao giờ hòa hợp với bọn xâm lăng đất nước tôi được. Tôi căm thù anh, tôi căm thù đứa con anh đã áp đặt lên tôi. Phải, chúng tôi đã thua trận. Nhưng kết cục rồi các anh sẽ thấy là chúng tôi không chịu khuất phục. Giờ hãy đi đi. Tôi đã quyết rồi, không có gì trên trái đất này có thể thay đổi được.

Hanax im lặng mất một hai phút.

- Em đã đi khám bác sĩ chưa? Anh sẽ trả mọi phí tổn.

- Anh cứ tưởng là chúng tôi muốn lan truyền cái nỗi bêu riếu này khắp cả vùng hay sao? Mẹ tôi sẽ làm tất cả những việc cần thiết.

- Thế nhỡ xảy ra chuyện gì thì sao?

- Nhỡ nói gì, anh lo chuyện của anh đi thì hơn!

Hắn thở dài và đứng dậy. Hắn đi ra và đóng cửa lại. Cô nhìn theo dáng hắn đi theo con đường đất dẫn ra đường cái. Cô giật dữ nhận ra rằng một điều

hắn nói đã làm dâng lên trong lòng cô một cảm giác khác hắn với những cảm giác từ trước tới nay của cô đối với hắn. Cô bật ra lời:

- Ôi, lạy Chúa, xin Người cho con sức mạnh!

Rồi, trong khi hắn đang lui thuỷ đi; thì con chó, con chó già già đình cô nuôi lâu nay, chạy theo hắn sửa tới tấp. Mấy tháng trời Hanx đã cố làm thân với con chó, nhưng nó chưa bao giờ đáp lại những cố gắng của hắn cả: mỗi khi hắn toan vuốt ve con chó, nó lùi lại gừ gừ trong cổ và nhe răng ra. Lúc này thấy con chó đang chạy lại, và muốn trút cơn bức bối vì bị khước từ, Hanx co chân tàn nhẫn đá con chó một cú thật mạnh. Con chó bắn vào bụi và ăng ẳng lùi mất.

- Đồ thú vật, - Annét kêu lên. - Giả dối, giả dối, giả dối! Thế mà mình đã mềm lòng gần như thương hại hắn!

Annét bước lại soi vào tấm gương treo ở bên cạnh cửa. Cô lấy tư thế và mỉm cười với hình bóng của mình. Nhưng nụ cười lại hóa ra cái nhăn mặt như quỷ sứ.

Giờ đang độ tháng ba. Doanh trại đóng quân ở Xoatxông nhộn nhịp hoạt động. Hết thanh tra, kiểm tra lại luyện tập ráo riết. Rộ lên những lời đồn đại. Không còn nghi ngờ nữa, bọn Đức sắp được phái đi đâu đó, nhưng đám lính tron chỉ có cách đoán mò. Một số cho rằng bọn chúng phải sẵn sàng để đổ bộ vào nước Anh, số khác lại nghiêng về ý kiến phải đi vùng Bancang, số khác nữa lại nhắc đến Ucraina.

Hanx bận tíu tíu. Mãi cho đến nhiều chủ nhật hai tuần sau đó hǎn mới bứt ra để đến nông trại được. Hôm ấy trời xám lạnh, mưa giá như thế sấp chuyên thành tuyết rơi trong những trận gió đột ngột quay cuồng. Miền quê ảm đạm và tiêu điều.

- Cậu đã đến đây à? - Bà Périê thốt lên khi hǎn bước vào. - Chúng tôi cứ tưởng cậu đã chết rồi.

- Cháu không thể nào đến sớm hơn được. Chưa biết ngày nào nhổ quân. Ngày nào cũng sẵn sàng đợi lệnh.

- Đứa bé đã ra đời sáng nay rồi. Con trai.

Con tim Hanx như nhảy tung tung trong ngực. Hǎn quàng tay ôm lấy bà già Périê và hôn liên tiếp lên hai má bà.

- Một đứa trẻ sinh vào ngày chúa nhật, thể nào cũng may mắn. Phải mở chai sâm banh thôi. Annet ra sao rồi à?

- Nó vẫn khỏe như mọi người hằng mong. Sinh nở rất dễ dàng. Đêm qua nó bắt đầu đau đẻ, đến năm giờ sáng nay đã xong.

Ông già Périê đang ngồi sát bếp lò, miệng ngậm tẩu. Ông lặng lẽ mỉm cười trước sự phán khởi của Hanx. Ông nói:

- Ai có đứa con đầu lòng mà chẳng hân hoan! - Thằng bé nhiều tóc, màu sáng cũng như cậu.

- Mắt xanh giống cậu như cậu đã nói, - bà Périê nói. - Tôi chưa bao giờ trông thấy đứa bé nào đáng yêu đến thế. Rồi là giống bố lăm đấy.

Bát khuất

- Ôi, trời ơi, cháu hạnh phúc quá, - Hanx thốt lên. - Thế gian này đẹp đẽ nhường nào! Cháu muốn gặp Annet.

- Không biết nó có chịu gặp cậu không. Tôi không muốn làm phiền lòng nó sơ ảnh hưởng đến sữa.

- Thôi, thôi, bác đừng làm phiền lòng cô ấy chỉ vì cháu. Cô ấy không muốn gặp cháu thì thôi, chẳng sao cả. Nhưng để cháu nhìn thằng bé một chút.

- Để tôi xem nhé. Tôi sẽ tìm cách mang nó xuống đây.

Bà Périê đi ra. Có tiếng chân thình thịch của bà đi lên thang gác. Ngay sau đó lại nghe thấy tiếng chân bà tất tả chạy xuống. Bà ào vào gian bếp.

- Mẹ con nó không có trên ấy. Không thấy trên phòng. Con cũng biến đâu mất.

Ông Périê và Hanx cùng ối lên và không kịp suy nghĩ gì, cả ba người cùng chạy bươn lên gác. Ánh sáng gắt của buổi chiều mùa đông đổ lên những đồ đạc cũ kỹ, chiếc giường sắt, tủ quần áo rỉ tiền, tủ com-mốt, một cảnh tồi tàn thảm hại. Trong phòng không có ai.

- Nó đi đâu nhỉ? - Bà Périê gào lên. Bà chạy ra lối đi hẹp, mở các cửa và gọi to:

- Annet! Annet? Chao ôi, điên mất rồi!

- Hay là nó ở phòng ngoài.

Họ chạy xuống gác, tới phòng khách lâu nay không sử dụng. Cái lạnh lẽo táp vào họ khi họ mở cửa. Họ mở cả cửa nhà kho để tìm.

- Nó đi mất rồi. Chuyện gì đó khủng khiếp thế là đã xảy ra!

- Làm sao cô ấy đi ra ngoài được nhỉ? - Hanx nãu ruột vì lo lắng, hỏi.

- Qua lối cửa trước, cậu thật ngốc!

Ông Périê tiến lại cửa trước xem xét.

- Đúng rồi. Chốt bị tháo ra đây này.

- Ôi giờ ơi là giờ, điên mất rồi! - Bà Périê rên rĩ.

- Bệnh điên giết nó mất thôi!

- Ta phải tìm cho ra cô ấy, - Hanx lên tiếng. Theo thói quen, vì đây là lối hấn vẫn ra vào xưa nay, hấn chạy xuống bếp và hời ông bà chạy theo.

- Đi lối nào đây?

- Ra suối ngay, - bà già chợt hé tít lên.

Hanx chưng lại, như biến thành đá vì khủng khiếp. Hắn trân trân, nhìn bà Périê, như mất hết魂 vía. Bà Périê rên lên:

- Tôi sợ quá, tôi sợ quá!

Hanx đẩy tung cửa, thì vừa lúc đó Annet đi vào. Cô chỉ mặc độc chiếc áo ngủ và bên ngoài là cái áo choàng bằng lụa phong phanh, màu hồng có in nghiêng bông hoa xanh nhợt. Người cô ướt sũng, tóc rối bù bết vào đầu và xõa cả xuống vai thành những búi lấm láp. Da cô trắng nhợt như người chết. Bà Périê vùng chạy về phía cô và ôm chầm lấy cô.

- Con đi đâu thế? Ôi, con gái tội nghiệp của mẹ, con ướt hết cả mình mấy thế này. Điên dại quá!

Bát khuất

Nhưng Annet ẩy bà ra. Cô nhìn sang Hanx:

- Anh đến vừa vặn đúng lúc.

- Đứa bé đâu rồi? - Bà Périê kêu lên.

- Con phải hành động ngay. Con sợ nếu chần chờ thì không còn đủ can đảm nữa.

- Annet, con đã làm cái gì?

- Con đã làm cái con phải làm. Con ăn nó ra suối, dí nó xuống nước cho kỳ chết mới thôi!

Hanx rống lên tiếng rống của một con thú bị thương nặng chỉ còn chờ chết. Hai tay ôm lấy mặt, hổn láo đảo như kẻ say rượu nhào ra ngoài cửa. Annet trầm mình xuống ghế, đâu gục xuống, hai bàn tay nắm chặt, òa lên khóc thảm thương.

Lốt sư tử

Khá nhiều người sững sốt khi nghe tin đại úy Phorextor đã tử nạn trong một đám cháy rừng khi cố cứu con chó yêu của vợ vô tình bị nhốt trong nhà. Một số người nói họ không ngờ ông ta lại có hành động như vậy; số khác lại nói đó đúng là cái điều họ dự đoán được, nhưng cũng lời nói ấy được họ ngũ ý khác nhau. Sau cái sự việc bi thảm ấy, bà Phorextor nương thân tại biệt thự của cặp vợ chồng Hađy mà bà và chồng bà chỉ mới quen gần đây. Đại úy Phorextor không thích họ, ít ra là ông không thích Phret Hađy, nhưng bà nghĩ rằng già chồng bà qua khỏi cái đêm khủng khiếp ấy thì hắn sẽ thay đổi ý nghĩ về Hađy. Ông sẽ hiểu ra là trong Hađy có biết bao cái hay trái hắn với tiếng đồn, và vốn là một bậc chính nhân quân tử thực thụ, ông sẽ chẳng ngần ngại gì mà không thừa nhận sự ngộ nhận của mình. Bà Phorextor không thể tưởng tượng nổi làm sao bà có thể giữ được lý trí sau cái chết của một người đối với bà là tất cả trên thế gian này, nếu

không có lòng tốt tuyệt vời của gia đình Hadjy. Với nỗi đau buồn vô hạn của bà, thì sự cảm thông bất biến của họ là niềm an ủi duy nhất đối với bà. Họ, những người đã tận mắt chứng kiến sự hy sinh lớn lao của ông nhà, hơn ai hết biết rõ ông là một người tuyệt diệu như thế nào. Bà không bao giờ quên được những lời nói của Phrét Hadjy khi báo cái tin khủng khiếp ấy với bà. Chính những lời này giúp bà không những chịu đựng nổi cái tai họa nặng nề kia, mà còn giúp bà chống chịu lại cái tương lai cô quạnh với một lòng quả cảm mà bà biết con người can đảm ấy, bậc chính nhân quân tử cao thượng ấy, người mà bà yêu hết lòng ấy, hẳn sẽ phải ngậm cười.

Bà Phorextor là một người đàn bà rất dễ thương. Những người tốt bụng vẫn nói như thế về một người đàn bà khi họ không còn biết nói gì hơn, và điều ấy nên hiểu như một lời khen lạnh lùng. Tôi thì không muốn nói như vậy. Bà Phorextor đã chẳng kiêu diễm, xinh đẹp, cũng không thông minh; ngược lại, bà thô kệch, xấu xí và ngu ngốc; nhưng nếu bạn càng hiểu biết bà nhiều bao nhiêu thì bạn càng thích bà bấy nhiêu, để rồi khi được hỏi tại sao, bạn chỉ còn biết nhắc lại đây là một người đàn bà rất dễ thương. Bà cao bằng một người đàn ông trung bình, bà có cái mồm rộng và cái mũi khoằm to, cặp mắt cận thị xanh lơ và đôi tay to thô kệch. Da bà nhăn nheo và phôi pha nhưng bà tô son đánh phấn rất nhiều. Tóc bà để dài, được nhuộm thành một màu vàng óng, được uốn

cản thận và chải kỹ lưỡng. Bà đã làm mọi cái để làm giảm cái sắc thái đàn ông như ngoáo trong tướng mạo của mình, nhưng chỉ đạt đến cái mức như một anh kép kịch vui sắm vai đàn bà. Giọng bà là giọng nữ, nhưng bạn thường có cảm giác là, như ở cuối màn kịch, nó bỗng chuyển xuống giọng trầm, còn nếu có gỡ bỏ lớp tóc giả vàng óng kia thì sẽ trở ra cái mảng đầu hói đàn ông. Bà đã tiêu rất nhiều tiền về khoản quần áo ở những hiệu may thời thượng nhất Pari, nhưng dù rằng đã năm mươi tuổi đâu, bà vẫn có cái gu tai hại cứ thích chọn những trang phục thanh nhã trên người những cô gái mặc áo chiêu hàng mảnh để đạng đê xuân sắc. Bà đeo rất nhiều đồ trang sức đắt tiền. Dáng đi của bà vụng về, còn cử chỉ thì lóng ngóng. Nếu bà vào một phòng khách nơi có một bức tượng ngọc ngà đáng giá, thì thế nào bà cũng có cách cho nó lăn xuống sàn mới thôi, còn nếu bà dùng bữa với bạn và bạn có một bộ đồ ăn thủy tinh được nâng niu thì nhất định bà sẽ làm vỡ tan tành một chiếc cho mà xem.

Ấy thế nhưng cái vẻ ngoài vô duyên kia lại chứa chất một tâm hồn dịu dàng, lãng mạn đầy lý tưởng. Phải mất một thời gian bạn mới khám phá ra điều này, lần gặp đầu tiên bạn thấy tức cười vì diện mạo bà, rồi khi bạn đã biết bà rõ hơn một chút (và đã phải hứng chịu sự lóng ngóng của bà), bà ta làm bạn bực mình, nhưng khi bạn đã khám phá ra tâm hồn của bà, bạn sẽ thầm nghĩ sao mình lại ngổ đến nỗi mãi

không nhận ra điều ấy, bởi lẽ ngay từ đầu cái tâm hồn ấy đã nhìn vào bạn qua cặp mắt cận thị xanh lơ kia; có chiều rụt rè, nhưng với vẻ chân thực mà chỉ có những anh ngốc mới để sót. Lớp vải muxlin trang nhã và phin nõn oócgandi mát màu xuân kia, lớp lụa trong trắng kia phủ lên không phải một thân hình vụng về mà làn một tâm hồn thanh nữ tươi mát. Bạn sẽ quên rằng bà ta đã đánh vỡ đồ sứ của bạn và trông bà ta giống như một người đàn ông vận bộ đồ phụ nữ, bạn sẽ thấy bà ta như chính bà ta thấy mình, đứng như bà ta trong thực tế, chỉ cần nhìn rõ cái bản chất thực của bà, như một bé con xinh xắn có trái tim vàng. Khi đã nhận ra rồi, bạn thấy bà cũng đơn giản như một đứa trẻ; một sự chú ý nhỏ nào cũng làm bà cảm động biết ơn; lòng tốt của bà thì thật là vô tận, bạn có thể nhờ bà làm bất cứ điều gì, cho dù việc đó có khó nhọc mấy chăng nữa, và bà làm sốt sắng như thể chính bạn đang gia ơn cho bà một cơ hội để gắng sức vì bạn. Bà có một khả năng thương yêu không vụ lợi đến mức hiếm có. Bạn biết là không có một ý nghĩ không tốt hay ranh ma nào thoảng qua trong đầu bà. Và khi đã công nhận tất cả những điều ấy, bạn lại nhắc lại một lần nữa rằng bà Phorextor là một người đàn bà rất dễ thương.

Tiếc thay, bà cũng ngu ngốc thượng hạng. Bạn nhận biết điều này khi gặp chồng bà. Bà Phorextor là người Mỹ và đại úy Phorextor là người Anh. Bà sinh tại Pôtlân, bang Ôrêgon và chưa bao giờ sang châu

Ấu cho đến cuộc chiến tranh năm 1914. Lúc ấy người chồng thứ nhất của bà mới chết, bà gia nhập đội y tá, hộ lý và lên đường sang Pháp. Xét theo tiêu chuẩn dân Mỹ thì bà không giàu, nhưng theo tiêu chuẩn người Anh chúng ta thì bà khá dư dật. Qua cái cách sinh hoạt của hai vợ chồng bà, tôi đoán rằng bà có quãng chừng ba mươi nghìn đô la một năm. Nếu không kể việc bà lầm lẫn thuốc luôn, quần băng đến nỗi chúng đâm ra còn tệ hơn là vô dụng và đánh vỡ bất cứ đồ dùng nào có thể vỡ được, thì tôi tin chắc bà là một hộ lý cừ khôi. Tôi nghĩ là bà không ghê ngại một việc gì và sорт sảng làm ngay; dĩ nhiên bà không tiếc mình trong công việc và chắc chắn không bao giờ mất bình tĩnh. Tôi có cảm tưởng là có khá nhiều những kẻ tội nghiệp có lý do để tôn sùng sự dịu dàng nơi trái tim bà, và át hẳn có không ít kẻ đã bước vào bước cuối cùng vào cõi chưa biết, với sự dũng cảm đặc biệt nhờ có lòng thương người trong tấm lòng vàng của bà. Chính trong năm cuối của cuộc chiến tranh, đại úy Phorextor đã được bà chăm sóc và chẳng bao lâu sau khi hòa bình được lập lại, họ đã cưới nhau. Họ dọn đến ở một biệt thự xinh đẹp trên những ngọn đồi gần Cannor và trong một thời gian ngắn đã có tiếng trong các giới thời thượng ở Riviera⁽¹⁾. Đại úy Phorextor chơi bri-giơ giỏi và là một tay đánh

⁽¹⁾ Riviera: dải đất dọc bờ biển Địa Trung Hải của nước Pháp và ven vịnh Giannon ở bắc Italia, nơi thu hút nhiều khách du lịch vì cảnh đẹp và khí hậu tốt, Cannor là thành phố nghỉ mát nổi tiếng nằm ở vùng Riviera thuộc Pháp.

gôn-phơ thạo. Ông cũng là một đấu thủ ten-nít không tồi, ông có một chiếc thuyền buồm và trong dịp hè, ông bà Phorextơ lại cùng bạn bè tổ chức du lịch giữa các đảo. Sau mươi bảy năm chung sống, bà Phorextơ vẫn hết mực yêu ông chồng đẹp trai của mình, nên nếu bạn là người quen biết bà đã lâu thì thế nào cũng được nghe đầu đuôi câu chuyện tình duyên của họ qua cái giọng miền Tây ê a của bà.

- Tình yêu đến ngay từ cái nhìn ban đầu, - bà kể, - Anh ấy được đưa đến lúc tôi không phải phiêu trực, khi tôi vào thì thấy anh ấy trên một trong những cái giường tôi phụ trách, chao ôi, tôi thấy nhói trong tim như thể tôi đã làm việc quá sức và sắp kiệt sức. Anh ấy là người đàn ông đẹp nhất mà tôi trông thấy trong đời.

- Anh ấy có bị thương nặng lắm không?

- Kẻ ra anh ấy không bị thương. Thật là một chuyện kỳ lạ hết sức, anh ấy đã qua suốt cả cuộc chiến tranh có khi hàng tháng liền trong bom đạn, còn phải nói, anh ấy liều mình đến hai chục lần một ngày, anh ấy thuộc loại không biết sợ là gì, ấy vậy mà không bị đến một vết xước. Anh ấy bị đấm nhợt.

Có lẽ từ cái bệnh không lấy gì làm thô mong này mà đã nảy nở một sự quyết luyến sâu sắc. Bà Phorextơ khá là hay xấu hổ, nên dù chõ nhợt của đại úy Phorextơ làm bà rất quan tâm, lần nào bà cũng phải chặt vật mới cho bạn biết cụm nhợt ấy ở chõ nào.

- Chỗ nhọt ở tận dưới cùng của lưng, còn dưới nữa ấy, và anh ấy không ưa để cho tôi băng chỗ ấy. Người Anh quả là nhã nhặn hết sức, tôi đã nhiều lần ngầm thấy, còn anh ấy thì bị dǎn vặt ghê gớm. Lê ra trong tình cảnh như thế, nếu ông hiểu ý tôi nói, thì ngay từ đầu chúng tôi phải thân thiết với nhau hơn. Đằng này lại không thể. Anh ấy không cởi mở với tôi gì cả. Cứ mỗi lần đến giường anh ấy, tôi lại thấy khó thở và tim đập đến nỗi tôi không hiểu có chuyện gì xảy ra với tôi. Thường thì tôi có lòng ngóng như thế đâu, tôi chẳng đánh rơi đánh vỡ cái gì bao giờ, thế mà ông có tin được không, khi tôi đưa thuốc cho Rôbot thì nào đánh rơi thìa hay đánh vỡ cốc. Thật chịu không biết anh ấy nghĩ gì về tôi nữa.

Không thể không cười khi nghe bà Phorextor kể chuyện ấy. Bà cũng mỉm cười khá dịu dàng.

- Tôi cho là chắc ông lấy làm lạ lăm, nhưng ông ạ, tôi chưa bao giờ có cái cảm giác như vậy. Khi tôi lấy người chồng đầu thì ông ấy đã góa vợ, có con cái đã lớn, ông ấy là một người hay lăm và là một trong những công dân có tiếng nhất ở bang, nhưng mọi cái nay đều khác.

- Thế rồi làm sao bà lại nhận ra là bà yêu đại úy Phorextor?

- Ấy, tôi không dám bảo ông tin, tôi biết, nghe ra thì buồn cười lăm, nhưng có một cô hộ lý bảo với tôi thế, có nhiên là tôi thấy đúng như vậy. Lúc đầu tôi bồn chồn ghê gớm. Tôi có biết tí gì về anh ấy đâu.

Cũng như mọi người Anh, anh ấy rất ít nói, nhỡ anh ấy có vợ và đến nửa tá con cái rồi thì sao?

- Sau đây làm sao bà dò biết được anh ấy chưa có vợ con?

- Tôi hỏi anh ấy. Cái lúc anh ấy bảo tôi rằng anh ấy chưa vợ tôi mới quyết chí, dù muốn đến đâu thì đến, tôi sẽ lấy anh ấy bằng được. Anh ấy đau lấm, thật tội; ông thủ hình dung xem, gần như lúc nào anh ấy cũng phải nằm quay úp mặt xuống, nằm sấp như thế thật là cực hình, mà ngồi thì anh ấy không dám nghĩ tới. Nhưng tôi không tin rằng anh ấy đau khổ hơn tôi. Đàn ông người ta thích lụa là và những thứ mịn màng đóm dáng, chắc ông hiểu ý tôi nói, mà tôi trong cái hộ đồng phục của hộ lý thì nom thật bất tiện. Bà bệnh viện trưởng lại là một bà cô chưa chồng xứ Niu Inhlân⁽¹⁾ ghét cay ghét đắng son phấn trang điểm, mà ngày ấy tôi cũng có đánh son đánh phấn gì đâu; người chồng đầu của tôi không thích cái thứ ấy; với lại tóc tôi đâu có đẹp như bây giờ. Anh ấy hay nhìn tôi bằng đôi mắt xanh tuyệt diệu, tôi có cảm giác là anh ấy coi tôi trông không ra dáng lấm, anh ấy rất trầm mặc; tôi nghĩ tôi có bốn phần phải làm hết sức cho anh ấy vui lên, nên hẽ có dăm ba phút rảnh rang là tôi lại đến chuyện trò với anh ấy. Anh

⁽¹⁾ Niu Inhlân (New England - nước Anh mới), tên gọi sáu bang miền Đông Bắc nước Mỹ: Mên, Niu Hampsia, Vưmôn, Mátxachuxét, Rốt Allân, Connécíticót. Tên gọi này có từ thế kỷ 17 vì vùng này giống với bờ biển nước Anh.

áy bảo anh ấy day dứt với cái ý nghĩ là một gã khỏe mạnh tráng kiện như anh ấy mà lại nằm trên giường hết tuần này sang tuần khác, trong khi đồng đội đang ở ngoài chiến壕. Nói chuyện với anh ấy thế nào ông cũng nhận ra anh ấy thuộc loại người cảm nhận nỗi vui của cuộc sống không lúc nào mạnh mẽ bằng cái khi đạn rít chung quanh, mà cái khoảnh khắc sau đó có thể sẽ là cái khoảnh khắc cuối cùng trong đời. Sự hiểm nguy là kích thích tố đối với anh ấy. Chả giấu gì ông, khi tôi ghi nhiệt độ anh ấy vào phiếu theo dõi, tôi vẫn hay thêm một hai phần mươi độ vào để các bác sĩ tưởng anh ấy yếu hơn thật. Tôi biết anh ấy chỉ rình được xuất viện, và cho rằng không để anh ấy ra viện ngay thì chỉ là điều công bằng đối với anh ấy mà thôi. Anh ấy hay trầm ngâm nhìn tôi khi tôi nói, và tôi biết anh ấy mong đợi những dịp chuyện phiếm nho nhỏ ấy lắm. Tôi bảo anh ấy tôi đã góa chồng và không phải cảng đáng ai cả. Tôi bảo anh ấy tôi đang tính chuyện ở lại châu Âu sau chiến tranh. Dần dần anh ấy cởi mở hơn. Anh ấy không nói nhiều về mình, nhưng anh ấy đã bắt đầu đùa với tôi, ông biết đấy, anh ấy có khiếu hài hước lắm, đôi lúc tôi đâm nghĩ là dấu sao anh ấy cũng khá thích tôi. Cuối cùng người ta bảo là anh ấy đã bình phục. Thật ngạc nhiên, anh ấy mời tôi cùng đi ăn vào cái buổi tối cuối cùng ấy. Tôi xin bà bệnh viện trưởng cho nghỉ phép bằng được, thế là chúng tôi lên Pari. Ông không hình dung được là anh ấy trông hay đến mức nào trong bộ quân phục đâu. Tôi chưa thấy ai

nổi bật như vậy. Quý phái cho tới tận đầu ngón tay. Nhưng có điều này điêu kia khiến anh ấy không phấn khởi như tôi tưởng. Anh ấy nóng lòng ra trận.

- Sao hôm nay anh trông ủ ê thế? - Tôi hỏi anh ấy. - Xét cho cùng, mong muôn của anh đã được thực hiện rồi cơ mà.

- Anh biết, - anh ấy bảo. - Nếu hôm nay anh có hơi buồn thì em có đoán ra tại sao không?

Tôi không dám ngầm xem anh ấy muốn nói điều gì. Tôi nghĩ nói một câu đùa thì hay hơn.

- Em không thạo đoán cho lắm. - Tôi vừa nói vừa cười. - Nếu anh muốn em biết thì anh nói với em đi.

Anh ấy cúi nhìn xuống và tôi thấy anh ấy mắt bình tĩnh.

- Em tốt với anh vô kể. - Anh ấy nói. - Anh chẳng bao giờ đền đáp được lòng tốt của em. Em là người phụ nữ tốt đẹp nhất mà anh từng gặp.

Tôi bàng hoàng ghê gớm khi nghe anh ấy nói như thế. Ông biết đấy, người Anh lạ lùng lắm, trước kia anh ấy có khen tôi bao giờ đâu.

- Em chỉ làm những cái mà bất kỳ một hộ lý hiểu biết nào cũng đều làm, - tôi nói.

- Anh có còn gấp lại em nữa không nhỉ? - Anh ấy hỏi.

- Tùy ở anh đấy, - tôi nói. Tôi mong anh ấy đừng nhận ra giọng tôi run run.

- Anh chẳng muốn chia tay với em tí nào, - anh ấy bảo.

Khó khăn lắm tôi mới nói được nên lời.

- Có cần phải thế không? - Tôi nói.

- Chừng nào Quốc vương và đất nước cần, anh còn phải phụng sự.

Khi bà Phorextor kể đến đây, đôi mắt xanh lơ của bà đẫm lệ.

- Nhưng chiến tranh không thể kéo dài mãi được - tôi nói.

- Khi chiến tranh chấm dứt, - anh ấy đáp, - nếu như không có viên đạn nào kết liễu đời anh, thì anh sẽ chẳng có lấy một xu. Anh chẳng biết rồi sẽ xoay xở ra sao để sống. Em giàu lắm, còn anh thì nghèo rớt.

- Anh là một chính nhân quân tử Anh quốc, - tôi nói.

- Cái đó nghĩa lý gì nhiều một khi thế giới này đã được tạo ra cho nền dân chủ⁽¹⁾ - anh ấy cay đắng nói.

Suýt nữa thì tôi òa lên khóc. Tất cả những điều anh ấy nói sao mà hay thế. Tất nhiên tôi hiểu ý anh ấy. Anh ấy cho rằng hỏi tôi làm vợ thì không được danh dự cho lắm. Tôi biết, anh ấy thà chết còn hơn là để tôi có ý nghĩ rằng anh ấy săn tiền của tôi. Anh ấy quả là tuyệt vời. Tôi biết mình không xứng đáng với anh ấy, nhưng nếu tôi đã cần anh ấy thì phải mạnh dạn hành động.

- Cứ giả vờ là em không yêu anh say đắm thì thật không hay tí nào, bởi vì sự thật là thế, - tôi nói.

⁽¹⁾ "Thế giới này được tạo ra cho nền dân chủ" - lời nói của Tổng thống Mỹ Uyxson (W. Wilson) (1856-1924).

- Đừng làm cho lòng anh nặng nề thêm nữa, - anh ấy nói, giọng khàn khản.

Tôi nghĩ có thể chết được. Tôi yêu anh ấy quá chừng lúc anh ấy nói câu đó. Giờ thì tôi biết tôi phải làm gì. Tôi chìa tay cho anh.

- Anh sẽ lấy em chứ, Rôbốt? - Tôi nói rất giản dị.

- Élinor. - Anh ấy khẽ nói.

Rồi anh ấy kể anh ấy đã yêu tôi ngay hôm đầu gặp tôi. Lúc đầu anh ấy cứ nghĩ tôi là hộ lý bình thường nên định tính chuyện yêu đương, nhưng rồi phát hiện ra tôi không phải loại ấy mà là người cũng có tiền nên anh ấy đã phải nén tình yêu lại. Ông thấy đấy, anh ấy cho rằng không thể có chuyện hôn nhân ở đây được.

Có lẽ không có điều gì làm bà Phorextor sung sướng hơn cái ý nghĩ là đại úy Phorextor đã định tán tỉnh bà. Có lẽ chưa từng có người nào đưa ra những lời cầu hôn chót nhả với bà, cả đại úy Photextor cũng không làm điều ấy, nhưng chỉ nội một nhận thức là anh ấy đã nuôi một ý nghĩ như vậy, đối với bà đã là một nguồn hạnh phúc khôn nguôi. Khi họ đã lấy nhau, họ hàng của Élinor, những người phương Tây có đầu óc thực dụng, cho là ông chồng của bà nên đi làm chứ không nên sống bằng tiền của bà, thì đại úy Phorextor cũng nhất trí. Anh ấy chỉ bổ sung thêm như sau:

- Có những cái mà bậc chính nhân quân tử không thể làm, Élinor à. Còn mọi cái khác anh sẽ rất sung sướng được làm. Nói có ông trời, anh cũng không

quan trọng hóa cái chuyện ấy, nhưng đã làm dàn ông thì không thể dở ông dở thằng được, mẹ kiếp, mỗi người đều có ít nhiều nghĩa vụ trước giai cấp của mình, nhất là vào thời buổi này.

Êlinor nghĩ vì đất nước mà anh ấy đã liều thân ngoài sa trường đâm máu trong suối bốn năm ròng rã là quá đủ rồi, nhưng vì quá sĩ diện về ông chồng, tránh cho thiên hạ bàn tán rằng ông là kẻ đào mỏ, lấy bà chỉ vì tiền, nên bà cũng không phản đối nếu ông tìm được việc xứng đáng. Rủi thay, lại chỉ có toàn những công việc không oai phong cho lắm. Nhưng ông không hề lẩn tránh trách nhiệm của mình.

- Tùy ở em đây, Êlinor, - ông nói, - chỉ cần em nói một lời là anh chấp hành ngay. Cho dù cụ thân sinh của anh có phải lật mình dưới mồ khi thấy anh làm việc ấy, thì anh cũng dành chịu. Nghĩa vụ trước em là trên hết.

Êlinor mũi lòng không muốn nghe những lời như vậy nữa, nên dần dần cái dự định để ông đi làm đã biến đi. Ông bà Phoresto phần lớn thời gian trong năm sống tại biệt thự riêng ở Riviera. Họ rất ít khi sang Anh; Rôbort bảo rằng, kể từ sau chiến tranh, ở đây không phải là chỗ cho một bậc quân tử nữa, và tất cả đám anh em bạn bè tốt, những con người thực sự mà ông vẫn thường giao du cái hồi ông còn cùng "cánh nhà lính" ấy, đã hi sinh cả rồi. Ông chỉ thích sang Anh mùa đông, một tuần ba ngày đi săn bắn, đây mới đáng gọi là cuộc sống đối với một người đàn

ông, nhưng tội nghiệp cho Elino, bà sẽ mòn mỏi buồn chán lắm, nên ông không dám cầu xin ở bà một sự hy sinh như vậy, Elino đã sẵn sàng chịu bất cứ hy sinh nào, nhưng đại úy Phorextor lắc đầu. Ông cũng không còn trẻ nữa, cái thời săn bắn của ông đã lùi vào dĩ vãng. Ông hoàn toàn bằng lòng với cái việc nuôi nấng lũ chó nòi Siliom⁽¹⁾ và đàn gà Oócpinhthon⁽²⁾. Họ có khá nhiều đất, một căn nhà trên đỉnh đồi, trên bãi đất bằng, ba bề là rừng bao, mặt trước nhà là vườn. Elino nói là ông nhà sung sướng nhất những khi mặc bộ com-lê cổ xưa bằng vải tuýt đi dạo quanh cơ ngơi của mình với người coi chó săn kiêm trông con. Chính những lúc ấy trong ông hiện lên tất cả những thế hệ điền chủ tiền bối. Những câu chuyện không đứt giữa ông với người coi chó về các giống gà làm Elino cảm động và thấy ngô ngô, thật cứ như ông đang đàm luận về giống gà lôi với vị kiêm lâm trưởng của mình; còn giống chó Siliom ông chăm lo như chăm đàn chó săn, làm ai cũng có cảm tưởng là ông quen thạo với lũ chó săn từ hồi còn ở nhà. Cụ cố ba đời của đại úy Phorextor là một trong những tay ăn chơi nhất thời Nhiếp chính⁽³⁾. Chính cụ cố đã phá tán gia đình, bao nhiêu cơ ngơi đều phải bán hết. Họ Phorextor từng có một dinh thự lâu đài rất tuyệt ở

⁽¹⁾ Siliom: thuộc xứ Uênx, có loại chó chân ngắn vóc nhỏ.

⁽²⁾ Oócpinhthon: một thị trấn ở Kent, đông nam nước Anh.

⁽³⁾ Thời Nhiếp chính (1811-1820): Quận công xứ Uênx Gioócgis, sau này là vua Gioócgis IV, làm nhiếp chính cho vua cha Gioócgis III bị mất trí thường xuyên.

Srôpsia⁽¹⁾ suốt mấy thế kỷ và Élinor cũng thích đến đây ngắm một chút, tuy nó không còn thuộc về họ nữa, nhưng đại úy Phorextor bảo rằng nó chỉ gợi lên đau xót nên không đời nào ông đưa bà đến đây được.

Khách khứa vẫn thường hay lui tới gia đình Phorextor. Đại úy Phorextor là người sành rượu và vẫn hân diện về hầm rượu của mình.

- Ông cụ anh Rôbort rất có tiếng ở Anh về khẩu vị tinh tế, - Élinor nói, - nên anh ấy cũng thừa hưởng nó ở ông cụ.

Đa số bạn của họ là người Mỹ, người Pháp và người Nga. Nói chung, Rôbort cho rằng họ hay hơn người Anh, mà ông đã thích ai thì Élinor cũng thích người đó. Rôbort nghĩ rằng những người Anh không xứng tầm với họ. Đa số những người mà ông đã quen biết ngày xưa đều có chân trong các câu lạc bộ bắn súng, săn bắn và câu cá; những anh bạn xấu số ấy nay đã khuynh gia bại sản cả, và dù rằng, đội ơn Chúa, ông không phải là kẻ hơm mình, ông cũng không thể dung hòa được với ý nghĩ là vợ ông đánh bạn với cái lũ *nouveaux riches*⁽²⁾ mà chẳng ai biết đến tên tuổi. Bà Phorextor cũng không rành chuyện đó lắm, nhưng bà tôn trọng định kiến của ông và khâm phục sự khác thường đó ở ông.

- Tất nhiên anh ấy cũng có trái tính trái nết, - bà

⁽¹⁾ Một hạt ở vùng miền trung du Tây nước Anh, giáp giới với xứ Uênx.

⁽²⁾ *Nouveaux riches* (tiếng Pháp): bọn nhà giàu mới nổi, bọn mới phát.

nói. - Nhưng tôi nghĩ là có bốn phận phải chiều anh ấy. Biết được nguồn gốc xuất thân của anh ấy thì phải thấy là anh ấy có trái tính trái nết đi nữa cũng là lẽ tự nhiên. Suốt ngàn ấy năm làm bạn với nhau, chỉ có một lần tôi thấy anh ấy phát ý, là cái lúc ở casinô⁽¹⁾ có một anh chàng nhảy thuê tiến lại và mời tôi nhảy. Chỉ thiếu chút nữa là anh ấy nẹn anh chàng kia. Tôi bảo với anh ấy là anh chàng tội nghiệp kia chỉ hành nghề mà thôi, nhưng anh ấy bảo là không thể để cho cái đồ lợn chết tiệt ấy mời vợ anh nhảy được.

Đại úy Phorextor có một chuẩn mực đạo đức cao. Ông vẫn tạ ơn Chúa là không đến nỗi đầu óc hẹp hòi, nhưng vẫn phải có một ranh giới phân minh, cho nên dù có ở Riviera đi nữa, ông cũng không đàm đúm được với cái bọn nát rượu, bọn hoang toàng và bọn du đãng. Ông nghiêm khắc với thói tình dục phóng đãng và không cho Elinor đi lại với đám đàn bà có tai tiếng dì nghị.

- Anh ấy là một người đứng đắn hết mực, - Elinor nói, - một người thanh cao nhất mà tôi biết; nếu đôi lúc anh ấy cố chấp một chút thì cũng nên nhớ rằng anh ấy có bao giờ đòi hỏi ở người khác cái mà chính anh ấy không sẵn sàng tuân thủ đâu. Suy cho cùng, không thể không khâm phục một con người có những nguyên tắc cao quý như vậy và sẵn sàng bảo vệ nó bằng bất cứ giá nào.

⁽¹⁾ Casinô (casinô) gốc tiếng Italia, chỉ nơi vui chơi giải trí công cộng, có nhảy, có sòng bạc.

Khi nào đại úy Phorextor bảo với Élinor rằng người này người nọ, mà ai cũng coi là khá dễ chịu, không phải là pukkah sahib⁽¹⁾, thì cãi lại là vô ích. Bà biết rằng sự xét đoán của chồng là dứt khoát, nên bà sẵn lòng nghe theo. Sau gần hai mươi năm chung sống, bà dám chắc một điều, nếu không nói là nhiều hơn, rằng Rôbôrt Phorextor là kiểu mẫu hoàn thiện của một chính nhân quân tử Anh quốc.

- Không biết Thượng đế đã bao giờ tạo được một cái mẫu nào hơn thế không, bà nói.

Phải nói rằng đại úy Phorextor đúng là một kiểu mẫu quá ư hoàn thiện của bậc chính nhân quân tử Anh quốc. Ở cái tuổi bốn lăm (ông kém Élinor hai, ba tuổi), ông vẫn rất đẹp trai với mái tóc lượn sóng, điểm nhiều sợi bạc và có một bộ ria khá bảnh; ông có nước da dày dạn sương gió, khỏe mạnh của một người ở nhiều ngoài trời. Ông có vóc người cao lớn, hơi gầy và vai rộng, có chất lính từ đầu tới chân. Phong cách ông chân thật, không màu mè, tiếng cười to và cởi mở. Trong cách nói chuyện, cách cư xử, trong trang phục ông diễn hình đến mức可信. Ông mang nhiều nét của một bậc quân tử miền quê đến mức người ta liên tưởng đến một anh diễn viên thủ vai một cách xuất sắc. Nếu bạn trông thấy ông đi dạo dọc bờ biển, cái tẩu trên miệng, khoác chiếc áo vét bằng vải tuýt và đánh cái quần gôn, thì ông giống một nhà thể thao Anh quốc đến nỗi bạn phải sững

⁽¹⁾ Pukkah shlib (tiếng Ấn Độ): bậc tôn kính.

sốt. Cách nói chuyện của ông, cái lối ông vẫn giáo lý, tính chất hời hợt vô vị ở những lời ông phát biểu, cái vẻ ngờ nghênh có giáo dục đáng yêu của ông, tất cả đều rất đặc trưng cho một sĩ quan về hưu, khiến người ta vô tình nghĩ rằng ông đang làm trò.

Khi Élinor hay tin ông Phrêđêric Hađy và vợ đã thuê căn nhà năm ngay dưới chân quả đồi của họ, thì bà rất mừng rỡ. Thật dễ chịu cho Rôbôrt khi có được người cùng giai tầng làm chỗ láng giềng gần. Bà đã dò hỏi nơi bạn bè ở Cannor về Hađy. Thì ra ông Phrêđêric, sau khi ông chú chết mới đây, đã được thừa hưởng tước tòng nam và ở Riviera hai ba năm cho đến khi mãn hạn tang. Nghe nói lúc trẻ ông đã từng phóng túng một thời, nhưng khi đến Cannor ông đã ngoại ngũ tuần, già cảnh đề huề, với một bà vợ nhỏ nhắn dễ ưa và hai cậu con trai. Tiếc một điều là bà Hađy đã có thời là diễn viên, mà Rôbôrt lại hơi có thiên kiến đối với các diễn viên, tuy mọi người đều nói là bà ta rất đứng đắn, ra dáng phu nhân, không ai dám bảo là bà đã từng làm đào kép trên sân khấu. Ông bà Phorextor gặp bà lần đầu tại một tiệc trà mà ông Phrêđêric không tới dự. Rôbôrt phải thừa nhận rằng bà có vẻ là loại người rất lịch lâm, thế là Élinor, với mong muốn làm thân, đã mời họ tới dự một bữa cơm trưa. Họ đã định ngày. Gia đình Phorextor đã mời nhiều khách khứa đến để làm quen với ông bà Hađy, còn ông bà Hađy thì đến hơi muộn. Élinor thấy mến ngay ông Phrêđêric. Ông trông trẻ hơn là bà tưởng, trên mái tóc cắt ngắn của ông không có lẩy

một sợi bạc nào; khuôn mặt ông có cái gì đó trẻ con khá hấp dẫn. Vóc dáng ông nhẹ nhàng, không cao như Élinor; ông có đôi mắt sáng thiện và nụ cười tươi. Bà nhận thấy ông thắt cái cra-vát cẩn thận như cái mà Rôbôt thỉnh thoảng vẫn đeo; ông ta ăn mặc xoàng xĩnh hơn Rôbôt. Rôbôt của bà lúc nào trông cũng như từ tủ kính bày hàng bước ra, còn cách ăn vận của ông như thể không thành vấn đề gì nhiều. Élinor hoàn toàn có thể tin rằng thời trai trẻ ông cũng hơi phóng túng, nhưng không thấy phải lên án điều đó.

- Tôi phải giới thiệu nhà tôi với ông bà, - bà nói.

Bà gọi chồng, Rôbôt đang mải chuyện với một vài vị khách ngoài hiên nên đã không để ý thấy vợ chồng ông Hadry đã tới. Ông đi vào với cử chỉ cởi mở, thân tình và bằng vẻ phong nhã luôn chinh phục được Élinor, ông bắt tay bà Hadry. Rồi ông quay sang ông Phréderic. Ông Phréderic nhìn lại một cách băn khoăn.

- Chúng ta đã gặp nhau rồi thì phải? - Ông ta nói.

Rôbôt mặt lạnh lùng đáp lại:

- Tôi không cho là như vậy.

- Tôi dám cam đoan là khuôn mặt ông trông quen lắm.

Élinor cảm thấy mặt chồng mình đanh lại và nhận thức được ngay là có điều gì không hay nảy sinh ở đây.

Rôbôt cười to:

- Có thể thế này là quá khiếm nhã, nhưng điều chắc như đinh đóng cột là tôi chưa bao giờ thấy ông

trong đời. Cũng có thể ta đã chạm trán nhau ngoài mặt trận. Nhưng có thiếu gì những cuộc gặp gỡ đại loại như vậy? Bà Hađy, xin mời bà dùng cốc-tây.

Suốt bữa ăn Elinor để ý thấy Hađy cứ liếc nhìn Rôbort. Chắc là ông ta đang cố nhớ trong đầu. Rôbort đang bận tiếp các bà ngồi ở hai bên cạnh ông, nên không hay biết. Ông cố làm cho khách khứa vui vẻ, tiếng cười vang, ngân to của ông bay khắp phòng. Ông thật là một chủ nhà tuyệt diệu. Elinor luôn khâm phục cái ý thức về bốn phận xã hội của ông; cho dù các bà có thuộc loại chán ngắt đến đâu chăng nữa, ông vẫn chủ trì hết sức mình. Nhưng khi khách khứa đã ra về, tính vui vẻ tuột khỏi Rôbort cứ như cái áo lê tuột khỏi vai. Bà có cảm giác là ông bức dọc điều gì.

- Cái bà hoàng ấy chán quá hay sao? - Bà thân ái hỏi.
- Thật là cái đồ mèo già ranh ma, nhưng vẫn còn chịu được.
- Ông Phrêđeric bảo là có biết anh thì ngộ nhỉ?
- Anh chưa bao giờ để mắt đến lão ta trong đời. Nhưng anh biết rõ về lão. Ở địa vị em thì ít tiếp xúc với lão ta càng tốt, Elinor ạ. Anh cho lão ta không hoàn toàn bằng vai với ta được.
- Nhưng ông ta là dòng dõi một trong những dòng nam túc lâu đời nhất nước Anh, dòng ấy có tên ở trong quyển *Ai là ai*¹⁾.

¹⁾ Ai là ai (Whos Who): loại sách ghi sơ lược tiểu sử các danh nhân, yếu nhân đương đại, được xuất bản hàng năm.

- Lão ta là cái đồ xỏ lá mặt họng. Thật không ngờ là đại úy Hađy. - Rôbốt sửa lại, - cái gã Phret Hađy mà anh từng biết ngày xưa nay lại là ông Phrêđeric. Giá biết thì không đời nào anh lại cho em mời hắn đến đây như vậy.

- Sao vậy, anh Rôbót? Có thể nói em thấy ông ta rất hấp dẫn.

Lại một lần nữa Elinor nghĩ là ông chồng hơi vô lý.

- Nhiều phụ nữ đã thấy hắn ta hấp dẫn để rồi phải trả giá đắt.

- Anh biết thiên hạ người ta hay đặt điều ra sao rồi. Làm sao mà tin được mọi lời đồn.

Rôbót cầm lấy tay bà và nhìn thảng vào mắt bà một cách nghiêm túc.

- Elinor, em biết rằng anh đâu phải là loại người nói xấu người khác sau lưng, nên anh sẽ không nói cho em biết những gì anh biết về Hađy, anh chỉ yêu cầu em chấp nhận một điều là hắn ta không phải loại người tốt để có thể quan hệ.

Đó là một lời kêu gọi mà Elinor không thể quay mặt làm ngơ được. Bà xúc động thấy Rôbót đặt một niềm tin như vậy ở bà; vào những giờ khắc quyết định, ông biết là chỉ cần kêu gọi đến sự chung lòng của bà, bà sẽ không để ông thất vọng.

- Về sự đúng đắn hết mực của anh, anh Rôbót ạ, - bà đáp nghiêm túc, - thì không ai biết rõ hơn em. Em biết nếu có thể được thì anh đã kể cho em nghe rồi, nhưng bây giờ giá anh có muốn kể em cũng không

Lời sứ tử

cho; bởi vì thế chẳng hóa ra em tin anh ít hơn anh tin em hay sao? Em sẽ tuân theo lời xét đoán của anh. Em hứa là vợ chồng Hađy sẽ không bao giờ bước qua cửa nhà ta nữa.

Nhưng Elinor vẫn thường đi ăn một mình những khi Rôbót bận chơi gônfa, và rất hay gặp vợ chồng Hađy. Bà rất lạnh nhạt với ông Phrêdêric, vì một khi Rôbót đã không ưa ông ta thì bà cũng phải có thái độ như vậy, nhưng ông ta thì lại hoặc là không để ý thấy điều ấy hoặc là bất cần. Ông vẫn lịch thiệp với bà và bà thấy vẫn dễ gần ông như trước kia. Khó mà không thích một người đàn ông vẫn thường công nhiên cho rằng đàn bà có hay đến mấy cũng vẫn là đàn bà, ấy vậy mà vẫn rất nhã nhặn và có phong thái dễ chịu như thế. Có lẽ ông ta chẳng phải loại người đáng có quan hệ, nhưng vô tình bà vẫn thấy thịnh thích cái nhìn ở cặp mắt nâu của ông ta. Đó là cái nhìn giễu cợt buộc người ta phải dè chừng, mà vẫn rất âu yếm khiếp người ta không dám nghĩ điều gì không tốt trong đó. Nhưng càng nghe nói về ông ta, Elinor càng nhận thức rõ Rôbót có lý biết bao. Ông ta là thằng đếu cảng vô luân. Người ta có nhắc đến tên những người đàn bà đã hy sinh hết thảy cho lão và rồi bị lão bỏ rơi thảng thùng lúc đã chán. Hình như bây giờ ông ta có khuôn phép hơn, để tâm hơn vào vợ vào con; nhưng con báo có đời nào lại thay được những vết đốm trên da? Chỉ có thể là bà Hađy phải chịu đựng nhiều hơn người ta tưởng.

Phret Hađy là một tay xấu. Gái đẹp, bài bạc⁽¹⁾, lại còn cái tật tai hại chuyên đánh cá ngựa thua, đã đẩy hắn ta ra tòa vì vỡ nợ khi mới hai mươi lăm tuổi, và buộc phải xuất ngũ. Lão chẳng thấy xấu hổ gì khi mặc nhiên để cho những người đàn bà chẳng còn trẻ trung gì nữa, những người không cưỡng được vẻ hấp dẫn của lão cung phụng cho lão. Khi chiến tranh nổ ra, lão lại tái ngũ vào trung đoàn cũ và đã được tặng huân chương "Phục vụ xuất sắc". Rồi lão sang Kênia, ở đó lão sinh chuyện và cùng liên danh với bị cáo trong một vụ kiện đòi ly dị náo động, lão rời Kênia vì một số chuyện rắc rối quanh một tấm ngân phiếu. Cái ý niệm ở lão về sự chính trực thật lồng leo. Mua ô tô hay mua ngựa ở lão thật là mạo hiểm, còn rượu sâm banh mà lão nồng hậu chào mời thì tốt hơn hết là nên từ chối. Khi lão đem vé lôi cuốn của mình ra để mời bạn cùng tham gia một cú áp phe có thể làm giàu cho cả bọn lẫn lão ta, thì cứ tin chắc rằng lão có thu hồi về bao nhiêu đi nữa, bạn sẽ chẳng thu được gì cả. Lão đã lần lượt làm, tay buôn ô tô, kẻ buôn bán cổ phần rong, nhân viên bán hàng ăn hoa hồng và diễn viên. Giá trên đời này có ít nhiều công lý thì chắc lão phải chết rũ, nếu không trong tù thì cũng ngoài cống rãnh đâu đó. Ấy thế nhưng nhờ bởi một trong những trò trớ trêu kỳ quái của số mệnh mà sau khi đã thừa hưởng tước tòng nam và một thu nhập kha khá, sau khi đã lấy một phụ nữ xinh xắn, thông

⁽¹⁾ Nguyên văn: chemin de fer (tiếng Pháp, nghĩa đen là đường sắt) tên một trò đánh bài của Pháp.

minh làm vợ lúc đã qua cái tuổi bốn mươi, để rồi bà ta đằng thăng để cho hai đứa trẻ khỏe mạnh và khéo khinh, sự phong lưu, địa vị và sự kính trọng. Đối với cuộc sống, chưa bao giờ lão có thái độ nghiêm túc hơn thái độ của lão đối với đàn bà, và cuộc sống cũng tử tế với lão chẳng khác nào đàn bà tử tế với lão. Nghĩ về dì vắng, lão thấy kiêu hanh; lão đã sống một thời oanh liệt, lão khoan khoái với những thăng trầm của mình, còn bây giờ với sức khỏe tốt và lương tâm sạch sẽ, lão sửa soạn làm một điền chủ an cư lạc nghiệp, và, mẹ kiếp, nuôi dạy lũ nhóc đúng cái cách cần phải nuôi dạy; chờ khi cái thăng già thay mặt cho khu vực bầu cử của lão về châu tổ, úi chà chà, thì chính lão sẽ bước vào nghị viện.

- Ở đó tôi có thể nói với thiên hạ một điều mà họ không biết, - lão nói.

Có thể lão nói đúng, nhưng lão lại không này được ra cái ý nghĩ là chắc gì người ta đã muốn biết những điều ấy cho lầm. Một buổi chiều, quang mặt trời lặn, Phrét Hady bước vào một cái quán bên đường Croazet chạy ven biển. Vốn thích giao thiệp và không thích uống rượu một mình, nên lão nhìn quanh xem có ai quen không. Mắt lão bắt gặp Rôbót đã chơi gônfa xong và đang đợi Élinor.

- È, Bốp, có định làm tí túu không?

Rôbót rùng mình. Ở Riviéra không ai gọi ông là Bốp⁽¹⁾ cả. Khi đã nhận ra người nói, ông đáp lạnh lùng:

⁽¹⁾ Bốp là tên gọi suông sã, thân mật của Rôbót.

- Tôi đã uống rồi, cảm ơn.

-Ìì làm thêm chút nữa. Bà xã nhà tôi đâu có tán thường chuyện tôi uống trước bữa ăn, nhưng hễ lùi được là tôi thường chui vào đây và làm một chén quāng giờ này. Tôi không biết cậu nghĩ thế nào, chứ theo tôi, Thượng đế đã tạo ra sáu giờ chiều để cho anh đàn ông có dịp nhâm nháp chút đỉnh.

Lão ném người xuống cái ghế da to cạnh Rôbót và gọi người hầu bàn. Lão ban cho Rôbót nụ cười hiền lành, dễ mến.

- Thẩm thoát thoi đưa, kể từ cái dạo ta mới gặp nhau, chả mấy chốc mà đã thành lâu rồi đấy nhỉ, cha nội?

Rôbót, mặt hơi cau lại, ném sang lão một cái nhìn mà người ngoài có thể mô tả là cái nhìn cảnh giác.

- Tôi không hiểu ông định nói cái gì. Theo chõ tôi biết chắc chắn thì ta mới gặp nhau lần đầu cách đây quāng ba bốn tuần khi ông cùng bà nhà có nhã ý lại chơi và ăn cơm với chúng tôi.

- Thôi đừng giờ cái giọng ấy ra nữa, Bốp. Tôi biết là đã gặp cậu hồi trước. Tôi cứ vắt óc nghĩ mãi rồi mới sực nhớ ra. Cậu đã làm cái nghề lau rửa xe ở ga-ra phố Bruton, nơi tôi vẫn thường để xe ấy mà.

Đại úy Phorextor phá lênh cười thích thú.

- Xin lỗi, ông nhầm đấy. Tôi chưa bao giờ được thấy chuyện buồn cười đến thế.

- Trí nhớ tôi tốt hết ý, vì tôi chưa bao giờ quên một khuôn mặt nào. Tôi đánh cuộc là cậu cũng chưa

quên tôi. Nhiều lần tôi trả cho cậu đồng nửa cu-ron để cậu tha chiếc xe từ nhà tôi đến gara những lúc tôi không muốn mất thì giờ tự tay lái nó.

- Ông chỉ rặt nói chuyện ba láp. Tôi chưa lần nào gặp ông trong đời cho tới tận hôm ông tới nhà tôi.

Hadry toé tì miệng cười vui vẻ.

- Cậu hẵn còn nhớ tôi là tay chơi máy ảnh Kôđắc đã lâu. Tôi còn những tập an-bom ảnh mà tôi đã chụp. Chắc cậu đến phải ngạc nhiên nếu biết là tôi đã tìm thấy một pô ảnh cậu đang đứng cạnh chiếc xe hai chỗ ngồi tôi vừa mới mua. Cái hồi ấy trông cậu đẹp trai bỏ xù, tuy cậu mặc bộ quần áo lao động và mặt mũi không được sạch sẽ cho lắm. Giờ cậu đã to ra, tóc đã bạc đi, lại có thêm bộ ria, nhưng cũng vẫn là thằng cha ấy. Không trượt đi đâu được.

Đại úy Phorextor lạnh lùng nhìn lão.

- Chắc hẵn có sự giống nhau ngẫu nhiên nào đó làm ông trông nhầm. Những đồng nửa cu-ron là ông cho người nào ấy chứ, đâu phải tôi.

- Thôi được, nếu anh không phải là tay rửa xe ở ga-ra Bruton thì anh ở đâu quãng giữa năm 1913 và 1914?

- Tôi ở Ấn Độ.

- Cùng với trung đoàn của anh! - Phret Hadry lại nhẹ răng cười khì, hỏi.

- Tôi săn bắn.

- Nói phét.

Mặt Rôbort đỏ tía lên.

- Đây không phải là chô để ấu đả, nhưng nếu ông cứ nghĩ rằng tôi sẽ đứng dậy để hứng những lời lăng mạ từ một con lợn say mềm như ông, thì ông nhầm đấy.

- Cậu có thích nghe những điều khác tôi biết về cậu không? Khi đã hồi tưởng thì chuyện này chuyện khác cứ theo nhau hiện về, nhớ ra nhiều lắm.

- Tôi không quan tâm đến chuyện của ông làm gì. Tôi đã bảo ông là ông đã nhầm to rồi. Ông lắn tôi với một người nào đó.

Những lão vẫn chưa rục rịch muối đi.

- Ngay cái hồi ấy cậu cũng phát phơ lắm. Tôi còn nhớ một lần tôi định về quê sớm, tôi dặn cậu sửa soạn ô tô trước chín giờ, nhưng rồi ô-tô vẫn chưa xong, tôi làm om lên, thế là cụ Thômxon bảo với tôi: bố cậu với cụ là chô bạn bè với nhau nên cụ mới thương tình lấy cậu vào làm vì cậu đã hết kế sinh nhai. Bố cậu hầu rượu ở cái câu lạc bộ nào tôi quên mất rồi, Oaitor hay Brúcxơ gì đó, còn cậu làm cái chân bé con chạy điếu đóm chứ đâu. Rồi cậu ghi tên vào trung đoàn cận vệ Cônđơxtririm nếu tôi nhớ không nhầm, sau có một lão nào đó lôi cậu ra và cho làm thằng hầu.

- Thật hoang đường quá sức, - Rôbát khinh bỉ nói.

- Ô, tôi còn nhớ hồi về nhà nghỉ phép, có một lần đến chô ga-ra, cụ Thômxon có kể với tôi là cậu đã sung vào Quân đoàn hậu cần. Cậu không muốn mạo hiểm hơn, phải không cha nội? Những câu chuyện

mà tôi nghe được về sự gan dạ của cậu ngoài chiến hào cũng có hơi bốc, có đúng không nào? Ít ra thì cậu cũng được phong quân hàm sĩ quan, hay cũng lại chuyện phía nốt?

- Tất nhiên tôi được phong quân hàm.

- Chà, ngày ấy thiếu gì những kẻ ba vạ cũng được phong, nhưng cha nội ơi, nếu đây là Quân đoàn hậu cần, thì ở địa vị cậu tôi sẽ không đời nào đi đeo cái cra-vát cận vệ.

Đại úy Phorextor theo bản năng đặt tay lên cái cra-vát. Phrét Hađy ngắm ông với cặp mắt giễu cợt, cầm chắc rằng dù nước da Rôbót có sạm nắng nó vẫn cứ trắng bệch ra như thường.

- Tôi đeo cái cra-vát nào thì can hệ gì đến ông?

- Đừng cáu kỉnh, cha nội. Lòng vó lên phỏng có tích sự gì. Tôi biết chuyện cậu, nhưng có định làm lộ tẩy cậu đâu, vậy làm sao cậu không nhận toẹt đi cho rồi

- Tôi chẳng có gì để nhận toẹt ra cả. Tôi nói với ông rằng đây là một sự nhầm lẫn ngu xuẩn. Và xin tuyên bố với ông là nếu ông cứ lan truyền những chuyện nhảm nhí như vậy về tôi, tôi sẽ kiện ông về tội vu khống.

- Dẹp nó lại, Bốp, tôi không định lan truyền gì cả. Để làm gì kia chứ? Tôi chỉ nghĩ toàn bộ sự việc khá là ngộ. Tôi không có ác ý gì với cậu. Tôi cũng đã từng lang bat kỳ hô lăm phen. Xin phục cậu ở cái điểm tháu cáy phi thường này đấy. Bắt đầu là một cậu bé

điều dom, rồi đăng lính, làm thằng hầu và chán rủa ô-tô, thế mà bây giờ cậu đã là một bậc quân tử nổi bật, có nhà cao cửa rộng, tiếp đai toàn các vị tai to mặt lớn ở Riviéra, giật giải đấu gônfo, làm phó chủ tịch câu lạc bộ bơi thuyền, không biết cậu còn làm những gì nữa. Ở Cannø này cậu có vai vế rồi. Thật phi thường. Tôi cũng đã có thời làm những việc động trời, nhưng cái ý chí của cậu thì..., xin ngả mũ trước cha nội.

- Tiếc là tôi không xứng đáng với lời khen của ông. Bố tôi phục vụ trong đơn vị kỵ binh Ấn Độ và ít nhất tôi sinh ra đã là bậc quân tử. Tôi có thể không có sự nghiệp công danh xuất sắc lắm, nhưng không có gì để hổ thẹn cả.

- Thôi đi, Bốp. Cậu biết đấy, tôi không hở chuyện này ra đâu, kể cả với bà xã nhà tôi. Tôi không bao giờ kể lể với đàn bà điều gì mà họ chưa biết. Cứ tin ở tôi, tôi có nhẽ còn lâm vào những cảnh ngộ éo le rắc rối hơn nhiều, nếu tôi không đặt cái ấy thành quy tắc cho mình. Tôi cứ nghĩ, cậu sẽ cảm thấy sung sướng được có bên cạnh một người mà cậu có thể trở về với chính mình những khi chỉ có anh ta. Lúc nào cũng giữ gìn giấu giếm có căng đầu óc không chứ? Cậu cứ giữ kẽ với tôi thì thật ngốc. Tôi cũng không hơn gì cậu đâu, cha nội ạ. Bây giờ quả tôi có là tòng nam tước và diền chủ thật, nhưng cũng từng rơi vào những tình thế gay cấn mà giờ đây tôi cũng phải ngạc nhiên là đã không bị tóm cổ vào tù.

- Cái ấy thì nhiều người cũng phải ngạc nhiên.

Lời ư tư

Phrét Hađy phá lén cười ha hả.

- Xin chịu cha nội thật. À mà này, tôi nói cậu đừng giận nhé, tôi nghĩ cậu bảo với vợ rằng tôi không phải là hạng người tốt để có thể đi lại với nhau thì có hơi quá lời đấy.

- Tôi không nói như thế bao giờ.

- Ô, không, cậu có nói. Bà ấy là loại gái già hết chê, chỉ có điều hơi béo lèo một tí thôi, hay là tôi nhầm?

- Tôi không có ý định đem vợ tôi ra bàn với một người như ông, - đại úy Phorextơ lạnh lùng đáp.

- Ấy, đừng có ra dáng quân tử phong nhã thái quá ra với tôi, Bốp ạ. Ta cùng cảnh vô công rồi nghề cả, chỉ có thể thôi. Những lần sau ta có thể cùng nhau giết thì giờ một cách êm vui, chỉ cần cậu có đầu óc suy xét hơn một chút. Cậu là đồ nói dối, đồ bịp bợm, đồ mạo nhận, nhưng cậu rất đúng mực đối với vợ, thế là đáng trọng rồi. Vợ cậu mê cậu như điếu đổ, có phải không? Đàn bà thật là lạ. Bà ấy là một người đàn bà rất dễ thương, Bốp ạ.

Mặt Rôbôt đỏ rực, ông nắm chặt tay thành quả đấm và hơi chồm dậy khỏi ghế.

- Đồ chết tiệt, câm ngay chuyện vợ tao đi. Nếu ông còn nhắc đến chuyện vợ tôi nữa thì tôi sẽ ném ông gục tại đây bây giờ.

- Ấy chết, không thể xử sự thế được. Cậu là một bậc chính nhân quân tử vĩ đại như vậy, đời nào lại đánh một gã nhỏ mọn hơn mình.

Hady nói những lời trên một cách nhạo báng, đồng thời quan sát cầm chừng Rôbót, sẵn sàng né mình nếu quả đấm đồ sộ kia giáng xuống. Lão sững sốt vì hiệu quả lời nói của lão. Rôbót ngồi phịch xuống ghế và duỗi nắm tay ra.

- Ông nói phải. Chỉ có loại súc vật hèn hạ mới lợi dụng cái đó.

Lời đáp có tính chất sân khấu đến nỗi Phrét Hady bật cười khúc khích. Nhưng rồi lão thấy kẻ kia không đùa. Hắn hết sức nghiêm túc. Phrét Hady không phải là thằng ngốc; lão khó có thể sống suốt hai mươi lăm năm bằng những nguồn vật chất không được minh bạch cho lăm nếu như lão thiếu sự khôn ngoan. Lúc này, còn trong cơn bàng hoàng, chăm chăm nhìn con người to lớn hùng mạnh kia, kẻ trong giống hệt một vận động viên thể thao Anh quốc điển hình, lão chợt hiểu ra rằng, đây không phải là một tay bìp tăm thường quyền rũ một người đàn bà đàn đ頓 để sống trong xa xỉ và an nhàn. Bà ta chỉ là một công cụ để đạt đến một mục tiêu lớn hơn. Hắn bị cuốn hút bởi một thứ lý tưởng mà để theo đuổi nó, hắn không từ một mánh khóe nào. Có thể ý nghĩ ấy đã nảy sinh khi hắn còn là một cậu bé điếu đóm ở một câu lạc bộ sang trọng, mà hội viên ở đó, với vẻ nhàn hạ thư thái, với phong cách thoải mái rất hấp dẫn đối với hắn; rồi sau này khi là người lính, khi là thằng hầu, khi là tay rửa xe nhiều người mà hắn gặp ở trong đời thuộc một thế giới khác, hắn nhìn họ qua màn sương thần tượng, lòng tràn ngập sự kính phục và ghen tỵ.

Hắn muốn được như họ. Hắn muốn là một người trong số họ. Đó chính là cái lý tưởng đeo đuổi tâm trí hắn. Hắn muốn - quả là lố bịch, quả là khiên cưỡng - hắn muốn làm một bậc chính nhân quân tử. Chiến tranh và cấp bậc sĩ quan mà nó đem lại đã cho hắn một cơ hội. Tiên Elino là phương tiện. Cái quân khốn khổ ấy đã hai mươi năm đóng giả một nhân vật quý phái, mặc dù cái giá trị duy nhất của sự quý phái là ở chỗ không phải đóng giả. Thật vừa lố bịch, vừa khiên cưỡng. Vô tình Phret Hadj thốt thành lời cái ý nghĩ xuyên suốt trí óc lão.

- Tôi nghiệp thằng cha, - lão nói.

Phorextor dòm nhanh sang lão. Hắn không hiểu được lời nói ấy ngũ ý gì cũng như cái giọng thốt ra. Hắn đỏ mặt.

- Ông nói có ý gì?

- Ô, không, không có ý gì cả.

- Tôi nghĩ chúng ta cứ tiếp tục câu chuyện thế này thì thật vô nghĩa. Hiển nhiên là tôi không dùng cách thuyết phục ông là ông lầm. Tôi chỉ có thể nhắc lại là không có lấy lời nào đúng sự thật trong đó. Tôi không phải là cái kẻ mà ông tưởng.

- Thôi được, cha nội, tùy ý muốn thế nào cũng được.

Phorextor gọi người hầu bàn.

- Trả tiền cả cho ông nữa chứ? - Ông ta hỏi giọng lạnh tanh.

- Vâng, cha nội ạ.

Phorextor tỏ ra đĩnh đạc đưa tiền cho người hầu

bàn và bảo cầm cả lấy, đoạn không nói thêm một lời, không nhìn Phret Hađy thêm một lần nào nữa, oai vệ bước ra khỏi quán.

Họ không gặp lại nhau cho đến cái đêm mà Rôbót Phorextơ lâm nạn.

Đông qua để xuân tới, vườn tược Riviera rực rõ khoe màu. Các sườn đồi sắc sỡ những loại hoa dại. Xuân đi cho hè về. Trong các thành phố dọc Riviera phố xá bị ngột bởi cái nóng chói chang, day dả làm máu chảy rần rật; phụ nữ đi dạo trong bộ py-gia-ma và cái mũ rơm rộng vành. Bãi biển chật ních người. Đàn ông mặc quần tắm, đàn bà người gần như trần truồng nằm dưới ánh mặt trời. Buổi tối, các quán trên đường Croazét nêm chặt một đám đông nhốn nháo, lao xao, nhiều màu sắc chẳng kém gì hoa xuân. Đã hàng tuần liền trời không mưa. Có một vài đám cháy rừng xảy ra dọc bờ biển, và Rôbót Phorextơ, bằng cái lối vui đùa của mình, một vài lần nói rằng nếu khu rừng chõ họ ở cháy thì cũng chặt vật chứ chẳng chơi. Một vài người khuyên ông chặt bớt dăm ba cây phía sau nhà, nhưng ông không chịu. Khi ông bà đậu nơi này thì cây cối còn trơ trọi, nhưng dần dần họ chặt bỏ cành khô, diệt trừ sâu bọ thì chúng mới tươi tốt như ngày nay.

- Chặt đi một cây thì khác nào như chặt một cái chân của mình vậy. Chúng hầu hết cũng xấp xỉ trăm tuổi cả rồi đấy.

Ngày mươi bốn tháng bảy, ông bà Phorextơ đi dự

tiệc hội hè ở Môngtê Cáclô⁽¹⁾, còn đám thuộc hạ thì được thả cho đi Cannø. Hôm ấy là ngày quốc khánh, ở Cannø người ta tổ chức khiêu vũ ngoài trời dưới những cây ngô đồng, có pháo hoa, nên dân chúng xa gần đều kéo đến vui chơi. Gia đình Hađy cũng cho kẻ hầu người hạ được đi chơi. Còn họ thì ngồi nhà, hai đứa trẻ nằm trên giường, Phrét đánh bài payxiên một mình, bà Hađy thì loay hoay làm đệm ghế bành. Bỗng có hồi chuông réo và có tiếng gõ mạnh.

- Đồ khỉ gió nào thế?

Hađy ra mở cửa và trông thấy một thằng bé. Thằng bé nói đám cháy đã bùng lên ở cánh rừng nhà Phorextơ. Một số người trong làng đến, đang dậy; nhưng họ cần thêm người giúp, và ông nên đến.

- Tất nhiên, tao sẽ đến. - Ông với vã quay vào bảo vợ. - Đánh thức lũ trẻ dậy cho chúng ra xem đám cháy. Bỏ mẹ thật, sau cái đập hanh khô thế này nó cháy phải biết.

Ông lao bổ đi. Cậu bé nói với ông là người ta đã gọi điện cho trạm cảnh sát và họ sẽ cử người đến. Có người đã nói dây với Môngtê Cáclô và báo cho đại úy Phorextơ biết.

- Phải mất một giờ ông ấy mới về được đến đây, - Hađy nói.

Vừa chạy, họ vừa trông thấy quang sáng rực trên

⁽¹⁾ Môngtê Cáclô: Thành phố thuộc hầu quốc Mônaca, nằm ở dải đất Riviera thuộc Pháp.

trời; khi lên tới đỉnh đồi họ thấy những ngọn lửa đang liếm mạnh. Nước không có nên cách duy nhất là cố dập dùi chúng. Có một số người đang làm việc đó. Hađy nhập vào với họ. Nhưng chưa kịp dập lửa ở bụi cây này thì bụi khác đã bắt đầu lép bẹp và chưa kịp định thần thì nó đã biến thành một bó đuốc phừng phừng.

Nóng khủng khiếp nên mọi người cứ phải lùi dần. Một ngọn gió thổi là những tàn lửa lại bay từ cây xuống bụi. Sau những tuần hanh khô, mọi thứ đều chả khác gì bùi nhùi, nên cái lúc mà một tàn lửa rơi xuống là cả cây cả bụi đều bắt lửa. Nếu không thấy khủng khiếp thì cũng thấy kinh hãi khi nhìn một cây linh sam đồ sộ, cao sáu mươi phút⁽¹⁾ cháy như que diêm. Lửa gầm gào như trong lò cao. Cách chǎn lửa tốt nhất là chặt cây đốn bụi, nhưng người đã ít mà rìu cũng chỉ có hai ba cái. Hy vọng duy nhất đặt vào đám lính đã quen chữa cháy rừng, nhưng họ vẫn chưa đến.

- Nếu họ chưa đến lúc này thì ta sẽ không cứu được căn nhà, - Hađy nói.

Bất chợt trông thấy vợ cùng hai đứa con đi tới, ông vãy gọi. Người ông đã đen bụi than, mồ hôi chảy ròng trên mặt. Bà Hađy chạy lại.

- Ôi, Phret, còn chó và gà con nữa.

- Ủ, khỉ gió thật.

⁽¹⁾ Một phút (poot), còn gọi là bộ, đơn vị đo lường của Anh, bằng 30,48 cm.

Cũi chó và chuồng gà ở sau nhà, nơi đã được phát quang. Lũ súc vật khốn khổ đã cuồng lên vì sợ. Hadjy thả chúng ra và chúng chạy thực mạng. Hãy tạm cho chúng được tự do. Vầng lửa bây giờ trông thấy rõ từ xa. Nhưng lính cứu hỏa vẫn chưa đến, cái nhúm người ít ỏi kia bất lực trước đám lửa đang tiến lại.

- Nếu lũ lính chết tiệt kia không đến ngay bây giờ thì căn nhà sẽ đi tong, - Hadjy nói. - Tôi nghĩ khuân ra được thứ gì hay thứ đó.

Căn nhà bằng đá, nhưng lại có hàng hiên gỗ chung quanh, chúng mà cháy thì chẳng khác gì cùi đóm cháy. Đám người hầu của gia đình Phorextor về. Ông tập hợp họ lại, vợ ông góp một tay, lại có thêm hai cậu con trai nữa; mọi người khuân ra bãi cỏ những thứ gì có thể mang ra được: khăn vải các loại, đồ đặc, quần áo, đồ trang trí, tranh ảnh, đồ đặc gỗ. Cuối cùng lính cứu hỏa đã đến, hai xe tải chở họ, và bắt tay vào việc đào hào đốn cây. Chỉ huy họ là một viên sĩ quan, và Hadjy sau khi chỉ ra cái nguy cơ đe dọa ngôi nhà, đã đề đạt với anh ta trước hết hãy hạ những cây bao quanh ngôi nhà xuống.

- Ngôi nhà không phải việc của tôi, - anh ta nói, - tôi phải lo ngăn đám cháy lan ra khắp đồi đă.

Có ánh đèn pha ô-tô quét nhanh dọc con đường quanh co, và một lát sau Phorextor cùng vợ bước ra khỏi xe.

- Đàn chó đâu rồi? - Ông kêu lên.

- Tôi thả chúng ra rồi, - Hadjy nói.

- À, thì ra là ông.

Ban đầu, qua cái con người nhem nhuốc, mặt dính muội than và mồ hôi, Phorextơ không nhận ra được ngay đó là Phret Hadjy. Ông chau mày giận dữ.

- Tôi nghĩ ngôi nhà có thể bị đinh lửa, nên đã khuân ra những thứ gì có thể khuân được.

Phorextơ nhìn cánh rừng đang rực lửa.

- Thôi thế là hết cả cây với cối của tôi rồi, - ông nói.

- Lính họ đang chữa cháy trên sườn đồi. Họ cố cứu những cơ ngơi gần đó. Ta đi xem có thể giúp được gì không.

- Tôi sẽ đi, ông khỏi cần, - Phorextơ nói giọng bức túc.

Bất thắn Elinor rú lên náo nùng.

- Ôi nhìn kia. Căn nhà!

Từ chỗ họ đứng có thể thấy hàng hiên phía sau bùng lửa.

- Không sao, Elinor à. Căn nhà không cháy được đâu. Nó chỉ cháy phần gỗ thôi. Cầm cho anh cái áo vét, anh đi giúp toán lính.

Ông cởi áo khoác ra đưa cho vợ.

- Tôi sẽ đi với ông, - Hadjy nói. - Bà Phorextơ, tốt hơn hết bà hãy ra chỗ để đồ đạc kia kia. Hình như những gì quý giá chúng tôi đã đem ra cả rồi.

- May quá, tôi đeo hầu hết số đồ nữ trang quý trên người.

Bà Hadjy là một người phụ nữ nhanh trí:

- Bà Phorexta, ta gọi đám người hầu lại và chuyển đồ đạc xuống nhà tôi đi.

Hai người đàn ông đi về phía chõ đơn vị cứu hỏa đang làm việc.

- Ông khuân hộ đồ đạc ra khỏi căn nhà như thế thật quý hóa, - Rôbort nói, giọng cứng nhắc.

- Chuyện vặt, - Phret Hadjy đáp.

Họ chưa đi được xa thì nghe có người gọi. Họ quay lại nhìn và thấy thấp thoáng một người phụ nữ chạy theo.

- Monsieur. Monsieur⁽¹⁾.

Họ dừng lại. Người phụ nữ sải tay, buơn bả chạy tới. Đó là cô đầy tớ của Élinor. Vẻ mặt cô thảng thốt.

- La petite Judy⁽²⁾. Con Judy. Con đã nhốt nó trong nhà khi đi chơi. Nó đang bị kẹt. Con để nó trong buồng tắm của chị em đầy tớ.

- Trời ơi! - Phorexta kêu lên.

- Chuyện gì thế?

- Con chó của Élinor. Dù thế nào đi chăng nữa, tôi cũng phải cứu nó.

Ông quay lại và định chạy bỏ về nhà. Hadjy nắm tay giữ ông lại.

- Đừng có mà ngu ngốc thế, Bố. Ngôi nhà đang cháy. Làm thế nào mà chui vào được.

⁽¹⁾ Ông chủ, ông chủ (tiếng Pháp).

⁽²⁾ Con cún Giuydi (tiếng Pháp).

Phorextơ vùng vây để thoát ra.

- Buông ra, đồ khốn kiếp. Ông cứ tưởng rằng tôi bỏ mặc con chó bị thiêu sống à?

- Thôi im đi. Giờ không phải lúc đóng kịch.

Phorextơ đẩy Hadjy bắn ra, nhưng Hadjy lại chồm tới và ôm ngang lưng ông, Phorextơ giơ nắm đấm, lấy hết sức thụi vào giữa mặt Hadjy. Hadjy loạng choạng, thả tay ra, và Phorextơ lại nện tiếp. Hadjy ngã vật ra đất.

- Đồ ba que xỏ lá. Tao sẽ cho mày biết bậc quân tử phải xử sự như thế nào.

Phret Hadjy lồm cồm đứng dậy và sờ lên mặt. Đau quá.

- Trời, chỗ này ngày mai sẽ thâm tím lại đây.

Lão choáng váng, mắt hơi hoa lên. Cô đầy tớ bỗng òa lên khóc như mưa gió.

- Câm ngay, đồ đĩ, - ông gắt lên cáu kỉnh, - cầm kẻ một lời nào với bà chủ.

Phorextơ đã biến đi. Hơn một giờ sau người ta mới tìm lại được Phorextơ. Ông nằm trên đầu cầu thang phía ngoài phòng tắm, đã chết, với con chó Siliom cũng đã chết trên tay. Hadjy nhìn ông một lúc lâu rồi mới cất tiếng.

- Đồ ngu. - Lão lẩm bẩm qua kẽ răng, giọng giận dữ. - Đồ ngu thượng hạng!

Sự lừa gạt rốt cuộc đã bắt hắn phải trả giá. Như một kẻ mắc một tật xấu cho đến lúc cái tật ấy biến thành thông lòng mắc vào cổ hắn và hắn trở nên là

Lời sự từ

nô lệ ngoan ngoãn cho nó, hắn đã nói dối quá lâu đến nỗi chính hắn đâm tin vào những lời nói dối của mình. Bốp Phorextơ đã làm ra bộ một bậc chính nhân quân tử hàng bao nhiêu năm để rồi cuối cùng, quên rằng đó là một sự giả mạo, hắn đã đi đến chỗ hành động theo cái cách mà bộ óc đần độn, tầm thường của hắn nghĩ là một bậc chính nhân quân tử ắt phải hành động như vậy. Không nhận thức được sự khác biệt giữa cái rởm và cái thật, hắn đã đem đời mình ra hy sinh cho một thứ chủ nghĩa anh hùng huyễn hoặc. Phret Hady còn phải báo tin này cho bà Phorextơ. Bà ta đang ở chỗ vợ mình rằng Rôbốt đang cùng lính đốn cây và phát quang bụi. Hady nói với bà bằng cách nho nhã nhất mà lão có thể có, nhưng lão phải kể với bà, phải kể mọi chuyện.

Thoạt đầu hình như bà không nắm bắt được ý nghĩa lời nói của lão.

- Chết rồi sao? - Bà thảng thốt. - Chết rồi sao?
Anh Rôbốt của tôi?

Thế là Phret Hady, một kẻ phóng đãng, một kẻ vô liêm sỉ, một kẻ thô bỉ vô lương, đã nắm lấy tay bà trong tay lão và nói những lời duy nhất có thể giúp bà vượt được nỗi đau buồn:

- Bà Phorextơ, ông nhà quả là một bậc chính nhân quân tử rất cao thượng.

Sự sangã của Etuôt Banot

Bâytorman Hantơ kém ngủ. Suốt hai tuần trên chiếc tàu thủy đưa anh từ Tahili⁽¹⁾ về Xan Franxixcô anh đã nghĩ mãi về câu chuyện anh sẽ phải nói và đã ba ngày nay trên xe lửa anh thầm nhẩm lại những lời lẽ anh định dùng để kể. Thế nhưng khi còn ít giờ đồng hồ nữa là anh sẽ ở Chicagô, thì những băn khoăn lại ập đến tấn công anh. Lương tâm anh vốn rất nhạy cảm, không được thanh thản. Anh không dám chắc anh đã làm tất cả những gì có thể làm được, mà danh dự của anh là ở chỗ phải làm hơn nhiều những gì có thể làm được, và cái ý nghĩ đang day dứt là, trong một vấn đề động chạm sát đến lợi ích của riêng anh như vậy, anh đã để cho lợi ích của mình lấn át tinh thần Đông Kisốt hào hiệp trong người. Đức tính hy sinh thầm đượm sâu sắc trong tâm khảm anh đến nỗi nếu không thực hiện được nó, anh cảm thấy bị tan vỡ ảo tưởng. Anh

⁽¹⁾ Tahiti: hòn đảo lớn trong quần đảo Pôlinêzia thuộc Pháp ở phía nam Thái Bình Dương.

cũng giống như một nhà từ thiện với những động cơ vị tha, xây những ngôi nhà kiểu mẫu cho người nghèo và chợt nhận ra rằng anh ta đã làm một việc đầu tư sinh lợi. Anh không ngăn nổi sự hài lòng mà anh cảm thấy trong cái mươi phần trăm đền bù cho chỗ bánh mì anh đã ném xuống nước⁽¹⁾ nhưng anh lại mang một cảm giác khó xử là nó đã rút đi mất ít nhiều chất thanh cao ở phẩm cách của anh. Bâyтoman Hantо biết là lòng anh trong sạch, nhưng anh không hoàn toàn dám chắc anh sẽ chịu đựng kiên định đến mức nào, khi anh kể cho nàng nghe câu chuyện ấy, cái nhìn xét đoán trong cặp mắt sâu lạnh của Izaben Longxtaphê. Cặp mắt nhìn xa và sáng suốt. Nàng vẫn đo chuẩn mực của người khác bằng tính chính trực kỹ lưỡng của riêng nàng và không có sự kiểm duyệt nào lớn hơn sự im lặng lạnh lùng những khi nàng biểu thị sự không đồng tình với một hành vi không hợp với đạo lý nghiêm khắc của nàng. Không thể kháng cáo gì hết đối với sự phán quyết của nàng, bởi lẽ một khi đã quyết định, nàng không bao giờ thay đổi nó. Bâyтoman cũng không thể nghĩ khác về nàng được. Anh đâu chỉ yêu vẻ đẹp của con người nàng, mà còn để và cân đối, với mái đầu ngang kiêu hãnh, mà vẻ đẹp của tâm hồn nàng còn làm anh yêu nhiều hơn... Với sự chân thật, ý thức khắt khe về danh dự,

⁽¹⁾ Ngụ ý đến những lời trong Kinh thánh: Cứ ném bánh mì của ngươi xuống nước, vì ngươi sẽ tìm thấy nó nhiều ngày sau (Ecolesiastes, 11.1) nói sự nhân đức bao giờ cũng được đền bù.

cái nhìn không biết sợ, đối với anh, nàng như thâu góp trong mình tất cả những gì đáng khâm phục nhất có trong các nữ đồng bào của anh. Vả lại anh thấy trong nàng có một cái gì đó còn hơn kiểu mẫu hoàn thiện của một cô gái Mỹ, anh cảm thấy sự tuyệt hảo của nàng có cái lối khác thường so với môi trường xung quanh, và anh đã quả quyết là không một thành phố nào trên thế giới có thể sản sinh ra nàng được, ngoài Chicagô.

Đau nhói dâng lên khi anh nhớ ra rằng anh phải giáng một đòn quyết liệt đến thế vào niềm kiêu hãnh của nàng, và lòng anh lại bừng lên tức giận khi anh nghĩ đến Etuôt Banot.

Rốt cuộc xe lửa đã tiến vào Chicagô và, anh hoan hỷ được thấy những dãy phố dài với những tòa nhà xám. Anh chịu đựng hết sức khó khăn sự sốt ruột của mình khi nghĩ đến phố Xtết và đại lộ Oabasơ với những vỉa hè đông vui, xe cộ hối hả và cảnh huyền náo của chúng. Anh đã về đến nhà. Anh sung sướng rằng mình đã sinh ra ở thành phố quan trọng nhất này của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Xan Franxicô chỉ là tỉnh lẻ, Niu Yooc đã mòn mỏi hết thời, tương lai của nước Mỹ nằm trong sự phát huy các khả năng kinh tế, và Chicagô, bằng vị trí của mình, bằng năng lực của các công dân của thành phố, đã được dành cho vai trò trở thành trung tâm thực sự của đất nước.

- Mình cho rằng sẽ sống đến khi được trông thấy

Sự su ngã của Etuôt Banöt

nó là thành phố lớn nhất thế giới - Bâytöman tự nhủ lòng lúc bước xuống sân ga.

Cha anh đã ra đón anh, và sau cái bắt tay âu yếm, cả hai người, cùng cao, mảnh và cân đối, với cùng những đường nét đẹp khổ hạnh và làn môi mỏng, bước ra khỏi nhà ga. Ô-tô của ông Hantö đã đậu sẵn và họ bước lên xe. Ông Hantö bắt gặp cái nhìn tự hào và sung sướng của con trai khi anh nhìn phố xá.

- Con vui là đã về đến nhà, hở? - Ông hỏi.

- Vâng, đúng là con cảm thấy thế thật, - Bâytöman nói.

Mắt anh như nuốt lấy quang cảnh náo nhiệt.

- Bố nghĩ ở đây xe cộ có nhiều hơn một tí so với hòn đảo vùng biển Nam Thái Bình Dương của con, - ông Hantö cười. - Ở đấy con có thích không?

- Ô bì thế nào được với Chicagô, bố. - Bâytöman đáp.

- Con không đưa Etuôt Banöt về cùng con?

- Không ạ!

- Anh ta ra sao rồi?

Bâytöman im lặng trong giây lát, khuôn mặt tuấn tú nhạy cảm của anh sa sầm lại.

- Con sẽ không nói đến anh ta nữa thì hơn, bố ạ, - cuối cùng anh nói.

- Ủ thôi, con ạ. Bố cho rằng mẹ con là người sung sướng nhất hôm nay.

Họ qua những phố đông người của khu Vòng cung và cho xe chạy dọc ven hồ cho tới một căn nhà

bè thê, bẩn sao y hệt một lâu dài trên sông Loa⁽¹⁾ mà ông Hantơ đã tự xây vài năm về trước. Ngay khi Bâyтoman chỉ còn lại một mình trong căn phòng riêng, anh quay số điện thoại. Tim anh thót lên khi nghe thấy giọng trả lời.

- Chào Izaben, - anh nói vui vẻ.
 - Chào anh Bâyтoman.
 - Làm sao em lại nhận ra được giọng anh?
 - Em nghe thấy nó lần cuối cách đây đã lâu lăm đâu. Vối lại em đang mong anh.
 - Anh có thể gặp em vào lúc nào?
 - Nếu anh không có gì lý thú hơn để làm thì có thể đến ăn tối với gia đình em.
 - Em biết rất rõ là làm sao có được cái gì lý thú hơn để anh làm kia chứ!
 - Em đoán anh có vô vàn chuyện mới?
- Anh nghĩ anh đã dò được trong giọng nàng một âm điệu thông hiểu.
- Đúng đấy, - anh trả lời.
 - Được, anh phải kể cho em nghe tối nay, tạm biệt nhé.

Nàng ngắt máy. Đặc tính bản hữu của nàng là nàng có thể chịu được thêm nhiều tiếng đồng hồ thừa như thế trước khi biết cái điều liên quan nhiều đến nàng. Bâyтoman có thái độ khâm phục sự kiềm chế ấy của nàng.

⁽¹⁾ Sông Loa: Con sông dài nhất nước Pháp, bên bờ có nhiều lâu đài đẹp.

Trong bữa ăn tối mà bên cạnh anh và Izaben không có ai khác ngoài cha mẹ nàng, anh ngắm nàng dẫn dắt câu chuyện vào mạch mạn đàm vặt vĩnh thanh lịch, và một ý nghĩ chợt đến với anh là nó giống hệt cái phong cách một nữ tử tước dưới bóng cái máy chém, vẫn vui giòn với những chuyện hoa lá của một ngày mà không biết có ngày mai. Những đường nét thanh tú, nét ngắn quý tộc của làn môi trên, sự dày mượt của mái tóc vàng óng ả lại gợi đến hình ảnh nữ tử tước, và một điều hắn phải rõ ràng, tuy rằng có thể không phải ai cũng nhận thấy là trong nàng đang cuộn chảy dòng máu cao quý nhất của Chicagô. Phòng ăn là một cái nền thích hợp cho vẻ đẹp mảnh mai của nàng, bởi vì Izaben đã cho bày biện căn nhà, họa lại một cung điện trên Kênh Lớn ở Venedig⁽¹⁾, theo đúng kiểu vua Lui XV do một chuyên gia Anh đảm nhận; và sự trang trí duyên dáng được gắn với tên tuổi của một vị quân vương đa tình càng tôn lên vẻ đáng yêu của nàng, đồng thời thâu nhận từ đó một ý nghĩa sâu sắc hơn. Bởi trí óc Izaben hết sức phong phú, nên câu chuyện của nàng tuy nhẹ nhàng không đâu, nhưng không bao giờ khiếm nhã. Nàng đang nói về Musicale⁽²⁾ mà

⁽¹⁾ Venedig (Venezia): thành phố nổi tiếng về kênh rạch và các đảo, nằm ở đông bắc Italia.

⁽²⁾ Musicale (tiếng Pháp): kiểu giải trí thường tổ chức ở nhà riêng, trong đó nhạc chiếm vai trò chủ đạo, có thể gọi là buổi hòa nhạc tư.

nàng và mẹ nàng dự hồi chiêu, về những bài nói của một thi sĩ Anh ở Phòng thí sinh già⁽¹⁾, về tình hình chính trị, về các bức Nghệ sĩ bậc thầy cổ điển⁽²⁾ mà cha nàng mới mua gần đây trị giá năm mươi nghìn đô la ở Niu Yooc. Bâytoman thấy dễ chịu khi nghe nàng nói. Anh cảm thấy anh đã lại về với thế giới văn minh, ở trung tâm văn hóa và quý phái, rồi những tiếng nói quấy phá nào đó trái với ý nguyện của anh, đang không chịu thôi kêu gào, rốt cuộc đã lắng lại trong lòng anh.

- Chà, thật dễ chịu khi về lại Chicagô, - anh nói.

Cuối cùng bữa ăn kết thúc. Lúc họ ra khỏi phòng ăn Izaben nói với mẹ:

- Con đưa anh Bâytoman về phòng riêng, chúng con có nhiều chuyện muốn kể với nhau.

- Được, được, con thân yêu. - Bà Longxtaphê nói. - Cha mẹ sẽ ở phòng Bà Duy Bari⁽³⁾ lúc nào con muốn qua.

Izaben dẫn chàng thanh niên lên gác và mời anh vào căn buồng nơi anh có vô vàn kỷ niệm đáng yêu. Dù đã thuộc nó, anh vẫn không kìm được tiếng

⁽¹⁾ Phòng thí sinh già (Auditorium) cho đến năm 1929 vẫn là nhà hát ô-pê-ra chính ở Chicagô, xây năm 1889.

⁽²⁾ Old Master: tên gọi tranh của các họa sĩ danh tiếng khoảng từ thế kỷ 13 cho đến thế kỷ 17.

⁽³⁾ Phòng Bà Duy Bari (Madame Du Bay room): phòng được trang hoàng và bày biện theo kiểu mà nữ bá tước Mari Duy Bari (1746 - 1793), tình nhân của vua Lui XV, ưa thích.

Sự sa ngã của Etuôt Banöt

thót lén khoan khoái luôn bật ra. Nàng nhìn quanh mỉm cười.

- Em cho đây là một thành công, - nàng nói, - cái chính là mọi thứ đều đúng chỗ, không có lấy một cái gạt tàn không hợp thời.

- Anh cho đó chính là cái làm nên tuyệt diệu. Giống như tất cả những gì em làm quả là cực kỳ hợp lý.

Họ ngồi xuống cạnh đống củi đang cháy và Izaben nhìn anh với đôi mắt nghiêm nghị bình lặng.

- Thế bây giờ anh sẽ kể gì cho em nào? - Nàng hỏi.

- Anh thấy khó quá, không biết bắt đầu thế nào.

- Etuôt Banöt có trở về không anh?

- Không.

Một sự im lặng kéo dài mãi đến khi Bâytoman lại cất tiếng nói. Với mỗi người có chứa chất biết bao suy tư. Đây là một câu chuyện éo le mà anh phải kể, vì trong đó có những điều quá lăng mạ đối với đôi tai thính nhạy của nàng, khiến anh không thể chịu được khi kể ra, nhưng để có thái độ công bằng đối với nàng, cũng không kém phần công bằng đối với anh, anh phải kể cho nàng toàn bộ sự thật.

Nó bắt đầu đã lâu khi anh và Etuôt Banöt, hồi còn ở trường cao đẳng, gặp Izaben Longxtaphê tại một tiệc trà nhân dịp nàng nhập hội. Cả hai người đều biết nàng khi nàng còn là cô bé con và họ còn là những cậu bé lồng ngỗng, nhưng đã hai năm rồi

nàng sang châu Âu để hoàn tất việc học hành, và với sự vui thích ngỡ ngàng, họ gặp lại cô gái đáng yêu này đã trở về. Cả hai đều yêu nàng đến si mê, nhưng rồi Bâyтoman nhanh chóng thấy rằng nàng chỉ để mắt đến Etuôt mà thôi và, trung thành với bạn, anh tự lui mình xuống hàng một người bạn tâm tình. Anh đã qua những giây phút đắng cay, nhưng rồi anh không thể phủ nhận rằng Etuôt xứng đáng với vận đẹp của mình và mong giữ sao cho không có điều gì làm phương hại đến tình bạn mà anh hằng coi trọng ấy, anh giữ không để một dấu vết mảy may nào làm lộ những tình cảm của lòng anh. Trong vòng sáu tháng cặp tình nhân đã hứa hôn. Nhưng họ còn quá trẻ và cha của Izaben định rằng họ sẽ chưa cưới nhau, ít nhất cho đến khi Etuôt tốt nghiệp. Họ phải đợi một năm. Bâyтoman vẫn nhớ cái dạo cuối mùa đông năm ấy, khi Izaben và Etuôt sắp sửa tổ chức lễ cưới, một mùa đông của những điệu nhảy, những buổi xem hát và của những trò vui thân mật mà anh, người thứ ba bất biến, luôn luôn có mặt. Anh yêu nàng không kém bởi vì nàng sẽ là người vợ của bạn anh, một nữ cưới của nàng, một lời nói vui vẻ mà nàng tặng cho anh, sự quả quyết trong tình cảm nàng bao giờ cũng làm anh khoan khoái, và anh tự chúc mừng mình, có phần nào tự mãn, là anh đã không ghen tị với hạnh phúc của họ. Rồi một sự rủi ro xảy đến. Một ngân hàng lớn bị phá sản, sự kinh hoàng diễn ra ở nơi đổi tiền và cha của Etuôt Banot lâm vào

Sự sa ngã của Etuôt Banöt

cảnh cùng đường. Một đêm kia ông về nhà, nói với vợ rằng ông không còn lấy một xu để rồi sau bữa ăn, ông vào phòng làm việc và tự sát.

Một tuần sau, Etuôt Banöt, mặt trăng bêch, mệt mỏi đến nhà Izaben và yêu cầu nàng dứt bỏ chàng. Lời đáp duy nhất của nàng là vòng tay ôm quanh cổ chàng và lệ tuôn trào.

- Đừng làm cho anh thêm đau lòng nữa, em yêu, - chàng nói.

- Anh có nghĩ rằng em dành lòng bỏ anh bây giờ không? Em yêu anh.

- Làm sao anh có thể mong em lấy anh được? Tình thế thật vô vọng. Cha em không đòi nào cho em lấy anh. Anh không có lấy một xu.

- Em có cần gì đâu? Em yêu anh.

Chàng cho nàng hay những dự tính của mình. Chàng phải kiếm tiền ngay bây giờ. Gioocgiô Baunsmít, một người bạn cũ của gia đình, đã mời chàng vào chò làm việc của ông. Ông là thương gia biển Nam, ông có các đại lý tại nhiều hòn đảo ở Thái Bình Dương. Ông đề xuất rằng Etuôt sẽ đi Tahiti một hoặc hai năm, ở đó, dưới sự dùn dắt của những tay quản lý tài giỏi nhất, chàng có thể học được những chi tiết của nghề buôn lăm vẻ này, hết thời gian đó ông hứa một chò ở Chicagô cho chàng trai. Đây là một dịp may tuyệt vời, khi chàng giải bày xong thì Izaben trở lại tươi cười.

- Anh ngốc nghếch lăm, sao anh lại cứ làm tình làm tội em vậy?

Mặt chàng sáng lên với lời nói của nàng và mắt chàng rực lóe.

- Izaben, em muốn nói là em sẽ đợi anh?

- Thế anh không nghĩ là anh xứng đáng với điều ấy sao? - Nàng mỉm cười.

- Ấy, đừng cười anh lúc này. Anh van em hãy nghiêm túc. Nó có thể kéo dài đến hai năm.

- Anh đừng sợ. Em yêu anh, Etuôt à. Khi anh về, em sẽ lấy anh.

Chủ của Etuôt là một người không thích chậm trễ, ông bảo với chàng là nếu nhận lời, chàng phải lên tàu từ Xan Franxixcô vào ngày này tuần sau. Etuôt dành buổi tối cuối cùng của chàng bên Izaben. Sau bữa ăn, ông Longxtaphê nói muốn có đôi lời với Etuôt và đưa chàng vào phòng hút thuốc. Ông Longxtaphê đã hiền hậu chấp nhận điều thỏa thuận mà con gái đã kể cho ông nghe, nên Etuôt không thể hình dung ra cái chủ đề bí ẩn nào ông định nói lúc này. Chàng không lấy làm bôn chòn chút nào khi thấy chủ nhà lúng túng. Ông cứ áp úng mãi. Ông nói những chuyện tầm phào. Cuối cùng ông nói tuột ra:

- Tôi đoán chắc anh đã nghe nói đến Acnôn Giăcxơn, - ông nói, cau mày nhìn Etuôt.

Etuôt ngập ngừng. Bản tính chân thật tự nhiên của chàng buộc chàng phải nhận cái điều hiểu biết

mà chàng sẽ lấy làm sung sướng giá chàng có thể phủ nhận.

- Vâng, cháu có nghe. Nhưng đã lâu lăm rồi. Cháu nghĩ cháu chẳng chú ý nhiều đến điều đó.

- Chẳng có mấy người ở Chicago không nghe nói đến Acnôn Giăcxon. - Ông Longxtaphê nói một cách cay đắng, - và nếu có đi nữa thì những người ấy cũng chẳng khó khăn gì mà không tìm thấy một kẻ nào đó sẵn lòng kẻ cho họ nghe. Anh có biết ông ấy là em của bà Longxtaphê không?

- Dạ, cháu biết.

- Cố nhiên chúng tôi không liên lạc gì với chú ấy đã nhiều năm nay. Chú ấy đã rời nước nhà trong thời hạn sớm nhất có thể kịp được, và tôi nghĩ đất nước cũng không nuối tiếc khi trông thấy chú ấy lần cuối. Chúng tôi hiểu là chú ấy sống ở Tahiti. Lời khuyên của tôi đối với anh là nên tránh xa ông ấy, nhưng nếu anh có nghe được điều gì về ông ấy thì bà Longxtaphê và tôi sẽ rất hân hạnh được anh cho hay.

- Nhất định a.

- Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với anh. Giờ tôi chắc anh đang mong được nhập hội với cánh phụ nữ.

Ít có gia đình nào lại không có lấy một người trong số thành viên của họ mà nếu hàng xóm láng giềng cho phép, họ sẽ sẵn sàng quên đi, và họ lấy làm may mắn khi một hai thế hệ qua đi sẽ phủ lên cái tính khí bất thường của người đó một vòng hào quang lâng mạn. Nhưng khi người ấy còn đang sống

thế kia, nếu sự lập dị của anh ta không phải thuộc loại có thể tha thứ bằng cái câu: "Anh ấy thật chẳng là kẻ thù của ai cả mà chỉ là kẻ thù của chính mình", một câu không chêt ai khi kẻ có lỗi không phải nhận điều gì tệ hơn tật nghiện rượu hay thói hoa nguyệt, thì cách tốt nhất là im lặng. Đó chính là cái cách mà gia đình Longxtaphê chấp nhận đối với Acnôn Giăcxơn. Họ không bao giờ nói chuyện về ông ta. Thậm chí họ còn không lai vãng qua cái phố ông ta đã từng sống: Còn quá tốt để không làm vợ con ông ta đau khổ thêm nữa vì tội lỗi của ông ta, họ đã trợ giúp vợ con ông ta hàng mấy năm nay, nhưng với thỏa thuận là những người này phải sống ở châu Âu. Họ đã làm mọi thứ có thể được để xóa đi tất cả ký ức về Acnôn Giăcxơn, nhưng vẫn nhận thức được rằng câu chuyện vẫn còn sót dẻo trong trí óc dư luận như khi lần đầu vụ bê bối bùng ra làm bàn dân thiên hạ phải há hốc miêng. Acnôn Giăcxơn cũng như đứa con tật nguyền mà gia đình nào cũng nhỡ ra phải gánh chịu. Là một ông chủ nhà băng giàu có, có danh tiếng ở nhà thờ, là một nhà từ thiện, một con người ai cũng kính trọng không chỉ bởi dòng giống (trong người ông ta có dòng máu xanh Chicagô) mà còn bởi bản tính ngay thẳng của ông, dùng một cái ông bị bắt về tội bịp bợm, và cái thói bất lương mà tòa án đưa ra ánh sánh kia không phải thuộc loại có thể giải thích là do cảm đỗ bất thình lình, nó là cố ý và có hệ thống. Acnôn Giăcxơn là một kẻ lừa đảo. Khi ông ta bị đưa đi nhà

lao với án bảy năm, ít ai lại không cho rằng ông ta đã thoát đi một cách nhẹ nhàng.

Vào cuối cái buổi tối cuối cùng mà đôi tình nhân chia tay nhau ấy, đã có nhiều thề thốt long trọng về lòng chung thủy. Izaben, nước mắt đầm đìa, chỉ được khuây khỏa đôi chút bởi sự tin tưởng chắc chắn của nàng vào tình yêu nồng nàn của Etuôt. Đó là một cảm xúc lạ lùng mà nàng có. Nó làm nàng đau khổ khi phải lia chằng nhưng cũng làm nàng hạnh phúc vì chàng đã yêu nàng say đắm.

Chuyện ấy diễn ra hơn hai năm trước.

Từ dạo đó, chàng đã viết cho nàng hai mươi tư lá thư cả thảy, bởi vì thư tín chỉ đi mỗi tháng một lần và những lá thư của chàng có tất cả những gì mà những lá thư yêu đương phải có. Chúng thân tình và quyến rũ, đôi khi dí dỏm, nhất là những lá về sau, và âu yếm. Đầu tiên chúng gợi rằng chàng đang nhớ nhà, chúng chứa đầy mong muốn của chàng về với Chicago và Izaben; rồi có hơi lo lắng, nàng viết thư xin chàng hãy bền chí. Nàng sợ nhớ chàng ném bỏ cơ hội này mà đâm bỏ về. Nàng không muốn người yêu mình thiếu tính chịu đựng và nàng trích cho chàng hai câu thơ sau:

Em yêu anh thiết tha

Danh dự còn thua xa...⁽¹⁾

⁽¹⁾ Lời thơ của Risot Lavolâyx (1618 - 1657) - nhà thơ trữ tình trong nhóm các nhà thơ Hiệp sĩ Anh, trong bài "Gửi Lucaxta ra nơi sa trường".

Nhưng rồi dạo này chừng như chàng đã yên cư và Izaben rất sung sướng được quan sát thấy nhiệt tình đang tăng của chàng nhằm áp dụng những phương pháp của nước Mỹ vào cái xó bị bỏ quên kia của thế giới. Nàng vốn biết tính chàng, và vào lúc cuối năm, là thời gian tối thiểu mà chàng có thể phải ở Tahiti, nàng trông mong dùng hết ảnh hưởng của mình để thuyết phục chàng chưa về nhà vội. Thật hay hơn nhiều nếu chàng học được nghề kinh doanh một cách kỹ lưỡng, còn nếu như họ đã đợi nhau được một năm thì hình như không có lý do gì mà họ không thể đợi nhau thêm một năm nữa. Nàng nói chuyện đó với Bâytoman Hantø, luôn là người hào hiệp nhất trong số bạn bè (trong mấy ngày đầu tiên sau khi Etuôt ra đi, nàng không biết rồi nàng sẽ ra sao nếu không có anh). Thế là họ quyết định rằng tương lai của Etuôt phải được đặt lên trước mọi thứ. Nàng thấy thật nhẹ lòng khi thời gian đã qua đi mà chàng không hề nhắc đến chuyện trở về.

- Anh ấy cù lăm phải không? - Nàng thốt lên với Bâytoman.

- Anh ấy thật cự phách, khỏi có điều chê.

- Em đọc thấy cái điều mà anh ấy không viết là anh ấy căm ghét cái nơi ấy, nhưng còn ráng chịu vì...

Nàng hơi đỏ mặt và Bâytoman, với nụ cười nghiêm trang vốn rất hấp dẫn của anh, kết thúc câu nói hộ nàng.

- Bởi vì anh ấy yêu em.

- Điều ấy làm em cảm thấy mình nhỏ bé quá, nàng nói.

- Em thật tuyệt mỹ, Izaben à, em vô cùng tuyệt mỹ.

Rồi năm thứ hai trôi qua và mỗi tháng Izaben vẫn đều nhận được một lá thư của Etuôt, nhưng bây giờ đây có điều hơi cảm thấy lạ lùng là chàng không nói đến chuyện quay về. Chàng viết như thế chàng đã định cư rõ ràng ở Tahiti và còn hơn thế nữa, định cư một cách thoái mái. Nàng sững sốt. Rồi nàng đọc lại thư chàng, đọc hết tất cả các lá thư đến vài lần; lúc này đây, khi đọc những điều mà chàng không viết, nàng băn khoăn nhận thấy có điều khang khác trước kia tuột khỏi sự nhận đoán của nàng. Những bức thư sau cũng vẫn âu yếm và ý nhị như những bức đầu tiên, nhưng chất giọng có khác. Nàng lờ mờ nghi hoặc sự dí dỏm của chúng, nàng có sự ngờ vực mang tính chất bản năng của phái nữ về cái lượng không thể chiết ra được kia, bây giờ nàng nhận ra trong đó sự chót nhả khiến nàng rối trí. Nàng không dám cầm chắc rằng Etuôt, người viết thư cho nàng bây giờ vẫn chính là Etuôt mà nàng đã từng biết. Một buổi chiều, cái ngày sau khi có thư từ Tahiti về, khi nàng đang lái xe với Bâytoaman, anh hỏi nàng:

- Etuôt có nói với em khi nào anh ấy lên tàu về nước không?

- Không, anh ấy chẳng nhắc gì đến chuyện ấy cả. Em nghĩ có lẽ anh ấy đã nói đôi điều với anh về chuyện ấy.

-
- Không một lời nào!
 - Anh biết Etuôt thế nào rồi đấy, - nàng cười trong câu đáp, - anh ấy không có cảm giác về thời gian. Nếu lần sau anh có dịp viết thư, có lẽ anh hãy hỏi anh ấy xem khi nào thì anh ấy nghĩ đến chuyện về.

Phong thái của nàng bình thản đến nỗi chỉ có tính nhạy cảm sâu sắc của Bâytoman mới có thể nhận ra trong lời thỉnh cầu của nàng một mong muốn hết sức thôi thúc. Anh cười nhẹ nhàng:

- Được, anh sẽ hỏi anh ấy. Anh không thể hình dung nổi là anh ấy đang nghĩ gì.

Ít ngày sau, khi gặp lại anh, nàng nhận thấy có điều gì đó đang ám ảnh anh. Họ vẫn rất hay ở bên nhau từ dạo Etuôt rời Chicagô; cả hai đều hướng về Etuôt và mỗi người đều tha thiết muốn nói về người vắng mặt, lúc ấy họ tìm ngay được một người nghe hết lòng; kết quả là Izaben hiểu được từng biểu hiện trên mặt Bâytoman, nên giờ đây mọi lời chối của anh đều vô hiệu trước linh cảm tinh tế của nàng. Linh tinh bảo nàng rằng cái nhìn ưu tư của anh có liên quan đến Etuôt và nàng không chịu yên cho đến khi buộc anh phải thú thực.

- Sự việc là, cuối cùng anh nói, - anh có nghe thoáng qua rằng Etuôt không còn làm cho "Braunschmit và Công ty" nữa, nên hôm qua tiện dịp anh đã hỏi ngay chính ông Braunschmit.

- Sao?

Sự sa ngã của Etuôt Banöt

- Etuôt bỏ việc ở chõ họ đã gần một năm rồi!
- Sao kỳ lạ vậy, anh ấy chẳng nói gì đến chuyện ấy cả.

Bây tơman ngập ngừng, nhưng anh đã đi quá xa nên bây giờ anh phải nói hết phần còn lại. Điều ấy khiến anh cảm thấy bối rối ghê gớm.

- Anh ấy bị sa thải.
- Trời ! Vì sao vậy?
- Đâu như họ đã cảnh cáo anh ấy một hay hai lần, rồi cuối cùng họ bảo anh ấy rút khỏi đó. Họ nói anh ấy lười biếng và kém cỏi.

- Anh Etuôt?

Họ im lặng một lát, sau đó anh thấy Izaben đang khóc. Theo bản năng, anh nắm chặt tay nàng.

- Ôi, em yêu, đừng em, đừng - anh nói. - Anh không thể chịu được cảnh này.

Thần kinh nàng đang rao ra khiến nàng để im tay mình trong tay anh. Anh tìm cách an ủi nàng.

- Thật không thể nào hiểu nổi, phải không? Nó không giống với Etuôt tí nào, anh không ngăn được ý nghĩ rằng chắc hẳn có sự lầm lẫn nào đó.

Nàng không nói lời nào trong chốc lát, để rồi khi nói giọng nàng ngập ngừng:

- Anh có thấy là có cái gì đó kỳ quặc trong những bức thư gần đây của anh ấy không? - Nàng hỏi, mắt nhìn ra chõ khác, đôi mắt long lanh đầy lệ.

Bâytöman chẳng còn biết trả lời ra sao nữa.

- Anh có nhận thấy sự khang khác trong đó, - anh thừa nhận, - anh ấy hình như đã đánh mất sự nghiêm túc cao ở anh ấy mà anh vẫn thường khâm phục rất nhiều. Người ta ắt nghĩ rằng những cái quan trọng thì lại chẳng nghĩa lý gì.

Izaben không đáp. Lòng nàng gợn lên bứt rứt.

- Có lẽ trong thư trả lời anh, anh ấy sẽ nói khi nào về nhà. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là đợi câu trả lời ấy.

Một lá thư nữa của Etuôt lại đến với mỗi người trong họ, nhưng anh ta không hề nhắc gì đến chuyện trở về, chắc khi viết thư này anh ta chưa nhận được câu hỏi của Bâytöman. Chuyến thư sau sẽ đem về câu trả lời cho họ. Chuyến thư sau đã tới, Bâytöman đem lá thư anh vừa mới nhận đến cho Izaben, nhưng chỉ cái nhìn đầu tiên lướt qua khuôn mặt anh là đủ nói cho nàng rằng anh đã bị chưng hửng. Nàng đọc kỹ suốt lượt bức thư và rồi, với cặp môi khẽ mím lại, nàng lại đọc nó một lần nữa.

- Một bức thư khá lạ lùng. - Nàng nói, - em không hoàn toàn hiểu nó.

- Người ta ắt nghĩ rằng Etuôt đang bối rối với anh, - Bâytöman nói, mặt bừng đỏ.

- Đọc lên nghe nó thế, nhưng chắc không phải là chủ tâm. Nó không giống với Etuôt chút nào.

- Anh ấy không nói gì đến chuyện trở về.

- Giá như em không tin tưởng chắc chắn vào tình yêu của anh ấy đến thế thì em đã nghĩ... Em không còn biết em phải nghĩ gì nữa!

Sau đó Bâytöman đã phác ra một kế hoạch mà chỉ trong buổi chiều hôm ấy nó đã định hình trong óc anh. Hằng do cha anh lập nên, mà anh đang công tác bây giờ, một hằng chuyên chế tạo đủ các loại xe có động cơ, đang sắp mở thêm những đại lý ở Honolulu, Xitnây và Oelinhton, và Bâytöman đề nghị anh sẽ đi thay cho người quản lý đã được trao nhiệm vụ. Anh sẽ về qua Tahiti, thật vậy, đi từ Oelinhton thì không thể không qua đó, và anh có thể gặp được Etuôt.

- Có điều gì đó bí ẩn, anh sẽ đi để làm sáng tỏ. Chẳng còn cách nào khác.

- Ôi, Bâytöman, sao anh lại tốt bụng và quý hóa làm vậy? - Nàng thốt lên.

- Em biết đây, không có điều gì trên thế gian này, mà anh muôn hơn là hạnh phúc của em, Izaben à.

Nàng nhìn anh và chìa tay cho anh.

- Anh thật tuyệt vời, anh Bâytöman. Em chưa hề biết người nào trên đời này giống như anh. Em biết cảm ta anh ra sao bây giờ?

- Anh không đòi hỏi sự cảm ta của em. Anh chỉ muôn được phép giúp em.

Nàng cúp mắt xuống và hơi đỏ mắt. Nàng đã quen với anh đến nỗi nàng đã quên rằng anh xinh trai làm sao. Anh cũng cao như Etuôt và cũng cân đối, nhưng da anh hơi sạm và mặt hơi xanh, trong

khi Etuôt hồng hào. Dĩ nhiên nàng biết anh yêu nàng. Điều đó khiến nàng cảm động. Nàng cảm thấy một tình cảm rất âu yếm đối với anh.

Chính là từ chuyến đi ấy Bâytôman Hantô đã trở về.

Cái phần công vụ kéo dài hơn anh tưởng, và anh đã có nhiều thì giờ để nghỉ đến hai người bạn của mình. Anh đã đi đến kết luận là không thể có cái gì nghiêm trọng ngăn không cho Etuôt quay về nhà, có lẽ chỉ có niềm kiêu hãnh đã khiến anh ấy quyết tâm làm ăn tử tế trước khi anh ấy khẳng định với vị hôn thê mà anh ấy say đắm; chỉ có niềm tự hào là cách giải thích hợp lý mà thôi. Izaben đang đau khổ. Etuôt phải về Chicagô với anh và cưới nàng ngay. Có thể tìm được một chỗ cho anh ấy trong các nhà máy của Công ty Ô-tô và Máy kéo Hantô. Bâytôman, với trái tim chảy máu, mãn nguyện trước viễn cảnh trao tặng hạnh phúc cho hai người anh yêu nhất trên đời bằng cái giá hạnh phúc của chính bản thân. Anh sẽ không bao giờ lấy vợ. Anh sẽ làm cha đỡ đầu cho những đứa con của Etuôt và Izaben, để rồi nhiều năm sau khi cả hai người đều đã mất, anh sẽ nói cho con gái Izaben biết một thời đã lâu, lâu lắm rồi anh đã yêu người mẹ của cô. Mắt Bâytôman nhòa lệ khi anh về nên cảnh tượng này trước mắt.

Muốn bất ngờ bắt gặp Etuôt nên anh không đánh điện báo trước. Khi đặt chân lên Tahiti anh nhờ một thanh niên con trai chủ khách sạn, theo lời anh ta nói,

dẫn anh về Hotel de la Fleur⁽¹⁾. Anh tòm tím với ý nghĩ về sự sưng sốt của bạn khi trông thấy anh, vị khách không ngờ nhất, bước vào công sở của bạn.

- À này, - anh hỏi trên đường đi, - anh có thể chỉ cho tôi phải tìm ông Etuôt Banöt ở đâu không?

- Banöt, - người thanh niên nói, - hình như tôi biết cái tên ấy.

- Anh ấy là người Mỹ. Một chàng trai cao có bộ tóc nâu sáng và mắt xanh. Anh ấy đã ở đây hơn hai năm rồi.

- Đúng. Giờ thì tôi biết người anh muốn hỏi rồi. Anh muốn nói đến người cháu ông Giăcxơn.

- Cháu ai?

- Cháu ông Acnôn Giăcxơn.

- Tôi không nghĩ là ta đang nói về cùng một người, - Bâytöman lạnh nhạt trả lời.

Anh giật mình. Thật kỳ quặc là Acnôn Giăcxơn, kẻ mà già trẻ ai cũng đều biết lại sống ở đây vẫn dưới cái tên đáng hổ thẹn mà ông ta mang khi bị kết án. Nhưng Bâytöman không thể hình dung ra kẻ nào tự nhận là cháu ông ta. Bà Longxtaphê là người chị duy nhất và ông ta không hề có anh em trai nào. Người thanh niên đi bên cạnh nói tiếng Anh liền thoảng với chút ngữ điệu ngoại lai làm Bâytöman, với cái nhìn liếc ngang, thấy được điều mà lúc trước

⁽¹⁾ Hôtel de la Pleur (tiếng Pháp): khách sạn Hoa.

anh chưa nhận ra, là trong cậu chàng có khá nhiều lượng máu bẩn xú. Một chút ngọt mặn vô tình len vào phong thái của anh. Họ đã tới khách sạn. Sau khi đã thu xếp xong phòng ở, Bâytoman nhờ chỉ đường đến dinh cơ của "Braunsmit và Công ty". Dinh cơ ấy ở ngay phía trước, trông ra cái vịnh con và, sung sướng cảm thấy đất rắn dưới chân sau tám ngày trên biển, anh đi thong dong theo con đường đầy nắng xuống mép nước. Đã tìm thấy chỗ cần tìm, Bâytoman đưa tám danh thiếp cho viên quản lý và được dẫn qua một căn buồng cao, nửa giống nhà kho nửa như cửa hiệu, đến một văn phòng bên trong có một người đàn ông béo mập, đầu hói, đeo kính đang ngồi.

- Nhờ ông chỉ giúp tôi ông Etuôt Banot ở đâu? Theo tôi biết ông ấy đã ở công sở này một thời gian.

- Vâng, có thể thật. Nhưng giờ tôi không biết anh ta ở đâu.

- Tôi nghĩ anh ấy đã đến đây với sự giới thiệu đặc biệt của ông Braunsmit. Tôi rất quen biết ông Braunsmit.

Người đàn ông béo mập nhìn Bâytoman bằng cặp mắt sắc sảo, hồ nghi. Ông ta gọi to một cậu bé trong nhà kho.

- Nay, Henry, Banot bây giờ ở đâu, mà có biết không?

- Anh ấy đang làm ở chỗ nhà Camêrôn thì phải, - có tiếng trả lời của ai đó không thèm nhúc nhích.

Người đàn ông béo mập gật đầu.

- Ông rẽ trái lúc ra khỏi đây, ông sẽ tới chõ nhà Camérôn trong khoảng ba phút.

Bâytöman ngập ngừng:

- Tôi thiết nghĩ có lẽ tôi phải nói cho ông biết rằng Etuôt Banöt là bạn thân nhất của tôi. Tôi rất sùng sot khi nghe nói anh ấy đã rời "Braunschmit và Công ty".

Mắt người đàn ông béo mập thu lại đến gần như thành một chấm, và cái nhìn đau đớn của chúng khiến anh cảm thấy khó chịu đến mức đỏ mặt lên.

- Tôi cho là "Braunschmit và Công ty" và Etuôt Banöt không có cùng một cách nhìn về một số vấn đề, - gã đáp.

Bâytöman không hoàn toàn ưa phong cách của gã đàn ông này nên anh đứng dậy, không thiếu vẻ đường hoàng, và với lời xin lỗi đã làm phiền ông ta, anh cáo biệt. Anh rời nơi đó với cái cảm giác đặc biệt là người đàn ông mà anh vừa nói chuyện có nhiều điều để nói với anh, nhưng không định nói. Anh đi theo hướng đã chỉ và chẳng mấy chốc đã ở nhà hàng Camérôn. Đó là cửa hiệu của một thương nhân, cũng kiểu như nửa tá cửa hiệu khác mà anh đã gặp trên đường, khi anh bước vào thì người đầu tiên anh thấy, phía trên mặc độc chiếc áo sơ mi, đang đo đõ vải bông buôn, chính là Etuôt. Anh sùng sot khi thấy anh ta đang cắm cúi vào cái công việc nhỏ mọn kia. Nhưng anh chỉ vừa mới xuất hiện thì Etuôt chợt

ngẩng lên, bắt gặp cái nhìn của anh rồi thốt lên tiếng kêu ngạc nhiên và vui vẻ:

- Bâytoman. Ai ngờ được là lại trông thấy cậu ở đây? Anh ta vươn tay qua quầy hàng và siết chặt lấy tay Bâytoman. Trong phong thái anh ta không có sự tự ý thức về bản thân làm cho sự lúng túng dồn cả về phía Bâytoman.

- Đợi tớ gói xong cái bọc này nhé!

Với vẻ thành thạo, anh ta lia kèo dọc chõ vải, cuộn lại, gói thành bọc rồi trao nó cho người khách hàng da sẫm màu.

- Xin ông trả tiền ở bàn kia.

Sau đó, mặt tươi cười, mắt rạng rõ, anh ta quay về phía Bâytoman:

- Sao cậu lại thò mặt ra ở đây được nhỉ? Chà chà, gấp cậu thế này thích thật. Ngồi xuống đi, ông bạn. Cứ tự nhiên như ở nhà!

- Chúng ta không thể nói chuyện ở đây được. Cậu đến chõ khách sạn tớ ở đi. Tớ cho là cậu có thể đi khỏi đây ngay được chứ?

Câu này anh thêm với một linh cảm e ngại.

- Tất nhiên là tớ đi được. Ở cái đất Tahiti này chúng tớ đâu có bận lắm.

Anh ta gọi với một anh chàng người Hoa đang đứng sau quầy đối diện.

- A Linh, khi nào ông chủ đến thì bảo với ông ấy

là có một anh bạn của tôi mới từ Mỹ đến và tôi đi làm một chầu cay với anh ấy.

- Được lồi⁽¹⁾ anh chàng người Hoa nhăn nhở.

Etuôt xỏ vội áo ngoài, vơ mũ lên đầu rồi theo Bâytôman ra khỏi cửa hiệu.

Bâytôman có ý muốn đặt vấn đề một cách khôi hài.

- Tớ không ngờ lại thấy cậu bán ba yat rưỡi⁽²⁾ cái thứ vải bông mục ấy cho một thằng mợt đen bóng nhầy, - anh cười.

- Braunschmit sa thải tớ, cậu biết đấy, mà tớ nghĩ cái ấy cũng hay ho chẳng kém gì những cái khác.

Sự chân thực của Etuôt khiến Bâytôman rất kinh ngạc, nhưng anh nghĩ đó là cách nói vô ý mà thôi.

- Tớ cho là cậu không thể ăn nên làm ra được nếu cứ thế này, - anh trả lời có phần khô khan.

- Tớ cho là không. Nhưng tớ kiếm đủ để giữ cho phần xác và phần hồn hòa nhập cùng nhau, và tớ hoàn toàn thỏa mãn với điều đó.

- Hai năm trước thì cậu đâu có thỏa mãn như thế.

- Người ta càng già thì càng khôn ngoan hơn, - Etuôt đổi lại một cách vui vẻ.

Bâytôman đưa mắt nhìn anh ta một cái. Etuôt vận bộ quần áo bằng vải bông dày trắng đã sờn chǎng lấy gì làm sạch sê, đội cái mũ rơm to kiểu bắn

⁽¹⁾ Anh chàng người Hoa phát âm ngọng.

⁽²⁾ Một yat (yard) = 3 phut (foot) = 91,44 cm.

xứ. Anh ta mảnh hơn trước kia, da đậm nắng mặt trời và có nhiên trông hay hơn bao giờ hết. Nhưng có cái gì trong diện mạo anh ta làm anh bị hăng. Anh ta bước đi với vẻ phóng túng mới có, lại còn cái lối bất cần trong cử chỉ, nhất là sự vui nhộn vô cớ, mà Bâytôman không thể lên án chắc chắn, nhưng quá khó hiểu đối với anh.

- Minh mà hiểu được cái khỉ gió gì làm anh ta vui vẻ đến thế kia thì cứ gọi là xin đi bằng đầu, - anh nhủ thầm.

Họ đã tới khách sạn và ngồi ngoài thèm hiên. Một cậu bé người Hoa bưng món cốc-tây đến. Etuôt hết sức bồn chồn muốn nghe mọi tin tức về Chicagô và oanh kích bạn bằng những câu hỏi tới tấp. Mỗi quan tâm của anh ta tự nhiên và chân thành. Điều lạ lùng là dường như nó được chia đều cho vô số chủ đề. Anh ta muốn biết xem bối Bâytôman dạo này ra sao với vẻ hăm hở cũng ngang với chuyện Izaben đang làm gì bây giờ. Anh ta nói về nàng không có một gợn bối rối nào, như thể nàng có là cô em gái hay là vợ chưa cưới thì cũng không khác gì nhau, và trước khi Bâytôman kịp phân tích ý nghĩa chính xác trong những nhận xét của Etuôt thì anh nhận ra câu chuyện đã trôi sang nói về công việc của anh và những tòa nhà mà cha anh mới dựng gần đây nhất. Anh quyết tâm lái câu chuyện quay về với Izaben và đang đợi dịp thực hiện thì thấy Etuôt vẫy tay một cách thân thiện. Một người đàn ông đang tiến lại

phía họ, nhưng vì Bâytôman ngồi quay lưng về phía đó nên anh không trông thấy ông ta.

- Lại ngồi xuống đây nào, - Etuôt vui vẻ nói.

Người mới đến tiến sát lại. Đó là một người mảnh khảnh, rất cao, trong bộ quần áo vải bông trắng, cái đầu tao nhã có lớp tóc quấn màu trắng. Khuôn mặt ông cũng mảnh mai, dài, với cái mũi khoằm to và cái môi đẹp, diễm cảm.

- Đây là bạn cũ của cháu, Bâytôman Hantơ. Cháu đã nói về anh ấy với chú, - Etuôt nói, nụ cười bất biến nở trên môi.

- Tôi rất hân hạnh được gặp anh, anh Hantơ. Tôi đã từng biết cha anh.

Người lạ chìa tay ra và nắm lấy tay chàng thanh niên bằng cái bóp mạnh, thân hữu. Cho mãi đến lúc ấy Etuôt mới nêu tên người kia ra.

- Ông Acnôn Giăcxơn.

Mặt Bâytôman trắng bệch và anh cảm thấy tay mình lạnh đi. Đó chính là kẻ mạo giấy tờ, kẻ mang án, đó chính là người cậu của Izaben. Anh không biết nói cái gì. Anh cố giấu sự bối rối. Acnôn Giăcxơn nhìn anh với cặp mắt chớp nháy.

- Tôi dám chắc là tên tôi có quen thuộc với anh.

Bâytôman không còn biết nên nói có hay không nữa, nhưng cái điều khó xử hơn là cả Giăcxơn và Etuôt hình như đều lấy làm thích thú. Thật đã đủ tệ khi áp đặt lên anh việc làm quen với một con người

trên đảo mà anh thà tránh xa, nhưng còn tệ hơn nữa khi nhận thức được rằng anh đang bị đem ra làm trò cười. Tuy vậy, có lẽ anh đã đạt đến cái kết luận nhanh quá, cho nên Giăcxơn, không ngừng lời, lại nói thêm:

- Tôi biết anh rất gần gũi với gia đình Longxtaphê. Mari Longxtaphê là chị tôi.

Lúc này Bâyтoman tự hỏi không biết có phải Acnôn Giăcxơn nghĩ rằng anh không biết gì về vụ bê bối ghê gớm nhất mà Chicagô từng biết đến hay không. Nhưng Giăcxơn đã đặt tay lên vai Etuôt.

- Chú không ngồi được đâu, Tétđi à, - ông nói, - chú đang bận. Tốt hơn là cả hai cậu hãy đến chơi và ăn cơm tối nay.

- Tuyệt rồi. - Etuôt nói.

- Ông thật quý hóa, thưa ông Giăcxơn, - Bâyтoman nói lạnh lùng, - nhưng tôi ở đây với thời gian quá ngắn, tàu của tôi ngày mai đã ra khơi, ông biết đấy, tôi nghĩ ông sẽ tha lỗi cho tôi, tôi không thể tới được.

- Ô, nói nhảm nào. Tôi sẽ đai anh một bữa ăn bẩn địa. Vợ tôi nấu bếp tài lầm. Tétđi sẽ chỉ đường cho anh. Đến sớm mà xem mặt trời lặn nhé. Tôi sẽ cho cả hai anh một cái ô nằm chung nếu muốn.

- Nhất định bọn cháu sẽ đến, - Etuôt nói. - Thế quái nào mà chẳng có cuộc chơi thuyền ở khách sạn, đêm tàu đến và ta sẽ có bữa chuyện phiếm ra trò ở căn nhà gỗ ấy.

Sự sa ngã của Etuôt Banot

- Tôi không thể để anh không lại chơi được đâu, anh Hantơ à. - Giăcxơn tiếp tục hết sức thân tình. - Tôi muốn nghe mọi chuyện về Chicagô và chị Mari.

Ông gật đầu chào và đi khỏi trước khi Bâyтoman kịp nói.

- Chúng tôi không chấp nhận sự chối từ ở Tahiti này đâu, - Etuôt cười. - Với lại, cậu sẽ được nếm một bữa ăn ngon nhất trên đảo.

- Ông ấy nói có bà vợ nấu bếp giỏi là nghĩa làm sao? Theo chỗ tôi biết thì vợ ông ấy ở Giơnevơ cơ mà.

- Để làm vợ thì khoảng cách ấy quả là quá xa, phải không? - Etuôt nói. - Và chú ấy gặp vợ lần cuối cùng đã lâu lắm rồi. Tớ cho là chú ấy nói đến một người vợ khác.

Bâyтoman im lặng mất một lúc. Mặt anh in thành những đường nét nghiêm nghị. Nhưng khi ngược lên bắt gặp cái nhìn hài hước trong mắt Etuôt thì anh sạm mặt lại.

- Acnôn Giăcxơn là kẻ lừa đảo đáng khinh, - anh nói.

- Tớ cũng rất sợ là ông ta như vậy, - Etuôt mỉm cười trả lời.

- Tớ không hiểu nổi một người đứng đắn nào lại có thể đi lại với ông ta.

- Có lẽ tớ không phải là người đứng đắn.

- Cậu có hay đến chơi với ông ta không, Etuôt?

- Rất hay đến. Ông ấy nhận tớ làm cháu.

Bâytôman cúi người về phía trước và nhìn Etuôt chầm chầm bằng ánh mắt dò xét.

- Cậu có thích ông ta không?

- Rất thích!

- Thế cậu không biết mọi người ở đây đều biết rằng ông ta là kẻ lừa đảo và đã bị kết án à? Ông ta bị đuổi khỏi xã hội văn minh.

Etuôt ngắm vòng khói trôi từ điếu xì gà anh hút vào bầu không khí tĩnh lặng, phảng phát hương thơm.

- Tớ cho rằng ông ta là một tay khá xỏ lá, - cuối cùng anh ta nói, - và tớ cũng không hy vọng hão là một sự ăn năn về những lỗi lầm của ông ta lại khiến người ta tha thứ cho mọi lỗi lầm kia. Ông ta là kẻ bợm và đạo đức giả. Không ai né tránh được điếu ấy. Nhưng tớ chưa bao giờ gặp được một người bạn đường hợp ý hơn. Ông ấy đã dạy tớ mọi cái mà bây giờ tớ biết.

- Ông ta dạy cậu cái gì vậy? - Bâytôman kêu lên kinh ngạc.

- Dạy phải sống thế nào!

Bâytôman phá lênh cười gièu cợt.

- Một ông thầy hay. Chắc nhở có những bài học của ông ấy mà cậu bỏ mất dịp làm ăn tẩn tối và giờ đây kiếm sống bằng cách phục vụ sau quầy ở một cái cửa hiệu mười xu?

- Ông ấy có một cá tính tuyệt diệu. - Etuôt vừa

nói vừa cười xởi lởi. - Có lẽ cậu sẽ thấy cái điều tớ nói vào tối nay.

- Tớ không định ăn tối với ông ta. Không có cái gì buộc tớ đặt chân đến nhà ông ấy được.

- Thế thì cậu hãy gia ơn cho tớ mà đến, Bâytoman à. Chúng mình là bạn của nhau đã nhiều năm, cậu không được từ chối một ân huệ mà tớ thỉnh cầu.

Giọng Etuôt mang một âm sắc mới đối với Bâytoman. Sự hòa nhã của nó có sức thuyết phục hiếm có.

- Nếu cậu đã nói thế, Etuôt à, thì tớ nhất định phải đến, - anh mỉm cười. Hơn nữa, Bâytoman suy ngẫm, là tìm hiểu về Acnôn Giăcxon những gì anh có thể tìm hiểu được cũng tốt. Rõ ràng là ông ta có một uy lực lớn đối với Etuôt, và nếu muốn đánh bại nó cần phải phát hiện xem nó nằm chính xác ở chỗ nào. Càng nói chuyện với Etuôt, anh càng nhận thức rõ hơn là đã có sự thay đổi diễn ra trong lòng anh ta. Anh có linh cảm phải đi đúng cẩn thận và quyết định không động đến mục đích thực của chuyến đi này cho đến khi nào anh thấy phương hướng rõ ràng hơn. Anh bắt đầu nói chuyện này chuyện kia về chuyến đi và những gì đạt được qua chuyến đi này, về tình hình chính trị ở Chicagô, về người bạn chung của hai người và về những ngày sống với nhau ở trường cao đẳng.

Cuối cùng Etuôt nói anh ta phải quay về làm việc và hẹn sẽ tìm gặp Bâytoman vào lúc năm giờ để họ cùng đến nhà Acnôn Giăcxon.

- À này, tớ cứ nghĩ cậu sống ở khách sạn này, - Bâyтoman nói khi anh ra khỏi vườn với Etuôt. - Tớ thấy nó là chỗ tươm tất duy nhất ở đây.

- Ô, tớ không ở đây, - Etuôt cười, - quá tốn kém cho tớ. Tớ thuê một căn phòng ở ngay sát ngoài thành phố. Rẻ và sạch sẽ.

- Nếu tớ nhớ chính xác thì những khoản ấy đâu phải quan trọng nhất đối với cậu hồi còn ở Chicagô.

- Chicagô!

- Tớ không biết cậu ngụ ý gì. Etuôt. Nó là thành phố vĩ đại nhất trên thế giới.

- Tớ biết, - Etuôt nói.

Bâyтoman liếc nhanh sang bạn, nhưng mặt anh ta không lộ ra điều gì.

- Khi nào cậu quay trở về với nó?

- Tớ cũng thường tự hỏi như thế, - Etuôt mỉm cười.

Câu trả lời này cùng với cái cách thể hiện nó làm Bâyтoman choáng váng, nhưng trước khi anh kịp đề nghị giải thích thì Etuôt đã vẫy tay với một người lái đang lái ô-tô qua.

- Cho tụi này xuôi xuống với, Sacli, - anh ta nói.

Anh gật đầu chào Bâyтoman rồi chạy theo chiếc xe lúc này đã đỗ cách vài yat ở phía trước. Bâyтoman bị bỏ lại dằng sau với một mói những cảm tưởng rắc rối, chắp vá.

Etuôt ghé vào đón anh trên chiếc xe hai bánh ọp

ẹp do một con ngựa già kéo họ đi theo con đường chạy dọc sát biển. Hai bên là đồn điền dừa và vani; chốc chốc họ lại thấy một cây xoài lớn, quả vàng, quả đỏ, quả sâm trong cái màu xanh um tùm của lá; chốc chốc họ lại thoáng thấy một khu vịnh con con bồng phẳng, xanh lơ, lác đác đây đó có một hòn đảo nhỏ xíu yêu kiều với hàng cọ cao. Nhà Acnôn Giăcxon ở trên một ngọn đồi nhỏ và chỉ có một con đường mòn dẫn đến đó, nên họ tháo cương ngựa và buộc nó vào một gốc cây, để chiếc xe ở ven đường. Bâyтoman cảm thấy như đây là cái cách làm đến đâu hay đến đấy. Nhưng khi họ đi lên phía căn nhà, họ được một phụ nữ người địa phương cao, khá đẹp, tuy không còn trẻ ra đón. Etuôt bắt tay người phụ nữ một cách thân mật. Anh giới thiệu Bâyтoman với bà ta:

- Đây là bạn cháu, anh Hantơ. Chúng cháu đến ăn cơm với cô đây, cô Lavina.

- Hay lắm. - Bà ta nói với nụ cười nhanh. - Acnôn còn chưa về.

- Chúng cháu xuống dưới tắm đã nhé. Cho chúng cháu một đôi Pareo.

Người phụ nữ gật đầu rồi đi vào nhà.

- Ai thế? - Bâyтoman hỏi.

- À, bà Lavina đấy. Vợ ông Acnôn.

Bâyтoman咪 môi lại nhưng không nói gì. Trong giây lát người phụ nữ quay ra với cái bọc và đưa cho Etuôt, rồi hai người trườn xuống con đường dốc, lùm đường đến một lùm dừa trên bãi biển. Họ

cởi quần áo và Etuôt chỉ dẫn cho bạn biết cách làm cái dài vải bông đỏ được gọi là *Pareo* thành cái quần tắm rất gọn gàng. Chẳng mấy chốc họ đã vùng vẫy trong chỗ nước nông ấm áp. Etuôt phẩn chán vô cùng. Anh cười rồi kêu tướng lên, rồi hát. Anh như đứa trẻ mười lăm. Bâytoman chưa bao giờ trông thấy anh vui nhộn như vậy và một lát sau họ đã ngồi trên bãi biển, hút thuốc lá trong màn không khí trong trèo. Một vẻ thảnh thoảng không cưỡng được toát ra từ Etuôt, đến mức, làm Bâytoman bị bất ngờ.

- Hình như cậu thấy cuộc đời quả là dễ chịu, - anh nói.

- Tớ thấy vậy.

Họ nghe có tiếng động nhẹ và quay lại thấy Acnôn Giăcxon đang đi về phía họ.

- Tôi tính phải xuống đây để lôi hai cậu về, - ông nói. - Anh có khoái tắm thế này không, anh Hantô?

- Rất khoái đấy, - Bâytoman nói.

Acnôn Giăcxon không còn trong bộ vải bông diêm dúa nữa mà chỉ mặc độc một cái *Pareo* quanh thắt lưng và đi chân đất. Người ông rám r__(
)u lại vì ánh nắng. Với bộ tóc trắng, dài quăn quăn và khuôn mặt khổ hạnh, ông có một vóc dáng dị thường trong bộ trang phục bản địa, nhưng ông ta cư xử không có vẻ gì là e dè lúng túng cả.

- Nếu các cậu đã xong, ta về thôi, - Giăcxon nói.

- Để tôi mặc quần áo đã. - Bâytoman nói.

- Nay Tetđi, sao anh không mang một cái *Pareo* cho bạn anh?

- Cháu cho là cậu ấy mặc quần áo thì hơn, - Etuôt mỉm cười.

- Nhát định rồi, - Bâytoman trả lời một cách dữ tợn khi anh thấy Etuôt đã quấn bộ khổ và sẵn sàng xuất phát trước khi chính anh kịp quàng chiếc sơ mi lên người.

- Cậu không thấy ráp chân khi không đi giày à? - anh hỏi Etuôt. - Tớ phát sợ cái con đường khá lởm chởm này.

- Ồ, tớ đã quen rồi.

- Xỏ *Pareo* vào thật là tiện lợi mỗi khi từ thành phố đi về - Giăcxơn nói. - Nếu anh định ở lại đây, tôi hết sức khuyên anh nên sử dụng nó. Đó là một trong những loại trang phục phải lẽ nhất mà tôi từng gặp. Nó vừa mát, vừa tiện lại không đắt tiền.

Họ đi lên phía ngôi nhà và Giăcxơn đưa họ vào một căn phòng rộng tường quét vôi trắng, không trần, với một cái bàn đã bày biện cho bữa ăn. Bâytoman nhận thấy nó được dọn chỗ cho năm người ăn.

- Éva, con ra trình diện anh bạn của Tetđi rồi khuấy cốc-tây cho mọi người nhé, - Giăcxơn gọi.

Nói đoạn ông dẫn Bâytoman ra chỗ ô cửa sổ thấp và dài.

- Nhìn kia, - ông nói với một cử chỉ kịch tính, - nhìn cho kỹ vào.

Phía dưới họ là những cây dừa xô rạp xuồng vũng biển trong ánh đêm, vũng biển mang màu sắc êm dịu và lấm vẻ như sắc màu ở ngực con bồ câu. Trên một con lạch không xa lầm là những túp lều mọc thành cụm của một làng thổ dân và về phía đá ngầm có một chiếc xuồng, bóng in sắc nét, trên đó một cặp thổ dân đang đánh cá. Phía trên bạn thấy sự tĩnh lặng bao la của Thái Bình Dương và ngoài xa hai mươi dặm, hư hư ảo ảo như kết cấu của trí tưởng tượng thi sĩ, bạn thấy vẻ đẹp quá sức tưởng tượng của hòn đảo có tên là Murêa. Hết thấy mọi vật đều đáng yêu đến nỗi Bâyтoman đứng sững sờ.

- Tôi chưa bao giờ trông thấy cảnh nào đại loại như thế này, - cuối cùng anh nói.

Acnôn Giăcxơn đứng trước anh, mắt mờ to, trong cặp mắt ông có một vẻ mơ màng êm dịu. Gương mặt mảnh mai, đầy suy tư trông rất trang nghiêm. Liếc nhìn khuôn mặt ấy, Bâyтoman một lần nữa nhận thức thêm được về tính chất tinh thần cao độ của nó.

- Đẹp tuyệt, - Acnôn Giăcx ơn thì thào. - Anh hiếm khi được nhìn trực diện cái đẹp. Ngắm nó cho kỹ, anh Hantơ, bởi cái mà anh trông thấy bây giờ sẽ không bao giờ thấy lại nữa, đây là cái khoảnh khắc nhất thời, nhưng nó sẽ in đậm không bao giờ phai trong tâm khảm anh. Anh đã với tới cái vĩnh cửu.

Giọng ông ta sâu và vang. Đường như ông ta hít thở chất lý tưởng tinh túy nhất, đến nỗi Bâyтoman

phải buộc mình nhớ rằng con người vừa nói đó là một tội phạm và kẻ lừa đảo tàn nhẫn. Còn Etuôt, có vẻ như anh ta nghe thấy có tiếng động, quay ngay người lại.

- Đây là con gái tôi, anh Hantơ à!

Bâytoaman bắt tay cô. Cô có cặp mắt đen tuyệt trần và cái miệng màu son mấp máy cười, nhưng da cô rám nâu và bộ tóc quấn xõa xuống vai của cô thì đen màu than. Cô mặc mỗi một áo dài⁽¹⁾ bằng vải bông hồng, cô đi chân đất và trên đầu quàng một vòng hoa trắng ngát hương. Cô quả là một tác phẩm đáng yêu của tạo hóa. Có hệt như nữ thần mùa xuân của Pôlynêzia.

Cô có hơi rụt rè, nhưng không rụt rè hơn Bâytoaman, kẻ mà toàn bộ quang cảnh đang làm cho bàng hoàng hết sức, nó không đặt anh vào tâm trạng thanh thản khi nhìn thấy cái sinh vật tựa tiên nữ kia cầm lấy cái bình trộn và bằng bàn tay thành thạo hòa khuấy suất cốc-tây.

- Cho mọi người thưởng thức nó đi con - Giăcxơn nói.

Cô rót cốc-tây ra và vừa cười thanh nhã vừa trao nó cho từng người. Bâytoaman vẫn thường hân diện về cái tài của mình trong nghệ thuật khuấy cốc-tây tinh tế này, cũng không khỏi kinh ngạc sau khi nếm, thấy quả là xuất sắc. Giăcxơn tự hào cười khi ông nhận thấy cái nhìn tán thưởng vô tình của vị khách.

⁽¹⁾ Nguyên văn Mother Hubbard: một loại áo dài may rộng của phụ nữ.

- Cũng không đến nỗi tôi chứ hả? Chính tôi đã dạy con tôi đấy, cái hồi còn ở Chicagô tôi vẫn cho là không có một anh chàng phục vụ quán nào trong thành phố đáng mặt so với tôi. Khi tôi chẳng còn gì hay ho hơn để làm ở nơi lưu đày, tôi vẫn giải khuây bằng cách nghĩ ra những món cốc-tây mới, thế nhưng đã đi vào cốt lõi vấn đề thì không gì ăn đứt được loại Mactini thuần chất⁽¹⁾.

Bâytoman cảm thấy như có ai giáng mạnh vào thớ dây thần kinh và anh nhận biết được mặt anh hết đỏ lên rồi lại trắng ra. Nhưng trước khi anh kịp nghĩ ra điều gì để nói thì một cậu bé người bản xứ đã bưng vào một bát loa xúp to và cả nhóm ngồi vào ăn. Nhận xét của Acnôn Giăcxon hình như lại gợi lên trong ông cả một mớ hồi ức, nên ông bắt đầu nói về những ngày ở tù. Ông ta nói hoàn toàn tự nhiên, không hấn học, cứ như ông ta đang kể lại những điều bản thân đã kinh qua ở một trường đại học ngoại quốc nào đó. Ông ta nói với Bâytoman, còn Bâytoman thì ngượng ngùng rồi sau đâm bối rối không biết nghĩ sao nữa. Anh thấy đôi mắt Etuôt dán vào mình và trong chúng lấp láy sự giốn thú. Anh đỏ chín mặt vì có ấn tượng là Giăcxon đang đem mình ra làm trò cười và rồi bởi lẽ anh cảm thấy phi lý - thật chẳng có cái cớ gì để anh bị như thế - anh đâm nổi cáu. Acnôn

⁽¹⁾ Mactini (Martini): một loại cốc-tây bao gồm hai phần rượu gin hay nhiều hơn và một phần rượu vec-mut thuần chất, thường có thêm đá và điểm xuyến bằng ô-liu, hành hay một lát vỏ chanh.

Giăcxơ̄n thật trơ tráo - không có từ ngữ nào khác hơn nữa gọi cái đó và sự nhẫn tâm của ông ta, dù là có chủ ý hay không, quả là thỏa mạ.

Bữa ăn vẫn tiếp tục. Bâyтoman được mời ăn các món hổ lốn tạp nhạp, cá sống và những thứ anh không biết là cái gì nữa. Chỉ có phép lịch sự mới khiến anh phải nuốt, nhưng anh ngạc nhiên thấy đó là những món ăn rất ngon. Rồi một tình tiết xảy đến với Bâyтoman, một sự việc có tính lăng nhục nhất của buổi tối ấy. Nguyên là có một vành hoa nhỏ để trước anh, và chỉ nhằm cho vui chuyện mà anh đã mạo muội nhắc đến nó.

- Đây là vòng hoa Êva làm cho anh đây. - Giăcxơ̄n nói, - nhưng tôi cho nó còn quá e thẹn không dám trao cho anh.

Bâyтoman cầm vành hoa lên tay và làm một diễn từ ngắn lịch lâm cảm ơn cô gái.

- Anh phải khoác nó vào. - Cô nói, miệng mỉm cười và mắt ửng đỏ.

- Tôi ấy à? Tôi không nghĩ là phải làm thế!

- Đây là một phong tục nên thơ của xứ này, - Acnôn Giăcxơ̄n nói.

Có một vành hoa ở trước ông ta và ông ta đặt nó lên mái tóc. Etuôt cũng làm theo.

- Tôi cho là về phần mình, tôi không ăn mặc như thế được, - Bâyтoman bức bối nói.

- Anh có thích một cái Pareo không? - Êva mau miệng. - Em sẽ lấy cho anh một cái ngay bây giờ.

- Không, cảm ơn cô. Như thế này tôi hoàn toàn thấy dễ chịu rồi.

- Chỉ cho anh ấy cách đặt vòng hoa, Éva! - Etuôt nói.

Bâytôman lúc đó thấy căm ghét người bạn thân nhất của mình. Éva từ bàn đứng dậy và tươi cười đặt vòng hoa lên mái tóc đen của anh.

- Nó hợp với anh quá chừng. - Bà Giăcxơн nói. - Có đúng là hợp không nào, anh Acnôn?

- Đúng quá đi chứ!

Bâytôman túa mồ hôi khắp các lỗ chân lông.

- Trời tối rồi có tiếc không cơ chứ! - Éva nói. - Giá chụp luôn hình cả hai người mới phải.

Bâytôman thầm cảm ơn số phận. Anh nghĩ chắc anh trong xuân ngốc đến kỳ dị trong bộ com-lê xanh lơ và cổ cao - rất chỉnh tề và hào hoa phong nhã - với cái vòng hoa kỳ cục trên đầu. Anh sồi lên căm giận, chưa bao giờ trong đời anh lại đạt được sự tự chủ hơn lúc này, khi anh thể hiện một vẻ ngoài nhã nhặn. Anh điên tiết với lão già đang ngồi ở đầu bàn kia, trán nửa người, với bộ mặt ông thánh và lớp hoa trên móng tay trắng đẹp đẽ. Toàn bộ tư thế thật quái dị.

Rồi bữa ăn kết thúc, Éva và mẹ ở lại dọn dẹp trong khi ba người đàn ông ra hiên ngồi. Trời rất暗, không khí đượm hương hoa trắng trong đêm. Mặt trăng tròn trôi qua bầu trời không gợn mây làm thành một vệt đường trên biển rộng dẫn tới vương

quốc bao la của Vĩnh cửu. Acnôn Giăcxơn cất tiếng. Giọng ông sâu lắng và du dương. Giờ đây ông nói về dân bản địa và những truyền thuyết xa xưa của xứ này. Ông kể những câu chuyện lạ lùng của quá khứ, những câu chuyện về các cuộc phiêu lưu thám hiểm vào cõi chưa từng biết, về tình yêu và cái chết, về cấm hận và trả thù. Ông kể về những nhà phiêu lưu đã khám phá ra những hòn đảo xa xôi này, về những thủy thủ định cư trên các đảo đã lấy con gái các thủ lĩnh trưởng tộc, về những con người ở đảo đã sống một cuộc sống nhiều màu vẻ trên những bờ biển dát bạc kia. Bây toman đang mỉm cười và cău giận, đầu tiên nghe một cách buồn bực, nhưng rồi có chút gì thần diệu trong lời kể đã xâm chiếm lấy anh và anh ngồi nghe mê mải. Ảo ảnh của sự lảng漫 đã che mờ ánh sáng thường ngày. Anh đã quên mất rằng Acnôn Giăcxxon có một chất giọng hùng hồn, cái chất giọng mà nhờ nó, ông ta đã dù được của công chúng cả tin những món tiền lớn, cái chất giọng suýt nữa thì làm ông ta thoát sự trừng phạt? Không ai có tài hùng biện tuyệt vời hơn và không ai có một tri giác sắc sảo hơn về đỉnh điểm gia tăng của câu chuyện. Bỗng ông ta đứng dậy:

- Nay nhé, hai cậu đã lâu chưa được trông thấy nhau. Tôi phải để cho hai người hàn huyên với nhau. Tétdi sẽ chỉ chỗ nghỉ cho anh khi nào anh muốn đi ngủ.

- Ô, nhưng tôi không nghĩ đến chuyện nghỉ lại cả đêm ở đây, thưa ông Giăcxơn. - Bâyтoman nói.

- Anh sẽ thấy ở đây cũng tiện lợi. Chúng tôi sẽ lo gọi anh đúng giờ.

Rồi băng cái bắt tay lịch duyệt, trịnh trọng cứ như ông ta đang là giám mục với đầy đủ y phục, Acnôn Giăcx ơn rút lui.

- Dĩ nhiên tờ sẽ chở cậu về Papier⁽¹⁾ nếu cậu muốn, Etuôt nói, - nhưng tờ khuyên cậu ở lại. Đi vào sáng sớm mới hay.

Không ai nói câu nào trong suốt mấy phút. Bâyтoman tự hỏi nên bắt đầu như thế nào câu chuyện mà toàn bộ những sự kiện trong ngày làm anh thấy nó cấp bách hơn.

- Khi nào cậu sẽ trở về Chicngô? - Anh hỏi bất thành linih.

Trong giây lát Etuôt không đáp. Rồi anh ta quay lại một cách khá là uể oải, nhìn bạn và mỉm cười:

- Tớ không biết. Có lẽ không bao giờ!

- Trời đất! Cậu nói gì vậy? - Bâyтoman kêu lên.

- Tớ rất hạnh phúc ở nơi đây. Thay đổi nó không biết có phải là đại dột không?

- Trời ơi, cậu làm sao có thể sống ở đây cả đời được? Đây không phải là cuộc sống đổi với một con người. Thật là chết mòn mà thôi. Ôi! Etuôt! Hãy đi

⁽¹⁾ Papier: Thủ phủ của Pôlynêzia thuộc Pháp, nằm ở phía tây bắc đảo Tahiti.

khỏi đây ngay khi còn chưa quá muộn. Tớ đã thấy ngay là có chuyện không hay. Cậu đã cuồng si với cái nơi này, cậu đã bị ma quỷ ám rồi, nhưng chỉ cần một cái vặn mình thôi, rồi khi đã thoát khỏi nơi ám chướng xung quanh, cậu sẽ cảm ơn tất cả các thánh thần trên đời. Cậu sẽ giống như một kẻ nghiện ma túy một khi đã dứt bỏ nó. Cậu thấy rằng suốt hai năm qua cậu hít thở phải khí độc. Cậu không thể tưởng tượng nỗi sê nhẹ lòng như thế nào khi phổi cậu lại căng đầy cái không khí tươi mát, trong lành của quê hương xứ sở.

Anh nói nhanh, lời lẽ xô nhau nối tiếp trong cơn xúc động, trong giọng nói của anh chứa một tình cảm chân thành và thương mến. Etuôt thấy cảm động.

- Cậu quan tâm nhiêu đến tớ, thật tốt quá, bạn cũ ạ!
- Ngày mai đi với tớ, Etuôt. Cậu đến nơi này thật là sai lầm. Đây đâu phải là cuộc sống đỗi với cậu.

- Cậu nói về cuộc sống này, cuộc sống kia. Thế cậu nghĩ con người ta có được cuộc sống tốt đẹp nhất trên đời là như thế nào?

- Chao ôi, tớ nghĩ không thể có đến hai cách trả lời cho nó. Đó là khi người ta thực hiện nghĩa vụ của mình, chăm chỉ làm việc, đón nhận mọi trách nhiệm trên cương vị và cấp bậc của mình.

- Còn phần đền đáp cho anh ta là cái gì?
- Phần đền đáp là sự nhận thức được anh ta đã đạt được cái gì mà anh ta đã bỏ công ra thực hiện.

- Cái điều đó có vẻ hơi khoa trương đối với tớ. - Etuôt nói, trong ánh đèn Bâytôman còn nhận thấy anh ta đang mỉm cười. - Tớ e rằng cậu sẽ nghĩ là tớ đã thoái hóa một cách đáng buồn. Có một số điều mà tớ đang nghĩ bây giờ, có thể nói là ba năm trước thì thật gớm ghiếc đối với tớ!

- Cậu đã học được chúng ở Acnôn Giăcxon? - Bâytôman hỏi một cách khinh miệt.

- Cậu không thích ông ấy à? Có lẽ cậu không thể ngờ được đâu. Hồi mới đến tớ cũng không thích. Tớ cũng đã có một thiên kiến hệt như cậu. Ông ấy là một người rất khác thường. Chính mắt cậu thấy là ông ta không giấu giếm việc ông ta đang ở nơi cải tạo. Tớ không biết ông ta hối tiếc hay tội lỗi đã dẫn ông ta đến đây. Cái điều phàn nàn duy nhất mà tớ nghe được là khi ông ta đến đây sức khỏe đã bị suy sút. Tớ nghĩ ông ta không biết hối hận là gì. Ông ta hoàn toàn mất đạo đức. Ông ta chấp nhận mọi cái và chấp nhận cả bản thân như thế luôn. Ông ta hào hiệp và tử tế.

- Ông ta bao giờ chả thế, - Bâytôman cắt ngang. - Bằng đồng tiền của người khác.

- Tớ thấy ông ấy là một người bạn rất tốt. Chẳng lẽ tớ chấp nhận một con người đúng như những gì tớ thấy ở người đó lại là trái tự nhiên ư?

- Kết quả là cậu đã đánh mất đi sự phân biệt giữa cái phải và cái trái.

- Không, cái phải và cái trái vẫn được chia ra rõ

rằng trong đầu tớ như trước kia, nhưng cái trở nên hơi rắc rối trong tớ là sự phân biệt giữa người tốt và người xấu. Acnôn Giăcxon là một người xấu làm những việc tốt hay là một người tốt làm những việc xấu? Đó là câu hỏi khó trả lời. Có lẽ chúng ta đã quá tách bạch giữa con người này với con người khác. Có lẽ ngay cả những người tốt nhất trong chúng ta là những kẻ có tội và những kẻ xấu nhất trong chúng ta là những ông thánh. Ai mà biết được?

- Cậu sẽ không bao giờ thuyết phục được tớ rằng trăng là đen và đen là trăng, - Bâyтоман nói.

- Tớ tin chắc là tớ không thể, Bâyтоман ạ.

Bâyтоман không thể hiểu tại sao một thoảng nụ cười lại lướt qua môi Etuôt khi anh ta đồng ý với anh. Etuôt im lặng trong phút chốc.

- Khi tớ trông thấy cậu sáng nay, Bâyтоман ạ, - sau đó Etuôt nói - tớ như trông thấy lại mình hai năm trước. Cũng cái cổ áo ấy, cũng đôi giày ấy, cũng bộ com-lê xanh lơ ấy, cũng bầu nhiệt huyết ấy. Cũng một quyết tâm ấy. Nói có trời chứng giám, tớ từng hăng hái lắm. Cái cung cách uể oải của nơi này đã làm tớ ngứa máu. Tớ đi quanh mọi nơi và chỗ nào tớ cũng nhìn thấy khả năng mở mang hay kinh doanh. Đây đúng là cái đất để làm ăn phát tài. Tớ cảm thấy thật bất hợp lý khi cùi dừa khô đóng bao chở đi, còn dầu thì được chiết tận bên Mỹ. Làm mọi thứ đó tại chỗ, với nhân lực rẻ, chuyên chở lại dễ dàng thì thật

kinh tế hơn nhiều, và tờ đã tưởng tượng ngay ra cái cảnh những nhà máy rộng lớn mọc lên trên đảo. Rồi cái cách người ta chiết dầu dừa tờ thấy cũng không thỏa đáng tí nào và tờ đã sáng chế ra một cái máy băm dừa và nạo thịt dừa với tốc độ hai trăm bốn mươi quả một giờ. Bên tàu không đủ rộng. Tờ lập kế hoạch mở rộng nó, rồi sẽ lập một phường hội mua đất, xây lên hai ba cái khách sạn lớn, và những căn nhà một tầng cho những người trú ngụ ít bữa; tờ có cả một sơ đồ cài tiến hệ thống đun hơi nhằm lôi cuốn khách thăm từ Caliphonia tới. Trong hai mươi năm, thay vì cái thị xã Papiet nửa Pháp, nhỏ bé và biếng nhác này, tờ đã thấy hiện ra một thành phố kiểu Mỹ rộng lớn với những tòa nhà mười tầng và xe điện, rạp hát và nhà hát opéra, sở giao dịch chứng khoán và một công thị trường.

- Cứ tiếp tục đi, Etuôt, - Bâyтoman kêu lên, người chồm dậy khỏi ghế trong cơn xúc động. - Cậu có những ý tưởng và khả năng. Thế nào cậu cũng sẽ trở thành người giàu có nhất ở khu vực giữa Ôxtorâylia và nước Mỹ.

Etuôt cười khúc khích:

- Nhưng tờ không muốn vậy, - anh nói.
- Cậu muốn nói là cậu không muốn có tiền, nhiều tiền, tiền lên đến hàng triệu? Cậu có biết rằng với nó, cậu có thể làm được những gì không? Cậu có biết đến quyền năng mà tiền bạc đem lại? Dù nếu cậu có

không màng đến tiền bạc cho chính cậu thì hãy nghĩ cậu có thể làm được những gì, mở mang những luồng hoạt động mới cho con người, đem lại công ăn việc làm cho hàng nghìn người. Đầu óc tớ quay cuồng trước những cảnh tượng mà lời nói của cậu đã gợi lên.

- Ngồi xuống đây đã, Bâyтoman thân mến, - Etuôt cười - Cái máy cắt dừa của tớ sẽ mãi mãi không được đem ra dùng, còn xe điện mà tớ đã quan tâm nhiều đến thế sẽ không bao giờ lăn bánh trên những phố xá nhàn rỗi của Papiet.

Bâyтoman nặng nề thả người xuống ghế.

- Tớ không hiểu nổi cậu, - anh nói.

- Điều ấy đến với tớ dần dần từng tí một. Tớ lẩn hối thấy thích cuộc sống ở đây, với vẻ thư thái và nhàn du của nó, cùng con người, với tính nết hiền hậu và khuôn mặt hạnh phúc luôn luôn mỉm cười của họ. Tớ bắt đầu suy nghĩ. Trước kia tớ chưa bao giờ có thì giờ để làm cái đó. Tớ bắt đầu đọc.

- Cậu lúc nào chả đọc sách.

- Đây là tớ đọc để thi cử. Tớ đọc để làm nổi bật mình khi nói chuyện. Tớ đọc để lấy sự chỉ bảo. Ở đây tớ đã học cách đọc để giải trí. Tớ đã học cách trò chuyện. Cậu có biết trò chuyện là một trong những khoan khoái lớn nhất trên đời không? Nhưng nó đòi hỏi thời gian rồi. Trước kia tớ lúc nào cũng quá bận. Rồi dần dần cả cuộc sống từng tưởng như hết sức quan trọng đối với tớ bắt đầu hóa ra khá tầm thường và

thô thiển. Tất cả sự bon chen và găng gỏi thường xuyên kia có ích lợi gì? Nghĩ về Chicagô bây giờ tớ đã thấy một thành phố tối, xám, tất cả đều băng đá - nó như một nhà tù và một cảnh hỗn loạn không ngừng. Tất cả những hoạt động kia có nghĩa lý gì? Có phải chúng ta sinh ra ở đời này để vội vã đi đến nhiệm sở, làm việc hết giờ này đến giờ khác cho đến tối rồi vội vã về nhà ăn tối và đi xem hát? Có phải đó là cuộc sống tốt đẹp nhất không? Có phải đây là cái cách tớ phải tiêu xài tuổi thanh xuân của mình? Tuổi thanh xuân diễn ra ngắn lắm, Bâyberman ạ. Và một khi tớ già rồi, cái gì là cái tớ mong đợi? Vội vã từ nhà đến nhiệm sở vào buổi sáng, làm việc hết giờ này đến giờ khác cho đến tối rồi lại vội vã quay về nhà ăn tối và đi xem hát? Có thể bõ công làm cái đó nếu cậu định làm giàu, tớ không rõ, nó còn tùy thuộc vào tâm tính của cậu, nhưng nếu cậu không làm giàu, thì khi ấy có bõ công không? Tớ muốn làm cho cuộc đời được nhiều hơn thế cơ, Bâyberman ạ.

- Vậy thì cậu coi trọng cái gì ở đời?

- Tớ e rằng cậu sẽ cười tớ. Cái đẹp, chân lý và lòng tốt!

- Thế cậu không cho rằng cậu có thể có những cái đó ở Chicagô à?

- Có lẽ một số người có thể, nhưng tớ thì không, - Etuôt nhồm dậy. - Thú thật với cậu là khi nghĩ về cuộc sống của tớ những ngày xưa kia, tớ thấy kinh khủng quá, - anh kêu lên mạnh mẽ. - Tớ sợ run người

Sự sa ngã của Etuôt Banöt

khi nghĩ đến cái nguy cơ mà tớ đã thoát khỏi. Tớ chưa bao giờ biết mình có một tâm hồn cho mãi tới lúc tớ tìm thấy nó ở đây. Giá tớ vẫn là một người giàu có thì chắc là tớ đã đánh mất nó mãi mãi.

- Tớ không hiểu làm sao cậu lại có thể nói được như vậy - Bâyтoman giận dữ kêu lên. - Chúng ta vẫn thường tranh luận về nó rồi.

- Có, tớ có biết. Nó cũng chẳng khác nào những cuộc tranh luận của những người cầm điếc về hòa âm. Tớ sẽ không bao giờ quay về Chicagô, Bâyтoman ạ.

- Thế còn Izaben thì sao?

Etuôt dạo bước đến cuối hiên và ngả người nhìn chăm chú vào màu xanh huyền diệu của đêm. Một nụ cười thoảng trên mặt khi anh quay lại phía Bâyтoman.

- Izaben quả là vô cùng tốt đối với tớ. Tớ khâm phục cô ấy hơn bất kỳ một người phụ nữ nào mà tớ đã từng biết. Cô ấy có một trí óc tuyệt vời và đẹp bao nhiêu thì cô ấy cũng tốt bấy nhiêu. Tớ quý trọng nghị lực và hoài bão của cô ấy. Izaben sinh ra là để thành đạt trong đời. Tớ hoàn toàn không xứng đáng với cô ấy.

- Cô ấy không nghĩ như vậy.

- Thế thì cậu phải nói với cô ấy như vậy, Bâyтoman ạ.

- Tớ ấy à? - Bâyтoman kêu lên. - Tớ không đùi nào lại đi làm cái việc ấy.

Etuôt đứng quay lưng lại phía ánh trăng vàng

vặc, nên mặt anh trông không rõ. Có lẽ anh lại mỉm cười nữa chăng?

- Cậu cố giấu cô ấy điều gì cũng là không tốt, Bâytöman ạ. Với trí tuệ nhanh nhạy của mình, cô ấy sẽ quay cậu trong năm phút là ra hết. Chỉ bằng cậu hãy thành thật thú nhận hết là hơn.

- Tớ không hiểu cậu nói gì. Tất nhiên tớ sẽ nói với cô ấy là tớ đã gặp cậu. - Bâytöman nói vẻ hơi bị kích động. - Thú thật tớ không biết nói gì với cô ấy.

- Nói với cô ấy là tớ đã không làm ăn tử tế. Nói với cô ấy là tớ không chỉ nghèo mà tớ còn bàng lòng chịu nghèo. Nói với cô ấy là tớ bị sa thải vì lười biếng và lơ đãng. Nói với cô ấy tất cả những gì cậu đã nhìn thấy tối nay và tất cả những gì tớ đã nói với cậu.

Một ý nghĩ bất thắn lóe lên trong óc Bâytöman khiến anh bật dậy, và trong sự xao xuyến không điều khiển nổi, anh đứng đối diện với Etuôt.

- Trời ơi, cậu không định lấy cô ấy à?

Etuôt nhìn anh một cách nghiêm trang.

- Tớ không bao giờ đảm bảo cô ấy phong thích tớ. Nếu cô ấy vẫn muốn tớ giữ lời hứa thì tớ sẽ làm hết sức mình để trở thành một người chồng tốt và biết thương yêu đối với cô ấy.

- Cậu muốn tớ chuyển thông báo ấy cho Izaben? Ôi, tớ không thể. Khủng khiếp thật. Cô ấy không một mảy may ngờ là cậu lại không muốn lấy cô ấy. Cô ấy

Sự su ngã của Etuôt Banot

yêu cậu. Làm sao tớ có thể bắt cô ấy phải chịu một sự tổn thương như vậy?

Etuôt lại mỉm cười.

- Sao cậu không lấy cô ấy nhỉ, Bâytôman? Cậu mê cô ấy từ hàng bao nhiêu năm nay. Hai người hoàn toàn xứng hợp với nhau. Cậu sẽ làm cho cô ấy rất hạnh phúc.

- Đừng có nói cái kiêu áy với tớ, tớ không thể chịu được đâu.

- Tớ xin nhường cho cậu đây, Bâytôman. Cậu là người tốt hơn.

Có cái gì đó trong giọng nói của Etuôt làm Bâytôman vội nhìn lên, nhưng mắt Etuôt nghiêm trang không cười. Bâytôman không biết nói gì. Anh bị hãi. Anh tự hỏi không biết Etuôt có thể ngờ rằng anh đến Tahiti là có sự giao phó đặc biệt hay không. Và dù rằng anh biết thế là đáng tởm, anh vẫn không ngăn được sự hoan hỉ trong lòng. .

- Cậu sẽ làm gì nếu Izaben viết thư dứt bỏ sự hứa hôn với cậu? - Anh hỏi chầm chậm.

- Tớ vẫn tiếp tục sống. - Etuôt nói.

Bâytôman quá xúc động trong lòng nên anh không nghe thấy câu trả lời.

- Đáng lẽ cậu nên vận quần áo bình thường mới phải, - anh nói có phần nào bức dọc. - Đây là cái lúc cậu đang chọn một quyết định nghiêm túc như vậy. Cái bộ sắc phục kỳ quái này làm cho nó có vẻ tầm thường dẽ sợ.

- Tớ cam đoan với cậu, trong cái Pareo và vòng hoa hồng tớ cũng trịnh trọng chẳng khác gì lúc đội mũ cao và đóng bộ com-lê may cắt vừa vặn.

Lúc ấy một ý nghĩ khác nảy đến với Bâyтoman.

- Etuôt, có phải vì tớ mà cậu hành động như thế không? Tớ không rõ, có lẽ nó sẽ làm thay đổi lớn lao đến tương lai của tớ. Cậu hy sinh vì tớ phải không? Tớ không dám nhận điều ấy, cậu biết đấy.

- Không, Bâyтoman ạ, tớ đã học được đủ để không ngờ ngắn và đa cảm ở đây. Tớ mong muôn cậu và Izaben được hạnh phúc, nhưng tớ hoàn toàn không muốn phải chịu bất hạnh cho bản thân.

; Câu trả lời tựa như gáo nước lạnh dội vào Bâyтoman. Nó có vẻ hơi đạo đức rờm. Anh ta không thèm lấy làm đắn đo nuối tiếc khi đã có cái hành động cao thượng này.

- Cậu muốn nói là cậu băng lòng phung phí đời mình ở đây? Thật không khác gì tự sát. Khi tớ nghĩ đến những hứa hẹn lớn lao ở cậu hồi chúng mình rời trường đại học, thì tớ thấy khủng khiếp là cậu lại băng lòng làm một anh bán hàng không hơn không kém ở cái cửa hàng tạp hóa này.

- Ô, tớ chỉ làm nghề ấy tạm thời thôi, tớ đang thu lượm được vô vàn kinh nghiệm bổ ích. Tớ có một kế hoạch khác trong đầu. Acnôn Giăcxon có một cái đảo nhỏ trong quần đảo Paumotat cách đây khoảng nghìn dặm, một dải đất vòng quanh một cái vịnh nhỏ. Chú ấy trồng dừa ở đó. Chú ấy đang muốn đem nó cho tớ.

- Sao ông ta lại làm thế? - Bâytôman hỏi.
- Bởi vì nếu Izaben giải phóng cho tớ, tớ sẽ lấy con gái Giăcxon.
- Cậu? - Bâytôman như bị sét đánh. - Cậu không thể lấy một con bé lai được. Cậu không thể nào điên rồ như thế được.
- Èva là một cô gái tốt, cô ấy có một bản tính ngọt ngào, dịu dàng. Tớ nghĩ cô ấy sẽ đem lại hạnh phúc cho tớ.

- Cậu đã yêu cô ta?

- Tớ không rõ, Etuôt trầm ngâm đáp. - Tớ không yêu cô ấy như kiểu tớ đã yêu Izaben. Tớ đã sùng bái Izaben. Tớ đã nghĩ nàng là người tuyệt vời nhất tớ từng gặp. Tớ không xứng được một nửa của nàng. Nhưng tớ không cảm thấy điều ấy với Èva. Cô ấy như một bông hoa kỳ lạ, tuyệt đẹp cần được che chắn khỏi gió mưa. Tớ muốn che chở cô ấy. Không ai nghĩ đến chuyện che chở cho Izaben. Tớ nghĩ cô ấy yêu tớ là yêu chính bản thân tớ chứ không phải yêu cái mà tớ có thể trở thành. Cho dù có điều gì xảy đến với tớ đi nữa, tớ sẽ không bao giờ khiến cô ấy chán ngán vỡ mộng. Cô ấy rất hợp với tớ.

Bâytôman im lặng.

- Mai ta phải dậy sớm, - cuối cùng Etuôt nói. - Đã đến lúc chúng mình nên đi ngủ.

Lúc này Bâytôman lên tiếng, giọng anh đau buồn thật sự.

- Minh bàng hoàng quá, không biết nói gì bây giờ. Minh đến đây vì nghĩ rằng có điều gì đó không ổn. Minh nghĩ là cậu không thành đạt với những điều cậu đã để ra để thực hiện và cảm ngượng không dám quay về nữa. Minh không khi nào ngờ rằng lại gặp phải chuyện này. Minh buồn ghê gớm, Etuôt à. Võ mộng mất rồi. Cứ hy vọng rằng cậu sẽ làm nên những việc vĩ đại. Thật là quá sức chịu đựng khi nghĩ đến chuyện cậu phung phí tài năng, tuổi trẻ và cơ hội của cậu một cách thảm hại làm vậy.

- Đừng buồn khổ làm gì, anh bạn ạ, - Etuôt nói. - Tớ đâu có thất bại. Tớ thành đạt đấy. Cậu không thể hình dung nổi tớ trông đợi ở cuộc sống với niềm thú vị nhường nào, nó đối với tớ hàm súc đến thế nào, có ý nghĩa đến thế nào. Rồi có lúc, khi cậu đã lấy Izaben, cậu sẽ nghĩ đến tớ. Tớ sẽ tự xây một căn nhà trên hòn đảo san hô của tớ và tớ sẽ sống ở đấy, trồng nom cây cối - chúng đâm hoa kết quả vẫn bằng cái cách mà chúng vẫn có từ bao đời nay - tớ sẽ trồng đủ thứ trong vườn và tớ sẽ đánh cá. Sẽ có đủ việc để tớ bận bịu, và không quá nhiều đến nỗi làm tớ ngu si đi. Tớ sẽ có sách và có Êva, có con cái, hy vọng là ngoài ra, tớ còn có vẻ phong phú không cùng của biển cả và trời xanh, cái tươi mát của bình minh và vẻ đẹp của hoàng hôn, sự tráng lệ nguy nga của buổi đêm. Tớ sẽ làm thành một cái vườn từ những gì chỉ mới đây thôi còn là hoang dã. Tớ sẽ tạo dựng được cái gì đó. Năm tháng qua đi không nhận thấy, rồi khi đã về

già, tớ hy vọng sẽ có thể nhìn lại một cuộc đời hạnh phúc, giản dị, êm đềm. Bằng cách khiêm nhường của mình, tớ sẽ được sống trong cái đẹp. Cậu có nghĩ rằng thế là quá ít ỏi để mà mãn nguyện không? Chúng mình biết là một con người giành được cả thế giới và đánh mất tâm hồn mình thì có ích gì⁽¹⁾. Tớ nghĩ là tớ đã giành được tâm hồn của tớ.

Etuôt dẫn anh vào một căn buồng rồi thả người xuống một trong hai cái giường kê ở đó. Mười phút sau, qua hơi thở đều của bạn, êm như hơi thở của một đứa trẻ, Bâyтoman biết rằng Etuôt đã ngủ. Về phần mình, anh không thấy thư thái, đầu óc anh rối bời và cho mãi đến tận lúc hừng đông bò vào trong phòng một cách ma quái và lặng lẽ, thì anh mới thiếp đi.

Bâyтoman đã kể xong câu chuyện dài cho Izaben. Anh không giấu nàng điều gì trừ những chi tiết anh nghĩ sẽ làm nàng bị tổn thương hay những chi tiết đặt anh ở vị trí tức cười. Anh không kể với nàng chuyện anh bị ép ngồi ăn tối với vòng hoa quanh đầu, và anh cũng không nói với nàng chuyện Etuôt sắp sửa lấy cô con gái lai của ông cậu nàng, một khi nàng cho anh ta tự do. Nhưng có lẽ Izaben có trực giác tinh tế hơn anh tưởng, bởi vì khi anh càng tiếp tục câu chuyện thì mắt nàng càng lạnh lùng hơn, và môi nàng càng áp chặt vào nhau hơn. Đôi lúc nàng nhìn dán vào anh, giá anh ít mải mê với việc

⁽¹⁾ Lấy lời Chúa Giêxú trong Kinh thánh.

thuật chuyện thì chắc anh phải thắc mắc về biểu hiện của nàng.

- Thế cô gái ấy giống ai? - Nàng hỏi khi anh đã kết thúc câu chuyện. - Cô con gái của Acnôn ấy. Anh có thấy sự giống nhau nào giữa cô ấy và em không?

Bây tơman sững sốt với câu hỏi đó.

- Anh chưa hề để ý đến chuyện ấy. Em biết đấy, anh chưa bao giờ để mắt đến ai cả trừ em, và anh không thể nào lại nghĩ rằng có ai giống em được. Ai có thể giống được em?

- Cô ấy có xinh không? - Izaben nói, khẽ mỉm cười trước lời anh nói.

- Anh cho là xinh. Anh dám chắc là một số người còn có thể nói là cô ấy rất đẹp nữa là khác.

- Mà thôi, cái đó chả thành vấn đề. Em nghĩ chúng ta cũng chả cần để ý thêm đến cô ta làm gì nữa.

- Giờ em định sao? Izaben? - Anh hỏi.

Izaben nhìn xuống bàn tay hãy còn đeo chiếc nhẫn mà Etuôt đã tặng nàng hôm đính hôn.

- Em đã không cho Etuôt phá bỏ lời hứa hôn vì em đã nghĩ rằng nó là điều khích lệ anh ấy. Em đã muốn là người cổ vũ cho anh ấy. Em đã nghĩ là nếu có cái gì có thể đưa anh ấy đến thành công thì đó chính là ý nghĩ rằng em yêu anh ấy. Em đã làm mọi điều có thể làm được. Thật là vô vọng. Về phần em, không thừa nhận sự thật thì chỉ có nghĩa là yêu đuối mà thôi. Tôi nghiệp Etuôt, anh ấy không là kẻ thù của ai cả, mà chỉ là kẻ thù của chính mình. Anh ấy là

một chàng trai tốt và đáng mến, nhưng anh ấy thiếu một cái gì đó em nghĩ có lẽ thiếu cái trụ cột bên trong. Em mong là anh ấy sẽ hạnh phúc.

Nàng tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay và đặt nó lên bàn. Bâyтoman ngắm nàng, tim anh đập nhanh đến mức anh thấy khó thở.

- Em thật tuyệt vời, Izaben à, em quả là tuyệt vời!

Nàng cười rồi đứng dậy chìa tay cho anh.

- Em biết lấy gì cảm ơn anh về những gì anh đã làm cho em, - nàng nói, - anh đã bỏ công sức giúp em nhiều như thế, em biết em có thể tin cậy ở anh.

Anh cầm tay nàng và giữ lấy. Chưa bao giờ anh thấy nàng đẹp như vậy.

- Ôi, Izaben, anh sẽ còn vì em làm nhiều hơn thế nữa. Em biết là anh chỉ yêu cầu được phép yêu và phục vụ em.

- Anh mạnh mẽ lắm, anh Bâyтoman - nàng thở dài. Anh làm em có được một cảm giác tin tưởng dễ chịu thế này.

- Izaben, anh yêu em da diết!

Anh không rõ nguồn phán hùng đã đến với anh ra sao, nhưng bất thần anh ôm chặt nàng trong vòng tay anh và nàng, không hề chống lại, mỉm cười trong mắt anh.

- Izaben, em biết đấy, anh đã muốn lấy em ngay từ hôm đầu gặp em, - anh thốt lên nồng nàn.

- Sao lúc ấy anh lại không hỏi em ngay? - Nàng đáp.

Nàng đã yêu anh. Anh khó có thể tin rằng đấy là sự thật. Nàng ban cho anh đôi môi đáng yêu của nàng để anh hôn. Và khi giữ nàng trong vòng tay mình, anh đã mường tượng thấy các nhà máy của Công ty Ô tô và máy kéo Hantơ đang vươn ra về kích thước và tầm quan trọng cho tới khi chúng bao phủ hàng trăm mẫu đất, thấy hàng triệu ô tô được xuất xưởng, thấy một bộ sưu tập tranh lớn do anh gây dựng sẽ ăn đứt bất kỳ bộ sưu tập nào người ta có ở Niu Yoóc. Anh sẽ mang kính gọng sừng. Còn nàng, với áp lực khoan khoái của vòng tay anh, nàng thở sâu trong hạnh phúc, vì nàng nghĩ đến một căn nhà thanh lịch mà nàng sẽ có, đầy những đồ đạc cổ, đến những buổi hòa nhạc nàng sẽ tổ chức, đến *thes dansant*⁽¹⁾ và những bữa ăn chỉ có những người có văn hóa nhất được mời đến. Bâyтoman sẽ mang kính gọng sừng.

- Tôi nghiệp Etuôt, - nàng thở dài.

⁽¹⁾ Thés dansant (tiếng Pháp): Những buổi tiệc trà có khiêu vũ.

Người coi giáo đường

Chiều hôm ấy có phiên lễ rửa tội ở nhà thờ Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilơ, Anbe Etuôt Phorðman vẫn còn mặc cái áo dài lê của ông, người coi giáo đường. Ông cất giữ cái áo mới, nó còn nguyên nếp gấp và cứng như thể không phải bằng vải anpaca mà bằng thứ đồng thiếc trường cửu, dành cho lê tang và lê cưới (nhà thờ Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilơ là nơi được tầng lớp thời thượng ưa chọn cho những lê tiết như vậy) giờ ông chỉ mặc cái áo tốt thứ nhì của ông mà thôi. Ông mặc nó với vẻ tự đắc, vì nó là biểu tượng cao quý của lê đường, mà không có nó (khi ông cởi ra để về nhà) ông có cảm giác ngường ngượng tựa như chưa mặc đủ quần áo vậy. Ông bỏ công sức vào đây, tự tay ông là nó. Suốt mười sáu năm làm chán coi sóc nhà thờ này, ông có một dãy áo lê như thế, nhưng chưa bao giờ ông dám bỏ cái nào đi khi mặc đã tàng, và cái chuỗi đủ bộ ấy được gói bọc ngăn nắp bằng giấy nâu, nằm trong những ngăn kéo, đáy của tủ áo trong phòng ngủ của ông.

Ông lặng lẽ làm việc, nào thay tấm gỗ sơn đậm bình nước thánh, nào dọn đi chiếc ghế đã được khuân ra cho một bà già ốm yếu, rồi ông đợi cha sở xong việc trong phòng quần áo để ông có thể dọn dẹp lần cuối rồi về nhà. Chẳng mấy chốc ông thấy cha sở đi ngang gian thánh đường, quỳ gối trước bệ thờ cao, rồi đi dọc cánh bên, nhưng trên mình vẫn mặc áo thầy tu.

- Ông ta còn quanh quần ở đây làm gì nhỉ? - Ông thầm hỏi. - Ông ta không biết là mình cũng muốn về nhấp trà hay sao?

Cha sở mới được bổ nhiệm gần đây. Cha nồng nồng, có bộ mặt hồng hào độ ngoài bốn mươi. Anbe Etuôt vẫn còn nuối tiếc cha cũ, một thầy tu trưởng phái cổ đọc kinh cầu nguyện nhàn nhã bằng cái giọng du dương và đi dự tiệc tùng khá nhiều với những giáo dân giàu sang của cha. Cha thích mọi việc trong nhà thờ được đúng như ý, nhưng không bao giờ xoi mói phiền hà, đâu có giống cha mới này cứ muốn cái gì cũng thò mũi vào. Nhưng Anbe Etuôt giỏi chịu đựng. Xanh Pitơ nằm ở một vùng rất tốt, giáo dân trong xứ thuộc tầng lớp tử tế. Cha sở mới từ khu Ixtot Endot đổi về, chắc cha chưa ăn nhập ngay được với cung cách khéo léo của giáo đoàn thời thượng nơi đây.

- Cứ lặng xăng cả lên, - Anbe Etuôt nói. - Phải một thời gian, cha sẽ học hỏi được.

Cha sở đã đi dọc cánh bên xuống dưới để có thể

Người cai giáo đường

nói với thầy quản mà không phải cao giọng hơn cái mức phải phép ở nơi tôn nghiêm, và cha dừng lại.

- Phoroman, ông vào phòng quần áo một chút nhé.
Tôi có chuyện muốn nói với ông.

- Xin lịnh ý cha.

Cha sở đợi ông tiến lại và họ cùng nhau bước đi lên phía trên nhà thờ.

- Lê rứa tội hôm nay rất tuyệt, thưa cha. Thú thật, lúc cha bế lấy đứa bé là nó thôi khóc ngay.

- Tôi đã ngẫm ra là chúng thường thôi khóc ngay, - cha sở nói với nụ cười mỉm. - Tôi đã qua thực tiễn khá nhiều rồi mới thế.

Cái niềm tự hào được nén lại của cha là cha giàn như bao giờ cũng làm đứa trẻ đang khóc nín được qua cái cách cha bế nó, và cha không phải không nhận ra sự bái phục thú vị của các bà mẹ và bảo mẫu khi quan sát cha đặt đứa bé vào vòng tay áo thung của mình. Thầy quản biết là cha thấy khoan khoái khi được khen về tài năng ấy của người.

Cha sở đi trước Anbe Etuôt vào phòng quần áo. Anbe Etuôt hơi ngạc nhiên thấy có hai vị chánh trưởng ở đấy. Ông không trông thấy họ vào từ lúc nào. Họ gật đầu nhã nhặn với ông.

- Chào cha giám. Chào cha! - Ông chào lần lượt từng người.

Họ đều đã luống tuổi, cả hai người, và cũng làm chánh trưởng lâu như Anbe Etuôt làm quản giáo vậy.

Họ đang ngồi bên cái bàn ăn thanh lịch mà cha sở cũ đã mang từ Italia về từ nhiều năm về trước, còn cha sở ngồi vào ghế trống đặt giữa họ.

Anbe Etuôt đứng đối diện với họ cách cái bàn ở giữa và bút rứt tự hỏi không hiểu có chuyện gì đã xảy ra. Ông còn nhớ cái dạo người chơi đàn oocgo có chuyện không hay và mọi người đã phải im cả đi. Ở một nhà thờ như Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilo, người ta không thể xì chuyện tai tiếng ra. Trên bộ mặt đỏ hồng của cha sở là cái vẻ nhân từ cương quyết, nhưng những vị kia có vẻ hơi lo lắng.

- Chắc cha sở vừa mới mè nheo họ, - thầy quản tự nhủ. - Cha phản họ làm điều gì đó, nhưng họ không thích, chắc chỉ có thể, để rồi xem.

Nhưng những ý nghĩ ấy không hiện ra trên khuôn mặt sắc nét và nổi bật của Anbe Etuôt. Ông đứng với thái độ tôn kính nhưng không xun xoe. Ông đã từng phục dịch từ hồi trước khi được bổ về nơi giáo đường, tuy chỉ trong những gia đình rất gia giáo, cách cư xử của ông không thể chê vào đâu được. Bắt đầu là cậu bé chạy việc vặt trong nhà một phú thương, ông lên dần từ địa vị người hầu hạng tư đến hang nhất, rồi ông làm quản gia một mình cho một nữ bá tước góa bụa và trước khi có chỗ trống ở Xanh Pitơ, ông làm quản gia với hai người dưới quyền tại nhà một vị đại sứ về hưu. Ông cao, gầy, nghiêm nghị và có tư cách. Trông ông, nếu không giống một công tước thì ít nhất cũng giống một diễn viên trường phái

Người coi giáo đường

cố điển chuyên sắm vai công tước. Ông lịch duyệt, cứng rắn và tự tin. Tính cách ông không để ai phải phàn nàn.

Cha sở nhanh nhẩu mở đầu:

- Phoroman, chúng tôi có điều không dễ chịu lắm muôn nói với ông. Ông ở đây đã khá nhiều năm và tôi nghĩ cha giám và cha trưởng giáo hẵn cũng đồng ý với tôi là ông đã thực hiện những bốn phận ở nhiệm sở đáp ứng được yêu cầu của mọi người.

Hai vị chánh trưởng gật đầu.

- Nhưng có một sự thế khác thường nhất mà tôi vừa hay tin hôm trước và tôi thấy có bốn phận phải truyền đạt lại cho các vị chánh trưởng nghe. Thật sững sốt khi tôi phát hiện ra là ông không biết đọc và cũng không biết viết.

Khuôn mặt thầy quản chưởng tỏ một dấu hiệu lúng túng nào.

- Cha sở trước cũng biết điều ấy, thưa cha, - ông đáp. - Cha bảo cũng chẳng làm sao cả. Cha vẫn luôn luôn nói là theo ý người thì thế cũng là có chán học vấn ra rồi.

- Lần đầu tiên tôi mới nghe thấy cái điều kỳ quặc đến thế, - cha trưởng giáo nói. - Có phải ông muôn nói là ông coi sóc nhà thờ này đã mười sáu năm mà chưa bao giờ học đọc hay học viết không?

- Tôi đi phục dịch từ hồi mới mười hai tuổi, thưa cha. Người đầu bếp ở cái nơi đầu tiên ấy đã cố dạy

tôi một dạo, nhưng hình như tôi không có khiếu, rồi sau việc này việc kia, chẳng lúc nào tôi có thì giờ nữa. Quả thực tôi chưa bao giờ thấy cần có nó. Tôi cho là có vô khối gã trai trẻ tiêu mất khá nhiều thời giờ để đọc trong khi họ có thể làm được việc gì đó có ích.

- Thế ông không muốn biết tin tức à? - Vị chánh trưởng kia hỏi. - Ông không bao giờ muốn viết một lá thư à?

- Thưa cha giám, không ạ, hình như tôi vẫn có cách khắc phục rất hay. Những năm gần đây người ta đều có in tranh ảnh cả trên báo chí nên tôi cũng biết được khá rõ những chuyện xảy ra. Vợ tôi thông thái lắm, nên nếu tôi có muốn viết thư thì vợ tôi viết hộ. Mà tôi có đánh cá đánh cược gì đâu mà phải biết viết.

Hai vị chánh trưởng đưa cái nhìn ưu tư sang cha sở rồi sau đó họ nhìn xuống bàn.

- thôi được, Phoroman ạ, tôi đã nói vấn đề này với các vị ở đây, và họ hoàn toàn đồng ý với tôi là tình hình này không thể để tồn tại được. Ở một nhà thờ như Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilo, chúng tôi không thể để cho có một thầy quản không biết đọc và biết viết.

Khuôn mặt mỏng tai tái của Anbe Etuôt đỏ lên và ông cựa quậy một cách bứt rứt trên đôi chân, nhưng ông không đáp.

- Hãy hiểu cho tôi, Phoroman ạ, tôi không có điều gì phàn nàn về ông. Ông làm việc rất được ưng ý, tôi đánh giá hết mực cả tính cách lẫn khả năng của

Người coi giáo đường

ông, nhưng chúng tôi không có quyền liều để nhờ có chuyện gì xảy ra vì sự dốt nát thảm hại của ông. Đây là vấn đề cẩn trọng mà cũng là vấn đề nguyên tắc.

- Nhưng ông có thể học được không nhỉ, ông Phoroman? - Vị trưởng giáo hội.

- Không, thưa cha. Tôi e là bây giờ tôi không thể học được. Đây cha xem, tôi có còn trẻ trung gì nữa, nếu hồi còn nhóc con tôi đã không nhồi được chữ vào đầu, thì tôi nghĩ là bây giờ cũng chẳng có hy vọng gì nhiều.

- Chúng tôi không muốn xử tệ với ông, Phoroman ạ, - cha sở nói. - Nhưng tôi và các vị chánh trương đã quyết định rồi. Chúng tôi cho ông ba tháng, mà nếu hết thời gian ấy ông không biết đọc biết viết thì tôi e là ông phải ra đi.

Anbe Etuôt chưa bao giờ thấy mến cha sở mới. Ông đã nói ngay từ đầu là người ta đã nhầm khi giao Xanh Pitơ cho cha. Cha không phải là kiểu người mà người ta muốn có với một giáo đoàn ưu tú như thế. Lúc này ông ưỡn thẳng người lên một chút. Ông biết giá trị của mình và sẽ không để cha sở bắt nạt.

- Tôi rất tiếc, thưa cha, tôi e là nó chẳng ra làm sao. Tôi là cái đồ chó quá già, học làm sao được những ngôn mới. Tôi đã sống bấy nhiêu năm không biết đọc biết viết, mà không phải là khen mình đâu, tự khen đâu phải là đức tính đáng mến, có thể nói là tôi đã làm tròn bổn phận mình ở cái vị trí mà mệnh cả nhân từ đã đặt tôi vào, và nếu giờ giá tôi có thể học được, chắc gì tôi đã muốn.

- Nếu đã thế thì, Phoroman à, tôi e rằng ông phải ra đi thôi.

- Vâng, thưa cha, tôi hoàn toàn hiểu. Tôi sẽ rất sung sướng được thôi việc, chuyển giao nó cho người khác hễ khi nào cha tìm được người thế chán tôi.

Nhưng khi Anbe Etuôt với vẻ lịch sự thông thường đã đóng cửa nhà thờ lại sau lưng cha sở và hai vị chánh trương, ông không thể giữ nguyên được phong thái điềm tĩnh như lúc ông chịu đựng những đòn giáng lên mình nữa, và môi ông run run. Ông chậm chậm quay vào phòng quần áo và treo cái áo lê của mình vào đúng cái mắc áo đã án định. Ông thở dài nghĩ đến tất cả những lẽ tang to tát và những lẽ cưới sang trọng mà cái áo đã được chứng kiến. Ông dọn dẹp mọi thứ đâu vào đấy, khoác áo choàng vào và một tay cầm mũ, ông đi dọc lối cánh bên. Ông khóa trái cửa nhà thờ lại sau lưng. Ông đi bách bộ qua quảng trường, nhưng vì đang chìm đắm trong những ý nghĩ buôn bã, ông không theo cái phố dẫn ông về nhà, nơi có chén trà đặc thơm ngon đang đợi, mà ông rẽ sai đường. Ông cứ đi chậm chậm. Lòng ông nặng trĩu. Ông không biết phải làm gì với mình nữa. Ông không muốn tưởng tượng đến cái cảnh quay về với những công việc tề gia, sau những ngày năm làm chủ, cho dù cha sở và các vị chánh trương có nói gì thì nói, chính ông đã cai quản Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilo, nên ông không thể tự hạ mình được đến mức khoanh tay với tình thế. Ông đã

dành dụm được một món tiền nho nhỏ, nhưng sẽ không đủ sống nếu không làm gì, vì đời sống hình như cứ mỗi năm một đắt đỏ. Ông chưa bao giờ nghĩ đến những vấn đề phiền toái như vậy.

Thầy quản ở Xanh Pitơ cũng như giáo hoàng ở La Mã, là làm việc trọn đời. Ông vẫn thường hay nghĩ tới lời khuyến dương hời dạ mà cha sở sẽ nói trong buổi lễ cầu nguyện ban chiều vào cái ngày Chúa nhật đầu tiên sau khi ông mất đi, về một cuộc đời phụng sự trung thành và dài lâu, về tính cách mẫu mực của Anbe Etuôt Phoroman, thầy quản đã quá cố. Ông thở dài thườn thượt. Anbe Etuôt không hút thuốc và kiêng rượu hoàn toàn, nhưng cũng có ít nhiều linh động, của đáng tội ông cũng thích một cốc bia vào bữa ăn và khi mệt ông cũng tận hưởng vị ngọt của một điều thuốc lá.

Ông chợt nảy ra ý nghĩ là có một điều lúc này thật khoan khoái, và vì không mang thuốc lá theo nên ông đi quanh quất tìm một cửa hàng để mua một bao *Gold Flakes*. Ông không trông thấy ngay một cửa hàng nào cả nên đi tiếp một chút nữa. Đây là một phố dài, có đủ các loại cửa hàng, nhưng chẳng có cái nào có thể mua thuốc lá được.

- Lạ thật, - Anbe Etuôt tự nhủ.

Để cho chắc chắn ông lại đi dọc phố một lượt nữa. Thật là không còn nghi ngờ gì cả. Ông đứng lại và trầm ngâm nhìn trước nhìn sau.

- Chắc không phải mình là người duy nhất đi dọc

phố này và thèm một điều thuốc, - ông tự nhủ. - Chả phải nghĩ ngợi gì cũng thấy là mở một cửa hiệu con ở đây thì chắc trúng lăm. Cứ thuốc lá và kẹo bánh là được rồi.

Ông chợt giật mình.

- Ý tưởng là thế đấy, - ông tự nhủ, - lạ quá, khi anh ít ngờ nhất thì lại là lúc nó đến.

Ông rẽ sang đường về nhà uống trà.

- Anh Anbe, hôm nay sao anh cứ lặng thinh cả buổi chiều thế, - vợ ông nhận xét.

- Anh đang nghĩ, - ông nói.

Ông xem xét vấn đề từ mọi khía cạnh và hôm sau ông đi dọc cái phố hôm qua, may mắn tìm được một cửa hàng nho nhỏ cho thuê mà trông có vẻ rất ưng ý. Hai mươi tư tiếng đồng hồ sau ông đã thuê nó và một tháng sau khi rời nhà thờ Xanh Pitô, Quảng trường Nêvilô, Anbe Etuôt Phorðman đã lạc nghiệp với tư cách là người bán thuốc lá và báo chí. Vợ ông bảo đó là cái bước đi xuống ghê gớm sau khi đã làm quản giáo nhà thờ Xanh Pitô, nhưng ông trả lời là người ta cũng phải dịch chuyển với thời gian, cái nhà thờ ấy không còn như xưa nữa cho nên từ nay về sau cái gì của Xêda ông sẽ đem trả về cho Xêda⁽¹⁾.

Anbe Etuôt rất ăn nên làm ra. Ông làm ăn khâm khá đến nỗi quãng chừng được một năm, ông cũng

⁽¹⁾ Mượn ý câu nói của Chúa Kitô trong Kinh thánh (St.Matt. 22l): Hãy trả về cho Xêda những cái gì của Xêda và cho Chúa Trời những cái gì thuộc về Chúa Trời.

Người coi giáo đường

lấy làm lạ là đã có thể mở cửa hiệu thứ hai và đặt một người quản trị. Ông lại đi tìm một cái phố dài khác còn chưa có hiệu thuốc lá và khi tìm ra, cả cửa hiệu cho thuê nữa, ông bèn thuê và trữ hàng vào đấy. Lần này lại thành công. Rồi ông nảy ra ý nghĩ là nếu ông quản được hai cửa hàng thì cũng có thể quản được nửa tá, thế là ông đi dạo khắp Luân Đôn, hễ khi nào ông tìm được một cái phố dài mà không có hiệu thuốc lá và có một cửa hàng cho thuê thì ông nhăm lấy. Trong vòng mười năm ông tậu được không dưới mười cửa hiệu và ông kiếm tiền tươi mới.

Thứ hai nào ông cũng đi khép lợt các cửa hàng của mình, thu về món lãi trong tuần và đem gửi ngân hàng.

Một buổi sáng, khi ông đang nộp thêm một mớ ngân phiếu và một giỏ bạc nặng thì người thủ quỹ bảo ông là ông giám đốc muốn được gặp ông. Ông được chỉ vào một văn phòng và ông giám đốc đã bắt tay ông.

- Ông Phoroman, tôi muốn nói chút chuyện với ông về số tiền ông lưu ở chỗ chúng tôi. Ông có biết chính xác là bao nhiêu không?

- Tất nhiên không phải là một vài đồng, thưa ông, nhưng tôi biết không rõ lắm.

- Không kể chỗ ông nộp sáng nay thì cũng hơn ba mươi ngàn đồng xteclinh một chút. Lưu một món tiền như thế là khá lớn, nên tôi thiết nghĩ ông nên hùn vốn thì hơn.

- Tôi không muốn làm liều đâu, thưa ông. Tôi cho là để ở ngân hàng mới bảo đảm.

- Ông không phải lo lắng tí tẹo nào. Chúng tôi sẽ làm cho ông giấy tờ bảo đảm nhất hạng. Chúng sẽ đem lại nhiều lãi suất hơn là khả năng chúng tôi cho ông.

Một vẻ ưu tư toát lên khuôn mặt cù khôi của ông Phoroman.

- Tôi chưa bao giờ dính dáng đến cổ phần chứng khoán gì cả. Tôi dành mọi việc cho ông lo đây, - ông nói.

Ông giám đốc mỉm cười.

- Chúng tôi sẽ làm hết. Ông chỉ có mỗi một việc phải làm khi ông tới đây lần sau là ký các giấy tờ chuyển khoản.

- Tôi ký được không sao cả, - Anbe nói không lấy gì làm tự tin, - nhưng làm sao tôi biết được là tôi ký cái gì?

- Thì ông có thể đọc chứ, - viên giám đốc nói hơi sǎng.

Ông Phoroman nở nụ cười làm tan cơn bức của viên giám đốc.

- Ấy, thưa ông, chính là ở chỗ tôi không biết đọc. Tôi biết nói ra nghe kỳ quá, nhưng thực tình là tôi không biết đọc biết viết gì, trừ cái tên của mình ra, mà tôi học cái ấy cũng chỉ mới từ hồi chuyển sang kinh doanh.

Viên giám đốc ngạc nhiên quá đứng phắt ngay khỏi ghế.

Người coi giáo đường

- Thật là một điều lạ lùng tôi chưa từng được nghe bao giờ.

- Đấy ông xem, thực là như thế đấy. Tôi chẳng có dịp nào để học cả để rồi hóa ra muộn quá, lúc ấy không còn làm cách gì được nữa. Tôi đâm ra lạc hậu.

Viên giám đốc nhìn Anbe Etuôt tựa như nhìn một quái vật thời tiền sử.

- Ông muốn nói là ông dựng nên cơ nghiệp kinh doanh to tát là thế và tích được ba mươi ngàn xteclinh mà không hề biết đọc biết viết à? Trời đất quý thần ơi, giá ông biết đọc biết viết thì bây giờ ông làm nên gì rồi?

- Tôi có thể thố lộ với ông điều ấy, thưa ông, - ông Phoroman nói, nụ cười mỉm nở trên khuôn mặt vẫn còn vẻ quý tộc của ông - Thị tôi làm thày quản ở nhà thờ Xanh Pitô, Quảng trường Nêvilô!

An dưỡng đường

Sáu tuần đầu ở an dưỡng đường, Asendien nằm liền trên giường. Anh chẳng tiếp xúc với ai ngoài ông bác sĩ sáng và tối đến khám bệnh, các y tá chăm sóc anh và một cô hộ lý chuyên mang bữa ăn đến cho anh. Anh mắc bệnh lao phổi. Đúng lúc có những khó khăn trở ngại cho việc anh đi Thụy Sĩ, nhà chuyên khoa mà anh gặp ở Luân Đôn đã gửi anh đến an dưỡng đường ở bắc Xcốtlen.

Cuối cùng, cái ngày mong chờ sốt ruột đã đến: bác sĩ bảo anh có thể dậy được. Chiều hôm ấy cô y tá vẫn giúp anh mặc quần áo đã đưa anh ra ngoài hiên, đặt đệm cho anh rồi quấn anh trong mớ chăn mền và thả cho anh hưởng ánh nắng mặt trời ùa xuống từ bầu trời không mây.

Đang giữa mùa đông. An dưỡng đường ở trên đỉnh đồi nên từ đây có một cảnh quan bao la của miền quê tuyết phủ. Mọi người nằm trên các ghế xếp dọc hàng hiên, kẻ thì nói chuyện phiếm với những người bên cạnh, người thì đọc sách. Thỉnh thoảng lại

An đường đường

có một bệnh nhân lên cơn ho để sau đó phải láo liên
tìm khăn mùi soa.

Trước khi rời Asenden, cô y tá, với vẻ hoạt bát
nghề nghiệp, quay lại phía người đàn ông đang nằm
trên chiếc ghế liền đây và nói:

- Tôi muốn giới thiệu anh Asenden với ông. - Rồi
cô quay về phía Asenden. - Đây là ông Mác Lêôt.
Ông ấy và ông Camben ở đây lâu hơn bất cứ người
nào khác đấy.

Phía bên kia Asenden có một cô gái xinh xắn
đang nằm, mái tóc màu hung và đôi mắt xanh sáng.
Cô không trang điểm son phấn, nhưng môi cô đỏ tươi
và đôi má cũng rất hồng hào. Điều đó càng tôn màu
trắng đến mức sững sờ của làn da cô. Ngay cả khi
phát hiện ra rằng cái cơ thể kiêu diễm ấy đang có
bệnh, ta vẫn cứ thấy đáng yêu như thường.

Cô mặc áo khoác lông và đắp chăn kín nên
không thể trông thấy thân hình một tí nào, nhưng
khuôn mặt cô cực kỳ thanh mảnh, mảnh đến nỗi cái
mũi quả thực không lấy gì làm to, cũng có phần khá
nổi bật. Cô nhìn sang Asenden một cách thân tình,
nhưng không nói.

Asenden khá rụt rè trước cả đám người lạ ấy,
đành đợi người khác lên tiếng trước với mình.

- Lần đầu tiên người ta cho anh dây, có phải
không? - Mac Lêôt cất tiếng.

- Vâng.

- Phòng anh ở chỗ nào?

Asenden nói số phòng.

- Phòng ấy thì bé lăm. Tôi biết tất cả các phòng ở đây. Tôi ở đây đã mười bảy năm. Tôi đã chiếm được cái phòng tốt nhất, mà cũng xứng đáng đứt đuôi đi rồi. Lão Camben cứ lăm le tìm cách tống tôi ra để chiếm cứ lấy, nhưng đời nào tôi chịu nhúc nhích. Tôi có quyền ở đây vì tôi tới đây sớm hơn lão ta những sáu tháng cơ.

MacLêôt đang nằm đó tạo cho người ta cảm giác là ông rất cao. Da bọc sát lấy xương, má và thái dương hõm vào, khiến ta có thể thấy hình thù xương sọ bên trong. Trên khuôn mặt vô vàng với cái mũi lớn xương xẩu ấy, đôi mắt trở nên to quá đỗi.

- Mười bảy năm thì lâu thật, - Asenden chẳng còn biết nói gì khác, đành lên tiếng.

- Thời gian trôi nhanh quá. Tôi thấy thích ở đây. Đạo đầu sau một hai năm, vào mùa hạ, tôi có ra viện, có mỗi một bận ấy thôi. Böyle giờ nơi đây đã thành nhà của tôi rồi. Tôi có một ông anh và hai cô gái, nhưng họ đã lập gia đình cả, nên chẳng muốn có thêm tôi làm gì nữa. Anh biết không khi đã ở đây ít năm rồi mà quay trở lại cuộc sống bình thường, cảm thấy nó cứ lạ lăm thế nào ấy. Lũ bạn bè chúng nó đi đường chúng nó cả, chẳng còn gì chung với mình nữa. Mọi thứ có vẻ gấp gáp khủng khiếp. Chẳng có gì mà cứ rối lên, nói chính xác ra là thế. Nó âm ī, nó ngọt ngạt. Chẳng thà ở đây mà lại hóa hay hơn. Tôi sẽ ở lỳ tại đây đến khi nào người ta khiêng tôi vào quan tài.

An dưỡng đường

Nhà chuyên khoa đã bảo anh rằng chỉ cần săn sóc đến bản thân một thời gian thích đáng là khỏe lên thôi, nên anh lấy làm lạ nhìn sang MacLêôt.

- Cả ngày dài ông làm những gì? - Anh hỏi.

- Làm gì à? Mang cái bệnh lao trong người đã là một việc choán hết cả thời gian rồi, anh ạ. Nào đo nhiệt độ, rồi lại còn cân xem mình thế nào nữa chứ. Tôi cũng chẳng vội vã mặc quần áo làm gì. Tôi ăn sáng, đọc báo rồi đi dạo. Sau đó tôi nghỉ, sau đó ăn tối. Chơi bài một lát nữa rồi lên giường đi ngủ. Ở đây người ta có cả một thư viện ra trò, toàn sách mới, nhưng tôi đâu có lăm thì giờ để đọc. Tôi trò chuyện với mọi người. Thôi thì đủ loại, anh ạ. Bọn họ đến rồi lại đi. Có khi họ đi vì họ cứ tưởng đã chữa khỏi, nhưng phần nhiều lại phải quay lại, có khi họ đi vì họ chết. Tôi đã được chứng kiến nhiều người ra khỏi đây rồi, mà từ giờ cho đến lúc tôi đi chắc sẽ còn trông thấy nhiều nữa.

Cô gái ngồi phía bên kia Asenden bắt chót lên tiếng:

- Xin nói để anh hay, ít ai có tiếng cười thoải mái khi nhìn chiếc xe tang bằng ông MacLêôt.

MacLêôt cười hì hì.

- Tôi chẳng rõ thế nào, nhưng đã là con người ta thì ai lại không nghĩ trong bụng: Chà, mừng quá, kẻ nầm kia chứ không phải mình bị thiên hạ đem đi rong.

Cảm thấy Asenden chưa biết cô gái xinh đẹp, ông ta bèn giới thiệu:

- À này, chắc cô chưa biết anh Asenden, cô Bisőp nhỉ. - Rồi quay sang anh. - Cô ấy là người Anh, nhưng khá lăm đấy.

- Chị ở đây đã lâu chưa? - Asenden hỏi.

- Mới hai năm anh ạ. Đây là mùa đông cuối cùng. Bác sĩ Lennôcx nói rằng ít tháng nữa tôi sẽ bình phục, chẳng có lý gì tôi lại không về nhà cả.

- Ngốc ơi là ngốc, - Mac Lêot nói. - Cô cứ ở nguyên cái nơi cô bình phục ấy, tôi bảo cô như vậy.

Đúng lúc ấy một người chống gậy chậm chạp đi dọc hàng hiên bước tới.

- Ô kia, thiếu tá Temploton, - cô Bisőp nói, nụ cười làm rạng rỡ đôi mắt xanh của cô. Rồi khi người kia đã đến gần, cô nói tiếp: - Em rất mừng lại được trông thấy ông.

-Ồ, có gì đâu. Chỉ cảm nhẹ ấy mà. Giờ tôi lại khỏe rồi.

Câu ấy vừa mới kịp bật khỏi miệng thì ông đã lên con ho. Ông tì mạnh lên cái gậy. Khi con ho đã qua, ông mới tươi tắn cười và nói tiếp:

- Không tài nào thoát được bệnh ho chết tiệt này. Hút thuốc nhiều quá mà. Bác sĩ Lennôcx bảo tôi nên bỏ thuốc, nhưng không được - tôi không thể bỏ thuốc được.

Ông người cao, diện mạo dễ ưa theo cái kiểu hơi

An đường đường

phường tuồng một tí: mặt màu xám xám, đôi mắt đen đẹp và bộ ria bảnh đen tuyển. Ông mặc áo lông kiểu cổ Axtorakhan. Bè ngoài thanh nhã, có lẽ hơi phô phang một chút. Cô Bisóp giới thiệu Asendén với ông. Thiếu tá Temploton nói dăm lời lịch duyệt với thái độ thoái mái, chân tình, rồi rủ cô gái cùng đi bách bộ với mình. Ông được lệnh bác sĩ phải đi dạo bộ vào cánh rừng phía sau an đường đường rồi quay lại.

Mac Lêôt nhìn theo họ đang nhẩn nha bước đi. Ông ta nói:

- Tôi cứ băn khoăn không biết giữa hai người có gì không. Người ta bảo Temploton là tay bợm gái lắm, là nói cái hồi trước khi bị ốm ấy.

- Hiện giờ nom ông ấy chẳng có vẻ bợm gái gì cho lắm, - Asendén nói.

- Ai dám nói chắc. Tôi đã từng chứng kiến nhiều chuyện trăng gió ở đây. Có muôn kể cũng không hết chuyện.

- Rõ ràng ông đang muốn kể, vậy thì việc gì phải dừng?

Mac Lêôt toét miệng cười.

- Được, tôi sẽ kể cho anh một chuyện nhé. Ba bốn năm trước, ở đây có một chị chàng nắc nô lắm. Chồng chị ta cứ nửa tháng lại đến thăm một lần, ông ấy yêu chị ta mê mệt, thường vẫn bay từ Luân Đôn đến. Nhưng bác sĩ Lenôcx cầm chắc là chị ta đan díu với một người khác ở đây, tuy không tài nào phát

hiện được. Thế là một tối khi chúng tôi đã lên giường cả rồi, ông bác sĩ mới phết một lớp sơn ngay phía ngoài cửa buồng chị ta và hôm sau kiểm tra dép của từng người. Cứ thế chứ lý. Anh chàng dép dính sơn bị đuổi liền. Anh biết đấy, bác sĩ Lennôcx chật chẽ là phải. Ông ấy không muốn nơi này bị mang tiếng.

- Temploton ở đây đã lâu chưa?
- Ba bốn tháng gì đó. Lão ta ở trên giường suốt.
- Cũng đáng lăm. Aivy Bisôp thật là ngu ngốc thương hàng, cứ bám lấy lão. Cô ấy còn có cơ bình phục. Tôi đã quan sát nhiều người rồi nên tôi biết. Khi nhìn một người nào đó, tôi phác ngay trong óc là người đó sẽ bình phục hoặc không thể bình phục, nếu không thể bình phục thì tôi có thể đoán xem anh ta sống được mấy nỗi nữa. Ít khi tôi nhầm lăm. Tôi cho Temploton chỉ kéo dài được hai năm là cùng.

MacLêôt đưa cái nhìn dò xét sang Asenden. Biết ông ta đang nghĩ gì, tuy cố tỏ ra hài hước, Asenden không thể không cảm thấy lo âu. Trong mắt MacLêôt có ánh nháy nháy. Ông ta thừa biết điều gì đang lướt qua óc Asenden.

- Anh sẽ khỏe thôi. Nếu không tin chắc như thế thì tôi đã không nói ra chuyện ấy. Tôi không muốn bác sĩ Lennôcx xác tôi về việc gieo rắc sợ hãi cho đám bệnh nhân chết tiệt của ông ấy.

Rồi cô y tá trông nom Asenden đến dùi anh về giường. Mới chỉ ngồi có một tiếng đồng hồ, anh đã thấy mệt và sung sướng được ngả mình trong chăn

An đường đường

đêm. Buổi tối, bác sĩ Lennôcx đến thăm bệnh cho anh. Ông nhìn số đo nhiệt độ của anh rồi nói:

- Cũng không đến nỗi nào.

Bác sĩ Lenoôcx nhở người, lanh lợi và vui tính. Ông ta là một bác sĩ tay nghề khá, một người làm ăn giỏi và đồng thời là một nhà câu cá hăng hái. Khi mùa cá đến, ông chỉ chực trút bớt trách nhiệm chăm sóc bệnh nhân sang cho những người phụ tá. Bệnh nhân có câu nhau chút ít, nhưng tại khoan khoái được ăn cá hồi tươi ông mang về làm phong phú cho bữa ăn. Ông thích tán dóc; và lúc này đứng ở cuối giường Asenden, ông hỏi, đặc sệt thõ âm Xcốt, rằng anh đã bắt chuyện với bệnh nhân nào hồi chiều hay chưa. Asenden kể là cô y tá đã giới thiệu anh với MacLêôt. Ông bác sĩ cười.

- Một cư dân già đồi nhất ở đây đây. Ông ta biết về an đường đường này và những bệnh nhân ở đây còn kỹ hơn cả tôi. Không hiểu ông ta moi tin ở đâu ra, nhưng không có chuyện gì trong đời tư của bất kỳ người nào dưới mái tòa nhà này mà ông ta không biết. Đến bà cô già cũng thua ông ta về khoản đánh hơi những chuyện người ta thường giấu. Ông ta đã kể về Camben cho anh nghe chưa?

- Ông ta có nhắc đến.

- Ông ta căm gét Camben, mà Camben cũng căm ghét ông ta. Cứ nghĩ đến hai con người ấy lại buồn cười thật, họ ở đây đã mười bảy năm và chỉ chực to tiếng với nhau. Trông thấy nhau là chỉ chực cà khịa.

Tôi đã phải từ chối, không thèm nghe những lời phàn nàn về nhau của mỗi người. Phòng của Camben ở ngay tầng dưới phòng của MacLêôt, Camben kéo vi-ô-lông làm MacLêôt phát rồ lên. Ông ta bảo mười lăm năm nay chỉ nghe thấy có mỗi một điệu, thế là Camben nói rằng MacLêôt mù tịt chẳng biết điệu nào với điệu nào cả. MacLêôt muốn tôi bắt Camben không được chơi đàn nữa, nhưng tôi không thể làm việc đó được. Camben hoàn toàn có quyền chơi miễn là không chơi vào những giờ yên tĩnh. Tôi đề nghị MacLêôt đổi phòng thì ông ta không chịu. Ông ta bảo Camben kéo đàn chỉ cốt để ông ta ra khỏi căn buồng ấy vì nó là căn buồng tốt nhất ở đây, nếu ông ta lại làm đúng như thế thì thà chết mẹ nó đi còn hơn. Anh bảo có kỳ không, hai con người đã đứng tuổi chỉ nghĩ đến chuyện biến cuộc đời của nhau thành địa ngục? Họ cũng không để cho nhau yên. Họ ăn cùng bàn, chơi brit-giơ với nhau, nhưng không ngày nào là không có chuyện om sòm. Thỉnh thoảng tôi phải đe là sẽ đuổi cả hai nếu họ không cư xử như những người biết điệu. Thế là êm êm được một dạo. Cả hai đều không muốn đi. Họ ở đây đã lâu, họ chẳng còn ai muốn rước họ về nữa, mà họ thì không hòa mình được với thế giới bên ngoài. May năm trước Camben có đi nghỉ, nói là độ một hai tháng. Một tuần sau ông ta quay lại bảo rằng không thể nào chịu nổi cảnh bon chen huyên náo; ngoài phố đông người quá, khiến ông ta e sợ.

Đây là một thế giới lạ lùng mà Asenden lọt vào

An dưỡng đường

và với sức khỏe dần tăng, anh đã có thể hòa mình vào đám bệnh nhân. Một sáng, bác sĩ Lennôcx cho phép anh từ nay có thể ăn trưa ở nhà ăn. Đó là một căn phòng rộng và thấp, rất nhiều ô trống cửa sổ; lúc nào các cửa sổ cũng mở toang và vào những ngày đẹp trời ánh nắng tràn vào. Ở đây có ve rất nhiều người, phải mất một thời gian anh mới phân loại họ được. Thời thì đủ hạng, già có, trẻ có, trung niên có. Một số người như MacLêôt và Camben đã ở an dưỡng đường nhiều năm, và đợi chết ở đây. Những người khác chỉ ở đây có vài tháng.

Có một bà đứng tuổi không chồng, gọi là cô Atkin, mùa đông nào cũng đến đây một thời gian lâu, đến hè lại đi về ở với bạn bè và họ hàng. Bà cũng chẳng bệnh lén tật xuống gì cả, có thể ra viện hẳn cũng được, nhưng bà thích cuộc sống nơi này. Do chở ra vào lâu nên bà có một vị trí nhất định, bà làm cán bộ thư viện danh dự và khăng khít với bà quản lý của an dưỡng đường lắm. Lúc nào bà cũng sẵn sàng chuyện phiếm với bạn, nhưng chẳng bao lâu, bạn phải dè chừng vì mọi điều bạn nói đều đến tai người khác cả.

Biết bệnh nhân của mình có hòa thuận với nhau và sung sướng không, xem họ có làm điều gì quá đáng hay là theo chỉ dẫn của mình là điều bổ ích đối với bác sĩ Lennôcx. Ít có điều gì lọt khỏi đôi mắt tinh của cô Atkin, rồi từ đó nó lan đến bà quản lý và đến tai bác sĩ Lennôcx. Vì đã là người kỳ cựu ở đây, nên

bà ngồi ăn cùng bàn với MacLêôt và Camben, cộng với một vị tướng già được xếp vào đây chỉ vì cấp bậc.

Cái bàn ấy cũng chẳng khác gì so với những cái bàn khác, cũng chẳng ở vị trí ưu thế hơn, nhưng bởi vì những bệnh nhân kỳ cựu nhất ngồi ở đây nên nó được xem như chỗ đáng khao khát để ngồi, thành thử có vài bà nom có vẻ đần chị cay cú bức tức vì cô Askin, mùa hè nào cũng ra viện bốn năm tháng, lại được chỗ ấy trong khi họ ở an dưỡng đường cả năm mà vẫn phải ngồi ở những bàn khác.

Còn có một viên chức già người Án Độ ở an dưỡng đường lâu chỉ thua MacLêôt và Camben, ông này đã từng có thời cai quản cả một tỉnh. Ông cau có đợi hoặc MacLêôt, hoặc Camben chết đi để có thể chuyển sang chiếc bàn hạng nhất ấy. Asenden đã làm quen với Camben. Ông này người ngang, xương to, đầu hói, thân mỏng đến nỗi bạn phải bắn khoan không biết làm sao từ chi lại gắn được với nhau. Khi ông ngồi co ro trong ghế hành thì bạn có cảm giác lạ lùng rằng đây là người lùn trong buổi biểu diễn múa rối.

Ông cục cằn, bẩn tính và dễ động lòng. Điều đầu tiên ông hỏi Asenden là:

- Anh có thích âm nhạc không?

- Có.

- Ở đây chẳng có ai tri âm quái gì cả. Tôi chơi vi-ô-lông. Nếu anh thích, hôm nào lại chơi buồng tôi, tôi sẽ chơi cho anh nghe.

An đường đường

- Anh đừng đến. - MacLêôt nghe được, bèn lên tiếng. - Trò tra tấn đấy!

- Sao ông lại ăn nói sô thê? - Cô Atkins thốt lên. - Ông Camben chơi khá hay.

- Ở cái nơi hạ đẳng này chẳng có một ai biết nốt nào vào với nốt nào cả, - Camben nói.

Vừa cười nhạo, MacLêôt vừa bỏ đi. Cô Atkins cố xoa đi không khí nặng nề.

- Ông đừng chấp những lời MacLêôt nói.

- Tôi chấp làm gì. Tôi sẽ có dịp cho ông ta biết tay.

Chiều hôm ấy ông ta chơi đi chơi lại một điệu suốt cả buổi. MacLêôt gõ trống thích xuống sàn, nhưng Camben vẫn tiếp tục. MacLêôt bèn nhờ một cô hộ lý đưa giấy xuống nói rằng ông đau đầu và ông Camben làm ơn đừng có chơi nữa. Camben trả lời rằng ông hoàn toàn có quyền chơi, MacLêôt không thích thì cũng phải chịu. Lần sau họ gặp nhau là lời qua tiếng lại âm ỹ.

Asenden được xếp ngồi một bàn với cô Bisôp xinh đẹp, với Temploton và một anh kế toán người Luân Đôn tên là Henry Chexton. Anh ta người chắc nịch, vai rộng, nhỏ nhắn, dẻo dai, khó có ai nghĩ rằng lại bị bệnh lao tấn công. Nó giáng xuống anh như một đòn đánh bất ngờ, trỏ tay không kịp.

Anh là người hoàn toàn bình thường, tuổi quang giữa ba mươi và bốn mươi, có vợ và hai con. Anh sống ở một vùng ngoại ô đẳng hoàng. Sáng sáng anh

vào khu Xiti⁽¹⁾ và đọc báo buổi sáng, tối tối anh từ khu Xiti về và đọc báo buổi tối. Anh không có mối quan tâm nào khác ngoài công việc gia đình.

Anh thích nghề nghiệp của mình, có đủ tiền để sống tiện nghi và để dành ra một khoản tiền hợp lý hàng năm, chơi gôn vào chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, tháng tám năm nào cũng đi nghỉ ba tuần ở đúng một nơi tại bờ biển miền Đông.

Khi nào con cái đã lớn và lập gia đình, anh sẽ truyền việc lại cho con trai và về nghỉ hưu với vợ tại một căn nhà nông thôn xinh xắn, có thể sống nhẩn nha cho đến khi thằn chét đến gọi ở tuổi đầu bạc răng long. Anh không đòi hỏi gì hơn thế, đó là một cuộc sống mà ức vạn đồng bào của anh vẫn sống với vẻ mãn nguyện. Anh là một công dân trung bình.

Thế rồi bệnh nọ xảy ra. Anh bị cảm khi chơi gôn, nó lan xuống ngực, và anh đâm ra bị ho không tài nào dứt được. Xưa nay lúc nào cũng khỏe mạnh, anh vẫn không đếm xỉa gì đến các bác sĩ, nhưng cuối cùng, do sự thuyết phục của vợ mà anh đã bằng lòng đi khám. Đối với anh sự việc đó thật là choáng váng, sự choáng váng đáng sợ, khi biết rằng có vi trùng lao ở cả hai lá phổi của anh và phương kế cứu chữa duy nhất là vào ngay an dưỡng đường.

Bác sĩ khám anh đã bảo là anh có thể làm việc lại được sau một hai năm, nhưng đã hai năm trôi qua rồi

⁽¹⁾ Khu vực buôn bán, kinh doanh sầm uất của Luân Đôn.

mà bác sĩ Lennôcx khuyên anh đừng có nghĩ đến chuyện ấy ít ra là một năm nữa. Ông đã chỉ cho anh xem trực khuẩn trong nước bọt của anh và những ổ bệnh trong phim X-quang chụp phổi của anh.

Anh thấy nản lòng quá. Đường như số phận đã chơi anh một vố độc ác và không công bằng. Giả sử anh sống phóng đãng, giả sử anh rượu chè be bét, dập dùi với đàn bà hoặc hay thức khuya thì đã đi một nhẽ. Thật là bất công khủng khiếp. Không có nghị lực, không ham thú sách vở, anh chẳng có việc gì làm ngoài việc nghĩ đến sức khỏe của mình. Nó đã trở thành một điều ám ảnh.

Anh lo lắng theo dõi những triệu chứng của mình. Người ta phải tước cái cắp sốt của anh đi vì một ngày anh đo nhiệt độ đến hơn chục lần. Anh có ý nghĩ trong đầu là các bác sĩ quá thờ ơ với tật bệnh của mình, thế là để thu hút sự chú ý của họ, anh đã nghĩ ra đủ mọi cách làm cho cái cắp sốt chỉ nhiệt độ của anh ở mức báo động. Khi mưu mẹo thất bại, anh đâm ra xưng xỉa mặt mày và hay càu nhau. Nhưng bản tính anh vốn vui vẻ chí tình, nên những bận anh quên bản thân đi thì anh nói cười sởi lời, rồi bất chợt anh nhớ ra mình đang đau ốm thì bạn lại thấy ngay nỗi sợ chết trong mắt anh.

Cuối mỗi tháng, vợ anh lại đến thăm và ở một hai ngày tại nhà trọ gần đó. Bác sĩ Lennôcx không thích các cuộc thăm thú của thân quyến người bệnh cho lắm; nó làm bệnh nhân bồn chồn không ổn định.

Thật cảm động khi chứng kiến lòng mong mỏi vợ đến của Henry Chextor; nhưng có điều lạ là khi chị vợ đã đến rồi thì dường như anh ta ít khoan khoái hơn người ta tưởng.

Chị Chextor là một phụ nữ nhỏ nhắn, dẽ chịu, hay nói hay cười, không xinh nhưng cân đối, cũng bình thường như chồng. Chỉ cần nhìn chị cũng có thể biết ngay chị là người vợ và người mẹ tốt, người nội trợ cẩn cơ, một phụ nữ khẽ khàng, gia giáo, làm tròn bốn phận của mình, không đụng chạm đến ai. Chị hoàn toàn cảm thấy hạnh phúc trong cuộc sống tề gia tẻ chán, cung cách ấy họ đã sống từ nhiều năm nay. Cái thú chơi bời duy nhất của chị là việc mua sắm ở các cửa hàng to rộng của Luân Đôn. Ấy thế nhưng chưa bao giờ chị thấy cuộc sống ấy đơn điệu, nó hoàn toàn làm chị thỏa mãn.

Asenden thấy mến chị. Anh hứng thú lắng nghe chị bô lô ba la về con cái và ngôi nhà ngoại ô, về hàng xóm láng giềng và những bận tâm thường của mình.

Một hôm anh gặp chị trên đường. Vì một lý do liên quan đến sự chữa chạy mà Chextor phải ở lại trong an dưỡng đường nên lúc ấy chị chỉ đi có một mình. Asenden mời chị cùng đi dạo. Họ nói những chuyện bằng quơ một lát. Rồi bất chợt chị hỏi Asenden xem anh nghĩ thế nào về chồng chị.

- Chắc anh ấy rồi khỏe thôi.
- Em thấy lo lắng ghê lắm!

An dưỡng đường

- Chị phải luôn tâm niệm rằng đây là một quá trình lâu dài, từ từ. Phải biết kiên trì mới được.

Đi được một quãng ngắn, anh thấy chị bặt khóc, anh dịu dàng hỏi:

- Chắc chị cảm thấy bất hạnh về anh ấy.

- Ôi anh không biết đâu, em phải chịu đựng khổ tâm bao nhiêu, mỗi lần đến đây. Em biết đáng lẽ không nên nói ra, nhưng vẫn phải nói. Em có thể tin cậy anh được chứ?

- Tất nhiên!

- Em yêu chồng em. Em chung thủy với anh ấy. Em làm bất cứ điều gì trên đời vì anh ấy. Xưa nay chúng em chưa bao giờ cãi nhau, chưa có việc gì khác ý nhau cả. Thế mà gần đây, anh ấy bắt đầu ghét em, khiến em đau đớn trong lòng.

- Thế à, tôi không thể tin được chuyện ấy. Sao lại thế được nhỉ, khi không có chị ở đây anh ấy lúc nào cũng nhắc đến chị. Anh ấy nói những lời tốt đẹp nhất về chị. Anh ấy vẫn chung thủy với chị.

- Vâng, đây là khi không có em ở đây. Còn hễ có em ở đây, khi anh ấy thấy em khỏe mạnh, là anh ấy sinh chuyện. Anh biết không, anh ấy khó chịu khủng khiếp về chuyện anh ấy ốm, còn em thì khỏe. Anh ấy sợ nay mai sẽ chết và bức tức với em vì em vẫn tiếp tục sống. Em phải luôn luôn dè chừng, hầu như chuyện gì em nói, dù là nói về con cái, dù là nói về tương lai, cũng làm anh ấy cău bẩn, rồi anh ấy nói ra những câu chua chát, tím ruột tím gan. Khi em nói về việc gì đó

mà em đã phải làm trong nhà hay đưa đầy tờ em đã phải thay, thì anh ấy nổi khùng lên. Anh ấy kêu ca rằng em coi anh ấy chẳng ra gì nữa. Trước kia chúng em vẫn tâm đầu ý hợp, mà bây giờ em cảm thấy có bức tường cao thù địch ngăn giữa chúng em. Em biết là không nên trách anh ấy, đây chỉ là tại bệnh tật của anh ấy, chứ thật ra anh ấy vẫn là người tốt bụng, thân thiết, quí hóa lắm, bình thường anh ấy dễ tính nhất trên đời; thế mà nay em chỉ thấy ngán sợ mỗi lần đến đây. Ra về em thấy nhẹ nhõm hẳn. Anh ấy sẽ khổ sở nhiều nếu em mắc bệnh lao, nhưng em biết trong thâm tâm anh ấy thì đó sẽ là sự khuây khỏa. Anh ấy có thể tha thứ cho em, anh ấy có thể tha thứ cho số phận, nếu em cũng sắp chết như anh ấy. Đôi lúc anh ấy căn vặn hành hạ em về chuyện em sẽ làm gì nếu anh ấy chết. Khi em nói cơn điên máu ngộ lên em gào bảo chồng em im đi, thì anh ấy nói là em không cần phải ác nghiệt với anh ấy, chẳng mấy bữa nữa anh ấy sẽ chết, em sẽ sống hết năm này sang năm khác và tha hồ mà sung sướng. Chao ôi, cứ nghĩ đến tình yêu bấy nhiêu năm của chúng em sẽ chết dần theo cái cách khổn khổ, đầy đọa này thật khủng khiếp quá.

Chị Chextor ngồi thụp xuống một phiến đá bên đường rồi thả mặc cho con khóc té bùng ra. Asenden thương cảm nhìn chị, nhưng không thể tìm được câu gì an ủi. Những điều chị nói ra không hoàn toàn làm anh sững sốt.

- Cho em xin điếu thuốc lá, - cuối cùng chị lên

An dưỡng đường

tiếng. - Em không được để mắt đỏ tẩy lên, không thì Henry lại biết là em đã khóc rồi lại nghĩ là em đã để lộ chuyện lúng củng với anh ấy ra. Cái chết có đáng sợ đến thế không hả anh? Có phải chúng ta ai cũng sợ chết như thế không?

- Tôi không rõ.

- Khi mẹ em hấp hối hình như cụ chẳng bận tâm gì lăm. Cụ biết nó đang đến mà còn nói đùa về nó. Nhưng mẹ em lúc ấy đã già.

Chị Chextor lấy lại bình tĩnh và hai người lại đi tiếp. Trong chốc lát họ đi lặng lẽ.

- Anh không nghĩ xấu hơn về Henry sau khi em đã kể chuyện ấy cho anh chứ? - Cuối cùng chị Chextor hỏi.

- Tất nhiên là không.

- Hồi nọ anh ấy là một người chồng tốt, một người cha tốt. Chưa bao giờ em thấy trên đời có người nào tốt hơn. Cho mãi đến cái đận bệnh tật này, em vẫn nghĩ là không có một ý nghĩ hẹp hòi, không tốt nào lại gợi lên trong đầu anh ấy được.

Cuộc nói chuyện làm Asenden suy nghĩ. Người ta thường bảo anh nghĩ thấp về bản chất con người. Đó là bởi vì không phải bao giờ anh cũng phán xét họ theo những tiêu chuẩn thông thường. Anh ghi nhận, với nụ cười, giọt nước mắt hoặc cái nhún vai, nhiều chuyện mà người khác cảm thấy hoang mang.

Quả thực con người ta không bao giờ ngờ rằng một anh chàng bình thường, tốt tính lại mắc vào những ý nghĩ đay nghiến không xứng đáng như vậy, vậy thì

ai dám chắc con người có thể rời xuống vực sâu nào hoặc vươn lên những đỉnh cao nào?

Thiếu sót chính là ở sự nghèo nàn của những lý tưởng của anh ta. Henry Chextor sinh ra đời và được nuôi nấng để sống một cuộc sống trung bình, để đón nhận những thăng trầm bình thường của cõi sinh, nên khi một tai họa không lường trước được đổ xuống đầu, anh ta không tìm ra phương cách ứng phó. Anh ta cũng giống như một viên gạch được làm ra để chiếm vị trí của nó giữa hàng triệu những viên gạch khác ở một nhà máy khổng lồ, nhưng ngẫu nhiên trong lòng nó lại có khuyết tật khiến nó không thích hợp với mục đích đặt ra. Ngay cả đến viên gạch, nếu nó không phải là vật vô tri, nó cũng có thể kêu lên: Tôi đã phạm điều gì để mà không thể thực hiện được cái đích khiêm tốn của tôi, để phải bị lôi khỏi quần thể những viên gạch kia và bị quẳng vào đống rác.

Không phải lỗi của Henry Chextor nếu như anh ta không có nhận thức toàn diện giúp anh ta chịu đựng tai ương với sự nhẫn耐. Không phải ai cũng tìm được sự khuây khỏa trong nghệ thuật hoặc tư duy. Bi kịch của thời đại ngày nay là những tâm hồn nhỏ nhoi ấy đã mất lòng tin ở Chúa Trời, cội nguồn của hy vọng, để niềm tin về sự hóa kiếp có thể mang lại cho họ cái hạnh phúc mà họ đã bị chối bỏ trên thế gian này; và họ không tìm được cái gì để thay thế.

Có người bảo đau khổ làm người ta cao cả lên.

An dưỡng đường

Điều đó không đúng. Lê chung là nó làm con người trở nên nhỏ mọn, cáu kỉnh và ích kỷ, nhưng ở an dưỡng đường này cũng chưa phải đã nhiều đau khổ lắm. Có những giai đoạn của bệnh lao, cơn sốt nhẹ kèm theo có kích thích những tâm trạng khác hơn là sự sầu não, khiến bệnh nhân hoạt bát tinh táo lên và, được hy vọng chấp cánh, họ đổi mặt với tương lai một cách phấn chấn, nhưng dù như thế đi nữa, ý nghĩ về cái chết vẫn ám ảnh trong tiềm thức.

Đó là điệp ca chua chát của chủ đề chính chuyển qua bản ô-pê-ret-ta lạc quan. Chốc chốc đoạn nhạc a-ri-a vui nhộn, giai điệu nhịp nhàng lại lùng sang cung bi xoáy mạnh vào thần kinh; hưng thú nhỏ nhất hàng ngày, ghen tuông vụn vặt và lo toan tầm thường không là cái gì cả; sự thương hại và nỗi khủng khiếp làm con tim đứng lặng bất thình lình và sự ghê gớm của cái chết bao trùm lên họ giống như sự yên lặng trước cơn bão bao trùm lên khu rừng rậm nhiệt đới.

Sau khi Asenden ở an dưỡng đường được ít lâu thì có một chàng trai hai mươi tuổi vào viện. Anh ta đã ở trong hải quân, là thiếu úy trên một chiếc tàu ngầm, anh mắc cái bệnh người ta gọi là lao tầu mã. Anh ta là một thanh niên cao, đẹp trai có mái tóc nâu lượn sóng, cặp mắt xanh và nụ cười rất dịu dàng.

Asenden gặp anh ta hai ba lần đang nằm ngoài hiên tắm nắng và trò chuyện cả ngày với anh ta. Vốn là một chàng trai vui tính, anh ta nói chuyện về các buổi biểu diễn âm nhạc và các ngôi sao điện ảnh, rồi

anh ta đọc báo theo dõi kết quả thi đấu bóng đá và tin tức về quyền Anh. Sau đó anh ta liệt giường và Asenden không gặp lại anh ta nữa.

Họ hàng thân quyến được mời đến và hai tháng sau anh ta chết. Anh ta chết không phàn nàn. Anh ta hiểu bệnh tình cũng sơ sài như loài muông thú. Trong vòng một hai ngày trong an dưỡng đường có bầu không khí u ám giống như trong nhà tù khi có người bị treo cổ. Rồi, đường như có sự thỏa thuận chung, vâng theo bản năng tự bảo toàn, hình ảnh chàng trai bị đưa ra khỏi trí óc mọi người: cuộc sống, với ba bữa ăn một ngày, trò chơi gônf trên sân đấu tí hon, thể dục điều dưỡng, nghỉ ngơi theo chế độ dưỡng bệnh, với những cuộc cãi cọ và ghen tuông, những lời gièm pha và những phật ý nho nhỏ vẫn tiếp tục trôi đi như trước kia.

Camben, như khiêu khích MacLêôt, vẫn tiếp tục chơi vi-ô-lông bài ca được giải thưởng và bài "Anni Lon". MacLêôt vẫn tiếp tục ba hoa về tài đánh bài của mình và ngồi lê đói mách những chuyện về sức khỏe và đạo đức của người khác. Cô Atkin vẫn nói vụng sau lưng người. Henry Chextor vẫn tiếp tục kêu ca rằng các bác sĩ không chú ý thích đáng đến mình và than thân trách phận, bởi lẽ số phận đã chơi xỏ anh một cách tàn ác sau bấy nhiêu năm sống cuộc đời mầu mực. Asenden vẫn tiếp tục đọc sách và vừa bao dung vừa buồn cười quan sát tính nết thất thường của đồng bạn trong viện.

An đường đường

Anh trở nên gần gũi với thiếu tá Temploton. Có lẽ Temploton ngoài bốn mươi tuổi một tí. Ông đã phục vụ trong trung đoàn cận vệ Grênađơ, nhưng sau chiến tranh đã phục viên.

Là người có của cải dư dật, từ bấy giờ đi ông hoàn toàn chuyên chú vào việc hưởng lạc. Mùa đua ngựa thì ông dự đua, mùa săn bắn ông đi săn bắn. Khi đã hết mùa thì ông đến Môngtê Caclô⁽¹⁾. Ông kể với Asenden về những món tiền lớn ông đã làm nên và bị thua bạc. Ông rất khoái đàn bà và nếu cứ tin ở những câu chuyện của ông thì đàn bà cũng rất khoái ông.

Ông thích ăn ngon, uống ngon. Ông biết tên tục của các bồi nhất ở tất cả các hiệu cao lầu có đồ ăn ngon ở Luân Đôn. Ông có chân trong nửa tá câu lạc bộ. Bao nhiêu năm, ông theo một cuộc sống vô bổ, ích kỷ, chẳng đáng giá gì, lối sống mà trong tương lai có lẽ không thể ai theo được nữa. Nhưng ông đã sống không thắc mắc và đã sung sướng với nó.

Có lần Asenden hỏi rằng nếu được bắt đầu lại cuộc đời, ông sẽ làm gì, thì ông trả lời rằng sẽ làm đúng những điều đã làm. Là người nói chuyện vui, tếu và châm biếm một cách dễ chịu, ông lướt phớt trên bề mặt của sự vật, mà ông cũng chỉ biết đến thế, với phong thái nhẹ nhàng thoải mái và tự tin.

Ông luôn có lời ăn tiếng nói ngọt ngào cho

⁽¹⁾ Thành phố nổi tiếng về sòng bạc thuộc công quốc Mônacô, gần Nixơ (Pháp).

những bà cô không chồng ăn mặc lôi thôi ở an dưỡng đường và một câu hóm hỉnh cho những ông già hay câu gắt. Ông kết hợp được phong thái hào hoa với lòng tốt tự nhiên. Ông thao lối vào cái thế giới hình thức hời hợt của những người có nhiều tiền quá không biết làm gì cũng như ông thông thuộc khu Mâyfeo⁽¹⁾. Ông là loại người luôn sẵn lòng đánh cược, sẵn lòng giúp bạn hoặc cho một thằng ma cà bông tờ mười đôla. Nếu như ông không làm được nhiều điều tốt trên đời này thì ông cũng không làm nhiều điều hại. Ông chẳng là cái gì ghê gớm. Nhưng ông là người bạn đồng hành thú vị hơn nhiều kẻ có tầm giá trị cao hơn ông và có những phẩm chất đáng phục hơn ông.

Giờ ông đang ốm nặng. Ông sắp chết và ông biết điều đó. Với thái độ vui cười thản nhiên xưa nay, ông xem nó như xem mọi thứ khác ở trên đời. Ông đã sống một thời oanh liệt, chẳng phải hối hận điều gì.

Mắc bệnh lao quả là xúi quẩy kinh người, nhưng kệ mẹ nó, chẳng ai sống mãi được; ngãm cho cùng thì ông có thể đã bị chết trận hoặc ngã gãy đời nó cái cổ trên đường đua rồi.

Nguyên tắc xuyên suốt cuộc đời ông là khi đã đánh cuộc thua rồi thì trả tiền và quên nó đi. Ông đã hưởng lạc thú theo cung cách tiền nào của ấy, giờ đã sẵn sàng mãn nguyện xuôi tay. Đời ông là một cuộc

⁽¹⁾ Mavfair: khu phố sang trọng ở Luân Đôn, có nhiều cửa hàng và khách sạn nổi tiếng.

An dưỡng đường

liên hoan hay ho vô cùng khi còn đang tiếp diễn, nhưng cuộc liên hoan nào cũng phải đến hồi kết thúc, mà sang đến ngày hôm sau thì việc anh có đem phần về nhà hay bỏ dở cuộc vui lúc đang náo nhiệt nhất phỏng có ý nghĩa gì nhiều.

Trong số tất cả những người đang ở trong an dưỡng đường này, xét về khía cạnh đạo đức thì có lẽ ông là người kém giá trị nhất, nhưng ông lại là người duy nhất thực sự chấp nhận cái điều tất yếu không tránh khỏi với thái độ coi nhẹ nhất. Ông bất chấp cái chết, và bạn muốn gọi sự thong dong của ông là không đúng chỗ hay sự thư thái của ông là dũng cảm thì tùy bạn.

Điều cuối cùng có thể xảy đến với ông khi ông đến an dưỡng đường là ông say sưa đắm mình trong tình yêu hơn trước kia. Những mối tình của ông thì nhiều vô kể, nhưng thấy đều hời hợt; ông vốn vẫn bằng lòng với tình yêu lịch sự tính bằng tiền của các cô gái xướng ca hoặc những giao kết phù du với số đàn bà tính nết lăng nhăng mà ông gặp ở các buổi liên hoan tại gia. Ông luôn cẩn thận tránh bất kỳ sự quyết luyến nào có thể phương hại đến tự do của mình.

Cái đích duy nhất trong đời ông là vui chơi thỏa thích càng nhiều càng tốt, mà hễ liên quan đến tình dục thì ông tìm ra mọi ưu điểm, không thấy sự bất tiện nào trong tính chất muôn hình muôn vẻ bất tận của nó. Ông thích đàn bà. Ngay cả khi họ đã già rồi ông cũng không thể nói chuyện với họ mà thiếu sự

mơn trớn trong con mắt và sự âu yếm trong giọng nói. Ông lăm lăm làm bất cứ điều gì khiến họ vui lòng. Họ nhận biết được sự quan tâm của ông tới họ mà nở ruột gan. Hoàn toàn sai lầm, họ cứ tưởng rằng có thể tin cậy là ông không bao giờ bỏ họ.

Một hôm ông đã nói một câu mà Asenden nghĩ có thể soi tỏ nội tâm:

- Anh biết không, bất cứ người đàn ông nào cũng có thể chiếm được bất cứ người đàn bà nào anh ta muốn nếu anh ta có đủ nỗ lực, chuyện ấy chẳng có gì ghê gớm cả, nhưng một khi đã chiếm được rồi, chỉ có người đàn ông nào bao quát được cả thế giới đàn bà mới có thể dứt khỏi người đàn bà mà không xúc phạm đến cô ta.

Ban đầu chỉ do quen nết mà ông tán tỉnh Aivy Bisöp. Ở an dưỡng đường, cô là cô gái xinh nhất và trẻ nhất. Thực ra cô không còn trẻ như thoạt đầu Asenden đã nghĩ, cô đã hai mươi chín tuổi, nhưng suốt tám năm qua, cô phiêu bạt hết an dưỡng đường này sang an dưỡng đường khác, ở Thụy Sĩ, Anh quốc, Xcốtlen, và cuộc sống cầm cung vì bệnh tật vẫn giữ cho cô bề ngoài trẻ trung, khiến người ngoài dễ tưởng nhầm là cô chỉ hai mươi tuổi. Mọi hiểu biết về thế giới cô đều học được trong các an dưỡng đường đại loại như thế này, nên cô kết hợp được sự hồn nhiên tốt bậc khá ngộ nghĩnh với sự thông thạo cũng tốt bậc.

Cô đã chứng kiến một số cuộc tình đi theo đúng

tiến trình của chúng. Khá nhiều đàn ông, thuộc nhiều dân tộc đã tỏ tình với cô. Cô đón nhận sự săn sóc của họ với thái độ tự chủ hài hước, nhưng mỗi khi họ toan đi quá xa thì cô đã có đủ sự cứng rắn cần thiết. Cô có sức mạnh khôn lường của loại tính cách rất săn trong những ai nom tựa đóa hoa, khi nào tình huống đi đến chỗ ngửa bài cô biết cách biểu thị ý mình bằng những lời thảng thắn, lạnh lùng và cương quyết.

Cô hoàn toàn sẵn sàng bắt bồ với Gioógiơ Temploton. Trò tình ái này cô am hiểu, và có phần hấp dẫn đối với Temploton. Sự nhẹ dạ như bỡn cợt của cô chứng tỏ rất rõ rằng cô đã hiểu rõ Temploton và cũng chẳng dành cho cuộc tình ấy những ý nghĩ nghiêm túc hơn so với Temploton.

Giống như Asenden, Temploton tối nào cũng lên giường vào lúc sáu giờ và ăn tối trong buồng riêng, nên ông chỉ có thể gặp Aivy vào ban ngày. Họ đi dạo với nhau, còn ngoài ra hiếm khi chỉ có hai người. Trong giờ ăn trưa, cuộc nói chuyện giữa bốn người, Aivy, Temploton, Henry Chextor và Asenden là nói chuyện chung, tuy điều hiển nhiên là Temploton mắt công nói chuyện giải trí chẳng phải để cho hai người đàn ông nghe.

Asenden cảm thấy hình như Temploton không còn tán tỉnh Aivy để giết thi giờ nữa, mà tình cảm của ông đối với cô đã trở nên sâu nặng và chân thành hơn; nhưng anh không dám chắc Aivy có nhận thấy

điều đó hoặc nó có ý nghĩa gì nhiều đối với cô hay không. Mỗi khi Temploton đánh bạo đưa ra một nhận xét thân mật hơn là hoàn cảnh cho phép thì cô đối đáp lại với vẻ mỉa mai, làm mọi người cùng cười. Nhưng tiếng cười của Temploton lại buồn bã.

Ông không còn băng lòng để cho cô coi mình là bạn chơi bời nữa rồi. Càng biết nhiều về Aivy Bisôp bao nhiêu, Asenden càng mến cô bấy nhiêu. Có cái gì đó thương tâm trong sắc đẹp ôm yếu của cô, với làn da trắng nõn mà đáng yêu, khuôn mặt gầy trên đó đôi mắt to và xanh kiều diễm đến thế; có cái gì đó thương tâm trong cảnh ngộ của cô, bởi lẽ giống như nhiều người... ở an dưỡng đường này, cô có vẻ cô đơn trên đời. Mẹ cô thì bận bịu với cuộc sống đời trầu, chị em của cô đã đi lấy chồng, nên họ chỉ quan tâm chiêu lè đến người phụ nữ trẻ đã xa cách họ tám năm nay. Họ có trao đổi thư từ, thỉnh thoảng có đến thăm, nhưng chẳng có gắn bó gì nhiều với nhau nữa. Cô chấp nhận hoàn cảnh không hề than vãn. Cô cởi mở với mọi người, luôn sẵn sàng lắng nghe và tỏ thiện cảm với những lời kêu ca và nỗi khổ ải của từng người một.

Cô chịu khó cư xử chu đáo với Henry Chextor và làm mọi cách để cho anh ta vui lên.

- Nay nhé, anh Chextor, - một hôm đang bữa ăn, cô nói với anh ta. - Cuối tháng rồi đây, thế nào ngày mai chị ấy cũng sẽ đến. Có cái để mà mong đợi nhé.

- Không, tháng này cô ấy không tới đâu, - Chextor thản nhiên nói, mắt vẫn nhìn xuống đĩa ăn.

An đường đường

- Ôi thế thì tiếc nhỉ. Sao chị ấy lại không đến. Con cái anh đều khỏe cả chứ?

- Bác sĩ Lennôcx cho rằng cô ấy không đến thì có lợi hơn cho tôi.

Tiếp theo là im lặng, Aivy nhìn anh ta bằng đôi mắt lo lắng.

- Thế thì xúi quấy quá, ông bạn, - Temploton thân ái nói. - Sao ông không đập cho Lennôcx một mẻ?

- Ông chắc phải hiểu biết hơn ai hết, - Chextơ đáp.

Alvy liếc anh ta lần nữa rồi bắt đầu nói sang chuyện khác.

Ngẫm lại, Asenden hiểu ra là cô ấy đã đoán ngay ra sự thực. Ngày hôm sau anh lại có dịp nói chuyện với Chextơ. Anh nói:

- Thật ái ngại vô cùng, vợ anh thế là không đến được. Chắc anh nhớ chị ấy ghê gớm.

- Tôi nhớ thật ghê gớm.

Anh ta liếc sang phía Asenden. Asenden cảm thấy anh ta có điều gì muốn nói, nhưng chưa đủ sức nói ra. Anh ta nhún vai một cách giận dữ.

- Cô ấy không đến là lỗi tại tôi. Tôi đã yêu cầu Lennôcx viết thư bảo cô ấy đừng đến. Tôi không thể chịu đựng được nữa. Cả tháng tôi mong mỏi cô ấy đến, nhưng khi cô ấy đã ở đây rồi thì tôi lại thấy ghét cô ấy. Anh biết không, bị cái bệnh chó chết này thối chí lấm. Cô ấy mạnh khỏe, tràn đầy sức sống. Tôi phát quắn lên khi trông thấy nỗi đau trong đôi mắt cô ấy. Có thật cô ấy quan tâm đến ta không? Ta ốm

thì ai buồn ngó đến? Người ta chỉ giả vờ ngó đến, nhưng trong lòng vui sướng vì chính ta mắc bệnh chứ không phải họ. Tôi tội tệ nhỉ, phải không anh?

Asenden lại nhớ đến hình ảnh chị Chextor ngồi trên phiến đá bên đường khóc lóc.

- Anh có sợ rằng không cho cô ấy đến đây là anh chỉ càng làm khổ thêm cô ấy không?

- Cô ấy phải chịu đựng. Bản thân tôi đã quá khổ rồi, lo chi tới việc cô ấy khổ nữa.

Asenden không biết nói thế nào và hai người im lặng đi tiếp. Đột nhiên Chextor cáu bẩn bật ra:

- Anh khách quan, anh vị tha thì dễ lầm, anh còn sống lâu mà lại. Tôi thì đang sắp chết, trời ơi là trời, tôi không muốn chết. Tại sao tôi phải chết hở trời? Không công bằng tí nào.

Ngày tháng trôi đi. Ở một nơi đầu óc nhàn rỗi như an dưỡng đường này, điều không tránh khỏi là chẳng bao lâu ai ai cũng biết Gioócgio Temploton phải lòng Aivy Bisôp. Khó mà đoán được tình cảm của cô ra sao. Rõ ràng là cô thích gặp mặt ông, nhưng không săn tìm, lại nữa, có vẻ như cô hết sức tránh gặp ông một mình.

Một vài bà đứng tuổi đã toan giăng bẫy bắt cô phải thú tội, nhưng dù có chân thật như cô, cô cũng dễ dàng đối phó được với họ. Cô bỏ ngoài tai những lời bông gió của họ và đón những câu hỏi thắc của họ bằng tiếng cười khó tin. Cô thành công trong việc qua mặt họ.

An đường đường

- Nó không thể ngờ đến mức không biết lão kia chết mê chết mệt vì nó.

- Nó không có quyền đùa giỡn với ông ta như thế được.

- Tôi tin là nó cũng phải lòng lão kia như lão ta phải lòng nó.

Không ai nỗi khùng hơn MacLêôt.

- Kỳ quái thật. Xét cho cùng, chẳng thể thành được cái gì. Ông ta bị bệnh lao nó hành, mà cô ta thì cũng chẳng khá gì hơn.

Camben thì trái lại, ăn nói thô tục và chát chúa.

- Tôi tán thành hai anh chị cứ việc hú hí chừng nào còn sức. Tôi xin cuộc là thế nào cũng có ít nhiều lòng thòng với nhau, nhưng tôi chẳng trách họ.

- Ông là đồ đếu, - MacLêôt nói.

- Thôi, im đi. Temphoton không phải là cái hạng người chơi bài brit-giơ vênh va vênh vang với một cô gái như thế nếu như lão không kiểm xác được gì ở đó. Cô ta thì cũng biết trò đùi rồi chứ còn bé bỗng gì nữa.

Asenden là người hay gặp mặt họ nhất và biết họ rõ hơn bất kỳ ai khác. Cuối cùng Temploton đã thổ lộ tâm sự riêng của mình với anh. Ông cũng tự thấy buồn cười về mình.

- Ngần này tuổi đầu rồi mà lại phải lòng một cô gái đứng đắn, đến là ngộ. Thật tôi không thể ngờ điều ấy lại xảy ra với bản thân. Dứt bỏ không xong, vương chặt vào đáy rồi. Giá tôi khỏe thì tôi đã hỏi cô

áy làm vợ ngay ngày mai. Chưa bao giờ tôi thấy một cô gái tuyệt đẹp đến thế. Cứ ngỡ các cô gái, các cô gái đứng đắn ấy mà, là đồ chán ngắt. Nhưng cô ấy không phải là loại chán đâu, vừa thông minh, vừa giỏi chịu đựng. Lại xinh xẻo nữa. Trời ơi, da dẻ mới đẹp làm sao! Chưa kể mái tóc. Ai đời như tôi xưa nay mà đố díu đố dui. Anh có biết cái gì ám tôi đấy không? Cứ nghĩ đến mà nực cười hết chô nói: Một thằng già đời chơi bời như tôi! Phẩm hạnh từ trước đến nay chỉ làm tôi cười vỡ bụng. Tôi chẳng bao giờ ham muốn một người đàn bà nào có phẩm hạnh cả, thế mà anh xem, đúng mười mươi, chẳng trượt đi đâu cô ấy tốt nết mà lại khiến tôi cảm thấy mình như đồ giun dế. Chắc anh ngạc nhiên lắm?

- Không đâu. Ông chẳng phải là kẻ ăn chơi đâu tiên bị sự hôn nhân mê hoặc. Chẳng qua đấy là tính đa cảm của tuổi trung niên.

- Khỉ thật. - Temploton cười.

- Cô ấy nói gì về chuyện ấy?

- Trời ạ, anh đừng ngỡ rằng tôi đã thổ lộ với cô ấy. Tôi chưa nói một lời nào với cô ấy, mà cũng chẳng nên nói chuyện ấy với bất kỳ ai khác. Có lẽ tôi chỉ còn sống được nửa năm nữa, vậy thì làm sao tôi dám ngỏ lời với một cô gái như vậy?

Bây giờ Asenden đã khá chắc chắn là Aivy Bisóp cũng thiết tha yêu Temploton như ông thiết tha yêu cô. Anh đã trông thấy rạng hồng nhuộm lên đôi má cô mỗi bận Temploton vào nhà ăn. Anh đã nhận thấy

An dưỡng đường

ánh mắt dịu dàng đôi lúc cô tặng cho Temploton khi ông không nhìn cô. Có sự ngọt ngào đặc biệt trong nụ cười của cô khi cô lắng nghe ông kể một chuyện nào đó trong đời ông.

Asenden có cảm tưởng rằng Alvy khoan khoái sưởi mình trong tình yêu của Temploton như bệnh nhân ngoài hiên, đối mặt với tuyết, vẫn sưởi ánh nắng ấm áp của mặt trời. Rất có khả năng là cô băng lòng dừng lại ở mức ấy, và nói ra với Temploton điều này, điều mà cô không muốn cho ông biết, dĩ nhiên không phải việc của anh.

Rồi một biến cố xảy đến làm xáo động cuộc sống đơn điệu ở đây. Tuy MacLêôt và Camben mặt lung mày vực với nhau, họ vẫn chơi bài với nhau bởi vì họ vẫn là đấu thủ giỏi nhất trong an dưỡng đường cho mãi tới khi Temploton vào viện. Họ ráy rúc nhau liên tục, tàn cuộc rồi còn khích bác nhau không dứt, nhưng qua nhiều năm họ đã biết rõ lỗi chơi của nhau và khoái chí khi hạ được nhau.

Thường thì Temploton từ chối chơi với họ. Tuy là một đấu thủ cự phách, ông thích chơi với Aivy Bisôp hơn, cả MacLêôt lẫn Camben đều nhất trí rằng cô chỉ làm hỏng cuộc chơi. Cô thuộc loại đấu thủ sau khi đã phạm sai lầm để thua cuộc, chỉ cười mà nói: Thì có sao, nó chỉ đổi nước bài thắng đi một chút. Nhưng chiều hôm ấy, vì Aivy đau đầu nằm trong buồng, Temploton bằng lòng chơi với Camben và MacLêôt. Asenden là người thứ tư. Tuy tiết trời đã cuối tháng

ba, nhưng tuyết rơi nhiều trong mấy ngày liền, nên họ mặc áo lông, đội mũ, đi gǎng tay chơi bài ngoài hiên, ba bể không khí lạnh ùa tới.

Cược đặt quá ít đối với một tay đánh bạc như Temploton nên ông coi thường thắng bại và đánh bài hơi liêu. Tuy vậy, ông chơi giỏi hơn ba người kia nhiều, nên nói chung ông đạt được như đã xướng hoặc rất gần được như thế. Nhưng rồi người ta cứ xướng cao lên mãi. Càng đánh càng hăng, bài ăn tới tấp, trận đấu đang hồi cao điểm, MacLêôt và Camben múa lưỡi công kích nhau.

Lúc năm rưỡi, ván cuối cùng bắt đầu, để đến sáu giờ chuông réo thì mọi người về nghỉ. Đây là ván quyết liệt hai phe đều dồn toàn lực ra, bởi vì MacLêôt và Camben ở hai phe đối lập, người này quyết không để người kia thắng.

Sáu giờ kém mười phút đã đến lượt bài cuối cùng. Temploton cùng phe với MacLêôt, Asenden vào phe Camben. MacLêôt xướng bài với hai quân nhép; Asenden không nói gì; Temploton tỏ ra bài vững, nên cuối cùng MacLêôt gọi ăn to. Camben xướng cao điểm lên, MacLêôt lại tăng điểm lên nữa.

Nghe thấy thế, đám bài bạc ở các bàn khác bỏ chơi để xúm xít lại. Cuộc chơi tiếp diễn trong cảnh im phăng phắc với một nhóm nhỏ người xem. Mặt MacLêôt trắng bệch vì hồi hộp, những giọt mồ hôi lấm tấm trên lông mày. Tay ông ta run run. Camben thì rất lỳ lợm.

Kết cục, MacLêôt ép được đổi phương và giành thắng lợi cuối cùng. Tràng vỗ tay vang lên trong đám người xem. MacLêôt hống hách vì thắng lợi, chồm về phía kẻ kình địch của mình và dứt dứt nấm đầm vào Camben.

Ông ta quát tháo:

- Có giỏi cứ chơi cái vi-ô-lông thô tả ấy đi. Xướng điểm lên, xướng lên mãi. Cả đời tôi mong mỏi cho nó một trận biết tay, thế là đã đạt được. Ối giờ! Ối giờ! Rồi ông ta kêu ối một tiếng, loạng choạng dúi về phía trước và ngã vật xuống bàn. Một dòng máu ộc ra từ miệng. Người ta gọi bác sĩ. Những người phục vụ kéo đến.

Ông ta đã chết.

Ông được chôn hai hôm sau, vào lúc sáng sớm để những bệnh nhân khác khỏi bị tác động bởi cảnh đưa đón. Một người thân quyền mặc đồ đen từ Glaxgâu đến dự đám ma. Xưa nay không ai mến MacLêôt cả. Không ai thương tiếc ông ta. Cùng lăm là đến cuối tuần, ông đã bị quên hẳn.

Ông viên chức người Ấn Độ đã chiếm chỗ ở cái bàn chủ chốt, còn Camben thì chuyển lên căn buồng vẫn khát khao lâu nay.

- Giờ chúng ta có thể được yên ổn, - bác sĩ Lennôcx nói với Asenden. Ông thủ tướng tượng xem bấy nhiêu năm tôi phải chịu đựng những trận cãi nhau và những lời kêu ca của hai người... Tôi nói không ngoa đâu, phụ trách một an đường đường là phải nhẫn耐

lăm. Cứ nghĩ mà xem, sau bao nhiêu rắc rối ông ta gây cho tôi, ông ta đã chết như thế, làm mọi người xung quanh phát sợ.

- Thế cũng hơi bị sốc đấy, - Asenden nói.

- Ông ta là cái đồ vô tích sự, ấy thế mà cũng có mấy bà buồn rầu. Cô Bisớp đáng thương thì khóc lóc sướt mướt! Tôi đồ rằng cô ấy là người duy nhất khóc ông ta chứ không khóc cho bản thân.

Nhưng dần dần có vẻ như có một người không thể nào quên được MacLêôt. Đó là Camben, ông đi lại như một con chó lạc. Ông chẳng buồn chơi bài. Ông chẳng buồn nói chuyện. Không còn nghi ngờ gì nữa, ông mặt nhăn mày nhó vì thiểu MacLêôt. Ông ở lỳ trong buồng mấy ngày liền, bữa ăn phải mang đến tận phòng cho ông. Rồi ông đến gặp bác sĩ Lennôcx nói rằng ông không thích căn phòng ấy bằng căn phòng cũ và muốn được chuyển về chỗ cũ. Bác sĩ Lennôcx điên tiết lên, một điều ít gặp, và nói rằng Camben đã lèo nhèo quấy ông hàng mấy năm trời đòi ở căn phòng ấy, thì nay hoặc là ông ta ở lại đấy, hoặc là ra khỏi viện. Camben quay về phòng ngồi thử ra, mặt mày ủ rũ.

- Sao ông không chơi vi-ô-lông đi, - bà quản lý hỏi thăm ông. - Nửa tháng nay tôi chả nghe thấy ông kéo đàn gì cả.

- Tôi không kéo thật.

- Sao thế ông?

- Chẳng thấy hứng thú gì nữa. Trước kia tôi thích

An đường đường

chơi vì biết MacLêôt sẽ tức điên lên. Giờ thì có ai thèm để ý là tôi chơi hay không chơi đâu! Tôi sẽ chẳng bao giờ chơi đòn nữa.

Ông không chơi nữa thật, suốt thời gian Asenden còn ở an dưỡng đường. Kể cũng lạ, bây giờ khi MacLêôt chết đi rồi thì cuộc đời đối với ông như nhạt nhẽo hẳn đi. Chẳng có ai để cãi nhau, chảng có ai để nỗi xung, ông mất đi kích thích tố và rõ ràng là chẳng còn bao lăm nữa ông sẽ theo gót kẻ kình địch của mình bước xuống mồ.

Đối với Temploton thì cái chết của MacLêôt lại có tác động khác, một tác động kéo theo nhiều hệ quả bất ngờ. Ông nói chuyện đó với Asenden theo phong cách vô tư, lạnh lùng của mình.

- Chúa thật, ra đi trong giây phút thắng lợi vinh quang như thế. Không hiểu tại sao mọi người lại có thái độ không ưa ông ta như vậy. Ông ta ở đây đã nhiều năm rồi có phải không?

- Tôi nhớ là mười tám năm.

- Tôi cứ thắc mắc có nên hành động như thế không. Tôi thắc mắc là cứ xả láng đón nhận hậu quả lại đậm ra hay.

- Tôi cho là nó còn tùy thuộc vào việc ông đánh giá cuộc đời như thế nào.

- Nhưng thế này mà là cuộc đời à?

Asenden không trả lời. Chỉ ít tháng nữa, anh sẽ trông đợi sức khỏe khá lên, còn Temploton thì chỉ cần nhìn mặt cũng biết rằng ông không thể hồi

phục được. Bóng dáng của cái chết đã phảng phát trên mặt.

- Ông có biết tôi đã làm gì không? - Temploton hỏi. - Tôi đã ngỏ lời với Aivy về việc lấy tôi.

Asenden sững sót.

- Cô ấy nói sao?

- Cầu Chúa phù hộ cho tâm lòng cô ấy, cô ấy bảo rằng chưa bao giờ trong đời cô ấy bắt gặp một ý kiến ngộ như thế, rằng tôi nghĩ đến chuyện ấy thì có mà điên.

- Ông phải thừa nhận là cô ấy nói phải.

- Ất vậy rồi. Nhưng mà cô ấy vẫn sắp sửa lấy tôi đây!

- Thế thì điên!

- Tôi cũng đồng ý là điên, nhưng dù thế nào thì thế, chúng tôi sẽ gặp Lennôcx hỏi xem ông ta có ý kiến gì về chuyện này.

Rốt cuộc mùa đông đã lui: tuyết vẫn còn trên các ngọn đồi, nhưng dưới thung lũng thì đã tan và trên những vạt đồi thấp bạch dương đã nhú chồi săn sàng để nở bung thành những chiếc lá xinh xinh. Sự ngây ngất của mùa xuân đã thoảng trên không trung.

Mặt trời nóng lên. Ai cũng cảm thấy sảng khoái, vài người còn cảm thấy hạnh phúc. Những người kỳ cựu vẫn đến ở đây cho qua mùa đông đang thu xếp để đi về phương Nam. Temploton và Aivy cùng đến gặp bác sĩ Lennôcx! Họ nói với ông điều vẫn áp ủ

An dưỡng đường

trong lòng. Ông khám bệnh cho họ, chụp X-quang và làm nhiều xét nghiệm đối với họ. Ông hẹn ngày thông báo kết quả để từ đó mới bàn đến ý định của họ. Asenden đã gặp họ ngay trước lúc họ đến gặp bác sĩ theo hẹn. Tâm trạng họ hồi hộp, nhưng họ cố gắng đùa vui. Bác sĩ Lennôcx cho họ xem các kết quả kiểm tra và giải thích thằng thắn tình trạng sức khỏe của họ. Nhưng Temploton đã nói:

- Tất cả những cái này hay lăm, bổ ích lăm, nhưng điều chúng tôi muốn biết là chúng tôi có thể lấy nhau được không?
- Thế thì quá khinh suất đấy.
- Chúng tôi biết thế rồi, nhưng có gì ảnh hưởng lăm không?
- Sẽ là có tội nếu hai người có con.
- Chúng tôi chưa nghĩ đến chuyện có con đâu - Aivy nói.
- Thế à, thế thì tôi sẽ nói vài lời vẫn tắt về vấn đề này. Sau đó hai người phải tự quyết định lấy.

Temploton quay sang mỉm cười với Aivy và nắm tay cô. Ông bác sĩ tiếp tục:

- Tôi nghĩ cô Bisôp không đủ sức khỏe để thực hiện một cuộc sống bình thường, nhưng nếu cô vẫn tiếp tục sống như đã sống tám năm nay...
- Trong an dưỡng đường?
- Phải. Không có lý do gì để cô ấy không thể sống dễ chịu được, nếu không đến lúc đầu bạc răng long thì cũng đủ lâu như bất cứ người có suy xét nào

muốn sống. Bệnh tật vẫn ủ trong người. Nhưng nếu cô ấy lập gia đình, nếu cô ấy định sống một cuộc sống bình thường, thì ổ bệnh rất có thể lại phá ra, hậu quả thế nào không ai có thể nói trước được. Còn về phần ông thì tôi có thể nói còn gọn hơn. Chính ông đã xem phim chụp X-quang rồi. Phổi ông lúc nhúc những vi trùng lao đang hoành hành. Nếu ông lấy vợ, ông sẽ chết trong vòng sáu tháng.

- Nếu không lấy vợ thì tôi sống được bao lâu?

Ông bác sĩ ngập ngừng.

- Đừng ngại, ông cứ nói cho tôi biết sự thật.

- Hai hoặc ba năm.

- Cám ơn ông, chúng tôi cũng chỉ cần biết bấy nhiêu thôi.

Họ ra về cũng như lúc đến, tay nắm tay; Aivy khẽ sụt sùi khóc. Không ai biết họ đã nói với nhau những gì; nhưng đến lúc đi ăn trưa thì mặt họ rạng rỡ hẳn. Họ báo cho Asenden và Chextor biết họ sẽ cưới nhau ngay khi nào xin được giấy đăng ký. Rồi Aivy quay sang Chextor:

- Em thiết tha mong chị ấy sẽ đến dự lễ cưới của em. Anh bảo chị ấy có đến không?

- Cô định tổ chức ở đây à?

- Vâng. Hai họ chúng em thế nào cũng không tán thành, nên vợ chồng em không định báo với ai cho đến khi nào tổ chức xong xuôi. Chúng em sẽ xin bác sĩ Lennôcx cho em ra viện.

An đường đường

Cô dịu dàng nhìn Chextor, đợi anh ta lên tiếng mà mãi không thấy anh trả lời. Hai người đàn ông cũng nhìn anh. Cuối cùng, giọng anh cất lên hơi run run:

- Các bạn mời cô ấy thì thật quá hóa quá. Tôi sẽ viết thư bảo vợ tôi đến.

Khi tin này lan đi trong đám bệnh nhân, tuy ai cũng chúc mừng hai người, nhưng đa số nói riêng với nhau rằng chuyện ấy thật là thiếu suy nghĩ. Khi biết chuyện chính bác sĩ Lennōcx đã nói cho Temploton hay rằng nếu lấy vợ, ông sẽ chết trong vòng sáu tháng (chẳng chóng thì chầy, chuyện gì xảy ra ở an đường đường mà người ta không biết), thì mọi người đều e sợ im lặng. Ngay cả những kẻ chailly nhất cũng cảm động khi nghĩ đến hai con người thiết tha yêu nhau tới mức sẵn sàng hi sinh đời mình vì nhau.

Một không khí thân thiện, hòa hợp tỏa xuống an đường đường: những người chẳng thèm nói chuyện với nhau bao giờ lại nói chuyện với nhau; những người khác quên đi những nỗi bồn chồn riêng tư. Đường như ai cũng muốn chia sẻ hạnh phúc của cặp uyên ương. Không chỉ bởi mùa xuân đã gieo vào những con tim bệnh tật kia niềm hi vọng mới, mà tình yêu vĩ đại bao trùm người đàn ông và cô gái ấy như tỏa ánh hào quang lên tất cả những ai ở gần. Aivy lâng lâng hạnh phúc, tràn ngập xúc cảm, nom cô trẻ hơn và xinh ra. Temploton thì như bước trên mây. Ông cười, ông đùa như thể không mang một lo

âu nào trên đời. Bạn cứ tưởng như ông đang chờ đón những năm hạnh phúc dài lâu.

Nhưng một hôm ông đã tâm sự với Asenden:

- Nơi đây cũng không phải là chỗ dở, anh nhỉ. Aivy đã hứa với tôi là sau khi tôi tịch đi, cô ấy sẽ quay trở lại đây. Cô ấy quen biết mọi người nên cũng đỡ cô đơn.

- Các bác sĩ vẫn thường hay nhầm, - Asenden nói.
- Nếu ông sống điêu độ thì tôi chẳng thấy vì lẽ gì mà ông không thể kéo dài tuổi thọ của mình.

- Tôi chỉ xin có ba tháng. Có được ngàn ấy là cũng thỏa chí rồi.

Chị Chextor đã đến viện hai hôm trước ngày cưới. Hai vợ chồng không gặp nhau đã vài tháng nay và họ còn e dè với nhau. Dễ đoán được là lúc chỉ có hai người với nhau, họ lúng túng và ngượng ngập như thế nào. Tuy vậy Chextor cố gắng rũ bỏ sự sầu muộn đã thành thói quen và vào bữa ăn, anh tìm mọi cách tỏ ra vui vẻ, cởi mở như anh vốn thế trước khi ốm. Hôm trước ngày cưới Temploton và Bislop, hai vợ chồng ngồi ăn với nhau có cả Temploton và Asenden dự. Mọi người uống sâm banh và ở lại mãi đến mười giờ đêm cười đùa, pha trò vui vẻ. Lễ cưới diễn ra sáng hôm sau ở nhà thờ. Asenden phù rể. Tất cả những ai trong an dưỡng đường nhắc chân được thì đều đi dự. Cặp vợ chồng mới sửa soạn lên ô tô rời viện ngay sau bữa ăn trưa. Bệnh nhân, bác sĩ, y tá, đều tiễn họ. Có ai đó buộc một chiếc giày cũ sau ô tô,

An đường đường

và khi Temploton cùng vợ bước ra khỏi an đường đường, người ta đã rắc thóc vào họ theo đúng phong tục. Không khí sôi nổi rộn lên khi họ đã ra đi, ra đi nhầm hướng tình yêu và cái chết. Đám đông mãi mới tản về. Chextơ và vợ im lặng đi bên nhau. Khi đã đi được một đoạn đường ngắn, anh rụt rè nắm tay vợ. Tim anh như ngừng đập. Liếc sang anh, chị thấy mắt anh đẫm lệ.

- Tha lỗi cho anh, em yêu, - anh nói. - anh thật không tốt với em.

- Em biết không phải anh chủ tâm, - chị nói lúng túng.

- Không, có chủ tâm đây. Anh đã muốn em cũng đau khổ khi anh đang đau khổ. Nhưng từ rày không thể nữa rồi. Tất cả mọi chuyện về Temploton và Aivy Bisôp ấy, anh không biết nói thế nào nhỉ, nó làm anh nhìn mọi sự với thái độ khác, anh không lo nghĩ đến cái chết nữa. Anh nghĩ chết cũng không phải là cái gì quan trọng lắm, không quan trọng bằng tình yêu. Nay anh muốn em sống và được hạnh phúc. Anh không ngăn trở em điều gì nữa, anh cũng không bức tức điều gì nữa. Giờ đây anh sung sướng vì cái chết đã chọn anh, chứ không chọn em. Anh ước mong cho em mọi sự tốt lành trên đời. Anh yêu em.

Chuỗi hạt

*M*ay quá là may, tôi lại được ngồi cạnh ông, - Laura nói với tôi, khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn.

- May cho tôi chứ ly, - tôi lịch sự đáp.
- Cái đó để còn xem. Tôi rất muốn có dịp chuyện trò với ông. Tôi có một câu chuyện muốn kể với ông.

Nghe đến đây tim tôi hơi thót lại. Tôi đáp:

- Thôi thì bà cứ kể về bản thân bà ấy. Hay là kể về tôi cũng được.

- Ấy không, tôi phải kể với ông chuyện này. Tôi nghĩ ông có thể dùng được nó.

- Nếu bà thấy nhất quyết phải kể thì phải kể thôi. Nhưng ta xem thực đơn cái đã nhé.

- Thế ông có muốn tôi kể không thì bảo nào? - Laura nói, có phần hơi phạt ý. - Tôi cứ tưởng ông lấy làm mừng mới phải.

- Có chứ. Chắc bà mới viết được một vở kịch rồi muốn kể cho tôi nghe.

Chuỗi hạt

- Đây là chuyện xảy ra với mấy người bạn của tôi.
Đúng sự thực hoàn toàn!

- Đây đâu đã phải là bảo đảm. Một câu chuyện có thật không bao giờ thật bằng một câu chuyện hư cấu.

- Thế nghĩa là thế nào?

- Cũng chẳng có nghĩa gì lăm, - tôi thú nhận. - Chẳng qua tôi thấy câu ấy nghe có vẻ cũng hay hay.

- Ông có định để tôi kể cho nghe đầu đuôi không đấy?

- Tôi hết sức chú ý nghe đây. Tôi không định ăn xúp đâu nhé. Lắm mỡ quá.

Laura nguyệt tôi một cái rồi nhìn vào thực đơn. Bà thốt ra tiếng thở dài se sẽ:

- Ông cứ nhịn mồm nhịn miệng thế được, chứ tôi thì không đời nào. Nói có ông trời, tôi không thể để phỏng sinh cái thân hình của tôi được.

- Vậy có món xúp nào bồ béo hơn cái món xúp mà bà vừa bỏ một thia kèm sữa ngòn ngọt vào ấy không?

- Có món xúp borsó⁽¹⁾, - Laura thở dài. - Có mỗi món ấy là tôi thực sự thích thôi.

- Đừng bạn tâm làm gì nữa. Cứ kể cho tôi nghe câu chuyện của bà đi, ta sẽ quên chuyện đồ ăn thức uống cho đến khi nào người ta bụng cá đến.

- Nay nhé, tôi có mặt đúng lúc xảy ra chuyện ấy.

⁽¹⁾ Xúp thịt bò với củ cải đỏ.

Tôi đến dự bữa ở gia đình Livinhxtơn. Ông có biết gia đình Livinhxtơn không nhỉ?

- Không, chắc tôi không biết.

- Thôi được rồi, ông có thể hỏi họ, họ sẽ xác nhận tất cả những lời tôi kể. Họ đã mời cả cô giáo trong nhà ngồi vào bàn tiệc vì có một bà không đến dự lúc đã sát giờ. Ông xem thiên hạ người ta cứ sai hẹn bừa ra như vậy đấy - phải có mười ba người cho đủ mâm. Cô gia sư của họ tên là Rôbinxơn, một cô gái dễ chịu, tuổi còn trẻ, quang hai mươi, hai mươi mốt, nom cũng khá xinh xắn. Phải tôi thì không đời nào tôi mướn một cô gia sư vừa trẻ lại vừa xinh. Ai mà lường hết mọi chuyện được.

- Nhưng ai chả mong cho sự việc tốt đẹp nhất.

Laura chẳng để ý gì đến nhận xét của tôi.

- Cái nguy là cô ta rồi sẽ tơ tưởng đến mấy thằng thanh niên, chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến trách nhiệm nữa, và lại, khi cô ta đã quen với cung cách tại gia rồi thì lại muốn tốt đi lấy chồng. Nhưng cô Rôbinxơn này lý lịch tử tế lắm, tôi phải thừa nhận cô ấy là người rất chín chắn, dễ chịu. Tôi tin rằng đúng cô ấy là con gái một ông mục sư thật.

Ở bữa tiệc có một người đàn ông mà chưa chắc ông đã nghe tên, nhưng cũng nổi tiếng trong cái phạm vi riêng của ông ta lắm. Ông ta là bá tước Boocxêli. Ông thao các loại ngọc đá hơn bất kỳ ai trên đời này. Ông ấy ngồi cạnh Mary Lynghết, bà này thì

Chuỗi hạt

lúc nào cũng hân diện về chuỗi ngọc của mình. Trong lúc nói chuyện, bà ấy hỏi bá tước là ông ta nghĩ thế nào về chuỗi ngọc bà đang đeo. Ông bá tước bảo là chuỗi hạt nom rất xinh. Bà ấy không bằng lòng, mới bảo ông bá tước rằng chuỗi hạt đáng giá những tá nghìn bảng.

Ông bá tước trả lời: "Vâng, cũng đáng đến thế đấy".

Lúc ấy cô Rôbinxơn ngồi đối diện với ông bá tước. Tối hôm ấy nom cô rất dễ thương. Tất nhiên tôi nhận ra ngay quần áo cô đang mặc là đồ cũ của Xôphi Livinxton, nhưng nếu không biết cô Rôbinx ơn là gia sư thì chịu, chẳng ai có thể ngờ.

Ông Boocxêli nói: "Tiêu thư đây cũng có một vòng hạt rất đẹp này".

Mary Lynghết đáp: "À, nhưng đây chỉ là gia sư của bà Livinhxton thôi".

"Biết làm sao được!", - ông kia nói. "Cô ấy đeo một chuỗi ngọc vào loại tuyệt diệu nhất mà tôi thấy trong đời. Chắc phải đến năm chục nghìn bảng".

"Vô lý!"

"Tôi xin cam đoan với bà là đến bấy nhiêu".

Mary Lynghết ngả người ra ghế. Giọng bà ấy hơi the thé:

"Cô Rôbinx ơn này, cô có biết bá tước Boocxêli vừa nói gì không? Ông ấy bảo rằng chuỗi ngọc cô đeo đáng giá năm chục nghìn bảng".

Đúng lúc ấy bữa tiệc đang lắng chuyện nên ai cũng nghe thấy. Chúng tôi quay hết cả lại và nhìn vào cô Rôbinxơn. Cô hơi đỏ mặt lên rồi cười:

"Chà, thế thì em mặc cả được lợi quá, bởi vì em chỉ phải trả có mười lăm silinh⁽¹⁾ thôi".

"Tất nhiên là cô mặc cả được lợi rồi".

Ai nấy đều cười. Chuyện đó dĩ nhiên là phi lý. Chúng ta ai chả từng nghe chuyện các bà vợ đánh lừa chồng rằng chuỗi hạt của họ là giả trong khi đó là chuỗi hạt thật, đắt tiền. Kiểu chuyện ấy cũng có từ đời nǎo đời nào rồi.

- Cám ơn bà, - chợt nghĩ đến phần nói của mình, tôi bèn lên tiếng.

- Thế nhưng chuyện này mới kỳ quặc: một cô gái vẫn chịu làm phận gia sư trong khi có trong tay một chuỗi ngọc trị giá năm chục nghìn bảng. Rõ ràng là vị bá tước đã nói hổn một câu. Rồi một việc lạ lùng đã xảy ra. Cánh tay dài của sự trùng hợp ngẫu nhiên đã thò vào.

- Chả chắc đâu, - tôi vặn vẹo, - nó đã phải thò ra thò vào quá nhiều rồi. Bà đã xem cuốn sách hấp dẫn nhan đề là *Từ điển cách dùng tiếng Anh* chưa nhỉ?

- Tôi mong ông đừng có cắt ngang khi tôi đang kể tới đoạn hồi hộp.

⁽¹⁾ Một silinh : 1/20 bảng Anh.

Chuỗi hạt

Nhưng tôi lại phải cắt ngang lần nữa, vì đúng lúc ấy một con cá hồi nướng đã được đưa chui qua cánh tay trái của tôi.

- Bà Livinhxton thết chúng ta một bữa ăn thịnh soạn đấy nhỉ! - Tôi nói.

- Cá hồi có béo không? - Laura hỏi.

- Béo lắm, - tôi vừa trả lời vừa làm một miếng to.

- Ông chỉ hươu thôi!

- Tiếp tục đi nào, - tôi nài nỉ. - Cánh tay dài của sự trùng hợp ngẫu nhiên đang sắp sửa cử động.

- À, đúng lúc ấy người quản gia cúi chào cô Rôbinxơn rồi thì thào gì đó vào tai cô ta. Tôi cảm thấy cô ta hơi tái mặt đi. Không thoa phấn hồng là một sai lầm, ai mà biết được ông trời sẽ giở trò ảo thuật gì trên mặt mình. Chắc chắn là nom cô Rôbinxơn có vẻ thẳng thớt.

Cô ấy rướn người về phía trước và nói:

"Thưa bà Livinhxton, Đâuxơn nói là có hai người đàn ông ngoài kia có chuyện muốn nói ngay với em".

"Được cô cứ đi ra đi", - Xôphi Livinhxton nói.

Cô Rôbinxơn đứng dậy đi ra khỏi phòng. Trong óc mọi người cùng lóe lên một ý nghĩ, nhưng tôi nói ra trước tiên. Tôi bảo Xôphi:

"Tôi hy vọng là người ta không đến để bắt cô ấy đi. Chứ không thì khủng khiếp cho chị quá, bà chị thân mến ạ".

Xôphi liền hỏi ông Boocxêli: "Ông Boocxêli này, ông có chắc chắn đây là vòng hạt đính thực không?"

"Hoàn toàn chắc chắn!".

Tôi bèn nói: "Khó có chuyện cô ấy dám cả gan đeo nó hôm nay nếu đó là của ăn cắp".

Mặt Xôphi Livinhxtơn tái nhợt như người chết đuối dưới lớp son phấn trang điểm.

Tôi thấy chị ấy đang băn khoăn không biết hòm châu ngọc nữ trang của mình có còn nguyên vẹn không. Tôi chỉ có mỗi dây chuyền kim cương nhỏ này, mà bất giác tôi cũng phải đưa tay lên cổ xem nó có còn ở đây không.

"Thôi đừng nói chuyện vô lý nữa, - chị Xôphi Livinhxtơn nói. - Cô Rôbinxơn moi đâu ra một chuỗi ngọc quý giá làm vậy được".

"Cô ta có thể chứa chấp đồ trộm cắp", - tôi đáp.

"Nhưng lý lịch cô ấy hoàn hảo thế cơ mà". - Xôphi liền bảo.

"Bạn họ lý lịch bao giờ chả tốt". - Tôi nói.

Tôi lại buộc lòng phải cắt ngang lời Laura một lần nữa. Tôi nhận xét:

- Hình như bà còn chưa nhất quán chọn một lập trường thực sự rõ ràng về chuyện này cho lắm.

- Thì nào tôi có gì để mà nghĩ xấu về cô Rôbinxơn đâu! Tôi có toàn những lý do để nghĩ cô ấy là một cô gái rất dễ thương. Thế cho nên nếu có phát hiện ra cô

Chuỗi hạt

Ấy là loại trộm lõi đời hoặc là hội viên có tiếng của một hội gồm toàn những kẻ lừa đảo cờ quốc tế thì mới rùng mình chứ!

- Cứ như trong xi-nê ấy. Tôi thì xưa nay toàn ngỡ rằng chỉ trên phim mới có những sự việc giật gân như thế.

- Thế là chúng tôi nín thở chờ đợi. Trong phòng im phăng phắc không một tiếng động. Tôi tưởng như sắp có tiếng nhốn nháo ở phòng ngoài hoặc ít nhất là một tiếng rú thát thanh. Sự im lặng đáng ngại quá. Thế rồi cửa lại mở, cô Rôbinxơn bước vào. Tôi nhận ra ngay là vòng hạt trên cổ cô ta biến mất. Có thể nhận thấy cô ta thắt sắc và hồi hộp. Cô ta ngồi vào bàn, và vừa mím cười vừa ném ra trên đó...

- Trên cái gì?

- Trên bàn, ông ngốc ạ. Một chuỗi ngọc. - Rồi cô ta nói: "Vòng hạt của em đây", Bá tước Booxeli rướn người về phía trước: "Ô, đây là vòng hạt giả". Cô Rôbinxơn cười: "Thì em đã bảo là giả mà lại". Vị bá tước nói: "Đây không phải là cái chuỗi hạt cô đeo cách đây ít phút". Cô Rôbinxơn lắc đầu rồi cười một cách bí hiểm. Chúng tôi ai nấy đều ngạc nhiên. Không rõ Xôphi Livinhxtơ có lấy làm mãn nguyện nhiều lắm về việc cô gia sư tự biến mình thành trung tâm của sự chú ý theo kiểu ấy hay không, nhưng theo tôi thái độ chị ấy có hơi khang khác khi chị ấy bắt cô Rôbinxơn giải thích. Cô Rôbinxơn kể rằng khi ra đến

phòng ngoài thì cô thấy hai người đàn ông nói rằng họ từ cửa hàng ông Jarrot đến. Cô ấy đã mua chuỗi hạt ở đây với giá mười lăm silinh, nhưng đã đưa lại vì cái móc khóa bị hỏng, mãi chiều hôm ấy mới lấy lại. Hai người kia nói là đã đưa nhầm cho cô chuỗi hạt khác. Có người đã đem chuỗi ngọc thực đến để xâu lại, thành thử người phụ việc đã nhầm lẫn. Thật tôi chẳng hiểu người nào mà lại ngu ngốc đến mức đem chuỗi hạt thực sự quý giá đến cửa hàng lão Jarrot: cái bọn ở đây có thạo những chuyện ấy đâu, bọn họ chẳng biết đâu là ngọc thật, đâu là ngọc giả cả. Nhưng ông xem, đàn bà cũng lầm người ngỗ lầm. Thế là chuỗi hạt ấy vào tay cô Rôbinxơn, trị giá của nó là năm mươi nghìn bảng. Dĩ nhiên cô Rôbinxơn đã trả chuỗi ngọc lại cho họ - cô ta chẳng thể làm gì khác được, tôi đoán vậy, dù trong lòng có tiếc ngẩn tiếc ngơ đi chăng nữa, còn hai người kia thì đưa cho cô Rôbinxơn chuỗi hạt của chính cô. Rồi họ nói rằng tuy chẳng có điều khoản nào bắt buộc - ông biết cái lối ăn nói sỉ diện, hàm hồ của đàn ông khi họ cố tỏ ra thạo việc chứ? - Nhưng họ được lệnh biểu cô một tấm ngân phiếu ba trăm bảng, coi như là khuyến khích hay gọi là gì cũng được. Quả thực cô Rôbinxơn có cho chúng tôi xem. Cô ấy sướng như mở cờ trong bụng.

- Thế cũng là số đó đây chứ?
- Ông thì nghĩ thế, chứ hóa ra lại là hại cho cô ta.

Chuỗi hạt

- Chà, hại thế nào hở bà?

- Thế rồi đến cái kỳ cô ta được nghỉ, cô ta bảo với Xôphi Livinhxtơn là cô đã quyết định đi Đôvin một tháng để xài hết số tiền ba trăm bảng. Xôphi đã cố ngăn lại và khuyên cô ta hãy gửi tiền vào quỹ tiết kiệm, nhưng cô Rôbinxơn chẳng chịu nghe. Cô ta bảo chưa bao giờ có được một cơ hội như thế này và cũng chẳng bao giờ có lại nữa, cho nên ít ra thì cô cũng định sống bốn tuần như một bậc vương giả đã. Xôphi không còn cách nào khác, đành chịu. Chị ấy bán cho cô Rôbinxơn cả mớ quần áo chị ấy không thích mặc, vì đã mặc suốt cả mùa đến phát ớn lên rồi. Chị ấy bảo là cho cô Rôbinxơn chỗ quần áo ấy, nhưng tôi không tin hắn như thế - tôi dám nói là Xôphi bán rất rẻ. Thế là cô Rôbinxơn một thân một mình lên đường đi Đôvin. Ông thử nghĩ xem chuyện gì sẽ xảy ra?

- Tôi cũng xin chịu, - tôi đáp. - Hi vọng rằng cô ấy được vui chơi thỏa chí.

- Đây, còn một tuần nữa đến thời gian phải quay về thì cô ấy viết thư cho Xôphi nói rằng cô ấy đã thay đổi ý định và đã chuyển sang nghề khác, mong bà Livinhxtơn thứ lỗi cho nếu cô không trở về nữa. Tất nhiên Xôphi tội nghiệp cứ lợn ruột lên. Sự thực thì ở Đôvin cô Rôbinxơn đã vớ được một anh chàng có của người Achentina rồi theo anh ta lên Pari. Từ bấy giờ cô ta ở Pari. Tôi đã có lần trông thấy cô ta ở cửa hiệu Florăngxơ, đầy xuyến lên tận khuỷu tay,

ngọc ngà quấn tầng tầng lớp lớp quanh cổ. Tất nhiên tôi coi cô ta như chết rồi. Nghe người ta đồn cô ta có ngôi nhà ở Boa đờ Bulônhơ, còn tôi thì tôi biết cô ta có một chiếc ô tô hiệu Rônx. Trong vài tháng cô ta lại bỏ anh chàng người Achentina để bám lấy một gã Hy Lạp. Chẳng rõ bây giờ cô ta sống với thằng nào, nhưng tóm gọn lại một câu là chắc cái ngữ ấy là đứa trốn chúa lộn chồng nhất ở Pari.

- Khi bà nói cô ta bị làm hại tức là bà dùng từ ấy trong nghĩa thuần túy của bà, tôi xin kết luận như vậy.

- Tôi chẳng hiểu ông nói thế là ngụ ý gì, - Laura nói. - Nhưng ông xem ông có thể xây dựng thành một truyện ngắn được không?

- Không may là tôi đã viết một truyện ngắn về chuỗi ngọc đeo cổ rồi. Chả lẽ lại cứ viết mãi truyện về các chuỗi ngọc.

- Tôi đang phân vân tính viết nó đây. Có điều là nên thay đổi đoạn kết.

- Chà, bà sẽ kết truyện như thế nào?

- Tôi sẽ để cho cô ta đính hôn với một anh thây ký nhà băng. Anh này đã phải thăng trầm trong chiến tranh, có mỗi một chân chẳng hạn, hoặc là nửa mặt bị bắn bay. Bọn họ sẽ nghèo khổ nghèo khổ, nhiều năm không có hi vọng gì cưới được nhau, anh ta phải chắt chiu dành dụm để mua một ngôi nhà nhỏ ở ngoại ô. Hai người hứa hẹn lấy nhau khi nào

Chuỗi hạt

anh ta tiết kiệm được đủ tiền. Thế rồi cô nàng kiêm được ba trăm bảng, họ ngỡ ngàng không dám tin đây là sự thật, họ sung sướng quá, đến nỗi anh ta khóc trên vai cô nàng. Anh ta sụt sùi như một đứa trẻ. Rồi họ tậu ngôi nhà nhỏ ở ngoại ô và họ cưới nhau, lại có thêm bà mẹ già của anh ta ở cùng. Anh ta đi làm hằng ngày ở nhà băng, còn nếu cô nàng chưa muộn có con vội, cô ta vẫn có thể đi làm gia sư hàng ngày. Anh ta sẽ rất hay ốm - vì vết thương cũ ấy mà, - cô nàng sẽ săn sóc anh ta, thật hết sức cảm động, hết sức ngọt ngào, hết sức đáng yêu.

- Tôi thấy nó có vẻ buồn tẻ thì có, - tôi đánh bạo lên tiếng.

- Phải, nhưng hợp với đạo đức, - Laura trả lời.

Mưa

Lúc này đã gần đến giờ đi ngủ: chỉ sáng mai thôi lúc họ thức dậy là sẽ thấy đất liền. Bác sĩ Mácphâylo châm tẩu và tựa người trên lan can, ông đưa mắt lên trời tìm chòm sao Thập tự phương nam. Sau hai năm ngoài mặt trận với một vết thương phải điều trị lâu hơn bình thường, ông thấy sung sướng được ngủ cự êm á ở Apia⁽¹⁾ ít nhất là mười hai tháng, và ông cảm thấy dễ chịu với chuyến đi. Bởi vì một số hành khách sẽ xuống tàu ở Pagô-Pagô⁽²⁾ ngày hôm sau, nên tối hôm ấy người ta nhảy (chút ít) và trong tai ông còn văng vẳng những nốt nhạc rè rè của cây đàn pianô máy⁽³⁾. Boong tàu đã trở lại yên tĩnh. Xa một chút ông trông thấy bà vợ ngồi trên ghế dài nói chuyện với ông bà Davítxon và ông

⁽¹⁾ Apia: hải cảng và trung tâm hành chính của Tây Xamoa, trên đảo Upôlu, Nam Thái Bình Dương.

⁽²⁾ Pagô-Pagô: trung tâm hành chính của Xamoa thuộc Mỹ, trên đảo Tutuila.

⁽³⁾ Đàn pianô máy: pianô được trang bị một cơ chế (phát minh ra năm 1850) nhằm thực hiện bản nhạc không cần nhấn phím.

chậm rãi đi về phía họ. Khi ông đã ngồi xuống dưới ánh đèn và bỏ mũ ra rồi, người ta thấy tóc ông đỏ sẫm, với một mảng hói trên đỉnh đầu, và một nước da đỏ, lốm đốm tàn nhang đi kèm lớp lông đỏ; ông trạc bốn mươi, người già, mặt hép, kỹ tính và khá là mê phạm; ông nói thô âm Xcốt bằng một giọng nhỏ nhẹ rất thấp.

Giữa ông bà Mácphâylo và ông bà Đavítxon, những người truyền giáo, đã nẩy nở một niềm thân mật do sự gần gũi nhau hơn là do cùng chung sở thích. Cái mối nối chủ yếu giữa họ là việc họ không tán đồng những kẻ suốt ngày đêm tụ họp trong phòng hút thuốc chơi pôkê và britgiơ hay là uống rượu. Bà Mácphâylo không kém phần khoan khoái trong bụng khi vợ chồng bà là những người duy nhất trên tàu mà ông bà Đavítxon săn lòng kết bạn, và ngay cả ông bác sĩ, rụt rè nhưng không ngốc nghếch, trong thâm tâm cũng thấy lời khen hợp lý. Chỉ bởi ông có một trí óc suy xét, nên tối ấy khi về phòng ông mới thả lòng xét nét.

- Bà Đavítxon bảo rằng không biết ông bà ấy chịu đựng sao cho nổi chuyến đi, nếu không có chúng mình. - Bà Mácphâylo vừa chải cẩn thận bộ tóc già vừa nói. - Bà ấy bảo chúng mình mới thực là những người duy nhất trên tàu họ có thể chuyện trò với họ.

- Anh thì không nghĩ là một người truyền giáo lại tai to mặt lớn đến mức có thể kêu kiệu như thế.

- Đâu phải kêu kiệu. Em rất hiểu ý bà ấy nói.

Ông bà Davítxon mà phải giao thiệp với tất cả cái lũ thô bỉ trong phòng hút thuốc ấy thì chẳng dễ chịu tí nào.

- Ông tổ tôn giáo của họ đâu có đài các thế. - Bác sĩ Mácphâylo cười khúc khích khi nói.

- Tôi đã nói đi nói lại với ông là đừng có đùa cợt với tôn giáo, - vợ ông đáp. - Ai ưa được cái tính như ông, Aléch. Ông chẳng bao giờ tìm thấy cái tốt trong con người ta.

Ông đưa cặp mắt xanh nhợt nhạt liếc bà nhưng không trả lời. Đã nhiều năm chung sống với nhau, ông nhận thức được rằng cứ để cho bà nói lời tôi thương thì dễ đi đến kết cục hòa bình hơn. Ông đã cởi quần áo ra sớm trước bà, rồi leo lên giường tầng trên yên vị nằm đọc sách trước khi ngủ.

Sáng hôm sau, khi ông bước lên boong thì đất liền đã ở gần. Ông nhìn nó với cặp mắt thèm khát. Đó là một dải bờ biển thanh mảnh lấp lánh ánh bạc vươn đột ngọt lên những quả đồi phủ rau cỏ xanh um đến tận đỉnh. Những cây dừa xanh dày tiến sát gần mép nước, thấp thoáng trong đó người ta thấy những căn nhà lá của thổ dân Xamoa. Lác đác đây đó lóe sắc trắng, dáng một nhà thờ nhỏ. Bà Davítxon đã ra đứng cạnh ông. Bà vận đồ đen, quanh cổ đeo một dây chuyền vàng, lủng lẳng một cây thánh giá con con. Bà nhỏ người, bộ tóc màu nâu xỉn được chải chuốt rất cẩn thận và đôi mắt lồi màu xanh lơ đằng sau cặp kính kẹp mũi không có gọng. Mặt bà

dài như mặt cừu, nhưng không gây cho người ta cái cảm tưởng về sự ngu ngốc, mà đúng hơn là về sự lanh lợi thái quá. Bà cử động nhanh như chim. Cái điều đáng chú ý nhất ở bà là giọng nói cao, vang như chuông, không có sự chuyển điệu, nó dội vào tai với một sự đơn điệu gay gắt, kích thích thần kinh như thứ tiếng rít không thương xót của cái khoan hơi.

- Thế này đối với bà cũng coi như về nhà rồi, - bác sĩ Mácphâylo nói, với nụ cười khó khăn yếu ớt.

- Chỗ đảo chúng tôi ở, ông biết đấy, nó thấp chừng đâu như thế kia. Ở đây là những đảo san hô. Còn đây là nham thạch núi lửa. Chúng tôi còn đi mười ngày nữa mới đến.

- Ở những xứ này, thế đã coi như cái phố cạnh nhà rồi, - bác sĩ Mácphâylo nói bông đùa.

- Kể ra nói như thế cũng hơi phóng đại, nhưng ở những vùng biển Nam này, người ta nhìn khoảng cách có khác thật. Cho nên ông nói phải.

Bác sĩ Mácphâylo thở dài nhè nhẹ.

- May mà chúng tôi không đóng đô ở đây, - bà nói tiếp - Người ta nói đây là cái chỗ khó làm việc ghê gớm. Tàu cứ ghé ra ghé vào làm con người không an tâm; lại còn cái bến hải quan nữa, thật không hay cho dân bản địa. Ở khu chúng tôi không có những khó khăn đại loại như thế. Đây chỉ có một hai dân buôn, mà chúng tôi luôn để mắt tới họ, nếu họ cư xử không đúng, chúng tôi sẽ ra tay buộc họ phải bỏ mà đi.

Sứa cái kính trên mũi, bà nhìn hòn đảo xanh
bằng cái nhìn chòng chọc đầy căm ghét.

- Nhiệm vụ đối với những nhà truyền giáo ở đây thật gay go. Tôi lúc nào cũng đội ơn dày của Chúa là ít nhất chúng tôi cũng không phải ở đây.

Quận chõ Davítxon ở bao gồm một nhóm đảo nằm về phía bắc Xamoa; chúng cách nhau khá xa, và ông ta thường đi lại bằng xuồng. Những khi ấy vợ ông ở lại trụ sở điều hành công việc. Bác sĩ Mácphâylo cũng thấy ngán ngẩm khi ông được biết cái hiệu quả tiến hành công việc của bà Davítxon. Bà kể về sự hư đốn của dân bản xứ bằng cái giọng không gì kìm nén được, bao hàm vẻ ghê tởm quá là ngọt xớt. Ý thức về sự tao nhã ở bà thật độc đáo. Lúc mới quen bà đã nói với ông:

- Ông này, tập tục cưới xin của họ khi chúng tôi mới đến ở đảo gồm ghiếc đến nỗi tôi không thể tả cho ông nghe được. Nhưng tôi sẽ kể với bà Mácphâylo rồi bà ấy sẽ nói lại với ông.

Rồi ông thấy vợ mình và bà Davítxon, hai cái ghê sát nhau, chuyện trò nghiêm túc khoảng hai tiếng đồng hồ. Khi ông đi qua đi lại ngang chõ họ để luyện cơ thể, thì ông nghe thấy tiếng thi thào sôi nổi của bà Davítxon, giống như dòng lũ xa xa trên núi, và qua cái miệng há ra và bộ mặt bệch màu của vợ, ông hiểu là vợ ông đang kinh qua cơn khiếp hãi. Buổi tối, khi đã về phòng, bà kể lại với ông những điều đã nghe mà hơi thở như chững lại.

- Đây, tôi đã nói với ông mà! - Bà Davítxon thốt lên đắc ý vào buổi sáng hôm sau. - Ông đã bao giờ nghe chuyện gì ghê gớm hơn chưa? Ông không thể tưởng tượng được tại sao tôi lại không kể thẳng với ông, phải không? Dù rằng ông là bác sĩ.

Bà Davítxon quan sát mặt ông một cách chăm chú. Bà rất dõi hăm hở nhìn ngắm cái hiệu quả mong muốn mà bà đã đạt được.

- Ông có thể tưởng tượng được rằng chúng tôi chung lòng lại ghê gớm khi mới đến không? Ông hẳn khó tin lời tôi, nếu tôi bảo với ông là không thể tìm đâu ra một cô gái tốt ở bất cứ làng nào.

Bà ta dùng chữ *tốt* trong cái nghĩa chuyên môn rất hẹp.

- Ông Davítxon và tôi vẫn thường nói chuyện ấy với nhau, và chúng tôi đã quyết định việc đầu tiên là phải sớm dẹp cái trò nhảy nhót lại. Dân bản xứ cứ cuồng lên vì nhảy.

- Tôi cũng đâu có phản đối nó hôi tôi còn trẻ, - bác sĩ Mácphâylơ nói.

- Tôi đã đoán ra khi thấy ông mời bà Mácphâylơ nhảy với ông một vòng tối qua. Tôi nghĩ thực ra cũng chẳng hại gì, nếu một người đàn ông nhảy với vợ mình, nhưng tôi thấy thanh thản hơn, nếu người vợ không nhảy. Có những hoàn cảnh tôi nghĩ tốt hơn cả là chúng ta nên tránh giao tiếp.

- Những hoàn cảnh nào thế?

Bà Davítxon đưa mắt liếc nhanh ông qua cặp kính kẹp mũi, nhưng không trả lời vào câu hỏi của ông.

- Đối với những người da trắng thì nó không hẳn như vậy, - bà tiếp tục. - Nhưng phải nói rằng tôi đồng ý với ông Davítxon nhà tôi, ông ấy bảo không thể hiểu nổi làm sao một anh chồng lại có thể đứng đấy mà nhìn vợ mình trong vòng tay một người đàn ông khác. Về phần tôi thì tôi chưa bao giờ nhảy lẩy một bước kể từ khi lấy chồng. Cái điệu nhảy bắn xúi lại còn hơn thế nữa. Nó không những trái đạo đức về bản chất, mà rõ ràng nó còn dẫn đến sự mất đạo đức. Cho nên tôi vẫn tạ ơn Chúa là chúng tôi đã dẹp nó đi, và tôi cho rằng tôi đúng khi nói là không một ai nhảy nhót gì nữa ở quận chúng tôi suốt tám năm nay.

Lúc này tàu đang đi vào cửa bến và bà Mácphâylo đến nhập với họ. Con tàu quay mạnh và từ từ tiến vào. Đây là một bến cảng đất liền bao quanh và đủ lớn để chứa cả một hạm đội tàu chiến; xung quanh nó có những ngọn đồi xanh nổi lên, cao và dốc. Gần cửa bến, đón làn gió nhẹ từ biển thổi vào là ngôi nhà thống đốc trong một căn vườn. Lá cờ Sao và Vạch uể oải đong đưa trên cột. Tàu họ chạy ngang qua hai ba ngôi nhà một tầng gọn gàng, một sân chơi tennít rồi tiến lại cái cầu tàu với những nhà kho. Bà Davítxon chỉ chiếc tàu buồm bỏ neo cách bờ độ hai ba trăm yát, nó sẽ chờ họ đến Apia. Trên bờ có một đám đông người bắn xúi háo hức ôn ào, vui vẻ từ khắp nơi trên đảo kéo đến, một số thì vì tò mò, số khác đến để đổi

chắc với du khách trên tuyến đường đi Xitnây⁽¹⁾: họ đem đến dừa và những nải chuối lớn, vải *tapa*⁽²⁾, chuối hạt đeo cổ bằng vỏ sò hay răng cá mập, bát loa *kava*⁽³⁾, và các hình mẫu thuyền chiến. Các thủy thủ Mỹ, gọn gàng chỉnh tề, mày râu cạo nhẵn và vẻ mặt bộc trực, đi lại ung dung trong đám đông, lại còn có một nhóm nhỏ các quan chức. Trong khi hành lý được chuyển lên bờ, ông bà Mácphâylơ và bà Đavítxon ngắm đám đông. Bác sĩ Mácphâylơ nhìn những mụn ghẻ cóc mà hình như đa số trẻ em và thiếu niên mắc phải, những vết lở loét dị dạng như những đám nhọt đã hơi xỉu, và cặp mắt chuyên môn của ông sáng lên khi ông lần đầu tiên trong nghề trông thấy các trường hợp của bệnh phù voi. Những người đàn ông đi lại với cánh tay nặng nề, to xù hay kéo lê cái chân khổng lồ bị định hình. Đàn ông, đàn bà đều mặc *lava-lava*⁽⁴⁾.

- Thật là một thứ quần áo khiếm nhã, - bà Đavítxon nói. - Ông Đavítxon nhà tôi vẫn cho là nó phải bị luật cấm. Làm sao ông có thể trông mong con người ta có đạo đức được khi họ chẳng mặc gì ngoài cái dải vải đǒ quanh hông?

- Nó khá thích hợp với khí hậu, - ông bác sĩ nói, tay lau mồ hôi trên mặt.

⁽¹⁾ Xitnây: thành phố cảng lớn ở bờ biển đông nam Ôxtorâylia.

⁽²⁾ Loại vải không dệt, làm bằng *tapa* (lớp vỏ mềm của một loại cây dâu) ở các đảo Thái Bình Dương.

⁽³⁾ Kava: một loại đồ uống chế từ một thứ rễ cây tán nhỏ.

⁽⁴⁾ Lava-lava: Một loại khổ in hoa của người Xamoa.

Giờ họ đã đặt chân lên đất liền. Cái nóng, dù mới chỉ là sáng sớm, đã rất ngọt ngạt. Bị khép chặt bởi những quả đồi, không có lấy một hơi gió nào lọt vào Pagô-Pagô.

- Ở đảo chô chúng tôi, - bà Davítxon lại tiếp tục bằng cái giọng cao vút của mình, - chúng tôi hầu như đã diệt trừ được cái khố *Java - Java*. Chỉ có một ít ông già là còn mặc nó mà thôi. Phụ nữ thì chuyển sang mặc kiểu áo *Mother Hubbard*⁽¹⁾, đàn ông thì mặc quần dài và mang áo lót. Ngay từ lúc mới đến, ông nhà tôi đã nói trong một báo cáo: cư dân những đảo này không bao giờ thành tín đồ Cơ đốc giáo hoàn hảo cho đến khi mỗi cậu bé trên mười tuổi được cho mặc quần tử tế.

Rồi bà Davítxon đưa cái nhìn giống như chim lên những đám mây xám nặng nề đang trôi trên cửa bến cảng. Lác đác đã có vài hột mưa.

- Ta tìm chỗ trú thôi, - bà nói.

Họ lẩn lẩn đi qua đám đông đến một mái lán bằng tôn. Mưa đã bắt đầu chảy thành dòng. Họ đứng đây được một lúc thì ông Davítxon cũng tới nhập vào. Ông tỏ ra khá lịch thiệp đối với ông bà Mácphâylo trong cả chuyến đi, nhưng không có được cái tính quảng giao của bà vợ, mà dùng nhiều thì giờ vào việc đọc sách.

Ông là một người ít nói, khá lâm lì, và người ta cảm thấy sự niềm nở của ông chẳng qua là cái nghĩa

⁽¹⁾ Một loại áo dài may rộng của phụ nữ.

vụ mà ông tự áp đặt lên bản thân theo kiểu Cơ đốc giáo; ông có bản chất kín đáo và thậm chí hơi ủ dột. Tướng mạo ông thật đặc biệt. Ông rất cao và gầy, tay chân thì dài được ghép nối một cách lỏng lẻo; má hóp và gò má cao lạ kỳ, ông có khí sắc nhợt nhạt đến nỗi làm người ta sững sốt khi nhận ra đôi môi đầy đặn và đắm đẵc của ông. Ông để tóc rất dài. Cặp mắt sẫm màu của ông ở sâu trong hốc, to và bi thảm; tay ông có những ngón lớn, dài, khuôn hình đẹp; chúng tạo cho ông cái vẻ rất cường tráng. Nhưng điều gây ấn tượng nhất về ông là cái cảm giác ông tạo cho người ta về một ngọn lửa bị chế áp. Nó thật sâu sắc và có hơi gây gợn lòng. Ông không phải là loại người dễ chấp nhận sự thân mật.

Ông đem lại một cái tin không hay. Trên đảo đã phát sinh dịch lèn sởi, một thứ bệnh nghiêm trọng và thường là nguy hiểm, lan trong đám thô dân Kanaka, và một trường hợp phát bệnh đã xảy ra trong đội thủy thủ chiếc tàu buồm có nhiệm vụ chở họ đi tiếp. Người bệnh được đưa lên bờ, vào nằm bệnh viện ở chỗ trạm kiểm dịch, nhưng điện đánh từ Apia đến nói chiếc tàu buồm sẽ không được phép vào bến, cho đến khi chắc chắn không có một nhân viên nào khác của tàu bị nhiễm bệnh.

- Thế có nghĩa là ta sẽ phải ở lại đây ít nhất mười ngày nữa.

- Nhưng tôi rất cần có mặt ở Apia, - bác sĩ Mácphâylo nói.

- Chẳng làm thế nào được. Nếu không có thêm trường hợp nhiễm bệnh nào nữa trên tàu thì chiếc tàu sẽ được phép chở hành khách da trắng lên đường, nhưng mọi sự đi lại của người bản xứ sẽ bị cấm trong ba tháng nữa.

- Ở đây có khách sạn không nhỉ? - bà Mácphâylo hỏi.

Đavítxơn cười tăm tắp:

- Không có đâu.

- Thế thì làm thế nào?

- Tôi đã chuyện trò với ông thống đốc. Một thương gia ở dọc phố biển có phòng cho thuê, ý tôi là khi nào mưa ngớt ta sẽ cùng đi đến đây xem thế nào. Nhưng đừng có trông chờ tiện nghi. Có được cái giường để ngả lưng và cái mái che đầu là phúc đức lắm rồi.

Mưa vẫn không tỏ dấu hiệu gì muốn ngừng, rốt cuộc họ giương dù và khoác áo đi mưa rồi xuất phát. Nơi đây không phải là thành thị mà chỉ là một dãy tòa nhà công sở, một hay hai cửa hiệu, còn ở phía sau, trong đám cây dừa và mả đề, có dăm ba căn nhà của thổ dân. Ngôi nhà mà họ tìm ở cách bến tàu khoảng năm phút đi bộ. Đó là một cái nhà gỗ hai tầng có hàng hiên rộng ở cả hai tầng và mái bằng tôn. Chủ nhà là người lai tên gọi Hon, có chị vợ người bản xứ vây quanh bởi một đàn con nhỏ da ngăm nâu, ở tầng trệt anh ta có một cửa hiệu bán đồ hộp và vải bông. Những gian buồng anh ta chỉ cho họ xem gần như trơ trọi không đồ đạc. Trong phòng của ông bà

Mácphâylo chẳng có gì cả ngoài cái giường cũ kỹ thảm hại với cái màn rách bướm, một cái ghế khập khiễng và một cái giá rưa mặt. Họ nhìn quanh chán nản. Mưa vẫn đổ xuống không ngừng.

- Em sẽ không dỡ hết đồ đặc ra đâu, cần gì thì dỡ thứ ấy thôi, - bà Mácphâylo nói.

Bà Đavítxơn vào phòng khi bà Mácphâylo đang mở va-li. Trông bà rất nhanh nhau và hoạt bát. Hoàn cảnh không lấy gì làm vui vẻ ở xung quanh không hề tác động đến bà.

- Nếu ông bà nghe lời khuyên của tôi thì nên lấy cái kim và miếng vải vá lại cái màn, - bà nói, - không thì đêm nay ông bà không chợp mắt được một phút nào đâu.

- Muỗi ở đây khiếp thế cơ à? - Ông Mácphâylo hỏi.

- Böyle giờ đang mùa của chúng đây. Nếu ông được mời đến dự cuộc vui ở Nhà Chính phủ ở Apia, ông sẽ thấy tất cả các bà đều được phát một cái áo gối để nhét cặp chân của họ vào.

- Giá mà mưa tạnh lấy một lúc nhỉ, - bà Mácphâylo nói. - Tôi sẽ hăng hái hơn khi bắt tay vào sửa soạn cho chõ ở được tiện lợi, nếu trời nắng ráo.

- Ô, nếu bà đợi trời nắng thì còn đợi lâu đây, Pagô-Pagô là cái nơi nhiều mưa nhất Thái Bình Dương. Kia kia, những ngọn đồi với cái vịnh kia, chúng thu hút hết nước mưa, dịp này trong năm thì thường thế nào cũng mưa.

Bà chuyển cái nhìn từ Mácphâylo sang vợ ông, đang đứng với vẻ bất lực hết chô nọ đến chô kia trong phòng như mất hồn, và bà bậpm môi. Bà thấy bà đến phải ra tay chỉ bảo cho họ mới được. Những con người duénh đoảng như thế này làm bà sốt ruột, tay chân bà ngứa ngáy muốn thu xếp mọi thứ vào cái trật tự mà bà cho là hợp lý nhất.

- Nào, bà đưa tôi cái kim và miếng vải để tôi vá cái màn cho, còn bà thì cứ tiếp tục dõ đõ đi. Ăn trưa vào lúc một giờ. Bác sĩ Mácphâylo này, có lẽ ông nên ra bến tàu xem hành lý nặng của ông đã xếp được vào chô nào khô ráo chưa. Ông biết cái đám dân bản xứ này rồi đấy, bọn họ sẽ cứ để hành lý của ông ở cái chô mà mưa sê dội lên suốt lượt cho mà xem.

Ông bác sĩ lại khoác áo mưa lên mình và đi xuống cầu thang. Ở cửa, Hon đang đứng nói chuyện với viên trưởng lái của con tàu đã chở họ và với một hành khách đi vé hạng hai mà bác sĩ Mácphâylo đã trông thấy vài lần trên tàu. Viên trưởng lái, một con người nhỏ bé, quắt queo, hết sức bẩn, gật đầu chào ông đi ngang qua.

- Cái dịch lén sởi này thật tồi tệ, bác sĩ nhỉ, - anh ta nói. - Bác sĩ đã ổn định đâu vào đấy cả rồi, nhanh thật.

Bác sĩ Mácphâylo cho rằng anh ta hơi suồng sã, nhưng vốn tính dè dặt, ông cũng không lấy làm bức mình.

- Vâng, chúng tôi đã thu xếp được căn phòng ở trên gác.

- Cô Thômxon đây cũng cùng đi tàu với ông đến Apia, nên tôi đã đưa cô đến đây.

Viên trưởng lái giò ngón tay cái chỉ sang người phụ nữ đứng cạnh. Cô ta quăng hǎm bảy, đây đà, trông hay hay theo cái kiểu hơi thô. Cô ta mặc cái áo váy màu trắng và đội chiếc mũ to màu trắng. Bắp chân mập trong lớp tất vải trắng phình ra trên mép đôi ủng dài trắng bằng da dê bóng. Cô ta nở nụ cười săn đón với Mácphâylo.

- Cái nhà ông này cứ đòi em một đô la rưỡi một ngày cho cái phòng bé tẹo thế kia.

- Gió này, tôi đã bảo anh, rằng cô ta là bạn của tôi, - viên trưởng lái nói: - Cô ấy không thể trả hơn một đôla được, anh rồi phải nhận cho cô ấy thôi.

Anh thương gia người béo, sởi lởi, mỉm cười.

- Được, nếu ông đã nói thế, ông Xoan ạ, thì tôi sẽ xem lại xem có thể thay đổi gì được không? Tôi sẽ nói lại với bà Hon nhà tôi, và nếu được, chúng tôi sẽ giảm.

- Đừng có giở cái ngón ấy ra với tôi, - cô Thômxon nói. - Ta sẽ thu xếp ổn thỏa ngay bây giờ. Ông lấy một đôla một ngày và đừng hòng lấy thêm được một trinh nào nữa.

Bác sĩ Mácphâylo mỉm cười. Ông phục cái vẻ dặn dì trong cách mặc cả của cô. Ông thuộc loại người bảo thế nào thì trả thế ấy. Thà bị thiệt một tí còn hơn cứ phải kỳ kèo. Anh chàng thương gia thở dài.

- Thôi được, nể ông Xoan đây, tôi nhận lời.

- Có thế chứ, - cô Thômxơn nói. - Ta vào nhà làm một hớp rượu đi. Em có ít rượu uýtky mạch đen chính công trong cái túi kia, phiền ông Xoan xách hộ. Xin mời cả bác sĩ vào nữa.

- Ô, cảm ơn cô, tôi xin phép được kiếu, - ông trả lời. - Tôi đang phải ra xem chõ hành lý có đâu vào đây không.

Ông bước ra ngoài mưa. Mưa đãng thành hàng ở cửa bến và cửa hiệu phía đối diện trông nhè nhẹ không nhìn rõ gì. Ông đi ngang qua hai ba người thợ dân, hầu như trần truồng, ngoài cái khổ *java - java*, và cái ô to trên đầu. Họ bước đi uyển chuyển, cử động khoan thai, cười và chào ông bằng tiếng lạ tai khi ngang qua.

Gần đến giờ ăn trưa ông mới trở về. Bữa ăn của họ đã được bày ra trong phòng khách nhà chủ. Đó là một căn buồng không dành để ở, mà để phô trương lẫy tiêng, nó có cái không khí buồn bã ảm mốc. Một dãy ghế nhung có hạng đặt ngăn nắp cạnh tường, và ở giữa trần nhà, được che bởi tấm giấy lụa vàng ngăn ruồi, là bộ đèn chùm mạ vàng. Davítxon không tới.

- Ông ấy lại chơi ông thống đốc, - bà Davítxon nói, - tôi đoán ông thống đốc đã giữ ông nhà tôi ở lại ăn cơm rồi.

Một cô gái thợ dân nhỏ nhắn bưng đĩa bít tết Rambogơ đến, và một lát sau anh chủ nhà đến xem họ đã có đủ mọi thứ cần thiết chưa.

- Ta còn có thêm một người cùng trợ nữa thì phải, đúng không anh Hon, - bác sĩ Mácphâylo nói.

- Cô ấy chỉ thuê buồng trợ thoi, - anh thương gia trả lời - Cô ấy ăn cơm riêng.

Anh ta nhìn hai bà với cái vẻ khum núm.

- Tôi cho cô ấy ở dưới nhà để khỏi trở ngại đến trên này. Cô ấy sẽ không gây phiền hà gì cho các vị.

- Có phải cái cô ở trên tàu ấy không? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Vâng, thưa bà, cô ấy ở phòng hang hai. Cô ấy cũng đi Apia. Có cái chân thủ quỹ trong dành cho cô ấy.

- À!

Khi anh thương gia đã ra ngoài, Mácphâylo nói:

- Tôi nghĩ chắc cô ấy không được vui vẻ cho lắm với cái bữa ăn trong phòng riêng.

- Nếu cô ta đã ở phòng hạng hai thì tôi cho là cũng vui vẻ được- bà Davítxon trả lời. - Tôi chưa được biết mặt mũi cô ta ra làm sao.

- Tôi có mặt ở đây đúng lúc viên trưởng lái dân cô ta đến. Tên cô ta là Thômxon.

- Có phải cái người đàn bà nhảy với viên trưởng lái tôi qua không? - Bà Davítxon hỏi.

- Chắc đúng vậy, - bà Mácphâylo nói. - Lúc ấy tôi đã bắn khoan cô ta là người thế nào. Trông cũng khá ăn chơi đấy chứ.

- Không phải loại tử tế chút nào, - bà Davítxon nói.

Họ bắt đầu chuyển sang những chuyện khác, và

sau bữa ăn, đã mệt vì phải dậy sớm, họ chia tay nhau và đi ngủ. Khi họ tỉnh dậy, tuy trời vẫn còn xám mù và mây còn sà nặng trên đầu, mưa đã tạnh và họ cùng đi dạo trên con đường mà người Mỹ đã xây dọc theo bờ vịnh.

Khi quay về, họ thấy Davítxơn đã về.

- Chúng ta có khi còn ở đây đến nửa tháng ấy, - ông nói vẻ bức dọc, - tôi đã nói hết lý lẽ với ông thống đốc và ông ấy vẫn bảo là chịu không thể làm gì hơn được.

- Ông Davítxơn lúc nào cũng chỉ mong về làm việc thôi, - vợ ông vừa nói, vừa nhìn ông một cách áy náy.

- Chúng tôi đi đã một năm rồi, - ông nói và đi đi lại lại dọc hàng hiên.

- Công việc giao cho các cha truyền giáo người địa phương cai quản, và tôi lo ngay ngáy không biết mọi việc có suôn sẻ không. Họ là những người tốt, tôi không có điều gì phải phàn nàn, họ sùng đạo, thành tâm, và là những tín đồ Cơ đốc giáo thực sự. Cái chất cơ đốc giáo của họ còn khiến cho nhiều kẻ được gọi là tín đồ Cơ đốc giáo ở chính quốc phải đỏ mặt tự xấu hổ, thế nhưng thật tiếc là họ quá thiếu năng lực. Họ có thể tự lập được một lần, họ có thể tự lập được hai lần, nhưng họ không thể tự lập mãi mãi được. Nếu anh giao cho một cha truyền giáo nào đó người địa phương trông coi công việc, thì dù ông ta có đáng tin đến mức nào đi nữa, rồi dần dần anh sẽ thấy ông ta cũng cứ để cho sự bê bối len lỏi vào.

Ông Davítxơn lặng đứng. Với khố người cao ráo, gầy mảnh và đôi mắt to sáng lóe lên từ khuôn mặt nhợt nhạt, ông là một nhân vật gây ấn tượng sâu sắc. Sự chân thành của ông hiện rõ qua những cử chỉ bốc lửa và qua cái giọng trầm hùng mà rất vang của ông.

- Tôi còn có nhiều việc phải làm lăm. Tôi sẽ hành động và hành động tức khắc. Khi cái cây bị thối, nó phải được chặt bỏ và ném vào lửa⁽¹⁾.

Buổi tối, sau bữa trà ngọt, bữa cuối trong ngày của họ, lúc họ ngồi ở cái phòng khách kiểu cách kia, các bà thì đang lúi húi vào việc và bác sĩ Mácphâylo thì đang hút thuốc, nhà truyền giáo đã kể cho họ nghe về công việc của ông ở các đảo.

- Hồi chúng tôi mới đến, bọn họ không có ý thức gì về tội lỗi cả, - ông nói. - Họ phạm hết điều răn này đến điều răn khác mà không biết đây là trái. Tôi nghĩ cái phần khó nhọc nhất trong công việc của tôi là đã làm dân chúng bản xứ thầm nhuần ý thức về tội lỗi.

Ông bà Mácphâylo biết là Davítxơn đã làm việc ở quần đảo Xôlômôn năm năm trước khi ông gặp vợ. Bà từng truyền giáo ở Trung Quốc, và họ quen nhau ở Bôxtơn khi cả hai dành một phần kỳ nghỉ để dự một hội nghị truyền giáo. Sau khi lấy nhau, họ được cử đến các đảo, nơi họ vẫn miệt mài với công việc từ bấy đến giờ.

Trong suốt cả cuộc nói chuyện với ông Davítxơn,

⁽¹⁾ Lấy ý từ một câu Kinh thánh (Matt., 3, 10): mỗi cái cây không kết được quả ngọt thì bị đốn xuống và ném vào lửa.

họ thấy toát ra một điều, đó là dũng khí can trường của ông. Ông là một nhà truyền giáo có kiến thức về y học, và bất cứ lúc nào cũng có thể vời ông đến đảo này đảo kia trong địa phận ông. Ngay đến tàu đánh cá voi cũng không còn là phương tiện an toàn cho lăm vào mùa mưa ở Thái Bình Dương sóng gió này, ấy vậy mà ông thường được mời đến bằng xuồng thì sự nguy hiểm quả là lớn. Trong những trường hợp ốm đau hay bị tai nạn, ông không bao giờ do dự. Có đến hàng chục lần ông đi cả đêm chẳng xá kẽ gì bản thân và cũng đã hơn một lần bà Davitxon tưởng ông mất tích.

- Tôi đôi lúc đã phải xin ông ấy đừng có đi, - bà nói, - hay ít ra thì cũng đợi cho thời tiết êm lặng hơn, nhưng ông ấy chẳng bao giờ chịu nghe. Ông ấy bướng lăm, đã quyết định rồi thì không gì lay chuyển được ông ấy.

- Làm sao tôi có thể dạy dân chúng địa phương đặt lòng tin vào Chúa, nếu bản thân tôi ngại làm những việc ấy? - Davitxon thốt lên. - Không thể nào, không đời nào. Họ biết rằng nếu họ vời tôi đến lúc hoạn nạn thì tôi sẽ đến, nếu cái đó nằm trong khả năng của con người. Có ai nghĩ rằng Đức Chúa lại bỏ rơi tôi khi tôi làm việc cho Người không? Mưa sa gió táp đều theo lệnh Người và sóng cả cuốn dâng đều theo lời Người.

Bác sĩ Mácphâylo là một người đàn ông nhút nhát. Ông chưa bao giờ có thể quen với tiếng rít của

bom đạn ngoài chiến hào. Cái dạo ông làm phẫu thuật ở trạm cấp cứu tiền phượng, mồ hôi túa ra trên trán và làm mờ mục kính khi ông cố gắng điều khiển cánh tay run run. Ông hơi rùng mình nhìn nhà truyền giáo.

- Tôi ước giá tôi có thể nói là tôi không bao giờ biết sợ nhỉ, - ông nói.

- Tôi ước giá ông có thể nói rằng ông tin vào Chúa trời, - ông kia đổi đáp lại.

Nhưng vì một lý do nào đó mà buổi tối hôm ấy ý nghĩ của nhà truyền đạo lại quay trở về những ngày đầu hai vợ chồng ông mới lên đảo.

- Đôi lúc bà Đavítxơn và tôi nhìn nhau mà nước mắt cứ tuôn dài trên má. Chúng tôi làm việc không ngơi, cả ngày lẫn đêm, mà hình như không thấy có tiến triển. Không biết lúc ấy không có nhà tôi thì tôi sẽ ra sao. Khi tôi thấy ngã lòng, khi tôi gần như tuyệt vọng, thì bà ấy lại truyền cho tôi lòng can đảm và hi vọng.

Bà Đavítxơn cúi xuống công việc, và một sắc màu phơn phớt hiện lên trên đôi má gầy của bà. Tay bà hơi run run. Bà không nói nên lời.

- Chúng tôi chẳng có ai giúp cả. Chúng tôi chỉ có một mình, ở cách xa anh em đồng bào hàng ngàn dặm, bị bóng tối vây quanh. Những lúc lòng tôi tan nát và rã rời, bà ấy lại xếp công việc lại một bên, lấy quyển Kinh thánh và đọc cho tôi nghe đến tận lúc sự thư thái trở lại và ngự trị trong tôi như giấc ngủ đến

trên mi mắt trẻ thơ, rồi cuối cùng bà áy gập sách lại và nói: "Chúng mình sẽ cứu rỗi cho họ, bắt chấp họ". Tôi lại vỗng lòng tin Chúa Trời và trả lời: "Phải, nhờ Chúa Trời, anh sẽ cứu rỗi cho họ. Anh phải cứu rỗi cho họ". - Ông tiến lại cái bàn và đứng trước nó như thể đây là cái bục giảng đạo.

- Bọn họ tha hóa đến nỗi không còn có thể nhận ra sự đồi bại của chính họ. Chúng tôi đã phải làm cho họ hiểu tính chất tội lỗi của những hành động mà họ vẫn cho là tự nhiên. Chúng tôi đã phải cho họ hiểu rằng tội lỗi không chỉ ở chỗ ngoại tình, nói dối và ăn cắp, mà còn ở chỗ phô bày thân thể, nhảy nhót và không đi nhà thờ. Tôi đã dạy rằng đối với một cô gái, tội lỗi là ở chỗ cứ phơi ngực ra, còn đối với một anh đàn ông là ở chỗ không chịu mặc quần.

- Sao? - Bác sĩ Mácphâylo hỏi, không khỏi kinh ngạc.

- Tôi đã đặt ra hình phạt. Hiển nhiên, cái cách duy nhất làm họ nhận thức được một hành động tội lỗi là phạt họ nếu họ có hành động ấy. Tôi phạt họ nếu họ không đi nhà thờ. Tôi phạt họ nếu họ nhảy nhót. Tôi phạt họ nếu họ ăn mặc thiếu nghiêm túc. Tôi có kê giá, mỗi tội đều bị phạt bằng tiền hay bằng lao công. Ít nhất thì tôi cũng đã làm cho họ hiểu.

- Thế có lúc nào họ không chịu nộp phạt không?

- Làm sao họ dám? - Nhà truyền giáo hỏi lại.

- Cũng phải táo gan lắm mới dám đối chơi lại ông Đavítxơn đây, - vợ ông bặm môi nói.

Bác sĩ Mácphâylo nhìn Đavítxơn với đôi mắt

bắn khoăn. Những điều nghe thấy làm ông sững sốt, nhưng ông ngập ngừng không dám bày tỏ sự bất đồng của mình.

- Ông nên nhớ rằng tôi có thể dùng đến biện pháp cuối cùng là rút phép thông công của họ.

- Họ có lo lắng đến cái điều ấy không?

Đavítxơn khẽ cười và nhè nhẹ xoa tay.

- Họ sẽ không bán được cùi dừa khô. Khi đánh cá họ không được chia phần. Nó có nghĩa gần như chết đói. Đây họ lo lắng nhiều chứ.

- Ông hãy kể cho ông ấy nghe chuyện Phrét Onxơn - bà Đavítxơn nói.

Nhà truyền giáo hướng cặp mắt rực lửa vào bác sĩ Mácphâylơ.

- Phret Onxơn là một thương gia Đan Mạch sống ở đảo đã nhiều năm. So với cõi một thương gia thì anh ta khá giàu. Anh ta không hài lòng lắm khi chúng tôi đến. Anh ta thích gì thì làm nấy. Anh ta tùy ý mua cùi dừa khô, trả cho dân bản xứ bằng cái gì anh ta thích, thế là anh ta trả bằng hàng hóa và rượu uýtki. Anh ta có một cô vợ người địa phương, nhưng vẫn lăng nhăng một cách trắng trợn. Anh ta còn hay say rượu. Tôi đã tạo điều kiện cho anh ta sửa chữa, vậy mà anh ta không chịu. Anh ta cười nhạo tôi.

Giọng Đavítxơn trầm xuống khi ông nói những lời cuối cùng, rồi ông im lặng một hai phút. Sự im lặng đầy đe dọa.

- Chỉ trong hai năm anh ta đã lun bại. Anh ta mất

hết mọi thứ anh ta đã sắm được trong một phần tư thế kỷ. Tôi đã bẻ gãy anh ta, cuối cùng anh ta buộc phải đến gặp tôi như một thằng ăn mày và van nài tôi cho phép anh ta về Xítnây.

- Giá mà ông được trông thấy cảnh anh ta đến gặp ông Davítxon nhà tôi nhỉ, - vợ nhà truyền giáo lên tiếng. - Anh ta từng là một kẻ có thế lực, tích nhiều mở trên người, lại có giọng nói to lớn oai phong, thế mà lúc ấy anh ta tóp lại bằng một nửa lúc trước, lúc nào cũng run sợ một phép. Trông anh ta già sọp đi.

Davítxon đăm chiêu nhìn vào màn đêm. Mưa lại đang rơi.

Bỗng từ phía dưới vọng tới tiếng ồn, Davítxon quay lại và nhìn vợ dò hỏi. Đó là âm phát ra từ chiếc máy gramôphôn⁽¹⁾ to và rè, khò khè cất lên một giọng điệu méo lệch.

- Cái gì thế? - Ông hỏi.
- Một hành khách hạng hai thuê phòng ở dưới nhà. Có lẽ âm từ đấy ra.

Họ yên lặng lắng nghe và bây giờ họ đã nghe thấy giai điệu nhảy. Rồi nhạc lại im bặt, và họ nghe thấy tiếng mở nút chai llop đốp và tiếng chuyện trò sôi nổi.

- Tôi đoán cô ta tổ chức cuộc vui chia tay với bạn bè trên tàu đấy. - bác sĩ Mácphylo nói. - Tàu sẽ neo vào lúc mười hai giờ thì phải?

⁽¹⁾ Gramôphôn: Máy quay đĩa kiểu cũ.

Đavítxơn không nhận xét gì mà chỉ nhìn đồng hồ.

- Bà đã xong chưa? - Ông hỏi vợ.

Bà vợ đứng dậy xếp việc lại:

- Vâng, có lẽ là xong, - bà đáp.

- Giờ này đi ngủ thì chắc hãy còn sớm, - ông bác sĩ nói.

- Chúng tôi còn đọc nhiều nữa. - bà Đavítxơn giải thích. - Dù có ở đâu, chúng tôi cũng đọc đủ một chương trong Kinh thánh mỗi tối trước khi đi ngủ, và chúng tôi nghiên cứu nó kèm cả lời dẫn giải, lại còn bàn luận kỹ lưỡng. Thật là một cách luyện trí óc bổ ích.

Hai cặp vợ chồng chúc nhau ngủ ngon. Trong phòng còn lại ông bà Mácphâylo. Họ không nói câu gì dễ đến hai ba phút.

- Hay là tôi đi kiếm cõ bài vậy, - cuối cùng ông bác sĩ lên tiếng.

Bà Mácphâylo nhìn chồng lưỡng lự. Cuộc chuyện trò với vợ chồng Đavítxơn đã để lại trong bà chút ít cảm giác không thanh thản, nhưng bà không muốn nói ra ý nghĩ của bà là họ đừng chơi bài thì hơn, vì ông bà Đavítxơn có thể lại vào đây bất cứ lúc nào. Bác sĩ Mácphâylo đã đem cõ bài về và bà ngắm ông, tuy có cảm giác mơ hồ là có lỗi, trong lúc ông chia bài chơi paxiên. Ở phía dưới cuộc chè chén ồn ào vẫn tiếp diễn.

Ngày hôm sau trời khá lên chút ít, ông bà Mácphâylo, bị buộc phải ăn không ngồi rỗi nửa tháng ở Pagô-

Pagô, đã sửa soạn tìm cách thích nghi tốt nhất đối với hoàn cảnh. Họ ra bến cảng và lấy một số sách trong những hòm hành lý của họ. Ông bác sĩ còn ghé thăm bác sĩ phẫu thuật trưởng ở bệnh viện hải quân và cùng đi quanh các giường bệnh với ông ta. Rồi họ để lại danh thiếp ở chỗ ông thống đốc. Trên đường họ gặp cô Thômxơn. Ông bác sĩ ngả mũ, còn cô ta thì tặng ông cái câu "Chào bác sĩ" bằng cái giọng to, vui vẻ. Cô vẫn ăn mặc như ngày hôm trước, áo ngoài màu trắng, đôi ủng trắng bóng có gót cao, bắp chân mập phình ra phía trên ủng, trông thật ngộ trong cái quang cảnh ngoại lai kỳ thú kia.

- Phải nói là cô ta ăn mặc không hợp lắm nhỉ. - Bà Mácphâylo nói. - Em thấy cô ta trông nhố nhăng quá.

Khi họ về đến nhà, cô ta đang chơi đùa với một đứa con của chủ nhà ngoài hiên.

- Nói với cô ta đôi lời, - bác sĩ Mácphâylo thì thào với vợ - Cô ta có một mình ở đây, lờ cô ta đi kể cũng không hay lắm.

Bà Mácphâylo vốn rụt rè, nhưng bà vẫn có thói quen làm theo ý chồng.

- Thế ra ta cùng trợ chung ở đây đấy nhỉ? - Bà hỏi khá ngô nghê.

- Bị nhốt chung như trong chuồng ngựa thế này khùng khiếp thật, phải không bà? - Cô Thômxơn trả lời. - Người ta bảo em có buồng mà ngủ là may đấy. Em không hình dung được là phải ở nhà dân địa

phương. Không hiểu sao lại không có lấy một cái khách sạn nhỉ?

Họ trao qua đổi lại vài câu nữa. Cô Thômxon, cả tiếng và hay nói, rất muốn được chuyện phiếm thêm nữa, nhưng bà Mácphâylo lại không săn cái kho chuyện vặt vãnh, nên bà nói:

- Thôi, có lẽ chúng tôi phải lên gác có việc.

Buổi tối, lúc mọi người đã ngồi vào bữa trà ngọt; ông Davítxon bước vào và nói.

- Tôi thấy cái chị đàn bà dưới kia có hai gã thủy thủ ngồi chơi. Không hiểu cô ta quen họ ra sao.

- Chị ta đâu có quá kén chọn, - bà Davítxon nói.

Mọi người đều đã mệt mỏi sau một ngày nhàn rỗi vô công rồi nghề.

- Nếu cứ thế này mà kéo ra nửa tháng thì rồi không biết chúng ta sẽ cảm thấy ra sao, - bác sĩ Mácphâylo lên tiếng.

. - Cái cách duy nhất là chia từng ngày ra cho các hoạt động khác nhau, - nhà truyền giáo trả lời. - Tôi sẽ để ra một số giờ nhất định để nghiên ngâm và một số giờ để luyện tập, dù mưa hay nắng, mùa mưa thì đừng để ý đến làm gì cho mệt. Và cũng nên dành thi giờ nghỉ ngơi.

Bác sĩ Mácphâylo ngại nhìn sang người đối thoại với ông. Chương trình của Davítxon đè lên tâm trí ông. Họ lại vẫn ăn cái món bí tết Hămbơgơ lần nữa. Hình như đó là món ăn duy nhất mà người nấu

bép biết làm. Rồi bên dưới, cái gramôphôn lại cất giọng. Đavítxơn trong lòng bức bối khi nghe thấy âm thanh kia, nhưng ông không nói gì. Những giọng đàn ông nổi lên. Khách của cô Thômxơn cùng hòa giọng vào một bài hát quen biết, nghe thấy cả tiếng cô ta, to và khàn. Khá nhiều tiếng cười nói ôn ào. Bốn người trên gác gắng nói chuyện, nhưng bất đắc dĩ vẫn phải nghe tiếng chạm cốc và tiếng xô ghế. Hắn là có thêm khách mới đến. Cô Thômx ơn đứng ra tổ chức tiệc vui này.

- Không hiểu sao cô ta kéo lăm khách đến thế nhỉ
- bà Mácphâylo bát thán nói chen vào câu chuyện về y học giữa chồng bà và nhà truyền giáo.

Câu nói ấy để lộ ý nghĩ của bà đang lan man tận nơi nào. Khuôn mặt Đavítxơn bỗng giật giật, chúng tỏ rằng tuy đang nói chuyện khoa học, tâm trí ông cũng đang để ở hướng khác. Rất đột ngột, trong lúc ông bác sĩ đang dẫn kinh nghiệm thực hành ở mặt trận Phlandor⁽¹⁾ chẳng lấy gì làm lý thú cho lăm, ông Đavítxơn đứng phắt dậy kêu lên một tiếng.

- Chuyện gì thế, anh Anphrét? - Bà Đavítxơn hỏi.
- Phải rồi! Thế mà tôi không nghĩ ra. Cô ta đi từ Aiuyli tới.
- Không thể như vậy được.
- Cô ta lên tàu ở Hònolulu. Cái đó thì chắc chắn rồi. Cô ta sẽ làm cái nghề cũ ở đây. Ở đây.

⁽¹⁾ Phlandor (Bỉ) là nơi giao tranh trong Đại chiến thế giới lần I.

Ông thốt ra lời cuối với một xúc cảm phẫn nộ.

- Aiuyli nó thế nào? - Bà Mácphâylo hỏi.

Ông quay đôi mắt sa sầm sang bà Mácphâylo và nói, giọng ông run lên vì ghê tởm:

- Cái nốt dịch trên mình Hônôlulu. Cụm nhà chúa. Thật là cái vết nhơ của nền văn minh chúng ta.

Aiuyli ở ven rìa của thành phố. Xuôi dọc phố ven bến tàu, trong cảnh tối om, qua cái cầu ọp ẹp tới khi sang đến một con đường vắng tanh, toàn những vết lún và ổ gà, bất thình lình bạn sẽ ló mặt ra nơi có ánh đèn sáng. Đây là nhà để xe ở hai bên đường, là những quán rượu hào khoáng, cái nào cũng ầm ĩ tiếng đàn piano máy, đây là những hiệu cắt tóc và quán bán thuốc lá. Không gian như bị khuấy động gây một cảm giác vui nhộn. Bạn có ngoặt xuống con đường hẹp, bên phải hay bên trái, vì con đường cắt Aiuyli ra làm đôi, thì vẫn sẽ thấy mình ở trong phạm vi của quận. Có hàng dãy những ngôi nhà một tầng nho nhỏ, gọn gàng chỉnh chện trong màu sơn xanh lá cây, còn con đường đi ở giữa thì rộng và thẳng. Nó trải ra giống như một thành phố - vườn hoa. Qua cái vẻ quy củ đáng vì nể, qua trật tự và sự diêm dúa của mình, nó mang lại cái ấn tượng chua chát ghê ghê, bởi lẽ chưa bao giờ sự tìm kiếm tình yêu lại được hệ thống hóa và được sắp đặt đến như vậy. Đường phố có điện thấp thưa thớt và chúng vẫn chìm trong tối nếu không nhờ ánh sáng từ cửa sổ những ngôi nhà một tầng hắt ra. Đàm ông lượn lờ đi lại, ngó số đàn bà

ngồi trên cửa sổ đọc sách hay khâu vá, đa số không để ý đến khách qua đường, và cũng giống như số đàn bà kia, đám đàn ông thuộc đủ mọi chủng tộc. Người Mỹ có, đó là những thủy thủ từ các tàu đậu ngoài cảng, binh sĩ của các tàu chiến, lờ đờ say, lính tráng của các trung đoàn da trắng và da đen đóng trên đảo; người Nhật có, thường đi thành những tốp đôi tốp ba, người Haoai có; người Trung Quốc trong bộ áo dài có, và cả người Philippin đôi những chiếc mũ lố bịch cũng có. Họ lặng thinh như thể tâm tư đang bị đè nén. Một vẻ thèm muốn buôn bã.

- Một sự kiện tai tiếng nhất Thái Bình Dương, - Davít xon thốt lên sôi nổi. - Các nhà truyền đạo đã hô hào chống lại nó hàng mấy năm, cuối cùng báo chí địa phương năm bắt lấy. Cảnh sát không chịu nhúc nhích. Ông biết cái lý của họ rồi. Họ nói rằng tệ nạn là không thể tránh khỏi, và do đó tốt nhất là khoanh vùng nó lại và kiểm soát nó. Sự thật là bọn họ ăn tiền. Bọn họ ăn tiền của các chủ quán, của bọn ma cô ăn hớt gái điếm và của chính lũ đàn bà kia nữa. Cuối cùng bọn họ cũng buộc phải động đậy.

- Tôi có đọc chuyện đó trên các báo mang lên tàu ở Hônlulu. - Bác sĩ Mácphây lơ nói.

- Aiuyli, với tội lỗi và sự nhơ nhớp, đã không còn tồn tại vào cái ngày mà ta đến đây. Cả đám dân nơi đó được đưa ra trước công lý. Không biết tại sao tôi lại không hiểu ra ngay cái đứa đàn bà kia là kẻ thế nào?

- Nhân ông nói chuyện đây, - bà Mácphâylo nói, - tôi mới nhớ ra cô ta xuống tàu trước khi tàu chạy có dăm phút. Tôi còn nhớ lúc ấy tôi đã nghĩ chuyện tàu chạy đến nơi rồi cô ta mới mò lên.

- Thế mà nó dám đến đây! - Davítxon phân nộ kêu lên. - Tôi không thể để như vậy được. - Ông sải bước ra phía cửa.

- Ông định làm gì - Mácphâylo hỏi.

- Ông nghĩ tôi sẽ làm gì? Tôi định chấm dứt nó cho rồi. Tôi không thể để cái nhà này biến thành, biến thành...

Ông tìm từ ngữ để khỏi làm thương tổn đôi tai của các bà. Mắt ông rực lóe và khuôn mặt vốn nhợt nhạt của ông lại càng nhợt nhạt trong cơn xúc động.

- Hình như có đến ba bốn người đàn ông ở dưới ấy. - Ông bác sĩ nói, - ông có nghĩ xuống đây lúc này là khá liều lĩnh không?

Nhà truyền giáo đưa cái nhìn khinh bỉ sang ông và không nói một lời, lao vút ra khỏi phòng.

- Ông chưa hiểu rõ ông nhà tôi, nếu ông còn cho rằng ông ấy có thể chùn bước khi thực hiện bốn phận chỉ vì sợ nguy hiểm đến bản thân, - bà vợ Davítxon nói.

Bà ngồi, tay bồn chồn nắm chặt, một đốm đỏ hiện lên trên gò má cao của bà. Bà đang lắng nghe xem chuyện gì sẽ xảy ra bên dưới. Mọi người đều lắng nghe. Họ nghe tiếng ông bước lộp cộp xuống

cầu thang gỗ và tiếng mở toang cửa phòng dưới áy. Tiếng hát bắt đi ngay lập tức, nhưng cái máy gramophôn vẫn tiếp tục phun ra the thé thứ âm điệu thô thiển của nó. Họ nghe thấy tiếng Davítxon và sau đó tiếng âm của một vật gì nặng đổ xuống. Nhạc đã ngừng. Ông ấy đã quẳng cái máy hát xuống sàn. Rồi họ lại nghe thấy Davítxon nói nhưng không thể phân biệt nổi lời, sau đó là tiếng cô Thômxon, to nheo nhéo, sau nữa tiếng la hét lộn xộn, như thể mấy người cùng ưỡn ngực kêu gào hết cỡ. Bà Davítxon hơi há miệng ra, và bà càng nắm chặt tay hơn. Bác sĩ Mácphâylơ phân vân hết nhìn bà lại nhìn sang vợ mình. Ông không muốn xuống gác, nhưng ông băn khoăn không biết hai bà có muốn ông xuống không. Có tiếng gì như tiếng ảu đả. Âm thanh áy lúc này đã rõ hơn. Chắc có lẽ Davítxon đã bị hất ra khỏi phòng. Cửa đóng sầm một tiếng. Yên ắng trong giây lát rồi họ nghe thấy tiếng Davítxon bước lên cầu thang. Ông áy đi về phòng riêng.

- Tôi về phòng xem sao, - bà Davítxon nói.

Bà đứng dậy và đi ra.

- Nếu bà cần tôi, thì cứ gọi nhé. - Bà Mácphâylơ nói, rồi khi bà kia đã đi ra: - Tôi mong ông áy không bị sao cả.

- Sao ông áy không lo cái việc của mình có hơn không? - Bác sĩ Mácphâylơ nói.

Họ ngồi yên lặng được một hai phút rồi cả hai cùng giật mình, vì cái máy hát lại bắt đầu chơi nhạc

một cách thách thức, những giọng điệu cợt nhả lại khàn khàn gào lên lời một bài hát tục tĩu.

Ngày hôm sau, trông bà Đavítxơn xanh xao và mệt mỏi. Bà than phiền bị đau đầu, bà già và khô quắt lại. Bà kể với bà Mácphâylo là ông nhà không ngủ tí nào, cả đêm ông ấy ở trong trạng thái kích thích đáng lo, vào lúc năm giờ ông trở dậy ra ngoài. Bọn kia đã ném một cốc bia vào ông, quần áo ông vấy bẩn và lèn mùi. Nhưng một ánh lửa ấm đam lóe lên trong mắt bà Đavítxơn khi bà nói về cô Thômxơn.

- Cô ta quá tệ, dám miệt thị ông Đavítxơn nhà tôi, làm hỏng cả ngày vui, - bà nói. - Ông nhà tôi có tấm lòng bao dung, không ai trong cơn hoạn nạn đến gấp ông ấy mà lại không được vỗ về an ủi, nhưng ông ấy không dung thứ tội lỗi, một khi cơn thịnh nộ chính đáng đã nổi lên thì ông ấy dễ dữ lắm.

- Sao, ông ấy sẽ làm gì? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Tôi không biết, nhưng lúc ấy đố ai xui được tôi đứng trước mũi giày ông ấy.

Bà Mácphâylo rùng mình. Có điều gì đó chẳng lành trong cái cách quả quyết đắc ý của người đàn bà nhỏ bé này. Họ cùng đi ra ngoài, bước xuống cầu thang sát bên nhau. Cửa phòng cô Thômxơn đang mở, họ thấy cô ta trong bộ áo khoác lấm láp, đang nấu nướng bên bếp.

- Xin chào, - cô ta nói với ra. - Ông Đavítxơn sáng nay đã khá hơn chưa?

Họ đi ngang với vẻ mặt phớt tinh, không nói câu

gi, đường như không có cô ta trên đời này. Thế nhưng họ phải đỏ mặt khi cô ta phá lên tiếng cười to nhạo báng.

Bà Davítxon đột nhiên quay sang cô ta.

- Đừng có mà nói nǎng cái kiêu ấy với tôi, - bà rít lên. - Nếu cô cứ hồn với tôi, tôi sẽ bảo người ta tống cô ra khỏi đây, nghe chưa.

- Nay, tôi có mời ông Davítxon quá bộ vào nhà tôi đâu?

- Đừng dây với cô ta, - bà Mácphâylo vội vã thì thào.

Họ bước đi cho đến khi không còn thấy tiếng gì vǎng tới nữa.

- Nó trơ tráo, trơ tráo quá, - câu nói bật tung ra từ miệng bà Davítxon.

Nỗi tức giận gần như làm bà nghẹt thở.

Trên đường về họ gặp cô ta đang thơ thẩn đi ra phía bến tàu. Vẫn cái bộ trang phục diêm dúa trên người. Cái mũ rộng màu trắng hoa hoét lòe loẹt, thô thiển như trêu người. Cô ta vui vẻ, lớn tiếng gọi họ khi đi qua, có mấy tay thủy thủ người Mỹ đang đứng đầy cười nhăn nhở trong khi các bà giữ bộ mặt lạnh như tiền. Họ bước vào nhà đúng lúc mưa bắt đầu rơi.

- Tôi cho là cả cái đồng quần áo diêm dúa trên người cô ta thế là đi đứt, - bà Davítxon chua chát cười nhạo báng.

Họ đã ăn gần được nửa bữa thì Davítxon mới về.

Người ông ướt sạch sành sanh, nhưng ông vẫn không thay quần áo. Ông ngồi xuống, ủ dột và im lặng, gần như không ăn, và ông nhìn đăm đăm vào làn mưa xiên xiên. Khi bà Davítxon kể với ông về hai cuộc chạm trán với cô Thômxon, ông không nói năng gì. Chỉ mỗi cái nhíu mày sâu sắc là chứng tỏ rằng ông đang nghe.

- Ông thấy có nên bảo anh Hon tống cô ta ra khỏi đây không? - Bà Davítxon hỏi. - Không thể để cô ta hồn láo với chúng ta được.

- Hình như không còn chỗ nào khác cho cô ta ở? - Mácphâylo nói.

- Cô ta có thể ở với thổ dân.

- Với thời tiết thế này thì ở trong túp lều thổ dân chắc phải khổ sở lắm.

- Tôi đã sống thế hàng năm trời, - nhà truyền giáo nói.

Khi cô gái nhỏ nhắn người bắn xúi bưng ra món chuối khô tráng miệng như mọi ngày, Davítxon quay lại phía cô gái.

- Hỏi cô Thômxon xem lúc nào tiện để tôi đến thăm, - ông nói.

Cô gái rụt rè gật đầu rồi đi ra.

- Sao anh lại muốn gặp cô ta, anh Anphré? - Vợ ông hỏi.

- Bốn phận của anh là phải gặp cô ta. Anh chỉ ra tay chứng nào đã mở hết mọi đường cho cô ta.

- Anh không biết cô ta là hạng người thế nào à? Cô ta sẽ miệt thị anh.

- Cứ để cô ta miệt thị anh. Cứ để cô ta nhỏ vào anh. Linh hồn cô ta đâu có chết, anh phải làm hết sức mình để cứu nó.

Tai bà Davítxơn vẫn còn văng vẳng tiếng cười nhạo báng của cái con đàng điếm kia:

- Cô ta đã đi quá xa.

- Quá xa đối với sự bao dung của Chúa? - Mắt ông đột nhiên sáng lên và giọng ông hóa ngọt ngào và êm dịu - Không bao giờ! Kẻ có tội có thể ngập trong tội lỗi còn sâu hơn bê sâu của địa ngục, nhưng lòng bác ái của Đức Chúa Giêsu vẫn có thể vươn tới được.

Cô gái đem tờ phúc đáp lại.

"*Cô Thômxơn gửi lời thăm hỏi, và miễn là Đức cha Davítxơn không đến vào những giờ làm việc, cô ấy sẽ rất hân hạnh được tiếp Đức cha bất cứ lúc nào*".

Mọi người đón nhận bằng sự im lặng lạnh lùng, bác sĩ Mácphâylo xóa vội nụ cười đã nở lên môi. Ông biết vợ ông sẽ không bằng lòng với ông, nếu biết rằng sự hỗn láo của cô Thômxơn làm ông buồn cười.

Họ kết thúc bữa ăn trong im lặng. Đoạn hai bà đứng dậy bắt tay vào việc của mình. Bà Mácphâylo lại đan một cái khăn len nữa như vô số cái mà bà đã chế tạo ra từ hồi chiến tranh. Ông bác sĩ thì hút thuốc. Nhưng Davítxơn vẫn ngồi yên trên ghế và bằng cắp

mắt đăm chiêu, ông nhìn cái bàn. Cuối cùng ông đứng dậy và không nói một lời, ông đi ra ngoài. Họ nghe thấy ông bước xuống cầu thang và nghe thấy cái tiếng "mời vào" đầy thách thức của cô Thômxơn khi ông gõ cửa. Ông ở đó với cô ta chừng một giờ. Bác sĩ Mácphâylo ngồi ngắm mưa. Nó bắt đầu tác động lên thần kinh ông. Nó không giống cái mưa mềm dịu ở nước Anh chúng ta nhỏ hiền hòa xuống đất; nó tàn nhẫn và có phần khủng khiếp; bạn cảm thấy trong đó biểu hiện ác hiểm của sức mạnh hoảng sợ của tự nhiên. Nó không đổ xuống mà nó trút. Nó hệt như cơn hồng thủy từ trên trời giáng xuống, và nó gõ đầm đập trên mái tôn với một sự bén bỉ dai dẳng làm ta phát điên lên được. Dường như nó cũng có cơn giận dữ của nó. Đôi lúc bạn thấy chắc chắn phải gào lên nếu nó không dứt, và rồi xương tủy bạn bỗng nhiên cứ mềm nhũn ra, bạn thấy khổ sở và vô vọng.

Mácphâylo quay đầu lại khi nhà truyền giáo bước vào. Hai người phụ nữ ngược lên.

- Tôi đã mở mọi đường cho cô ta, tôi đã khuyên bảo cô ta nên ăn năn. Cô ta là loại đàn bà ma quỷ.

Ông ngừng lại. Bác sĩ Mácphâylo thấy mắt ông sầm lại và khuôn mặt nhợt nhạt của ông trở nên đanh và nghiêm khắc.

- Giờ thì tôi sẽ cầm láy cái roi mà Đức Chúa Giêxu đã dùng để đuổi bọn cho vay nặng lãi và bọn

đổi chác tiền nong ra khỏi Miếu đường của Đáng Chí tôn⁽¹⁾.

Ông đi đi lại lại trong phòng. Miệng ông mím chặt, cặp lông mày đen nhíu lại:

- Dù cô ta có chạy cùng trời cuối đất ta cũng sẽ truy đuổi.

Bằng một động tác đột ngột ông quay vòng lại và bước ra ngoài. Họ lại nghe thấy tiếng ông đi xuống cầu thang.

- Ông ấy định làm gì thế? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Tôi không rõ, - bà Đavítxon gỡ cặp kính ra và lau nó. - Khi ông ấy phung sự Đức Chúa, tôi không bao giờ hỏi han điều gì. - Bà thở dài nhẹ nhàng.

- Bà làm sao vậy?

- Ông ấy đến tàn rạc đi mất. Ông ấy không quý bản thân.

Bác sĩ Mácphâylo biết được những kết quả đầu tiên của hoạt động của nhà truyền giáo qua anh thương gia người lai nơi họ đang trọ. Anh ta gọi ông bác sĩ lại khi ông đi ngang qua cửa hiệu và ra cửa nói chuyện với ông. Khuôn mặt béo của anh ta có vẻ lo ngại.

- Đức cha Đavítxon đã gặp tôi về chuyện cho cô Thômxon thuê buồng, - anh ta nói, - nhưng tôi đâu có

⁽¹⁾ Nhắc đến một tình tiết trong Kinh thánh (St. John, 2.15): Sau khi thấy Miếu đường của Chúa đã biến thành nơi buôn bán đầy những lái buôn và bọn đổi chác tiền nong. Chúa Giêxu đã bện roi và đuổi hết bọn chúng ra khỏi miếu.

biết cô ta là người thế nào lúc cho thuê. Khi người ta đến hỏi thuê, điều mà tôi cần biết là họ có tiền để trả không. Cô ta đã trả tiền trước cho cả tuần rồi.

Bác sĩ Mácphâylơ không muốn dính dáng vào chuyện ấy.

- Suy cho cùng thì đây là nhà của anh mà. Chúng tôi mang ơn anh rất nhiều vì đã nhận cho chúng tôi trợ.

Hon thắc mắc nhìn ông. Anh ta không dám chắc Mácphâylơ đúng về phía nhà truyền giáo đến mức nào.

- Các cha truyền giáo ăn cánh với nhau lắm, - anh ta ngập ngừng nói. - Nếu họ không ưa một gã thương gia nào thì anh kia chỉ còn nước đóng cửa hiệu và xéo.

- Ông ấy muốn anh đuổi cô ta đi à?

- Không, ông ấy bảo nếu cô ta cư xử cho phải lẽ thì ông ấy sẽ không yêu cầu tôi làm việc ấy. Ông ấy nói cũng phải xét công bằng cho tôi. Tôi đã hứa là không để khách khứa nào ra vào nữa. Tôi cũng đã nói với cô ta điều ấy.

- Thế cô ta trả lời sao?

- Cô ta xỉ vả tôi như tát nước vào mặt.

Anh ta quắp người lại trong cái quần vài bông cũ. Anh ta đã phát hiện ra cô Thômxon là một khách hàng đáo để

- Ô, tôi bảo đảm là cô ta sẽ đi. Cô ta thiết gì ở lại đây nếu không có ai đến chơi.

- Cô ta chẳng còn chỗ nào mà đi cả, chỉ có cách vào nhà thổ dân, mà không một thổ dân nào dám

nhận cô ta lúc này nữa, không ai dám nhận lúc này.
Các cha đã công kích cô ta kịch liệt rồi.

Bác sĩ Mácphâylo nhìn mưa rơi:

- Thôi nhé, chắc có đợi trời rạng cũng đến mất
công thoi.

Buổi tối, lúc mọi người ngồi trong phòng khách, Davítxơn kể cho họ nghe về những năm tháng đầu đại học. Ông không đủ tiền và phải làm những việc linh tinh khi nghỉ hè để lập thân. Dưới gác yên ắng. Cô Thômxơn đang ngồi trong căn phòng nhỏ một mình.

Thế rồi cái máy hát lại đột ngột vang lên tiếng nhạc rin⁽¹⁾. Cô ta mở một cách tự do, để giải nỗi cô đơn, nhưng không có ai để hát nên nó vẫn đượm vẻ buồn. Nó như một tiếng kêu cầu cứu. Davítxơn không thèm để ý đến. Ông đang giữa câu chuyện vui cười dài và tiếp tục, sắc mặt không hề thay đổi. Cái máy hát cứ nồi nhạc. Cô Thômx ơn cứ quay hết điệu này đến điệu khác. Đường như sự yên tĩnh của buổi đêm làm cô không chịu nổi. Không khí oi ả, lặng gió. Khi ông bà Mácphâylo lên giường, họ không tài nào ngủ được. Họ nằm bên nhau, mắt mờ to, tai lắng nghe tiếng vo ve dữ tợn của đàn muỗi ngoài màn.

- Cái gì thế nhỉ? - Bà Mácphâylo thì thào.

Họ nghe thấy một giọng nói, giọng Davítxơn qua vách ngăn bằng gỗ. Nó tiếp diễn với một vẻ kiên trì

⁽¹⁾ Reel: một điệu vũ nhanh của xứ Xcốtlen nước Anh.

đến bên bỉ và đơn điệu. Ông đang cầu nguyện. Ông đang cầu nguyện cho phần hồn của cô Thômxơn.

Hai ba ngày trôi đi. Bây giờ mỗi khi họ gặp cô Thômxơn ở giữa đường, cô không chào họ với nụ cười hay với vẻ thân ái nữa; cô đi ngang, mặt phớt tinh, cái nhìn sưng sỉa trên bộ mặt son phấn, cau có, như thể cô ta không trông thấy họ. Anh thương gia bảo với Mácphâylơ là cô ta đã cất công tìm một chỗ trọ khác, nhưng không được. Tối tối cô ta mở đủ các loại nhạc, nhưng sự vui vẻ giả tạo vẫn cứ lộ rõ ra. Nhạc ragtime⁽¹⁾ thì có một nhịp điệu rạn vỡ, lâm ly như một thứ nhạc tuyệt vọng. Cho đến hôm chủ nhật khi cô ta mở nhạc thì Davítxon bảo Hon xuống đề nghị cô tắt ngay vì đó là ngày của chúa. Chiếc máy tắt lịm và căn nhà lại tĩnh lặng chỉ còn tiếng mưa rơi lopolitan, rả rích trên mái tôn.

- Tôi nghĩ cô ta có hơi cáu đáy, - hôm sau anh thương gia nói lại với Mácphâylơ - Cô ta không biết ông Davítxon định giờ chước gì ra nữa, nên cô ta sợ.

Sáng hôm ấy Mácphâylơ thoáng trông thấy cô ta và điều làm ông ngạc nhiên là cái vẻ ngạo mạn của cô ta đã biến mất. Trên khuôn mặt cô ta bây giờ là cái nhìn của kẻ bị săn đuổi. Anh người lai đưa mắt liếc nhìn ông.

- Chắc ông không biết ông Davítxon định làm gì đâu nhỉ? - Anh ta đánh bạo nói.

⁽¹⁾ Ragtime: một điệu nhạc Mỹ da đen.

- Ô, tôi không biết.

Hon hỏi ông câu ấy thật là khác thường, bởi vì chính ông cũng có ý nghĩ là nhà truyền giáo đang mạnh tâm một điều gì bí ẩn. Ông có cảm tưởng là ông ta đang chăng một cái lưới xung quanh cô kia, một cách cẩn thận, có hệ thống và bất ngờ, để khi mọi sự đã sẵn sàng sẽ giật dây, thít lại.

- Ông ấy bảo tôi nói lại với cô ta, - anh thương gia nói, - là bất cứ lúc nào nếu cô ta cần ông ấy, thì chỉ việc báo là ông ấy sẽ đến.

- Cô ta nói gì khi anh truyền lại điều ấy cho cô ta?

- Cô ta chăng nói gì cả. Tôi cũng chăng nán lại. Nói xong những điều ông ấy dặn, tôi téch ra luôn. Tôi đoán chắc cô ta phải đến phát khóc mất thôi.

- Tôi cầm chắc là sự cô đơn đang tác động lên thần kinh cô ta, - ông bác sĩ nói. - Lại còn mưa nữa, cứ một mình nó cũng đủ làm cho ai cũng phải phát khùng lên rồi, - ông cau kỉnh nói tiếp, - nó có bao giờ dứt ở cái xứ chết tiệt này không nhỉ?

- Mùa mưa thì nó kéo dài khá dai dẵng. Ở đây những ba trăm ins⁽¹⁾ nước một năm kia mà. Ông cứ để ý cái hình vịnh mà xem. Hình như nó hút hết mưa cả Thái Bình Dương vào đất.

- Mẹ cha cái vịnh, - ông bác sĩ nói.

Ông gãi gãi những nốt muỗi đốt. Ông thấy mình rất cau băn. Khi mưa tạnh và nắng lên, nó lại giống

⁽¹⁾ Một ins^o (inch) bằng 2,54cm.

như cái nhà sấy đang sôi lên, ẩm thấp, ngột ngạt, và bạn có cảm giác là mọi thứ mọc lên với vẻ hung tợn hoang dã. Dân địa phương, vốn có tiếng vui nhộn như trẻ con, lúc ấy, với những hình xăm trên người và tóc nhuộm, dường như có cái gì đó nham hiểm trên vẻ mặt; và khi họ chân đất lẹp xẹp đi ngang qua gót bạn, bất giác bạn phải quay nhìn lại. Bạn cảm thấy như bất cứ lúc nào họ cũng có thể lè làng tiến lại sau lưng bạn và xía một nhát dao dài vào bả vai bạn. Bạn không thể nói chắc những ý nghĩ đen tối nào đang ẩn đằng sau những cặp mắt mở to của họ. Họ hơi có cái dáng hình của người Ai Cập cổ đại được vẽ trên tường các đền đài; và có vẻ ghê ghê của một cái gì đó quá ư là cổ lỗ trong con người họ.

Nhà truyền giáo tới rồi lại đi. Ông đang bận, nhưng ông bà Mácphâylo không rõ ông bận việc gì. Hon bảo với ông bác sĩ là ngày nào ông ấy cũng gặp ông thống đốc, và có một lần Đavítxơn cũng nhắc đến viên thống đốc.

- Trông ông ta có vẻ đầy nhuệ khí lắm, - ông nói. - Ấy thế mà lúc đi vào vấn đề cụ thể thì ông ta cứ như người không xương sống ấy.

- Tôi cho như thế có nghĩa là ông ấy không làm đúng những gì ông muốn, - ông bác sĩ bông đùa.

Nhà truyền giáo không cười:

- Tôi muốn ông ấy làm điều phải. Lê ra không cần phải thuyết phục một con người làm điều phải mới phải.

- Nhưng cũng có thể có sự bất đồng ý kiến về việc cái gì là phải.

- Nếu một kẻ có cái chân bị hoại thư thì thử hỏi ông có kiên nhẫn được với người nào còn do dự không muốn cưa nó đi không?

- Bệnh hoại thư thì đúng là phải thế thật.

- Thế còn điều trái?

Việc làm của Davítxơn chẳng bao lâu đã lộ ra. Cả bốn người chỉ vừa mới ăn xong bữa trưa, và họ chưa kịp chia tay nhau để lui về nghỉ trưa trong cái hơi nóng đang trút lên các bà và ông bác sĩ. Davítxơn không ưa cái thói uể oải ấy. Bất thình lình cửa mở toang và cô Thômxơn bước vào. Cô ta nhìn khắp phòng và tiến lại chỗ Davítxơn.

- Đồ đê tiện, mày đã nói gì về tao với ông thống đốc? Cô ta giận dữ đến mức nói không ra hơi. Một khoảnh khắc im lặng. Rồi nhà truyền giáo kéo ghế ra.

- Cô Thômxơn, xin mời cô vui lòng ngồi xuống. Tôi vẫn hy vọng có dịp nói chuyện với cô.

- Đồ súc sinh hạ đẳng. - Cô ta phun ra một tràng chửi rủa, tục tĩu và láo xược.

Davítxơn vẫn giữ cặp mắt nghiêm nghị nhìn cô.

- Với tôi thì những lời lăng mạ có trút lên tôi chẳng ăn nhầm gì, cô Thômxơn ạ, - ông nói, - nhưng tôi lưu ý cô là còn có các bà ở đây.

Lúc này ở cô ta nước mắt đang gành nhau với con giận dữ. Mắt cô ta đỏ bừng và căng phồng như thể cô ta bị nghẹt thở.

- Chuyện gì xảy ra thế? - Bác sĩ Mácphây lơ hỏi.
- Một thằng cha vừa mới đến đây bảo rằng tôi phải đi ngay chuyến tàu tới.

Một tia sáng lóe lên trong mắt nhà truyền giáo.
Mặt ông vẫn thản nhiên.

- Cô khó mà trông mong ông thống đốc sẽ để cho cô ở lại đây trong hoàn cảnh như thế.

- Chính ông gây ra, - cô ta thét lên. - Ông đừng có phỉnh tôi. Chính ông gây ra.

- Tôi không muốn dối cô. Tôi đã thúc ông thống đốc làm một việc duy nhất đúng, phù hợp với bốn phận của ông ấy.

- Sao ông không để cho tôi yên? Tôi có làm gì hại đến ông đâu.

- Cô có thể tin chắc rằng nếu cô đã làm điều gì hại đến tôi, thì tôi sẽ là người cuối cùng phẫn uất vì chuyện ấy.

- Ông cứ nghī tôi muốn ở lại cái thị xã dở dở ương ương này đây à? Trông tôi có đến nỗi mọi rợ đâu nào?

- Nếu thế thì tôi không thấy việc gì cô phải kêu ca, - ông đáp.

Cô ta kêu lên một tiếng giận dữ không rõ lời rồi vùt chạy ra khỏi phòng. Tiếp đó là sự im lặng ngắn ngủi.

- Thật nhẹ lòng khi biết ông thống đốc rốt cuộc đã hành động, - cuối cùng Davítxơn nói. - Ông ta là

người yếu đuối và hay do dự. Ông ta nói cô kia chỉ ở đây có nửa tháng, và nếu cô đi Apia thì đã lại thuộc quyền tài phán của nước Anh rồi và chẳng còn dính dáng gì đến ông ta nữa. - Nhà truyền giáo đứng phắt dậy và bước dọc căn phòng. - Thật là quá quắt, có những người quyền lực trong tay lại cứ lẩn tránh trách nhiệm. Họ cứ làm như hễ điều tà khuất đi ngoài tầm mắt thì không còn là điều tà nữa. Bản thân cái sự tồn tại của người đàn bà ấy đã là tai tiếng, và không thể đẩy sang đảo khác là xong chuyện. Cuối cùng tôi đã phải đốp thảng cho ông ta biết.

Lông mày Davitxon hạ xuống và ông chìa cái cằm cương nghị ra. Trông ông dữ tợn và kiên quyết.

- Ông nói thế là ý thế nào?

- Sứ mạng của chúng tôi không được trọn vẹn nếu thiếu ánh hưởng của Oasinhthon. Tôi đã chỉ cho ông thống đốc thấy là sẽ chẳng hay ho gì cho ông ta, nếu có lời phàn nàn về cái cách ông điều hành công việc ở đây.

- Khi nào cô ta phải đi? - Ông bác sĩ hỏi sau giây lát ngừng lời.

- Tàu Xan Franxixcô sẽ từ Xítnây tới đây thứ ba tới. Cô ta sẽ đi tàu ấy.

Đó là quãng thời gian năm ngày. Ngày hôm sau, sau khi đến bệnh viện với mong muốn có việc gì khá hơn để làm, lúc Mácphâylo ra về đã gần hết cả buổi sáng. Anh người lai gọi ông lại khi ông bước lên cầu thang.

- Xin lỗi bác sĩ Mácphâylo, cô Thômxon đang ốm.
Ông ghé vào thăm nom cô ta được chứ?

- Tất nhiên.

Hơn dẫn ông vào phòng cô ta. Cô đang ngồi không trên ghế, chẳng đọc sách cũng không khâu vá, mắt nhìn chăm chăm ra phía trước. Cô mặc bộ đồ trắng và đội cái mũ rộng vành có vẽ hoa trên đó. Mácphâylo nhận thấy da cô vàng bung dưới lớp phấn, và mắt cô hùm hụp.

- Tôi rất tiếc khi nghe nói cô không được khỏe, - ông nói.

- Ấy không phải em ốm thật đâu. Em nói thế là vì muốn được gặp ông. Em sắp phải thu xếp lên tàu đi Xan Franxicô rồi.

Cô nhìn ông và ông thấy đột nhiên mắt cô trở nên thẳng thót. Cô mở tay ra rồi lại áp tay lại như bị co giật. Anh thương gia đứng bên cửa lắng nghe.

- Tôi biết, - ông bác sĩ nói.

Cô hơi nghẹn ngào.

- Đi Xan Franxicô lúc này thì không được thuận tiện cho em lắm. Trưa hôm qua em có đến Ông thống đốc nhưng không tài nào gặp được ông ấy. Em gặp anh thư ký, anh ta bảo em sẽ phải lên tàu và tất cả chỉ có vậy mà thôi. Em phải gặp bằng được ông thống đốc, nên em đợi ngoài cửa nhà ông ấy sáng nay, khi ông ấy ra em trình bày với ông ấy. Ông ấy không muốn nói chuyện, em chắc vậy, nhưng em không để ông ấy bứt khỏi em, cuối cùng ông ấy nói ông ấy cũng chẳng phản

đôi gì chuyện em ở lại đây cho đến khi có tàu đi Xitnây, nếu Đức cha Đavítxon ưng thuận.

Cô dừng lời và lo lắng nhìn bác sĩ Mácphâylơ.

- Tôi không rõ có thể giúp gì được cho cô, - ông nói.

- Em nghĩ chắc ông vui lòng xin giùm em. Em thế có trời soi xét là em sẽ không làm điều gì nữa, nếu ông ấy cho em ở lại. Em sẽ không ra khỏi nhà nếu ông ấy muốn. Chỉ còn không quá nửa tháng nữa thôi.

- Tôi sẽ hỏi ông ấy.

- Ông ấy không ưng thuận đâu, - Hon nói. - Ông ấy sẽ bắt cô đi vào thứ ba, cho nên cô cứ trù liệu đi là vừa.

- Ông hãy nói là em có thể tìm được việc ở Xitnây, cũng dễ thôi. Em có cầu xin gì nhiều đâu.

- Tôi sẽ làm hết sức mình.

- Rồi ông nói cho em biết kết quả ngay nhé. Em chẳng yên tâm làm nổi việc gì chừng nào cụ thể chưa rõ.

Ông bác sĩ thường không thú cái chuyện xin xỏ này lăm, nên ông dùng cách gián tiếp. Ông kể với vợ chuyện cô Thômxon và nhờ vợ nói với bà Đavítxon. Theo ông thái độ của nhà truyền giáo có vẻ quá nghiệt ngã, và nếu như cô kia có ở thêm nửa tháng nữa ở Pagô-Pagô thì cũng chẳng hại gì. Nhưng ông không trở tay kịp với cái kết quả ngoại giao của ông. Nhà truyền giáo gấp thảng ông.

- Bà Đavítxon bảo với tôi là cô Thômxon có nói chuyện với ông.

Bác sĩ Mácphâylơ bị chặn đón trực diện, có cái

về phật ý của một người rụt rè bị buộc phải ngửa bài. Ông cảm thấy mình đang nổi nóng và ông bừng đở mặt.

- Tôi chẳng thấy có gì khác nhau nếu cô ấy muốn đi Xitnây chứ không đi Xan Franxixcô, với lại một khi cô ta đã hứa là sẽ cư xử phải đạo khi còn ở đây, mà ông còn định hành hạ cô ta thì thật quá quắt lắm.

Nhà truyền giáo dồn cái nhìn nghiêm nghị vào ông.

- Tại sao cô ta lại không muốn quay về Xan Franxixcô?

- Tôi không hỏi chuyện ấy, - ông bác sĩ trả lời, pha chút khó chịu. - Mà tôi nghĩ người nào người nấy lo việc mình thì tốt hơn.

Có lẽ đây không phải là câu trả lời lịch sự cho lầm.

- Ông thống đốc đã ra lệnh trực xuất cô ta bằng con tàu nào rời đảo trước tiên. Ông ấy làm đúng nhiệm vụ của mình và tôi sẽ không can thiệp vào đó. Sự có mặt của cô ta ở đây là một hiểm họa.

- Tôi nghĩ ông quá ác nghiệt và bạo ngược.

Hai bà ngược nhìn ông bác sĩ có phần lo ngại, nhưng họ chưa phải sợ đến một cuộc cãi lộn, vì nhà truyền giáo đã mỉm cười nhã nhặn.

- Tôi vô cùng tiếc là ông đã nghĩ thế về tôi, bác sĩ Mácphâylo. Ông hãy tin vào tôi, trái tim tôi vẫn rõ máu vì người đàn bà bất hạnh ấy, nhưng tôi vẫn phải cố gắng làm tròn bổn phận của mình.

Ông bác sĩ không đáp. Ông lầm lũi nhìn ra ngoài cửa sổ. Cũng được một lần trời không mưa và bên

kia vịnh thấy rõ những túp lều của một làng bản xứ
nep mình dưới bóng cây.

- Nhân lúc này tạnh mưa, có lẽ tôi ra ngoài một
chút, - ông nói.

- Xin ông đừng cho tôi có ác tâm vì đã không thể
thỏa mãn được ý muốn của ông, - Davítxơn nói với
nụ cười buồn bã. - Tôi kính trọng ông rất nhiều, ông
bác sĩ ạ, nên tôi sẽ rất lấy làm tiếc nếu ông nghĩ xấu
về tôi.

- Tôi cầm chắc là ông có đủ quan điểm tốt về mình
để chịu được quan điểm của tôi với sự điềm tĩnh như
vậy, - ông bác sĩ bẻ lại.

- Thế thì xin chịu ông, - Davítxơn cười khùng khục.

Khi bác sĩ Mácphâylo bức bối với chính mình vì
đã sốt sàng đến nỗi hỏng việc, bước xuống cầu thang,
thì cô Thômxơn đã mở toang cửa đợi ông.

- Thế nào, - cô nói, - ông đã nói với ông ấy rồi
chứ ạ?

- Phải, tôi rất tiếc là ông ấy không chịu làm gì khác
cả, ông trả lời, bộ dạng luống cuống và không dám
nhìn cô.

Nhưng rồi ông đưa mắt nhìn nhanh cô ta, bởi lẽ
tiếng sụt sùi đã bật ra từ cô ta. Ông thấy mặt cô trắng
bệch vì sợ. Ông như bị cơn sốc. Bất chợt một ý nghĩ
lóe lên.

- Mà chưa hết hy vọng đâu, cô ạ. Người ta đối xử
với cô thế quả là tệ, để tôi đi gặp ông thống đốc xem.

- Ngay bây giờ hắn ông?

Ông gật đầu. Mắt cô rạng lên.

- Ông tốt bụng quá. Em chắc thế nào ông ấy cũng cho em nán lại, nếu có ông nói giúp. Em sẽ không làm điều gì sai phạm suốt thời gian ở đây nữa.

Bác sĩ Mácphâylo cũng khó lý giải tại sao ông đã quyết định đến xin ông thống đốc. Ông hoàn toàn đứng đúng với chuyện riêng của cô Thômxơn, nhưng nhà truyền giáo đã chọc tức ông, với tính khí như ông thì điều đó quả là khó chịu. Ông gặp ông thống đốc đang ở nhà. Ông ta người cao, đẹp mĩ, là một thủy thủ có bộ ria kiều bàn chải đánh răng màu xám; ông mặc bộ đồng phục trắng tinh.

- Tôi đến gặp ông về chuyện cái cô trợ cùng nhà với chúng tôi, - ông nói. - Tên cô ấy là Thômxơn.

- Tôi đã nghe quá đủ về cô ta rồi, bác sĩ Mácphâylo ạ - ông thống đốc mỉm cười nói. - Tôi đã ký lệnh cho cô ta đi khỏi đây vào thứ ba tuần sau, và đây là tất cả những gì tôi có thể làm.

- Tôi muốn hỏi ông không rõ ông có thể gia hạn cho cô ta ở lại đến khi chiếc tàu từ Xan Franxicô đến đây, để cô ấy có thể đi Xítnây được hay không. Tôi sẽ bảo đảm về hạnh kiểm cô ta.

Ông thống đốc vẫn mỉm cười, nhưng mắt ông thu lại nghiêm nghị.

- Giá giúp ông được thì hay biết mấy, bác sĩ Mácphâylo ạ, nhưng tôi đã ký lệnh mất rồi và nó phải được thi hành.

Ông bác sĩ cố trình bày mọi lý lẽ, nhưng đến lúc này thì ông thống đốc thôi cười hắn. Ông lầm lỳ lắng nghe, mắt nhìn ra chỗ khác. Mácphâylo hiểu là tất cả sẽ chẳng đi đến đâu.

- Tôi lấy làm tiếc là đã gây bất tiện cho một bà nào đó, nhưng dù sao bà ta cũng vẫn phải đi vào thứ ba và không còn cách nào khác được.

- Thế nhưng có gì khác nhau đâu?

- Xin lỗi bác sĩ, nhưng tôi không thấy cần phải giải thích những hành động chính thức của tôi với ai trừ những cấp có thẩm quyền.

Mácphâylo nhìn xuyên suốt ông ta. Ông nhớ lại lời nói bóng gió của Davítxon là đã dùng đến sự răn đe, và trong thái độ của ông thống đốc ông đọc thấy sự hoang mang tột độ.

- Davítxon là đồ khỉ gió chỉ thích chọc vào chuyện người khác, - ông nóng nảy nói.

- Nói riêng giữa ta với nhau, bác sĩ Mácphâylo ạ, thì tôi cũng có nhận xét không tốt đẹp lắm về ông Davítxon, nhưng tôi buộc phải thừa nhận là ông ấy đã sử dụng đúng quyền hạn để chỉ cho tôi thấy tính chất nguy hiểm mà sự có mặt của một người đàn bà tính khí kiểu cô Thômxon mang lại cho xứ này, nơi có một số binh sĩ đóng quân trong dân chúng địa phương.

Ông ta đứng dậy và bác sĩ Mácphâylo cũng dành phải làm theo.

- Tôi phải xin ông thứ lỗi cho tôi. Tôi có mắc chút

công việc. Nhờ ông chuyển lời hỏi thăm của tôi tới bà Mácphâylo.

Ông bác sĩ ỉu xiu chia tay ông thống đốc. Ông biết thế nào cô Thômxon cũng đợi ông ở nhà, và không muốn nói với cô ta là ông đã thất bại. Ông đi lối cửa sau vào nhà và rón rén lên thang như thể có điều gì lén lút.

Vào bữa ăn ông im thin thít và không được thoái mái, còn nhà truyền giáo thì vui nhộn và sôi nổi. Bác sĩ Mácphâylo thầm đoán rằng mắt ông kia đang chĩa vào ông với sự phẫn khởi đắc thắng. Ông giật mình biết rằng Davítxon đã tỏ tường việc ông đến thăm ông thống đốc và cái kết cục không đạt của chuyến đi.

Nhưng làm sao ông ta lại nghe được chuyện đó nhỉ? Có cái gì đó ma quái trong quyền năng của con người này. Sau bữa ăn ông thấy Hon ngoài hiên, và làm như thể sắp nói chuyện phiếm với anh ta, ông bước ra ngoài.

- Cô ấy muốn biết là ông đã gặp ông thống đốc chưa, - anh thương gia nói nhỏ.

- Tôi đã gặp rồi. Ông ấy không thể làm gì khác được nữa. Tôi vô cùng tiếc, nhưng tôi cũng không thể làm gì hơn được.

- Tôi cũng đoán biết sự thế sẽ như vậy. Họ không dám làm trái ý các cha truyền giáo đâu.

- Các vị đang nói chuyện gì thế? - Ông Davítxon niềm nở bước ra nhập cuộc.

- Tôi đang bảo là các ông chẳng có hy vọng gì đi

Apina được, ít ra là một tuần nữa, - anh thương gia liền thoáng nói.

Anh ta bỏ đi, còn hai ông thì trở lại phòng khách.

Ông Davítxon vẫn dành một tiếng sau bữa ăn để nghỉ ngơi. Ông có tiếng gõ cửa rụt rè.

- Xin mời vào, - bà Davítxon cất giọng the thé.

Cửa vẫn không mở. Bà đứng dậy ra mở cửa. Mọi người trông thấy cô Thômxon đang đứng bên ngưỡng cửa. Sự thay đổi trong diện mạo cô ta quả là khác thường. Đầu còn cái dáng điệu chưng diện xác xược vẫn cười nhạo họ bên đường, trước mặt họ là một người đàn bà thiểu não, hốt hoảng. Mái tóc, xưa nay vốn được chải chuốt cẩn thận, xõa bù xù xuống cổ. Cô đi đôi dép lê, mặc váy và cái áo cánh. Quần áo đã cũ bẩn. Cô đứng ở cửa, nước mắt chảy dài trên mặt và không dám bước vào phòng.

- Cô muốn gì? - Bà Davítxon hỏi xăng.

- Em muốn nói chuyện với ông Davítxon có được không? - Cô nói giọng nghẹn ngào.

Nhà truyền giáo đứng dậy và đi lại phía cô.

- Cô Thômxon, mời cô cứ việc vào. - Ông nói vể thân ái. - Tôi có thể giúp gì được cho cô?

Cô ta vào phòng.

- Em xin lỗi ông vì những lời đã nói ngày hôm trước và vì... vì mọi cái khác nữa. Có lẽ em hơi nóng nảy. Em xin ông tha lỗi cho.

- Ô có hề gì đâu. Lưng tôi cũng đủ rộng để hứng chịu dăm câu nặng lời mà!

Cô ta bước lại phía ông bằng động tác cực kỳ khum núm.

- Ông đã trị em đến nơi đến chốn rồi. Em chịu thua ông rồi. Ông đừng bắt em phải về Xan Franxixcô nữa nhé?

Phong thái ân cần của ông biến đi và giọng ông đột nhiên trở nên cứng rắn và nghiêm khắc.

- Tại sao cô lại không muốn quay về nơi ấy?

Cô ta co rúm người lại trước mặt ông.

- Chắc người thân kẻ thuộc của em còn ở đấy. Em không muốn họ trông thấy em như thế này. Em sẽ đi bắt cứ nơi nào khác tùy ông định.

- Tại sao cô không muốn quay về Xan Franxixcô?

- Em đã nói với ông rồi.

Ông vươn người về phía trước nhìn chằm chằm vào cô ta, cặp mắt lớn và sáng của ông dường như muốn khoan vào nội tâm của cô. Bất thình lình ông há rộng miệng.

- Trại cải tạo!

Cô bỗng kêu to, rồi ngã xuống chân ông, tay ôm chặt lấy bắp chân ông.

- Đừng bắt em phải về đấy. Có Chúa Trời soi xét, em thề với ông em sẽ làm một người phụ nữ tốt. Em xin chừa từ nay.

Cô ta bật trào ra một tràng những lời nài xin thiếu mảnh lạc, và nước mắt tuôn chảy trên đôi má đâng phấn. Ông cúi xuống cô ta, nâng mặt cô lên, buộc cô phải nhìn vào ông.

- Cô phải vào trại cải tạo phải không?
- Em phải trốn cho nhanh trước khi bọn chúng lân ra! - Cô ta thở hổn hển. - Nếu bọn cớm tóm được em thì phải ba năm tù mất thôi.

Ông thả tay đang giữ cô ta ra và cô ta rủ xuống thành một đống trên sàn, sụt sùi, bi ai. Bác sĩ Mácphâylo đứng dậy.

- Chuyện này làm thay đổi toàn bộ vấn đề, - ông nói. - Ông không thể bắt cô ấy quay về khi đã biết rõ chuyện. Hãy cho cô ấy một cơ hội hối cải nữa. Cô ấy muốn làm lại cuộc đời.

- Tôi đang có ý cho cô ấy một cơ hội tốt nhất mà cô ấy có được. Nếu cô ấy hối cải thì cứ để cô ấy chấp nhận hình phạt.

Cô Thômxon hiểu làm câu nói và ngược nhìn lên. Một tia hy vọng ánh lên trong đôi mắt mòng mọng của cô.

- Ông cho em ở lại?

- Không. Cô sẽ lên tàu về Xan Franxixcô vào thứ ba.

Cô ta rên lên khiếp hải và òa thành thứ tiếng rền rĩ khản đặc khó có thể cho là tiếng người. Cô dí đầu thùm thụp xuống đất. Bác sĩ Mácphâylo chạy bỗ đến và nâng cô dậy.

- Thời nào, cô chớ có làm thế. Cô nên đi về phòng và nằm nghỉ đi thì hơn. Tôi sẽ kiểm cái này cho cô.

Ông nâng cô đứng dậy và nửa kéo, nửa bế đưa cô

Cô ta bước lại phía ông bằng động tác cực kỳ khum núm.

- Ông đã trị em đến nơi đến chốn rồi. Em chịu thua ông rồi. Ông đừng bắt em phải về Xan Franxixcô nữa nhé?

Phong thái ân cần của ông biến đi và giọng ông đột nhiên trở nên cứng rắn và nghiêm khắc.

- Tại sao cô lại không muốn quay về nơi ấy?

Cô ta co rúm người lại trước mặt ông.

- Chắc người thân kẻ thuộc của em còn ở đây. Em không muốn họ trông thấy em như thế này. Em sẽ đi bất cứ nơi nào khác tùy ông định.

- Tại sao cô không muốn quay về Xan Franxixcô?

- Em đã nói với ông rồi.

Ông vươn người về phía trước nhìn chăm chăm vào cô ta, cặp mắt lớn và sáng của ông dường như muốn khoan vào nội tâm của cô. Bất thình lình ông há rộng miệng.

- Trại cải tạo!

Cô bỗng kêu to, rồi ngã xuống chân ông, tay ôm chặt lấy bắp chân ông.

- Đừng bắt em phải về đây. Có Chúa Trời soi xét, em thề với ông em sẽ làm một người phụ nữ tốt. Em xin chùa từ nay.

Cô ta bật trào ra một tràng những lời nài xin thiếu mảnh lạc, và nước mắt tuôn chảy trên đôi má đânh phấn. Ông cúi xuống cô ta, nâng mặt cô lên, buộc cô phải nhìn vào ông.

- Cô phải vào trại cải tạo phải không?
- Em phải trốn cho nhanh trước khi bọn chúng lẩn ra! - Cô ta thở hổn hển. - Nếu bọn cớm tóm được em thì phải ba năm tù mất thôi.

Ông thả tay đang giữ cô ta ra và cô ta rũ xuống thành một đống trên sàn, sụt sùi, bi ai. Bác sĩ Mácphâylo đứng dậy.

- Chuyện này làm thay đổi toàn bộ vấn đề, - ông nói. - Ông không thể bắt cô ấy quay về khi đã biết rõ chuyện. Hãy cho cô ấy một cơ hội hối cải nữa. Cô ấy muốn làm lại cuộc đời.

- Tôi đang có ý cho cô ấy một cơ hội tốt nhất mà cô ấy có được. Nếu cô ấy hối cải thì cứ để cô ấy chấp nhận hình phạt.

Cô Thômxon hiểu lầm câu nói và ngược nhìn lên. Một tia hy vọng ánh lên trong đôi mắt mòng mọng của cô.

- Ông cho em ở lại?

- Không. Cô sẽ lên tàu về Xan Franxixcô vào thứ ba.

Cô ta rên lên khiếp hãi và òa thành thứ tiếng rền rít khản đặc khó có thể cho là tiếng người. Cô dí đầu thùm thụp xuống đất. Bác sĩ Mácphâylo chạy bỗ đến và nâng cô dậy.

- Thôi nào, cô chớ có làm thế. Cô nên đi về phòng và nằm nghỉ đi thì hơn. Tôi sẽ kiểm cái này cho cô.

Ông nâng cô đứng dậy và nửa kéo, nửa bế đưa cô

xuống cầu thang. Ông thấy điên tiết với bà Đavítxơn và vợ ông vì cả hai bà không ai chịu nhúc nhích đỡ một tay. Anh người lai đang đứng ở đầu cầu thang chạy lại giúp ông bế cô lên giường. Cô vẫn kêu khóc than vãn rên rỉ. Cô gần như mất hết trí giác. Ông tiêm một liều dưới da cho cô. Người ông nóng bừng và mệt lử khi ông bước lên cầu thang.

- Tôi đã đặt cô ấy nằm nghỉ.

Hai người đàn bà và Đavítxơn vẫn ở nguyên cái tư thế như lúc ông rời họ. Họ không động đậy cũng chẳng nói chăng rằng từ khi ông ra ngoài đến giờ.

- Tôi đang đợi ông, - Đavítxơn nói bằng một giọng xa xăm, lạ tai. - Tôi muốn tất cả các vị cùng tôi cầu nguyện cho linh hồn của người chị em lâm lõi của chúng ta.

Ông cầm lấy quyển Kinh thánh trên giá và ngồi xuống cái bàn mà họ đã ăn cơm. Nó chưa được dọn sạch. Ông đẩy ấm trà sang một bên dọn để lấy chỗ.

Bằng chất giọng khỏe, vang và sâu lắng, ông đọc lên cái chương mô tả việc Chúa Giêxu Crixtô gặp người đàn bà bị bắt vì ngoại tình⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Khi người đàn bà ngoại tình được đưa đến trước Chúa Giêxu, mọi người hỏi Chúa xem có thi hành hình phạt ném đá như tập quán vẫn làm hay không. Chúa Giêxu đáp: Ai là kẻ không có tội trong đám các ngươi thì hãy đứng ra trước tiên ném đá vào kẻ kia. Chúng sinh lần lượt thoái lui sau khi đã tự vấn lương tâm. Chúa mới quay lại bảo người đàn bà: Ta không kết án ngươi, hãy đi và đừng mắc thêm tội nữa (St. John, 8.3.11).

- Bây giờ hãy quỳ xuống cùng với tôi và chúng ta sẽ cầu nguyện cho linh hồn người chị em thân thiết của chúng ta, Xađi Thômxơn.

Ông cất tràng cầu nguyện kéo dài và nhiệt thành, trong đó ông cầu xin Chúa Trời hãy rủ lòng thương người đàn bà tội lỗi. Bà Mácphâylơ và bà Davítxon quỳ xuống, mắt nhắm lại. Ông bác sĩ bị bắt ngờ, đâm lúng túng khó xử, cũng quỳ xuống. Lời cầu nguyện của nhà truyền giáo có một vẻ hùng biện man dã. Ông ta xúc động khác thường. Khi ông tụng kinh, lệ chảy trên má ông. Bên ngoài, cơn mưa tàn nhẫn vẫn rơi, rơi dai dẳng, với một vẻ tai quái dữ dằn quá đỗi như của con người.

Cuối cùng ông ngừng lại. Ông nghỉ một lát rồi nói:

- Bây giờ chúng ta sẽ nhắc lại kinh lạy Đức Chúa.

Họ tụng kinh rồi sau đó, bắt chước ông, họ từ từ thế quỳ đứng dậy. Mặt bà Davítxon nhợt nhạt và thư thái. Bà thấy dễ chịu và tĩnh tại trong lòng, còn ông bà Mácphâylơ bỗng cảm thấy e dè. Họ không biết nhìn đi đâu nào.

- Tôi xuống dưới nhà xem cô ấy ra sao, - bác sĩ Mácphâylơ nói.

Khi ông gõ cửa phòng cô ta thì Hon ra mở cửa. Cô Thômx ơn đang ngồi trên ghế xích đu, khe khẽ sụt sùi.

- Cô đang làm gì thế kia? - Mácphâylơ thốt lên, - Tôi đã bảo cô đi nằm nghỉ cơ mà.

- Em không thể nằm nghỉ được. Em muốn gặp ông Davítxơn.

- Cô bé con tội nghiệp của tôi ơi, cô tưởng thế là đắc sách đấy hả? Cô không bao giờ lay chuyển được ông ta đâu.

- Ông ấy nói là ông ấy sẽ đến nếu em yêu cầu.

Mácphäuser ra hiệu cho anh thương gia.

- Anh đi gọi ông ấy vào đây.

Ông cùng cô im lặng chờ đợi trong khi anh thương gia lên gác. Davítxơn đi vào.

- Tha lỗi cho em đã cầu ông xuống đây, - cô ta nói, râu ria nhìn Davítxơn.

- Tôi đoán thế nào cô cũng cho gọi tôi. Tôi biết Đức Chúa sẽ đáp lại lời cầu nguyện của tôi.

Họ chăm chăm nhìn nhau trong chốc lát rồi cô Thomxon quay đi. Mắt cô luôn láng tránh khi cô nói.

- Từ trước đến giờ em vẫn là người đàn bà hư. Em muốn ăn năn.

- Tạ ơn Chúa Trời! Tạ ơn Chúa Trời! Người đã thấy rõ lời cầu nguyện của ta.

Ông quay sang hai người đàn ông.

- Để tôi một mình với cô ấy. Bảo bà Davítxơn là lời nguyện cầu của chúng ta đã được đáp lại rồi nhé.

Họ đi ra và khép cửa lại sau lưng.

- Ông ta cù quá, - anh thương gia nói.

Dêm đó bác sĩ Mácphäuser không tài nào ngủ được cho mãi đến khuya, và khi ông nghe tiếng chân

bước lên gác cửa nhà truyền giáo thì ông nhìn đồng hồ. Đã hai giờ đêm. Ấy thế mà ông ta vẫn chưa lên giường ngay, vì qua tấm vách gỗ ngăn hai phòng bác sĩ Mácphâylo còn nghe thấy ông ta đọc kinh thành tiếng, mãi đến khi chính bản thân ông, vì mệt lử ngủ thiếp đi.

Khi Mácphâylo gặp ông ta sáng hôm sau, ông phải sững sốt vì diện mạo của nhà truyền giáo. Ông ta còn nhợt nhạt hơn trước, trông mệt mỏi, nhưng mắt ông ta sáng lên một ngọn lửa kỳ quái, như thể ông ta đang tràn trề một niềm vui không ghìm được.

- Tôi muốn ông xuống dưới ấy bây giờ mà xem cô Xađi, - ông ta nói. - Tôi không dám hi vọng là phần xác của cô ta tốt hơn, nhưng phần hồn của cô ta thì... thì biến đổi hẳn.

Ông bác sĩ cảm thấy bâi hoài và nóng nảy.

- Đêm hôm qua ông ở dưới ấy với cô ta rất khuya, - ông nói.

- Phải, tôi mà rời cô ấy thì cô ấy không chịu đựng được.

- Trông ông vui sướng như hội ấy nhỉ, - ông bác sĩ cất giọng bừng bức.

Mắt Đavítxơn sáng lên ngây ngất.

- Lượng cả bèle trên đã ban xuống cho tôi. Đêm qua tôi được đặc ân đưa một linh hồn lầm lạc về với vòng tay bác ái của Chúa Giêxu.

Cô Thômxơn lại ngồi trên ghế xích đu. Cái giường vẫn chưa được thu xếp. Căn phòng bừa bộn.

Cô ta cũng chẳng buồn ăn bận gì hơn ngoài cái áo váy mặc ở nhà đã bẩn, tóc cô quấn thành một búi lôi thôi lêch thêch. Cô lau mặt qua quít bằng khăn ướt, nó sưng mọng và nhăn nheo vì khóc nhiều. Trông cô thật nhéch nhác.

Cô ngược đồi mắt đờ đẫn lên khi ông bác sĩ bước vào. Cô đang sợ hãi và thiếu náo.

- Ông Davítxơn đâu rồi, - cô hỏi.

- Nếu cô cần ông ấy, ông ấy sẽ đến ngay bây giờ,

- Mácphâylo đáp lại một cách lạnh lùng. - Tôi vào đây xem cô ra sao.

- Ô, em cho là mình vẫn khỏe. Ông khỏi phải lo lắng chuyện ấy.

- Cô đã ăn uống gì chưa?

- Anh Hora đã đem cho em ít cà phê.

Cô ta hồi hộp nhìn ra cửa.

- Ông tính, ông Davítxơn có xuống ngay không nhỉ? Em cảm thấy không đến nỗi khủng khiếp lắm khi có ông ấy bên cạnh.

- Cô vẫn sửa soạn đi vào thứ ba đấy à?

- Vâng, ông ấy bảo phải thế. Nhờ ông bảo ông ấy xuống đây ngay đi. Ông chẳng giúp ích gì cho em được cả. Chỉ có mình ông ấy là có thể giúp em lúc này được thôi.

- Được lắm, - bác sĩ Mácphâylo nói.

Trong ba ngày tiếp sau nhà truyền giáo dành gần như toàn bộ thời gian của ông cho cô Xađi Thômxơn.

Ông chỉ nhập cuộc với mọi người vào bữa ăn. Bác sĩ Mácphâylo nhận thấy ông ta ăn uống một cách khó nhọc.

- Ông ấy dạo này trông rạc đi, - bà Davítxon nói một cách thương cảm. - Ông ấy đến gần mất, nếu không biết giữ gìn, ấy thế mà ông ấy chẳng biết quý thân mình gì cả.

Còn chính bà thì trắng nhợt ra. Bà kể với bà Mácphâylo là bà không ngủ được. Mỗi khi nhà truyền giáo từ phòng cô Thômxon lên nhà, ông còn đọc kinh cho đến lúc mệt lừ, ngay cả khi ấy ông cũng không ngủ lâu. Một hai tiếng sau ông lại đã dậy mặc quần áo và đi cuốc bộ đọc vịnh. Ông có những giấc mơ lạ lùng.

- Sáng nay ông ấy bảo tôi là đã mơ thấy núi non miền Nêbraxca⁽¹⁾. - Bà Davítxon kể lại.

- Lạ nhỉ, - bác sĩ Mácphâylo nói.

Ông nhớ là đã trông thấy chúng qua cửa sổ xe lửa khi đi xuyên nước Mỹ. Chúng giống như những đụn đất khổng lồ chuột trui đùn lên, tròn và nhẵn, và chúng mọc lên đột ngột giữa đất bằng. Bác sĩ Mácphâylo nhớ là nó đã gây cho ông ấn tượng như bộ ngực đàn bà.

Ngay cả đối với Davítxon, việc ông không nghỉ ngơi tí nào như thế cũng quá sức chịu đựng. Nhưng ông đang nhổ bật tận gốc những dấu vết cuối cùng

⁽¹⁾ Nêbraxca: một bang miền trung nước Mỹ.

của tội lỗi còn ẩn náu nơi góc lòng người đàn bà đáng thương kia. Ông đọc kinh cùng với cô ta và cầu nguyện cùng với cô ta.

- Thật tuyệt vời, - một buổi kia ông nói với họ trong bữa ăn tối. - Một cuộc tái sinh thực sự. Linh hồn cô ta, trước đen như bóng đêm, giờ đã trong sạch và trắng như tuyết mới. Tôi cảm thấy hèn mọn và e ngại. Sự hồi cải về mọi tội lỗi của cô ấy thật là đẹp. Tôi không xứng đáng động đến viên áo cô ấy.

- Ông còn lòng dạ nào đòi cô ta quay về Xan Franxixcô nữa không? - Ông bác sĩ nói. - Ba năm trong nhà tù Mỹ. Tôi thiết tưởng chắc ông phải cứu cô ta thoát cảnh ấy.

- Ô nhưng ông không thấy à? Điều đó là cần thiết. Ông cứ nghĩ là tim tôi không rò máu vì cô ấy hay sao? Tôi yêu cô ấy như yêu vợ, yêu chị, yêu em tôi. Suốt quãng thời gian cô ấy ở tù tôi sẽ chịu mọi nỗi đau mà cô ấy phải chịu.

- Nói dối, - ông bác sĩ không kìm được thốt lên.

- Ông không hiểu vì ông mù. Cô ấy làm lỗi thì phải gánh chịu. Tôi hiểu cô ấy sẽ phải chịu đựng nhiều. Cô ấy sẽ bị bỏ đói, bị đánh đập và bị nhục mạ. Tôi muốn cô ấy chấp nhận hình phạt của người đời như một sự hy sinh dâng lên Chúa Trời. Tôi muốn cô ấy chấp nhận nó một cách vui vẻ. Cô ấy có được một cơ hội mà ít người trong chúng ta được phú cho. Đức Chúa Trời lòng lành và bao dung vô cùng!

Giọng Davítxon run run vì xúc động. Khó khăn

lắm ông mới nhận được rành mạch những câu những lời đang xô nhau nói trên môi.

- Cả ngày tôi cầu nguyện với cô ấy, khi rời cô ấy rồi tôi lại cầu nguyện, tôi cầu nguyện bằng tất cả tình thần và sức lực, đặng Chúa Giêxu có thể ban lượng cả xuống cho cô ấy. Tôi muốn truyền vào lòng cô ấy một mong muốn nhiệt thành được chịu sự trừng phạt sao cho đến phút chót, cho dù tôi có cho cô ấy được tự do, cô ấy sẽ vẫn khước từ. Tôi muốn cô ấy cảm được rằng hình phạt tù dày cay đắng là sự hậu tạ mà cô ấy đặt dưới chân Đức Chúa thiêng liêng, người đã bỏ mình cho cô ấy.

Ngày tháng trôi đi chậm chạp. Toàn bộ mọi người trong nhà, chú tâm vào người đàn bà khổn khổ đang bị dằn vặt dưới gác, đều sống như một nạn nhân sửa soạn chờ ngày làm cái lẽ tê đã man suy tôn thần tượng đẫm máu. Sự kinh khiếp làm cô đại hấn đi. Cô không thể nào chịu đựng nổi sự vắng mặt của Davítxon, chỉ có khi nào ông ở bên cạnh cô mới lấy được can đảm. Cô bám riết lấy ông với một sự quy phục nô lệ. Cô than khóc nhiều, cô đọc Kinh thánh, rồi cầu nguyện. Đôi lúc cô lá đi và đờ đẫn. Lúc đó quả thực cô mong mỏi con thử thách đọa dày, bởi lẽ hình như nó mở ra một lối, trực tiếp và cụ thể, thoát khỏi nỗi thống khổ mà cô đang phải chịu đựng. Cô không tài nào chống chịu được với những sự khủng khiếp mơ hồ đang tấn công. Cô gác sang một bên mọi sự phù hoa cá nhân và cô lê bước trong phòng, đầu

óc rỗi bù, thân hình nhêch nhác trong bộ áo vát lòe loẹt. Cô không thay bộ đồ ngủ đã mặc bốn ngày nay, cũng không đi tất. Phòng cô bừa bãi rác rưởi. Trong lúc ấy mưa rơi với sự dai dẳng tàn ác. Đáng lý trời phải cạn nước rồi mới phải, thế mà mưa vẫn trút xuống thẳng băng và nặng hạt, lặp đi lặp lại đến phát điên lên trên mái tôn. Mọi cái đều ẩm ướt và nhớp nhúa. Mốc trên tường và trên đồi ủng đặt dưới sàn. Suốt những đêm mất ngủ lũ muỗi vo ve điệu ca giận dữ của chúng.

- Giá tạnh mưa lấy một ngày thì không đến nỗi tồi tệ thế này, - bác sĩ Mácphâylo nhận xét.

Mọi người đều mong ngóng cho đến thứ ba khi chiếc tàu đi Xan Franxicô từ Xitnây tới. Sự căng thẳng lên đến tuyệt độ. Về phần bác sĩ Mácphâylo, lòng thương hại và sự bức dọc của ông đều bị tiêu tan bởi niềm mong muốn thoát khỏi người đàn bà bất hạnh kia. Cái không tránh khỏi phải được chấp nhận. Ông cảm thấy sẽ dễ thở hơn khi con tàu nhổ neo. Xadi Thômxon sẽ được một thầy ký trong công sở ông thống đốc đi kèm trên tàu. Người này đã lại nhà tối hôm thứ hai và bảo cô Thômxon sẵn sàng vào mười một giờ sáng hôm sau, Đavítxon cũng đang ở đấy với cô ta.

- Tôi sẽ lo để mọi thứ được xong xuôi. Tôi có ý muốn đích thân lên tàu với cô ấy.

Cô Thômxon không nói gì.

Khi bác sĩ Mácphâylo thổi tắt ngọn nến và chui

vào màn một cách cẩn thận, ông thở dài một tiếng nhẹ nhõm.

- Chà, lạy trời mọi sự thế là xong. Bằng giờ này ngày mai cô ta đã đi rồi.

- Bà Davitxon cũng sê vui mừng đấy nhé. Bà ấy nói ông chồng gây rắc rối đi như cái bóng, - bà Mácphâylo nói.

- Thế là thành ra một người đàn bà khác rồi.

- Ai cơ?

- Xa đỗi. Có bao giờ em nghĩ là điều ấy có thể xảy ra được đâu. Nó làm người ta thấy mình nhỏ mọn đi.

Bác sĩ Mácphâylo không đáp, lúc này ông đã thiếp đi. Ông mệt rã người, nên ngủ say hơn bình thường.

Ông bị đánh thức dậy vào buổi sáng bởi một bàn tay đặt lên cánh tay ông. Mở mắt ra ông thấy Hon ở cạnh giường. Anh thương gia đặt ngón tay lên mồm để ngăn trước bất kỳ lời thốt ra nào của bác sĩ Mácphâylo và ra ý bảo ông ra ngoài. Thường ngày anh ta mặc cái quần vải thô đã sờn, nhưng lúc này anh đi chân đất và chỉ mặc độc mỗi cái khổ *Java-Java* của thổ dân. Anh ta đột nhiên trông man dã hắn lên. Bác sĩ Mácphâylo thấy người anh ta xăm chằng chịt. Hon ra hiệu bảo ông đi ra ngoài hiên. Bác sĩ Macsphâylo đứng dậy khỏi giường và theo anh ta ra.

- Ông đừng gây tiếng động nhé, - anh ta nói thì

thào. - Người ta đang cần ông, ông mặc áo và đi giày vào đi. Nhanh lên.

Thoạt tiên bác sĩ Mácphâylo cứ nghĩ là có chuyện xảy ra với cô Thômxon.

- Chuyện gì thế, tôi có phải mang đồ nghề đi không?

- Mau lên ông, mau lên mới được.

Bác sĩ Mácphâylo mò vào phòng ngủ, khoác tấm áo mưa ra ngoài bộ pygama, và đi đôi giày đế cao su. Ông cùng anh thương gia rón rén xuống thang gác. Cửa ra đường đã mở và có khoảng nửa tá thổ dân đang đứng ở đấy.

- Chuyện gì thế? - Ông bác sĩ nhắc lại.

- Ông cứ đi với tôi, - Hon nói.

Anh ta bước ra ngoài cổng, ông bác sĩ theo sau. Dân địa phương đi đằng sau thành một cụm nhỏ. Họ sang đường và đi ra bãi biển. Ông bác sĩ thấy một nhóm thổ dân đứng xúm xít xung quanh một vật gì đó ở ngoài mép nước. Họ đi gấp, khoảng hai chục yát, và dân địa phương tản ra mở đường cho ông bác sĩ. Anh thương gia đẩy ông về phía trước. Thế là ông trông thấy: nằm nửa dưới nước và nửa trên cạn là một vật khủng khiếp - thi thể ông Đavítxon. Bác sĩ Mácphâylo cúi xuống, ông không phải là người mất bình tĩnh trong những trường hợp khẩn cấp, - ông lật cái thi thể lại. Cỗ họng bị khía từ tai này đến tai kia, trong bàn tay phải vẫn còn lưỡi dao cạo, công cụ để làm cái việc kia.

- Người ông ấy đã lạnh rồi, - bác sĩ nói. - Chắc ông ấy chết đã lâu.

- Một thằng bé trông thấy ông ấy nằm đây lúc nó đang trên đường đi làm, vừa mới đây thôi, thế là nó đến báo tôi biết. Ông có nghĩ là chính ông ấy tự gây ra không?

- Vâng. Phải cho người đi gọi cảnh sát mới được.

Hon nói câu gì đó bằng tiếng địa phương, và hai thanh niên chạy đi.

- Ta phải để ông ấy ở đây cho đến khi cảnh sát đến, - ông bác sĩ nói.

- Họ không được đem ông ấy về nhà tôi. Tôi không cho để ông ấy ở trong nhà tôi được.

- Anh sẽ làm cái mà chính quyền ra lệnh, - ông bác sĩ đáp xẳng. - Thực ra tôi cho là họ sẽ đem ông ấy vào nhà xác.

Họ đứng đợi một chõ. Anh thương gia lấy một điếu thuốc từ khe nếp trên khố lava-lava của mình và đưa một điếu khác cho bác sĩ Mácphâylo. Họ vừa hít, vừa nhìn chăm chú vào cái xác. Bác sĩ Mácphâylo không tài nào hiểu được.

- Ông nghĩ tại sao ông ấy lại làm thế nhỉ? - Hon hỏi.

Ông bác sĩ nhún vai. Chỉ trong chốc lát cảnh sát địa phương đã đến, dưới sự chỉ huy của một lính thủy đánh bộ, với một cái cảng, và ngay sau đó là hai sĩ quan hải quân và một bác sĩ hải quân. Họ điều hành mọi việc một cách tháo vát.

- Thế còn bà vợ thì sao nhỉ? - Một viên sĩ quan hỏi.

- Bây giờ các ông đã đến thì tôi sẽ quay lại nhà mặc thêm quần áo. Tôi thấy sự việc này quá choáng váng đối với bà ấy. Tốt hơn là đừng để bà ấy trông thấy cho đến khi nào ông ấy được xếp đặt ngay ngắn lại ít nhiều.

- Tôi cũng thấy nên thế, - ông bác sĩ hải quân nói.

Khi Mácphâyld về tới nhà thì vợ ông đang sửa soạn mặc quần áo.

- Bà Đavítxon đang hoảng lên vì ông chồng, - bà nói ngay khi ông vừa hiện ra. - Ông ấy không về ngủ suốt cả đêm. Bà ấy nghe tiếng ông chồng ra khỏi phòng cô Thômxon lúc hai giờ đêm, nhưng ông ấy đi ra ngoài. Nếu ông ấy còn đi dạo từ ấy đến giờ thì cầm chắc là chết rồi.

Bác sĩ Mácphâyld kể lại sự việc đã xảy ra và bảo đem tin vào cho bà Đavítxon.

- Nhưng sao ông ấy lại làm thế nhỉ? - Bà hỏi vẻ mặt kinh hãi.

- Anh không biết.

- Nhưng em không làm nổi đâu. Em không đủ sức đâu.

- Em phải vào bảo.

Bà đưa mắt sợ hãi nhìn ông và đi ra. Ông nghe thấy tiếng bà vào phòng bà Đavítxon. Ông đợi một phút lấy lại sức và sau đó bắt tay vào cạo râu rửa mặt. Khi đã mặc quần áo chỉnh tề ông ngồi xuống giường đợi vợ. Cuối cùng bà đi vào.

- Bà ấy muốn được trông thấy chồng, - bà nói.
- Người ta đã đem ông ấy vào nhà xác. Chúng mình sẽ đi cùng với bà ấy vậy. Bà ấy phản ứng ra sao?
- Em nghĩ là bà ấy băng hoàng cả người. Bà ấy không khóc nhưng run lên như tàu lá.
- Ta đi ngay thôi.

Sau khi họ gõ cửa, bà Davítxon bước ra. Mặt bà nhợt nhạt, nhưng mắt vẫn khô. Đối với ông bác sĩ thì hình như bà ta điểm tĩnh một cách khác thường.

Không trao đổi lời nào, họ xuất phát, im lặng suốt dọc đường. Khi đến nhà xác, bà Davítxon mới nói:

- Để mình tôi vào trông ông ấy.

Họ đứng sang một bên. Một người địa phương mở cửa cho bà ta và lại đóng lại sau lưng bà. Ông bà Mácphâylo ngồi xuống đợi. Một hai người da trắng tới và khe khẽ giọng hỏi chuyện ông. Bác sĩ kể cho họ nghe những điều ông biết về sự việc bi thảm này. Sau cùng cửa lại khẽ khàng mở và bà Davítxon đi ra. Im lặng trùm lên họ.

- Tôi sẵn sàng về nhà được rồi, - bà nói.

Giọng bà rắn đanh và đều đẽu. Bác sĩ Mácphâylo không tài nào hiểu được cái nhìn ở mắt bà. Khuôn mặt nhợt nhạt của bà trông rất nghiêm. Họ chậm chạp đi về nhà, không nói lấy một lời, cuối cùng họ đi quanh khúc đường cong mà phía bên kia là tới nhà. Bà Davítxon há hốc miệng và trong khoảnh khắc họ đứng sững lại. Một âm thanh khó tin ập vào tai

họ. Cái máy hát im tiếng dễ từ lâu lăm nay lại đang chơi điệu ragtaimơ to và khàn.

- Chuyện gì thế? - Bà Mácphâylo kêu lên khùng khiếp.

- Ta cứ đi, - bà Đavítxơn nói.

Họ bước lên cầu thang và vào phòng khách. Cô Thômxơn đang đứng ở cửa buồng của cô, tán dóc với một anh thủy thủ. Một sự thay đổi đột ngột đã diễn ra ở cô. Cô ta không còn cái dáng điệu lao dịch khiếp sợ của những ngày vừa qua. Cô ta vận bộ trang phục diêm dúa, áo dài trắng, đôi ống cao bóng nhoáng trên đó bắp chân mập của cô phình ra trong đôi tất vải, tóc cô được chải chuốt cẩn thận, và cô đội chiếc mũ to tướng hoa hoét lòe loẹt. Mặt cô được đánh phấn, lông mày đen sẫm rõ nét, đôi môi đỏ chót. Cô ta ưỡn thăng người lên. Cô ta lại mang cái vóc dáng lẳng lơ trưng diện mà họ đã từng trông thấy hồi đầu. Khi họ đi vào, cô ta phá lên tiếng cười to cợt nhạo, và sau đó, khi bà Đavítxơn vô tình dừng lại, cô ta thu nước bọt trong môi và nhổ toẹt ra. Bà Đavítxơn co người lại về phía sau, hai đốm đỏ đột ngột nổi lên trên má bà. Rồi, lấy tay che mặt, bà vùng người chạy nhanh lên thang gác.

Bác sĩ Mácphâylo nổi giận. Ông án úi cô ta vào buồng.

- Cô đang làm cái trò khỉ gì thế? - Ông quát lên. - Tắt ngay cái máy chết tiệt kia đi.

Ông tiến lại cái máy và giật mạnh cái đĩa ra. Cô ta quay lại phía ông.

- Nay, bác sĩ, thôi ngay cái kiểu dấm dở ấy đi.
Ông làm cái mẹ gì trong phòng tôi thế?

- Cô nói cái gì vậy? - Ông quát lên, - cô nói cái gì vậy?

Cô ta đã dồn hết sức lực lại. Không lời nào diễn
tả nổi biểu hiện khinh bỉ hay nỗi căm giận pha lẫn sự
coi thường mà cô ta trút vào câu trả lời:

- Đồ đàn ông các ông? Các ông là lũ lợn bẩn thỉu,
nhơ nhớp! Các ông cùng một giuộc thế cả, tất cả các
ông. Lũ lợn! Lũ lợn!

Bác sĩ Mácphây lơ dở người ra. Ông đã hiểu.

MỤC LỤC

* <i>Giên</i>	5
* <i>Chàng Đỏ</i>	49
* <i>Chuyến du lịch mùa đông</i>	87
* <i>Kẻ hường lạc</i>	119
* <i>Một người có lương tâm</i>	147
* <i>Bất khuất</i>	183
* <i>Lốt sư tử</i>	230
* <i>Sự sa ngã của Etuôt Banot</i>	270
* <i>Người coi giáo đường</i>	329
* <i>An đường đường</i>	342
* <i>Chuỗi hạt</i>	384
* <i>Mưa</i>	396

S. Maugham

MƯA

Người dịch: NGUYỄN VIỆT LONG



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du – Hà Nội

Tel & Fax: 8.222.135

E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Phan Hách

Chịu trách nhiệm bản thảo:

Phạm Sóng Hồng

Biên tập: *Phòng VHNN*

Trình bày bìa: *STARBOOKS*

Sửa bản in: *Kim Xuân*

In 700 cuốn (khoảng 13 x 19 cm). Tại Công ty CP in Anh Việt.

Số đăng ký KHXB: 28 - 2007/CXB/109 - 01/HNV.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2007.

S. MAUGHAM

NHỮNG TÁC PHẨM
KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

Mưa

STAR BOOKS



GIÁ 55.000đ